

ARTHUR RANSOME

CHIM ÉN & AMAZON

MÙA HÈ TRÊN HOANG ĐẢO

ĐỒI CAO

ĐỒI CAO

HOLLY
HOWE



NÔNG TRẠI
DIXON



BONY
MORS

VỊNH
NHÀ BÈ

VỊNH CÁ MẬP



ĐẢO
MÈO HOANG



RỪNG

NAM
CỰC

ĐẢO CHIM CỐC

MIEL G. dịch

ĐỒI CAO



vctvegroup

ARTHUR RANSOME

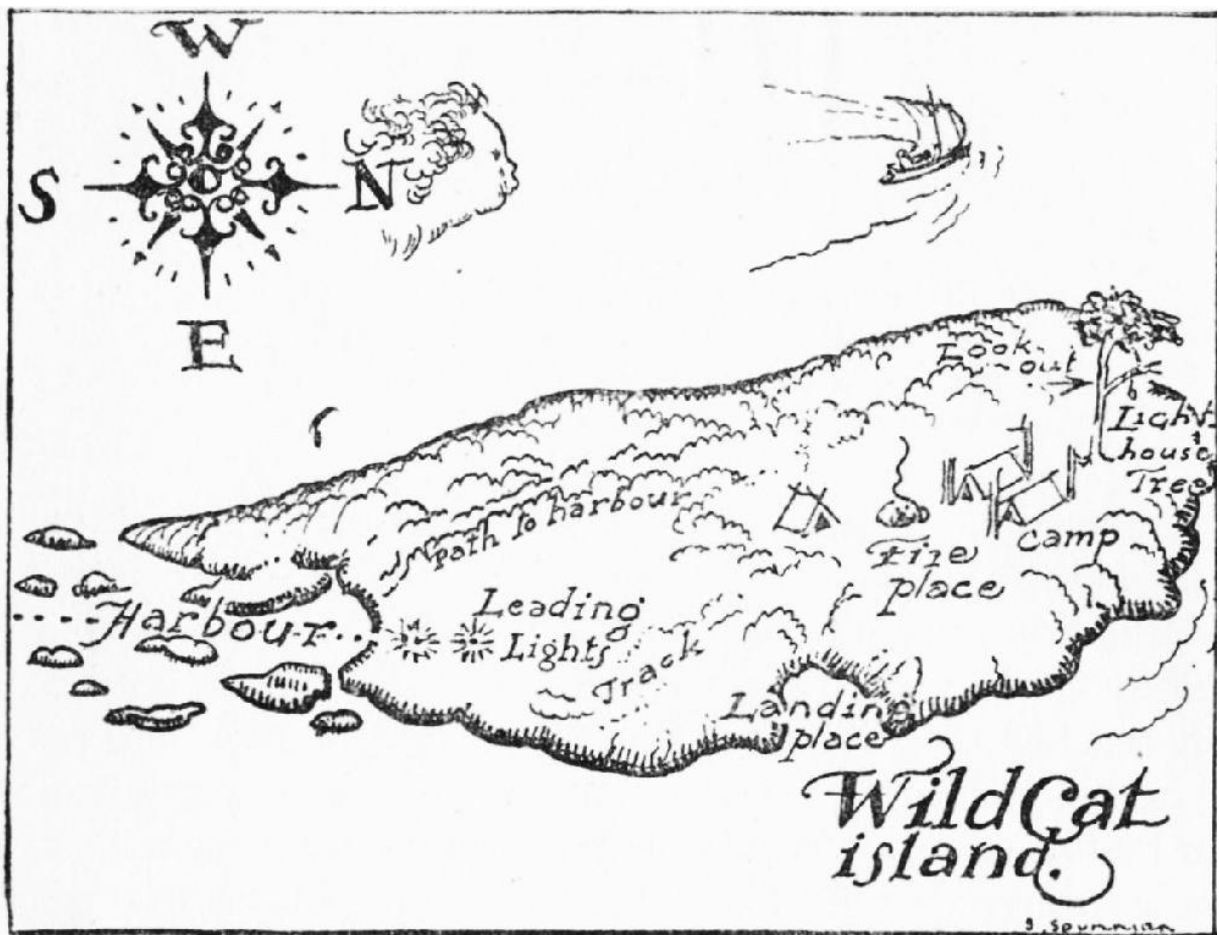
Chim Én & Amazon - Mùa Hè Trên Hoang Đảo

Người dịch: MIEL G.

Phát hành: Nhã Nam
Nhà xuất bản Hội Nhà Văn 2016

CUỐN SÁCH NÀY VIẾT TẶNG SÁU ĐỨA
ĐỂ ĐỔI LẤY MỘT ĐÔI DÉP LÊ





1

Mỏm Darien

“Như Cortez lực lưỡng, mắt chim ưng
Nhìn Thái Bình Dương trong lặng yên
Thủy thủ đoàn nhìn nhau ngơ ngác
Lặng lẽ đứng trên mỏm Darien.”

Roger, bảy tuổi, cũng không còn là con út ít trong nhà nữa, chạy qua chạy lại thành đường chữ chi rộng, băng qua cánh đồng dốc chạy từ hồ lên Holly Howe, là nông trại mà cả nhà ở trọ một thời gian trong những kỳ nghỉ hè. Thằng bé chạy cho đến khi gần sát mé bờ rào bên lối đi, rồi quành lại chạy tiếp đến gần bờ rào bên kia cánh đồng. Đoạn nó quay đầu chạy băng qua cánh đồng lần nữa. Cứ mỗi lượt băng đồng như thế nó lại đến gần nông trại hơn. Gió thổi ngược hướng thằng nhỏ, nên nó chạy vát lách gió mà đến nông trại, mẹ nó đang nhẫn nại chờ bên cổng. Nó không dám đầu chạy ngược gió được vì nó đang là thuyền buồm mà, một con thuyền buồm ba cột buồm tên là *Cutty Sark*. Sáng nay John anh trai nó mới bảo rằng tàu chạy bằng hơi nước chỉ là những cỗ máy trong mấy cái hộp thiếc. Buồm mới ngon, và vì thế, dù là mất nhiều thời gian hơn, nhưng Roger vẫn đi ngược lên cánh đồng theo những đường chữ chi dài.

Khi đến gần mẹ thì Roger nhìn thấy mẹ đang cầm trong tay một bì thư đỏ và mẫu giấy trắng, một bức điện tín. Nó biết ngay đây là gì. Trong một thoáng nó muốn chạy ù đến chỗ mẹ. Nó biết điện tín chỉ có thể là từ bố thôi, và bức điện tín này hẳn là để trả lời lá thư mẹ gửi, và cả những bức thư của John, Susan, Titty và của nó nữa, tất cả đều xin một chuyện, nhưng theo nhiều cách khác nhau. Thư của nó thì ngắn cùn. “Bố ơi, bố, cho cả con nữa, nhé? Yêu bố lắm ạ. Roger.” Thư của Titty thì dài hơn nhiều, dài hơn cả thư của John. Susan, dù lớn hơn Titty, nhưng chị không viết riêng một thư gì cả. Chị chỉ để tên mình cùng tên John vào cuối thư

anh ấy, thế là hai anh chị gửi chung một thư thôi. Thư của mẹ là dài nhất, nhưng Roger không biết mẹ nói gì trong thư. Tất cả các bức thư được gửi đi cùng một lượt, gửi đi xa lắm, đến tay bố, thuyền của bố đang neo lại Malta nhưng mà đang theo lệnh đi đến Hong Kong. Và kia, trong tay mẹ, là chiếc bì thư màu đỏ đem về câu trả lời. Trong một thoáng nó chỉ muốn chạy bỏ đến mẹ. Nhưng buồm mới là quan trọng, không phải hơi nước, nên nó lại tiếp tục tiến đến theo hình chữ chi, có lẽ là phải đâm đầu vào gờ gió hơn một chút. Cuối cùng nó đâm thẳng vào cơn gió, di chuyển mỗi lúc một chậm hơn, rồi dừng lại bên mẹ, lùi lại, rồi chồm tới hơi xóc một tí, thả neo, và cập cảng.

“Phải câu trả lời không mẹ?” Roger hớn hển, hụp hết cả hơi sau cả đổi chạy ngược gió. “Bố có bảo được không ạ?”

Mẹ mỉm cười, rồi đọc lớn bức điện:

THÀ CHẾT CHÌM CÒN HƠN LÀM THẲNG NGỐC
NẾU KHÔNG NGỐC THÌ ĐÂU CÓ CHÌM.

“Thế nghĩa là được ạ?” Roger hỏi.

“Mẹ nghĩ là thế.”

“Nghĩa là cả con nữa phải không ạ?”

“Ừ, nếu John với Susan chịu đem con theo cùng, với điều kiện con hứa là anh chị bảo làm gì thì con phải nghe.”

“Hoan hô,” Roger hét oang, nhảy cẫng lên, trong một chốc quên bém mình là con tàu, đang neo trong bến cảng bình yên.

“Anh chị con đâu rồi?” mẹ hỏi.

“Ở Darien ấy ạ,” Roger đáp.

“Ở đâu?”

“Trên mỏm ấy mà mẹ. Titty gọi thế đấy. Từ trên ấy bọn con nhìn thấy được hòn đảo đấy nhé.”

Phía dưới nông trại Holly Howe cánh đồng đổ dốc xuống một con vịnh nhỏ có một cái nhà thuyền cùng càu tàu. Nhưng hồ nước thì bị che khuất gần hết không thấy được, do hai bên bờ vịnh đều có doi đất cao. Một lối đi từ nông trại xuyên qua cánh đồng xuống nhà thuyền. Giữa lưng chừng

cánh đồng là cánh cồng, và từ cồng này lại có một đường mòn khác dẫn thẳng vào rừng thông bao doi đất cao hơn ở mạn Nam. Con đường mòn ngay sau đấy cắt mất chẳng dẫn đến đâu, nhưng ngay đêm đầu tiên đến đây, cách nay hai tuần, lũ trẻ đã tìm được đường đi xuyên qua khu rừng để đến được đầu kia doi đất, ở đấy doi đất đổ dốc xuống hồ như vách đá. Đứng trên đỉnh doi đất lũ trẻ trông ra mặt nước mênh mang len lỏi qua những cụm đồi thấp về phía Nam rồi luồn lách lên những cụm đồi cao cao phía Bắc, đến đấy thì cả bọn chẳng nhìn thấy được gì nữa. Và chính lúc ấy, lần đầu tiên lũ trẻ đứng trên vách đá mà nhìn ra hàng dặm dài những nước là nước, thì Titty đã đặt cho nơi này một cái tên. Con bé đã được nghe đọc bài thơ này ở trường, rồi quên tuốt hết trừ hình ảnh những nhà thám hiểm nhìn ra Thái Bình Dương lần đầu tiên. Con bé gọi doi đất đó là Darien. Lũ trẻ đã dựng trại trên đỉnh cao nhất của doi đất, và Roger đã bỏ mọi người lại nơi ấy mà len qua rừng cây ra đến ngoài đồng, rồi trông thấy mẹ ngay cồng, nên nó bắt đầu hành trình về nhà.

“Con có muốn chuyển câu trả lời cho anh chị không?”

“Và nói với anh chị là con cũng được phép nữa hả mẹ?”

“Ừ. Con phải đưa bức điện cho John. John phải thấy rằng các con không phải đói khờ.”

Mẹ bỏ bức điện vào trong phong bì đỏ, rồi đưa cho Roger. Mẹ hôn nó, khi nó đang còn neo đấy, rồi mẹ bảo, “Ăn tối lúc bảy rưỡi, không được trễ một phút đâu đấy, với lại nhớ là khi vào nhà các con đừng làm Vicky thức giấc đấy.”

“Vâng thưa thuyền trưởng,” Roger vừa đáp vừa thoăn thoắt hai tay kéo mở neo. Nó quay đầu lại, và bắt đầu chạy vát xuống cánh đồng, vừa đi vừa nghĩ xem mình nên báo tin bằng cách nào đây.

Mẹ bật cười.

“Oĩ thuyền ơi!” mẹ gọi.

Roger dừng phắt, quay nhìn lui.

“Hồi nãy lúc chạy ngược lên đồng con đã đi ngược gió rồi mà,” mẹ bảo. “Còn bây giờ thì gió xuôi chiều chứ. Con không cần phải chạy vát cả hai chiều đâu.”

“Ừ nhỉ,” Roger nói, “đuôi thuyền không có gió. Con là thuyền buồm dọc. Con có thể căng ngang buồm, mỗi bên một buồm.” Nó dang hai tay ra

làm buồm, rồi chạy thẳng xuống cánh đồng đến cánh cổng dẫn vào rừng thông.

Khi chạy hết cánh đồng, sắp vào rừng thì Roger thôi không làm thuyền buồm nữa. Chẳng ai lại dong buồm đi qua rừng thông được. Nó đã thành nhà thám hiểm, bị cả đoàn bỏ lại sau, nên phải lần theo dấu vết của đoàn xuyên qua khu rừng, đồng thời phải cảnh giác cao độ quan sát xung quanh phòng khi bị một tên mọi nào đó nấp sau thân cây bắn cho mũi tên tẩm độc. Nó lặn lội xuyên rừng lên đến đỉnh doi đất. Cuối cùng nó cũng ra khỏi rừng cây mà đến một khoảng đất trống nho nhỏ chỉ toàn đá tảng trơ trụi cùng cây thạch nam. Đây là mỏm Darien. Quanh đây toàn là cây, nhưng xuyên qua đó ta có thể thấy ánh lấp lánh sáng chói của mặt hồ. Một đồng lửa nhỏ đang tí tách trong hố đắp bằng đá. John đang nhóm lửa. Susan đang phết bánh mì với mứt cam. Titty, ngồi giữa hai cây sát rìa vách đá trên hồ, cầm tù trên hai đầu gối co lên, vừa canh gác vừa ngắm nhìn hòn đảo.

John ngược lên trông thấy bức điện. Cậu nhảy đứng phắt dậy.

“Điện tín hả?” cậu hỏi.

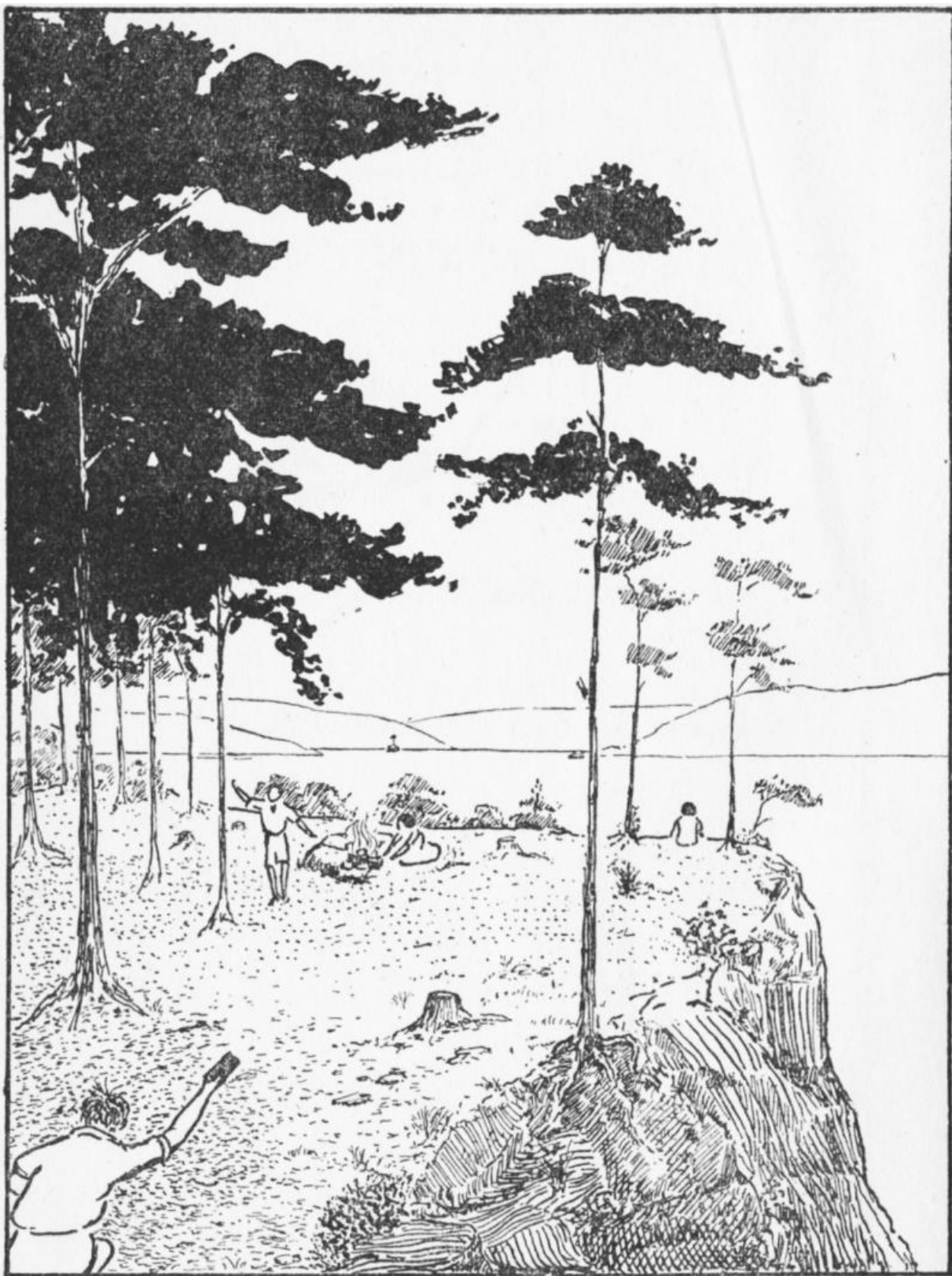
“Là lời đáp đấy,” Roger trả lời. “Trả lời là được, cho cả em nữa, nếu em nghe lời, và nếu anh với chị Susan chịu dẫn em theo. Mà nếu em được thì cả Titty cũng phải được luôn.”

John cần lấy bức điện. Titty lồm cồm ngồi dậy, chạy bổ đến. Susan cần con dao có mứt bên trên bánh mì để không rơi rớt chút mứt nào, nhưng cô bé đã ngừng tay. John mở phong bì, lấy ra mảnh giấy màu trắng.

“Đọc lớn lên đi,” Susan bảo.

John đọc:

THÀ CHẾT CHÌM CÒN HƠN LÀM THẲNG NGỐC
NẾU KHÔNG NGỐC THÌ ĐÂU CÓ CHÌM.



ĐIỆN TÍN

“Hoan hô bố!” cậu gào lên.

“Thế nghĩa là gì kia?” Susan hỏi.

“Nghĩa là được,” Titty đáp.

“Nghĩa là bố nghĩ bọn mình sẽ không đứa nào chết chìm cả đâu và nếu mà có đứa nào chìm thì cũng đáng đời,” John giải thích.

“Nhưng ngốc nếu không ngốc là sao?” Susan hỏi.

“Có phải thế đâu,” Titty bảo. “Bức điện nói rằng nếu bọn mình ngốc thì thôi cứ chết chìm đi cho đáng kiếp. Câu đó ngừng rồi nói tiếp rằng bọn mình không ngốc...”

“Nếu chứ,” John xen vào.

“Nếu chúng ta không ngốc thì sẽ chẳng chìm đâu.”

“Bố viết thế để an ủi mẹ thôi mà,” Susan phán. Cô bé lại tiếp tục phết mứt.

“Bọn mình khởi hành ngay nào,” Roger đề nghị, nhưng ngay lúc đó ấm nước sôi réo lên. Ấm nước đã lục ục nãy giờ rồi, nhưng giờ thì nó cứ kêu xèo xèo liên tục, và một tia hơi nước dài từ vòi ấm phụt ra. Nước đang sôi. Susan nhấc ấm nước khỏi đồng lửa rồi dốc một túi trà nho nhỏ vào ấm.

“Mà gì thì tối nay mình cũng không khởi hành được đâu,” cô bé bảo. “Thôi uống trà đi, rồi mình sẽ lập danh sách những thứ mình cần.”

“Tụi mình ra ngoài uống trà ở chỗ nhìn thấy hòn đảo đi,” Titty nói.

Bọn nhỏ mang theo cốc cùng ấm nước và đĩa thiếc chắt những lát bánh mì nâu dày cộp phết mứt ra đến rìa vách đá. Hòn đảo nằm cách đây chừng một dặm về phía Nam thấp hơn, cây cối trên đảo soi bóng trên mặt nước sáng loáng như gương. Cả bọn ngắm nghía hòn đảo này mười ngày nay rồi, nhưng bức điện tín đã khiến cho hòn đảo còn gần gũi đời thực hơn bao giờ hết. Từ trên Mỏm của Titty nhìn xuống trong đêm cái hôm cả nhà đến nông trại mà mẹ thuê, chúng đã thấy hồ nước như một vùng biển ăn vào đất liền. Và trên hồ nước ấy chúng nhìn thấy hòn đảo. Cả bốn anh chị em tức thì có cùng một ý nghĩ. Đây không chỉ là hòn đảo. Đây chính là hòn đảo ấy, đang chờ đợi cả bọn. Là đảo của chúng. Với một hòn đảo như thế ngay trong tầm mắt, ai lại cam chịu sống trên đất liền và đêm đến ngủ trên giường cơ chứ? Bọn trẻ đã về nhà kể cho mẹ nghe phát hiện của mình, rồi nài nỉ cả gia đình rời nông trại ngay ngày hôm sau, mà đến cắm trại trên đảo kia vĩnh viễn. Nhưng mà còn có bé Vicky, em bé mập ú, như ảnh của

Nữ hoàng Victoria khi về già, cần đủ thứ. Mẹ chẳng thể đưa Vicky cùng vú em đến cắm trại trên những hòn đảo hoang dù có tuyệt diệu đến mức nào đi nữa. Cũng không thể để cả bọn tự đi, nếu chưa được bố cho phép. Và mặc dù John và Susan đều giỏi đi đâu khiến thuyền buồm, nhưng Titty và Roger thì chỉ mới học lái thuyền buồm khi bố về phép một năm trước. Trong nhà thuyền bên dưới nông trại có *Chim Én*, một chiếc thuyền buồm, nhỏ xíu thôi, với cả một chiếc thuyền chèo to nặng nữa. Nhưng ai đã từng đi đâu khiến thuyền buồm rồi thì chẳng muốn chèo nữa đâu. Nếu như không có đảo điếc, không có thuyền buồm thuyền biếc gì hết, và nếu hồ không rộng đến vậy thì chắc chắn là lũ trẻ đã vui vẻ mà khua chèo khuấy nước trong con vịnh gần nhà thuyền. Nhưng với một hồ nước to gần như vùng biển nhỏ, rồi chiếc xuồng dài cả bốn thước với cánh buồm nâu đang chờ trong nhà thuyền, cùng hòn đảo nhỏ rợp cây đang đợi những nhà thám hiểm, thì dường như chẳng còn gì đáng để nghĩ đến ngoài một chuyến hải trình khám phá.

Thế là thư từ được viết rồi gửi đi, ngày qua ngày lũ trẻ đóng trại trên mỏm Darien vào ban ngày, ban đêm thì ngủ trong nông trại. Lũ trẻ cũng có đi thuyền chèo cùng mẹ đấy chứ, nhưng chúng luôn chèo đi hướng khác để không đi sang hòn đảo kia trước để rồi làm hỏng mất hành trình khám phá. Nhưng khi thư đi rồi thì dường như mỗi ngày trôi qua khả năng có được câu trả lời cứ vơi dần. Hòn đảo chừng như đã biến thành cái nơi chốn nhìn thấy từ trên chuyến tàu, nó thuộc về một cuộc sống mà ta sẽ không bao giờ dự phần vào. Thế mà giờ đây, bỗng nhiên, mọi chuyện hóa hiện thực. Cuối cùng hòn đảo sẽ là của cả bọn. Lũ trẻ được phép tự sử dụng thuyền buồm. Được phép dong buồm ra khỏi cái vịnh nhỏ kín gió, đi vòng qua mũi đất, và tiến thẳng ra hồ đến đảo. Chúng được phép cập vào đảo, và sống trên đấy cho đến khi phải thu dọn mà về nhà, về lại thị trấn cùng trường lớp bài vở. Tin tức này diệu vợi đến mức khiến chúng trở nên nghiêm trang. Cả bọn lẳng lặng ăn bánh mì phết mứt. Viễn cảnh trước mắt chúng thật mênh mông đến nỗi không thể bàn tán được thành lời. John đang nghĩ đến việc dong buồm, băn khoăn không rõ mình có thực sự nhớ hết những gì đã học được từ năm ngoái hay chẳng. Susan thì nghĩ đến lương thực cùng việc bếp núc. Titty thì nghĩ đến hòn đảo, đến san hô, châu báu và những dấu chân trên cát. Roger nghĩ đến việc mình sẽ không bị bỏ lại sau. Lần đầu tiên nó thấy được chuyện không còn là đùa út trong nhà nữa mới thật hay

ho biết bao. Bây giờ Vicky mới là em út. Vicky phải ở nhà thôi, còn Roger, một trong thủy thủ đoàn, sẽ được dong buồm đi vào một thế giới bí ẩn.

Rốt cuộc thì John cũng lấy trong túi quần ra tờ giấy cùng mẫu bút chì.

“Bọn mình thảo bản giao kèo thuyền thôi,” cậu bảo.

Chúng đã ăn sạch bánh mì với mứt, nên John lật úp đĩa xuống, trải tờ giấy lên trên đáy đĩa, nằm ép bụng xuống đá. Cậu viết:

“Thuyền buồm *Chim Én*. Cảng: Holly Howe. Chủ thuyền...”

“Chủ là ai nhỉ?”

“Mà ngả nào con thuyền cũng thuộc quyền sở hữu của chúng ta hết kỳ nghỉ này cơ mà,” Susan nói.

“Anh sẽ ghi ‘Hãng Walker’ đại diện cho cả bọn.”

Cậu viết, “Chủ thuyền: Hãng Walker.” Dưới đây cậu ghi:

“Thuyền trưởng: John Walker.

Thuyền phó: Susan Walker.

Thuyền viên: Titty Walker.

Bố tàu: Roger.”

“Rồi,” cậu bảo, “mấy đứa phải ký hết vào ngang với tên mình.” Cả bọn ký vào.

“Nào, cậu thuyền phó,” John nói.

“Có em,” Susan lạnh lợi đáp lại.

“Cậu nghĩ chúng ta nên sẵn sàng nhổ neo lúc nào?”

“Ngay đợt gió đầu tiên ạ.”

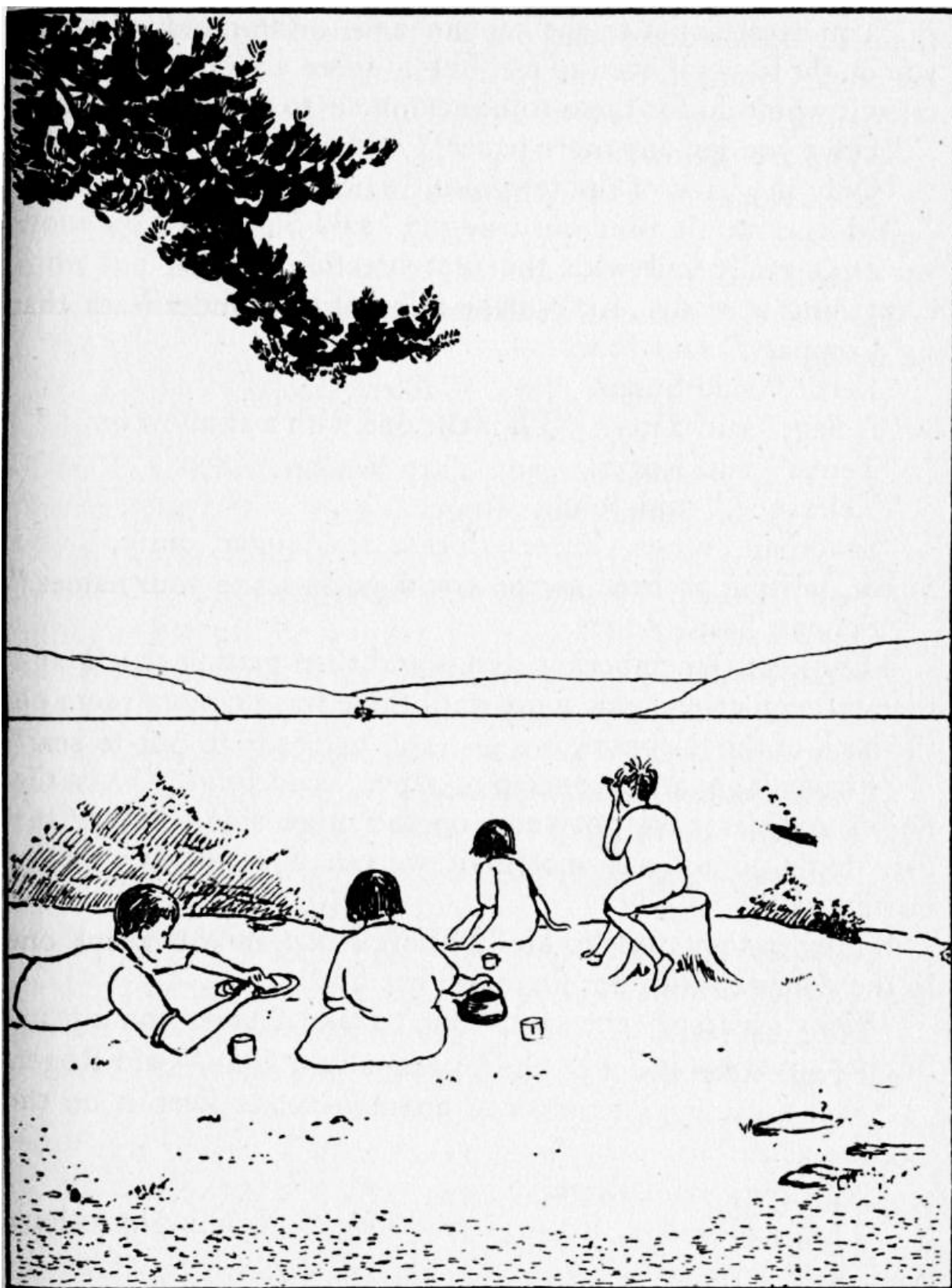
“Cậu thấy thủy thủ đoàn thế nào?”

“Là đội giỏi nhất mà em từng được đi cùng rồi đây ạ.”

“Mọi người bơi được không?”

“Thuyền viên Titty bơi được. Bố Roger vẫn còn thông một chân chạm đáy.”

“Cậu ta phải học chứ.”



SOẠN THẢO GIẤY TỜ CHO THUYỀN

“Có phải lúc nào em cũng chạm một chân xuống đáy đâu,” Roger lên tiếng.

“Chú phải học ngay không hề chạm chân xuống đáy kia.”

“Được thôi,” Roger đáp.

“Sai bét rồi Roger,” Titty bảo. “Em phải đáp lại là, ‘Vâng thưa thuyền trưởng!’ chứ.”

“Hầu như lần nào em cũng trả lời vậy mà,” Roger nói, “em vừa trả lời thế với mẹ đấy.”

“Em phải trả lời như vậy với thuyền trưởng và thuyền phó. Có lẽ em còn phải trả lời vậy với chị nữa cơ, nhưng mà vì thủy thủ đoàn chỉ có hai người nên gọi nhau là sếp thì không hợp lý.”

“Anh còn tờ giấy nào không?” Susan hỏi.

“Chỉ có mặt sau bức điện tín thôi,” John đáp.

“Tụi mình dùng chắc mẹ chẳng la đâu,” Susan bảo. “Anh biết thật ra tụi mình sẽ không lên đường ngay đợt gió đầu tiên được đâu, phải đến khi mọi thứ sẵn sàng đã. Mình lập danh sách các thứ đi.”

“La bàn,” John nói.

“Ấm nước,” Susan bảo.

“Cờ,” đến phiên Titty. “Em sẽ làm một chiếc có hình chim én trên ấy.”

“Lầu,” Roger lên tiếng.

“Kính viễn vọng,” John thêm.

“Chảo, cốc, dao, nĩa, trà, đường, sữa,” Susan vừa nói vừa hí hoáy hết cỡ.

“Muỗng,” Roger thêm vào.

Cả bọn cứ cố nhớ vật dụng rồi bí, rồi lại nhớ ra được vài món nữa cho đến khi mặt sau bức điện chẳng còn chỗ trống nào.

“Anh chả còn mảnh giấy nào nữa đâu,” John nói. “Cả mặt kia bản giao kèo thuyền cũng có danh sách rồi. Thôi dẹp cái danh sách đi. Bọn mình đi hỏi mẹ xem mình có được dùng chìa khóa nhà thuyền không.”

Nhưng khi cả bọn về đến nông trại Holly Howe thì mẹ đã đứng chờ ngoài lối cửa với ngón tay đặt trên môi.

“Vicky đang ngủ,” mẹ bảo. “Đi vào đừng làm ồn nhé. Bữa tối vừa mới xong.”

2

Chuẩn bị hành trang

“Sá gì loại giường êm lông ngỗng,
Khăn trải giường mềm mại rũ quanh?
Vì đêm nay ngủ giữa đống hoang lạnh
Cùng những người di gan đi loanh quanh!”

Bản giao kèo thuyền, dù là quan trọng thật, nhưng cũng chỉ là một phần nhỏ xíu trong việc chuẩn bị hành trang cho một chuyến hải hành khám phá. Còn cả khối việc nữa phải làm. May quá, mẹ đã sắp làm xong mấy cái lều. Ngay sau khi chúng gửi mấy bức thư đi thì mẹ cho rằng nếu cuộc thám hiểm đảo được phép thì sẽ cần đến lều, còn nếu không được phép thì dùng lều cắm trại trên bờ cũng tốt chán. Thế là mẹ mua vài bộ mỏng rồi ngày ngày bắt tay vào may lều, trong lúc bé Vicky ú ớ nằm ngủ còn mấy đứa kia câu cá ngoài nhà thuyền hay là cắm trại trên mỏm Darien. Tối đó, khi thuyền trưởng John và thuyền phó Susan theo chân các thuyền viên của mình đi ngủ thì mẹ may xong cả hai cái lều.

Sáng ra, sau bữa điểm tâm, John cùng Susan, có mẹ phụ một tay, Titty đứng quan sát, còn Roger thì làm vương tay vương chân mọi người, dựng một trong hai túp lều lên giữa hai cây to trong vườn ở nông trại Holly Howe. Mấy cái lều này thuộc loại đơn sơ nhất. Mỗi lều có tấm bạt hình tam giác làm lưng. Phần lưng được may vào hai bên hông, một đoạn thùng thật chắc được khâu vào vải bên trong để tạo thành gờ của nóc lều. Hai đầu đoạn thùng được buộc vào hai cây to, để căng lều lên. Không cần cọc lều gì cả. Dọc mép chân lều ở cả phần lưng lẫn hai bên hông có những túi to, để chèn đầy đá vào. Trên nền đất sỏi, nơi ta không thể đóng chốt lều xuống, thì đây quả là một kế hoạch hay. Phía trước lều là hai vạt lều phấp phồng may vào hai bên hông lều, để cuộn lên mở lối đi và cột lại bằng hai dải băng như mấy điểm cuốn mép buồm trên cánh buồm.

“Đáng lý ra,” John bảo, “chúng ta không được mang theo lều. Chúng ta phải dùng cánh buồm mà dựng lều bằng cách vắt buồm ngang qua trục buồm để làm rãnh nóc, rồi dùng hai cặp chèo chống nó lên, mỗi đầu một cặp. Nhưng mà một lều thì không đủ rộng còn để dựng hai lều thì ta phải cần đến tám mái chèo với hai tấm buồm, mà buồm to đấy nhé. *Chim Én* chỉ có một buồm nhỏ, với hai mái chèo thôi. Cho nên mấy cái lều này hợp lý hơn nhieu.”

“Hai cái lều này cũng tốt lắm trừ trường hợp gió to thôi,” mẹ bảo. “Bố mẹ thường ngủ trong một túp lều thế này thời bố mẹ còn trẻ ấy.”

Titty nghiêm trang nhìn mẹ.

“Mẹ già lắm sao ạ?” con bé hỏi.

“Ừm, không già lắm,” mẹ đáp, “nhưng khi đấy thì mẹ trẻ hơn bây giờ.”

Mẹ có mua hai tấm trải vuông vức loại không thấm nước, mỗi lều một tấm. Chúng trải một tấm ra bên trong căn lều vừa được dựng thử.

“Mấy đứa phải chú ý,” mẹ dặn, “giữ cho mép tấm trải lọt bên trong lều, bằng không trời mà mưa thì các con sẽ thấy mình nằm ngủ trong vũng nước ngay.”

Mọi người chen nhau vào trong lều rồi ngồi xuống. Titty mượn Vicky ú từ tay vú em, rồi đem cả con bé vào trong. Susan ngồi trong lều đưa tay đóng vạt lều lại.

“Chúng ta như đang ở đâu ấy nhỉ,” Titty bảo.

“Lều tới dựng lều thì chúng ta đã ở trên đảo rồi,” John nói.

“Thế còn nệm thì sao?” mẹ hỏi

“Thảm ạ,” thuyền trưởng John đáp.

“Vậy không đủ,” mẹ nói, “trừ phi mấy đứa muốn giống như cô nàng bỏ trốn đi cùng đám dân di gan khố rách áo ôm rồi qua đời vì bị cảm lạnh.”

“Bài hát có bảo thế đâu ạ,” Titty cãi lại. “Chỉ nói là cô ấy không màng thôi mà.”

“Thế à, rồi chuyện gì xảy đến nếu Không Màng nào?”

“Kết cục rất xấu ạ,” Roger đáp.

“Bị cảm lạnh là một kết cục rất xấu khi đi cắm trại đấy, nhất là trên hòn đảo hoang,” mẹ nói. “Không được, chúng ta phải nhồi vài túi rơm cho mấy con làm chỗ ngủ thôi. Nếu các con đặt túi rơm lên trên tấm trải rồi

nằm lên đấy, rồi cuộn người trong thảm cùng chần, thì các con sẽ không hề hấn gì đâu.”

Thuyền trưởng John đang nóng lòng muốn thử cho thuyền *Chim Én* dong buồm.

“Tụi mình xuống cảng kiểm tra thuyền một lượt nào,” cậu bảo. “Giờ bọn con được phép đưa thuyền ra, phải không mẹ?”

“Ừ. Nhưng mẹ muốn đi cùng mấy đứa trong lần đầu này.”

“Thì đi nào mẹ. Đi. Mẹ có thể là nữ hoàng Elizabeth lên thuyền tại Greenwich đang chuẩn bị đi sang Ấn Độ.”

Mẹ bật cười.

“Mẹ không có tóc đỏ cũng chẳng sao đâu ạ,” Titty nói.

“Được rồi,” mẹ nói, “nhưng mẹ nghĩ ta phải để Vicky lại với vú em thôi.”

Vậy là mọi người chui ra khỏi lều. Vicky ú được giao lại cho vú, và nữ hoàng Elizabeth bước xuống nhà thuyền cùng thuyền trưởng John của thuyền buồm *Chim Én*, cùng thuyền phó Susan, thuyền viên Titty và bãi tầu Roger, thằng bé này đã cầm đầu chạy trước cùng chiếc chìa khóa to tướng để mở cửa nhà thuyền.

Nhà thuyền xây bằng đá, dọc mỗi vách tường bên trong là dải con ke hẹp, cuối nhà thuyền là cầu tầu nho nhỏ thò ra ngoài hồ.

Roger đã mở toang cửa vừa khi mọi người đến nơi, dù cậu nhỏ đã phải chật vật lắm với ổ khóa hoen gỉ. Nó đã vào hẫ bên trong rồi, đang nhìn xuống con thuyền *Chim Én*. *Chim Én* là chiếc thuyền buồm được đóng để đi quanh cửa sông cạn, nơi đáy cát lúc triều rút thì lộ chông chênh. Đa số thuyền buồm có tấm xiêm, là những tấm ván ta có thể hạ xuống qua sống thuyền, giúp cho thuyền đi ngược gió được vững vàng hơn. *Chim Én* không có tấm nào, nhưng lại có sống thuyền sâu hơn khá khá so với sống thuyền trên hầu hết các loại thuyền bé khác. Thuyền cỡ đâu chừng bốn mét đến bốn mét rưỡi, bệ ngang khá rộng. Cột buồm nằm trong thuyền, và bên cạnh đấy, được cuốn lại gọn ghẽ, là trục căng, là sào cùng cánh buồm, và đôi mái chèo ngắn. Tên của thuyền, *Chim Én*, được sơn phía đuôi thuyền.

Thuyền trưởng John cùng thủy thủ đoàn trù mển ngắm nhìn con thuyền. Đây đã là thuyền của cả đội rồi.

“Bọn con nên đưa thuyền ra ngoài rồi nhanh nhanh chạy đến cầu tàu trong lúc dựng cột buồm lên,” nữ hoàng Elizabeth bảo. “Nếu dựng cột buồm khi thuyền còn nằm trong này thì các con sẽ không đưa thuyền ra ngoài được đâu. Xà nhà này thấp quá.”

Thuyền trưởng John lên thuyền. Thuyền phó Susan tháo dây neo và cả hai cùng nhau đưa *Chim Én* ra khỏi nhà thuyền. Đoạn Susan buộc dây neo vào cái vòng sắt ở cuối cầu tàu. Cô bé cũng leo xuống *Chim Én*.

“Cho con xuống nữa nhé?” Roger hỏi.

“Con cùng Titty và mẹ sẽ phải chờ cho đến khi anh chị dựng cột buồm lên đã,” nữ hoàng Elizabeth ra lệnh. “Để anh chị được rộng chỗ và rảnh tay chân. Nếu lúc này mà chúng ta xuống thuyền thì chỉ làm vướng víu thôi.”

“Ê này,” John gọi, “trên thuyền có cột cờ nhỏ nhỏ nhé, rồi còn có dây kéo cờ trên cột buồm để treo cờ lên nữa cơ.” Cậu giơ lên cây cờ nhỏ xíu có cắm lá cờ đuôi nheo màu xanh.

“Em sẽ làm cho thuyền một lá cờ đẹp hơn cờ này nhiều,” Titty bảo.

“Con giữ lá cờ này để cho chắc là con làm cờ của con cùng một kích cỡ,” nữ hoàng Elizabeth bảo.

Trước đây John với Susan đã đi thuyền buồm nhiều rồi, nhưng luôn có những đi đầu cần phải học hỏi về một con thuyền mà ta chưa bao giờ sử dụng qua. Hai cô cậu dựng cột buồm bị ngược, nhưng chốc sau cũng dựng được cho đúng.

“Hình như thuyền không có dây buộc buồm mũi,” John nói. “Với lại cũng không có chỗ để xỏ dây buồm vào mũi thuyền thay cho dây buộc buồm mũi nữa.”

“Để mẹ xem,” nữ hoàng Elizabeth bảo. “Mấy cái thuyền nhỏ này thường không cần dây néo đâu. Có cái mấu nào dưới thanh ngang chỗ dựng cột buồm không thể?”

“Có hai cái ạ,” John vừa lần tay tìm vừa đáp. Cột buồm được dựng lên trong lỗ nơi thanh ngang phía trước, là chỗ ngõ gần mũi thuyền. Thanh ngang có đế hình vuông, được cắm vào khe khắc để gắn vào thanh dọc sống thuyền.

“Chuẩn bị buồm rồi dong lên đi, cột cho chặt rồi xem thuyền thế nào,” nữ hoàng Elizabeth bảo.

“Không biết nữ hoàng Elizabeth thật thì có rành rẽ về thuyền bè không ta,” Titty nói.

“Nữ hoàng đó đâu có lớn lên gần khu vực cầu cảng Sydney đâu con,” mẹ đáp.

Susan đã chuẩn bị buồm sẵn sàng. Trên trục buồm là một vòng da (thực ra là cái thùng lọng) được mắc vào cái móc ở một bên cái vòng sắt người ta gọi là con lăn, vì vòng này di chuyển lên xuống dọc cột buồm chính. Dây néo buồm chạy dọc từ con lăn lên đến đỉnh cột buồm, xuyên qua một bánh có rãnh (là một cái lỗ bên trong có bánh xe nhỏ), rồi lại chạy xuống. John móc vòng da lên con lăn rồi kéo mạnh dây néo. Cánh buồm nâu chạy lên cho đến khi con lăn gần đến đỉnh cột buồm. Rồi John thắt chặt dây néo quanh các mấu, thực ra chỉ là hai cái chốt thôi, bên dưới thanh ngang dùng để giữ cho cột buồm đứng thẳng ấy.

“Trông cũng ổn rồi,” nữ hoàng Elizabeth từ cầu tàu nói vọng ra. “Nhưng để căng buồm đằng hoàng thì con phải kéo sào căng buồm xuống. Như thế sẽ kéo phẳng mấy lần gấp ngang kia đi.”

“Đấy là công dụng của mấy cái khối (ròng rọc) móc vào cái vòng trên thanh dọc sống thuyền gần nơi dựng cột buồm phải không ạ? Nhưng mà chúng rồi nù lên cả.”

“Không phải dưới sào căng buồm cũng có một cái vòng khác sao, gần cột buồm ấy?” nữ hoàng Elizabeth hỏi.

“Thấy rồi,” thuyền trưởng John đáp. “Một khối móc vào vòng dưới sào căng buồm, một khối thì vào cái vòng dưới lòng thuyền. Vậy thì kéo sào căng buồm xuống là chuyện nhỏ. Được chứ hả?”

“Giờ mấy nếp gấp trên buồm đang chạy lên chạy xuống, chứ không có chạy ngang,” thuyền phó Susan đáp.

“Không sao đâu,” nữ hoàng Elizabeth bảo. “Gió sẽ căng phẳng chúng ra ngay khi chúng ta bắt đầu dong thuyền đi thôi mà. Cho phép ta lên thuyền chứ, thuyền trưởng Drake?”

“Xin mời ạ,” John đáp, “nhưng giờ mẹ đừng để ý đến việc làm nữ hoàng Elizabeth gì nữa.” Cậu sắp sửa dong buồm chiếc *Chim Én* lần đầu tiên, và cậu đang phải lo nghĩ đến quá nhiều thứ rồi chẳng cần thêm nữ hoàng nữ hiếc gì nữa đâu.

Titty, Roger và mẹ từ cầu tàu leo xuống thuyền *Chim Én*, khi con thuyền đang neo đầy với cánh buồm phầi phất gió, sẵn sàng nhổ neo.

“Mẹ, mẹ giữ bánh lái khi con quăng dây nhé?” thuyền trưởng John hỏi.

“Không đâu,” mẹ đáp. “Có là nữ hoàng hay không thì mẹ cũng chỉ là một khách đi thuyền, và mẹ muốn xem xem các con tự xoay xở thế nào.”

“Được ạ,” thuyền trưởng John đáp. “Thuyền phó này, cậu lên trước quăng dây nhé. Bảo các thủy thủ cúi xuống né đầu khỏi thanh sào đi.”

“Vâng thưa thuyền trưởng,” thuyền phó Susan đáp. “Hai cậu kia, ngẩi xuống sàn tàu nào.” Cậu bắi tàu và thuyền viên ngẩi thụp xuống sàn, đầu cúi bên dưới mép thuyền. John cầi lái. Susan tháo dây neo khỏi vòng đai trên cầu tàu, luồn đuôi dây neo qua vòng đai, rắi giữ lấy.

“Sẵn sàng,” cô bé nói.

“Nhổ neo,” thuyền trưởng bảo, và lát sau thì thuyền *Chim Én* đã di chuyển.

“Mình sẽ sang đảo ạ?” cậu phụ việc hỏi.

“Không,” mẹ đáp. “Đi qua đó rắi quay về sẽ rất lâu. Nếu các con muốn khởi hành vào sáng mai thì còn nhiều chuyện cầi làm lắm. Chỉ cho thuyền đi một đoạn ngắn ngược gió thôi, rắi chúng ta phải quay về lo liệu túi rơm cùng lương thực dự trữ, với cả bao thứ khác mà các con cầi có cho chuyển đi.”

Thế là chuyển dong buồm thử nghiệm của *Chim Én* ngắn ngủn. John cho thuyền ra ngược gió, lách qua lách lại, mỗi lần lách nhích đi được chút xíu, giống như Roger đã làm khi nó chạy ngược lên cánh đầi ngày hôm trước. Rắi họ quay đầu cho thuyền về, lướt băng băng trong làn nước nổi bọt trắng xóa quanh thuyền.

“Thuyền của cậu được lắm, thuyền trưởng John ạ,” mẹ nói, khi mọi người lại leo lên cầu tàu, Susan cùng John đang xếp gọn buồm lại, hạ cột buồm xuống để đưa *Chim Én* vào trong nhà thuyền.

“Đẹp quá,” John nói.

Cả ngày còn lại hôm ấy thật nhiều việc. Mẹ thì may mấy túi rơm bằng bao gạo. Titty mang theo cây cờ nhỏ về nằi trại, cắt ra lá cờ hình tam giác từ vải bố còn sót lại sau khi làm lầi. Mẹ vẽ hình con én trên miếng giấy, Titty cắt ra một con từ miếng vải xéc màu xanh từng là một phầi của cái quần chềi. Rắi con bé đặt mẫu chim én lên nằi cờ trắng, khoét ra một chỗ

cho vừa sít với hình mẫu. Đoạn nó khâu viền theo con chim én màu xanh vào chỗ vừa được khoét trên lá cờ trắng ấy. Sau khi con bé làm xong thì kia là lá cờ trắng thật xinh có con chim én xanh bay ngang qua, hai mặt cờ nhìn giống hệt nhau. Rồi nó cột cờ vào cây cờ bằng dây thép trước đây từng có lá cờ xanh, để sẵn sàng kéo lên đỉnh cột buồm.

Thuyền trưởng John cùng thuyền phó đang gom lại những đồ dự trữ cực kỳ quan trọng mà quyết định xem món nào không có cũng không sao. Danh sách các thứ từ tối qua sau bữa ăn đã dài thêm rất nhiều. Roger bị sai chạy tới chạy lui nhà thuyền mang theo đủ thứ mà mọi người đã quyết định là không được để lại bờ.

Nhiệm vụ hàng đầu của thuyền phó là sắp xếp bếp núc, với sự trợ giúp của bác Jackson, vợ của bác nông dân, bác đang cho mượn các thứ.

“Đầu tiên cháu sẽ cần đến ấm đun nước,” bác Jackson bảo.

“Nồi và chảo nữa ạ,” thuyền phó Susan vừa nói vừa nhìn vào danh sách. “Cháu giỏi nhất là làm món trứng khuấy.”

“Thật không đấy?” bác Jackson hỏi. “Người ta đa số giỏi nhất là luộc trứng thôi.”

“Ồi thôi, cháu không tính chuyện luộc trứng vào đâu,” Susan bảo.

Rồi còn phải lo đến nào những là dao nĩa, nào đĩa nào cốc nào thìa, rồi mấy hộp đựng bánh quy, phải là loại lớn để chứa thức ăn vào đấy, với cả mấy lon nhỏ hơn để đựng trà, muối và đường.

“Bọn mình cần cái lon to to vào để đựng đường chứ, phải không chị?” Roger hỏi, thằng bé vừa vào và đang chờ xem có phải đem thứ gì khác xuống nhà thuyền không.

“Cháu sẽ không nướng bánh nướng trái gì đấy chứ, đúng không nào,” bác Jackson hỏi.

“Cháu nghĩ không đâu ạ,” thuyền phó Susan đáp.

Đống vật dụng trên bàn bếp cứ mỗi lúc một nhiều khi Susan gạch bỏ những món trong danh sách của mình.

John và Titty đi vào cho con bé thấy lá cờ mới và cũng để xem con bé làm ăn ra sao.

“Ai sẽ làm thầy thuốc đây?” con bé hỏi.

“Bác sĩ chứ,” Titty bảo. “Trên tàu thì luôn là bác sĩ thôi.”

“Em chứ ai,” John đáp. “Em là thuyền phó. Đây là việc của thuyền phó. Anh ta lằng xằng có mặt rồi hỏi, ‘Sao rồi, chân cẳng, ruột gan phèo phối gân cốt của cậu thấy sao nào?’ Không nhớ hả?”

“Vậy thì em phải soạn ít bông băng thuốc men đủ thứ rồi.”

“Ồi không,” Titty kêu lên. “Trên hoang đảo người ta chữa trị mọi thứ bằng thảo dược cơ. Chúng ta sẽ bị đủ thứ bệnh nhé, nào dịch hạch rồi sốt rồi các chứng mà chẳng thuốc men nào chữa được rồi chúng ta sẽ trị liệu bằng các loài thảo dược mà thổ dân bày cho.”

Lúc đấy mẹ đi vào giải quyết câu hỏi này. “Không thuốc men gì cả. Đứa nào cần bác sĩ thì giải ngũ ở nhà ngay.”

“Nếu là bệnh nặng thật nặng cơ,” Titty nói, “nhưng bọn con có thể mắc bệnh dịch hay bị một hai cơn sốt nào đấy chứ mẹ.”

John nói, “Thế còn hải đồ thì sao đây nhỉ?”

Titty bảo rằng đại dương kia chưa từng được thám hiểm, nên không thể nào có hải đồ gì được.

“Nhưng trên bao tấm hải đồ và bản đồ thú vị nhất đều có những chỗ đánh dấu là ‘Chưa thám hiểm’ đấy thôi.”

“Hừ, thế thì mang bản đồ ấy đi cũng chẳng được tích sự gì,” Titty đáp.

“Chúng ta phải có một kiểu hải đồ gì đấy,” John nói. “Chắc chắn hải đồ đấy sẽ sai bét, tên tuổi cũng không đúng. Chúng ta sẽ tự đặt lại tên, dĩ nhiên rồi.”

Họ tìm được tấm bản đồ rõ ràng có vẽ cái hồ trong cuốn hướng dẫn du lịch địa phương. Titty bảo đấy không hẳn là hải đồ. John bảo thế cũng được. Và bác Jackson bảo chúng có thể đem cuốn hướng dẫn đi, nhưng phải giữ cho khô ráo hết mực. Nghĩa là thêm một hộp thiếc nữa cho những món cần phải được giữ cho khô. Ngoài cuốn hướng dẫn ra chúng còn bỏ vào hộp ấy vài cuốn tập làm nhật ký hàng hải và ít giấy để viết thư về nhà. Chúng cũng bỏ vào cả tủ sách của thuyền. Titty tìm thấy trên mấy giá sách trong phòng khách một cuốn từ điển tiếng Đức do một khách trọ nào đấy lúc trước bỏ lại. “Toàn tiếng nước ngoài không thôi,” con bé bảo, “chúng ta sẽ cần đến nó để nói chuyện với người bản xứ.” Cuối cùng cuốn từ điển bị bỏ lại, vì quá to và nặng, vả lại ắt nó cũng không phải thứ ngôn ngữ thích hợp. Thay vào đấy Titty mang theo quyển *Robinson Crusoe*. “Sách này cho ta biết chính xác những gì cần làm khi ở trên đảo,” cô bé

bảo. John mang theo quyển *Cẩm nang thủy thủ*, và phần ba của cuốn *Hoa tiêu vùng Baltic*. Cả hai cuốn này đều là của bố, nhưng John mang theo chúng ngay cả khi đi nghỉ hè. Thuyền phó Susan mang theo sách *Nấu ăn đơn giản cho hộ gia đình ít người*.

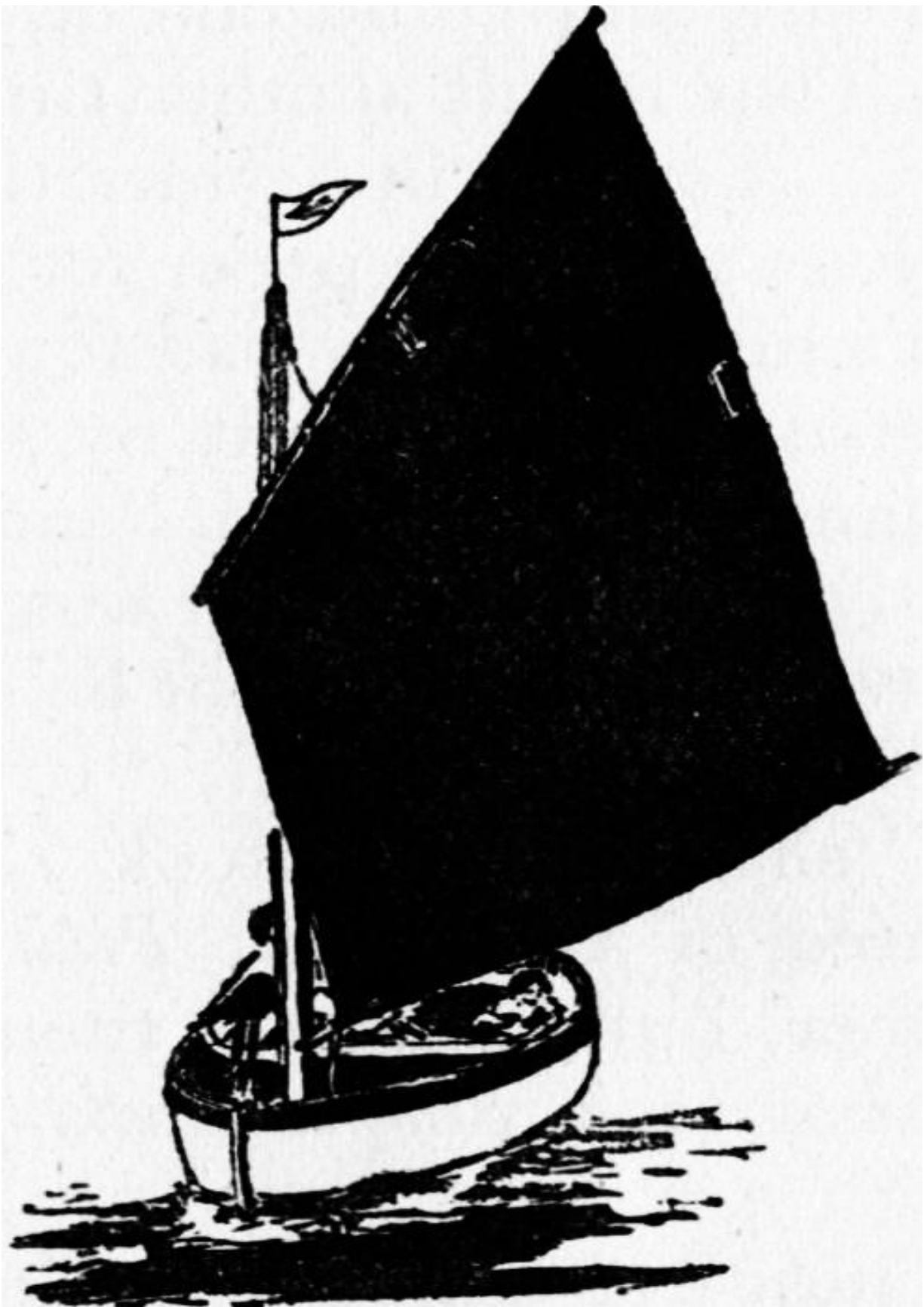
Cuối cùng, khi gần như mọi thứ đều đã được chất đống trong nhà thuyền, ngay trước giờ Roger và Titty phải đi ngủ, toàn bộ thủy thủ đoàn leo ngược lên lối đi vào rừng thông đến mỏm Darien để nhìn ra đảo một lần nữa. Mặt trời đang lặn ở rặng đồi phía Tây. Bốn bề yên lặng như tờ. Xa xa kia cả bọn trông thấy hòn đảo cùng hồ nước tĩnh lặng, trải dài đến xa tít.

“Không tin nổi là chúng ta sẽ đặt chân lên hòn đảo ấy,” Titty lên tiếng.

“Nếu ngày mai mà không có gió thì chúng ta cũng sẽ chẳng lên được đấy đâu,” thuyền trưởng John bảo. “Chúng ta phải huýt sáo lên gọi gió về.”

Theo thỏa thuận, Titty cùng Roger huýt sáo hết đoạn này sang đoạn khác suốt quãng đường quay về nhà. Khi cả bọn về tới nông trại thì các tán lá cây dẻ gai đã xào xạc trên đầu.

“Thấy chưa,” Titty bảo, “bọn mình có gió rồi đấy nhé. Dậy sớm đi, rồi chúng ta sẽ ra ngoài huýt sáo thêm ít nữa trước bữa điểm tâm nhé.”



3

Hành trình ra đảo

“Thành Bristol có ba thủy thủ
Họ lấy thuyền chuẩn bị ra khơi;
Nhưng trước tiên họ chắt lên đầy
Bánh quy, thịt chua với thịt bò.”

THACKERAY

Thuyền *Chim Én* còn lại rất ít chỗ trống khi mọi người đã chắt xong đồ đạc lên thuyền tại cầu tàu nhỏ cạnh nhà thuyền. Dưới tấm ván ngang chính là một hộp thiếc thật lớn chứa sách cùng giấy bút và những thứ khác cần phải giữ cho khô, như là quần áo ngủ. Trong hộp này còn có cả một chiếc phong vũ biểu nho nhỏ. John đã giành được giải thưởng này ở trường và không khi nào đi đâu mà không mang nó theo. Dưới ván kê mũi thuyền, ở hai bên cột buồm, là những hộp thiếc lớn, đựng bánh mì, trà, đường, muối, bánh quy, thịt bò hộp, cá mòi đóng hộp, với rất nhiều trứng gà, được gói riêng từng quả vì sợ vỡ, và một ổ tương bánh ga tô trộn hạt. Ngay phía trước đây, trước cột buồm, là một cuộn thừng dài bện từ dây gai chắc nụi và mỏ neo, nhưng sau khi thử thì chúng phát hiện ra rằng chỗ này đủ cho chiếc tàu Roger đứng đầu mũi thuyền làm người canh gác. Rồi có thêm hai tấm bạt, cuộn trong đây là hai cái lều, mỗi lều có sợi thừng riêng. Chúng được xếp gọn gàng ngay dưới chân cột buồm. Toàn bộ chỗ trống còn lại trong lòng thuyền chứa đầy hai túi lớn nhét cứng những chăn và thảm. Ngoài những món này ra còn có các thứ không thể cho vào bao bị được, mà phải để rời, nhét vào đâu đó, những thứ như là nồi niêu xoong chảo và ấm đun nước, và một cây đèn thật to dùng trong nông trại. Rồi nào là một rổ đầy những cốc, đĩa, muỗng, nĩa, dao. Chẳng còn chỗ cho vật nào lớn cả ngoài thủy thủ đoàn, ấy vậy mà trên cầu tàu vẫn còn bốn túi rơm to, được bác nông dân Jackson nhét đầy rơm, dùng làm giường và nệm.

“Chúng ta phải làm hai chuyến rỗi,” thuyền trưởng John nói.

“Có khi ba ấy chứ,” thuyền phó Susan phụ họa. “Ngay cả khi thuyền *Chim Én* không chở theo gì thì chúng ta cũng chẳng thể nào nhét quá ba túi rơm một lúc lên thuyền được.”

Thuyền viên Titty nảy ra một ý. “Bọn mình không nhờ thổ dân chở giùm trên thuyền chèo của họ được sao?” con nhỏ hỏi.

John nhìn vào nhà thuyền, trong đấy có cái thuyền chèo lớn thuộc sở hữu của nông trại. Cậu biết, vì chuyện này đã được sắp xếp riêng, mẹ sẽ ghé qua thăm cả đám trước khi trời tối để xem mọi chuyện có ổn thỏa cả không. Cậu cũng biết rằng, thỏa thuận là bác Jackson sẽ chèo thuyền đưa mẹ sang. Bác Jackson là thổ dân đáng tin cậy nhất mà ta có thể mong có được.

Mẹ và vú em, bồng theo Vicky, đang đi qua đống.

John đi đến chỗ mẹ. Mọi người thỏa thuận là bác thổ dân sẽ chèo thuyền đưa mấy túi rơm sang.

“Chắc là bọn con không có quên gì hết đấy chứ?” mẹ hỏi, đứng trên cầu tàu nhìn xuống thuyền *Chim Én* đã đầy ắp.

“Hiếm khi người ta đi một chuyến dài ngày mà lại không quên gì đấy lắm.”

“Bọn con có đủ mọi thứ trong danh sách của con rỗi ả,” thuyền phó Susan đáp.

“Mọi thứ sao?” mẹ hỏi.

“Mẹ, mẹ đang giấu gì sau lưng vậy?” Titty hỏi, thế là mẹ chìa ra một gói mười hai hộp diêm.

“Suýt chút nữa là phải la lên ‘Trời đất ơi’ mất thôi,” John nói. “Bọn con chắc là chẳng thể nào nhóm được lửa nếu không có thứ này rỗi.”

Mọi người chia tay nhau trên cầu tàu.

“Nếu xong hết rỗi thì các con khởi hành đi thôi,” mẹ bảo.

“Nào, thuyền phó đâu,” thuyền trưởng John gọi.

“Xuống thuyền,” thuyền phó Susan hô lớn.

Roger vào vị trí ở mũi thuyền. Titty ngồi trên thanh ván kê giữa thuyền. John móc trục căng buồm vào con lăn trên cột buồm, kéo cánh buồm nâu be bé lên, thắt chặt dây néo. Ngọn cò của Titty, mang hình con

chim én màu xanh dương thắm trên nền trắng, đã phấp phới trên đỉnh cột buồm tự lúc nào. Titty tự tay kéo cờ lên ngay khi mọi người dựng xong cột buồm sau bữa điểm tâm. John đi về phía cuối thuyền đến bên bánh lái. Susan kéo sào căng buồm xuống cho đến khi cánh buồm căng thẳng thớm, rồi cô bé cũng buộc chặt lại.

Gió hây hây hướng Tây Bắc, không nghi ngờ gì nữa, ngọn gió được tiếng huýt sáo thúc giục của thủy thủ đoàn đưa đến. Mẹ nắm một đầu dây neo, và rồi, khi cánh buồm nhỏ bé đã no gió, mẹ quăng dây neo sang cho Roger để nó cuộn lại, nhét cất đi dưới chân mình. Chậm chạp, từ từ, thuyền *Chim Én* lướt khỏi cầu tàu.

“Tạm biệt mẹ nhé. Tạm biệt Vicky. Tạm biệt vú.”

“Chào nhé, tạm biệt,” tiếng chào từ cầu tàu vọng lại.

Mẹ vẫy vẫy khăn tay. Vú em cũng vẫy khăn, còn Vicky thì vẫy vẫy bàn tay múp míp.

Thủy thủ đoàn trên thuyền *Chim Én* vẫy tay chào lại.

“Hô vang ba lần chào những người ở lại nào,” thuyền trưởng John ra lệnh.

Cả bọn hô vang.

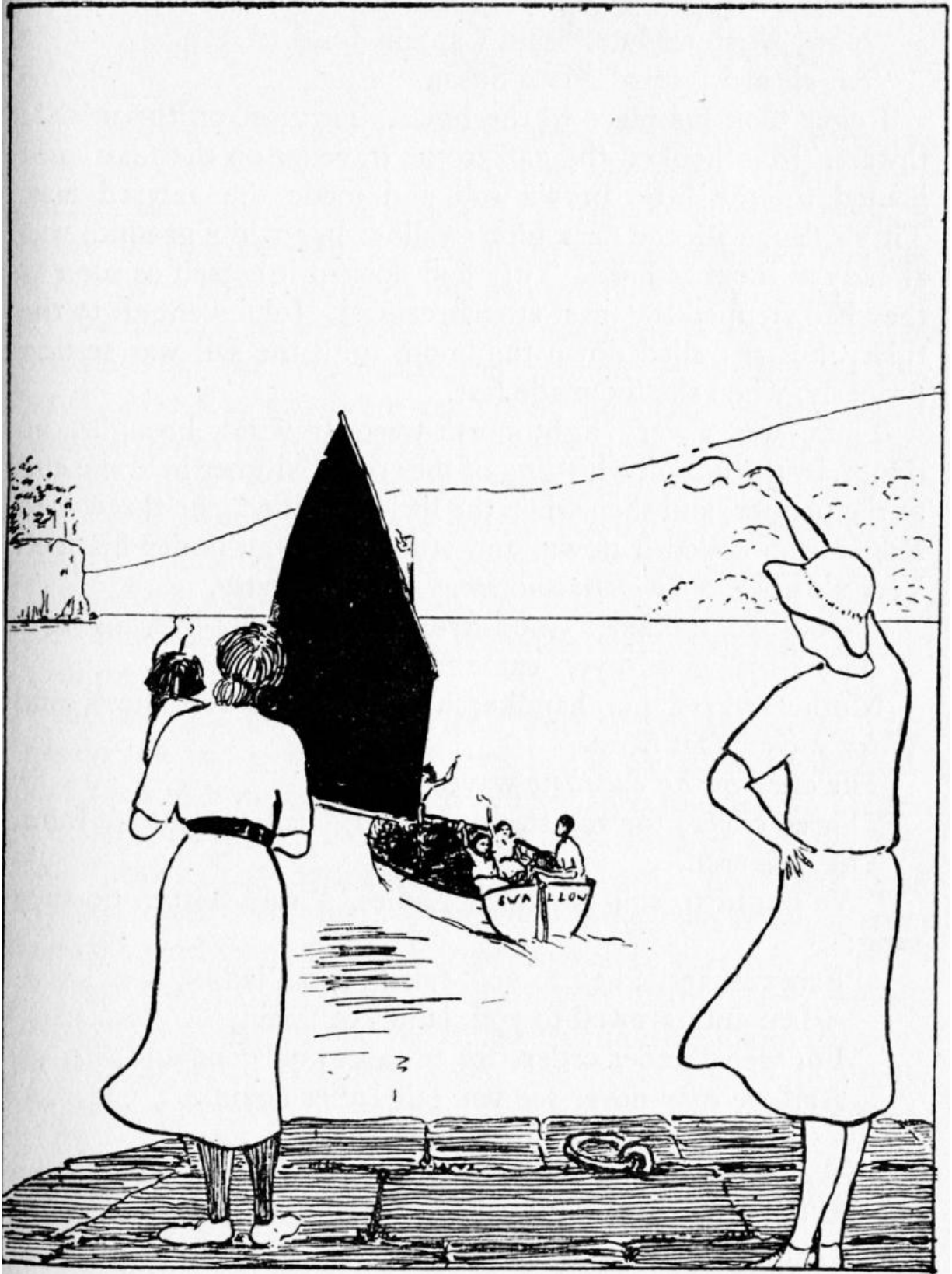
“Chúng ta phải hát vang bài ‘Những cô nàng Tây Ban Nha’ chứ,” Titty bảo. Thế là cả đám cùng hát:

*“Chào nhé, những cô em Tây Ban Nha xinh đẹp,
Tạm biệt nhé, hỡi những người con gái xú kia,
Chúng tôi đây được lệnh phải quay thuyền về Anh quốc,
Và có lẽ sẽ chẳng bao giờ được gặp lại các nàng.”*

*Chúng tôi sẽ hò reo gầm thét, như những thủy thủ người Anh thực thụ,
Căng buồm dọc ngang khắp các vùng biển mặn,
Cho đến khi khuấy tung bọt nước biển Manche,
Từ Ushant cho đến Scilly, suốt ba mươi lăm hải lý.”*

“Tất nhiên là thật ra chúng ta đang đi theo hướng khác,” Susan nói, “nhưng chẳng sao.”

Con thuyền *Chim Én* từ từ tiến ra phía cửa vịnh. Thoạt đầu con thuyền chẳng gây ra tiếng động gì mà cũng không làm gợn chút đường rẽ nước. Thế rồi, khi ra khỏi hản mé Bắc vịnh, con thuyền bắt được thêm ít gió, vậy là tiếng nước vỗ reo vui bắt đầu phát ra từ đáy thuyền phía trước, còn đường rẽ nước cũng trải dài ra và lục bụi ở phía đuôi thuyền.



NHỎ NEO

Mỏm Darien, doi đất nằm ở phía Nam vịnh Holly Howe, dài hơn doi đất phía Bắc vịnh. Đến thuyền trưởng John cũng không dám liếc. Có thể có đá ngầm ở cuối mỏm Darien. Cậu giữ cho thuyền chạy thẳng ra khỏi vịnh cho đến khi cậu có thể nhìn vào vịnh từ phía bên kia mũi đất. Xa tít dưới cuối hồ kia lộ ra hình hài hòn đảo. Trông nó có vẻ xa hơn là khi nhìn từ mỏm Darien. Cuối cùng John thả dây kéo buồm chính, kéo tay bánh lái lên. Sào căng buồm bung ra, con thuyền *Chim Én* quay ngoặt qua, và với ngọn gió thổi phía đuôi tàu, John quay bánh lái dóng thẳng ra đảo.

Mẹ cùng vú em, và Vicky, vẫn còn đứng nơi cầu tàu. Họ vẫy tay lần cuối. Thủy thủ đoàn trên thuyền *Chim Én* cũng vẫy lại, rồi trong thoáng chốc cả bọn chẳng thể nhìn vào trong vịnh được nữa. Vịnh đã khuất sau mỏm Darien. Bên trên kia là Mỏm Đá mà lần đầu tiên cả bọn trông thấy hòn đảo. Mỏm Đá trông có vẻ thấp hơn mọi khi. Mọi thứ trở nên nhỏ hơn trừ hồ nước, còn cái hồ trước nay hình như không hề rộng đến thế này.

“Liệu có bị trở buồm không đấy?” thuyền phó Susan hỏi, cô bé nhớ lại cái ngày đáng buồm một năm về trước, khi đang chạy trước gió trên con thuyền nhỏ thì sào căng buồm bỗng ngoặt lại theo một quyết định đột ngột, tặng cho cô nàng cục u mãi không xẹp.

“Nhìn cò kia kìa,” thuyền trưởng John đáp. “Cò đang tung bay theo hướng buồm, chẳng có gì phải sợ buồm trở khi mà cò bay như thế cả đâu.”

Gió thổi đều, dù nhẹ thôi, mà nhìn chung thì John lấy làm hài lòng là gió không lớn hơn nữa trong hành trình đầu tiên ra đảo này trên con thuyền *Chim Én* chắt nạng hàng hóa. Việc cuốn buồm sẽ rắc rối kinh, khi con thuyền đầy những lều bạt cùng hộp bánh quy với ba cái thứ nấu nướng khác. Với lại, có quá nhiều thứ phải xem mà lúc này ở trên nước trông thật khác với khi nhìn từ trên mỏm Darien.

Hòn đảo đâu có nằm ngay giữa hồ, mà lại gần bờ Đông hơn nhiều, cùng một phía hồ với vịnh Holly Howe và mỏm Darien. Dọc ven bờ đó là mấy doi đất nho nhỏ nối tiếp nhau. Rải rác đó đây là mấy cánh đồng ven mép nước, nhưng chủ yếu toàn là rừng rậm. Thừa thớt nằm giữa rừng cây là mấy căn nhà, nhưng cũng không nhiều lắm, còn bên trên rừng cây là các sườn đồi phủ kín bụi thạch nam.

Khi cả bọn đi qua mũi đất thứ hai bên kia mỏm Darien, bờ tàu Roger báo cáo thấy một con tàu và chỉ tay về phía bờ. Buồm cũng ở phía ấy, nên

Roger nhìn ra con tàu trước khi mây đưa kia trông thấy. Trong cái vịnh bên kia mũi đất có một con tàu màu xanh thẫm trông lạ hoắc. Đây là một con tàu thon dài có mái ca bin nhô cao, dọc bên hông có dãy cửa sổ kính. Mũi tàu trông giống kiểu mũi của tàu ba cột buồm thời xưa. Đuôi tàu lại giống đuôi tàu thủy. Con tàu này chẳng có thứ gì gọi cho đúng là cột buồm cả, nhưng lại có cột cờ nhỏ nhỏ, chỗ ắt đã từng có cột buồm chính, dựng ngay trước khoang lái có cửa sổ kính. Trên boong sau che mái bạt, bên dưới có một ông to béo đang ngẩng viết trên ghế đặt trên boong. Con tàu được neo vào cái phao to tướng.

“Một căn nhà bè,” John nói.

“Nhà bè là gì ạ?” Titty hỏi.

“Là cái thuyền được dùng thay cho nhà ấy. Ở Falmouth cũng có một cái, người ta thường sống trong đấy quanh năm suốt tháng.”

“Ước gì bọn mình cũng được sống trong nhà bè quanh năm suốt tháng nhỉ,” Susan nói.

“Ngày nào đấy rồi anh sẽ sống như vậy,” John bảo, “cả Roger cũng thế. Bố sống thế mà.”

“Vâng, nhưng mà khác cơ. Tàu khu trục đâu phải là nhà bè.”

“Thì cũng là sống trên thuyền cả thôi.”

“Ừ, nhưng đâu có ở yên một chỗ. Nhà bè ở chết gì một nơi như nhà để thuyền ấy, em cũng nhớ căn nhà bè ở Falmouth đấy nhé,” Susan nói. “Có nguyên một gia đình sinh sống trên đấy, bọn em thường thấy họ chèo vào bờ mua sữa mỗi sáng mà. Bác hàng thịt và hàng bánh mì thường ghé qua đấy, như thể đấy là căn nhà thực thụ ấy. Mấy bác ấy thường đi ra bờ rồi gọi lớn ‘Bố nhà bè!’ thế là có một ông hay một bà kia chèo thuyền vào để mua thịt mua bánh mì của họ. John, coi chừng anh đang làm gì kia!”

Thuyền trưởng John, đầu óc đang lan man về nhà bè, nên này giờ không nghĩ đến việc lái tàu, thế là lá cờ nhỏ màu trắng có con chim én xanh đang phấp phật một bên cột buồm ngược chiều cánh buồm. Sào căng buồm chực quật qua thì Susan gọi giật, nhưng John, ngay lập tức hạ bánh lái xuống, đã tránh được cú trở buồm. Sau đấy cậu ta chỉ nhìn căn nhà bè qua khóe mắt. Gió đang rất nhẹ nên có trở buồm thì cũng không vấn đề gì, chắc là trừ vài cái đầu bị u thôi, nhưng thuyền trưởng mà làm gương lái thuyền kém đến thế cho thủy thủ thì chắc là không hay ho gì rồi.

Thuyền viên Titty đã nép mình dưới lòng thuyền giữa mớ lều bạt, hai tay ôm một giỏ nhỏ đựng bát đĩa cho an toàn. Con bé chỉ có thể nhìn lấp ló qua mép tàu.

“Không biết là,” con bé bảo, “cái ông trên nhà bè kia có gia đình gì ở cùng không.”

“Ông có một mình hà,” Roger bảo.

“Mấy người kia chắc là đang nấu nướng trong khoang thôi,” Susan đoán.

“Chắc ông này là cướp biển giải nghệ nhỉ,” Titty nói.

Đúng lúc ấy có tiếng quàng quạc chát chúa vang trên mặt nước, một con chim màu xanh lá cây to lớn mà cả bọn đã không để ý thấy giữ mình một cái khi đậu trên thanh lan can chạy vòng quanh đuôi nhà bè.

“Ông là cướp biển đó,” Roger nói. “Con vẹt của ông kìa.”

Cả bọn chưa kịp nhìn thấy thêm gì thì mũi đất nho nhỏ tiếp theo đã che khuất căn nhà bè khỏi tầm mắt. Có lẽ như vậy lại may, vì đến thuyền trưởng John cũng muốn nhìn thấy con vẹt, mà cần lái tàu cho vững khi ta nhìn hai hướng một lúc thật là không thể.

“Tàu hơi nước tiến đến sau đuôi thuyền kìa,” thuyền phó Susan thông báo.

Một con tàu hơi nước dài hiện ra trong tầm mắt cạnh doi đất Darien, xa xa phía đuôi tàu là một trong mấy tàu hơi nước chạy từ đầu này tới đầu kia hồ một ngày hai ba bận, trên đường đi thì ghé qua thị trấn nhỏ ngược hồ cách vịnh Holly Howe chừng một dặm, với lại một hai trạm dừng. Trong sách hướng dẫn du lịch thì thị trấn nhỏ này được biết với tên gọi khác, nhưng thủy thủ đoàn trên thuyền *Chim Én* từ lâu đã đặt cho thị trấn ấy cái tên Rio Grande. Sau khi ghé qua Rio, mấy tàu hơi nước chạy thẳng đến cuối hồ, chỉ dừng lại đôi chỗ để trả khách vào bờ tại cầu tàu này hay đón khách nếu khách ra hiệu muốn lên tàu. Lộ trình của tàu hơi nước chạy men gần đảo, nhưng vào lúc này thì gần với bờ bên kia hơn. Tàu hơi nước nhanh chóng đuổi kịp rồi qua mặt *Chim Én*. Đường rẽ nước tỏa từ tàu lan ra khắp mặt hồ, khiến *Chim Én* đứng đưa làm cho ấm nước với nỉ niêu va nhau loảng xoảng dưới ván lòng thuyền và thuyền viên Titty phải ôm khư khư lấy giỏ bát đĩa. Thoắt cái tàu hơi nước chỉ còn là một đốm nhỏ với đuôi khói trắng xa tít bên kia hòn đảo.

Bỗng có tiếng ầm ầm từ xa, nhanh chóng mỗi lúc một lớn. Một vạt nước trắng xóa bắn tung tóe hiện ra bên kia hòn đảo gần tàu hơi nước. Vạt nước ấy dường như đang lướt trên mặt nước, mỗi lúc một gần hơn. Là một chiếc xuồng máy cao tốc, nhanh hơn tàu hơi nước nhiều và ầm ĩ hơn cả trăm lần. Xuồng máy gần rú chạy lên đầu hồ, vượt qua *Chim Én* cả trăm mét, và chẳng mấy chốc đã biến mất sau đuôi thuyền qua bên kia mỏm Darien. Lác đác đó đây, gần ven bờ, là mấy chiếc ghe chèo cùng ngư dân. Nhưng thôi nếu không muốn thì chẳng cần phải để ý gì đến mấy cảnh này, thế nên thuyền *Chim Én* cùng đoàn thủy thủ từ từ tiến về phía Nam đi ra đại dương hoang vắng lần đầu tiên được những người đi biển da trắng dong buồm tiến vào.

Cả bọn đang tiến gần hơn đến đảo.

“Để mắt tìm chỗ cập bờ cho tốt nhé,” thuyền trưởng John bảo.

“Vớ lại coi chừng bọn mọi đấy,” Titty nói. “Chúng ta không biết nơi này có người ở hay không, nên cẩn thận cũng không thừa.”

“Anh sẽ cho thuyền đi giữa hòn đảo và bờ này rồi vòng lại phía bên kia, để chúng ta chọn chỗ thích hợp nhất,” thuyền trưởng John bảo.

Đảo phủ đầy cây xanh, trong số đó có một cây thông thật cao vượt hẳn những sồi, những phi, dẻ gai và thanh hương trà. Cả bọn thường nhìn cây thông này qua viễn vọng kính từ mỏm Darien. Cây thông cao đứng gần đầu phía Bắc hòn đảo. Bên dưới đấy là vách đá nhỏ, đổ xuôi xuống mặt nước. Đá lộ nhô từ bờ ra đến vài mét. Nơi đấy không có chỗ nào để cập vào được cả.

“Nào, cậu thuyền phó,” thuyền trưởng John gọi, “chúng ta phải quan sát cho kỹ vào.”

“Roger, hễ thấy đá dưới nước thì la to lên nhé,” thuyền phó bảo.

John bẻ lái cho thuyền đi qua giữa hòn đảo và đất liền, không đi sát đảo quá để không phải mất sức gió. Lát sau *Chim Én* lướt trên vùng nước lặng, dù gió vẫn đủ mạnh để đẩy thuyền đi chậm chạp. Hơi quá phần ba đường đi dọc bờ Đông của đảo có một cái vịnh, nhỏ tí xiu, có bờ là bãi sỏi. Sau bãi sỏi đấy hình như là một quãng đất quang quẻ hơn giữa các rặng cây.

“Chỗ thật thích hợp để dựng trại đây,” Susan nói.

“Cập bến cũng tốt nữa,” John bảo, “nhưng nếu gió thổi từ phía này thì cũng chẳng ích gì. Chúng ta sẽ cho thuyền đi quanh đảo trước để xem có

chỗ nào tốt hơn không.”

“Phía trước có đá,” Roger la lớn, chỉ tay vào vài tảng đá hơi nhú lên khỏi mặt nước. John quay bánh lái cho thuyền nhích ra xa bờ một chút.

Các phía quanh đảo đều dốc và lởm chởm đá. Vịnh nước be bé kia dường như là nơi duy nhất có thể cập vào được. Còn lại là vách đá cheo leo, như mỏm Darien, chỉ là nhỏ hơn nhiều, mọc đầy thạch nam với mấy thứ cây còi cọc nho nhỏ. Mút phía Nam đảo, đá nhỏ lại rồi đột nhiên nhô lên lại thành doi đất gồ ghề như chỉ tuyền là đá. Ở đầu phía Nam này hòn đảo dường như đã vỡ vụn ra thành rất nhiều hòn đảo nhỏ. John cho thuyền đi tiếp đến khi cậu đi qua hết các đảo rồi bắt đầu kéo dây lèo buồm, kéo bánh lái xuống đưa thuyền *Chim Én* quanh lại dưới đảo.

“Cái chỗ đầu tiên là nơi thích hợp duy nhất phía ấy đấy,” Susan bảo.

“Chúng ta sẽ đi vát từng đợt một ngược lên phía này, để quan sát cho kỹ,” thuyền trưởng John nói. Cậu kéo dây lèo lại gần hơn đưa *Chim Én* ra gần hướng gió hơn. Cậu cứ giữ lái cho thuyền chạy xa bờ mạn phải cho đến khi thuyền cách đảo chừng bốn mươi thước. Và rồi:

“Sẵn sàng trở buồm.”

Susan thụp đầu xuống. Titty, đang ngồi trên ván đáy thuyền, vốn đã đủ thấp rồi, nhưng con bé cũng thụp theo. Roger thì ở cách xa rồi, tận phía trước cột buồm chính.

John kéo bánh lái xuống. *Chim Én* phóng lên đón gió. Sào căng buồm cùng cánh buồm nâu quật ngược lại rồi căng gió trong lần trở buồm tiếp theo và thế là *Chim Én*, nước lùa dưới mũi thuyền, tiến dong vào phía Tây của đảo. Ở đây không thấy có đá vôi quanh, nhưng hòn đảo thì dốc đứng xuống nước, như một bức tường.

“Thấy đấy thì la lên nhé Roger,” thuyền phó Susan gọi lớn.

“Vâng thưa thuyền phó,” Roger vừa đáp vừa căng hết mắt nhìn xuống đáy nước xanh thăm thẳm.

“Lẽ ra bọn mình phải đem theo dây dọi để dò,” Susan nói.

“Chỗ này thì nó chẳng ích lợi gì đâu,” John đáp.

Cả bọn cho thuyền đi mãi cho đến khi cách bờ chừng năm mét mà nước vẫn là một màn tối om im lìm bên dưới. John chẳng dám cho thuyền vào gần hơn.

“Trở buồm,” cậu hô lớn.

Chỉ đến khi cả bọn đã quay ngoắt lại, tiến sát dưới chân vách đá thì Roger mới la lên, “Em thấy đấy rồi.” Rõ ràng là ở mạn này, hòn đảo từ nước sâu nhô thẳng lên.

Đầu Susan thụp xuống rồi thêm đầu Titty nữa, dù con bé chẳng cần phải thế. Con thuyền *Chim Én* bé nhỏ quay vòng lại rồi lại túc tắc đi ra hồ. John chưa đưa thuyền ra xa thì đã “Trở buồm” một lần nữa và con thuyền lại trông chừng về phía đảo. Cả bọn chạy dích dắc tới lui, mỗi lần lại tiến xa lên hướng Bắc dọc theo bờ đảo.

Nguyên dọc bờ phía Tây này cũng vậy, là một bức tường đá, dựng đứng, từ trên cao đổ xuống nước sâu, không có được cái vịnh nào để có thể cập vào được.

“Chỗ hời này bên phía kia là chỗ duy nhất rồi,” Susan bảo.

“Không đủ rộng làm cảng,” thuyền trưởng John nói, “nhưng nếu đấy là chỗ duy nhất thì đành vậy. Chúng ta có thể cho thuyền dừng tại đó.”

Lần trở buồm tiếp theo John cho *Chim Én* đi xa ra hồ rồi vòng qua lần cuối đến khi đã cách xa hẳn mũi phía Bắc của đảo. Cậu cho thuyền đi qua mũi đấy rồi ngay sau khi tránh hết bãi đá thì cậu hô to:

“Trở buồm!”

Susan kéo mạnh dây lèo nhanh hết sức có thể. John dựng tay lái. Con thuyền *Chim Én* lần nữa quay về phía Nam, sào căng buồm đánh vút qua đầu mọi người, Susan nới lỏng dây lèo ngay khi sào căng buồm vượt qua, thế là một lần nữa cả bọn lại dong buồm dọc mạn đảo phía Đông bên trong. Ngay khi thuyền đối diện vịnh nhỏ có bãi biển sỏi thì John gọi lớn:

“Chuẩn bị cuộn buồm. Hạ buồm!”

Thuyền phó Susan đã lăm lăm dây lèo buồm trong tay. Cô bé nới chùng dây nhưng không thả dây đi. Buồm hạ xuống.

“Chụp lấy trục buồm, Roger!” Thế là Roger chụp lấy.

Susan tháo con lăn ra khỏi móc rồi cùng Roger hạ buồm và trục buồm xuống. Titty với giỏ bát đĩa đứng tránh xa dưới mấy lớp buồm. Kể thì lâu chứ chuyện diễn ra rõ nhanh, và khi buồm đã hạ xuống thì thuyền *Chim Én* vẫn còn đủ quán tính để lướt vào bờ.

“Coi chừng nhé Roger,” thuyền phó Susan bảo, cả cô cũng đang lo lắng nhìn qua mũi thuyền.

“Có đá bên mạn phải,” cô bé kêu lên.

John dịch bánh lái đi một chút xíu.

Con thuyền *Chim Én*, trong vùng nước khá phẳng lặng, tiếp tục lướt tới.

“R ấ,” Susan vừa nói vừa l ồm c ồm đi về đuôi thuyền lom khom trên đầu Titty, con bé vừa mới ló đầu ra từ dưới bu ồm. Susan đi về đuôi thuyền để làm giảm trọng mũi thuyền, và ngay khi cô bé đến đấy, một tiếng ào xào lạo xạo khẽ vang lên, và mũi thuyền *Chim Én* đã ghéch lên bãi sỏi. Con thuyền chưa kịp chạm vào bãi thì Roger đã nhảy lên bờ cùng dây neo.



4

Cảng khuyển

SUSAN là người tiếp theo lên bờ. Rồi đến Titty cùng giỏ bát đĩa. John ở lại thuyền để chuyền đồ dự trữ xuống. Trước hết là mấy món đồ nấu nướng linh khỉnh được nhét khắp nơi. Rồi đến hai cái lều, mỗi cái cuộn trong tấm bạt riêng, rồi mấy hộp bánh quy, rồi đến chiếc hộp thiếc nặng chứa sách cùng phong vũ biểu và những thứ cần giữ cho khô. Thế là con thuyền được giảm tải, và thuyền phó Susan cùng thuyền viên kéo con thuyền lên trên bờ một chút, giúp cho việc mang mấy cái túi đầy những phẩm cùng chần mền xuống được dễ dàng hơn. Mọi thứ được chất đồng trên bãi sỏi khô ráo.

“Nào, cậu thuyền phó,” thuyền trưởng John gọi, “ta lên đường thám hiểm thôi.”

“Việc trước hết cần làm là tìm chỗ tốt nhất để dựng trại,” Susan bảo.

“Mà nhìn từ đâu cũng khó thấy ấy,” Titty nói.

“Chúng ta cần một vạt đất phẳng có cây cối để căng lều,” John bảo.

“Với cả một chỗ thích hợp để nhóm lửa,” Susan thêm.

“Bỏ đồ lại đây có an toàn không thể?” Titty hỏi. “Biết đâu lại có sóng thần, cao những mười hai mét, ập vào cuốn phăng mọi thứ.”

“Không lớn tới mức đó đâu,” John bảo. “Lớn thế thì phủ hết cả đảo mất rồi còn gì.”

“Ê này, nhóc bầy tàu đâu rồi?” thuyền phó hỏi. Cậu bầy tàu Roger đã lên đường thám hiểm mất rồi. Đúng lúc ấy thằng bé la lên gần chỗ mọi người, đằng sau mấy bụi cây.

“Có ai đó nhóm lửa ở đây rồi.”

Mấy đứa kia từ bãi nhỏ chạy lại. Giữa khu vực bãi đáp và vùng đất cao có cây thông lớn trên đảo là một khoảnh đất trống, tròn tròn, đầy rêu. Ven

khoảnh đất ấy là cây cối, ở giữa có một chỗ trống tròn mà cỏ đã bị cào đi. Roger đang đứng đấy, nhìn vào vòng tròn xếp bằng đá cuội ngay ngắn, tạo thành chỗ nhóm lửa vẫn còn tro tàn của đồng lửa lúc trước. Ở hai bên thành vòng tròn có hai que chĩa chắc nụi đã được chôn xuống đất và chất đá tảng quanh chân, rồi thêm một que dài khác gác ngang qua lò lửa trên chạc ba của hai que cắm thẳng đứng, để có thể treo ấm nước trên ngọn lửa. Cạnh chỗ nhóm lửa là một chõng củi khô chất ngay ngắn, được bẻ dài gần bằng nhau. Có người từng nhóm lửa ở đây, và có người đang định nhóm lửa lại cũng ở đây.

“Thở dân,” Titty reo lên.

“Có lẽ họ vẫn còn ở đây,” Roger tiếp lời.

“Đi nào,” thuyền trưởng John bảo. “Ta đi kiểm tra một vòng xem.”

Thật sự hòn đảo chẳng có gì nhiều nhận đề mà thám hiểm. Chẳng mấy chốc thủy thủ đoàn thuyền *Chim Én* đã biết chắc rằng, mặc dù có ai đó từng ở trên đảo này lúc nào đấy, nhưng hôm nay trên đảo chỉ có hội này mà thôi. Cả đám đi ngược lên mút phía Bắc đảo, rồi đứng trên khu vực cao của đảo cạnh cái cây to nhìn qua hồ nước. Rồi chúng đi sang phía Nam đảo, nhưng lại thấy nơi này lởm chởm đá và phủ đầy thạch nam cùng mấy bụi cây nhỏ còi cọc, mọc sin sít nên chẳng dễ gì chen qua được. Cũng có cây cối đấy, nhưng không cao như cây ở khu phía Bắc. Tuy nhiên không thấy dấu hiệu gì là có con người ở đấy, với lại chẳng có nơi nào an toàn mà nhóm lửa. Cả bọn quay lại chỗ đốt lửa.

“Thở dân biết chọn sao cho được nơi thích hợp nhất mà,” Susan nói, “và nơi nhóm lửa này thật tiện.”

“Bây giờ có mống thở dân nào trên đảo đâu,” Roger nói.

“Chắc họ bị mấy người bản địa khác giết rồi ăn thịt mất tiêu rồi,” Titty bảo.

“Mà thôi, nơi này là thích hợp nhất rồi,” John nói. “Ta dựng lều lên ngay nào.”

Thế là cả bọn bắt tay vào dựng trại. Mọi người bê mấy bó lều bạt từ chỗ cập bến lên rồi tháo ra. Chúng chọn lấy bốn cây to ở một bên chỗ nhóm lửa gần với cây thông lớn nhất. “Vùng đất cao sẽ che chắn phía Bắc cho lều,” John bảo. Đoạn cậu leo lên một thân cây đến chừng hơn hai mét, rồi cột một đầu dây của một trong hai túp lều vào. Susan giữ đầu dây kia

cho đến khi cậu leo lên một cây khác, cột dây vào cũng ngang mức với bên kia. Tất nhiên sợi thừng chùng xuống ngay giữa, nên túp lều chỉ cao chừng mét rưỡi. Sợi thừng không được căng quá, vì sương đêm sẽ khiến dây co rút lại. Giờ thì túp lều rũ xuống hai bên sợi thừng như tấm chăn đang được hong cho khô. Việc tiếp theo cần làm là chất đá cho đầy mấy túi dưới chân vách lều. Một khi mấy túi dưới chân mỗi vách lều đã có vài hòn đá rỗ thì sẽ dễ dàng giữ cho mấy vách lều căng ra thôi mà. Nhưng để bảo đảm là lều được dựng chắc chắn, bọn trẻ vác thật nhiều đá cuội từ bãi lên, ngoài sỏi đá mà chúng nhặt được quanh mấy gốc cây, để quanh hai vạt và mặt sau lều đều có một dãy đá trong các túi nhỏ giữ cho vách lều được căng thẳng tắp.

“Mẹ làm kiểu lều này hay ghê,” Susan nói. “Đá chèn kít khắp mặt đất nơi này, chúng ta sẽ không đời nào đóng cọc lều nào xuống được đâu.”

Việc tiếp theo là kéo tấm bạt vào trong lều mà trải ra. Làm xong, cả bọn lúc nhúc chen vào.

“Tốt,” Susan bảo. “Từ trong này nhìn ra thấy được chỗ nhóm lửa.”

Túp lều thứ hai cũng được dựng lên theo cách ấy, và rỗ mọi vật dụng còn lại được đưa từ dưới bãi lên. Thuyền phó Susan bắt đầu nghĩ tới bữa tối. Thuyền viên Titty cùng bố tàu Roger được phái đi lượm củi. Rất nhiều cành khô nằm rải rác dưới các gốc cây. Chẳng biết thế nào, nhưng không ai muốn dùng đến đồng củi be bé ngay ngắn mà những người trước đó sử dụng chỗ nhóm lửa để lại. Với lại thật tình thì cũng không cần phải thế. Chẳng bao lâu sau một ngọn lửa đã phừng phực trong vòng tròn đá cháy đen. Susan tìm thấy một chỗ gần bên bãi cập bến có hai phiến đá, ta dễ dàng đứng lên đấy mà mức một ấm đầy nước sạch. Cô bé mang ấm quay lại, treo ấm lên que ngang bên trên ngọn lửa.

“Mọi chuyện đều ổn,” thuyền trưởng John lên tiếng, “trừ chỗ cập bến. Từ đất liền ai cũng nhìn thấy bãi này, và nếu gió mà thổi vào từ hướng Đông thì sẽ rất không hay cho *Chim Én*. Anh sẽ đi tìm chỗ khác tốt hơn.”

“Có chỗ nào đâu chứ,” Susan bảo. “Bọn mình đã cho thuyền đi vòng quanh đảo rỗ mà.”

“Thì anh cũng đi xem lại lần nữa vậy,” thuyền trưởng John nói.

“Nhưng bọn mình vừa mới đi khắp đảo rỗ đấy thôi,” Susan cãi.

“Mình vẫn chưa đi đến tận cùng hòn đảo mà,” John đáp.

“Nhưng chỗ đó chỉ toàn là đá thôi,” Susan nói chắc nịch.

“Sao cũng được, anh sẽ đi xem xem,” thuyền trưởng John nói, rồi để thuyền phó cùng thủy thủ đoàn lại lo nấu nướng, còn mình thì đi ra mút phía Nam đảo.

Cậu biết ở đâu phía Bắc đảo sẽ chẳng có chỗ nào làm bến cảng được đâu, cả đầu phía Tây cũng thế, bởi vì nơi đấy đá đâm thẳng xuống hõn như một bức tường bằng đá. Bên mạn Đông, ngoài chỗ bãi đáp ra thì nói chung cũng vậy thôi. Nhưng có cơ may cậu tìm được thứ mình muốn tại đầu phía Nam nơi hòn đảo chia chẻ ra thành những đảo nhỏ hơn, đá trọc từ dưới nước nhô lên, một số nằm ra tít ngoài xa đến mức khi cả bọn đang đi vòng quanh trên thuyền *Chim Én* cậu đã nghĩ đến gần sẽ chẳng được an toàn đâu.

Cậu đi theo lối dễ nhất xuyên qua những bụi thấp cùng cây nhỏ. Cậu thấy cứ như có người từng đi theo lối này rồi. Cậu đi thẳng đến chỗ mà mình đang tìm. Lúc này khi chúng mới thám hiểm hòn đảo thì chỉ còn một hai mét nữa là cậu nhìn thấy chỗ này. Ấy vậy mà nơi này khuất kín đến nỗi cậu đã quay lại mà không nhìn thấy. Lần này thì suýt chút nữa là cậu rơi tõm xuống đó. Đấy là một dải bờ nhỏ uốn quanh vịnh nước nhỏ xíu ở đầu tận cùng đảo. Một vạt cây phỉ rậm rạp mọc rợp bên trên, che khuất nơi này khỏi con mắt của bất kỳ kẻ nào không tận tình chen chân qua. Sau vạt cây phỉ, góc Tây Nam của đảo lấn ra vùng nước đến gần hai chục thước, là một chỏm đá hẹp cao chừng hai đến hai mét rưỡi, nhô cao lên rồi dần dần xuôi xuống. Đá tảng cũng che chắn vịnh này ở phía Đông Nam. Một khối đá to là một phần của đảo, rồi xa hơn là một chuỗi khối đá nhỏ hơn. Chả trách cả bọn cứ tưởng nơi đấy chỉ toàn là đá khi chúng cho thuyền đi qua phía ngoài.

“Nhỡ nó chỉ là một vũng nước không có lối dẫn vào thì sao,” John tự nhủ.

Cậu leo lên chỏm tảng đá to. Trên đấy mọc đầy thạch nam nên John bò bám lên, nhìn xuống vũng nước nhỏ dưới chân mình. Ở mé bên kia vũng nước cậu còn thấy được đá tảng to dưới nước, nhưng ở mé bên này thì có vẻ an toàn. Vùng nước trong đấy phẳng lặng vô bờ, vì nó được chính hòn đảo che chắn ngọn gió lúc này vẫn còn thổi hây hây từ phía Tây Bắc. Trông có vẻ như có thể đưa thuyền từ ngoài vào qua con rạch hẹp giữa hai bên đá tảng, nhưng tất nhiên ngoài đấy vẫn có thể có đá ngầm mà cậu không nhìn thấy được.

Cậu leo ngược xuống tất tả chạy về trại.

“Anh tìm được chỗ đó rồi,” cậu la lớn. “Ít ra thì anh nghĩ là đã tìm thấy.”

“Thấy gì?” Susan hỏi.

“Một bến cảng thực thụ cho *Chim Én*. Cũng chưa biết nữa. Anh sẽ đưa thuyền đi vòng qua đây xem có đường vào không. Em theo chứ?”

“Đâu có bỏ bễ núc đi được,” Susan đáp.

“Thôi được, anh phải đưa theo một thủy thủ,” John bảo. “Em để thuyền viên đi được không?”

“Đi theo đi, Titty,” thuyền phó bảo.

“Em đi nữa,” Roger đòi.

“Chỉ một đứa thôi,” John nói, “nhưng nếu bọn anh đưa được thuyền vào, bọn anh sẽ thôi còi. Khi đó em có thể đến. Cho mượn còi của cậu nào, thuyền phó?”

Susan đưa còi cho cậu, rồi John và Titty vội vàng ra bến, hạ thủy thuyền *Chim Én*.

“Anh sẽ chèo thuyền qua đó,” cậu bảo. “Dừng buồm lên để rồi phải hạ xuống liền thì ích gì.”

Titty ngẩng nhìn đuôi thuyền còn John chèo. Thuyền *Chim Én* khó chèo thật, bởi sóng thuyền với thanh dầm, những thứ khiến nó chạy bằng buồm rất hiệu quả. Nhưng chẳng bao lâu hai anh em đã đi qua mũi đảo. John chèo thuyền đi vòng thật xa mấy khối đá.

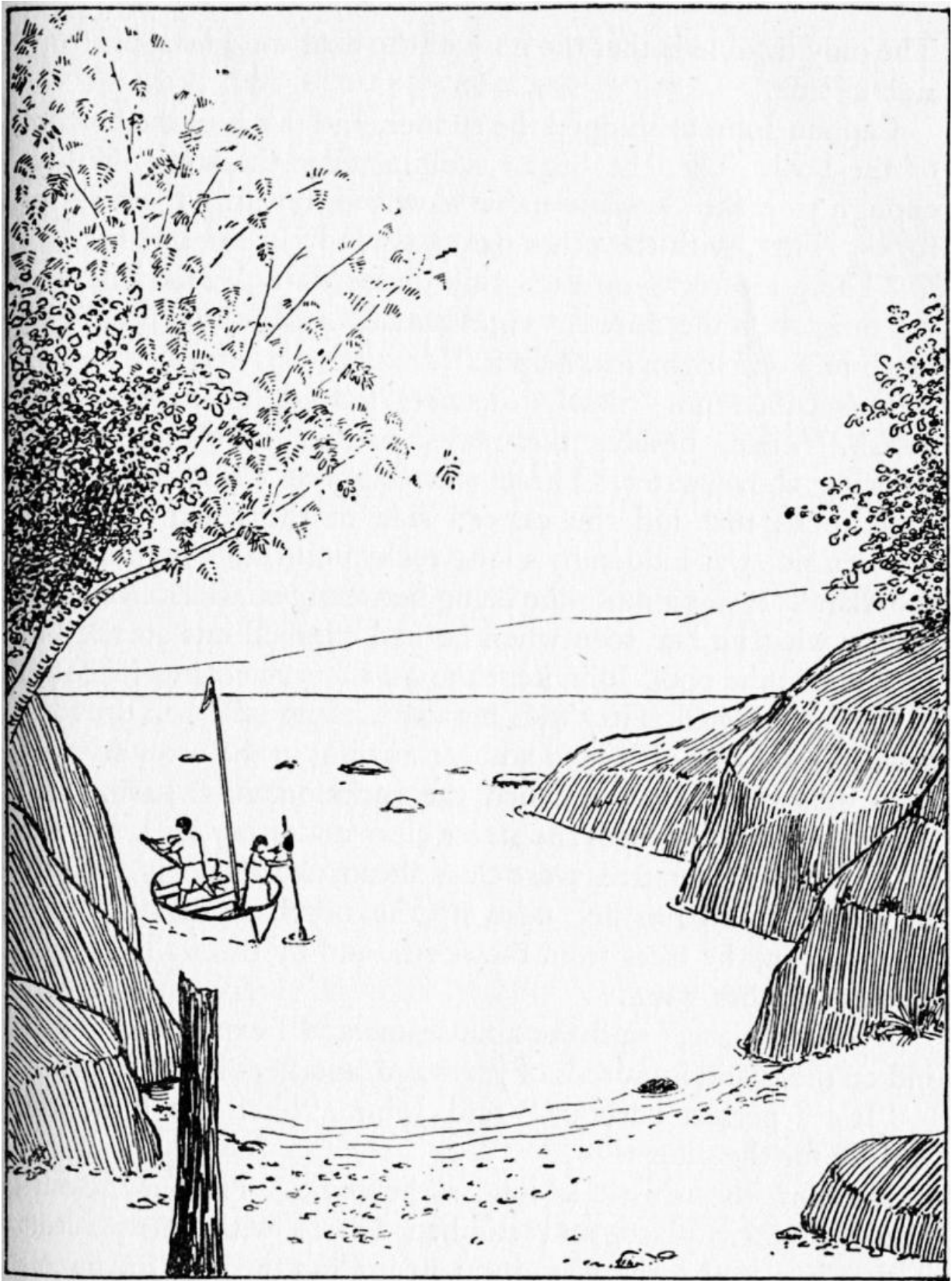
“Nào,” cậu nói, “chúng ta sẽ thử đi vào. Anh sẽ chèo một mái phía đằng đuôi, em cần chèo còn lại đi tới trước sẵn sàng chặn nếu như có đá dưới nước nhé.”

“Em nên ngẩng trước trục buồm chính thì hơn, như Roger ấy,” Titty đáp.

“Cũng được, nếu có chỗ.”

Phía đuôi thuyền *Chim Én* là một vòng hình bán nguyệt khoét ra từ tấm đuôi, như một miếng cắn trên lát bánh mì phết bơ. Trong đấy chỉ vừa đủ chỗ để bỏ một mái chèo, để ta có thể dùng một mái chèo khua nước hai bên đưa thuyền đi, hay đảo cho mái chèo luôn đẩy nước. Nhiều người không biết cách chèo bằng một mái nơi đuôi thuyền đâu, nhưng nếu biết rồi thì

đễ lắm, John đã được bố chỉ cho từ lâu rồi ngày còn ở cảng Falmouth. Rắc rồi duy nhất là mũi thuyền sẽ hơi lắc lư chệch choạc.



LĂN TÌM LỐI VÀO

Thuyền trưởng John tháo bánh lái ra, đặt xuống sàn thuyền. Rồi cậu bắt đầu khua chèo phía đuôi thuyền, nhẹ nhàng thôi, đủ để *Chim Én* chần chạch tiến vào dọc những dãy đá. Titty, tay lăm lăm mái chèo còn lại, đã sẵn sàng dang mũi thuyền.

“Cả hai bên đều có đá ngầm,” Titty bảo.

“Nếu có đá ngay trước mặt thì la lên,” John bảo. “Nếu được thì đừng để thuyền va vào tảng đá nào hết.”

Cậu chèo tiếp. *Chim Én* từ từ tiến vào giữa những tảng đá ngập sóng. Thế rồi, ngoài những đá ngập sóng ra, còn có những tảng nhô hẳn lên khỏi mặt nước. Đá mỗi lúc một lớn hơn. Rồi đến những tảng đá cao che khuất bờ Đông hồ, trong khi mé Tây bị mũi đá dài lởm chởm từ đảo đầm ra che khuất. Cứ như là đang kẹt giữa hai bức tường vậy. Nhớ những gì đã trông thấy khi leo ra tảng đá to bên trên vũng nước, John giữ cho thuyền đi thật sát vách phía Đông, Titty cặm chèo chặn đẩy đi khi đá có vẻ đến quá gần. Nếu nãy giờ hai anh em mà chèo kiểu thường thì ắt mái chèo đã va vào đá ở cả hai bên thuyền rồi. Ấy vậy nhưng *Chim Én* vẫn lướt đi mà sóng thuyền không va chạm gì dưới mặt nước.

Cuối cùng thì những tán cây xanh phía trước cũng gần lại, và *Chim Én* an toàn vào trong vũng, ghéch mũi thuyền lên bờ vịnh bé xiu, phía Bắc được cây cối che chắn, và cũng khuất gió máy nhờ những vách đá.

“Một nơi cực kỳ,” thuyền viên lên tiếng. “Em cho là mấy trăm năm trước có người ẩn thân trên đảo này, cất thuyền trong đây.”

“Cảng này hoàn hảo đây,” John bảo. “Tụi mình thôi còi gọi mấy đứa kia đến nhé?”

Cậu thôi còi to hết mức. Cậu xếp ngay ngắn hai mái chèo vào đúng chỗ, rồi cặm dây neo nhảy lên bờ. Titty đã lên bờ từ trước, đang len lỏi qua đám cây phỉ để đến gặp mấy đứa còn lại. Chúng có mặt ngay lập tức.

“Sao nào,” thuyền trưởng John hỏi, “cảng như vậy thấy sao hả?”

“Làm sao mà khi cho thuyền đi qua tụi mình lại chẳng hề nhìn ra nơi này nhỉ?” Susan thắc mắc.

“Vì đá ra ngoài xa quá mà.”

“Sẽ chẳng ai tìm thấy thuyền trong này đâu,” Susan nói.

“Và nếu ta bị kẻ thù áp đảo thì chúng ta có thể trốn ra đây,” Titty bảo. “Đứng đâu cũng không nhìn thấy, ngay cả trong đảo. Đây là cảng thích hợp

chưa ai từng có.”

“Tụi mình có thể buộc dây neo thuyền vào móm cây cụt kia,” thuyền trưởng John nói, “rồi kéo dây từ đuôi thuyền đến bụi cây trên tảng đá kia để giữ cho thuyền nổi trên nước. Làm vậy hay hơn kéo thuyền lưng chừng lên cạn nhiều.”

“Em cột lại nhé?” Roger hỏi.

John đưa dây neo cho cậu bé.

“Anh vẽ dấu thập trên cây kia làm gì thế?” Roger hỏi.

“Dấu thập nào?” John hỏi.

“Cái này nè.”

Gần trên chóp gốc cây cụt, cao chừng mét hai, là một chữ thập màu trắng được sơn vẽ lên mé gần mặt nước nhất. Dấu này được sơn đấy từ lâu rồi, đã mờ đi, mà cả John với Titty đều không để ý thấy. Hai đứa lo nghĩ đến vách đá hơn là đến cây cối.

“Anh đâu có vẽ nó ra đấy,” John bảo. “Hắn là đã có từ trước rồi.”

“Lại là thổ dân chứ gì,” Titty buồn bã. “Thế có nghĩa là có kẻ đã biết về cái cảng này.”

“Chị nghĩ đấy cũng là những người đã đắp chỗ nhóm lửa thôi,” Susan nói.

Lúc ấy thuyền phó Susan sức nhớ mình cũng đang nấu ăn.

“Ấm nước chắc đang sôi,” cô bé thất thanh. “Nước trào làm tắt lửa mất. Với lại khi anh thổi còi thì em đã luộc xong trứng rồi đấy.”

Cô bé bỏ chạy về trại.

Mấy đứa còn lại đẩy *Chim Én* xuống cho đến khi thuyền nổi trên nước. Thuyền trưởng John buộc chặt một đầu sợi thừng dư vào mấu nơi đuôi thuyền, còn thuyền viên Titty thì leo lên tảng đá cùng đầu dây còn lại. Roger giữ dây neo thuyền. Rồi John lên bờ. Titty kéo sợi thừng đuôi thuyền buộc chặt quanh bụi thanh hương trà mọc trên tảng đá. Roger cùng John cột dây neo quanh mấu gốc cây có đánh dấu chữ thập trắng, thế là thuyền *Chim Én* nằm giữa cảng nhỏ nước cao cỡ một mét, đầu đuôi được neo chặt, tứ bề được che chắn.

Thuyền trưởng John nhìn con thuyền của mình ngời ngời tự hào.

“Anh không tin cả thế giới này còn có cảng nào tốt hơn vậy,” cậu nói.

“Giá không có ai khác biết về cang này,” Titty bảo.

Rồi cả bọn vội quay lại trại.

Trại lúc này đã bắt đầu trông ra vẻ trại lăm rỗ. Hai mái lều treo giữa hai cặp cây. Thuyền phó và thuyền viên sẽ ngủ trong một túp, thuyền trưởng với bầy tàu ngủ trong túp còn lại. Rồi ngoài khoảng trống dưới tán cây là ngọn lửa đang vui vẻ tí tách. Ấm nước đã sôi, được đặt trên mặt đất bốc hơi nghi ngút. Susan đang làm chảy một miếng bơ to trên chảo rán. Trong cái tô cạnh cô bé là sáu quả trứng sống. Susan gõ trứng vào vành cốc để đập trứng vào trong tô. Mấy vỏ trứng nổ lách tách trong đồng lửa. Bốn cốc nước đang đứng thành một hàng trên mặt đất.

“Hôm nay không dùng đĩa riêng,” thuyền phó Susan thông báo. “Tụi mình ăn chung một đĩa lớn nhé.”

“Nhưng đây có phải đĩa chung đâu,” Roger cãi. “Là chảo rán cơ mà.”

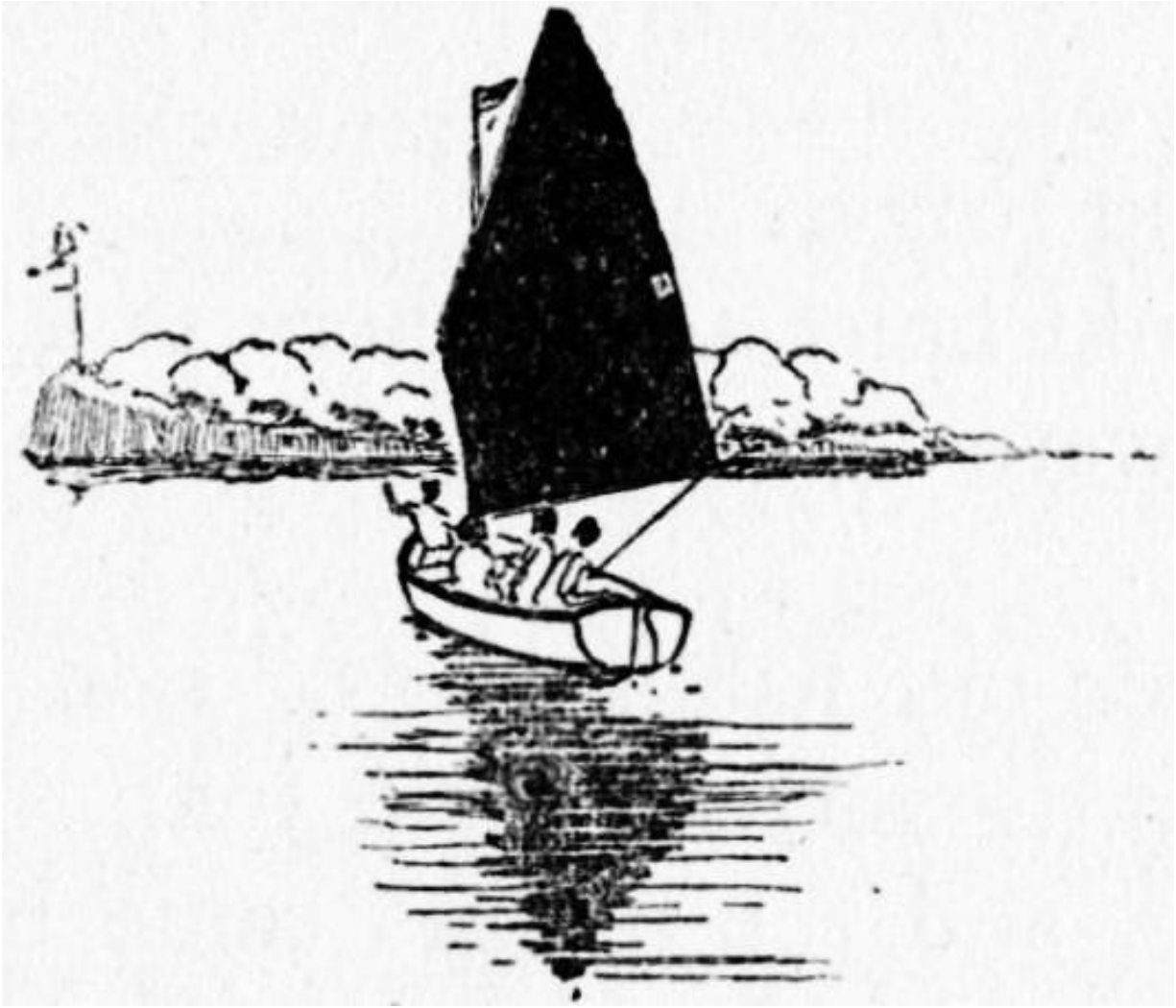
“Ha, tụi mình cũng ăn trong đây luôn. Trứng dính vào đĩa kính lắm.”

Cô bé giờ đã đổ trứng sống vào lớp bơ xèo xèo, rồi quậy trứng với bơ sau khi đã rắc hũ tiêu lên, và bỏ thật nhiều muối vào.

“Trứng đang vón lại kia,” Titty vừa nói vừa chăm chú quan sát. “Khi trứng bắt đầu chín thành lớp mỏng thì chị phải liên tục cạo khỏi đáy chảo đấy. Em thấy bác Jackson làm vậy.”

“Đang chín thành lớp đấy,” Susan bảo. “Nào, tới cạo lên đi.”

Cô bé đặt chảo rán xuống đất, phát cho mỗi người một thìa. Thuyền trưởng, thuyền phó và thủy thủ đoàn *Chim Én* ngồi bệt quanh chảo, bắt đầu ăn ngay món trứng khuấy, đang nóng hôi hổi, khi vừa ăn được. Thuyền phó Susan cắt ra bốn lát bánh mì nâu dày sự rồi phết bơ lên để ăn với trứng. Rồi cô bé rót ra bốn cốc trà, đổ đầy sữa trong chai vào. “Sẽ có đủ sữa trong chai cho hôm nay,” mẹ đã dặn, “nhưng ngày mai mẹ phải tìm cách lấy sữa cho mấy đứa từ nông trại nào đấy gần hơn là Holly Howe.” Rồi còn có một ổ bánh gạo sữa to tướng mà cả bọn mang theo để chung với những thứ khác trong một hộp đựng bánh quy to. Hộp này cũng biến thành đĩa chung, như cái chảo rán vậy. Rồi còn có bốn lát dày bánh ga tô nhân hạt. Rồi cả táo cho cả đám.



5 Đêm đầu tiên trên đảo

SAU khi đã ăn sạch trứng rỗi bánh gạo sữa rỗi bánh mì đen phết bơ rỗi bánh ga tô rỗi táo, thuyền phó và thuyền viên lo rửa chén. Thìa múỗng cần được rửa còn chảo rán phải được cạo sạch, ly cốc với tô được tráng sạch dưới hồ. Thuyền trưởng cùng bầy tàu mang theo kính viễn vọng, tìm lấy một nơi thích hợp trên vùng đất cao bên trên khu dựng trại ở phía Bắc hòn đảo, tại đây hai đứa có thể nằm dài trong một hõm đá mà quan sát qua những bụi thạch nam mà không bị ai trông thấy. Gần sát sau lưng hai cậu là cây thông cao cao mà cả bọn từng trông thấy khi nhìn ra hòn đảo từ mỏm Darien.

Thuyền trưởng John nằm ngửa ra trong bụi thạch nam, nhìn lên ngọn cây.

“Đúng ra thì ta phải cắm cờ trên ngọn cây kia,” cậu nói.

“Để làm gì chứ?” Roger hỏi.

“Để chúng ta kéo cờ lên đấy làm hiệu. Tỉ như Susan với Titty thì đang ở đây một mình, còn anh em ta đi câu đâu đó...”

“Mình quên cần câu mất rồi anh ời,” Roger thốt lên.

“Ngày mai mình sẽ đi lấy,” John bảo. “Nhưng giả dụ như bọn mình đi câu vắng nhà, rồi đám thổ dân quay lại, mấy kẻ đã đắp chỗ nhóm lửa ấy, rồi khi nhìn thấy cờ được kéo lên thì anh em mình biết có biến gì đấy, rồi mình quay lại giúp. Với lại cột cờ cũng có thể làm một ngọn hải đăng hữu ích nữa. Nếu có ai trong đám tụi mình bơi thuyền về lúc trời tối, đứa nào còn ở lại trên đảo có thể kéo đèn lồng lên, biến cây này thành ngọn hải đăng, để bọn mình tìm thấy đảo dù cho trời có tối đến mức nào.”

“Nhưng Susan hay Titty hay em đều không thể trèo lên cây kia. Cây chẳng có cành nào chìa ra cả.”

Như đa số các loại thông, cây này cũng trơ trụi không cành từ dưới đất lên đến chừng bốn năm mét đầu.

“Nếu anh mà leo lên được cành gần nhất thì anh sẽ tròng dây thừng qua đấy cho hai đầu dây thông xuống đất. Như thế thì không ai cần phải leo làm gì nữa. Ai cũng có thể cột đèn vào đấy mà kéo lên. Một đầu dây sẽ cột vào vòng sắt trên đèn, còn đầu kia thì cột vào đế đèn để chúng ta kéo lên kéo xuống, giữ cho nó khỏi đung đưa.”

“Tụi mình có đủ dây thừng không anh?” Roger hỏi.

“Không có loại đủ mảnh. Dây thừng trên mỏ neo thì dày quá, còn dây dự phòng thì lại không đủ dài. Ngày mai anh phải kiếm ít dây thừng mảnh mới được. Cũng may ngay trước khi bọn mình tới đây là sinh nhật anh. Với năm xu mình có thể mua được cả khối dây thừng.”

Đúng lúc ấy thuyền phó Susan và thuyền viên Titty đến nhập bọn, ngời phịch xuống giữa bụi thạch nam.

“Mọi thứ sẵn sàng cho đêm nay rồi,” Susan bảo, “trừ mấy cái giường, bao giờ thổ dân mang mấy túi rơm đến bọn em mới soạn giường được.”

Titty nhảy dựng lên. “Có thuyền đang đến kìa. Roger ơi, chắc là em ngủ gật rồi, bằng không em phải trông thấy thuyền ấy chứ.”

“Em có ngủ gật đâu,” Roger cãi. “Chỉ là đang không nhìn thôi. Nếu không nhìn thì người ta cũng có thể tỉnh như sáo nhưng lại chẳng trông thấy gì ấy chứ.”

Thuyền trưởng John ngời dậy, đưa kính viễn vọng lên mắt.

“Là thổ dân đấy,” cậu nói, “bác ấy có đưa mẹ theo nữa.”

“Đưa em kính coi,” Titty bảo. John đưa kính cho con bé, con bé nhìn chăm chú qua kính viễn vọng.

“Mẹ là thổ dân luôn rồi,” cuối cùng con bé bảo.

“Để em coi với,” Roger nói.

Cậu gí chặt kính vào mắt, chỉnh đúng hướng.

“Em có thấy gì đâu. Tối thui à.”

“Em để nắp kính che mắt ngấm mắt rồi còn đâu,” Titty nói, con bé biết tường tận về kính viễn vọng. “Vặn đi, rồi nắp sẽ mở ra.”

“Giờ em thấy rồi,” Roger reo.

Người thổ dân, thật ra là bác Jackson ở nông trại Holly Howe, đang chèo thuyền đi bằng những sải chèo thật dài thật đều đặn. Từ xa trông cứ như là một con nhện nước. Nhưng qua kính viễn vọng thì rất dễ nhận ra đây là một con thuyền, cùng những đồng lù lù là túi rơm và mẹ đang ng ửi nơi đuôi thuyền.

Roger cùng Titty chuy ền qua chuy ền lại kính viễn vọng khi con thuyền tiến đến mỗi lúc một gần hơn. Thuyền trưởng cùng thuyền phó đi xuống trại để kiểm cho chắc mọi thứ đều sẵn sàng cho khách tham quan xem. Thuyền trưởng đặt hộp thiếc của mình, một hộp thật to, ra sau l ầu ngay chính giữa. Cậu lấy từ trong đấy ra chiếc phong vũ biểu nhỏ r ồi treo lên chốt khóa phía trước hộp. Trong l ầu chẳng còn thứ gì khác nên trông rất gọn gàng. Titty cùng thuyền phó thì làm cho l ầu mình trông giống như ở nhà hơn. Ngay giữa l ầu là mấy hộp thiếc, trong chứa thức ăn. Mấy hộp này tạo thành hai gh ế ng ửi. R ồi ở hai bên l ầu, nơi sẽ là hai giường của hai đứa, hai cô đã trải chăn ra và xếp đầu chăn lại. Vật dụng nấu bếp được xếp gọn gh ế vào một góc, ngay bên trong l ầu. Bên ngoài, trên sợi thừng căng l ầu, là hai khăn lau đang được hong khô. Thuyền trưởng John nhìn vào trong l ầu r ồi quay lại l ầu mình, cũng trải chăn của mình với Roger giống hệt như thế. Hai tấm chăn chắc chắn đã khiến cho căn l ầu trông như thể đã có người sống trong đó hơn. Mà dẫu sao thì, khi túi rơm đến r ồi thì kê chúng xuống dưới chăn cũng chẳng khó khăn gì. Thuyền phó Susan cho thêm ít cành khô vào đồng lửa, để tạo ra ngọn lửa reo vui. R ồi cô cậu quay lại với hai đứa kia.

“Mấy thổ dân kia sắp đến r ồi đấy,” Titty thông báo. “Bọn mình có nên chỉ cho họ chỗ cảng không?”

“Không,” thuyền trưởng John đáp, “với thổ dân thì mình không biết trước được đâu, cả với những người thân thiện. Chúng ta sẽ giấu *Chim Én*. Có phải mẹ đi một mình đâu.”

“Với lại người ta mang túi rơm đến,” Susan nói, “mà bãi cập bến thì gần trại. Mang túi từ đấy vào dễ hơn là phải đi qua mấy bụi rậm ở đầu thấp của đảo.”

Toàn bộ thủy thủ đoàn thuyền *Chim Én* đứng dậy chỉ sang hướng Đông. Mẹ, nữ thổ dân ng ửi nơi đuôi con thuyền chèo, cũng chỉ tay về phía giữa hòn đảo và đất liền phía bờ Đông, để ra hiệu rằng mẹ hiểu cả bọn có ý gì.

Mẹ nói gì đấy với người thổ dân đang cậ̀n chèo, bác liếc ra sau vai, ṛĩ kéo mạnh chèo bên trái một hai sải gì đấy, đổi hướng con thuyền.

Họ đang đi qua đầu hòn đảo. Roger đã chạy xuống chỗ cập bến. Những người còn lại của thuyền *Chim Én* chạy theo sát gót và khi người thổ dân cho thuyền vào bờ, cả thủy thủ đoàn đã đứng trên bãi, sẵn sàng giúp bác thổ dân kéo thuyền lên.

“Mà các con làm gì con thuyền ṛĩ thế?” mẹ hỏi. “*Chim Én* đâu?”

“Goacalaximala,” Titty đáp. “Nghĩa là bọn con không thể nói cho mẹ biết vì mẹ là thổ dân... dĩ nhiên là thổ dân hi ền ṛĩ ạ.”

“Buruḍuxululu,” mẹ đáp lại. “Nghĩa là mẹ không quan tâm con thuyền đang ở đâu miễn là nó không sao.”

“Thuyền đang ở nơi tuyệt lắm ạ,” thuyền trưởng John nói.

“Con dịch lại cho mẹ nhé?” Titty nhẹ nhàng hỏi.

“Thật ra thì,” nữ thổ dân kiêm mẹ đáp, “tôi đã học được kha khá tiếng Anh khi trò chuyện với các bạn ṛĩ, nhưng mà tôi sẽ wallacallawalla nếu các bạn muốn tôi nói như thế.”

“Nếu đã biết tiếng Anh ṛĩ thì không cậ̀n đâu ạ,” John bảo.

“Đọc,” nữ thổ dân đáp. “Nghĩa là, được ṛĩ. Giờ tôi hy vọng các bạn sẽ chỉ cho thổ dân chúng tôi xem trại các bạn chứ, để chúng tôi giúp mang mấy túi rơm lên.”

Bác Jackson, bác nông dân ở nông trại Holly Howe, đã dỡ cả bốn túi rơm trên thuyền xuống. Bác là một thổ dân rất mạnh, rất khỏe, bác vác trên vai ba túi một lúc. John và Susan mang túi thứ tư. Roger cậ̀n tay nữ thổ dân dắt đi còn Titty dẫn đường lên lều.

“A, các bạn có khu trại đáng yêu quá,” nữ thổ dân bảo.

“Thế ạ?” Susan hỏi. “Mời bà vào lều này nhé?”

Nữ thổ dân khom người đi vào lều. Bác Jackson thấy mấy túi rơm xuống.

“Nào nào Roger,” John bảo, “ta đi chuẩn bị lều trước khi mẹ vào nào.”

John nắm một đầu túi rơm. Roger cũng phụ, hai cậu cùng nhau kéo túi thứ nhất ṛĩ túi nữa vào trong lều mình. Hai đứa đặt mỗi bên lều một túi, vừa động vừa lắc cho đến khi túi kha khá phẳng ṛĩ phủ tấm chăn đã gấp sẵn lên trên. Ṛĩ cả hai nằm xuống, mỗi đứa một giường.

Trong khi đấy Susan cùng nữ thổ dân đang kê giường cho lều kia. Bác Jackson đã quay lại thuyền.

Chốc sau nữ thổ dân thò đầu vào lều của thuyền trưởng.

“Hai đứa trông khá thoải mái trong này đấy,” mẹ bảo, “nhưng hai đứa sẽ làm sao đây khi trời tối nào?”

“Lẽ ra bọn con phải mang theo hai đèn dầu,” John đáp. “Con quên búng mất. Bọn con chỉ có một cái đèn lớn cho cả trại thôi.”

“Mẹ có mang sang cho bọn con hai đèn nến, mỗi lều một đèn, nếu các con hứa là sẽ cẩn thận không làm lều hay các con bắt lửa. Dầu cho đèn lớn đâu?”

“Ở ngay ngoài lều kia ạ,” John đáp.

“Con phải cất dầu chỗ nào an toàn và cách thật xa lều lẫn lửa đấy.”

Đúng lúc ấy người thổ dân mạnh khỏe, bác Jackson, quay lại lều cùng một đợt hàng hóa khác từ thuyền.

“Các bạn ra đây nào,” nữ thổ dân bảo. “Tôi sẽ không nán lại đây đâu, vì bác Jackson phải quay trở lại nông trại của bác ấy. Nhưng có nhiều việc phải sắp xếp lắm. Trước hết là về vụ sữa. Trên đảo của các bạn không có bò, cho nên các bạn phải vào đất liền lấy sữa. Tôi đã sắp xếp với nông trại đằng kia, trại Dixon, để các bạn lấy một lít sữa mỗi sáng. Nếu các bạn muốn có thêm sữa cho bữa tối, bác Dixon sẽ cho các bạn lấy. Nhưng mỗi buổi sáng các bạn phải chèo thuyền đến đấy lấy sữa. Các bạn có thể nhìn thấy bến của họ cạnh cây sồi to. Cảm ơn bác Jackson nhé.”

Bác thổ dân to khỏe đã đặt xuống chiếc làn to mang từ thuyền lên. Trong đấy là can sữa với lại nhiều thứ khác. Nữ thổ dân bắt đầu lấy các thứ ra như thể bà đang moi tìm quà trong ổ bánh nướng.

“Bình sữa cho các bạn này,” bà bảo, “nhớ là ban ngày giữ cho sữa thật mát nhé. Tránh ánh mặt trời và nhớ rửa bình cho thật sạch trước khi mang đến nông trại lấy thêm sữa đấy. Với lại, cho ngày mai thì tôi có đem bánh nhân thịt mà hôm nay bác gái Jackson nướng cho các bạn đây. Các bạn sẽ chóng chán ngấy ăn mỗi thịt bò hộp...”

“Thịt bò khô chứ,” Titty chỉnh.

“Thịt bò khô,” nữ thổ dân chữa lại. “Thế nên nếu là các bạn thì tôi sẽ mở hộp thịt bò khô chỉ khi không còn thứ gì khác ăn được mà không cần nấu thôi. Mà này, Susan là bếp trưởng phải không đấy?”

“Vâng ạ,” thuyền trưởng John đáp.

“Thế tôi giao lương thực cho cô ấy vậy. Bánh nướng đây này. Tôi cũng có mang một hộp ngũ cốc dùng làm điểm tâm. Không cần phải nấu cháo cho buổi sáng thì Susan cũng đã bận rộn lắm rồi.”

“Con thích nấu ăn mà,” thuyền phó Susan nói.

“Nếu con cứ thích nấu ấy, nghe lời mẹ mà bắt mấy đứa còn lại rửa chén nhé,” nữ thổ dân bảo.

Bác Jackson lại từ thuyền lên, mang theo một túi lớn.

“Bác gái đã rất tốt bụng để cho các bạn đem gỏi đến đây,” nữ thổ dân bảo. “Tôi biết các bạn có thể ngủ không cần gỏi, nhưng gỏi sẽ tạo ra khác biệt lớn lao đến nỗi tôi cam đoan đến chính Christopher Columbus cũng luôn mang theo gỏi của mình đấy.”

Gỏi được lôi ra mang đến mỗi lều hai chiếc.

“Bà có trông thấy tên cướp biển cùng con vẹt không ạ?” Titty vừa chui ra khỏi lều vừa hỏi khi đã cất gỏi vào lều.

“Cướp biển nào cơ?” nữ thổ dân hỏi lại.

“Kẻ ở trên nhà bè ấy ạ. Bọn cháu nhìn thấy hắn mà. Với cả con vẹt nữa.”

Bác Jackson bật cười. “Thế ra các cháu gọi ông ta là thế đấy. Bác dám cá là các cháu gọi đúng rồi.”

“Tôi có nhìn thấy nhà bè,” nữ thổ dân đáp.

“Là ông Turner thôi,” bác thổ dân vạm vỡ bảo. “Ông ta thường sống trên nhà bè vào mùa hè. Năm nay ông ta chẳng cho ai bén mảng đến gần cả. Năm ngoái mấy đứa nhỏ nhà Blackett, là đám cháu gái của ông ta ở phía bên kia hồ ấy, quanh quẩn bên ông ta luôn. Nhưng năm nay thì không nhé. Cái tay Turner ấy, cứ im ỉm lẩn lút thôi. Chẳng ai biết ông ta làm gì trong đấy, nhưng người ta bảo rằng ông ta có món gì đấy trong nhà bè đáng giá đến cả gia tài.”

“Là kho báu của hắn chứ là gì,” Titty bảo. “Cháu biết ngay hắn là tên cướp biển đã giải nghệ mà. Tất nhiên hắn sẽ không cho phép ai đến gần kho báu đâu.”

“Chắc bé Vicky đòi tôi rồi,” nữ thổ dân bảo, “nên tôi sẽ không ở lại với các bạn được. Mà dù sao chắc các bạn cũng không muốn có nhiều thổ dân

vây quanh đâu nhỉ. Trời đang tối dần kia, nên nếu là các bạn thì tôi sẽ đi ngủ sớm, vì mặt trời buổi sáng sẽ đánh thức các bạn dậy đấy, ngay cả khi chim chóc không gọi các bạn dậy.”

“Cảm ơn đã mang đèn ra cho bọn con ạ,” Susan nói.

“Nhất là mấy cái đèn ấy,” Titty nói thêm.

“Đọc, đọc, đọc,” nữ thổ dân vừa dậm bước xuống bãi cập thuyền vừa nói. “Không, tôi sẽ không ng ồi uống trà gì đâu, cảm ơn nhé. Các bạn đã uống trà rồi với lại ngày cũng sắp hết. Ồ,” bà nói thêm, “có chuyện này tôi quên mất.” Bà chui vào lều của thuyền trưởng rồi tươi cười chui ra. Đoạn, khi bước xuống thuyền bà bảo với John, “Tôi sẽ không liên tục đến đây làm phiền các bạn đâu...”

“Mẹ, mẹ không làm phiền gì bọn con đâu mà,” John bảo.

“Dù sao thì tôi cũng không ra hoài đâu, nhưng tôi yêu cầu các bạn cho tôi biết tin hai ba ngày một lần gì đấy - hoặc thường xuyên hơn nếu các bạn muốn - rằng mọi chuyện đều ổn. Các bạn sẽ cần lương thực mà, trong khi thổ dân chúng tôi thì khi nào cũng có thể cung cấp được hết. Vậy thỉnh thoảng các bạn sẽ ghé về Holly Howe chứ?”

“Nếu mẹ muốn mai con sẽ ghé,” John đáp.

“Ừ, mẹ rất muốn biết đêm đầu tiên như thế nào.”

“Mẹ, mẹ vừa làm gì trong lều con vậy?” John hỏi.

“Chút con vào thì biết ngay thôi.”

Nữ thổ dân bước xuống thuyền đi đến đằng đuôi thuyền rồi ng ồi xuống. Bác Jackson, cái bác thổ dân vạm vỡ ấy, chống thuyền ra khỏi bờ, quỳ bên cạnh mép thuyền khi con thuyền trôi ra. Tích tắc bác đã cầm cặp chèo mà chèo vào màn đêm.

“Tạm biệt, tạm biệt, chào mẹ ạ,” thủy thủ đoàn thuyền *Chim Én* gọi lớn. “Chào bác Jackson.”

“Tun,” nữ thổ dân đáp lại. “Nghĩa là tạm biệt và chúc ngủ ngon.”

“Tun, tun,” cả đám hô lớn.

R ồi cả bọn chạy lên đầu hòn đảo, đến chỗ quan sát dưới cây thông cao cao mà vẫy tay khi con thuyền chở thổ dân chèo đi vào ánh chạng vạng. Mãi sau đấy khi không còn trông thấy con thuyền nữa, cả bọn vẫn còn nhìn ra những lóa sáng lúc mái chèo nhấc khỏi mặt nước. R ồi sau khi chẳng còn

nhìn thấy gì nữa, chúng vẫn nghe ra tiếng chèo khua nước, mỗi lúc một lịm xa dần.

“Bọn mình nên đi ngủ trước khi trời tối hẳn thôi,” thuyền phó Susan bảo.

“Nửa tiếng nữa tắt đèn,” thuyền trưởng John ra lệnh.

“Nhưng bọn mình đã tắt đèn đâu,” Roger thắc mắc.

“Ừ chưa, nhưng sắp rồi,” thuyền trưởng John vừa nói vừa mở đèn ra và đánh diêm. Bên ngoài trời vẫn còn le lói sáng, dù dưới tán cây thì không được sáng lắm, còn trong lều thì tối hù. John tắt đèn lên mang vào lều đặt trên hộp thiếc, cậu dịch hộp thiếc ra giữa lều để tránh mối nguy lửa bén vào mấy bức vách. Rồi cậu chợt nhớ ra nữ thổ dân đã làm gì đấy trong lều mình trước khi ra về. Cậu nhìn quanh xem đấy là gì. Một mảnh giấy được ghim lên vách lều gần nơi đầu giường cậu. Trên mảnh giấy có ghi, “Nếu không ngốc thì đâu có chìm.”

“Bố biết bọn mình không ngốc,” John tự nhủ.

Susan đặt đèn lên một trong hai hộp thiếc. Cô bé và Titty đang soạn giường cho được êm.

Hai túp lều trông như hai ngọn đèn lồng bằng giấy thật to đang tỏa sáng dưới các tán cây. Mấy hình bóng đang di chuyển bên trong đấy. Đêm đầu tiên thì lúc nào cũng phải mất chút thời gian mới yên ổn thoải mái được trên mấy túi rơm. Rồi tiếng nói chuyện xì xào.

“Ồn không hả Titty?”

“Ồn ạ thưa sếp.”

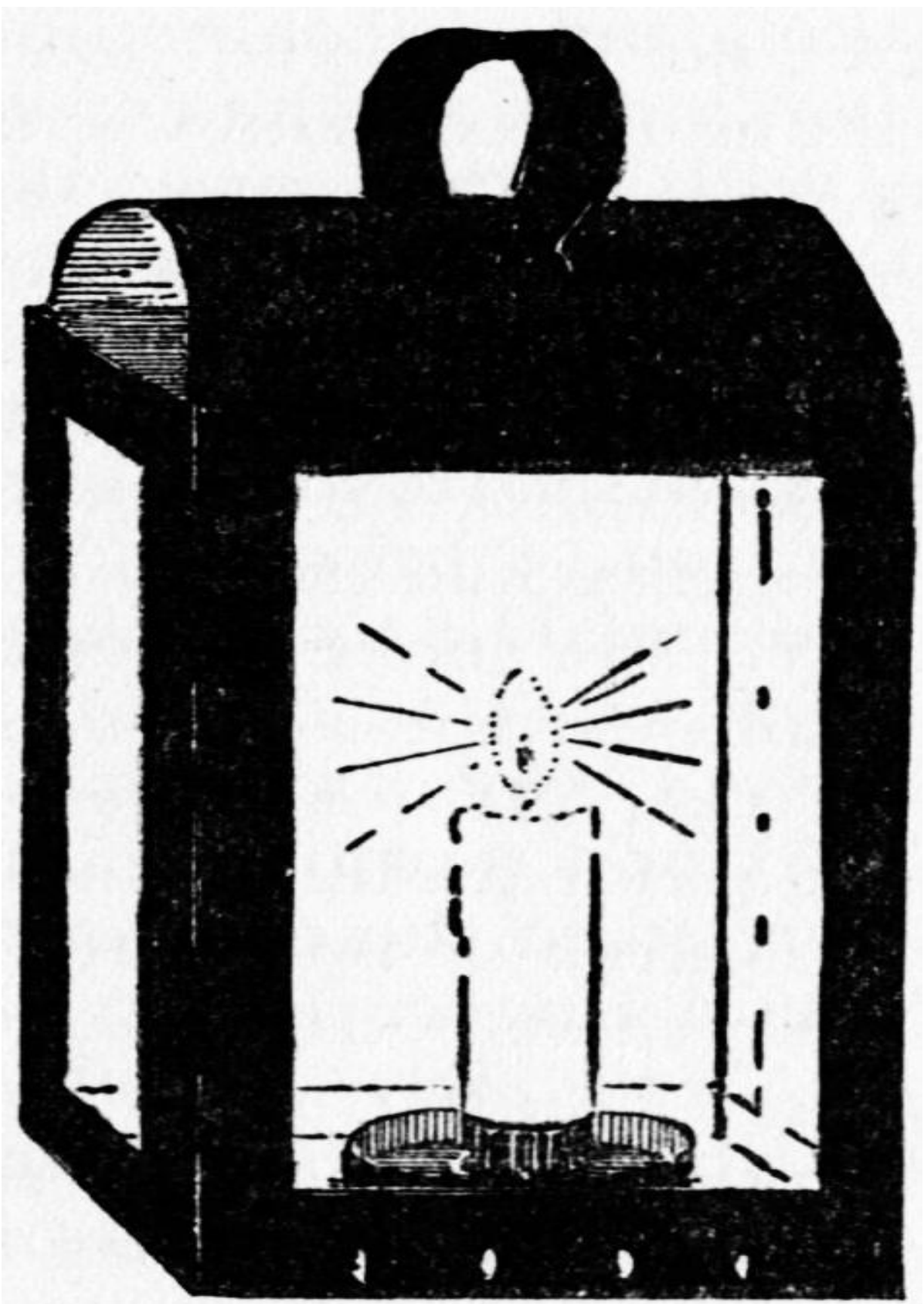
“Còn thằng bé b ấi tàu sao rồi?”

“Ồn, cậu thuyền phó ạ. Sẵn sàng tắt đèn chưa?”

“R ấi.”

“Tắt đèn!”

Hai ngọn đèn được thổi tắt và hai túp lều trắng biến thành một phần của bóng tối. Giờ thì không còn ánh sáng nữa, chỉ còn ánh tro âm ỉ của đồng lửa trại. “Ngủ ngon! Ngủ ngon! Ngủ ngon!” Lúc này chẳng còn tiếng động nào ngoài tiếng sóng nước vỗ trên bờ đá. Chẳng bao lâu sau vị thuyền trưởng, thuyền phó, thuyền viên cùng b ấi tàu đầu đã chìm sâu vào giấc ngủ.



6

Cuộc sống trên đảo

Hôm sau chộn rộn lắm. Ngày bắt đầu từ sớm. Ánh nắng chiếu vào lều đánh thức người ta còn hơn cả nắng chiếu vào phòng. Titty thức dậy đầu tiên rồi nằm mở mắt ngắm những mảng nắng và bóng râm nhảy nhót trên mấy vách lều trắng khi mặt trời rọi qua các ngọn cây ve vẫy. Rồi con bé bò đến cửa lều thò đầu ra ngoài, hít hà thứ không khí ban mai ẩm ướt và lắng nghe tiếng lá cây xào xạc cùng tiếng sóng vỗ lẫn tăn vào bờ đảo. Rồi nó nghe thấy tiếng nói chuyện từ lều bên kia. Bên đó cũng đã dậy rồi. “John ơi.” “Ừ.” “Bọn mình đang ở trên đảo.” “Chứ sao nữa. Em không biết à?” “Phải dậy hẳn em mới biết.”

“Chào,” Titty gọi. “Chào buổi sáng.”

“Chào buổi sáng.” “Chào buổi sáng.”

John và Roger chui ra cửa lều.

“Susan đâu?” Roger hỏi.

Còn ngủ.

“Không, đâu có đâu,” Susan vừa đáp vừa lăn khỏi túi rơm mà dụi dụi mắt. “Mấy giờ rồi vậy? Tới giờ đi lấy sữa chưa?”

John biến vào trong lều để xem đồng hồ đeo tay, bây giờ đồng hồ phải được gọi là đồng hồ bấm giờ vì John là thuyền trưởng.

“Bảy giờ kém ba phút,” cậu nói. Cậu từng nghĩ đổi sang giờ hàng hải, nhưng cậu phải mất đôi phút mới dám chắc là mấy giờ.

“Không biết người ta đã vắt sữa chưa nữa,” Susan bắn khoả.

“Anh sẽ chèo thuyền đi lấy sữa,” John bảo.

“Chờ tí,” Susan gọi. “Lần này cả đám cùng đi đi. Để tất cả đều biết đường và người ta biết hết mặt tụi mình, rồi hôm khác thì bất kỳ ai trong đám cũng đi lấy sữa được.”

Cả bọn rửa ráy thay quần áo qua loa đôi chút tại bến, cũng không rườm rà gì, chỉ là rửa mặt, rửa tay, đánh răng. Rồi cả bọn len qua lối bụi rậm đến cảng khuất tại đầu Nam của đảo. Thuyền của chúng kia, được neo như lúc cả bọn bỏ lại đây. Hai ván ngang vẫn còn ẩm sương, dù cho có ánh nắng ban mai, cả bọn dùng khăn tay lau khô rồi xuống. Chúng chèo đưa thuyền ra khỏi rặng đá, giương tấm buồm nâu ẩm ướt lên rồi dong thuyền qua bãi cập bến cạnh cây sồi. Đến đây thì cả bọn kéo mũi thuyền *Chim Én* lên hẫ trên bờ và cột dây neo quanh tảng đá to. Đoạn mấy anh em cùng đi bộ đến nông trại Dixon.

Nông trại Dixon không xa hồ nước là mấy, cũng giống như nông trại Holly Howe, ẩn mình giữa những cây mận trên đỉnh một đồi cỏ mượt xanh thoai thoải. Cả bọn không biết phải giải thích thế nào về việc chúng là thuyền trưởng cùng thủy thủ đoàn của thuyền *Chim Én*, nhưng bác gái Dixon đã đỡ lời giùm cho, vì ngay lập tức bác nói, “Mấy cô cậu đến lấy sữa chứ gì. Bác thấy cô cậu có sẵn bình đấy rồi. Người ta đang vắt sữa đấy.” Bác gái mang bình đi rồi quay lại với bình đầy sữa mới vắt âm ỉ li ti bọt. “Sữa đây này,” bác bảo, “với lại các cô cậu nhớ nhé, nếu cần thứ gì khác thì đừng có ngại đến đây hỏi.” Bác trai Dixon bước vào khi cả bọn còn đang ở đấy, một bác nông dân dong dỏng ốm tong. “Thời tiết đẹp quá nhỉ,” bác ta bảo, nhưng không dừng lại chờ câu trả lời.

Mấy anh em chèo thuyền trở lại, lần này là về bãi cập bến chứ không vào cảng. “Gió từ hướng Tây Bắc,” thuyền trưởng John bảo, “bến đỗ được chắn hẫ gió hướng này.” Rồi đến việc nhóm lửa và chuẩn bị bữa ăn sáng. Thuyền phó Susan lãnh trách nhiệm này, nhưng mấy đứa còn lại đói meo hết rồi không muốn đi xa đóng lửa khi bữa ăn sáng đang được chuẩn bị. Rồi đến lúc ăn sáng. Rồi cả bọn lại đi khắp đảo, nhưng không phát hiện thêm được gì. Rồi, trong khi thuyền phó Susan và thuyền viên Titty đang tất bật tại khu trại, thuyền trưởng cùng bãi tàu đi thuyền mang thư về Holly Howe. Thư chỉ gồm một bức, rất ngắn gọn, nhưng mãi đến khi mọi người sắp sửa dong thuyền đi thì Titty mới nghĩ đến chuyện viết. Nhưng dù ngắn là thế, hẫ con bé cũng không có thời gian viết nếu không vì sau bữa điểm tâm gió bỗng trở mạnh hơn nên thuyền trưởng John quyết định cuốn mép buồm. Trong lúc cậu giảng giải cách làm cho Roger thì Titty viết thư. Thư thế này:

“Mẹ yêu dấu,

Chúng con xin gửi đến mẹ tình yêu của chúng con từ hoang đảo và hy vọng mẹ vẫn khỏe mạnh. Chúng con cũng khỏe.

Con yêu của mẹ,

Thuyền viên Titty.”

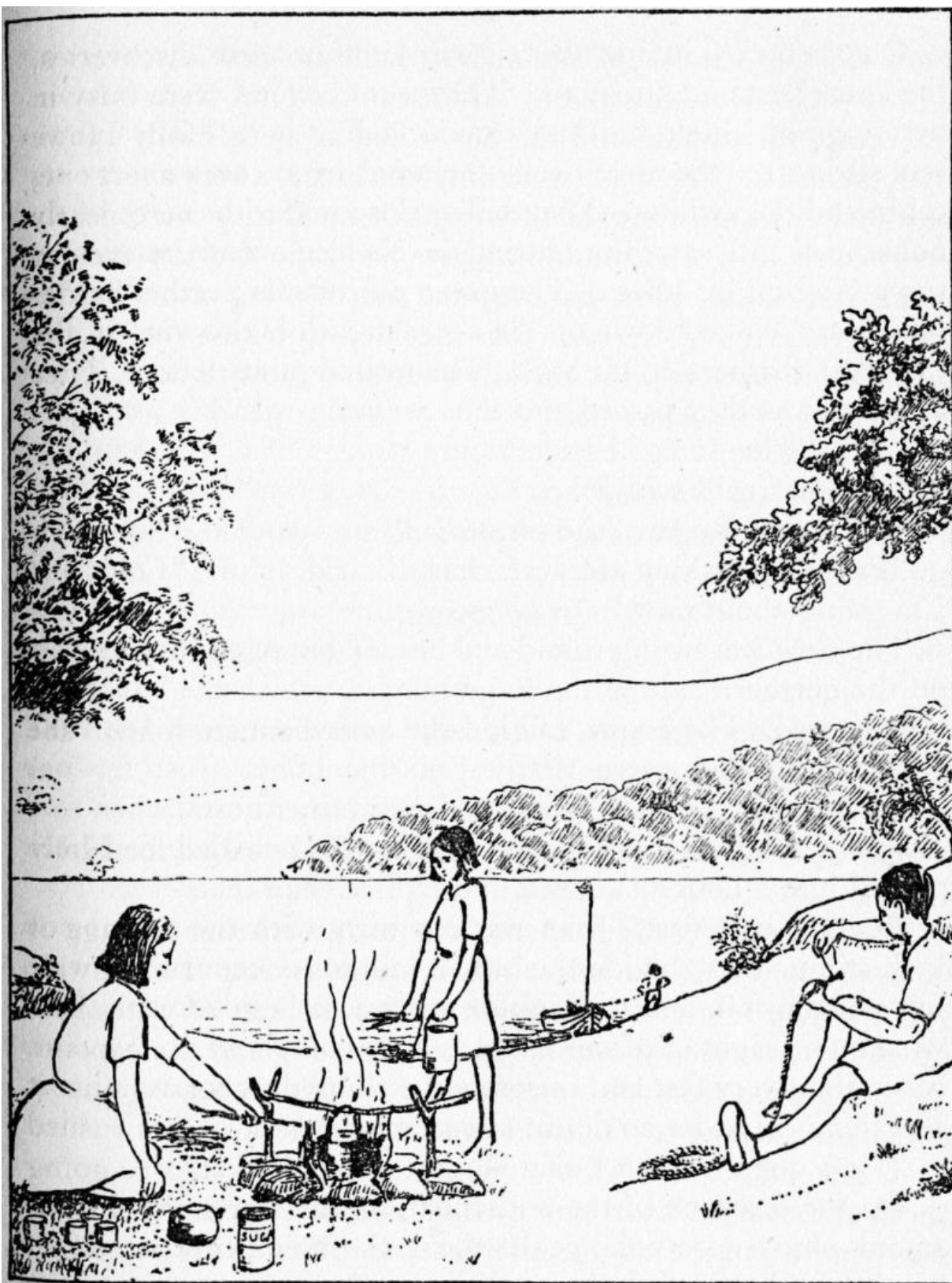
“Nhưng mẹ mới ở đây ngày hôm qua thôi mà,” thuyền trưởng John nói, “nên hôm nay mẹ không cần thư đâu.”

“Há, em cứ viết đấy,” Titty nói.

Thế là thuyền *Chim Én* mang theo thư dong buồm tiến về Holly Howe.

Gió thổi rất căng khiến con thuyền phải chạt vật lao đi, tròn trành đến mức nước suýt tràn qua mạn thuyền, thuyền va đập vào những con sóng nhỏ làm bắn nước tung tóe phủ bụi nước ẩm ướt khắp người thuyền trưởng và bãi tàu. Vì gió từ hướng Tây Bắc, hai anh em phải đưa thuyền đi ngược gió băng qua hồ về nông trại Holly Howe. Con thuyền *Chim Én* bé nhỏ chạy băng băng từ bên này hồ sang bên kia hồ rồi quay lại, cuối mỗi đợt chạy vát lại trở buồm khiến mái buồm nâu rung lên rồi phàn phật, nằm lặng khi buồm no gió, vùng dậy khi tăng tốc rồi một lần nữa chạy băng băng qua mặt sóng vỗ.

Trong một lần chao thuyền John đưa thuyền thẳng vào vịnh Nhà Bè, gần căn nhà bè, rồi quay trở ra. Hai anh em cho thuyền đi quá nhà bè rồi mới trở buồm nên được quan sát kỹ nó. Tên cướp biển của Titty đang ngỗ nơi boong sau, được khoang buồm lái cùng mái bạt che gió. Hai anh em cho thuyền tới gần hơn dưới đuôi nhà bè và trông thấy tên cướp biển ngỗ trên ghế hiên, viết viết gì đấy trên đầu gối. Con vệt xanh lè đậu trên lan can nhìn xuống thuyền *Chim Én*, gió lùa mớ lông xanh trên lưng nó. Tên cướp biển giải nghệ trong khoảnh khắc đưa mắt nhìn lên khi hai anh em đi ngang qua, rồi lại cúi xuống tiếp tục việc của mình.



LỬA TRẠI

“Ông đang làm gì thế nhỉ?” Roger hỏi.

“Con vệt hả?” John hỏi lại.

“Không, tên cướp biển kia.”

“Chắc là đang vẽ sơ đồ kho báu gì đấy. Coi chừng nhé. Anh trở buồm đây.”

Thuyền *Chim Én* ngoặt ra khỏi vịnh, đi ngang mạn phía Bắc của chiếc phao to tướng mà nhà bè neo vào. Cánh buồm nâu che chắn nhà bè khuất tầm mắt John và Roger cho đến khi hai cậu bé đi qua gần hết tấm phao. Tuy vậy, chỉ trong một khoảnh khắc thôi, hai anh em được nhìn rõ phần mũi nhà bè, và chúng trông thấy một thứ khiến con tàu xanh cũ kỹ được biến thành nhà bè kia trông có vẻ đầy tính cướp biển hơn bao giờ hết.

Roger trông thấy trước. John thì đang bận cầm lái nên không thấy gì nhiều ngoài cánh buồm nâu, phải giữ cho nó căng gió nhưng không được quá đầy, cậu cũng đang mải nghĩ đến chuyện giữ cho gió nằm bên phải má với mũi mình nên chẳng nghĩ thêm được gì khác khi đổi mắt tới trước. Thuyền *Chim Én* đang lao đi rất nhanh nên hai cậu bé chỉ nhìn thấy thứ ấy trong một thoáng. Nhưng không thể nghi ngờ được thứ ấy là gì.

“Ông có khẩu thần công,” Roger reo. “Kìa kìa, nhìn kìa!”

Trên boong trước của căn nhà bè, phía bên mạn phải, mũi súng tròn tròn bóng loáng thò ra bên trên ván sàn sơn xanh, một khẩu thần công nho nhỏ bằng đồng được đánh sáng bóng. Có lẽ khẩu súng này từng có thời được dùng để phát lệnh xuất phát cho các cuộc đua thuyền. Còn giờ thì nó đứng kia, trên bệ súng bằng gỗ, sẵn sàng xung trận. Ngay cả với thuyền trưởng John thì đấy cũng là bằng chứng cho thấy căn nhà bè này còn hơn cả một căn nhà bè thông thường. Khẩu thần công bằng đồng và con vệt xanh.

“Chắc Titty nói đúng rồi,” thuyền trưởng John bảo.

Cậu liếc qua vai xem còn có khẩu súng nào bên mạn trái hay không. Nếu có thì mọi việc rõ mười mươi rồi. Nhưng không, chẳng có súng nào nữa. Tuy vậy, súng vẫn là súng và những con thuyền không có bí mật thì thường chẳng mang theo thậm chí là một khẩu.

Roger đã hăm hở muốn bàn tán tiếp về khẩu thần công rồi. Nhưng thuyền trưởng John thì không. Ta không thể bàn tán chuyện gì khác khi đang lái thuyền nhỏ ngược cơn gió dữ và ta không thể lắng nghe người khác đang nói với mình. Ta phải trông chừng những mảng tối màu trên mặt

nước mách bảo ta biết rằng một đợt gió bùng dữ dội hơn đang đến gần, ta phải chuẩn bị sẵn sàng bất cứ lúc nào để rời dây lèo hoặc lái gần xuôi theo chiều gió. Vậy là dần dà Roger phải thôi không nói nữa.

Cuối cùng hai cậu nhóc băng qua mỏm Darien đến vịnh Holly Howe. Hai anh em buộc chặt dây neo vào cái vòng trên cầu tàu bằng đá cạnh nhà thuyền rồi hạ buồm xuống. Rồi chúng đi bộ ngược cánh đồng lên nông trại. Mới ba ngày trước thôi, Roger đang giả bộ mình là con thuyền buồm, đã cho thuyền đi đích đắc ngược gió qua cánh đồng thì thấy mẹ đứng ngoài cổng nông trại Holly Howe với bức điện tín trong tay, bức điện đã cho phép mấy anh em được tự do thỏa sức đi thám hiểm. Còn giờ cậu bé không cần phải chạy đích đắc. Không cần phải vờ làm thuyền buồm. Nó đã là cỗ tàu thực thụ trên thuyền rồi, đang lên bờ đi công chuyện với thuyền trưởng. Từ hôm qua lối đi bằng cánh đồng cùng cổng dẫn vào rừng đến mỏm Darien cùng nông trang tại Holly Howe đều đã trở thành xưa. Tất cả thấy đều lạ hoặc lạ hươ vì giờ đây ta đi đến đó bằng đường thủy từ hòn đảo của riêng ta. Những nơi chốn này không còn như đã từng khi ta còn sống ở đó và nhìn thấy hòn đảo xa xa ngoài khơi kia. Về lại những nơi này thì cũng gần giống như một chuyến thám hiểm vậy. Giống như đi khám phá một nơi ta từng trông thấy trong mơ, nơi mà mọi thứ giống hệt như ta tưởng nhưng lại vẫn bất ngờ.

Cảm giác bước thẳng qua cửa nông trang Holly Howe quả là lạ lùng. John chừng như đã muốn dừng lại gõ cửa. Bên trong nhà, mọi thứ đều giống như trước nay. Mẹ đang ngồi bên bàn viết thư cho bố. Vú em ngồi đan trên ghế bành. Vicky ú đang chơi trên sàn cùng con cừu bằng len có cái mũi màu đen.

“Chào con,” mẹ ngước lên, “các con ngủ ngon không?”

“Ngon lắm mẹ ạ,” John đáp, “với lại bọn con cũng không dậy sớm như mẹ bảo đâu. Ít nhất là không sớm đến thế.”

“Mấy con lấy sữa ở nông trại ổn cả chứ?”

“Vâng ạ.”

“Con thích người thổ dân ở trại ấy,” Roger nói vào.

“Mẹ cũng thích,” mẹ bảo, “khi mẹ gặp bác ấy hôm qua.”

Vú em dường như không cảm nhận được rằng mình đang nói chuyện với các thủy thủ từ miền đất khác đến. “Đó là mấy đứa chưa bị cảm lạnh

đâu,” bác bảo. “Không có mấy đứa mới thật thử thả làm sao. Mà cậu chủ Roger, nói xem nào, cậu có nhớ là phải đánh răng không đấy? Vú không có xếp theo cốc đánh răng cho cậu r ồi.”

“Cháu dùng nguyên cái h ồ ạ,” Roger đáp.

“Bọn con có mang thư v ề này,” John bảo. “Thư của Titty.”

Cậu lấy phong thư trong túi ra, mẹ mở thư ra đọc. “Mẹ phải h ồi âm thư này thôi.”

“Bọn con đến lấy hàng,” thuyền trưởng John nói. “Bọn con quên c ần câu.”

“À đương nhiên bọn con phải có c ần câu r ồi,” mẹ nói. “Vớ cả quần áo tắm nữa. Quần áo được đem phơi cho khô hôm qua khi các con đi mà đến sáng nay mẹ mới để ý thấy. Các con chưa bơi ngoài đảo phải không?”

“Sáng nay thì không ạ,” John đáp.

“Mai tụi con sẽ bơi,” Roger bảo.

“Thế nhớ chọn chỗ nào nước trong không có rong đấy nhé,” mẹ dặn, “và nhớ đừng để Roger đi ra chỗ hụt chân.”

“Cho đến khi con biết bơi thôi,” Roger nói. “Con g ần bơi được r ồi.”

“Cho đến khi con biết bơi sắp lẫn bơi ngửa. Khi nào bơi được như thế thì con sẽ ổn thôi. Nhưng cả khi đấy tốt hơn con nên bơi chỗ nào vừa t ần cho đến khi con chắc chắn mình có thể bơi đường dài. Nào, hai đứa đi lấy đ ồ câu đi, để mẹ viết thư cho các con mang v ề.”

Hai anh em cùng nhau xếp đ ồ đi câu. Chúng tháo bốn c ần câu ra bỏ mỗi c ần vào một túi riêng. Phao câu cá cùng lưới và cuộn dây câu được bỏ vào hộp thiếc lớn. Trong khi đó vú em gom quần áo tắm vào thành một ô, cột lại trong khăn lông. R ồi mẹ bước ra cùng hai bức thư, một cho Titty, thư rằng, “Mọi người ở nhà gửi lời thăm, cảm ơn lá thư dễ thương của con nhé”; và một cho Susan, dặn cô bé phải hỏi bác Dixon cho ít xà lách, vì nếu cả bọn tính sống qua ngày mà không ăn rau xanh thì thủy thủ đoàn sẽ bị thiếu vitamin C. Mẹ cũng đưa cho hai anh em một túi lớn đ ầy đậu bi. “Bảo Susan chỉ việc luộc đậu với ít muối, r ồi bỏ một ít bơ vào.” Mẹ cũng đưa thêm một hộp lớn bánh quy sô cô la. “Mẹ biết cô thuyền phó của các con không làm được món tráng miệng, nên thứ này sẽ giúp ích.” Thuyền trưởng cùng cậu b ố tàu chạy lại vào nhà để chào từ biệt vú em với Vicky, r ồi mẹ đi cùng hai cậu xuống c ầu tàu, mang giúp các thứ.

“Sáng nay gió hơi mạnh hơn tí,” mẹ bảo khi mọi người băng qua đòng.

“Bọn con đã cuộn buồm rồi ạ,” Roger nói.

“Thật à?”

“Con đã phụ đấy.”

“Con cột dây móc nào xuống trước nào?” mẹ hỏi.

“Cái dây gần cột buồm chính nhất ạ,” Roger đáp, “rồi tới cái ở cuối sào căng buồm, còn sau chót là điểm cuốn mép buồm ở chính giữa cánh buồm.”

“Còn dây nào con phải nói ra đầu tiên khi con tung mép buồm ra nào?”

“Điểm cuốn mép buồm đầu tiên,” Roger đáp, “rồi đến dây ở cuối sào căng buồm, rồi đến sợi cạnh cột buồm chính.”

“Đúng rồi đấy,” mẹ nói. “Thủy thủ đoàn của con không có ai ngốc nhỉ.”

Họ chắt hàng xuống, căng buồm lên, và chẳng mấy chốc đã cho thuyền ra khỏi vịnh.

“Tên cướp biển trên nhà bè có súng thần công mẹ ơi,” Roger nói lớn khi hai anh em cho thuyền đi. Nó đã quên bống chuyện này khi ở trên đất liền.

“Vậy sao?” mẹ gọi lớn lại. “Thôi, chào nhé, các thủy thủ.”

Lần này, có gió thổi cuối đuôi thuyền, rất xuôi, nên thuyền *Chim Én* băng phăm phăm ra đảo, đường rẽ nước sủi bọt ngầu sau đuôi. Hai anh em cho thuyền đi thẳng cách xa vịnh Nhà Bè. Vì ở quá xa nên chúng không nhìn thấy gì nhiều, nhưng cũng thấy được người đàn ông trên căn nhà bè đứng dậy từ người trên thanh lan can bao quanh boong sau mà nhìn chúng qua cặp ống nhòm. Lát sau chúng đã băng qua doi đất phía mạn Nam của vịnh, và căn nhà bè mất dạng đằng sau.

Chẳng mấy chốc hai anh em đã tiến đến gần đảo, và cũng giống như cảm giác Holly Howe trở nên xa lạ, hòn đảo giờ sao cũng thân quen. Thật hạnh phúc biết bao khi thấy đảo tiến đến mỗi lúc một gần, khi nghĩ đến mấy túp lều cùng khu trại, khi trông thấy khói cuộn bốc lên trên những ngọn cây mà biết rằng khói đấy từ bếp lửa của thuyền phó.

“Chắc gần tới giờ ăn trưa rồi,” Roger nói.

“Bánh nướng nhân thịt,” John reo. “A, có thuyền viên đang đứng canh gác kia.” Titty đang đứng dưới cây thông cao trên Trạm Quan sát. Con bé vẫy vẫy tay rồi biến mất.

“Chị đi báo với Susan là bọn mình về tới,” Roger bảo.

Sáng đến giờ thuyền phó cùng thuyền viên trên đảo đã rất vất vả. Hai cô nhỏ đã đắp được cái cầu tàu be bé bằng đá tảng to để bước lên khi cần phải múc ít nước sạch dưới hồ. Nó cũng vô cùng hữu dụng để rửa bát đĩa. Hai cô còn gọt xong khoai và đã luộc thật lâu, dùng nĩa chọc chọc vào khoai để kiểm tra xem chín chưa, cho đến khi khoai củ nào củ nấy đều trông như miếng bột biển. Rồi cô thuyền phó cắt ra một chồng lớn bánh mì với bơ. Bữa ăn đã sẵn sàng, Titty chạy xuống đón thuyền *Chim Én* dưới bến.

“Có thư cho chị này,” Roger gào to, “thư cho Susan nữa, với lại tên cướp biển của chị có súng thần công nhé. Bọn em chính mắt thấy.”

“Thần công thật á hả?” Titty hỏi.

“Ừ,” thuyền trưởng John đáp.

“Em biết ngay hẳn là cướp biển mà,” Titty nói.

Titty mang quần áo tắm lên trại, Roger bê đồng cần câu. John bùng mấy hộp bánh quy và túi đậu bi. Vài phút sau cả bốn nhà thám hiểm đã chén sạch bánh nướng nhân thịt. Bánh nguội ngắt, nhưng khoai tây thì nóng hổi làm cả bọn phải chờ lại. Không ai ăn được khoai nhanh như ăn bánh nướng nguội ngắt kia. Thế là khoai bị chờ lại làm món thứ hai. Táo với bánh quy làm món tráng miệng.

Susan đọc thư. “Mẹ bảo em phải cho mọi người ăn nhiều rau với đậu các thứ, bằng không mọi người sẽ thiếu vitamin C. Vitamin C là sao?”

“Thủy thủ chết như rạ vì chứng ấy đấy,” Titty đáp.

“Bọn mình sẽ ăn đậu vào bữa khuya,” Susan bảo. “Em với Roger phải bắt tay vào lột vỏ đi thôi.”

Hai đĩa lột được nửa chảo đậu trong khi thuyền phó rửa chén sau bữa ăn.

Gió lại trở nhẹ, nên John đi xuống chỗ *Chim Én*, thả mép buồm ra. Rồi mấy anh em đẩy thuyền xuống nước, cho thuyền đi xa đảo về phía mạn Nam, ở đó hồ trải rộng ra rồi thu hẹp lại. Xa xa kia, chúng có thể thấy làn hơi từ một chiếc tàu thủy phía cuối hồ.

“Chắc nơi đó cũng có cảng, như là cảng ở Rio ấy nhỉ,” Titty mơ màng, “còn khu đất liền quanh đấy thì nhan nhản bọn mọi.”

“Chắc phải mất hàng năm trời nữa bọn mình mới có thể đi khắp nơi,” Roger bảo.

“Bọn mình sẽ tự vẽ ra bản đồ riêng,” John bảo, “rồi mỗi năm mình sẽ vẽ vào đấy vùng mình đã thám hiểm cho đến khi bọn mình biết hết.”

Bọn nhỏ thay phiên nhau lái *Chim Én*. Tất nhiên Susan là tay lái cừ gần cỡ thuyền trưởng John vậy. Thuyền viên Titty học hỏi rất nhanh, rồi cả bọn còn chưa về đến bờ thì bầy tàu Roger cũng được phép càn lái, dù là John ngồi kế bên cậu bé sẵn sàng can thiệp nếu có chuyện không hay.

Chính là khi cả bọn quay thuyền về bờ thì chúng phát hiện ra một hòn đảo khác. Trên hòn này có cả khối đảo, nhưng hòn đảo này là nơi trước giờ chúng chưa từng để ý thấy, vì đảo này nhỏ xíu, rồi lại gần sát đất liền nên chúng cứ tưởng đấy là doi đất thôi. Bây giờ, khi ở gần bờ Tây của hồ, đang đi ngược gió về nhà, thì cả bọn nhìn thấy vùng nước ngăn cách rãnh rãnh đất liền với hòn đảo. Đảo nằm ở bờ hồ phía Tây, không hẳn là trực diện với đảo cả bọn đang cắm mà hơi chệch lên phía Bắc một tí. Ngay lập tức cả đám quyết định không về nhà ngay, mà cho thuyền đi ngược hồ lên xa hơn một chút để ngắm nghía hòn đảo mới này.

“Bọn mình chạy xuyên qua eo nước giữa đảo với bờ đi,” Titty đề nghị.

“Không đủ chỗ đâu,” John bảo, “chạy dích dắc không được. Bọn mình dư sức chạy xuyên qua eo nếu vùng nước ấy đủ sâu, nhưng chắc nơi này toàn đá thôi. Anh sẽ không dong buồm đi xuyên qua đâu. Mà bọn mình sẽ chạy thẳng đến tận đảo luôn.”

Một đợt chạy vát dài đưa cả bọn về đến đảo của chúng, rồi đợt chạy vát tiếp theo đưa chúng sang hòn đảo mà cả bọn mới phát hiện ra. Đảo nhỏ tí teo. Trên đấy chẳng có gì ngoài đá cuội cùng thạch nam và hai cái cây chết khô. Một trong hai cây ấy đã đổ rạp. Cây kia vẫn còn đứng trơ. Cành nhánh đa số đã gãy hết cả và trụi không có cọng lá nào. Nhưng trên mấy cành trụi ấy thay vì lá cây là thứ gì đó khác. Ba con chim đen thui cổ dài đang đậu trên mấy cành ấy. Titty quan sát chúng qua kính viễn vọng.

“Mấy con chim kia có cần cổ cao su,” con bé bảo.

“Có thêm con nữa kia,” Roger reo. “Mỏ nó ngậm gì ấy.”

Con chim thứ tư từ dưới hồ bay vọt lên, mổ ngậm một con cá óng ánh, sáng loáng. Nó đậu lên một cành cây, ríi ngửa cổ, nuốt gọn con cá. Mấy con chim khác thì quật cổ qua lại ngáp oang oác.

“Chim gì ấy nhỉ?” Roger hỏi.

“Chim cốc,” John đáp.

“Không hẳn đâu,” Titty cãi. “Nếu thế chắc bọn mình đang gần bờ biển Trung Hoa mất ríi. Người Trung Hoa bắt chim cốc về huấn luyện chúng bắt cá cho đấy. Em có nhìn thấy hình chim cốc ríi.”

Thuyền *Chim Én* bơi đến gần hơn, bọn nhỏ nhìn thấy một trong những chú chim cốc bay sà xuống mặt nước, ba con còn lại bay theo sau. Cả bọn đếm bốn con chim trên mặt nước. Đột nhiên chỉ còn ba con. Ríi con thứ tư lại tríi lên. Ríi đến con khác biến mất. Thêm con khác nữa. Ríi một con ngoi lên ngậm theo con cá và bay trở lại cành cây trụi lá.

“Chúng đang bắt cá đấy,” Titty bảo, “đang bắt tại chỗ kia.”

“Trên bản đồ của chúng ta, chúng ta sẽ gọi đảo này là đảo Chim Cốc nhé,” thuyền trưởng John bảo.

Khi thuyền *Chim Én* tiến gần đến đảo hơn, con chim đang đậu trên cây vọt bay đi, quả là một con chim to tướng lông đen tuyền, dưới mỏ có kèm bọn lông trắng. Ba con chim còn lại đang ở dưới nước cũng vội bơi đi mà chỉ có phần đầu và cổ lộ trên mặt nước. Ríi đến lượt bọn này cũng tríi lên khỏi nước mà bay theo con chim đầu tiên.

“Bọn mình lên bờ chứ ạ?” Roger hỏi.

“Có gì đâu, toàn đá không à,” John đáp.

“Thôi mình quay về pha trà uống đi,” thuyền phó đề nghị.

“Trở buồm!” John gọi lớn, thế là thuyền *Chim Én* quay vòng lại. Cậu thả dây lèo ra, vậy là *Chim Én* phăm phăm tiến về mũi phía Nam hòn đảo của cả bọn. Trong lúc thuyền trưởng John lái xuôi theo gió xuyên qua vách đá ven ngoài để vào vùng nước quang, thì Susan hạ buồm xuống, ríi cả bọn khua chèo đưa *Chim Én* vào cảng neo tàu an toàn.

Sau bữa tối cả bọn mang kính viễn vọng lên đài quan sát. Trước khi trời tối om, cả bọn vẫn còn nhìn ra những chú chim cốc đậu trên cây ở đảo Chim Cốc. Nhưng nếu không từng nhìn thấy lũ chim này ở cự ly gần thì hẳn cả bọn sẽ không biết đấy là gì đâu. Đám trẻ nằm đấy, lên kế hoạch như thể chúng sẽ sống cả đời trên đảo này vậy.

“Chắc là bọn mình sẽ phải bắn hạ dê rừng làm thức ăn nhỉ,” thuyền trưởng John tỏ tưởng.

“Vấn đề là có con dê rừng nào đâu,” Susan thực tế.

“Với lại bọn mình đâu có súng,” Roger đề thêm.

“Phải rồi,” John bảo, “cứ có sẵn thức ăn nước uống đủ thứ thì sướng rồi, nhất là có cả bánh quy nữa. Dân thám hiểm ai cũng vậy hết, nhưng mà phần lớn thức ăn họ kiếm được là nhờ đi săn và đánh bắt cơ. Ngày mai chúng ta sẽ đi câu cá, và sẽ sống dựa vào số cá bắt được thôi nhé.”

“Em ước sao bọn mình có được con chim cốc đã qua huấn luyện,” Titty nói.

“Chúng ta có cần câu đấy thôi,” John bảo.



7 Tiếp tục cuộc sống trên đảo

SÁNG hôm sau toàn bộ thủy thủ đoàn thuyền *Chim Én* đi tắm trước khi ăn điểm tâm. Bãi cập bến có bãi tắm nho nhỏ trên mạn Đông hòn đảo là nơi tắm lý tưởng. Nơi ấy có cát, và dù có đá cuội đấy, nhưng cũng không sắc nhọn như ở chỗ khác. Với lại vùng nước cũng không đột ngột thụt sâu xuống, nên khi Susan đã đi ra kha khá xa, con bé bảo Roger cũng được phép tắm.

Roger, này giờ phải đứng chờ trên bờ, nhào đánh úm xuống nước tung tóe.

“Em nghịch nước nhưng cũng phải bơi nữa đấy,” thuyền phó Susan ra lệnh.

“Vâng thưa sếp,” Roger đáp. Thằng nhỏ khom khom dưới nước ngóc mỗi cái đầu lên. Ít ra như thế cũng có cảm giác giống bơi lắm lắm.

John với Susan thi bơi, đầu tiên là bơi đi, sau r ồi bơi về

Titty, bí mật thôi nhé, tập làm chim cốc.

Trò này không phải là chuyện mà nó có thể cứ nói tòng tọc cho John với Susan biết cho đến chừng nào mà nó chắc chắn làm được. Cho nên nó chẳng nói ra. Nhưng nó đã thấy chỗ nước cạn gần bờ kia có nhiều cá lòng tong lắm. Chắc là ra xa hơn thì sẽ có cá to hơn chẳng, như con cá lữ chim cốc hôm qua bắt được ấy. Titty đã quan sát rất kỹ lữ chim kia. Cách chúng bắt cá là bơi thật êm r ồi bất thành lình lặn xuống nước, gò lưng lên, ép sát hai cánh vào nhau, r ồi chúi đầu xuống trước. Titty cũng thử, nhưng nó nghiệm ra rằng trừ phi dùng đến hai tay, bằng không nó chẳng cách nào lặn được xuống cả. Mà cho dù có dùng đến cả tay thì nó cũng phải vùng vẫy tung tóe một h ồi trên mặt nước r ồi mới lặn xuống được.

“Titty ơi, chị đạp đạp chân lên trời làm gì vậy?” Roger hỏi sau một lần Titty thử lặn như vậy. Đúng quá còn gì. Tự Titty cũng biết là sau khi nó hụp

đầu dưới nước một hồi rồi bơi lấy bơi để xuống sâu thì hai chân nó vẫn còn đập đập chống lên trời.

Nó đi ra xa hơn, để đến gần cá hơn, rồi xa Roger hơn. Cuối cùng nó cũng phát hiện ra được chiêu quạt tay để mấy sợi tay đưa nó lặn xuống sâu hơn. Nó biết mình mở mắt để thôi, nhưng cũng biết có làm thế thì cũng chẳng khác nào đang cố nhìn vào một màn sương xanh lè lè. Chẳng thấy con cá nào trong đấy. Lấy hết hơi hết sức Titty lặn xuống chạm đáy hồ. Cũng chẳng có con cá nào. Nó trồi lên lấy hơi, rồi lặn tới lặn lui. Không ích gì cả. Nó nhặt lấy hòn sỏi dưới đáy hồ cho chắc là mình đã lặn chạm đáy, rồi vội vàng trồi lên, sặc sụa ngộp thở hết cả hơi. Thôi chắc là vậy rồi. Đám cá có thể nhìn thấy nó đang lặn xuống, với lại chúng bơi nhanh hơn nó. Ngoài câu cá ra thì không còn cách nào nữa rồi. Titty bơi trở vào bờ cần theo hòn sỏi.

“Chị có gì thế kia?” Roger hỏi.

“Hòn đá. Lấy từ đáy lên đấy.”

“Sỏi gì?”

“Chắc là ngọc trai. Bọn mình chơi trò thợ mò ngọc trai đi.”

Chim cốc kia bị quên phắt ngay, tay thuyền viên cùng thằng bé bả tàu lập tức biến thành thợ lặn mò ngọc trai.

“Đừng cho Roger bơi ra xa quá nhé,” thuyền phó gọi. “Chị đi coi đồng hồ ra sao đây.”

Cả John cũng đã lên bờ, lúc này đang chèo thuyền qua mặt mấy thợ lặn mò ngọc trai để đi lấy sữa.

“Hai đứa làm gì vậy?” cậu hỏi lớn.

“Lặn tìm ngọc trai.”

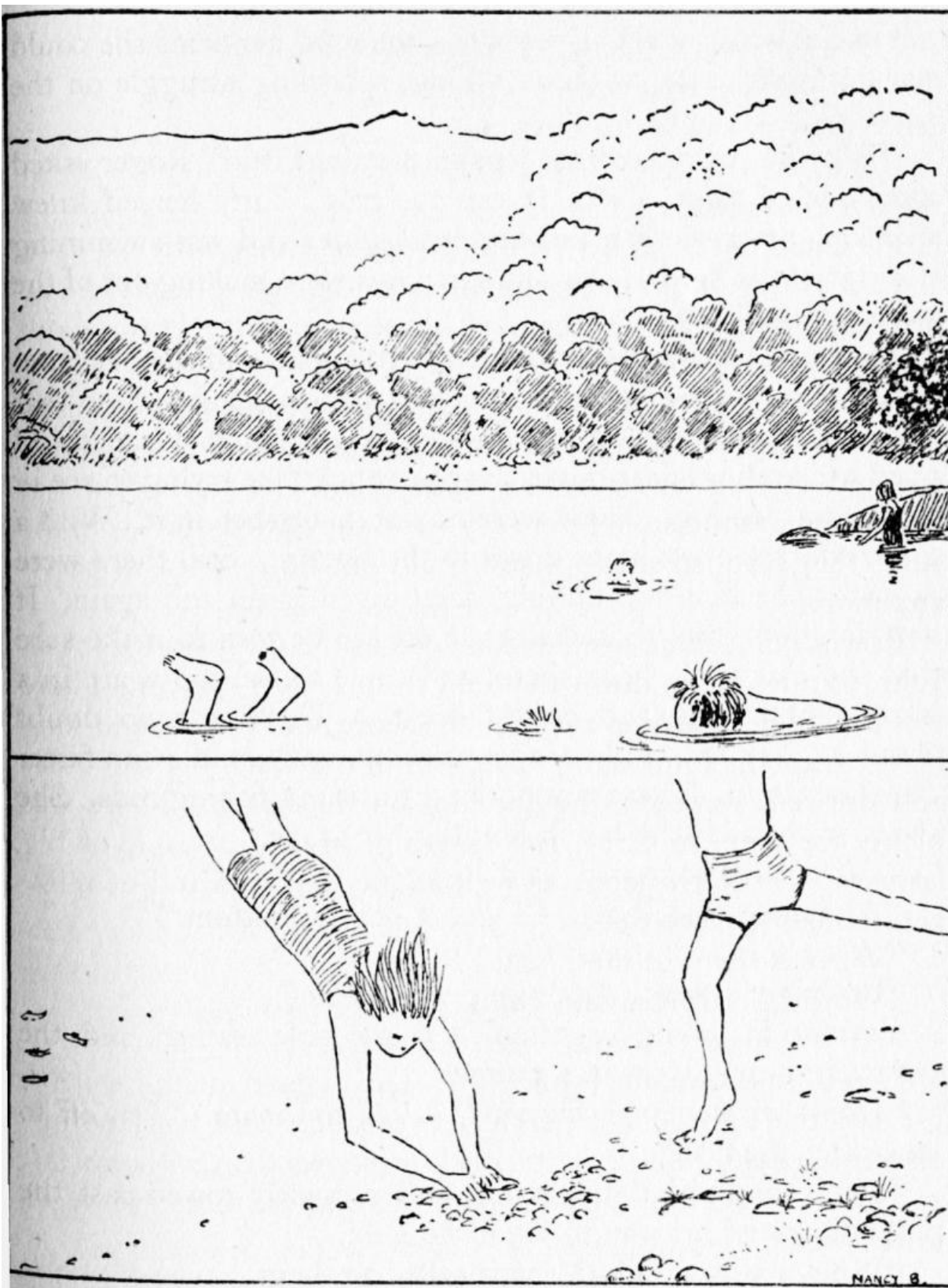
“Đừng chơi lâu quá đấy. Khi anh mang sữa về thì đứa nào chưa lau người mặc quần áo sẽ không được ăn sáng đâu.”

“Vâng thưa thuyền trưởng,” Titty đáp.

Roger định đáp “Vâng thưa thuyền trưởng,” nhưng miệng đang ở dưới nước. Nó nói không ra.

Roger cũng không mở được mắt dưới nước gì hết, nhưng mà cũng vùng vẫy tung tóe dưới khoảng chừng nửa mét nước rồi đưa tay mò mẫm nhặt ngọc trai. Thuyền viên Titty thì bơi loanh quanh dưới đáy tìm cho

được những viên sỏi trắng nhất. Toàn ngọc trai to không thôi, nhưng có ai nê hà gì ngọc trai to quá đâu mà, nên chẳng bao lâu sau hai thợ mò ngọc trai đã d ãn được một đồng ngọc ngà châu báu ướt lướt thướt óng ánh bên mép nước. Chán nhất là đồng đá kia sau khi khô đi - mà dưới nắng mặt trời thì chúng ráo nước rất nhanh - thì không còn óng ánh, nên không thể được tính là ngọc trai được nữa.



MÒ NGỌC TRAI

Trò lặn mò ngọc trai chấm dứt ngay khi các thợ lặn nhấc thấy thuyền trưởng John từ nông trại Dixon bơi thuyền về. Đột nhiên nào là cuống cuống bị bơm lợi lên bờ, nào là lấy khăn tắm, rồi khi thuyền trưởng John chèo *Chim Én* vào, thì thủy thủ đoàn của cậu ta đều đã lau rửa khô ráo quần áo tề chỉnh ngồi trên bờ chờ đợi cả đôi rỗi. Cả khối thứ cần xách xuống, hai ổ bánh mì, hai búp xà lách thật to, một giỏ trứng với lại một bình sữa đầy, và một hộp thuốc lá be bé.

“Trong đấy có gì thế ạ?” Roger hỏi.

“Giun,” thuyền trưởng John đáp.

“Tụi mình đi câu hả anh?”

“Ừ,” thuyền trưởng đáp. “Bác Dixon cho anh mớ giun. Bác ấy bảo ở lưng chừng từ đây đến bến đỗ nhà bác ấy có nhiều cá rô lắm. Bác bảo bọn mình dùng cá lòng tong sẽ câu được nhiều hơn là dùng giun, và dưới nước cứ chỗ nào có rong là sẽ tìm được cá rô à.”

Điểm tâm loáng cái là xong, và trong lúc thuyền phó Susan dọn dẹp, mấy đứa kia dùng nồi làm thau đựng mồi, đổ lưng nước vào đấy. Rồi chúng đi vớt cá lòng tong ở chỗ cạn, được một đồng. Đoạn chúng dỡ cột buồm *Chim Én* ra, bỏ lại trên bờ cùng sào, buồm và chèo, để trên thuyền được rộng chỗ hơn. Susan nhập bọn, chuẩn bị sẵn cần câu của mình. Rồi chúng chèo từ đảo qua vịnh phía dưới nông trại Dixon. Bữa tàu Roger ngồi ở mũi thuyền, canh chừng tìm rong.

“Rong kìa,” nó la toáng, vừa khi thuyền vào trong vịnh. “Nhiều lắm.” Hai bên thuyền *Chim Én* cả bọn đều thấy những dải rong xanh dài ngoằng dưới nước.

“Bọn mình phải dừng ngay ngoài mép dải rong, chỗ nước không sâu lắm ấy. Sẵn sàng neo chưa?”

Thuyền phó Susan bảo bữa tàu: “Dem neo ra mũi thuyền, khi chị bảo ‘Thả!’ thì thả nó xuống ngay nhé.”

John chèo từng sải một, rồi nhìn xuống nước, rồi chèo thêm sải nữa. “Có ai nhìn thấy đấy không?”

“Em thấy nè,” Roger đáp.

“Được rồi. Anh cũng thấy, cỏ mọc dưới đấy. Thế nghĩa là có cát. Và gần đám rong, chỗ này là nhất.”

“Thả!” thuyền phó reo lên.

Roger thả neo. Thuyền *Chim Én* hơi xoay đi. Chốc sau đã có bốn phao câu nổi trên mặt nước, hai phao mỗi bên thuyền.

“Chị thả câu sâu chừng nào vậy Susan?” Titty hỏi.

“Sâu gần hết dây rồi,” Susan đáp.

“Em thả có chừng một mét thôi. Em nhìn rõ được con lòng tong này.”

“Vậy không được đâu,” John bảo. “Phải là cách đáy chừng một phần ba tấc thôi. Kéo cần lên, anh đẩy phao lên cho.”

Phao trên cần của Susan giật trước tiên. Cô bé giật cần lên ngay, kéo móc câu lên mà chẳng có gì.

“Con cá đớp mất tiêu mất của em rồi,” Susan bảo.

“Em giật câu sớm quá thôi,” John đáp.

“Ước gì thuyền đừng có xoay xoay vậy nhỉ,” Titty nói. “Coi chừng đó Roger, phao của em suýt đụng vào phao chị kia. Rồi em sẽ giật cả phao của em lẫn của chị cho mà xem. Dây rồi hết vào nhau rồi đây này.”

John gỡ mấy dây câu ra, nhưng sau khi gỡ xong, cậu thấy thuyền lại xoay theo hướng ngược lại, đến lượt dây câu của cậu mắc vào dây câu của Susan theo cùng một kiểu.

“Thế này không được rồi,” cậu bảo. “Bọn mình phải thả neo ở cả hai đầu để con thuyền không xoay được. Cất hết cần đi! Kéo neo lên, Roger. Chúng ta sẽ lên bờ lấy một tảng đá to. Còn dư nhiều dây neo lắm.”

Thế là cả bọn chèo thuyền vào bờ, buộc một tảng đá to vào đầu kia dây neo. Đoạn chúng chèo ngược ra chỗ khác không xa lắm. Roger thả neo, còn Susan thì hạ tảng đá xuống từ đuôi thuyền. Lần này *Chim Én* nổi ngang mạn tàu hứng gió, mà không xoay đi tẹo nào. Nhưng cả bọn phát hiện ra quãng câu ngay hướng đón gió cũng không được, bởi vì gió, dù là có hây hây tí chút thôi, cũng đẩy hết phao xuống bên dưới thuyền. Vậy là cả bốn anh em thả câu ở cùng một phía. Vì thuyền không xoay nên cũng chẳng sao, cả bọn đưa nào cũng ráng coi chừng hết bốn phao một lúc.

“Phao nào sẽ lên trước nhỉ?” Roger băn khoăn.

“Của chị,” Titty đáp. “Đang giật rồi kia.”

“Coi chừng kia John,” Susan kêu. “Phao của anh mất đâu rồi.”

John quay nhìn lại. Phao của cậu biến đâu mất. Cậu giật cần. Đầu móc cần câu oằn xuống rồi nảy lên, kéo theo một con cá rô béo mọng có vây đỏ

tươi cùng những sọc xanh lục sậm hai bên.

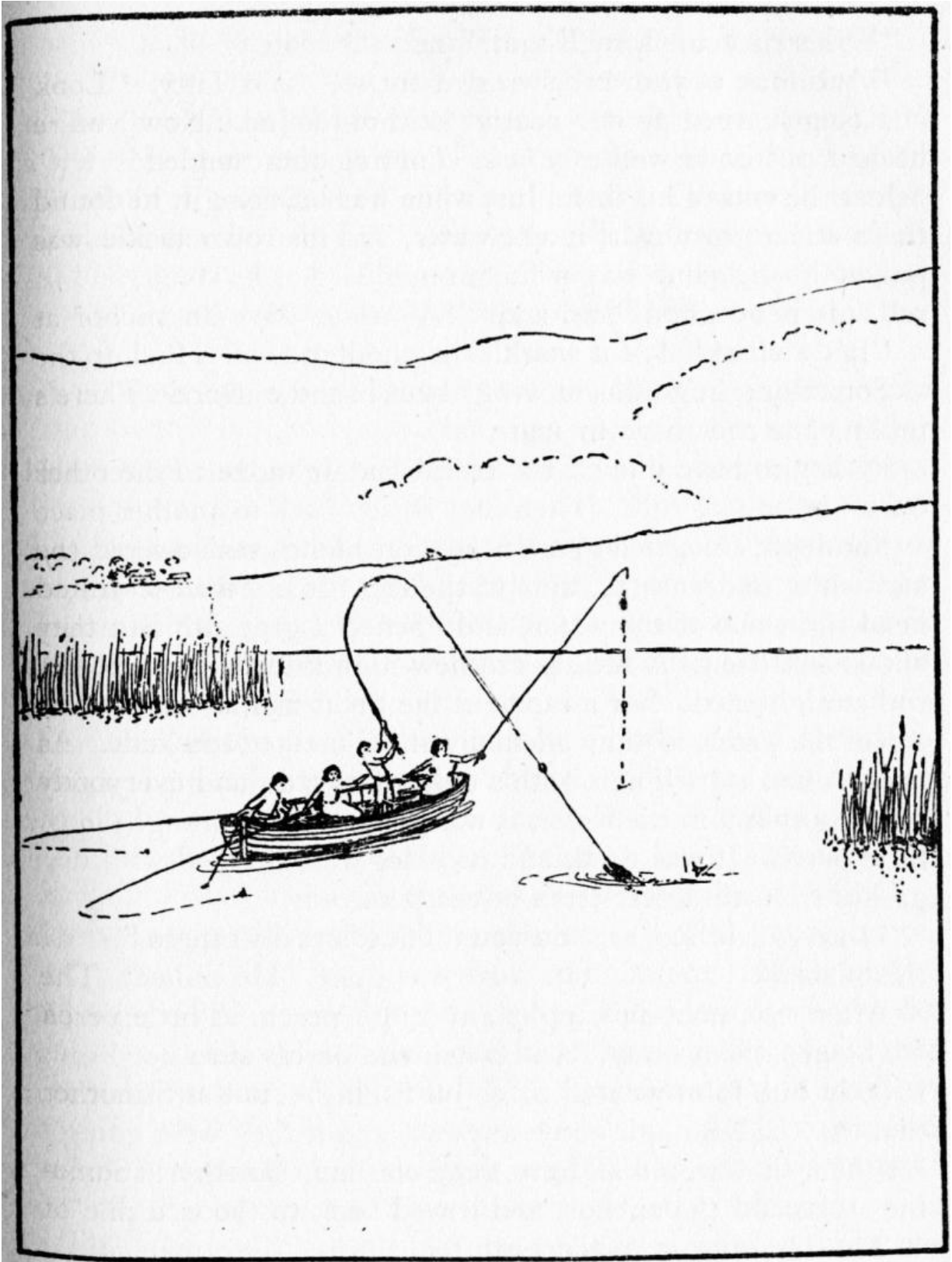
“Được một chú r ồi nhé,” John vừa nói vừa móc thêm con cá lòng tong m ồi.

Sau đấy thì chúng bắt được cá rô liên tục, hết con này đến con khác. Có lúc cả ba phao đều giật cùng một lúc. Chẳng bao lâu sau đã có một đồng cá rô trong khoang thuyền.

Roger đang đếm đếm “12,13,14...”

“Phao của em đâu hả Roger?” thuyền phó hỏi.

“Nhìn c ần câu của em kìa,” Titty bảo.



“CÁ MẬP!”

Roger nhảy dựng lên chụp giữ cái cần câu đang nảy nảy của mình, lúc này bận đếm cá nó đã bỏ cần xuống. Nó cảm nhận được có cá nơi đầu dây. Nó vừa kéo dây câu lên thì nước nổi xoáy lớn, rồi cần câu của nó bỗng dừng bị kéo xuống lại. Roger cố giữ chặt hết sức, cần câu của nó oằn xuống gần thành một vòng tròn.

“Cá mập! Cá mập!” nó la toáng.

Có gì đó thật to đang bơi vòng vòng dưới nước, sâu thật sâu, kéo qua kéo lại cần câu của nó.

“Thả cho nó giật hết cuộn dây đi,” John bảo, nhưng Roger cố giữ chặt.

Thình lình một con cá xanh rêu lốm đốm, dài chừng cả thước, lưng đen bụng trắng, nổi trờ lên. Nó nhô cái đầu to tướng lên khỏi mặt nước, rồi há cái mõm trắng to đùng ra, rồi quẫy mình. Một con cá rô bé bé phóng vọt lên không trung. Cần câu của Roger bung thẳng lên. Trong một tích tắc con cá to kia nằm gần sát mặt nước, nhìn hau háu vào thủy thủ đoàn trên thuyền *Chim Én* đang nhìn lại nó. Rồi, quẫy đuôi một phát làm nước bắn xoáy lên, con cá mất tăm. Roger kéo lên con cá rô bé. Chết ngắc rồi, hai bên lườn nó in dấu cắn sâu hoắm từ hàm răng to của con cá chó.

“Ơ mọi người,” Roger lên tiếng, “mọi người nghĩ xem tấm chỗ này có thực sự an toàn không vậy?”

Sau vụ đấy không ai câu thêm được con cá rô nào nữa. Con cá chó đã làm cá rô sợ đi hết rồi. Khi cá rô không cắn câu thì ngoài John ra chẳng ai muốn tiếp tục thả câu. Cuối cùng Susan bảo cũng đã có đủ cá rô rồi, và nếu muốn ăn thì đám cá đấy phải được rửa sạch. Thế là cả bọn kéo tảng đá cùng mỏ neo lên, chèo thuyền trở lại đảo.

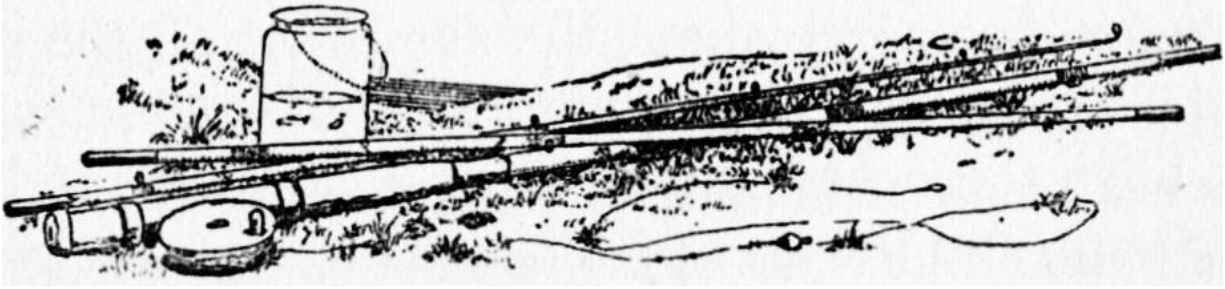
Trò rửa cá mới là cực hình. Thuyền phó ra tay, mõ bụng cá bằng con dao bén, moi hết ruột bên trong ra. Ruột cá được đốt trong đồng lửa, Roger mang từng con cá xuống chỗ neo thuyền mà rửa dưới hồ. Thuyền phó cố sức cạo vảy vài con đầu tiên, nhưng rồi bỏ cuộc ngay. Con bé chiên cá đã nguyên vảy cùng bơ, đầu tiên là rắc thật nhiều muối vào. Khi cá chín thì phần da với vảy dễ dàng bong ra, cá rô chín vàng ăn được rồi. Thuyền phó bảo thật là phí bơ quá đi, nhưng thuyền trưởng cùng thủy thủ đoàn thì nói chừng đó bơ cũng đáng.

Chiều xuống cả bọn lật nghiêng *Chim Én* lại. Chúng lấy thanh dầm ra, kéo thuyền lên hẫ trên bờ, lật thuyền nằm nghiêng bên này rồi bên kia

trong khi chúng cạo rửa đáy thuyền, dù thuyền chẳng cần được cạo. Nhưng biết đâu được đấy. Biết đâu thuyền bị bám đầy hà, hay quần đầy rong tảo dài ngoẵng xanh lè thì sao. Mà thôi, thuyền thì phải được phơi nghiêng. Nên *Chim Én* được phơi thôi. Rồi cả bọn hạ thuyền, lắp thanh dẫn vào, dựng cột buồm lên rồi đưa thuyền vòng qua cảng.

Sau đấy thuyền phó bảo cần thêm củi, thế là cả bầu đoàn bắt tay vào nhặt củi gỗ dạt chắc nụi từ ngoài bờ đảo vào, rồi chất thành đống trong trại, gần với đống củi được để lại đấy từ trước. Xong xuôi cả bọn mệt nhỏi, cùng đi lên trạm quan sát để theo dõi thuyền bè trên hồ, và thỏa thuận về mấy cái tên cho hết mấy chỗ trên đảo. Nào là Trạm Quan sát, tất nhiên rồi, bên dưới cái cây cao. Rồi đến Bãi Cáp bến, Cảng, Bờ Tây, rồi Trại. Rồi đến những nơi từ đảo nhìn sang. Nào là Darien, vịnh Nhà Bè, vịnh Dixon (cái tên này sau bị bỏ đi, thay vào đấy là tên vịnh Cá Mập đặt theo tên con cá to tướng của Roger), rồi đảo Chim Cốc. Xa xa về phía Nam kia là Nam Cực. Xa thật xa về phía Bắc vượt qua cả Rio là Bắc Cực. Còn về hòn đảo này, cả bọn lại không tìm được tên chung. Chúng nghĩ đến tên đảo Chim Én, đảo Walker, đảo Đại Thụ, nhưng lại băn khoăn về chỗ đốt lửa mà cả bọn tìm thấy, và đang dùng, cùng với chông củi sắp ngay ngắn, mà chẳng hiểu sao chúng lại không thích dùng đến. Biết đâu hòn đảo này đã có một cái tên hay ho nào đó rồi. Mấy chỗ như là Darien hay Rio thì không nói làm gì, nhưng còn với hòn đảo này, chúng cảm thấy rằng chuyện đảo đã có tên rồi rất là quan trọng.

Vừa tranh luận chúng vừa chuyền nhau cây kính viễn vọng để quan sát thuyền bè trên hồ. Có mấy con tàu hơi nước lớn chạy xuôi chạy ngược. Một chiếc chạy qua, cả bọn nhìn theo làn sóng lan tỏa trên mặt nước và lắng nghe tiếng sóng vỗ vào bờ. Rồi xuồng máy. Rồi có người đi câu trên mấy con thuyền chèo. Cũng có cả du thuyền nữa, nhưng không nhiều. Nhưng tất cả những tàu bè, tàu hơi nước, xuồng, du thuyền, thậm chí mấy thuyền chèo kia, đều lớn hơn *Chim Én* hết, mà lại đều bị giáng xuống làm thuyền của thổ dân. Mãi đến ngày thứ ba sống trên đảo thì cả bọn mới thấy một con thuyền khác cùng cỡ thuyền bọn chúng, đang từ xa tận sau mồm Darien ngược gió tiến vào, và biến mất vào vịnh Nhà Bè.



8

ĐẦU LÂU XƯƠNG CHÉO

KHOẢNG mười một giờ sáng ngày thứ ba, cả bốn đứa thủy thủ đoàn đang ở trạm quan sát ngay mũi phía Bắc hòn đảo. Thủy ền phó đang đơm lại nút chiếc áo b ỉ tầu, và vì cậu b ỉ tầu vẫn đang mặc cái áo trên người nên việc đơm nút khó lắm thay. Thủy ền trưởng đang lu bu với sợi dây, thử thắt gút mấy kiểu theo cuốn *Cẩm nang thủy thủ*. Thủy ền viên Titty đang nằm sấp trong bụi thạch nam, thi thoảng ngó vào kính trông sang mũi đất rậm rạp cây cối che khuất vịnh Nhà Bè cùng cái nhà bè của tên cướp biển đã rửa tay gác kiếm.

“Nó vẫn còn trong đấy,” con bé lên tiếng.

Một tiếng đoàng inh tai và bùm khói bốc lên từ mũi đất rậm rạp. Cả bốn đứa nhảy dựng lên.

“Chắc nó đang đánh nhau với tay cướp biển đấy,” Titty bảo.

“Em đã bảo ổng có súng thần công mà,” Roger vừa nói vừa vắn vẹo trong tay thủy ền phó.

“Bọn mình sang đấy chi viện đi,” Titty rủ.

Đúng lúc đấy một chiếc thủy ền bu ồm nho nhỏ, có độc một cánh bu ồm, từ mũi đất phóng ra. Thủy ền này to cỡ như *Chim Én* thôi, khác một đi ều là bu ồm màu trắng chứ không phải nâu vàng. Con thủy ền đang chạy ngược áp sát vùng gió thổi từ hướng Tây Nam.

Chiếc thủy ền nhỏ chạy qua h ồ vát theo mạn trái, rồi chuyển hướng và g ần như trực chỉ đến đảo.

“Có hai đứa con trai trên thủy ền,” Titty thông báo.

“Con gái chứ,” John chỉnh, cậu đang c ần kính viễn vọng.

Khi chiếc thủy ền con còn ở phía bên kia h ồ, thủy thủ đoàn thủy ền *Chim Én* không nhìn rõ được gì cả, nhưng chúng để mắt sát sao đến con

thuyền, thay phiên nhau dùng kính viễn vọng. Đây là một chiếc thuyền buồm được quét dầu có cây xiêm. Bọn nhỏ nhìn thấy học giữ xiêm ngay chính giữa con thuyền.

“Đây là vì sao mà thuyền này chạy sát gió hơn chúng ta đây,” John nói, “mặc dù là *Chim Én* cũng áp được sát gió lắm rồi,” cậu nói thêm, là vì lòng trung thành với thuyền của mình mà thôi.

Trên chiếc thuyền con ấy là hai đứa con gái, một đứa đang cầm lái, đứa kia ngồi trên thanh ván giữa. Hai đứa này trông gần y hệt nhau. Cả hai đội nón lưỡi trai bằng len đỏ, áo nâu, quần chần ngang gối màu xanh, chẳng mang vớ gì cả. Chúng đang lái thuyền thẳng qua đảo.

“Mấy đứa nằm xuống hết,” thuyền trưởng John ra lệnh. “Chúng ta không biết bọn này là bạn hay thù nữa.”

Roger, bây giờ nút đã được đơm chặt vào áo, nằm ẹp ngay xuống. Cả Titty cũng vậy. Cả Susan nữa. Thuyền trưởng John kê kính viễn vọng lên bờ tảng đá để có thể nhìn qua khi đầu mình được cụm cây bụi che khuất.

“Đọc được tên thuyền này,” cậu bảo. “A mờ AM, AZ, O... N... Amazon.”

Mấy đứa kia, đang núp trong lùm cây, ráng hết gan hết sức nhòm ra ngoài. Chiếc thuyền nhỏ mỗi lúc một tiến lại gần hơn. Đứa con gái đang cầm lái (bây giờ cả bọn có thể thấy nó là đứa to con hơn trong hai đứa ấy) lôi gì đấy từ dưới ván đuôi thuyền lên. Đứa kia với tay ra sau cầm lấy, rồi đi tới trước, lẳng xẵng gì đấy bên cột buồm.

Đột nhiên thuyền *Amazon* trở buồm, khi còn cách đảo chưa tới hai chục mét. Cả bọn nghe thấy con nhỏ đang cầm lái nói, “Chuẩn bị trở,” rồi con nhỏ kia thụp xuống để sào căng buồm quạt qua, ngay sau đấy con nhỏ đứng thẳng lên, tay cầm mấy sợi dây néo. Nó bắt đầu kéo xuống, tay này tiếp tay kia, một cột cờ nhỏ trên có mắc lá cờ nhấp nhô giật giật dần lên đầu cột buồm.

“Chúng đang kéo cờ lên,” John thông báo.

Cột cờ be bé vươn thẳng trên đỉnh cột buồm, và lá cờ, loại cờ ba góc, bay phấp phới trong gió.

Titty hít một hơi rõ sâu đến mức muốn nghẹn thở.

“Là cờ...” con bé nói.

Lá cờ đang phấp phới trên đỉnh cột buồm của chiếc thuyền nhỏ kia có màu đen và trên đây là hình đầu lâu cùng hai khúc xương chéo màu trắng.

Bốn đứa trên đảo trở mắt nhìn nhau.

Thuyền trưởng John lên tiếng trước.

“Roger ở yên đây. Thuyền phó trông chừng bãi cập bến. Titty canh bờ phía Tây. Anh trông chừng bên cảng. Không ai được ló mặt ra. Rất có khả năng bọn chúng chưa nhìn thấy chúng ta. Chờ cho đến khi chúng đi thật xa hết đợt chạy vát đó rồi chúng ta hãy quay về trại. Nếu giờ mà di chuyển thì chúng có thể nhìn thấy chúng ta đấy.”

Thuyền *Amazon*, đóng buồm đón gió mạn trái chạy như bay, chẳng bao lâu đã băng qua nửa hồ.

“Đi nào,” John ra lệnh; thế là ba đứa, bỏ Roger ở lại, lên đi khỏi Trạm Quan sát để về trại. Susan nấp trong mấy bụi cây gần bãi cập bến. Titty bò qua mấy bụi rậm cho đến khi trông ra thấy được vách đá dựng đứng men theo mạn Tây hòn đảo. John vội vã băng qua rừng cây ra đến được cảng neo thuyền. Đến đây cậu tìm được chỗ có thể canh chừng mà không bị nhìn thấy. Cậu hạ cột buồm trên thuyền *Chim Én* xuống phòng khi người ta nhìn thấy nó qua rừng đá, rồi cậu ẩn mình chờ đợi.

Titty trông thấy được nhiều việc xảy ra hơn mấy đứa còn lại, vậy mà nó cũng chẳng nhìn thấy nhiều nhận gì. Thuyền *Amazon* trở buồm thêm lần nữa, rồi đi vòng qua mũi phía Nam hòn đảo. Titty nhìn theo cho đến khi rừng cây nơi ấy che khuất con thuyền. John chỉ nhìn thấy thuyền có một lúc khi cậu chạy băng qua khoảng trống giữa các vách đá phía ngoài cảng. Rồi cậu chẳng nhìn thấy thuyền đâu nữa. Rồi cậu nghe thấy tiếng nói chuyện không xa lắm nhưng lại không dám nhúc nhích vì sợ bị lộ. Ngay sau đấy cậu nghe tiếng nói chuyện xa hơn, gần bãi cập bến. Cậu vội chạy ngược lại băng qua rừng cây đến giúp Susan. Nhưng Susan đã nhìn thấy bọn kia khi chúng đi ngang qua, chỉ trong một thoáng thôi, xuyên qua cây cối ấy. Chúng chẳng dừng lại chút nào. Chúng cho thuyền chạy rất nhanh, buồm xuôi gió, đã băng qua giữa đảo và đất liền, đến đầu phía Bắc đảo rồi, giờ đang đi thẳng về phía vịnh Nhà Bè và mỏm Darien. Susan cùng John vội vội vàng vàng chạy lên trạm quan sát, Roger đang nằm trong bụi thạch nam ở đó, hai chân đá vung vẩy vì phấn khích, nhìn theo thuyền *Amazon* mỗi lúc một nhỏ xa dần.

“Bọn chúng kéo cờ xuống ngay khi chạy qua khỏi đảo đấy,” nó thông báo.

“Vậy chắc là chúng kéo cờ lên chỉ vì nhìn thấy chúng ta rồi thôi,” John bảo.

Titty vênh nhập bọn.

“Nếu chúng là cướp biển thì sao tên cướp biển trên cái nhà bè kia lại nổ súng vào chúng chứ?” con bé thắc mắc.

“Có lẽ ông ta đâu có nổ súng,” Susan đáp. “Theo dõi xem chúng có chạy lại vào vịnh Nhà Bè không kìa.”

“Chúng không có thần công đâu,” Roger nói, “còn ông kia thì có, đẹp kinh hoàng. Em biết chính là tên cướp biển trên nhà bè đã nổ súng đấy.”

Thuyền *Amazon* không chạy vào vịnh Nhà Bè. Chiếc thuyền nhỏ cùng tấm buồm trắng căng căng lộng gió mãi miết chạy tiếp, bỏ lại sau đuôi thuyền một làn nước rẽ dài, thẳng tắp như thể được căn ke bằng thước.

“Bọn này biết lái lắm,” thuyền trưởng John nhận định. Một trong những điểm yếu của *Amazon* là nó rất dễ bị đảo lái khi có gió đuối sau đuôi. Lái cho thuyền đi để lại một làn nước như thế kia thật không dễ chút nào đâu. Thế nên dù John không thể thừa nhận rằng ắt có những thuyền dễ lái hơn *Chim Én*, cậu cũng phải ngợi khen các thủy thủ trên thuyền *Amazon* vì đã lái được thẳng tắp như thế.

Cả bọn nhìn theo cánh buồm trắng nhỏ dần nhỏ dần đi rồi cuối cùng khuất hẳn sau mỏm Darien.

“Chắc nó chạy đến Rio rồi,” Susan nói.

“Bọn mình nên đi theo xem chúng từ đâu đến nào,” thuyền trưởng John đề nghị. “Chúng không cách nào quay lại đây mà chúng ta không phát hiện ra. Còn giờ thì chúng ta không nhìn thấy chúng, chúng cũng không nhìn thấy chúng ta. Cho nên ngay cả chốc nữa chúng nhìn thấy chúng ta thì chắc chúng cũng không biết được là chúng ta từ đảo đi ra đâu.”

“Trừ phi chúng đã nhìn thấy chúng ta rồi,” Susan bảo.

“Nhưng cũng chưa nhìn thấy *Chim Én* mà,” John cãi. “Anh hạ cột buồm xuống rồi. Hôm nay mình ăn bò khô đi. Như vậy mình không cần phải chờ nấu xong bữa tối làm gì. Không nên phí phút nào cả. Một ổ bánh mì cùng một hộp bò khô với lại vài quả táo, và bọn mình sẽ mua bốn chai bia gừng, à quên rượu rum chứ, ở Rio. Rồi khi về bọn mình chỉ cần pha trà

thôi. Đi thôi nào Roger. Ta đưa thuyền xuống bến nào. Cậu sửa soạn hết mọi thứ nhé thuyền phó?”

“Vâng thưa thuyền trưởng,” thuyền phó Susan đáp.

John và Roger chạy xuống cảng, rút hết dây neo *Chim Én*, rồi leo lên thuyền. John dựng cột buồm, khoát nước đưa thuyền qua chỗ hẹp, rồi bắt đầu chèo ngay khi có đủ chỗ khua chèo. Khi ngược gió hướng Tây Nam thì chèo một mái ở đằng đuôi sẽ không ích gì lắm. Cậu chèo từ khoang thuyền quanh vào bãi cập bến. Susan và Titty đã đứng chờ ở đấy cùng một hộp bò khô, đồ khai hộp, một con dao, ổ bánh mì, một khoanh bơ gói trong mẩu giấy và bốn quả táo to. Chập sau cánh buồm nâu đã được kéo lên căng góc, và thuyền *Chim Én*, cùng toàn bộ thủy thủ đoàn, từ sau hòn đảo tiến ra.

Cả bốn đứa đầu ngẩng nhìn ở đuôi thuyền để cho thuyền tận dụng được tối đa sức gió xuôi chiều. John cầm lái, ba đứa còn lại ngồi dưới khoang thuyền. *Chim Én* quây tung bọt trên mặt nước. John nỗ lực hết mình giữ cho mũi thuyền thẳng đầu ngoài tận cùng rìa mỏm Darien, nhưng khi liếc lại phía sau, cậu biết là mình giữ lái không được giỏi như con nhỏ cầm lái của thuyền *Amazon* rồi. Tuy thế, cậu vẫn ráng hết sức, và tiếng nước ục ục dưới đáy mũi thuyền *Chim Én* cho biết cả thuyền cũng đang hoạt động hết sức mình. Những ngọn cây trên bờ ven hồ chừng như đang đua nhau băng qua mấy sườn đồi tím tím.

Vịnh Nhà Bè hiện ra. Căn nhà bè lưng lửng đó, đứng trên boong trước là người đàn ông to béo.

“Trông ông ta như đang rất cáu chuyện gì đấy,” Titty quan sát.

Hình như ông này đang dứ dứ nắm đấm về phía bọn nhỏ, nhưng chúng cũng không chắc, lát sau chúng đã chạy qua mũi ngoài rìa và không còn nhìn thấy ông ta nữa.

Mỏm Darien mỗi lúc một thêm rõ và lớn ra.

“Qua bên kia mỏm Darien là bọn chúng sẽ mất gió ngay,” John bảo, “rồi sẽ chẳng đón thêm được bao nhiêu gió nữa đâu cho đến tận bên kia mấy đảo ngoài vịnh Rio. Chúng đi trước chúng ta khá xa, nhưng chúng ta có thể nhìn ra được bọn chúng để xem chúng đi đâu.”

Thuyền *Chim Én* quanh qua mỏm Darien. Thủy thủ đoàn dõi mắt về nông trại Holly Howe. Chúng nhìn ra hai dáng người cùng chiếc xe nô ở

bên ngoài nhà nông trại - là mẹ, vú em và Vicky. Họ như thuộc về một cuộc đời khác lạ, xa xăm nào đấy. Họ đứng đó, đi ầm nhiên dưới ánh mặt trời. Vicky chắc là đang ngủ. Còn tại đây, đang băng băng qua mặt nước, là thuyền *Chim Én*, mang theo anh chị của bé Vicky mà chưa tới một giờ trước, chưa tới nửa giờ trước, đã tận mắt chứng kiến một lá cờ màu đen có hình đầu lâu cùng hai khúc xương chéo tung bay trên cột buồm một con thuyền lạ, con thuyền mà bọn chúng nghĩ đã bị tên cướp biển về vườn có con vệt xanh trên nhà bè trong vịnh Nhà Bè kia nổ súng bắn vào.

Phút chốc chẳng đứa nào nói năng gì.

Rồi Susan lên tiếng, “Không cần phải kể cho mẹ nghe vụ cướp biển đâu, ít ra cũng chờ cho đến khi xong chuyện đã. Nhưng chúng ta phải ghi chép vào nhật ký tàu để sau này kể lại với mẹ.”

“Bọn mình sẽ kể khi nào mẹ không còn là thổ dân nữa,” Titty nói. “Đây chẳng phải chuyện nên đi nói cho thổ dân nghe.”

Thuyền *Chim Én* chạy tiếp. Giờ đây ven bờ Đông hồ xuất hiện thêm nhiều nhà cửa. Cả bọn càng đi tiếp, nhà cửa xuất hiện càng thêm nhiều. Rồi đến đảo này đảo nọ. Một đảo lớn có nhà cửa. Một doi cát dài nhô ra có nhiều nhà bè ở mé xa. Nhà cửa lúc này không còn nằm rải rác giữa các rừng cây nữa, mà túm tụm lại trên sườn đồi bên trên thị trấn Rio nhỏ bé, cư dân trong đấy mù tịt chẳng biết Rio là tên thị trấn mình đang ở. Thuyền *Chim Én* chạy tiếp ra vùng nước tĩnh bên kia những hòn đảo mé ngoài cùng doi cát. Giờ đây cả bọn có thể nhìn thấy vịnh Rio và cầu tàu. Chúng chậm rãi đi qua một đoàn du thuyền đang thả neo. Xuống máy chở du khách đang ngược xuôi. Thuyền trưởng John phái bốn người lên phía trước làm hoa tiêu, khiến thuyền nhỏ mừng rỡ, còn cậu thì bận bịu tránh thuyền chèo lẫn xuống máy. Thị trấn Rio trong ngày hè là một nơi nhộn nhịp. Một tàu thủy hộ tống, tách khỏi cầu tàu, chậm rãi nhả hơi nước rời khỏi vịnh. Không một du khách nào từ trên boong tàu nhìn xuống con thuyền *Chim Én* buồm nâu nhỏ bé kia lại biết được rằng bốn đứa trên thuyền ấy đang sống trên một đảo hoang, và rằng bọn chúng chẳng để mắt đến chiếc tàu hơi nước to lớn, hay du thuyền hay xuống máy gì, mà chỉ chăm chăm đến một con thuyền khác cũng bé con như thuyền bọn chúng. Đối với các thủy thủ trên thuyền *Chim Én* thì ngoài mặt nước kia chẳng có thuyền bè nào khác, dĩ nhiên là ngoài dăm ba chiếc ghe sà của thổ dân chẳng đáng để mắt đến làm gì.

Mắt cả bọn chỉ hướng về một con thuyền hải tặc mà chúng đang truy đuổi thôi.

Thuyền hải tặc không có trong vịnh Rio. Bốn cặp mắt rà soát từng cầu tàu nhỏ. Có thể thuyền đã buộc vào đâu đấy, buồm đã hạ, nếu thế thì khó mà nhìn ra nó lắm. Hay có thể nó đã chạy ra sau các đảo vốn biến vịnh này thành nơi tốt nhất cho các du thuyền thả neo trú náu và thành sân chơi thích hợp nhất cho mấy tay thổ dân inh ỏi ồn ào với mấy chiếc thuyền chèo kia.

“Chúng ta sẽ cho thuyền chạy thẳng qua vịnh,” thuyền trưởng John bảo, “đi ra cửa biển, để nhìn thấu tận Bắc Cực. Nếu lúc đó mà không thấy thuyền kia nữa thì chúng ta sẽ quay lại mà lần dọc qua các đảo vậy.”

Thuyền *Chim Én* băng xuyên qua vịnh, và khi thuyền vừa qua khỏi hòn đảo dài nằm chắn trước thị trấn thì Roger hăm hở la lớn, “Buồm kìa!”

“Là nó đó,” Susan la theo.

Từ hướng vào phía Bắc vịnh, bên kia hòn đảo dài, ta có thể nhìn xa đến tận đầu hồ, một mảng nước xanh biếc trải dài đến tận những ngọn đồi lớn hơn những quả đồi nhô trên mấy bờ rậm rạp cây cối ở mé phía Nam.

Phía trước kia chừng một dặm, một cánh buồm trắng bé nhỏ đang chạy vùn vụt về phía doi đất bên bờ phía Tây. Loáng cái cánh buồm biến mất dạng.

“Giờ bọn mình làm gì đây?” Titty hỏi.

Bốn đứa bàn cãi một hồi.

Roger một mực muốn đi tiếp. John thì nghĩ không nên.

“Giờ chúng ta biết bọn chúng ở đâu rồi,” cậu bảo. “Có thể chúng đang cố nhử chúng ta đi xa đảo. Nếu chúng ta chạy theo xuống đấy, rồi chúng lại trở ra, thì có thể chúng ta phải đưa theo chúng về lại đảo. Nếu chúng ta ở tại đây thì còn biết chắc là ta quay về tới đảo trước bọn chúng. Anh nghĩ tốt hơn bọn mình nên ở lại đây ăn bò khô rồi xem thử bọn chúng có trở ra lại hay không.”

Susan hỏi. “Thế còn rượu rum thì sao?” Câu này khiến cả đám thấy vừa đói vừa khát.

“Nhưng biết đâu bọn chúng lại quay trở ra trong lúc chúng ta mua rượu ở Rio,” John nói. “Chúng có thể lén qua từ sau mấy hòn đảo, rồi khi chúng

ta từ Rio quay lại đây thì chúng ta lại ng ỡ chờ trong khi bọn chúng đang chiếm trại của chúng ta.”

Titty có sáng kiến. Nơi cuối dãy đảo che chắn cho vịnh Rio có rất nhiều đảo nhỏ. Sao lại không đưa con bé vào một đảo nhỏ ấy để quan sát trong khi bọn còn lại đến Rio mua rượu chứ. Làm thế thì ít nhất chúng cũng biết chắc được bọn cướp biển kia có quay trở ra hay không.

“Titty giỏi lắm,” thuyền trưởng John khen.

Cách đây chừng trăm mét là một đảo nhỏ trơ trọi chẳng có gì ngoài đá tảng cùng bụi thạch nam. Cả bọn cho thuyền đi theo hướng gió, rồi John đưa mũi thuyền *Chim Én* tiến vào ngọn gió.

“Coi chừng đá ngầm dưới nước nhé Roger,” thuyền phó bảo.

Chim Én lướt đi với cánh buồm phần phật, nhích từng mét một vào gần đảo nhỏ.

“Bớ thuyền phó, chuẩn bị hạ buồm,” John hô lên, thế là Susan vội vàng sửa soạn hạ buồm. Nhưng không cần thiết. Hòn đảo nhỏ nhô lên khỏi mặt nước đủ sâu để thuyền *Chim Én* nổi bồng bênh ngay bên cạnh. Thuyền va một cái khê thật khê thôi thì Titty đã phốc qua mạn thuyền đặt chân lên bờ.

“Đưa em kính nào,” con bé đòi.

“Đây này,” thuyền phó đáp.

“Đây thuyền ra giùm,” John vừa nói vừa bẻ ngoặt tay lái hết mức về bên trái.

Titty đẩy *Chim Én* thật lùi ra. Rồi buồm no căng gió, con thuyền chần chừ, khê nghiêng đi, rồi lại bắt đầu tiến tới trước. Titty vẫy tay chào đoạn leo lên chóp hòn đảo nhỏ, ng ỡ xuống đấy với kính viễn vọng đặt trên đầu gối.

Sau ba bốn lượt chạy chữ chi thì thuyền *Chim Én* đã đến chỗ cập bến gần nhất dành cho thuyền chèo trái dài từ trong bờ vịnh Rio. Roger leo qua cầu tàu, cột dây neo chạy quanh cọc neo hai vòng, rồi ng ỡ trên cọc ấy. Để an toàn bọn chúng hạ hết buồm xuống. Rồi John cùng Susan đi vội theo cầu tàu đến cửa hàng nhỏ xíu mà ta có thể mua được mọi thứ từ bầy chuột cho đến kẹo bạc hà.

“Cho bốn chai rum,” John nói không kịp nghĩ.

“Bia gừng ấy ạ,” Susan nghiêm nghị chữa lại.

John đang mãi nhìn cuộn dây thừng trong góc cửa hàng.

“Với lại hai chục thước dây thừng kia ạ,” cậu bảo.

Người bán hàng đo ra hai chục thước rồi cuộn lại gọn gàng. Ông ta đặt bốn chai bia gừng lên quầy tính tiền. John đặt xuống năm đồng sì ling. Cậu cần lấy cuộn thừng cùng hai chai bia. Susan cần hai chai còn lại.

“Hôm nay trời đẹp cực,” người bán hàng lên tiếng khi ông ta chìa tiền thối ra.

“Đẹp thật đấy chứ nhỉ?” John đáp.

Toàn bộ cuộc trò chuyện giữa bọn chúng và thổ dân vùng Rio chỉ có thế.

Khi hai đứa quay trở lại cầu tàu, Roger bảo, “Có tay thổ dân đến đây nói chứ, ‘Cậu có chiếc thuyền bé con xinh thật.’”

“Thế em nói gì với họ?” Susan nghiêm khắc hỏi.

“Em đáp là ‘Vâng ạ,’ thôi,” Roger bảo. Cả nó cũng chẳng để lộ thông tin gì sất.

Chúng bơi thuyền quay lại hòn đảo nhỏ đón Titty. Con bé vẫy tay chào cả bọn khi trông thấy chúng đến, và đã đứng ngay mép nước sẵn sàng leo lên thuyền khi John đưa *Chim Én* ghé vào.

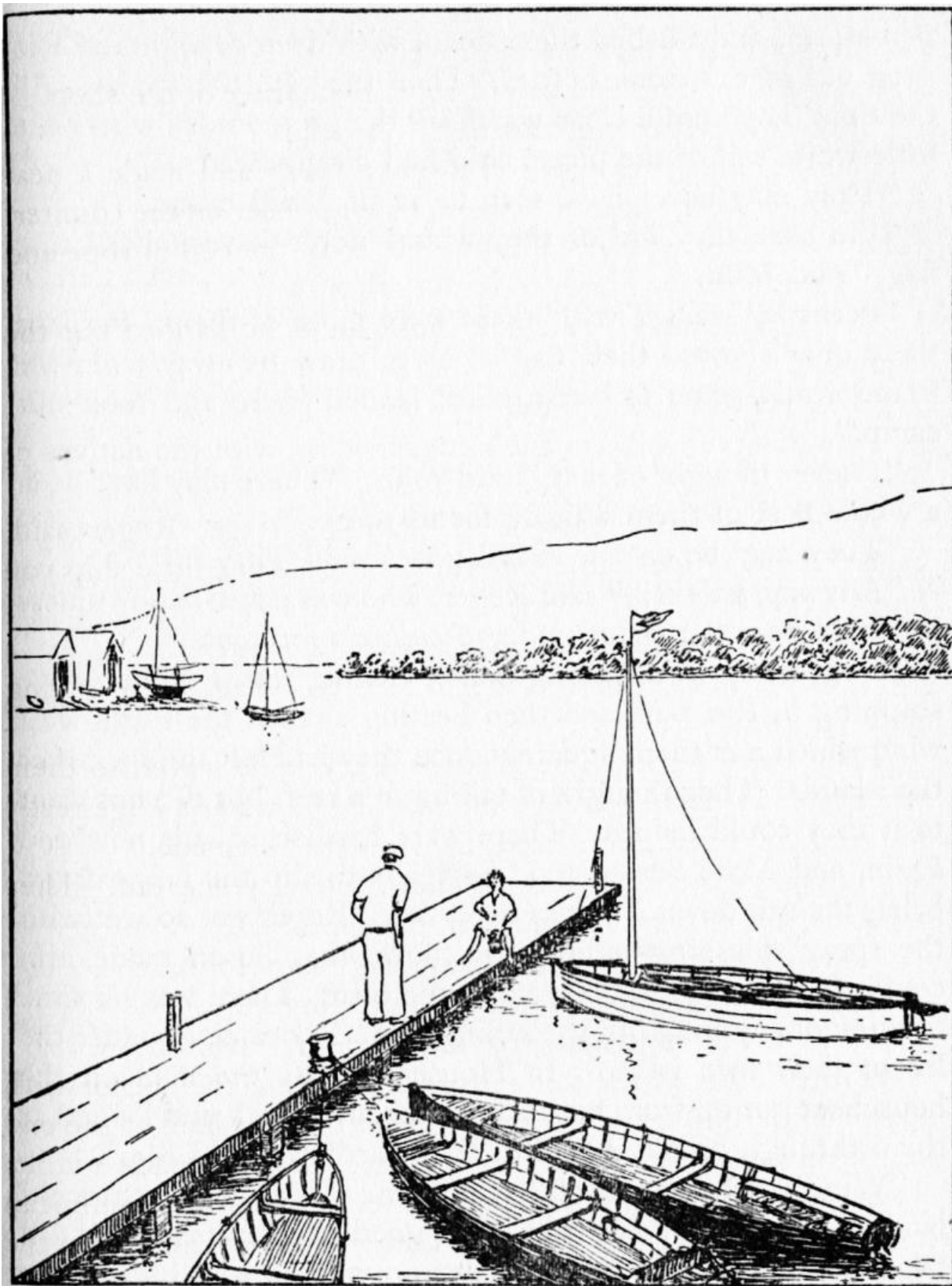
“Ồn thỏa cả,” nó bảo. “Bọn chúng không quay trở ra. Chắc là vẫn còn ở trong đó đằng sau doi đất thôi.”

“A, cũng mừng là bọn mình biết được,” John nói.

“Cho em lên đảo của Titty nhé?” Roger hỏi.

“Sao tất cả không cùng lên bờ dùng bữa trên ấy nhỉ?” Susan đề nghị.

Thế là cả bọn hạ buồm rồi leo lên bờ, mang mỏ neo theo, để *Chim Én* nằm bên mạn khuất gió của đảo và neo vào một đầu sợi dây neo. Một tảng đá trên đỉnh hòn đảo nhỏ biến thành bàn ăn. John mở hộp bò khô, lắc lắc đổ hết bò khô ra thành một cục. Susan cắt bánh mì rồi phết bơ lên, không để lát nào có bơ dày hơn lát nào. Trên mấy khoanh bánh mì với bơ ấy chúng rắc đầy chà bông, rồi tu ừng ực rượu Rio trong chai bằng đá để nuốt cho trôi thức ăn. Rồi chúng ăn táo. Trong suốt lúc ấy chúng vẫn quan sát không rời mắt doi đất mà cánh buồm trắng nhỏ bé của con thuyền hải tặc đã khuất dạng.



ROGER NGỒI GÁC

“Chúng chưa hề trông thấy bọn mình cũng nên,” Susan nói.

“Anh dám chắc là có đấy, bằng không chúng đã chẳng giương lá cờ ấy lên làm gì,” John đáp.

“Có lẽ là,” Titty bảo, “còn có thêm nhiều tên nữa. Có lẽ mấy tên vừa rồi kéo cờ lên để dụ chúng ta đi khỏi đảo rồi đồng bọn của chúng lên đảo chiếm lấy trại của bọn mình.”

“Anh chẳng hề nghĩ đến khả năng này,” John nói. “Biết đâu có đến cả đoàn bọn chúng đang chờ chúng ta bỏ đi ấy chứ.”

“Ngay lúc này chúng đang ở trên đảo của mình cũng nên,” Titty bảo.

“Vây thôi mình đi nào,” Roger đề nghị, thằng bé này chỉ khi nghe được tiếng nước khua dưới đáy mũi thuyền *Chim Én* thì nó mới thấy vui.

Chuyến về mới thật sôi động, cả bọn dong buồm luồn lách qua thuyền bè của thổ dân trên vịnh Rio, rồi còn đi ngược ngọn gió Tây Nam thổi thốc trực diện khi chúng vừa rời khỏi vùng nước được các đảo che chắn. Bọn chúng đã tính đến chuyện cuộn buồm lại, nhưng lại không muốn làm thế nếu còn ráng được. Rồi thỉnh thoảng lại có gió giật khá mạnh, thuyền phó Susan đã sẵn sàng tư thế luồn dây néo hạ buồm xuống nếu cần thiết. Roger nghĩ nơi mũi thuyền bị bụi nước bắn ướt chèm nhẹp nên Susan bảo nó đi ra sau ngồi xuống khoang. Chẳng có thời gian để nghĩ ngợi gì nhiều ngoài việc tập trung lái thuyền cho đến khi cả bọn vào đến mạn khuất gió hòn đảo của mình. Trong vịnh Nhà Bè, cái gã trên nhà bè ngồi nơi ghế boong sau nhòm dây mà quan sát chúng qua ống nhòm. Nhưng chúng dường như chẳng để ý đến gã.

“Chiều xuống gió sẽ lặng thôi,” John bảo. “Chúng ta sẽ cập bến tại chỗ cũ. *Chim Én* sẽ được che chắn an toàn tại đây, chút nữa gió thổi dịu đi anh sẽ đưa thuyền qua cảng.”

Thế là chúng cập thuyền vào chỗ cũ. Vừa xuống thuyền là cả bọn chạy vội lên trại nhìn vào mấy túp lều. Rồi chúng đi quanh đảo. Mọi thứ vẫn y nguyên. Chẳng có kẻ nào đến. Đám cướp biển trên thuyền *Amazon* không có đồng bọn.

Mấy anh em nhóm lửa, đến lúc cả bọn ngồi quanh đồng lửa uống trà thì bắt đầu nghĩ rằng chúng đã sai lầm vô cùng khi cho là lá cờ cướp biển trên thuyền *Amazon* được kéo lên là để cho chúng trông thấy. Thậm chí

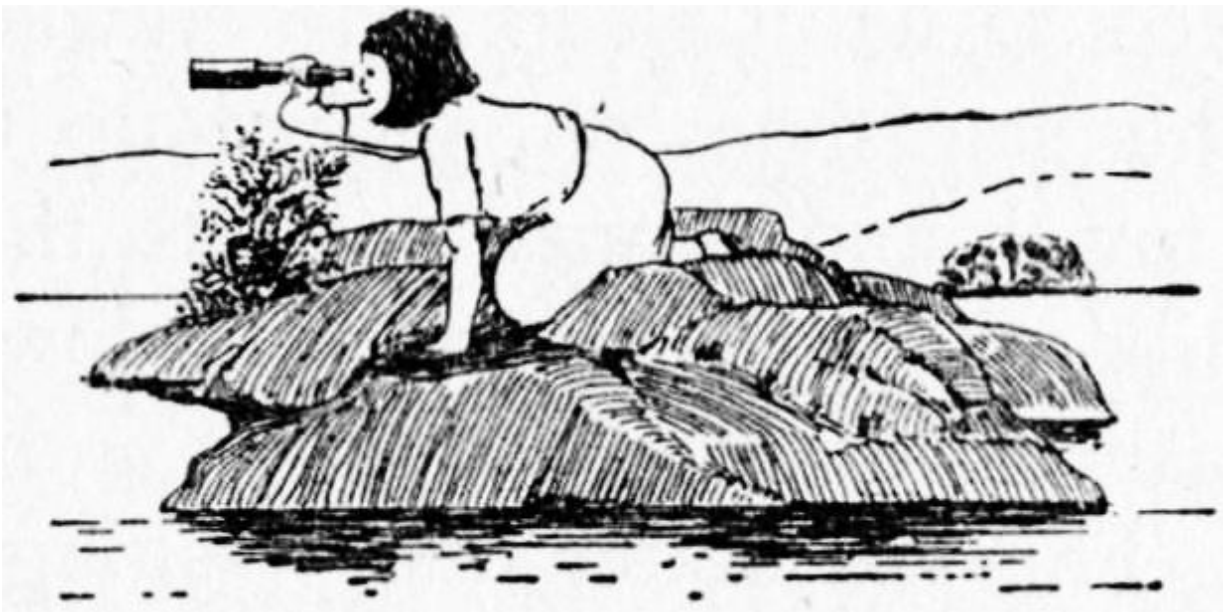
chúng còn bắt đầu bắn khoan không biết có chắc mình nghe thấy tiếng súng nổ trong vịnh Nhà Bè không nữa.

“Thế sao cái ông trên nhà bè ấy lại dứ nắm đấm vào chúng ta cơ chứ?” Titty hỏi. “Hẳn phải có chuyện gì đó xảy ra mới khiến ông ta hành động vậy.”

“Có lẽ thật ra ông ta cũng không có làm thế,” John nói.

“Vậy chắc bọn mình sẽ không bao giờ gặp lại đám cướp biển ấy nữa rồi,” Titty buồn rầu.

“Nếu quả chúng là cướp biển cơ,” Susan bảo.



Mũi tên cảm lông xanh

SÁNG ra John thức dậy đầu tiên. Ngày đã trưa trời trưa trệt. Mặt trời lên cao trên đầu. Mấy ngày đầu tiên thì chỉ cần ánh sáng ban mai mới hừng cũng đủ đánh thức các nhà thám hiểm dậy rồi. Giờ chúng đã quen ngủ trong lều. Với lại, ngày hôm qua, nhiều việc xảy ra quá. John thức dậy mà thấy không vui lắm. Ngày hôm qua dường như vừa hư ảo vừa lãng phí. Mấy tên cướp biển ấy, khẩu súng trong vịnh Nhà Bè, cuộc rượt đuổi ngược hồ đến tận Rio cứ như một giấc mơ. Giờ thì thức dậy trong đời thường. Hừ, người ta không thể mong những chuyện như thế cứ kéo dài mãi được đâu, cậu nghĩ, mà chuyện đã xảy ra cũng chừng như thật đáng tiếc. Dẫu sao thì, kể cả không có cướp biển thì hòn đảo này cũng đã quá thật, cả thuyền *Chim Én* cũng vậy. Không có cướp biển cũng chẳng sao. Tới giờ đi lấy sữa rồi.

Cậu nhìn sang đồng chăn lù lù bên kia lều rồi quyết định để nó ngủ tiếp. Cậu chui ra khỏi chăn, mang giày đi cát vào, nhặt mớ quần áo khăn tắm của mình lên, rồi lên ra ánh mặt trời đơn lạnh. Cậu cầm theo bình sữa rồi chạy xuống bến. Cậu nhảy ùm xuống nước bơi cật lực một hai phút gì đấy. Làm vậy thích hơn rửa ráy. Rồi cậu nằm ngửa dưới ánh nắng chỉ để mũi và miệng nổi trên mặt nước. Không xa đấy đám hải âu đang săn cá lòng tong. E là có con nào đấy lại sà nhàn xuống cậu mất. Liệu nó có thể kéo cậu bay lên trong khi cậu túm lấy hai chân đen đen của nó thòng xuống không nhỉ? Nhưng đám hải âu tránh rõ xa cậu, thế là cậu lật người bơi trở vào bãi cập bến. Đoạn cậu chạy xuyên qua rừng cây về phía cảng, quảng quần áo khăn lau cùng bình sữa lên thuyền *Chim Én*, rồi đẩy đi.

Cậu chèo mạnh tay về phía bãi cạnh cây sồi bên dưới nông trại Dixon. Anh nắng cùng cơn gió Nam ấm áp gần như đã lau khô hết người cậu trước khi cậu chèo đến đấy. Cậu dùng khăn lau khô hẳn những chỗ trên mình dường như còn hơi ẩm, mặc quần áo vào, rồi vội vã đi lên đống.

“Sáng nay cậu đến không được sớm nhỉ,” bác Dixon, vợ người nông dân, bảo.

“Vâng ạ,” John đáp.

“Cho cậu ít kẹo bơ nhé?” bác hỏi. “Tối qua bác chẳng có gì làm nên nổi hứng nấu nướng cho cô cậu đây. Có bốn đĩa cả thầy đúng không nhỉ?”

“Cháu cảm ơn bác nhiều ạ,” John đáp.

Bác Dixon đưa cho cậu một túi giấy lớn đầy kẹo bơ nâu nâu, rồi bác đem cái bình trở ra khi đã đổ đầy sữa.

“Cậu ăn sáng chưa?” bác hỏi.

“Chưa ạ.”

“Vậy mà lại tắm rồi cơ đấy. Nhìn tóc cậu bác biết ngay mà. Cậu nên ăn vào chút gì đi thôi. Dừng đấy bác lấy cho ít bánh.”

Sau khi bôi thì một ít bánh là ấm dạ lắm, nên John thấy có ăn cũng chẳng sao. Nhưng trong lúc cậu ăn thì bác Dixon bảo, “Ông Turner trên nhà bè kia hỏi han về cô cậu đấy. Máy cô cậu không quấy phá gì nhà bè của ông ấy đấy chứ hử?”

“Không ạ,” John đáp.

“À, hình như ông ta nghĩ là có đấy,” bác Dixon bảo. “Máy cô cậu nên để cho ông Turner với con vẹt của ông ấy yên nhé.”

Bỗng nhiên ngày hôm qua một lần nữa có thực. John nhớ cậu đã tưởng mình có nhìn thấy gã cướp biển vờ vườn trên nhà bè dứ dứ nắm đấm về phía mấy anh em cậu. Trong khoảnh khắc cậu là thuyền trưởng John, chịu trách nhiệm về con tàu cùng thủy thủ đoàn của mình, và bác Dixon, vợ người nông dân, là một thổ dân, không thể tin tưởng hoàn toàn được dù bác có kẹo bơ hay bánh trái gì đi nữa.

Ngay lập tức cậu quay gót, nghĩ rằng lẽ ra mình nên đánh thức thuyền phó dậy trước khi đi lấy sữa mới phải.

Nhưng từ cánh đồng bên dưới nông trại cậu có thể nhìn thấy hòn đảo, khói đã tỏa lên qua những rừng cây. Thuyền phó đã thức dậy và đang làm việc, lửa đã được nhóm, mọi chuyện đều ổn, và khi cậu mang sữa về đến thì ấm nước sẽ réo sôi rồi.

Cậu vội vã quay về Thuyền viên Titty cùng cậu bồi Roger đang lợi bì bơm quanh đảo. Cậu nhìn thấy hai hình thù trắng trắng quấy nước tung tóe

ngoài hồ, đá nước bắn thành vòi trước mặt. Hai đứa vẫn còn đang lau khô người khi cậu đưa thuyền *Chim Én* vào bãi cập. Chúng phụ cậu kéo thuyền lên.

“Anh có sữa với cả kẹo bơ của thổ dân nữa nhé,” thuyền trưởng John bảo.

“Kẹo bơ thật hả?” Roger hỏi.

“Mật mía chứ,” Titty chữa lại. “Kẹo bơ chỉ là tên thổ dân gọi mật mía thôi.”

“Và anh có tin nghiêm trọng đây,” thuyền trưởng John nói tiếp. “Xảy ra chuyện rồi. Anh cần triệu tập phiên họp ngay sau khi ta xong điểm tâm.”

“Vâng thưa thuyền trưởng,” thuyền viên hô lên, đoạn huých bẫy tàu, thằng bé cũng đáp, “Vâng thưa thuyền trưởng.”

Thuyền viên cùng cậu bẫy mang bình sữa cùng mật mía chạy lên trại. Thuyền trưởng vừa đi theo vừa ngẫm nghĩ, tay đút túi quần.

“Điểm tâm đã xong, thưa thuyền trưởng,” thuyền phó vui vẻ gọi.

“Cảm ơn nhé thuyền phó,” John đáp.

“Sữa đây ạ,” Roger nói.

“Và cả một túi mật mía,” Titty thêm. “Chị có biết làm cocktail rum không? Làm từ mật mía phải không ạ?”

“Chắc vậy,” thuyền phó đáp. “Chị chưa làm bao giờ.”

Trà đã pha. Trứng đang sôi trong nồi, thuyền phó dùng đũa hồ bấm giờ để canh giờ cho trứng.

“Ba phút,” Susan bảo, “mà trứng vào nồi trước khi em bắt đầu canh giờ một chút. Đến giờ thì trứng chín hết rồi.” Cô bé dùng thìa vớt từng quả ra. Trong vài phút thì nào những trứng những bánh mì bơ và trà không cho ai nói năng gì. Sau đó là bánh mì với mứt. Sau đấy nữa thì thuyền phó chia phần mật mía cho cả nhóm. “Mật mía ngon thật,” cô bé bảo. “Bọn mình sẽ làm cocktail nếu còn dư mật.”

Cuối cùng bữa điểm tâm cũng đã xong và thuyền trưởng John lên tiếng. “Này thuyền phó,” cậu bảo, “tôi yêu cầu họp.”

Cả bọn ngồi quanh đồng lửa đang cháy âm ỉ. Nồi đầy nước đang vùi trong đồng tro, giữ nước ấm để rửa những thứ dính dáp.

Thuyền phó Susan ngồi thẳng dậy nhìn quanh.

“Toàn bộ thủy thủ đầu đã có mặt, thưa thuyền trưởng,” Susan thông báo.

“Chúng ta có kẻ thù,” thuyền trưởng John tuyên bố.

“Ai thế?” thuyền viên Titty hăm hở.

“Là đám cướp biển trên thuyền *Amazon* chứ gì,” Roger đáp.

“Im đi,” thuyền phó ra lệnh.

“Mọi người biết cái gã trên nhà bè r ồi đấy,” thuyền trưởng John nói.

“Vâng,” thuyền phó đáp.

“Hắn đi nói với thổ dân rằng bữa giờ chúng ta quây phá gì nhà bè của hắn.”

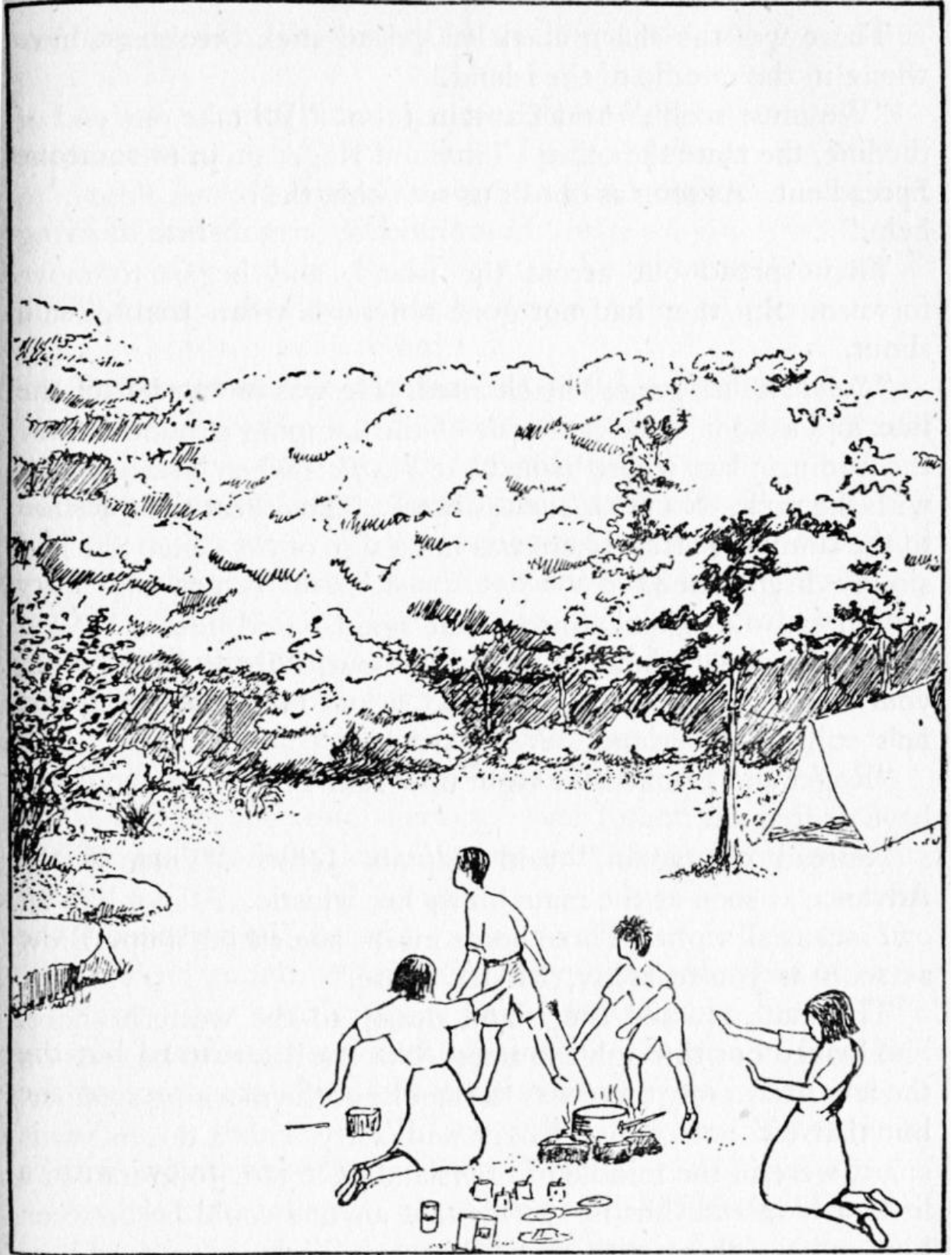
“Nhưng chúng ta có động gì đến nó đâu.”

“Anh biết chúng ta không, nhưng hắn lại nói với thổ dân là chúng ta có. Hắn đang cố sách động thổ dân chống lại chúng ta. Không biết sao hắn lại ghét chúng ta, nhưng hắn có ghét thật.”

“Vậy thì *đúng là* hôm qua hắn dữ nắm đấm về phía chúng ta r ồi,” thuyền phó nói.

“Em biết hắn là một tay cướp biển về vườn mà,” Titty nói. “Hắn có bí mật. Bọn chúng ai cũng thế. Hoặc là những trò mờ ám hoặc là châu báu thôi. Nhìn cái kiểu hắn nổ súng vào thuyền cướp biển kia mà xem. Chắc hẳn hắn nghĩ là bọn cướp biển ấy dòm ngó gì của nả của hắn đấy.”

“Ừ, nhưng sao hắn lại đối đầu chúng ta chứ?” John hỏi.



KẺ THÙ GIẤU MẶT

“Chắc đây là đảo của hần,” Titty đáp. “Anh biết là đã có người đến đây trước chúng ta mới đắp lò này mà.”

“Nhưng nếu đây là đảo của hần thì hần sẽ sống trên này thay vì trên nhà bè chứ.”

“Sống trên đây thoải mái cho con vẹt hơn,” Titty bảo.

“Mà thôi, có vẻ như hần muốn tống chúng ta ra khỏi đảo.”

“Chúng ta sẽ không đi đâu hết,” Roger bảo.

“Tất nhiên là không rồi,” thuyền trưởng John nói, “nhưng vấn đề là, chúng ta phải làm gì bây giờ?”

“Bọn mình đi đánh đắm căn nhà bè đó đi,” Roger và Titty đồng thanh.

Ngay lúc ấy có gì đấy bung vào nãi nước đánh keng một tiếng, tro từ đồng lửa bắn lên. Một mũi tên dài có đuôi là cọng lông chim xanh lè cắm vào, rung bần bật giữa đám tro tàn.

Bốn nhà thám hiểm đứng bật dậy.

“Bắt đầu rồi,” Titty nói.

Roger chụp mũi tên giật khỏi đồng lửa.

Ngay lập tức Titty giật mũi tên trên tay thẳng bé. “Biết đâu có độc đấy. Đừng chạm vào đầu mũi nhọn.”

“Nghe xem,” thuyền trưởng John bảo.

Cả bọn dỏng tai. Chẳng nghe thấy gì ngoài tiếng nước vỗ êm lên bờ Tây hòn đảo.

“Là hần rồi,” Titty bảo. “Đó là mũi tên bằng lông con vẹt xanh của hần đấy.”

“Nghe kìa,” thuyền trưởng John lại bảo.

“Im đi chút coi,” thuyền phó Susan nói.

Có tiếng cành khô gãy đánh rắc đầu đó ngay giữa đảo.

“Bọn mình phải đi thám thính thôi,” thuyền trưởng John ra lệnh. “Anh sẽ đi một đầu, thuyền phó đi đầu kia. Titty với Roger đi chính giữa. Tản ra nào. Ngay khi có đưa nào trong bọn nhìn thấy hần, những đưa còn lại sẽ chạy đến chi viện.”

Chúng tản ra khắp đảo, bắt đầu tiến tới. Nhưng chúng đi chưa được mười mét thì John đã hét lên.

“*Chim Én* mất tiêu rồi.” Cậu đang ở mé trái, ngay khi ra khỏi khu vực trại thì cậu nhìn thấy bãi cập bên nơi cậu neo *Chim Én* khi đem sữa về. Không có *Chim Én* ở đấy. Mấy đứa còn lại chạy ùa về bãi cập. Không thấy dấu vết *Chim Én* đâu. Thuyền như thể cứ thế bốc hơi.

“Tản ra. Tản ra lại đi,” John bảo. “Chúng ta sẽ lùng sục khắp đảo. Thuyền phó, canh chừng cho kỹ từ bờ của cậu. Thuyền không thể dạt đi được. Hắn đã đánh cắp thuyền, nhưng hắn vẫn còn trên đảo. Chúng ta đã nghe thấy hắn.”

“Em với Roger kéo thuyền lên tận trên này cơ mà,” Titty nói. “Không thể có chuyện bị dạt đi được.”

“Tản ra lại nào,” thuyền trưởng John ra lệnh. “Rồi nhớ nghe ngóng. Tiến lên ngay khi nghe thấy thuyền phó huýt còi. Một tiếng như cú kêu nghĩa là mọi chuyện ổn. Ba tiếng nghĩa là có chuyện không hay. Huýt còi ngay khi sẵn sàng nhé, thuyền phó.”

Thuyền phó băng qua đảo đến gần mé bờ phía Tây. Cô bé nhìn qua mấy rặng cây. Trên hồ không thấy có cánh buồm nào. Xa xa kia là khói bốc lên từ con tàu hơi nước buổi sáng, nhưng cái này không tính. Roger và Titty, cách nhau chừng năm sáu mét, đang ở giữa đảo. Thuyền trưởng John di chuyển vào sâu trong đất liền một chút, nhưng cũng không đi xa lắm để thấy ngay bất cứ kẻ nào trong tầm từ chỗ cậu đến bờ hồ. Cả bọn lắng nghe. Không một âm thanh nào.

Bỗng, từ bờ đảo phía Tây, thuyền phó huýt còi.

Cả bốn đứa lại bắt đầu di chuyển qua rặng cây cùng bụi rậm.

“Roger ơi,” Titty gọi, “em có vũ khí gì không?”

“Không,” Roger đáp. “Còn chị?”

“Chị có hai cây gậy đây, à không là giáo chứ. Em nên giữ một cái đi.”

Nó quăng một trong hai cây gậy cho Roger.

Một tiếng cú rúc xa xa phía tay trái.

“Chắc là thuyền trưởng đấy,” Titty bảo. Nó huýt lên đáp trả. Susan ở mé xa phía bên phải cũng huýt lên trả lời. Rồi cả bọn lại lắng tai nghe. Rồi lại tiến tới.

“Ơ này,” Roger la lên, “có kẻ nào đấy đã ở đây.”

Titty chạy tới chỗ thằng bé. Có một khoảnh tròn chỗ cỏ và đám dương xỉ bị ép xuống như thể có ai đã nằm trên đấy này giờ.

“Hắn để lại dao này,” Roger vừa nói vừa giơ lên con dao xếp lớn nó tìm thấy trên bãi cỏ.

Titty rúc lên như cú ba lần.

Thuyền trưởng thuyền phó học tốc chạy đến.

“Chắc hắn đang ở rất gần,” Titty nói.

“Mà bọn mình giữ dao của hắn rồi,” Roger thêm.

Thuyền trưởng John cúi xuống lần tay lên lớp cỏ bẹp gí.

“Không còn ấm,” cậu nói.

“Ờ, có ấm cũng không ấm được lâu đâu,” thuyền phó bảo.

“Tản ra nữa và đi tiếp nào,” thuyền trưởng John bảo. “Ta không được để cho hắn trốn đi cùng *Chim Én*. Hắn không thể nào ở xa đây, vì chúng ta đã nghe thấy hắn. Nếu hắn đã đưa *Chim Én* ra biển thì chúng ta hẳn phải trông thấy rồi. Chắc chắn hắn đang giữ con thuyền ở đây, đâu đấy ven bờ thôi.”

Đúng lúc ấy một tiếng ré hoang dại vang lên. “Hoan hô, Hoan hô.” Nhưng tiếng ré không vang đến từ đằng trước. Mà là từ đằng sau, phía khu trại.

“Nào,” thuyền trưởng John giục, “sát cánh vào. Tiến lên!”

Cả bọn vội vã băng qua cây cối quay về trại.

Chúng vừa đến ven rìa khu đất trống thì có tiếng quát lên, dù chúng chẳng nhìn thấy ai.

“Giơ tay lên! Đứng lại!”

Tiếng quát vọng đến từ ngay trước mặt.

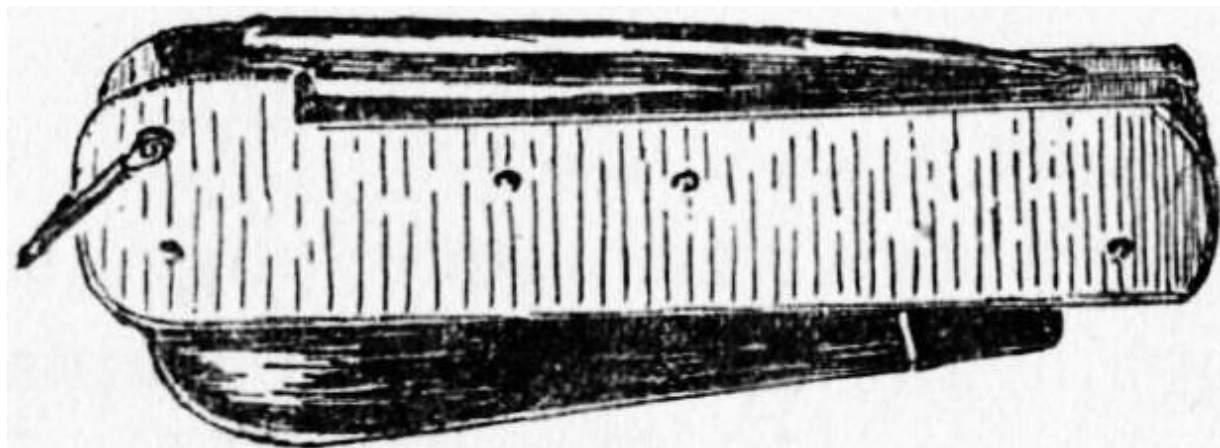
“Giơ tay lên!” lại quát.

“Nằm rạp xuống,” thuyền trưởng John vừa gọi lớn vừa nằm bẹp xuống đất.

Susan, Titty và Roger ngay lập tức nằm rạp cả ra. Một mũi tên bay là là qua đầu cả bọn không có chút đe dọa gì.

Chúng nhìn vào trại, và thoát đầu không trông thấy những gì thuyền trưởng John đã thấy. Ngay giữa trại là một cái que dài cắm xuống đất, trên

que là lá cờ hải tặc màu đen tung bay. Nhưng dường như không có ai ở đây. Rồi thì, trong mỗi túp lều, chúng trông thấy một dáng người đang quỳ, một kẻ thì đã lăm lăm cung tên nhắm bắn, kẻ kia đang lúi húi lắp lại tên.



10

Hòa đàm

“KHÔNG phải cái gã trên nhà bè,” Titty nói nhỏ. “Mà là bọn cướp biển trên thuyền cướp biển.”

“Chúng còn ở trong lều của mình nữa,” Susan nói.

“Hay là mình bắt chúng làm tù binh đi,” Roger đề nghị.

“Giờ tay lên,” nữ tặc thuyền *Amazon* vừa từ trong lều thuyền trưởng đi ra vừa hét.

“Tụi bay giờ thì có,” thuyền trưởng John vừa quát lên đáp trả vừa chực chồm dậy. Cả hai tên cướp biển lập tức bắn tên.

“Xông lên nào,” John lại hét vang, “trước khi chúng lắp lại tên. *Chim Én* muôn năm!”

Trong tích tắc bốn thủy thủ thuyền *Chim Én* đã nhóm dậy chạy bay qua được nửa chừng khoảng đất trống.

Hai tên hải tặc đội nón đỏ của thuyền *Amazon* phóng ra khỏi lều nghênh tiếp.

Nhưng chúng đâu chĩa cung xuống đất.

“Hòa đàm,” kẻ trông như là tên càn đầu nói to.

“Dừng lại!” thuyền trưởng John la lên.

Bốn nhà thám hiểm thuyền *Chim Én* đứng đối diện hai nữ tặc thuyền *Amazon*. Hai đứa *Amazon* này đều to con hơn hầu hết đám *Chim Én*. Một đứa lớn xác hơn thuyền trưởng John. Đứa kia thì xạm xấp cùng cỡ. Nếu chẳng may có đánh nhau thật thì chắc là ngang tài ngang sức lắm đây.

Nhưng không có cuộc giao chiến nào cả.

“Đàm phán trước rồi hẵng đánh nhé,” kẻ *Amazon* càn đầu lên tiếng.

“Bọn này đàm phán với tụi bay cũng có ích gì đâu trong khi gã sống trên nhà bè giữ thuyền *Chim Én* rồi cơ chứ,” John nói.

“Gã trên nhà bè á?” nữ tặc Amazon nhỏ hơn hỏi lại. “Nhưng ông có liên quan gì tới chuyện này đâu. Ông là thổ dân, và rất khó gần thôi.”

“Hắn cũng không mấy thân thiện với bọn này,” John nói.

Susan giật giật tay áo John. “Nếu như gã trên nhà bè đó không cùng phe với bọn này,” cô bé thì thào, “thì chắc bọn này là bọn đã cướp *Chim Én*, và chỗ duy nhất giấu được thuyền là ở cảng thôi. Thuyền bọn chúng chắc cũng đang ở ngoài đấy. Vì thế nếu chúng chiếm lều của chúng ta thì chúng ta có thể lấy cả hai cái thuyền luôn.”

“Nếu như ông khó chịu với bọn cậu, tốt hơn hết là chúng ta đàm phán ngay bây giờ đi,” tên Amazon lớn tuổi hơn nói.

“Thuyền *Chim Én* đâu?”

“Nó là chiến lợi phẩm của bọn tớ, bọn tớ đưa nó ra cảng của bọn tớ rồi.”

“Cảng là của bọn này chứ,” John nói. “Mà cũng chả ích gì cho bọn bay đâu. Bọn bay làm sao đánh lại bốn đứa bọn này để thoát ra khỏi đầi này được. Đầi đảo có bên cảng nằm trong tay bọn này rồi, nên đứng ra *Amazon* mới là chiến lợi phẩm, bọn này có cả hai con thuyền. Bọn bay thì chỉ chiếm được mấy cái lều của bọn này thôi.”

Titty lên tiếng. “Tại sao mấy mũi tên của hai chị lại gắn lông xanh vậy? Chắc là tên cướp biển sống trên nhà bè cho mấy chị chứ gì. Mấy chị chắc chắn là cùng phe với hắn rồi.”

Con nhỏ Amazon bé hơn thốt lên, “Không, cái lông xanh đó là chiến lợi phẩm của bọn tớ thôi. Bọn tớ tự tay giành lấy đấy. Ông kia cất mấy cái lông chim để thông tàu thuốc rồi bọn tớ lên lên thuyền của ông chôm đi đấy.”

Tên lớn tuổi hơn nói, “Chúng ta cùng một phe mà, tớ thấy đánh nhau chẳng có lợi gì.”

“Vậy sao các người lại xâm phạm đảo của chúng tôi...?” John hỏi.

“Là đảo của bọn tớ chứ,” hai đứa Amazon nhao nhao.

“Sao lại của các người được? Đây là trại của bọn tôi mà.”

“Đây là đảo của bọn tớ bao nhiêu năm nay rồi,” đám Amazon đáp. “Ai đắp chỗ đốt lửa nào? Ai đánh dấu cảng vậy hử?”

“Đánh dấu kiểu gì vậy?” John hỏi. “Ý là đánh dấu chéo lên cái cây ngoài kia à. Ai vẽ dấu chéo lên cây mà chẳng được.”

Con nhỏ Amazon lớn tuổi hơn phá ra cười. “Đó chứng tỏ đây mới là đảo của bọn tớ. Bọn cậu thậm chí còn không biết bến cảng được đánh dấu ra sao nữa mà.”

“Biết chứ sao không,” Roger nói cứng.

John thì im lặng. Cậu biết cả đám không ai biết gì cả.

Cuối cùng cậu bảo, “Thôi được rồi, chúng ta đàm phán vậy. Nhưng các người phải hạ vũ khí, bọn tôi cũng thế. Các người phải hạ cò xuống, vì cò của chúng tôi đã cắm trên thuyền *Chim Én* rồi, không thể cắm bên cạnh cò của các người được.”

Nhỏ Amazon lớn tuổi hơn nói, “Gió nổi phất cò phần phật thế này mà hạ xuống thì tiếc quá. Có phải là cò chỉ treo không đâu. Một đứa trong đám bọn cậu đi xuống cảng lấy cò trên thuyền lên đây đi, để bọn mình có cả hai lá cò cùng tung bay trong khi thương thảo thì hay biết mấy.”

“Sẽ không có đánh nhau khi một người trong số bọn tôi đi lấy cò chứ?”

“Cam đoan. Hòa bình. Bọn tớ sẽ bỏ vũ khí xuống đây.”

Đám cướp biển Amazon buông cung tên xuống đất. Roger và Titty cũng đặt giáo xuống. John và Susan thì chẳng có thứ vũ khí gì để bỏ xuống đất cả.

“Này thuyền phó,” John nói, “cậu cử một thủy thủ xuống cảng lấy cò của ta trên thuyền *Chim Én* lên nhé?”

“Nhanh chân lên Roger,” thuyền phó Susan bảo, đoạn quay qua đám Amazon, “bọn cậu thề là gã trên nhà bè sẽ không có mặt ở đó để mà bắt thằng bé làm tù binh đấy chứ?”

“Thề mà,” đám Amazon đáp. “Nhưng bọn cậu có thề là thằng nhóc sẽ không làm hư hại gì thuyền của bọn tớ không? Bọn tớ đã rất ư là cẩn thận với thuyền của các cậu, với lại cũng chưa động gì đến mấy cái lều của bọn cậu cả. Đáng ra bọn tớ đã có thể dễ dàng đốt trụi hay san bằng mấy cái lều này rồi.”

“Bọn tôi thề,” thuyền trưởng John hứa.

“Sao mình không đánh đắm thuyền bọn chúng và bắt chúng làm tù binh nhỉ?” Titty thắc mắc.

“Còn đàm phán là còn hòa bình,” thuyền trưởng John nói. “Đi nhanh nào, Roger, lấy cái cò trên thuyền *Chim Én* về, nhưng đừng có động vào gì khác đấy.”

Roger chạy bay đi. “Mà em giữ dao của bọn chúng đây này,” thằng bé hét to.

Con bé lớn tuổi trong đám Amazon quay qua đưa kia.

“Peggy, đồ con lừa,” con bé nói. “Con dao của thuyền đầu r ấ?”

Peggy, con Amazon nhỏ tuổi hơn, lần tay vào túi quần ống túm.

“Mất r ấ. Chắc mình làm rơi nó lúc nấp trong lùm cây.”

“Mình đâu có muốn lấy con dao của bọn chúng nhỉ,” Susan thì thầm với John.

“Bọn tôi sẽ trả lại con dao,” John nói lớn với đám Amazon. “Ngay khi người của bọn tôi từ bến cảng về, nó sẽ để lại con dao cùng với các loại vũ khí khác. Thực ra bọn tôi chẳng muốn lấy con dao làm gì cả. Bọn tôi có tới ba con dao trên thuyền lận.”

“Ngoài ra còn có dao để cắt hộp bò khô, cắt bánh mì với bơ nữa,” Susan nói.

“Con dao đó bác Jim cho bọn tớ hồi năm ngoái sau khi bọn tớ đánh bóng khâu thuyền công trên nhà bè kia kìa,” con nhỏ thủ lĩnh bảo.

“Vậy kẻ trên nhà bè là bác của mấy chị hả?” Titty hỏi. “Em tưởng mấy chị nói ông cũng là kẻ thù của mấy chị mà.”

“Ông làm bác của bọn tớ một thời gian thôi,” con nhỏ Amazon bé hơn trả lời. “Năm ngoái ông là bác, nhưng năm nay thì ông lại về hòa với đám dân bản địa, mà bọn thổ dân đó thì rất là không thân thiện.”

“Thổ dân vùng bọn em thân thiện lắm cơ,” Titty bảo. “Ai cũng thân thiện hết á trừ cái ông trên nhà bè thôi... với cả mấy chị nữa,” con bé nói thêm. “Và nếu ông kia là bác của mấy chị thì chắc chắn mấy chị cũng cùng một giuộc r ấ.”

“Mừng quá bọn tớ không phải thế,” nhỏ lớn tuổi đáp.

“Im đi Titty, đợi đến lúc đàm phán đã,” thuyền trưởng John ra lệnh.

Roger quay trở lại với lá cò của Titty trong tay, lấy từ thuyền *Chim Én*.

“Thuyền của tụi nó đẹp lắm,” cậu bé thì thầm với thuyền phó Susan.

“Giao nộp con dao đi,” John bảo.

Roger đưa lại con dao và John chặt lấy một thân cây phỉ nhỏ cao ngay ven khoảng đất trống. Cậu gọt nhọn một đầu để cắm xuống đất. Rồi cậu treo lá cờ do Titty làm trên đầu còn lại, tìm chỗ đất mềm, cậu cắm chặt cây cờ xuống ngay cạnh cờ hải tặc của đám Amazon. Đoạn cậu chùi con dao vào cỏ, gập dao lại, đặt cùng những cung tên và giáo mác ngồn ngang trên đất.

“Rồi đàm phán thôi nào,” cậu nói. Cậu tiến thẳng về phía đám Amazon mà chìa tay ra.

“Tên tớ là John Walker,” cậu nói, “thuyền trưởng thuyền buồm *Chim Én*. Đây là Susan Walker, thuyền phó thuyền *Chim Én*. Đây là Titty, thuyền viên. Còn đây là Roger, bô lão. Thế đằng ấy là ai?”

Con nhỏ Amazon lớn tuổi hơn bắt tay John.

“Tớ là Nancy Blackett, thuyền trưởng, đồng sở hữu thuyền *Amazon*, nổi kinh hoàng trên biển cả. Đây là Peggy Blackett, thuyền phó và cũng là đồng sở hữu con thuyền.”

“Tên thật của chị ấy không phải là Nancy đâu,” Peggy nói thêm vào. “Tên chị í là Ruth kia, nhưng bác Jim nói là người Amazon tàn nhẫn^[1] vô cùng, trong khi thuyền của bọn tớ tên là *Amazon*, còn bọn tớ là những cướp biển trên vùng sông Amazon, nên bọn tớ phải đổi lại tên của chị ấy. Bác Jim cho bọn tớ con thuyền này hồi năm ngoái. Còn trước đó bọn tớ chỉ có thuyền chèo thôi à.”

Nancy Blackett quát mắt dữ tợn. “Lải nhải nữa là tao đánh cho đấy nhé Peggy.”

“Bọn này chắc chắn là cùng phe với tên cướp biển trên nhà bè kia rồi,” Titty nói. “Mọi người có nghe thấy chúng bảo là hắc đã cho chúng con thuyền không?”

“Chuyện năm ngoái rồi,” Nancy nói. “Năm ngoái ổng dễ thương lắm. Còn năm nay ông ta xấu tính hơn cả đám thổ dân.”

“Ngồi hết xuống đi nhỉ?” Susan đề xuất. “Tớ cho thêm một hai cây củi vào đồng lửa để đun lại ấm nước nhé? Ấm còn ít trà đấy.”

“Bọn này không cần uống trà đâu, cảm ơn,” Nancy nói. “Nhưng cứ sử dụng chỗ đốt lửa của bọn tớ nếu muốn.”

“Là của bọn em chứ,” Roger nói.

“Ng ồi xuống đi nào,” thuyền phó Susan bảo.

Hai bên ng ồi bệt xuống quanh đám lửa vẫn còn âm ỉ. Susan quá là đúng. Ng ồi xuống thế này thì muốn hung hăng cũng khó khăn hơn là khi đứng.

“Trước hết,” Nancy Blackett cất lời. “Các cậu đến vùng biển này lúc nào?”

“Bọn tôi phát hiện ra vùng biển này gần một tháng trước.”

“Vậy các cậu đặt chân lên đảo lần đầu tiên là khi nào?”

“Nhiều ngày nay rồi.”

“À,” Nancy Blackett nói tiếp. “Chúng tớ chào đời trên bờ Amazon, dòng sông đổ ra đại dương này. Bọn tớ đã đến hòn đảo này bao nhiêu năm nay rồi.”

“Trước kia bọn tớ thường chèo ghe ra đây cho đến khi bác Jim cho bọn tớ thuyền *Amazon*,” Peggy nói. “Bọn tớ thường cập vào cái chỗ bọn tớ tìm thấy thuyền của các cậu í, cho đến khi bọn tớ phát hiện ra cái cảng. Năm nào bọn tớ cũng dựng trại ở đây hết.”

“Ê này,” Nancy Blackett nói. “Thế tên của hòn đảo này là gì?”

“Bọn tôi vẫn chưa đặt tên cho nó,” John đáp.

“Nó là đảo Mèo Hoang. Bác Jim gọi vậy đấy, vì đây là đảo thuộc về bọn tớ mà. Như thế chứng tỏ cho các cậu thấy đảo này là của ai rồi đấy nhé.”

“Nhưng giờ nó là đảo của bọn tôi rồi,” John nói. “Khi bọn tôi đến thì đảo đâu có ai ở, rồi bọn tôi dựng lều ở đây, các cậu đâu thể cứ đuổi bọn tôi đi được.”

Titty xen vào.

“Thế bác Jim có phải cướp biển giải nghệ không?” con bé hỏi. “Em nhìn là em biết ngay ông ấy là cướp biển.”

Nancy Blackett ngẫm nghĩ một lúc. “Được vậy thì hay cho ông ta quá,” cuối cùng nó cũng nói.

“Nhưng mà,” Titty nói, “mấy chị cũng là cướp biển luôn.”

“Đó là lý do vì sao ông ta ghét chúng tớ. Ông ta chắc hẳn là thuyền trưởng Flint. Ông ta biết cướp biển là gì. Ông ta biết sẽ có ngày ông ta phải

bước qua ván tàu của mình rơi xuống biển khi bọn tớ chiếm được thuyền của ông ta.”

“Tụi em giúp sức cho,” Roger nói.

“Ông ta ghét bọn tôi,” thuyền trưởng John nói. “Ông ta kích động đám thổ dân chống lại bọn này.”

“Thế mình làm gì ông mình đi,” Nancy Blackett rủ, “có như vậy thì hòn đảo này thuộc về ai cũng chẳng còn quan trọng nữa. Chúng ta sẽ liên minh chống lại thuyền trưởng Flint và mọi kiểu thổ dân trên toàn thế giới.”

“Trừ mấy thổ dân thân thiện với bọn em,” Titty nói.

“Làm gì ông mình thôi,” Peggy nói. “Thực ra thì chúng tớ đã muốn làm gì ông mình ngay từ hôm qua khi thấy khói bốc lên từ hòn đảo rồi kìa. Chúng tớ ngán đám thổ dân lắm rồi. Và chúng tớ muốn thành một phe ngay lập tức kìa, nếu không vì đã hứa phải về nhà ăn trưa. Đó là lý do chúng tớ chỉ cho thuyền lòng vòng quanh đảo giương cờ lên thách thức các cậu. Chẳng có thời gian làm gì khác. Thế rồi chúng tớ về nhà.”

“Bọn này đã theo dõi các cậu từ bên kia mấy hòn đảo lớn cạnh Rio ấy,” Susan nói.

“Rio hả?” Nancy hỏi lại. “Rio ư? Ôi thôi thì nếu như các cậu đồng ý vẫn gọi hòn đảo này là đảo Mèo Hoang thì chúng tớ sẽ chấp nhận Rio vậy. Tên cũng hay đấy.”

“Đảo Mèo Hoang cũng hay mà,” John lịch sự đáp lễ.

“Nhưng làm thế nào mà các cậu nhìn thấy chúng tớ từ bên kia vùng đảo gần Rio khi mà chúng tớ bỏ các cậu lại đây vậy,” Peggy hỏi.

“Bọn tôi lái *Chim Én* đuổi theo,” John đáp.

“Trời đất,” Nancy Blackett thốt lên, “lỡ mất cơ hội rồi. Nếu mà biết thì bọn tớ đã kè hông thuyền cho tới khi một trong hai thuyền chìm, dù có phải trễ giờ ăn trưa cũng được.”

Peggy Blackett lại luyện thuyền. “Rồi hôm nay chúng tớ quay lại để quan sát các cậu. Chúng tớ dậy từ tờ mờ sáng và chèo thuyền tới sát đảo, không thấy khói bốc lên nên cứ tưởng các cậu đã bỏ đi mất tiêu rồi. Chắc là lúc đó bọn cậu đang ngủ. Rồi chúng tớ phát hiện ra con thuyền của các cậu ở ngay bãi cập. Chúng tớ tiếp tục chèo đến vịnh Trà mà dùng bữa điểm tâm thứ hai tại đây, một bữa đằng hoàng với cả trà đấy nhé. Bữa thứ nhất chỉ là cháo nguội cùng mấy lát bánh mì kẹp tối qua chị bếp đưa cho thôi.

Rồi chúng tớ bò dọc bờ, thấy một người trong số các cậu từ đâu đó trên thuyền quay về. Mấy người khác thì đang tắm. Rồi chúng tớ thấy cả bọn các cậu biến mất tiêu, thế là chúng tớ lại bò về phía thuyền của mình mà chạy thẳng sang cảng. Cảng chẳng có ai. Rồi chúng tớ lại bò qua mấy cái bụi cây trên đảo, quan sát thám thính, thấy các cậu đang ngồi quanh đám lửa trại, chúng tớ tháo con thuyền của các cậu đem giấu bên cảng. Rồi chúng tớ quay lại định sẽ bất ngờ tấn công. Khi các cậu phát hiện ra mất thuyền, tất cả mọi người đều chạy đổ về phía bãi cập ấy, chúng tớ đã lên qua chiếm lấy trại của các cậu, Nancy lúc đó nói rằng chắc khó mà làm đồng minh với các cậu...”

“Con dê Peggy kia, thôi ngay cho,” Nancy Blackett nói. “Bỏ qua cho thuyền phó của tớ nhé,” con bé nói với thuyền trưởng John. “Nó lắm mồm lắm.”

“A, Nancy nói rằng cuộc đột kích của chúng tớ quá chuẩn nên bọn mình sẽ phải là kẻ thù của nhau thôi, còn tớ thì bảo tớ phát ngấy thù với chả địch rồi, nào là thổ dân rồi nào là bác Jim năm nay khó ở...”

“Thuyền trưởng Flint chứ,” Nancy nói.

“Dẫu sao đi nữa, nếu chị ấy mà không nhớ đến trò đàm đàm phán phán thì chắc các cậu cũng biến thành thổ dân mất rồi, đến suốt đời suốt kiếp mất,” Peggy cứ nói.

“Sao mà được chứ,” Titty phản đối.

“Dĩ nhiên là không rồi,” đến lượt Nancy. “Làm hải tặc hay cướp biển vui hơn chứ. Tớ xin đề nghị liên quân nào.”

“Sao không nhỉ,” thuyền trưởng John lên tiếng.

“Ý tớ là,” Nancy Blackett nói, “làm đồng minh chống lại tất cả các kẻ thù khác, đặc biệt bác Jim - tức là thuyền trưởng Flint ấy. Nhưng phải là kiểu đồng minh mà nếu muốn thì vẫn có thể đánh lẫn nhau cơ.”

“Thế mà là đồng minh gì,” Titty nói, “là hiệp ước thôi, hiệp ước tấn công và phòng thủ. Trong sách lịch sử có đầy ra đấy.”

“Phải rồi,” Nancy Blackett nói, “phòng thủ trước kẻ thù chung và đủ kiểu giao chiến với nhau khi nào muốn.”

“Được thôi,” thuyền trưởng John gật gù.

“Thế các cậu có miếng giấy và cây bút chì nào không?” Nancy hỏi.

“Em có đây,” Titty nói, rồi chạy biến vào lều thuyền phó mang ra trang giấy từ cuốn nhật ký hàng hải cùng mẫu bút chì.

Nancy nhận lấy và bắt đầu viết:

“Tôi, thuyền trưởng John của thuyền *Chim Én*, và tôi, thuyền trưởng Nancy của thuyền *Amazon*, cùng ký dưới đây thỏa thuận thành lập một hiệp ước phòng thủ và tấn công, thay mặt cho thuyền cùng toàn thể thủy thủ đoàn. Ký tên và đóng dấu, tại đảo Mèo Hoang vào cái tháng Tám năm 1929.”

Rồi con bé chuyển mảnh giấy cho mấy đứa kia.

“Nhìn cũng tạm ổn,” thuyền trưởng John bảo.

“Lẽ ra phải ghi là ‘tháng Tám’ thay vì ‘cái tháng Tám,’” Titty nói, “mà chị cũng quên ghi kinh độ vĩ độ vào rồi. Người ta thường ghi la liệt ấy mà.”

Nancy Blackett lấy lại tờ giấy, gạch bỏ từ “cái” trước từ “tháng”, rồi sau từ “đảo” thì viết thêm “Vĩ độ 7 Kinh độ 200.”

“Lẽ ra chúng ta phải ký bằng máu kia,” con bé nói, “nhưng thôi bút chì cũng không sao.”

John cầm giấy ký lên đó, “John Walker, thuyền trưởng.”

Nancy ký ngay bên, “Nancy Blackett, cướp biển Amazon.”

Hai thuyền trưởng bắt tay nhau.

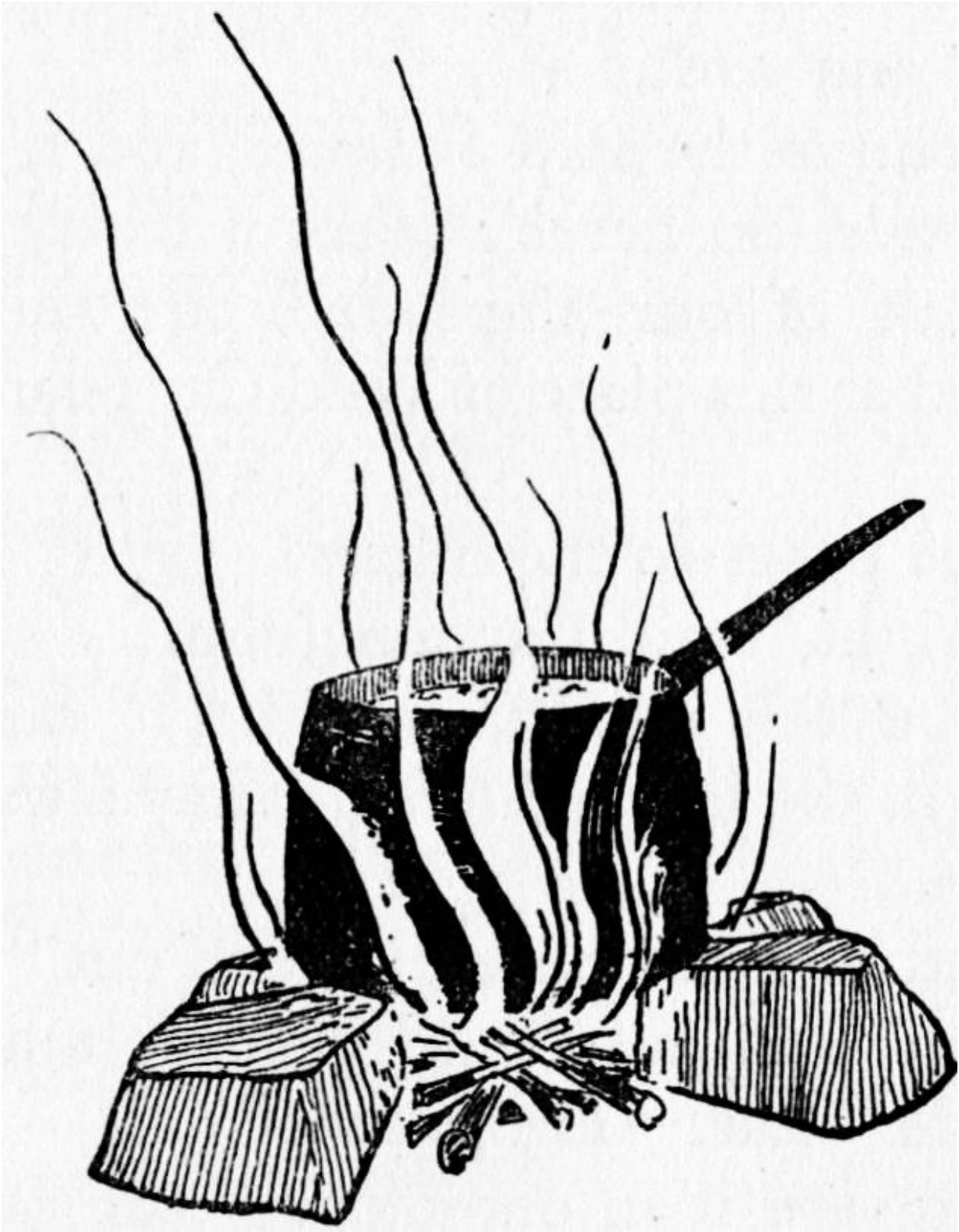
Peggy nói, “Rồi, hòa bình từ hôm nay, thế đấy.”

Susan mời, “Chắc các cậu muốn một chút kẹo bơ cứng chứ nhỉ?”

“Mật mía mà,” Titty nói thêm.

Peggy đáp, “Lúc chiếm trại chúng tớ có thấy mấy thứ đó, nhưng chúng tớ không động đến. Chúng tớ cũng muốn ăn một chút lắm, nếu như các cậu còn thừa.”

Nancy nói, “Hay mình khai một thùng rum Jamaica đi nhỉ. Bọn này có một bình tuyệt cú mèo trên thuyền ấy. Ta ra cảng lấy đi nào. Ngon vô cùng nhé. Có lúc chị bếp nhà bọn tớ cũng dễ thương vô cùng, dù chị ấy là thổ dân. Chị ấy gọi rượu này là nước chanh.”



11

Liên minh

ĐÁM thủy thủ Chim Én và hải tặc Amazon cùng đi về cảng mút phía Nam hòn đảo. Lối dẫn xuống cảng giờ đã thành đường mòn rỗ, mặc dù cả bọn vẫn phải lom khom chui qua tán cây hay giẫm lên những bụi gai và vệt cãnh mở lối. Trong vịnh nhỏ, hai con thuyền đang nằm sát nhau, mũi thuyền được kéo hẳn lên bờ. *Amazon* nhỏ nhắn tinh xảo, ván thuyền là loại gỗ thông được sơn bóng. *Amazon* mới hơn *Chim Én* nhiều, dài cùng cỡ nhưng không rộng bằng. Ngay chân cột buồm, chỗ giữa cột buồm và học xiêm, là một thùng nhỏ bằng gỗ sồi đánh bóng.

Học xiêm khiến Roger thắc mắc.

“Cái thứ to to chọc thẳng xuống ngay giữa thuyền là gì thế ạ?” nó hỏi.

“Đó là học xiêm đấy,” Peggy đáp lại.

“Nhưng xiêm là gì cơ?”

“Là sống thuyền bằng sắt, bọn chị có thể hạ xuống nước khi đi ngược gió. Khi chạy đầu gió hay trong vùng nước nông thì bọn chị có thể kéo nó lên cất vào cái học kia,” Nancy đáp. “Vậy chứ các cậu làm thế nào để lái thuyền ngược gió mà không có nó nhỉ?”

“*Chim Én* chạy tốt khi ngược gió,” thuyền trưởng John nói. “Cũng có sống thuyền sâu chừng tấc rưỡi đấy, nhưng nó ở yên một chỗ, thế nên bọn này chẳng cần phải có học xiêm choán chỗ lòng thuyền làm gì.”

“Bác Jim - tức là thuyền trưởng Flint í - nói là nếu không có xiêm đó thì thuyền chẳng chạy được đâu,” Nancy nói.

“Như thế chỉ chứng tỏ là ông ta chẳng biết gì về *Chim Én* cả,” thuyền trưởng John bảo.

“Còn cái thùng đó để làm gì?” Roger lại hỏi thêm.

“Đáng ra là lu chứa nước, vì đám thổ dân chỗ bọn chị cho là nước trong hồ không thể uống được,” Peggy trả lời. “Nhưng bọn chị uống nước hồ luôn ấy mà, dĩ nhiên không uống trực tiếp, mà đun sôi lên pha trà thôi, nên bọn chị dùng lu nước làm chum đựng thức uống nhâm nhi. Lúc này trong ấy có món đã lắm nhé.”

“Bọn mình khuôn nó về trại nào,” Nancy Blackett đề nghị.

“Chắc nặng lắm nhỉ?” Susan hỏi.

“Nếu khuôn kiêu của bọn tớ thì không đến nổi nặng đâu,” Nancy nói. “Chúng tớ móc nó vào mái chèo rồi khiêng đi. Đó là cách dễ nhất. Nào, Peggy, phụ một tay nào.”

Mấy đứa thuyền *Amazon* lục tục leo lên thuyền. Nancy lấy sợi thừng ở đuôi thuyền rồi thắt một nút thông lỏng phía đầu dây. Đoạn nó và Peggy khệ nệ vác cái thùng lên tựa trên mép mũi thuyền. John và Susan giữ thùng yên đó, trong khi đám *Amazon* nhảy lên bờ mang theo sợi thừng cùng một mái chèo. Nancy tròng nút thông lỏng vào một đầu thùng mà thắt lại thật chặt để thùng không bị tuột đi. Rồi nó vòng hai vòng thừng qua mái chèo rồi thả sợi thừng xuống xuyên qua vòng thắt, vòng lại quanh đầu kia thùng, thắt thêm một gút nữa tại đầu dây, rồi quấn hai vòng qua mái chèo, và lại thông xuống, thắt thật chặt.

“Sẵn sàng chưa, Peggy?” Nancy hỏi.

“Sẵn sàng,” Peggy đáp.

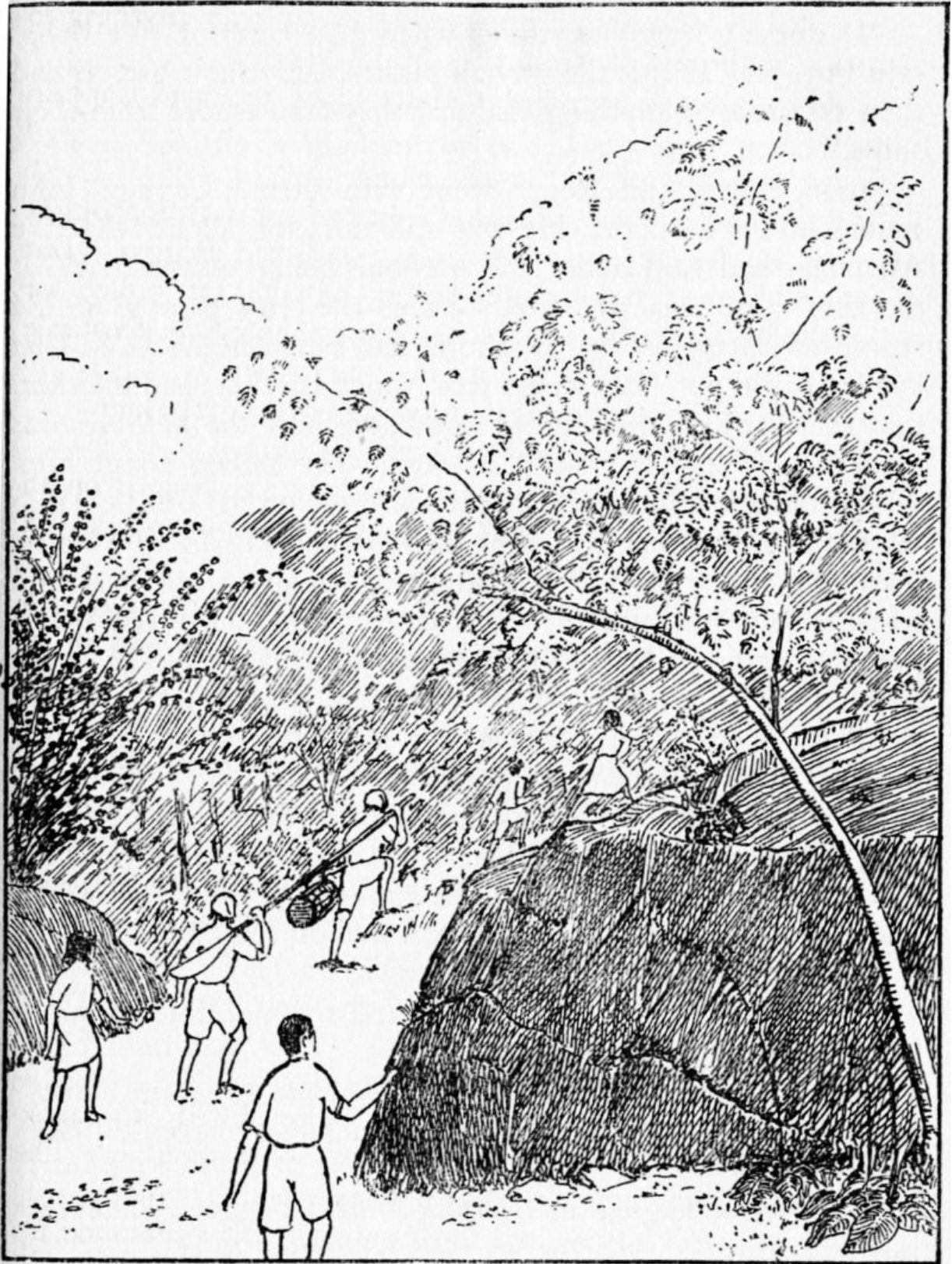
“Hai, ba nào,” thuyền trưởng Nancy hô to. Chúng nhấc mái chèo lên, mỗi đầu mái chèo gác lên vai một đứa. Cái thùng được treo chắc chắn dưới mái chèo giữa hai đứa.

“Bước đầu, bước!” Nancy hô to, hai tên hải tặc *Amazon* bước đầu ra khỏi cảng đi dọc theo lối mòn xuyên qua rừng cây.

“Khiêng thế này thì nhẹ bằng hà,” Peggy giải thích. “Đây là cách mà mọi cướp biển đầu sử dụng để khiêng những thùng rượu nặng và cả kho báu, hoặc là bất kỳ thứ gì từ thuyền lên bờ.”

Susan, Titty và Roger đi cùng hai đứa. Thuyền trưởng John đứng đợi trong cảng. Cậu vẫn đang nghĩ đến những gì bọn *Amazon* nói về việc đánh dấu bến cảng. Chính xác thì bọn nó có ý gì nhỉ? Đúng là cậu có nhìn thấy dấu chéo trên mồm cây cột ở ngay bờ, nhưng khi cậu nói rằng bất kỳ ai cũng có thể đánh dấu lên như vậy thì Nancy Blackett lại bảo đi đâu đó chứng

tỏ cậu chẳng biết cẳng này được đánh dấu như thế nào. Hừ, đánh dấu như thế nào nhỉ? Cậu nhìn quanh. Gốc cây cụt mang dấu chéo màu trắng ở kia. Nhưng cậu chẳng thấy thứ gì khác trông như là được đánh dấu cả. Trên mấy tảng đá chẳng có dấu vết gì, còn trên cây cậu không thấy thêm dấu nào khác. Cậu càng thấy nể bọn Amazon hơn. Bọn này có vẻ rành rẽ rất nhiều thứ, lại còn là những thủy thủ cừ khôi. Lẽ ra cậu phải hỏi bọn chúng, ấy thế nhưng, trên cương vị thuyền trưởng, đấy không phải là điều cậu muốn hỏi. Cậu nhìn quanh lần cuối rồi vội đuổi theo mấy đứa kia.



KHUÂN THÙNG RƯỢU

John bắt kịp ngay lúc cả bọn đi vào nơi cắm trại. Đám Amazon hạ mái chèo trên vai xuống và đặt cái thùng cạnh hai cây cò. Rồi chúng chêm vài hòn đá dưới hai bên thùng để vói trên thùng cách mặt đất một khoảng.

“Bọn tớ quên mang theo cốc rưỡi,” Peggy nói.

“Bọn này có cả lô lốc đây,” Susan bảo, rồi cùng Titty đem cốc trong lều ra.

“Bọn em mang theo sáu cái cốc từ nhà đi,” Titty nói, “phòng khi bị vỡ ấy mà, may là bọn em chưa làm bể cái nào hết.”

“Chúng tớ cũng có mấy cái hũ trên thuyền,” Peggy nói. “Trông cũng giống mấy cái này thôi.”

Con bé chế nước vào đầy các cốc. Trong lúc đó thì Nancy Blackett ngồi một mình, trầm tư suy nghĩ. Nó nhận lấy cốc do Roger mang đến, rồi vói lấy một cục mật mía trong túi khi Titty mời, nhưng, trong một lúc, nó dường như chẳng nhìn thấy ai hết.

Cuối cùng nó lên tiếng, “Đúng ra thì chúng ta phải nâng ly vì lá cò hải tặc, vì đầu lâu và xương xẩu, vì vinh quang và chết chóc và vì một trăm nghìn đồng xu bạc. Nhưng mà các cậu không phải là cướp biển, nên chúng ta không thể nâng ly cho những đi đầu đó. Mà hãy uống mừng việc gieo rắc hoang mang lên những kẻ thù của chúng ta...”

“Tên cướp biển và con vẹt,” Titty nói.

“Gã nhà bè,” thuyền trưởng John nói.

“Có rưỡi,” Nancy nói, “tớ nghĩ ra rưỡi. Chim Én và Amazon muôn năm, thuyền trưởng Flint tiêu đời!”

“Chim Én và Amazon muôn năm,” Peggy lặp lại, “bác Jim tiêu đời!”

“Thuyền trưởng Flint chứ, con dốt đặc cán mai,” thuyền trưởng Nancy bảo.

Mấy đứa kia đầu hô đúng, kể cả Roger.

“Cạn nào,” thuyền trưởng Nancy nói lớn.

Đó quả thật là thứ nước chanh ngon nhất mà cả bọn hải tặc và những nhà thám hiểm từng được nhắp từ trước đến nay.

“Em chưa từng nếm qua thứ rum nào ngon như vậy,” thuyền viên Titty lên tiếng.

“Ngon thật,” thuyền trưởng Nancy phụ họa. “Cả mặt mía của các cậu cũng ngon nữa.”

Kẹo bơ làm ta á khẩu, nên trong một lúc chẳng đứa nào nói lấy một lời.

Cuối cùng Titty lên tiếng, “Thuyền trưởng Flint lấy con vẹt ở đâu ra vậy?”

Peggy Blackett nuốt nhanh miếng mặt mía mà mở mồm ngay lập tức: “Bác ấy mua con vẹt ở Zanzibar. Bác ấy đã đi khắp thế giới rồi đấy nhé. Mẹ nói hồi nhỏ bác ấy quậy phá nhất nhà, thế là bị gửi qua Nam Mỹ. Nhưng bác đâu có chịu ở yên đó. Bác đi tứ tung. Năm ngoái bác quay về nói là đi đủ rồi, giờ muốn ổn định cuộc sống. Mẹ là em gái của bác ấy mà. Nhưng bác lúc nào cũng thích ở ngoài biển. Nên bác mua lại căn nhà bè, hồi năm ngoái chúng tớ ở trên ấy luôn. Năm ngoái bác ấy là đồng bọn của bọn tớ và bọn tớ cùng dong buồm đây đó với bác trên thuyền *Amazon*. Rồi bác cho bọn tớ thuyền *Amazon* còn bác thì lại lên đường trước mùa đông. Năm nay khi quay lại bác bảo có hợp đồng gì đó nên sẽ viết sách, rồi suốt mùa hè bác sống trên nhà bè, nhưng thay vì bơi thuyền cùng bọn tớ thì bác lại về hòa với đám thổ dân. Chúng tớ cũng đã làm đủ mọi cách để thức tỉnh bác ấy. Chẳng tác dụng gì sất. Bác thậm chí còn bảo mẹ nói chúng tớ để bác được yên. Mẹ bảo chúng tớ rằng bác đang viết sách nên cần được yên tĩnh một mình. Nhưng bọn tớ thì nghĩ việc viết sách đâu phải là lỗi của bác ấy, nên bọn tớ phải cho bác ấy biết bọn tớ chẳng lấy đó mà nghĩ xấu gì cho bác cả. Nhưng bác tớ không vui chút nào, cả khi bọn tớ ngỏ lời đến ở trên nhà bè với bác. Cuối cùng thì bác cấm chúng tớ không được bén mảng đến gần nữa.”

“Bởi thế chúng tớ phải canh chừng cho đến khi ông lên bờ thì bọn này trèo lên nhà bè mà lấy mấy cọng lông xanh để làm mũi tên đấy,” Nancy tiếp lời, “cốt là để cho ông thấy thôi. Ông cất mấy cọng lông ấy trong lọ để thông tàu thuốc ấy mà.”

“Mà cũng tiếc quá đi thôi,” Peggy nói thêm. “Chúng tớ đang dạy cho con vẹt nói câu ‘Đừng ăn tám’, để nó thành con vẹt hải tặc ngoan cho bọn tớ mang đến đảo Mèo Hoang. Nó chỉ nói được ‘Polly xinh đẹp’ thôi à. Nói thế thì có ích gì. Mà người ta hay nói là loài vẹt xanh nói không giỏi bằng vẹt xám đầu.”

“Phải em bảo em từng nghĩ ông là cướp biển *giải nghệ* đúng không?” Nancy quay sang hỏi Titty.

“Ừ,” Titty đáp.

“Vậy thì ông có con vẹt chỉ biết nói ‘Polly xinh đẹp’ chắc cũng đáng thôi. Nói được gì khác lại làm ông lộ thân phận mất ấy chứ.”

“Hôm qua ông ta nã súng vào thuyền các cậu thật không?” thuyền trưởng John hỏi. “Bọn này thấy khói bốc lên và nghe một tiếng ầm lớn lắm.”

“Không phải ông đâu; là bọn tớ đấy,” thuyền trưởng Nancy đáp. “Chúng tớ chèo thuyền vào vịnh đi quanh nhà bè rồi nhìn qua cửa sổ phòng lái. Bác... à không, thuyền trưởng Flint đang ngủ. Chúng tớ thấy ông. Thế là chúng tớ lấy một que pháo bông loại cháy xèo xèo rồi nổ cái đùng ấy, chúng tớ đặt nó trên nóc buồng lái, châm lửa, rồi lái thuyền chạy đi. Chúng tớ chỉ vừa đi khuất thì nó nổ. Chúng tớ để dành cây pháo này từ dịp mừng năm tháng Mười một năm ngoái cơ, nhưng nó vẫn còn ngon lành lắm. Nổ to đến thế cơ mà.”

“Ở đây bọn em còn nghe được,” Roger bảo. “Đoàng rõ to.”

“Chắc là ông kia nổi đóa chứ gì,” Nancy nói.

“Ông ta đứng trên boong thuyền dứ dứ nắm đấm khi bọn này cho thuyền hướng về đảo Rio đuổi theo các cậu ấy,” John nói, “mà khi đó là mãi sau này rồi kia.”

“Thôi, bây giờ thì tất cả chúng ta đang có chiến tranh với ông ta rồi,” Nancy nói. “Một ngày nào đó chúng ta sẽ đánh chiếm nhà bè. Cùng nhau ra tay thì dễ ợt ấy mà. *Chim Én* cặp một bên và *Amazon* một bên. Ông ta đâu thể cùng một lúc có mặt ở hai bên boong được. Rồi chúng ta sẽ ra đi điều kiện cho ông ta. Hoặc là ông ta phải sống chết có nhau với bọn mình như hè năm ngoái, hoặc là phải bước qua ván cho rơi xuống biển.”

“Tốt nhất là cho ông ta bước qua ván rơi xuống biển,” thuyền viên Titty nói. “Rồi chúng ta sẽ lấy hết của cải của ông ta mà mua một con tàu thật to, sống trên tàu muôn đời muôn kiếp và chu du vòng quanh thế giới.”

“Chúng ta cũng có thể đi đến tận vùng Biển Đông mà thăm bố nữa,” Susan nói.

“Chúng ta có thể khám phá thêm những vùng đất mới,” Titty nói. “Châu Mỹ đâu đã là tất cả. Chắc chắn còn nhiều nơi khác chưa được khám phá mà.”

“Rồi chúng ta sẽ đến Zanzibar, mang về cả một thuyền đầy vẹt, loại xám ấy, lú la lú lô đến là vui,” Peggy nói.

“Thêm khi nữa,” Roger nói.

“Em thích nhất vẹt xanh cơ,” Titty giãi bày.

“Này này,” Nancy Blackett nói, “chúng ta đang quên mất cái thỏa thuận hòa đàm này rồi đấy. Chúng ta đâu thể lúc nào cũng đánh nhau với thuyền trưởng Flint. Nhưng chúng ta có thể tập dượt. Chúng ta không được đánh đắm thuyền của nhau...”

“Không kẻ nào được đánh đắm thuyền *Chim Én*,” Roger hùng hổ.

“Được rồi,” Nancy ôn tồn, “đâu ai muốn làm thế đâu. Nhưng sẽ là một cách tập luyện tốt nếu bọn này thử đánh chiếm thuyền *Chim Én*, còn bọn cậu thì chiếm thuyền *Amazon*. Bên nào thắng sẽ là tàu chỉ huy. Hạm đội bao giờ cũng có chiếc chỉ huy mà. Nếu bọn cậu chiếm được *Amazon* thì *Chim Én* sẽ là tàu chỉ huy và thuyền trưởng John sẽ là đô đốc. Nếu như bọn tớ đoạt được *Chim Én* thì *Amazon* sẽ là thuyền chỉ huy, và tớ sẽ là đô đốc. Bắt đầu từ ngày mai.”

“Và khi đã ngã ngũ, chúng ta sẽ lên đường đánh chiếm nhà bè,” Titty nói.

“Nhưng mà,” John lên tiếng, “các cậu biết nơi bọn này để *Chim Én*, vì các cậu biết bọn này ở đây. Nếu bọn này không canh giữ thuyền, các cậu có thể lấy nó dễ quá rồi. Trong khi đó bọn này lại chẳng biết các cậu giấu *Amazon* ở đâu cả.”

“Hôm qua các cậu thấy chúng tớ đi đâu rồi mà.”

“Bọn này chỉ thấy các cậu đi quá cái doi đất phía bờ Tây thôi à.”

“À, nếu các cậu đi qua doi đất đó thì sẽ thấy một cửa sông. Là sông Amazon đấy. Cách đó không xa bên hữu ngạn, tức là tả ngạn nếu như các cậu chèo ngược từ cuối hồ lên, có một nhà thuyền. Nhà thuyền xây bằng đá, có một cái đầu lâu và hai khúc xương chéo to dùng bằng gỗ mà chúng tớ cột phía trước. Trong nhà thuyền đó có một cái xuồng máy, mà các cậu nhất thiết không được rờ tới vì nó là của dân ở đây, có cả một chiếc thuyền chèo và chiếc *Amazon* nữa khi nó nằm nhà. Giờ các cậu biết rồi đấy.”

“Chờ đã nào,” John nói, “Tớ có tấm bản đồ đây.”

Cậu lôi ra cuốn hướng dẫn và mở tới trang có bản đồ cho thấy suốt chiều dài hồ Nancy Blackett chỉ cho cậu sông Amazon. Trên bản đồ dòng sông này mang tên khác. John đưa cho con nhỏ mẫu bút chì.

“Đánh dấu vào chỗ nhà thuyền đi,” cậu bảo.

Thuyền trưởng Nancy dùng bút chì đánh dấu vào đúng chỗ.

“Đây sẽ chỉ là một chuyến đánh úp cướp thuyền thôi nhé,” Nancy nói. “Hai bên đồng ý rằng ai thắng cuộc cũng phải giữ gìn cẩn thận thuyền bên kia như là giữ gìn thuyền của mình đấy.”

“Bọn tớ sẽ thắng thôi,” Peggy nói. “Nancy đã nói được là làm được.”

“Đề r ấi coi,” thuyền trưởng John bảo.

“Bắt đầu từ ngày mai,” thuyền trưởng Nancy nói.

“Này mấy cậu,” Susan hô lên, “hay là mình cùng ăn trưa trước khi hết chỗ nước chanh này nhỉ?”

“Rum Jamaica chứ,” Titty trách.

“Chúng tớ có nhiều bánh mì sandwich lắm,” Peggy reo lên.

“Còn bọn này thì có bò khô,” Susan nói, “và cả cá mòi nữa. Bọn này đã ăn hết bánh nướng nhân thịt, ngày mai mới lại có.”

“Tiếc là bọn em chưa đi câu cá,” Titty nói. “Nếu không thì đã có thể mòi mấy chị món cá mập chiên r ấi cũng nên.”

“Bọn tớ cũng thích cá mòi mà,” Peggy đáp lễ.

Khu trại chộn rộn lên. Peggy, thuyền phó thuyền *Amazon*, có vẻ như cũng phụ trách nấu nướng trên thuyền, như Susan, thuyền phó thuyền *Chim Én* vậy. Với sự hỗ trợ đắc lực của Titty và Roger, cả bọn lăng xăng chuẩn bị đồ ăn. Bọn nhỏ chất thêm củi vào đám lửa và thổi bùng lửa lên để đun nước. Chúng quyết định tốt nhất là dùng nước sôi để rửa bát và pha trà phòng trường hợp thùng rượu không cần cụng được lâu. R ấi nào là phải khui mấy hộp cá mòi với hộp bò khô, r ấi phải đem bánh mì sandwich và một ổ bánh ngọt dưới thuyền *Amazon* lên.

Ban đầu cả hai vị thuyền trưởng không động tay động chân gì, chỉ quan sát hoạt động của đám thuyền viên.

Sau cùng John mới lên tiếng, “Nghe này, thuyền trưởng Nancy, tớ hy vọng là cậu sẽ giải thích cho tớ nghe về cách đánh dấu cảng.”

“Thực ra cũng đơn giản thôi, thuyền trưởng John à,” Nancy đáp. “Đi với tớ r ồi tớ chỉ cho cậu thấy trong khi đám thủy thủ của chúng ta chuẩn bị đồ ăn.”

Hai đứa cùng đi ra cảng, trên đường đi có gặp Peggy đang khệ nệ bê một giỏ đầy bánh ngọt và bánh mì. Khi đến cảng thì chỉ còn lại hai đứa, thuyền trưởng John lấy làm mừng lắm. Cậu đi thẳng đến gốc cây có dấu gạch chéo.

“Tớ nhìn thấy ngay dấu này,” cậu nói.

“Nhưng cậu có nhìn ra cái nào khác nữa đâu,” thuyền trưởng Nancy tiếp. “Đó là vì chúng tớ là cướp biển Amazon nên dấu vết của chúng tớ phải bí mật. Có một dấu thôi mà không có dấu còn lại thì cũng như không, trong khi cái dấu còn lại ấy chẳng được viết vẽ ra đâu hết.”

“Vậy thì là dấu thế nào chứ?” John hỏi.

Thuyền trưởng Nancy ng ỡ xồm mà vẽ lên bãi cát một hình bán nguyệt. “Ví dụ đây là cảng nhé,” con bé giải thích, “còn đây là những tảng đá lớn phía ngoài.” Con bé vừa nói vừa xếp vài viên đá áng chừng theo vị trí những khối đá bên ngoài cảng. “Cậu muốn đi vào chứ gì. Đây nhé, một đường thẳng như thế này sẽ đưa cậu thẳng qua mấy vách đá mà không tông vào tảng đá nào cả. Kẻ cái đường thẳng dài thêm chút nữa, vào tận trong cảng lên đến bãi cát. Các dấu hiệu của cậu phải nằm trên đường kẻ ấy. Coi như đây là dấu đầu tiên nhé.” Con bé cầm một nhánh cây xuống. “Là cái gốc cây có vết đánh dấu trên đó. Giờ thì cậu tìm thêm bất cứ thứ gì khác mà cậu có thể nhìn thấy từ dấu hiệu đầu tiên này và cùng nằm trên đường thẳng. Có thể là bất cứ thứ gì. Nếu cậu đã biết nó là gì r ồi thì không cần phải đánh dấu nữa. R ồi khi cậu muốn từ ngoài đi vào cảng thì cậu chỉ việc giữ cho hai dấu hiệu đó thẳng hàng sau trước với nhau. Chừng nào còn làm được như thế thì cậu vẫn sẽ nằm trên cái đường thẳng đưa cậu đi qua mấy vách đá an toàn thôi. Ngay cả khi mực nước h ồ - à mực nước biển chứ - dâng cao, lúc đó mấy tảng đá bị chìm dưới mặt nước r ồi, thì cậu vẫn có thể chèo vào mà không cần phải nhìn ngó gì đến mấy tảng đá kia nếu cứ giữ cho hai điểm đánh dấu thẳng hàng với nhau.”

“À,” thuyền trưởng John ậm ừ.

“Lên thuyền *Amazon* đi, r ồi tớ sẽ đưa thuyền ra ngoài mà chỉ cho cậu.”

John bước lên thuyền *Amazon*. Nancy Blackett đẩy thuyền ra r ồi lái xa h ả bên ngoài mấy tảng đá, ra ngoài khơi. Đoạn, ng ồi phía đuôi thuyền khua khua mái chèo, nó quay thuyền vòng lại để hướng thẳng đến hòn đảo.

“R ồi,” con bé nói, “cậu có nhìn thấy cái gốc cây có đánh dấu không?”

“Thấy,” John đáp. “Tớ thấy cái dấu đó rõ lắm. Cái gốc cây thì hơi khó nhìn ra trên nền bãi cát. Cùng một màu mà.”

“Bởi vậy chúng tớ mới phải sơn cái dấu lên,” Nancy nói. “R ồi, giờ cậu nhìn lên phía trên bên tay phải một chút, cậu sẽ thấy cái cây chạc ba, ngay dưới chạc là một mảng vỏ lớn bị tróc ra r ồi ấy. Thấy không?”

“Ừ, thấy.”

“Đó là cái dấu thứ hai. Chỗ mình đang đứng này thì giữa chúng ta và cảng toàn là đá không đấy. Nhưng, nếu tớ đưa thuyền nhích tới một chút, cậu sẽ thấy là cái nhánh cây đó tiến dần về phía cái dấu nơi gốc cây, cho tới lúc hai điểm nhập lại làm một. Khi đó mình cứ thế mà tiến thẳng vào. Khi nào thấy hai điểm nhập lại làm một thì hô lên nhé.”

“Chúng thẳng hàng r ồi kìa,” thuyền trưởng John hô to.

“Được r ồi,” thuyền trưởng Nancy nói. “Giờ, tớ sẽ chẳng cần nhìn tới nhìn lui gì nữa. Tớ sẽ cứ thế mà chèo, mắt nhìn xuống lòng thuyền thôi. Còn cậu phải dõi theo hai cái dấu đó, khi nào thấy chúng không nhập vào nhau thì báo ngay cho tớ.”

Nói r ồi con bé chèo thuyền li ền tay từ phía đuôi thuyền, và thuyền *Amazon* tiến về phía mấy vách đá.

“Chạc cây bị chệch sang bên phải gốc cây r ồi,” John hô lên.

Nancy vẫn chèo, hơi chuyển hướng. “Giờ thì thế nào r ồi?” con bé hỏi.

“Thẳng làm một.”

Con bé chèo tiếp.

“Chạc cây chệch sang trái... thẳng lại r ồi... chệch sang trái... thẳng... sang phải... thẳng.”

Nancy chẳng cần nhìn lên, nhưng vẫn đi ều chỉnh hướng thuyền mỗi lần John nói hai điểm không trùng nhau. Thuyền *Amazon* lướt đi giữa những tảng đá và cuối cùng vào được trong cảng.

“Tới nơi,” John nói. “Cù quá.”

“Đơn giản thôi mà,” thuyền trưởng Nancy đáp. “Thuyền trưởng Flint chỉ cho bọn tớ đấy, năm ngoái khi ông ấy còn là bác Jim, trước khi biến thành bọn xấu ấy. Mọi hải cảng đều được đánh dấu như thế, bằng hai điểm, chỉ ra cách hướng lái vào bến đỗ. Thật sự thì đương nhiên người ta phải treo đèn trên các điểm ấy, để thuyền vào cảng ban đêm ấy mà. Mấy dấu đó có treo đèn thì người ta có thể lái qua đá, cho dù là trời tối đen như mực cũng không sao.”

“Đó có phải là thứ mà mấy cầm nang hoa tiêu gọi là đèn hiệu không?” John hỏi.

“Cầm nang hoa tiêu là gì?” Nancy hỏi lại, làm John thấy vui vui trong lòng vì có những thứ mà ngay cả thuyền trưởng Nancy cũng không biết.

Hai đứa neo *Amazon* lại rỗi quay về trại để liên hoan. Một bữa thịnh soạn ra trò. Bánh mì sandwich kẹp cá mòi ăn rất vừa miệng với bò khô và nước chanh. Ăn xong thì ấm nước cũng vừa sôi tới, nếu không nhâm nhi trà cùng bánh ngọt thì có phí không chứ.

Thời gian trôi thật nhanh khi sáu thủy thủ ngỗ quanh đám lửa vạch kế hoạch cho mấy chuyến hải trình. Sau cùng thuyền trưởng Nancy nhìn lên mặt trời.

“Bọn tớ phải ra khơi thôi,” con bé nói, “nếu không thì sẽ thêm phiền phức với đám thổ dân mất. Tuần này bọn tớ về trễ bữa ăn tối hai lần rỗi. Đợt gió này đến khi mặt trời lặn thì nó cũng lặn luôn, còn chèo tay thì xa vô cùng. Nhắc tay nhắc chân lên coi, Peggy.”

“Có đứa ngủ mất tiêu rỗi,” Peggy nói.

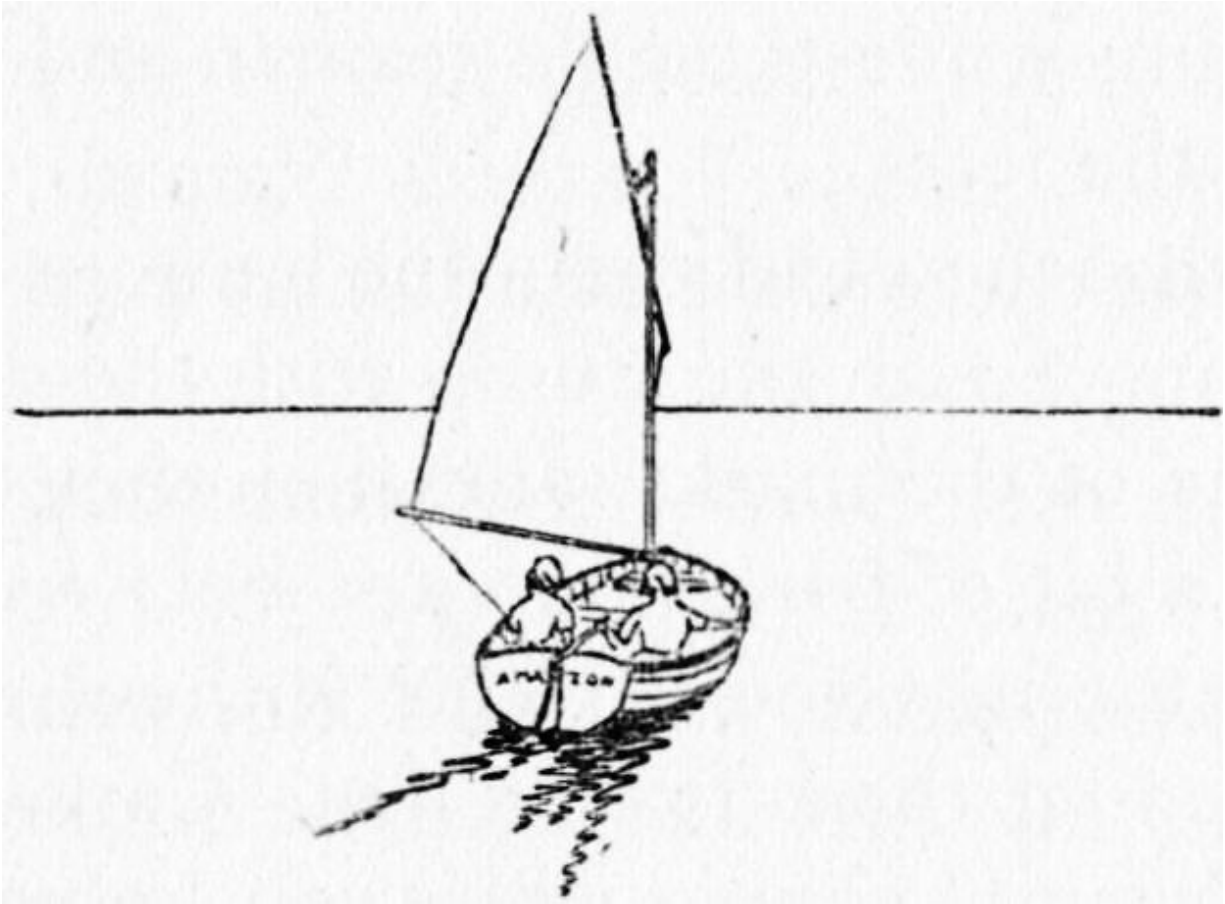
“Nó cũng sẽ dậy thôi nếu em khua nó dậy,” thuyền trưởng Nancy nói. “Đi nào, phụ một tay khiêng cái thùng coi.”

Cái thùng rỗng nên khiêng đi cũng dễ, nhưng mà, để làm cho đúng chuẩn, bọn nhỏ vẫn móc thùng vào mái chèo như lúc trước. Titty mang cò hải tặc giùm cho hai đứa. Roger xách cái giỏ. Cả đoàn thủy thủ thuyền *Chim Én* đi xuống cảng tiễn chân đoàn *Amazon*.

Hải tặc *Amazon* chèo ra khỏi cảng, căng buồm lên, nhờ ngọn gió hây hây vẫn còn đang thổi, chúng nhanh chóng băng qua đầu phía Bắc hòn đảo. Đám thủy thủ *Chim Én* đã chạy trở lại trạm quan sát để vẫy tay chào.

“Ngày mai là chiến sự bắt đầu đấy,” thuyền trưởng Nancy hét lớn.

“Tốt thôi,” thuyền trưởng John đáp trả.



12

Đèn hiệu

TỐI đó cả đám nhà Chim Én đi ngủ khuya lác. Ngay sau khi cánh buồm trắng nhỏ xíu của thuyền *Amazon* biến mất sau mồm Darien, thuyền trưởng John mang theo búa với vài cây đinh cùng hai ngọn đèn ra bến cảng, có thuyền phó Susan tiếp tay, trong khi thuyền viên và bồi tàu lau rửa bát đĩa sau buổi chè chén.

“Em có biết mấy đứa kia nói sao về việc đánh dấu cảng không?” John vừa hỏi vừa chỉ cho Susan thấy gốc cây có dấu chéo trắng. “Này, đây là một dấu, còn cái còn lại là cái cây có chạc ba kia kìa, ngay dưới chạc ba là chỗ vỏ tróc ra ấy. Bằng cách giữ cho hai điểm đó thẳng hàng nhau, mấy đứa *Amazon* có thể đi vào cảng mà không cần lo lắng gì chuyện bị đâm vào đá. Thuyền trưởng Nancy đã làm thế để chỉ cho anh. Biết cách rồi thì đơn giản lắm. Nhưng ở cảng thực thụ thì ngay chỗ những dấu hiệu ấy sẽ có đèn, để tàu thuyền có thể thấy đường khi đêm xuống. Giờ anh sẽ biến những dấu này thành đèn hiệu, để chúng ta có thể tấn công đám *Amazon* vào ban đêm mà vẫn tìm được đường về dù trời có tối đến cỡ nào.”

Cậu đóng một cái đinh ngay chính giữa vạch trắng trên gốc cây rồi treo một ngọn đèn lên đó. Đoạn cậu cùng Susan đến bên gốc cái cây có chạc ba. Chạc cây cao quá tầm với của hai đứa.

“Anh định trèo lên cây để treo đèn à?” Susan hỏi.

“Không đâu, thuyền phó ạ. Làm thế chẳng ích gì, vì như vậy thì chỉ có anh với em mới trèo lên đó được để châm đèn thôi. Mình phải đặt chỗ nào đó mà đứa nào cũng thấp đèn lên được cơ...”

“Trừ Roger chứ nhỉ,” thuyền phó nói. “Nó đâu có được phép sử dụng diêm đâu.”

“Phải nhỉ,” thuyền trưởng John nói. “Chúng ta không cần phải treo đèn thấp hơn điểm cao nhất mà Titty có thể với tới. Nhưng mà treo thấp quá

cũng không được. Chúng ta phải nhìn thấy được đèn qua đầu mấy bụi cây. Em đi xuống cảng mà đứng đằng sau gốc cây đi, càng gần mép nước càng tốt.”

Susan đi trở lại đứng sau gốc cây cách mép nước khoảng mười thước. Con bé đứng ngay mép nước.

“Có thấy chạc ba cây không?” John hỏi to.

“Thấy,” Susan đáp.

Cậu đặt một tay lên thân cây có chạc, rướn lên hết sức.

“Thấy tay anh không?”

“Thấy.”

“Giờ vẫn còn thấy chứ?” Cậu từ từ hạ tay xuống phía gốc cây.

“Giờ thì không thấy,” Susan đáp.

Cậu lại giơ tay cao hơn một chút.

“Em thấy lại rồi,” Susan nói.

“Thôi còi gọi Titty ra đây nào,” thuyền trưởng John bảo, thế là thuyền phó Susan làm theo. Titty và Roger đều cùng chạy lại. John vẫn giữ tay cao nguyên vị trí đến khi mấy đứa nhỏ chạy đến. Rồi cậu bảo Titty thử rướn người xem với tới được không. Con bé chạm vừa tới.

“Tốt rồi,” thuyền trưởng John nói.

“Để làm gì vậy anh?” Titty hỏi.

Thuyền trưởng John không trả lời. Cậu đóng một cây đinh ngay phía trên chỗ tay cậu vừa đặt. Rồi cậu treo cây đèn còn lại lên.

“Rồi thử xem giờ em có mở nắp ngọn đèn ra được không.” Thuyền viên Titty nhón gót và mở nắp cây đèn ra được.

“Nhưng mà để làm gì cơ?” con bé tiếp tục hỏi.

“Khi nào trời tối khắc biết,” thuyền trưởng John đáp.

“Nhưng em không với tới được,” Roger la lên, sau khi thử.

“Em thì không cần đâu,” thuyền trưởng John bảo.

“Cho đến khi nào em được phép sử dụng diêm kia,” thuyền phó tiếp lời, “mà lúc đó em cũng đã đủ cao để với tới rồi.”

Ngay khi trời bắt đầu sẫm tối thì toàn bộ thủy thủ đoàn thuyền *Chim Én* lại có mặt ở cảng. John đưa cho thuyền viên Titty hộp diêm và con bé thấp

cả hai ngọn đèn lên, trong khi cậu đứng quan sát. Rồi cả bốn đứa lên thuyền.

“Đúng ra đã tới giờ Roger đi ngủ rồi chứ,” thuyền phó nhắc nhở.

“Cũng không lâu đâu,” thuyền trưởng John nói, “mà mình cũng không thể để nó ở một mình được.”

“Mà em cũng không buồn ngủ,” Roger lên tiếng.

Cả bọn chèo thuyền xuôi ra hồ. Trời sắp tối đến là nhanh. Sao hiện ra. Cú rúc váng. Viên mép hồ khuất mất dưới dãy đũa. Bọn nhỏ chỉ còn nhận thấy lơ mờ hình dáng những ngọn đũa, những khối đen đen to tướng, nổi bật lên trên nền trời đầy sao. Rồi mây kéo đến che hết sao, thế là bọn nhỏ thậm chí còn không nhìn ra được đũa đến đâu và trời bắt đầu từ đâu nữa.

Đột nhiên cao cao trên nền tối đen kia cả bọn nhìn thấy một đốm sáng nhấp nháy. Thêm một đốm, rồi đốm nữa, rồi một quầng sáng mờ mờ soi rọi cho đám khói lớn. Cả bọn ngược nhìn về phía quầng sáng ấy như thể đang nhìn vào ô cửa sổ nhỏ tí, cao tí trên bức tường đen thui. Đúng lúc đó, một người nhảy vào giữa đám khói, một hình thù đen đúa linh hoạt, đang vung tay đập vào ngọn lửa. Ngọn lửa lui đi, cứ như có tấm màn tối om kéo xuống che đi khung cửa sổ. Rồi một ngọn lửa khác bùng lên và người kia lại ở đấy, ngọn lửa cũng tắt đi như mấy ngọn kia, rồi chỉ còn lại một màn đêm dày đặc đen ngòm.

“Bọn mọi đấy,” Titty thốt lên. “Em chắc chắn trong mấy khu rừng kia phải có mấy tên đầu đó.”

“Đó là những người thợ đốt than thôi,” John nói. “Thổ dân trong nông trại có hỏi chúng ta đã nhìn thấy mấy người này chưa mà. Nếu lúc trước chèo theo đường này thì chắc mình đã trông thấy họ rồi.”

“Họ trông cứ như đám man di mọi rợ ấy,” Titty nói. “Mình tới gần đó xem đi.”

“Giờ thì không được đâu,” thuyền phó Susan đáp.

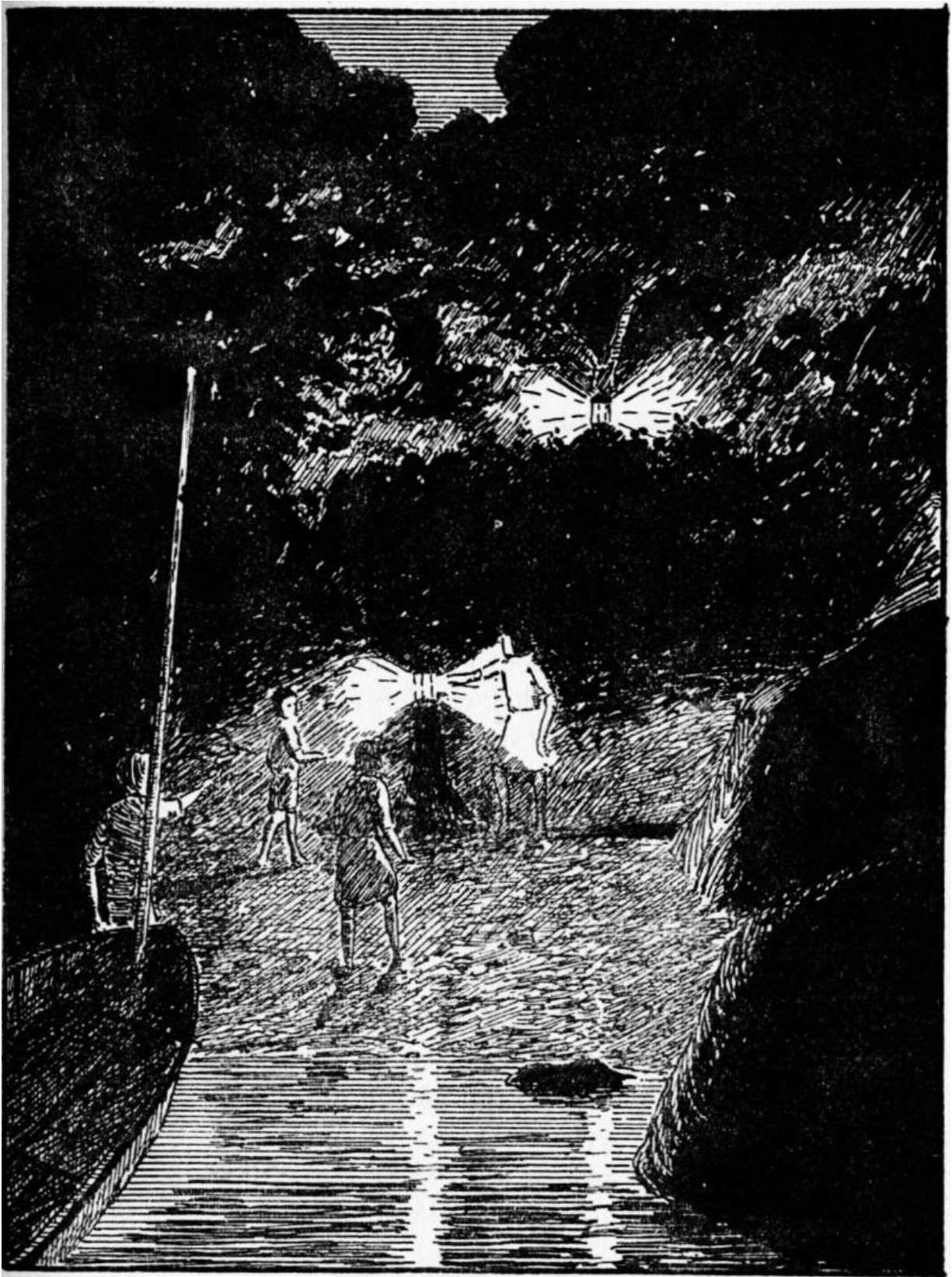
“Mình làm sao quay về đây?” Roger hỏi. “Em không nhìn thấy gì hết.”

Đó cũng chính là điều thuyền trưởng John lo ngại. Cậu không rõ cả bọn đang ở đâu. Cậu không nhìn thấy mấy ngọn đèn chỏ đánh dấu sau bến cảng, nhưng hiển nhiên thôi, vì đèn đã bị mấy vách đá che khuất rồi, trừ phi thuyền *Chim Én* đang trực diện với lối vào. Và dĩ nhiên, cậu cũng không chắc mình có thể đi vào cảng được không ngay cả khi trông thấy

mấy ngọn đèn đó. Cậu biết là mình sẽ phải làm được thôi. Nhưng dù gì thì cậu cũng chưa từng thử lần nào. Chèo vào ban ngày sử dụng mấy dấu hiệu đó là một chuyện, khi ấy nếu lỡ có gì thì vẫn có thể nhìn quanh xem mình đang ở đâu, còn khi xung quanh là bóng đêm bao bọc, chẳng có gì để trông cậy ngoài mấy ngọn đèn, thì lại là chuyện hoàn toàn khác. Mà thôi, việc đầu tiên cần làm bây giờ là tìm cho ra những ngọn đèn. Cảnh tượng mấy người thợ đốt than trên sườn đồi đã giúp cậu ánh chừng được mình đang ở đâu và thuyền đang quay hướng nào, nhưng lại chẳng có một vì sao nào cho cậu nhìn cả, mừng quá cậu có đem theo la bàn.

Cậu quẹt diêm lên mà nhìn vào chiếc la bàn nhỏ xíu, xoay xoay nó cho đến khi vạch đánh dấu ở một bên la bàn thẳng hàng nằm đối diện chóp đen của kim chỉ hướng. Như thế cậu biết hướng Bắc ở đâu. Mừng ghê, đây cũng chính là hướng mà cậu dự kiến. Cậu quay thuyền *Chim Én* vòng lại rồi quẹt một que diêm khác để nhìn vào la bàn lần nữa cho chắc. Rồi cậu lại tiếp tục chèo đi, hướng thuyền *Chim Én* về phía Bắc ra hồ.

“Lái theo la bàn như thế này là không được đúng lắm đâu,” cậu nói. “Chúng ta phải đóng chết la bàn vào một chỗ và lúc nào cũng phải có ánh sáng soi vào nó mới phải kia. Thứ chúng ta rất cần là một cái đèn pin. Ước gì lúc trước anh xin lấy một cái làm quà sinh nhật nhỉ. Mà thôi, mấy đứa quan sát và hô lên nhé, chừng nào mấy đứa thấy ánh đèn.”



ĐÈN HIỆU

Chỉ chừng một hai phút sau Titty đã nhìn thấy hai ngọn đèn, lập lờ giữa đám cây, rồi lại biến mất vì bị những tảng đá to phía Nam hòn đảo che khuất.

John chậm chạp khua chèo đi tới.

“Đèn kia kìa,” Susan kêu.

“Sát rạt nhau hà,” Titty nói.

John ngừng tay chèo quay lại nhìn cho kỹ hai ngôi sao nhỏ xíu đang lấp lánh trên mặt nước.

“Chính xác,” cậu nói, rồi chợt nhớ đến lời của thuyền trưởng Nancy, “Rồi, từ giờ anh sẽ chỉ chèo thôi còn mấy đứa dán mắt vào mấy ngọn đèn kia nhé.”

“Bọn em có nhìn ra được gì khác nữa đâu,” Titty nói.

“Đèn vẫn còn ở gần nhau chứ?” John hỏi.

“Cũng gần gần,” Susan đáp.

“Cái nào ở phía nào của cái kia?” John hỏi.

“Là sao?” Susan hỏi.

“Đèn phía trên đang ở đâu?” thuyền trưởng John hỏi.

“Hơi chệch về phía trên trái của cái đèn phía dưới,” Susan trả lời.

John chèo thêm một hai nhịp, hơi dịch sang phải. “Khi nào đèn trên thẳng ngay bên trên thì hô lên nhé.”

“Ở ngay bên trên rồi. Giờ lại hơi chệch sang phải.”

John lại dịch sang trái.

“Ở ngay trên.”

“Khi nào chệch thì báo.”

Cậu tiếp tục chèo. Thuyền phó Susan, thuyền viên Titty và bố tàu Roger chăm chú nhìn hai ánh đèn và hô lên khi đèn trên hơi chệch về phía trái hay phải của đèn dưới. Có quá nhiều phụ tá như thế thì thuyền trưởng John hẳn phải hài lòng lắm chứ, nhưng chỉ một lần duy nhất cậu tự nhìn lên và thấy hai ngọn đèn thẳng hàng trên dưới với nhau như dấu hai chấm ấy, là dấu câu tôi sắp viết ra đây : đấy, như thế này này. Cuối cùng thì John chỉ vừa sượt mái chèo bên mạn phải qua một tảng đá.

“Chắc giờ mình vào gần bờ rồi,” cậu nói. “Anh chèo phía đuôi đây.”

“Hai ánh đèn đang thẳng hàng đấy,” Susan nói.

John đã gác hai mái chèo và giờ đang khua từ cuối thuyền. Susan và Titty đã loay hoay tránh đi chỗ khác. Thuyền tiếp tục lướt đi trong bóng đêm.

“Đèn đang gần mình lắm rồi đấy,” Roger nói, nó vừa dứt lời thì có tiếng lạo xạo vang lên khi mũi thuyền *Chim Én* chạm vào bãi sỏi nhỏ mịn của cảng.

Thuyền trưởng John đã dùng đèn hiệu hướng dẫn lần đầu tiên trong đời, và vào được cảng dưới trời tối đen như mực.

“Chuyện này sẽ giúp mình đánh bại phe Amazon đây,” cậu phấn khích. “Đó là điều duy nhất tại nó nghĩ bọn mình không làm được, nhưng bọn mình lại làm được. Bọn nó tưởng cứ ban đêm là được an toàn à.”

Cả bọn lồm cồm lên bờ tháo hai ngọn đèn trên đỉnh xuống, neo thuyền *Chim Én* lại nhờ ánh sáng hai ngọn đèn, rồi cũng nhờ ánh đèn mà tìm đường quay về trại băng qua bao bụi cây bụi rậm. Mười phút sau đèn đóm được thổi tắt hết, mỗi lần một đèn, rồi chừng nửa phút sau cả trại chìm vào giấc ngủ.

13

Những người thợ đốt than

Ngày hôm sau gió lạnh ghê người, hoàn toàn không phù hợp để bắt đầu một cuộc giao tranh. Thuyền trưởng John lật người trên túi ngủ mà nhìn vào phong vũ biểu, lúc này đang đứng yên một chỗ. Cậu lồm cồm bò ra khỏi lều, ngược nhìn lên trời. Trong vát không chút mây. Cậu đi lên trạm quan sát mà nhìn xuống hồ, những dãy đồi cùng rừng cây và nông trại xa xa trên sườn đồi phản chiếu thực đến nỗi cậu nhận ra rằng, nếu nhìn qua quang cảnh ấy dưới hai chân mình thì khó lòng mà biết được đâu mới là thực còn đâu là ảnh phản chiếu trên mặt nước. Cậu quay trở lại trại, mấy đứa nhỏ cũng vừa thức dậy.

“Mau lên đi Titty,” là giọng của Roger. “Nhớ là trận chiến đã bắt đầu rồi và bọn Amazon có thể sẽ xuất hiện ở đây bất cứ lúc nào đấy.”

“Không có gió,” thuyền trưởng John nói, “trông có vẻ sẽ như vậy nguyên ngày đấy. Tụi nó sẽ không thể đến đây được nếu như không có gió. Mà bọn mình cũng không thể cố làm gì được cả. Chèo đi thì xa quá. Vậy là hôm nay không cần phải lo về cuộc chiến. Không gió, không đánh nhau. Tiếc ời là tiếc.”

“Cho em với Titty chèo thuyền đi lấy sữa được không ạ?” Roger hỏi. “Anh có nói là cho phép bọn em đi vào ngay ngày đầu tiên lạnh gió mà.” Nếu không đánh nhau, ít ra vẫn còn khối việc khác cần làm chứ.

“Được,” thuyền trưởng John đáp, “nhưng nhớ là cẩn thận đừng có đụng vào đá khi cập thuyền đấy.”

“Tất nhiên rồi ạ,” thuyền viên nhanh nhẩu.

Thế là thuyền viên cùng bầy tàu khua nước đưa *Chim Én* ra khỏi bến rồi chèo vào bờ. Hai đứa mỗi đứa cần một chèo, ngỗ cạnh nhau trên ván thuyền. Sau một lúc, Roger chèo luôn hai mái trong khi Titty bẻ lái. Rồi Titty chèo Roger lái. Đường chèo không thẳng lắm, nhưng cuối cùng thì

thuyền trưởng John, lúc này vừa bơi ngoài bãi tắm vừa hơi lo lo cho con thuyền, cũng trông thấy hai đứa nhỏ xách bình sữa đi ngược lên cánh đờng.

Khi quay về, con nhỏ thuyền viên chèo cật lực suốt quãng đường trong khi thằng bé b ẫ tàu bẻ lái. Titty đang rất vội và có nhiều chuyện để kể lắm.

“Mấy người đốt than bọn mình trông thấy tối hôm qua ấy mà,” con bé nói. “Em đã hỏi bác Dixon liệu họ có phải là bọn mọi không, thì bác nói là cũng có người nói như thế. Bác ấy bảo họ sống trong những túp lều tự chế từ những cây sào. Bác còn bảo họ cất cả rấn trong hộp nữa. Bác nói nếu bọn mình đi lên rừng thăm họ thì họ sẽ đem rấn ra cho mình xem. Hay là mình đi đi.”

“Bác Dixon nói là họ không ở hoài một chỗ lâu đâu. Họ gần xong việc ở chỗ đó rồi,” Roger nói. “Mình nên đi hôm nay luôn đi.”

“Em dám chắc họ là mấy người mọi nhưng lại tốt bụng hơn tất cả đám thổ dân khác đấy,” Titty nói.

Susan rời mắt khỏi đám lửa. “Không lý gì mà không nên đi cả,” con bé nói. “Bọn Amazon sẽ không tới. Mà có đi thì bọn mình cũng mang *Chim Én* theo thôi.”

“Hay lắm, thuyền phó ạ,” thuyền trưởng John lên tiếng. “Nếu như có chút gió nổi lên, chúng ta nhất định phải quay về, còn khi trời yên biển lặng như thế này thì sẽ không có đánh đấm gì đâu mà lo, thôi thì chúng ta làm chân thám hiểm cũng được.”

Vừa xong điểm tâm cả bọn cất cột buồm với cánh buồm rồi chèo thuyền *Chim Én* đi. Roger ở vị trí mình chọn đằng mũi thuyền để quan sát. Thuyền trưởng John chèo thuyền, Susan và Titty ngồi trên ván đuôi thuyền. Tụi nó mang theo ấm nước và ba lô đựng đồ dự trữ sắp dưới lòng thuyền, bởi lẽ nếu trời cứ lặng gió như vậy thì chúng dự định sẽ ở ngoài nguyên ngày rồi mang thêm củi về. Củi trên đảo đang khan hiếm dần nhưng dọc gần nước cao trên bờ hồ lại có rất nhiều, khi trời lặng gió như thế thì chúng có thể đậu thuyền ở bất cứ đâu để kiếm củi.

Chúng chèo thuyền xuôi hồ về mũi phía Nam hòn đảo, chỗ mà tối qua chúng tới. Ban ngày cảnh vật trông khác hẳn. Một cụm rừng lớn mọc trên sườn đ ả phía bờ Đông. Xa hơn chút nữa, chúng nhìn thấy khói ch ần chậm cuộn lên trên hàng cây, một làn khói mảnh bay thẳng lên trời, chúng

biết chắc rằng đây hẳn là đám người mọi đêm trước chúng trông thấy nhảy qua nhảy lại trong màn khói mà dập tắt những ngọn lửa. Sáng nay giữa ban ngày ban mặt thì không thấy có ngọn lửa nào cả. Chỉ còn dải khói mỏng tang đang cuộn lên thành đám mây nhỏ xíu trên mấy ngọn cây. Có tiếng đống củi ở đâu xa xa. Nhưng chỉ có thế.

Bọn nhỏ tìm thấy một chỗ neo thuyền lý tưởng, chúng bèn ghềch mũi thuyền lên bờ, cho thuyền lên hẳn trên cạn rồi cột chặt dây neo vào thân cây sồi non mọc gần mép nước.

“Mình sẽ không đem ấm nước hay ba lô gì theo hết,” thuyền phó Susan nói. “Tốt hơn hết là đốt lửa trên bãi biển thay vì đốt ngay giữa rừng. Khi nào quay về mình sẽ nhóm lửa ở chỗ này, rồi mình ăn trưa trước khi đi kiếm củi, để khỏi phải lo lắng nghĩ ngợi gì về ấm nước với những thứ khác khi mình xếp củi lên thuyền.”

“Có nên cử ai ở lại canh thuyền không nhỉ?” thuyền viên Titty hỏi.

“Nếu muốn thì em canh đi,” thuyền trưởng John nói, “nhưng khi leo lên ngọn đồi cao kia bọn mình có thể nhìn thấy cả hồ. Nếu thấy bọn Amazon đi đến mình có thể quay trở lại đây nhanh hơn là bọn nó chèo đến.”

Titty, đầu óc đang đề cả vào mấy thổ dân nó phải đi gặp cho được, liền vội vã đồng ý ngay rằng không cần phải có người canh thuyền gì cả.

Rồi cả đoàn bắt đầu lội qua cây cối. Đi chưa được bao xa thì chúng đã đến được con lộ. Băng qua con lộ thì rừng cây dốc cao hơn nhiều. Kinh ngạc làm sao mấy cái cây bé xíu kia lại có thể bám trụ được giữa toàn đá là đá. Mà cây thì đủ loại đủ kiểu. Lác đác vài cây thông cao, nhưng hầu hết là sồi, dẻ gai, phỉ, tần bì. Không có lối mòn nào trong khi những đám gai mọc tràn trên mặt đất cùng dây kim ngân dài đặc xoắn xuýt vào nhau từ cành này sang cành kia khiến cho việc dẫn bước qua cỏ cây bụi rậm nhọc nhằn hết sức.

“Phải đi sát nhau vào,” thuyền phó Susan bảo, lúc Titty đang cố gắng kiếm đường cho riêng nó.

“Cái rừng này ghê thật,” Roger nói.

“Gần như là rừng rậm ấy chứ,” Titty tiếp lời.

“Lẽ ra mình phải có một cái rìu phát quang để cho chắc còn tìm được đường về,” John nói, “nhưng nếu trên đường về mình cứ đi thẳng xuống

dốc thì cũng không lạc gì lắm đâu. Ngả nào thì đi vậy cũng sẽ đưa bọn mình ra đến hồ, mà đến được bờ rồi thì dễ thôi mà.”

“Lỡ mình không tìm được mấy người thợ đốt than thì sao hả anh?” Titty hỏi.

“Nghe kìa,” thuyền trưởng John bảo. Cả bọn lắng tai và nghe được tiếng rìu đồn đầu đặn đầu đó từ tít bên trên vọng lại. “Không thể nào không thấy họ đâu, chừng nào họ còn tạo ra tiếng động như thế.”

Bọn chúng tiếp tục trèo lên cao hơn xuyên qua rừng cây. Thuyền trưởng John dẫn đầu, rồi đến Roger và Titty, rồi đến thuyền phó Susan, cho chắc không ai bị tụt lại phía sau. Có mấy con thỏ để lộ đuôi bông trắng khi chúng nhón nháo chạy đi qua bụi rậm. Một con sóc cứ rúc ra rúc rích với chúng từ trên cây thông. Roger nhại theo nó.

“Con này gần giống như con khỉ ấy,” Titty nhận xét. “Giá mà có mấy con vẹt nhỉ.”

Ngay lúc đó có tiếng quác quác inh tai ngay phía trước bọn chúng cùng tiếng đập cánh xáo xáo giữa tán lá, rồi một cặp chim sẻ cùi vụt qua những ngọn cây, trong chớp mắt để lộ những dải màu trắng, đen, xám hồng và xanh lè trên cánh.

“Kìa, vẹt kìa,” Roger nói. “Loài nói được đó nha. Nghe bọn nó nói ‘Polly xinh đẹp’ không, mà là bằng thổ ngữ tụi nó chứ không phải tiếng tụi mình đâu.”

Cuối cùng chúng cũng mò ra được lối đi trong rừng. Có vẻ như con đường này dẫn thẳng lên đến chỗ có tiếng đồn củi.

“Giờ mình phải làm dấu thôi,” thuyền trưởng John nói, “để đánh dấu chỗ bọn mình đến được lối mòn này. Như vậy khi đi xuống mình còn biết đến đâu thì rõ.”

Titty lôi con dao ra khắc một dấu vào thân cây phỉ. Dấu không được to lắm.

“Khéo nhìn không ra mất,” thuyền trưởng nói. “Mình phải làm dấu gì đó để dễ nhận ra hơn.” Cậu vít hai cành cây phỉ xuống mà cột hai đầu vào thân cây, tạo thành hai cái vòng to ngay bên vệ đường.

“Mấy dấu này thì tụi mình nhìn thấy ngay,” Roger nói.

“Mình cũng có cả dấu chỉ đường nữa,” thuyền trưởng John nói thêm.

“Là cái gì vậy ạ?” Titty hỏi.

“Là dấu mà dân du mục dùng để chỉ cho nhau biết họ đã đi lối nào. Ta lấy một que dài và một que ngắn, xếp chéo với nhau trên đường, que dài sẽ chỉ hướng đi.”

Cậu chặt hai khúc cây rồi đặt khúc dài ngay chính giữa lối đi chỉ thẳng về hướng cây phải có hai cành cây bị vít xuống. Khúc cây ngắn cậu đặt ngay trên khúc dài, tạo thành một dấu chéo.

“Dấu chỉ đường đây,” cậu nói.

“Nhưng lỡ có ai đó đá chúng đi mất thì sao?” Roger hỏi lại.

“Chẳng ai cố tình làm thế cả,” Susan nói.

“Mà nếu có đi chẳng nữa thì vẫn còn hai cái vòng của John và cả cái vết khắc của chị đấy thôi,” Titty nói.

Khi bước dọc theo lối mòn uốn quanh lên sườn đồi thì cả bọn đi được nhanh hơn là lúc chui qua cây cối bụi rậm. Chẳng bao lâu sau lối mòn dẫn ra một khoảng đất trống bằng phẳng. Ngay chính giữa khoảng đất trống đó là một vòng tròn trên mặt đất cháy đen thui.

“Đây là nơi đám mọi đã nhảy múa đấy,” Titty nói. “Chúng đem thui tù binh trên lửa rồi nhảy nhót xung quanh ấy mà.”

“Rồi còn la rú om sòm nữa,” Roger nói thêm.

Bọn nhỏ tìm lại được lối mòn phía bên kia khoảng đất trống. Tiếng đồn củi giờ đã như ngay bên tai rồi. Mùi củi tươi cháy âm ỉ nòng nọc xộc vào mũi bọn nhỏ. Bỗng nhiên chúng lại thoát ra khỏi rừng cây mà ra đến sườn đồi trống. Cây to vẫn còn nhiều, nhưng những cây nhỏ hơn và bụi rậm thì đã bị đồn sạch. Có nhiều đồng cỏ được chặt dài bằng nhau xếp ngay ngắn, sẵn sàng dùng để đốt. Một đồng cỏ được xếp thành vòng tròn, chính giữa là lỗ hổng. Cách đó bốn năm chục thước là một gò đất khói xanh đen bốc lên nghi ngút. Một người đàn ông cặm xẻng cứ vỗ nhẹ lên gò đất đó rồi xúc một xẻng đất đắp lên chỗ có khói xanh bốc ra. Đôi lúc ông lại trèo lên cả gò đất và bịt lại bất cứ đám khói nào bốc lên từ đỉnh gò. Vừa bịt được chỗ này thì một đám khói lại xì ra nơi khác. Tiếng chặt cây đã ngừng bật ngay trước khi đoàn thám hiểm đi ra khoảng đất trống.

“Nhìn kia,” Titty la lớn.

Ngay bìa rừng, không xa cái gò đất xì khói là bao, là căn chòi hình dạng như túp lều tròn, nhưng không phải làm từ vải bạt mà từ những cây sào gỗ

thông sắp chụm một đầu rồi tất cả xuôi xuống, mấy sào dài hơn đan chéo qua nhau ngay trên đỉnh. Bên hông lều phía gần gò đất là lối vào lều được che bằng tấm bao bố đã cũ sөн. Bao bố được vén vào trong, một ông già bước ra, nhỏ thó lưng còng, nhăn nheo nâu sạm như hạt óc chó, đôi tay dài ngoẵng để trần gân guốc. Ông ta hấp háy mắt nhìn đám thám hiểm dưới ánh nắng.

Roger nắm lấy tay Titty.

“Ê chào mấy đứa!” ông lão nhỏ thó lên tiếng. “Đến để xem chứ gì? Rất vui được gặp mấy đứa.”

“Chúc ông buổi sáng tốt lành ạ,” thuyền trưởng John đáp lại.

“Tốt lành thật đấy chứ,” ông lão nói, “ngày đẹp quá chừng.”

“Chúc ông buổi sáng tốt lành ạ,” đám Chim Én còn lại nói.

“Chào mấy đứa,” ông lão đáp. Có vẻ ông mọi này rất thân thiện. Roger thả tay Titty ra.

Cả đám nhỏ Chim Én nhìn chăm chăm vào cái lều.

“Đây là lều của người da đỏ,” Titty nhận xét.

“Muốn nhìn vào trong không?” ông lão hỏi. “Ai cũng muốn hết,” ông nói thêm, gần như là lầu bầu cho mình mình nghe.

“Cho phép bọn cháu nhé?” Titty hỏi, vừa như hỏi ông lão vừa như xin phép thuyền phó Susan.

“Được được,” ông lão đáp, còn về phần Susan, cô nàng cũng đang quá háo hức như Titty muốn nhìn vào trong lều.

Ông lão nắm một góc miếng bạt móc lên cái đỉnh đóng ngay phía ngoài túp lều.

“Vào đi nào,” ông nói. “Chút xíu nữa là mấy đứa nhìn quen với bóng tối thôi.”

Cửa vào thấp đến nỗi thuyền trưởng John phải cúi người xuống. Thấp đến nỗi đầu bên ngoài trời đang nắng nhưng bên trong lều lại tối om. Cả đám Chim Én từng đứa một bước vào rồi đứng túm tụm với nhau phía trong ngay cửa ra vào. Ông lão đã vào trước, nhưng bọn chúng hầu như không nhìn ra ông đâu. Chúng nghe thấy ông lão cười khùng khục.

“Chút nữa là mấy đứa nhìn còn tinh hơn cả dơi ngay thôi. Ngồi xuống giường kia kìa.”

Mắt đám nhỏ quen dần với bóng tối, chúng trông thấy ở mỗi bên túp lều có một khúc gỗ chắc chắn ngăn ra một nơi chắt chắn mền. Giữa hai khúc gỗ là một khoảng trống, trông như từng có một đồng lửa nhỏ đốt tại đây. Ánh sáng duy nhất rọi vào qua khe cửa. Tuyệt nhiên không có một tia sáng nào lọt qua những thanh sào dựng lên căn lều này. Mọi khe hở đều lèn kín rêu. Trên đầu là đèn bão, giống hệt đèn trong lều của tụi nhỏ, treo trên móc ở cuối một khúc dây. Nhưng đèn không được thắp lên. Cao cao trên kia nữa là bóng tối mịt mù, nơi các cây sào chụm lại với nhau làm thành nóc lều nhọn. Ông lão ngẩng cằm hờn trên khúc gỗ khoanh thành chỗ ngủ. Đám nhỏ Chim Én ngẩng thành một hàng trên khúc gỗ còn lại.

“Ông sống đây luôn chứ ạ?” Susan lên tiếng hỏi.

“Khi bọn ta đang đốt thôi,” ông lão trả lời.

“Khi ông đang đốt củi lấy than,” Susan nói rõ.

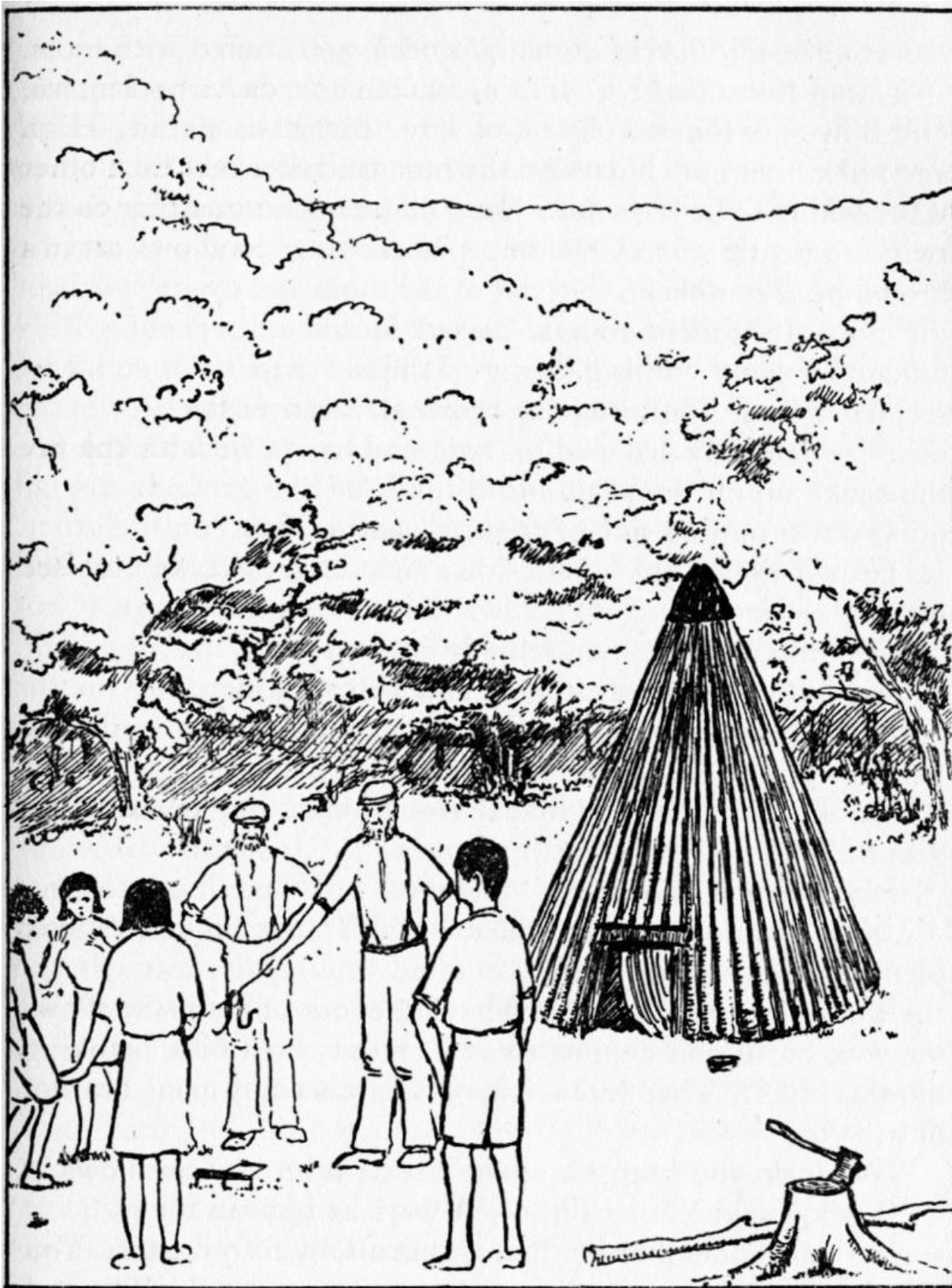
“Ừ,” ông lão ậm ừ. “Phải có người canh lửa suốt ngày đêm, giữ cho lửa âm ỉ.”

“Thế ông có con rắn thật không?” Titty hỏi.

“Rắn lục ấy hả? Ừ,” ông lão đáp. “Muốn xem không?”

“Ôi vâng, muốn lắm ạ,” cả đám lao nhao.

“Thì mấy đứa đang ngẩng trên nó đó,” ông lão bảo.



CON RẮN LỤC

Cả đám Chim Én, kể cả thuyền trưởng John, nhảy dựng lên như thể chúng vừa ngã phải đinh. Ông lão cười ha hả. Ông đi qua bên kia lều và lục lọi dưới chân, lôi ra một hộp thuốc cũ.

“Nó là rắn lục của Billy Trẻ,” ông giải thích, “mình sẽ đem ra cho Billy. Nào Billy,” ông lão gọi lớn về phía cửa ra vào, “cho bọn nhỏ xem con rắn của bay đi.”

Ông lão mang hộp nhỏ ra khỏi lều, cả bọn Chim Én theo chân ông. Billy Trẻ vỗ vỗ lần cuối lên gò đất nghi ngút khói, rồi đi về phía đám nhỏ. Ông này cũng già khăng, nhưng không già bằng ông đầu tiên.

“Bố ta đã chỉ mấy đứa xem xung quanh rồi đúng không?” ông hỏi đám nhỏ nhà Chim Én.

“Thế ông này là con trai ông ạ?” Roger hỏi ông lão thứ nhất.

“Nó đó, nó cũng có mấy con trai với cả cháu nữa. Chắc mấy đứa không nghĩ ta lại già đến thế chứ gì. Nhưng ta là Già Billy còn nó là Billy Trẻ.”

“Trông ông ấy không giống một cậu con trai gì cả,” Roger nói.

Billy Trẻ cười khà khà. “Bố, bố đưa con cái hộp nào,” ông nói, Già Billy đưa cho ông hộp thuốc. Ông đặt hộp xuống đất rồi quỳ gối xuống bên cạnh. Ông tháo móc khóa nhấc nắp hộp lên. Bên trong chẳng thấy gì trừ một nhúm rêu xanh lè. Billy Trẻ nhặt một cành củi khế chọc chọc vào nhúm rêu. Có tiếng phì phì thật lớn, rồi một cái đầu rắn màu nâu trong đám rêu nhô phắt lên đến tận một bên mép hộp. Cái lưỡi chẻ hai thò ra thụt vào. Billy Trẻ dùng cành củi nhẹ nhàng chạm vào nó. Con rắn lại kêu lên xì xì và đột nhiên như đang đổ mình ra thành một dòng suối dài màu nâu tràn qua thành hộp. Billy Trẻ quảng cành củi đi, lấy một cây gậy, dùng gậy khều con rắn dưới đất lên. Đuôi rắn thông xuống một bên gậy còn đầu thì thông phía bên kia. Đầu ngoe nguẩy tứ tung, con rắn vừa đu đưa vừa phát ra tiếng xì xì còn lưỡi vẫn thò ra thụt vào. Cả đám nhóc Chim Én né dạt khỏi con rắn nhưng vẫn không thể rời mắt khỏi nó. Rồi đột nhiên con rắn bắt đầu trườn qua cây gậy. Billy Trẻ đã chuẩn bị sẵn sàng, trước khi con rắn thả mình chạm đất thì ông đã dùng một cây gậy khác treo thân nó lên.

“Chạm vào nó có sao không ạ?” Susan hỏi.

“Nhìn này,” Billy Trẻ bảo. Ông hạ con rắn xuống đất rồi đặt cây gậy ngay trước mặt nó. Ngay lập tức con rắn há to miệng đớp vào cây gậy.

“Mấy đứa đừng bao giờ đi gần một con rắn lục hết nhé,” Billy Trẻ khuyên. “Ở đây loại này nhiều lắm. Mấy đứa phải để ý bước chân trong rừng hay trong đầm lầy nữa. Bọn rắn sẽ tránh đường nếu thấy mấy đứa, nhưng nếu lỡ giẫm phải một con thì nó sẽ cắn ngay, như vừa cắn cây gậy này vậy. Nó mà cắn thì cũng dễ sợ lắm. Có nhiều người chết vì rắn cắn lắm rồi.”

“Vậy ông nuôi nó làm gì?” John hỏi.

“Lấy may ấy mà,” Billy Trẻ đáp. “Khi nào trong lều cũng có một con, từ hồi nào hồi nào rồi, mà bố ta, Già Billy kia kìa, nhớ từ thời còn xưa hơn ta nữa.”

“Phải đấy, bọn ta khi nào cũng có một con,” Già Billy nói, “cả cha ta cũng thế, khi đốt than ấy, ông làm việc trên vùng đầm lầy này cả trăm năm trước kia.”

Billy Trẻ thả gọn con rắn vào hộp rồi đặt nắp lại. Ông chìa hộp cho tụi nhỏ nghe. Bọn nhỏ còn nghe được con rắn rít xì xì bên trong. Rồi ông đưa cái hộp lại cho Già Billy, ông lão mang hộp trở vào trong lều.

Một cuộn khói lớn bốc lên từ gò đất đang cháy.

“Xem đấy,” Billy Trẻ nói. “Vừa mới quay lưng chút là lại bùng lên rồi. Lửa cũng như con rắn lục. Hở một lỗ chút xíu là nó chui ra ngay.” Ông nhặt lấy xẻng và đi về phía gò đất, đang có một ngọn lửa từ lỗ bên trong gò liếm lan ra ngoài. Billy Trẻ xúc một xẻng đất đắp vào lỗ rồi vỗ vỗ nén xuống.

“Đằng nào chẳng đốt, sao ông không để nó cháy bùng lên đi ạ?” Titty hỏi. “Chúng cháu luôn muốn lửa cháy bùng kia nhưng thỉnh thoảng lửa chẳng chịu lớn gì cả.”

“Bọn ta thì cần lửa cháy chậm nhưng âm ỉ kìa,” Billy Trẻ đáp. “Nếu lửa cứ bùng bùng thì chỉ còn lại tro thôi. Lửa cháy càng chậm thì than càng chắc.”

Susan tỉ mỉ quan sát.

“Mà sao nó không bùng lên nhỉ?” cô bé hỏi.

“Lửa lan đều rồi,” Billy Trẻ đáp. “Khi lửa đã cháy đều thì cháu có thể chụp nó lại, chụp càng kín thì lửa càng nóng và cháy càng chậm. Nhưng nếu cháu để cho nhiều không khí luồn vào thì không giữ được lửa âm ỉ đâu.”

“Bọn cháu có làm được vậy với một ngọn lửa nhỏ không ạ?” Susan hỏi. “Nếu cháu cũng chụp đất lên trên thì lửa trại bọn cháu có cháy được nguyên đêm không?”

“Có chứ,” Billy Trẻ đáp, “nếu cháu muốn giữ lửa thì lấy mấy cục đất đắp lên rồi chế tí nước vào đất để làm ẩm. Lửa sẽ cháy đến tận hôm sau đấy, rồi sẽ đun sôi ấm nước cho cháu ngay thôi khi cháu cời bỏ đồng đất đó ra.”

“Tối nay cháu sẽ thử ngay,” Susan hào hứng đáp.

“Cho em xem kính với,” Roger nói.

Thuyền trưởng John đang nhìn bằng kính viễn vọng về phía hồ nước xa xa bên dưới. Từ những cánh rừng trên cao nơi mấy người thợ đốt than đốt lửa và dựng lều bằng sào gỗ, ta có thể thấy toàn bộ khung cảnh hồ. Xa xa bên kia Rio cùng bao đảo lớn nhỏ gần đó, hồ nước xanh ngắt dưới trời hè trong veo trải dài đến tận mấy quả đồi lớn. Xuôi về mạn Nam, hồ nước hẹp dần lại cho đến khi biến thành con sông uốn lượn qua những miền trũng xanh mướt. Một cụm hơi nước trắng xóa nơi hồ biến thành dòng sông chỉ cho thấy chỗ mấy con tàu thủy đang nghỉ ngơi trên bến cảng. Một tàu hơi nước khác đang chạy xuôi xuống hồ gần mỏm Darien. Trong một ngày lặng gió thế này mặt nước thật xanh thật lặng, nhưng vệt nước phía đuôi tàu hơi nước lại rất dài, như hai con sóng đang lan ra, như một chữ V to tướng đang di chuyển trên hồ, trải từ bờ này sang bờ kia.

“Cho em xem kính nào,” Roger lại nói, “em muốn nhìn thấy hòn đảo của mình mà.”

“Đợi chút coi,” thuyền trưởng John nói, “có một thuyền đang ở gần đảo kia.”

“Đó không phải là bọn Amazon chứ?” Titty hỏi, “chúng đến để đánh úp ta à?”

“Không,” thuyền trưởng John đáp, “trên thuyền có một người đàn ông thôi. Chắc là thổ dân nào đó đang câu cá ấy mà. Nhưng dù sao bọn mình cũng cần phải trở xuống thôi. Mình đang để thuyền *Chim Én* một mình đó.”

Nói rồi cậu đưa kính cho Roger.

“Em không nhìn thấy hết đảo bọn mình đâu,” cậu nói. “Một phần đảo bị cây cối dưới đấy che đi rồi. Nhưng nhớ coi chừng xem cái ông kia đi

đâu đấy.”

“Thế mấy đứa là đám nhỏ cắm trại trên hòn đảo dưới kia à?” Billy Trẻ hỏi. “Ta đoán là thế. Hôm qua mấy đứa chơi với đám mấy con bé nhà Blackett nữa đúng không? Bọn ta có thấy thuyền của tụi nhỏ. Ủa! BỐ!”

Già Billy từ lâu quay trở ra.

“Bố này,” Billy Trẻ lên tiếng, “đây là bọn nhỏ cắm trại trên đảo đấy. Hôm qua mấy con bé nhà Blackett sang chơi với chúng.”

“À,” Già Billy nói, “ta còn nhớ như in khi cô Blackett, lúc đó còn là con bé Turner kia, đến thăm cái chỗ đốt than với lều của ta khi cô ấy chẳng lớn hơn cháu bao nhiêu đâu, cô bé ạ.” Ông lão nhìn Susan ánh chừng tuổi. “Cô bé đi cùng cậu Jim. Ha! Ha! Vậy mà giờ con nhỏ đã là đàn bà có đến hai đứa con gái luôn rồi.”

“Tôi thì tôi đang nghĩ đến cậu Jim đây,” Billy Trẻ lên tiếng. “Chắc cũng phải cho cậu này biết dân ở đây đang bàn tán gì thôi.”

“Phải nói thôi,” Già Billy đồng tình.

Billy Trẻ quay qua John và Susan.

“Thế mấy đứa có gặp lại mấy con bé kia không?” ông hỏi.

“Có ạ,” John trả lời, “ngay khi nào có gió để căng buồm ạ. Nhưng trời yên như thế này thì bọn cháu không thể làm gì được.”

“Vậy hả, mấy đứa bảo với mấy con bé ấy đi mà nói với bác Jim của tụi nó...”

“Tụi nó không nói được đâu,” Titty xen vào, “tụi nó đang có chiến tranh với ông ấy mà.”

“Bọn nó nói được đấy,” Billy Trẻ bảo. “Bảo với tụi nó đi nói với bác Jim của tụi nó là ông Billy Trẻ, tức là ta ấy, nhắc cậu ta nên khóa cửa cái nhà bè cho kỹ vào nếu đêm không ở đó. Đằng quán Bigland dưới kia mọi người đang bàn tán rất nhiều về cái nhà bè với cả những gì cậu ta cất giữ trong đó. Dân trong vùng này thì sẽ không động đến, nhưng khi chuyện mà đã truyền đến tận Bigland thì sẽ không biết được kẻ nào nghe được đâu. Ngoài kia đây rầy mấy thằng choai choai du côn du đồ dám làm đủ chuyện thiếu suy nghĩ đấy.”

“Có thể cũng chẳng có gì đâu,” ông nói tiếp, “nhưng lỡ mà xảy ra gì thật, thì ta sẽ áy náy lắm vì đã không cảnh báo cậu ta. Ta cũng định đích

thân đi gặp cậu ta, nhưng trong một hai ngày tới ta chưa thể bỏ đồng lửa này, nên nếu mấy đứa nhả được cho mấy con bé kia thì hay quá.”

“Vâng, bọn cháu sẽ nói,” John đáp.

“Không quên chứ?” Billy Trẻ hỏi lại.

“Không ạ,” Susan quả quyết, lôi ra chiếc khăn tay. “Làm thế này sẽ không quên bao giờ ạ.” Con bé thắt một góc chiếc khăn thành cái gút to.

“Em không thấy cái thuyề có người đàn ông nữa r ấ, bị mấy cái cây che đi r ấ,” Roger lên tiếng.

John giật lấy kính viễn vọng. “Mình phải đi xuống thôi,” cậu ra lệnh.

Susan quay sang lễ phép nói với hai ông lão. “Cảm ơn các ông đã cho bọn cháu vào tham quan. Bọn cháu vui lắm ạ.”

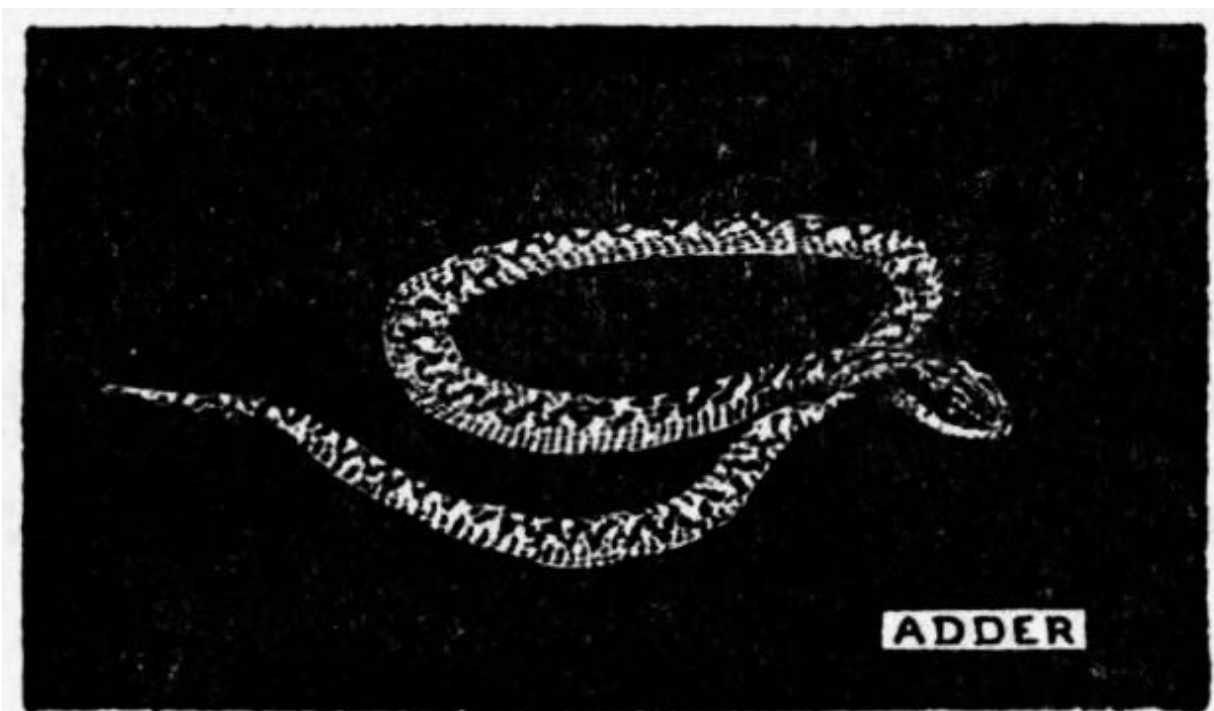
“Cháu cũng cảm ơn vì đã cho chúng cháu xem con rắn nữa,” Titty nói.

Cả đám chào từ biệt, và cha con nhà Billy, hai ông già ấy, một người đã rất già và một người còn già hơn, cùng đáp lại, “Tạm biệt mấy đứa.”

Bọn nhỏ Chim Én lục tục quay bước đi về phía khu rừng dốc.

“Đừng quên nhả với mấy con bé về ông bác Jim của tụi nó đấy,” Billy Trẻ nói với theo.

“Chúng cháu không quên đâu,” Susan nói lớn, và vẫy vẫy chiếc khăn tay có thắt nút một góc.



14

BỨC THƯ CỦA THUYỀN TRƯỞNG FLINT

Bọn trẻ Chim Én trở về với thực tại gần như khi còn chưa khuất khỏi tầm nhìn của hai người thợ đốt than.

“Họ là những tên mọi dễ thương nhất mà chúng ta từng gặp nhỉ,” Titty nói. “Em nghĩ con rắn là để dùng cho tà thuật gì đó. Chắc họ là thầy lang, em đoán thế. Họ già khú mà. Những thầy lang của một bộ lạc du mục từ sau những rặng núi kia.”

Con bé im lặng được vài phút. Rồi chợt la to, “Bực mình bọn Amazon quá!”

“Sao vậy?” Susan hỏi lại.

“Vì bọn Amazon cũng đã tìm thấy họ rồi. Tụi nó đã phát hiện ra hòn đảo của chúng ta. Chúng ta chẳng còn gì mà khám phá cả.”

“Hừ, thì mình đã khám phá ra bọn họ mà,” Susan nói, “họ đã cho mình xem con rắn nữa.”

Nghe thế Titty có vẻ phẫn khởi hơn. “Có lẽ họ chưa bao giờ để bọn Amazon biết bí mật của bộ tộc họ. Có lẽ bọn nó chưa hề được thấy con rắn. Vậy chắc không sao nhỉ và bọn mình đúng là những nhà khám phá đúng nghĩa. Chỉ gặp người này người nọ thôi thì có là gì đâu.”

“Phi thôi,” Roger nói.

“Ừ, vậy đi,” Titty đáp.

Phi, nghĩa là vừa nhảy căng vừa phi nước đại, là cách xuống đũa rất mau lẹ.

Mau đến nỗi thuyền viên Titty và bồi tàu Roger cứ băng băng mà lỡ cả cái dấu hiệu chỉ đường, cả hai cánh phỉ uốn cong cột vào nhau. Thuyền trưởng John cũng lỡ luôn. Cậu đang bận suy nghĩ xem mình phải làm gì để cảnh báo cho tên hải tặc giải nghệ về việc gắn ổ khóa cho nhà bè của hắn.

Bọn Amazon sẽ nói gì về việc này? Nếu thuyền trưởng Nancy muốn bắt ngờ đánh chiếm nhà bè khi tên cướp biển đang ở trên cạn, chắc chắn con bé không muốn nhà bè bị khóa chứ. Thuyền trưởng John phi một cách hồ hững. Đáng lẽ cậu phải nói cho cha con nhà Billy biết là không phải họ đang nói chuyện với bằng hữu của chủ nhân nhà bè, mà là với kẻ thù, trong khi ít nhất tại thời điểm này chủ nhân căn nhà bè ấy không phải bác Jim của hai đứa nhà Blackett, mà là thuyền trưởng Flint, là kẻ mà phe Amazon và Chim Én đã long trọng liên quân với nhau cùng chống lại. Cậu hồ hững phi. Nhưng dù cậu không toàn tâm toàn ý phi đi nữa, khi mà mọi thứ cứ quay mòng mòng làm người ta chẳng nhìn được gì r ồi còn vận tốc lao xuống dốc lại quá lớn khiến người ta chẳng thắng lại kịp, cậu chẳng để ý thấy cả dấu chỉ đường do mình tạo ra. Nhưng Susan thì thấy. Cô bé đã bắt đầu để mắt tìm kiếm dấu ấy ngay từ khi đi trên lối mòn xuyên qua rừng cây, và vì thế mà kiểu phi của cô bé thật ra chẳng thể nào gọi là phi được.

Susan là đứa cuối cùng đi xuống con đường mòn và phát hiện ra bước phi của mấy đứa kia đã đá phăng dấu chỉ đường qua một bên. Lẽ ra cô bé cũng không chắc lắm đâu, cho đến khi thấy hai nhánh cây phải bị uốn thành hai cái vòng và r ồi vết khắc của Titty trên thân cây phi.

“John!” cô bé gọi lớn.

Không một tiếng trả lời, chỉ có tiếng bước chân chạy xa dần xuống lối đi ngoằn ngoèo.

Con bé lúi cúi ra cố gắng huýt to lên hết sức.

Tiếng chân chạy ngừng lại. Susan thối cúi l ần nữa.

Cô bé nghe thấy John hét lên, “Này, Titty! Roger!”

Cô bé lại huýt thêm l ần nữa.

John chậm chạp lội ngược lên, sau lưng là thuyền viên và b ồi tàu, cả ba cùng thở h ồng hộc.

“Mấy người chạy quá cả cái dấu mình làm này,” Susan nói. “Đây này.”

“Ừ nhỉ,” thuyền trưởng John nói. “Anh đang mải suy nghĩ chuyện khác. May mà em trông thấy.”

“Cái lối mòn kia chẳng biết sẽ dẫn mình đi đến đâu nữa,” Titty nói.

“Dấu chỉ đường đâu nhỉ?” Roger hỏi. “Có kẻ đã đá bay đi mất r ồi. Chắc là em quá. Mình sắp nó lại đi.”

“Không, không cần đâu,” thuyền trưởng John nói. “Mình làm dấu ở đây để cho bọn mình tìm được đường về thôi. Nếu giờ mình cứ để dấu ở đây thì có khác nào chỉ cho bọn mọi biết đường mình đi qua đâu cơ chứ. Mình cũng phải tháo mấy cành cây kia ra nữa.” Cậu cắt sợi dây và thế là mấy cành cây bật lên như cũ. “Giờ chỉ còn mỗi cái vết khắc thôi, mà nó nhỏ xíu. Chẳng ai phát hiện ra được mình rời con đường này chỗ nào đâu.”

“Nếu chúng là những kẻ theo dấu kỳ cựu,” Titty nói, “thì chúng có thể lần theo bước chân của tụi mình.”

“Cũng may mà lúc này mấy anh em đi quá chỗ đánh dấu này,” Susan nói. “Dấu chân của mình sẽ đánh lạc hướng bọn họ. Bọn họ sẽ cứ thế mà đi tiếp đi tiếp tới hết con đường luôn.”

“Đi mút chỉ luôn,” Roger nói.

“Đến tận cùng thế giới luôn,” Titty tiếp lời.

“Chúng ta không được để lại dấu vết nào khi tách khỏi con đường này,” Susan nói, “vì bọn họ có thể sẽ nhận thấy.”

“Thượng sách là nhảy nhĩ,” John nói. Nói rồi cậu nhảy phóc một cái ra khỏi con đường hướng về phía khu rừng. “Rồi, đến lượt mấy đứa, mỗi đứa nhảy theo một hướng khác nhau nào.”

Cả bọn cùng nhảy, và nhờ thế mà đánh lạc hướng được cuộc truy đuổi của mọi kẻ thù khả dĩ, bọn nhỏ tề tựu lại và bắt đầu trèo xuống xuyên qua khu rừng thoải dốc. Chúng trượt chân, vấp ngã, nhưng trụ lại được nhờ bám vào mấy cành cây.

Roger nói nhỏ với Titty.

“Nhưng mấy người đốt than đó có phải là kẻ thù của mình không?” thằng bé hỏi.

“Không. Lúc này thì không,” Titty đáp lại, “nhưng dĩ nhiên, cũng có thể lắm chứ.”

“Em thích họ mà,” Roger đáp.

“Chị cũng thế,” Titty nói, “đặc biệt là con rắn. Nhưng mà cả họ và con rắn đều hung dữ như nhau à. Con rắn chứng tỏ cho thấy rồi đấy. Với lại nếu họ không phải là mọi thì họ chẳng ích gì cả.”

“Nhưng thật ra họ đâu có ăn thịt người,” Roger cãi.

“Biết đâu họ đã ăn cả trăm ngàn người rồi ấy chứ,” Titty nói.

Bọn nhỏ đi đến con lộ r ễ băng qua.

“Anh thấy nước kia,” John reo lên.

“Biển kia,” Titty cũng la to.

Trong chốc lát cả bọn đã ra khỏi rừng cây đến bờ hồ nước lớn. Chúng nhìn quanh tìm *Chim Én* thì thấy thuyền vẫn ở yên tại chỗ chúng neo ban sáng, cách chỗ cả bọn đang đứng chừng một trăm mét.

“Đúng ra thì,” thuyền trưởng John nói, “mình phải đánh dấu suốt quãng đường đi lên kia, để khi đi xuống mình còn chui ra đúng chỗ lúc trước. Nhưng thôi bọn mình cũng ra được chỗ suýt soát lắm r ễ.”

“Ôi, trông kia,” Susan la to, “có một chiếc thuyền của thổ dân ngay gần hòn đảo của mình kia.”

John lôi viễn vọng kính ra nhìn.

“Không sao cả,” cậu nói, “nó đang đi theo hướng khác. Chắc là một ngư dân nào đó. Khi trời im ắng như vậy thì họ chỉ chèo được thuyền dọc bờ mà thả câu bắt cá chó thôi.”

“Cá mập chứ,” Roger nói.

“Đi đâu đâu tiên phải làm là,” thuyền phó Susan lên tiếng, “nhóm lửa trên bờ và ăn một miếng đã. Xong thì mình tìm củi r ễ chất lên thuyền *Chim Én*.”

“Chính xác đấy, thuyền phó,” thuyền trưởng John đáp. “Mỗi đứa một tay đi kiếm củi nào. Kiếm đủ củi để nhóm lửa lên đã, r ễ sau đấy tiếp tục kiếm củi trong khi thuyền phó đun nước.”

Thuyền phó Susan làm một chỗ nhóm lửa nho nhỏ bằng mấy phiến đá trên bãi ngay cạnh thuyền *Chim Én*. Những đũa khác nhặt nhanh cành khô do nước triều rút đi bỏ lại. Susan gom vài mớ lá và rêu khô. Con bé bỏ cả vào giữa lò r ễ dùng ít cây sậy khô từ năm ngoái chụm lại thành cái chóp be bé bên trên. Đó như là bản sao thu nhỏ túp lều của những người đốt than. R ễ khi con bé châm lửa vào đám rêu thì mấy cây sậy cháy bùng lên, trong lúc đó Susan lại tiếp tục xếp thêm một chóp nữa bên trên mấy cây sậy, lần này thì bằng mấy que củi nhỏ, tất cả chụm lại với nhau ở khúc giữa bên trên ngọn lửa. Khi mấy que củi nhỏ này bén lửa và bắt đầu nổ lách tách, con bé lại chất những cành to hơn lên trên. Chỉ trong vài phút Susan đã có được đồng lửa cháy phừng phừng. Con bé đã đặt hai hòn đá to hai bên đồng lửa, trên đó đặt ấm nước sao cho phần lớn ấm nằm trên ngọn

lửa. Con bé ngồi bên đồng lửa, luôn tay đun thêm cành củi vào để giữ ngọn lửa bùng lên bên dưới ấm nước càng nhiều càng tốt, trong khi mấy đứa kia tản ra trên bờ, lui cui gom lấy gom để củi. Củi thì nằm sẵn ra đó chỉ việc nhặt lên thôi. Không phải tìm kiếm vất vả làm gì, nên chẳng mấy chốc đồng củi đã đầy lên nhanh hơn số lượng Susan cần dùng để nấu nước sôi.

Hôm ấy trời nóng khiếp, khói từ đồng lửa bay thẳng lên trời. Dù là thế nhưng vẫn có ít khói tạt vào mắt con bé, mùi khói cay nóng xộc vào mũi. Nhưng việc ngồi đun nước có nóng cũng chẳng thấm vào đâu so với việc đi nhặt củi, vì liền sau đấy Roger nói, “Chắc nước sôi rồi đấy.” Titty quảng một ôm củi vào chõng củi đang cao dần. “Nước đang sôi phải không chị?” nó hỏi. “Nóng quá, em chẳng đi nhặt củi nữa đâu.”

“Ấm nước sẽ réo ngay thôi ấy mà,” thuyền phó an ủi.

“Réo rất như chim cu chứ gì,” Titty nói, “chỉ trừ một điều là ấm nước sẽ réo ngay khi sôi, chứ không đợi đến tháng Sáu.”

Ngay lúc đó ấm nước bắt đầu réo lên. Susan huýt còi báo cho thuyền trưởng John là bữa ăn đã sẵn sàng. “Ngồi xuống nào anh em bạn thuyền,” con bé nói với thuyền viên và bãi tàu. Tụi nhỏ ngồi phịch xuống. Thuyền trưởng John quay về nhể nhại, với bó củi to tướng trên lưng. Cậu đã gấp đôi một sợi dây dài rồi quấn quanh bó củi cột lại.

Sau bữa ăn chúng lại tản ra kiếm củi. Thuyền trưởng, thuyền viên và bãi tàu cùng đi kiếm, Susan thì lựa củi ra rồi xếp lên thuyền *Chim Én*. Nhiệm vụ của thuyền phó luôn là lo tích trữ sắp xếp hàng hóa trên thuyền mà. Chẳng mấy chốc, khi đã gom hết loại củi tốt nhất trên dọc bờ này, chúng lên thuyền, chèo dọc theo bờ rồi lại cho thuyền vào một cái vịnh, bãi trên vịnh này nâu đen một màu vì đầy đặc cành khô. Thuyền *Chim Én* chẳng mấy chốc đầy những củi đến mức chẳng còn đủ chỗ cho thuyền viên nữa.

“Thuyền không chở thêm được nữa đâu,” thuyền phó nói.

“Thuyền đã chìm xuống ngang mức trọng tải cho phép rồi,” thuyền trưởng tiếp.

“Vậy là được rồi,” thuyền phó nói, nhưng ngay lúc đó Titty tiến ra, lôi theo sau nguyên một cái cây nhỏ chết khô bị bão đánh tróc gốc hồi mùa đông trước. Cây này khô cong làm củi thì quá ngon lành nên chẳng đứa nào muốn bỏ nó lại.

“Bọn mình sẽ phải chở nó như là hành lý để trên boong thôi,” thuyền trưởng John bảo.

Thuyền *Chim Én* giờ đây đã chất đầy hàng nặng trĩu đến nỗi tụi nhỏ phải khó khăn lắm mới đẩy nó ra khỏi bờ được. Thuyền phó ra lệnh cho Titty và Roger lên tàu, rồi bảo hai đứa ra ngỗ phía đuôi tàu. Rồi con bé và thuyền trưởng cởi giày cởi vớ ra, mỗi đứa một bên, kéo thuyền *Chim Én* ra cho đến chỗ nó nổi trên mặt nước. Giẫm bước lên đá sỏi mà không giày không vớ thì khó chịu thật, nhưng được cảm nhận làn nước thì thoải mái vô cùng.

“Em cũng muốn tháo giày và vớ ra luôn,” Roger nói.

“Giờ thì không được,” thuyền phó bảo.

“Ráng đợi đến lúc mình về đến đảo Mèo Hoang đi,” thuyền trưởng vừa nói vừa lội bì bõm vào bờ để lấy cái cây của Titty. “Ở đó em tha hồ cởi giày vớ ra, rồi giúp anh chị dỡ hàng xuống. Và rồi anh em mình đi bơi trước khi ăn tối.”

Trong lúc đó, Titty và Roger trèo lồm cồm qua hàng hóa để đến ngỗ mũi tàu. John mang cây đến, rồi nhờ Susan giúp đặt cây thẳng bằng ngay giữa thuyền, hai đầu cây thò ra hai bên. Rồi cậu và Susan lên thuyền. Chèo ở giữa thì không được rồi, vì trên boong có hàng. Thuyền trưởng John phải cẩn thận lôi ra một mái chèo, rồi khoát nước từ phía đuôi tàu.

“Cũng may là không có gió,” thuyền phó vừa nhận xét vừa đưa mắt nhìn mặt nước vốn cách mép thuyền chẳng xa.

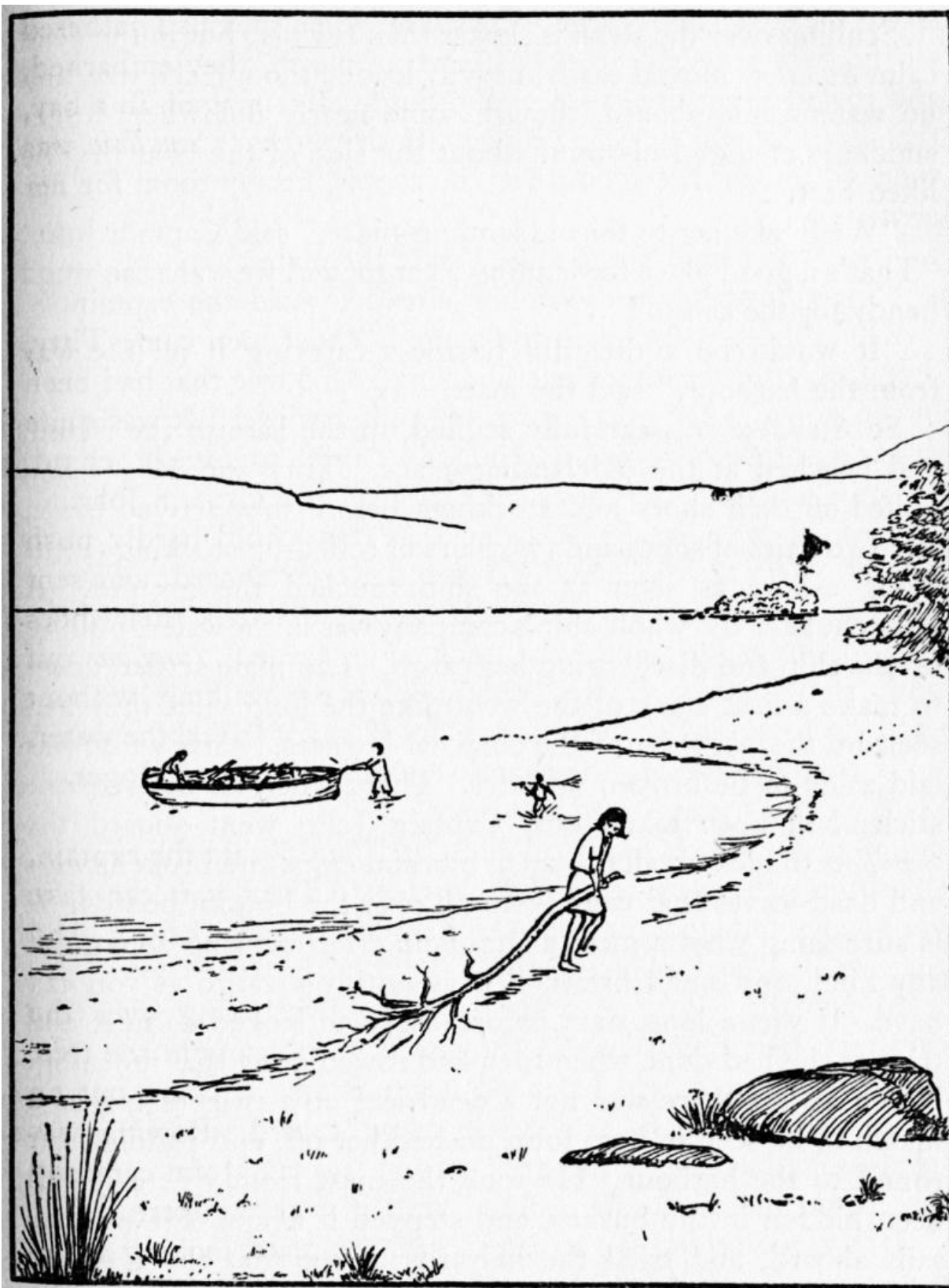
Chèo khoát nước từ đuôi thuyền chậm hơn chèo từ giữa nhiều, nhưng khi trời yên biển lặng thì thuyền *Chim Én* di chuyển dễ dàng, dẫu đã chất nặng trĩu hàng hóa, nước không tràn lên thuyền, dù cũng có tí nước suýt nữa tràn vào khi Roger đột nhiên nổi hứng đổi ý về mạn thuyền nào mình thích hơn.

“Mình sẽ chèo đến bến cũ nhé,” thuyền trưởng John nói. “Đó là chỗ thích hợp để dỡ hàng xuống, vớ lại cũng để đem củi về trại cho gầy.”

“Khiêng củi từ tít cảng lên chắc chết mất,” thuyền phó đồng ý.

Thế là thuyền *Chim Én* cứ thận trọng khỏa nước ngược hồ lên phía đảo, rồi cập ngay tại bến cũ. Titty và Roger đã tháo giày và vớ ra trước khi đến nơi, hai đôi giày vớ hai đôi vớ cuộn lại bay vèo lên bờ ngay khi thuyền chạm đất. Một lúc sau mọi người trên tàu đều đã ở dưới nước,

cùng kéo thuyền lên rồi dỡ củi xuống. Thuyền phó bắt tay vào sắp củi cho gọn gàng như mấy đống củi dài bọn chúng nhìn thấy trong lều những người thợ đốt than. Cây củi của Titty được đặt một bên để chặt ra sau. Rồi, sau khi tất cả những khúc củi tương đối đều đã được lấy xuống, thuyền trưởng John lên thuyền *Chim Én* nhặt hết những mảnh vụn, cành gãy, lá khô vương vãi khắp đáy thuyền. Tàu thuyền thường cứ bữa bọn đến không ngờ sau khi chuyên chở bất cứ một loại hàng hóa nào, mà củi vụn là loại hàng hóa lộn xộn nhất. Phải mất một lúc lâu thuyền *Chim Én* mới trở lại gọn gàng sạch sẽ như khi mới xuất phát sáng hôm ấy. Khi trên thuyền không còn bất kỳ một chiếc lá khô hay cành củi nào dù nhỏ như que diêm còn sót lại, John đẩy thuyền ra, chèo vòng vào cảng. Cậu lấy cột buồm giấu trong bụi rậm ra rồi dựng lên. Cậu giương buồm, thử kéo dây néo xem mấy con lặn trên cột buồm có hoạt động tốt không. Thực ra làm vậy gió cũng chẳng lên mà thuyền *Chim Én* cũng chẳng thể nào căng buồm ra khơi ngay được. Rồi cậu đi băng qua cây cối về nhập bọn với thủy thủ đoàn của mình ở đầu kia hòn đảo.



CHẤT CỬ LÊN THUYỀN

Cả bọn đã xếp củi xong xuôi, gần ngay bên chỗ nhóm lửa Susan đã chắt một đồng mảy hòn đất.

“Đồng kia để làm gì vậy?”

“Để giữ lửa, giống như những người thợ đốt than làm ấy,” Susan đáp. “Tối nay em sẽ thử làm theo xem.”

John đi tiếp vào trong lều.

Cậu bỗng đứng sững lại.

“Có kẻ đã vào đây.”

Ngay chính giữa cửa lều cậu là một cái cây cắm phập trên mặt đất, kẹp trên đầu cây là mảnh giấy trắng gấp lại.

Mấy đứa kia chạy ù vào. John mở mảnh giấy ra. Viết trên đấy là mấy dòng chữ rành rọt to tướng:

“Đến để nhắn với tụi mày rằng khôn hồn thì để cho nhà bè của tao yên. Một lần là quá đủ rồi đấy. Không đùa đâu.”

James Turner.”

“Nhưng mà mình có động đến nhà bè của hắn đâu,” Susan thốt lên.

“Tất nhiên là không,” John nói.

“Cái đồ yêu quái,” Roger rửa.

“Cái thuyền lúc nãy mình thấy chắc chắn là thuyền của hắn rồi,” John nói, “thuyền mà anh tưởng là ngư dân nào đó ấy. Đầu tiên hắn đi rêu rao với đám thổ dân rằng bọn mình quấy hắn. Rồi giờ thì hắn lên vào lều mình khi mình không có ở đây...”

“Lẽ ra chúng ta nên đi cùng đám Amazon mà đánh đắm thuyền hắn ngay cho rồi,” Titty nói. “Đó là đi đầu nên làm. Mình lấy châu báu ra rồi đánh chìm hoặc đốt rụi con thuyền. Mình giữ lại con vệt cũng được.”

“Mình nên làm gì đây nhỉ?” Susan hỏi.

“Phải triệu tập cuộc họp với đám cướp biển Amazon,” thuyền trưởng John nói. “Tụi đó biết hắn. Hắn là kẻ thù của tụi nó, và giờ cũng là kẻ thù của ta nữa.”

“Hay bọn mình chèo quanh thuyền hắn mà gào lên ‘Thuyền trưởng Flint chết đi’ đi,” Titty đề xuất. “Để hắn biết mình nghĩ thế nào về hắn.”

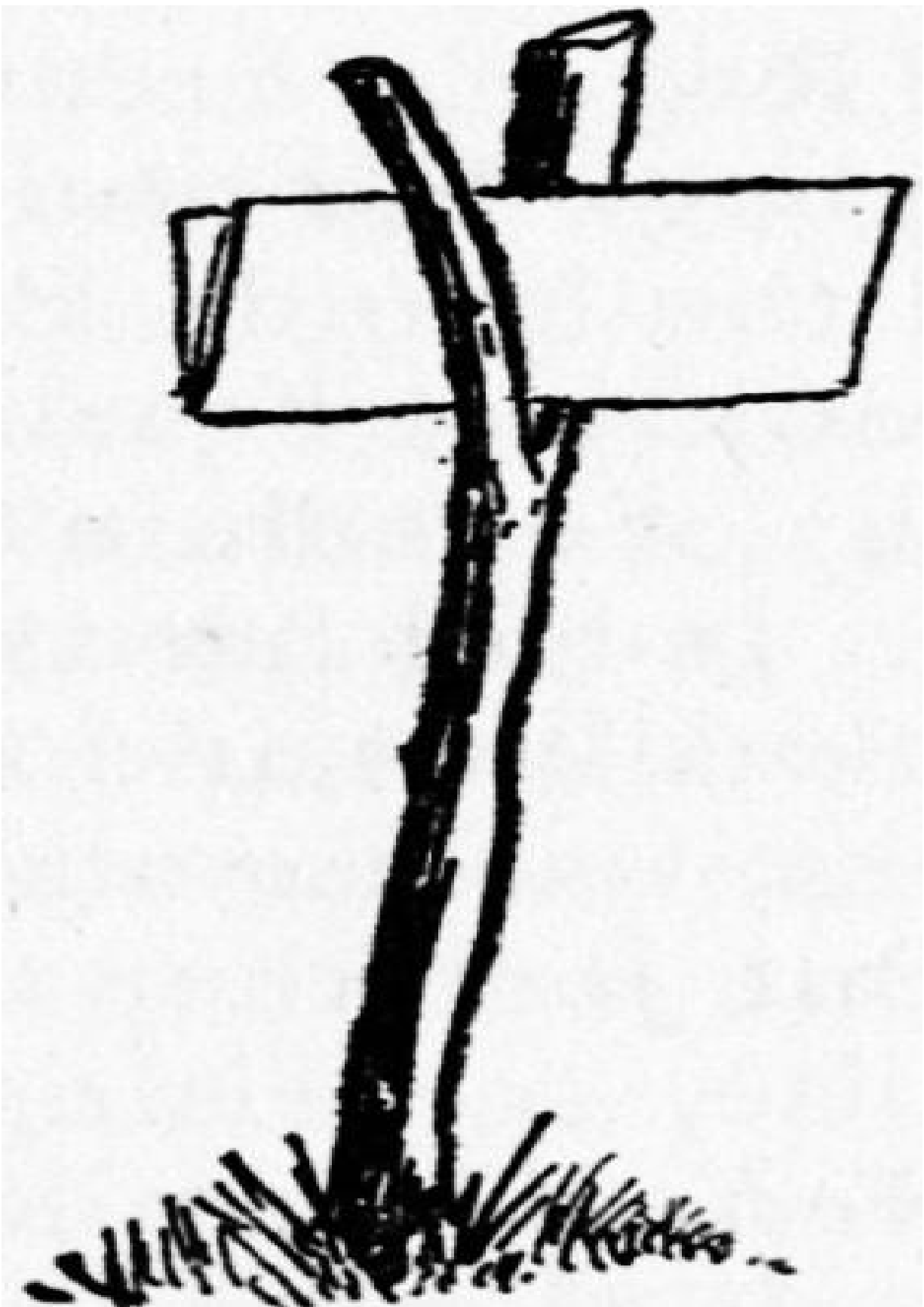
“Bọn mình sẽ không làm gì hấn hết,” thuyền trưởng John nói. “Bọn mình thậm chí sẽ chuyển lời nhắn của những người đốt than cho hấn nữa... lời mà họ nhờ mình chuyển cho đám Amazon ấy. Ước gì có gió nhỉ. Mình không thể chạy tới gặp tụi kia được mà tụi nó cũng chẳng thể chèo thuyền tới chỗ mình. Anh không biết phải làm gì đây nữa.”

Cậu đọc lại lá thư. Rồi lần lượt Susan và Titty đọc.

“Hấn thậm chí còn không ký tên thật kìa,” Titty nhận xét. “Chúng tỏ hấn mưu tính trò gì đây.” Con bé chạy sang lều kia rồi trở ra cùng cây bút chì. “Mình ghi tên đúng của hấn vào đi,” nó bảo. Susan đưa lá thư ra và sau hai chữ “James Turner” Titty viết thêm mấy chữ “Thuyền trưởng Flint” còn to hơn nữa.

“Giờ thì mình không thể làm được gì cả,” thuyền trưởng John buồn buồn nói. “Thôi, đi tắm thôi.”

Trong vòng vài phút, cả thủy thủ đoàn thuyền *Chim Én* đã vùng vẫy thoải mái quanh bãi cập bến. Lá thư của thuyền trưởng Flint bị quên mất trong nước, nhưng thuyền trưởng John nhớ đến nó từ trước khi người ngọm cậu khô ráo trở lại. Suốt bữa ăn tối cậu dường như không để ý nghe gì khi cả đám còn lại trò chuyện nhao nhao về con rắn và những người đốt than. Việc cuối cùng cậu làm trong đêm ấy là đi lên trạm quan sát. Mặt trời lặn xuống trên nền trời quang đãng phía sau đường nét sắc cạnh của dãy đồi phía Tây. Sao trời hiện ra phản chiếu trên mặt nước tĩnh lặng. Chẳng có dấu hiệu của một ngọn gió nào. Cậu lại đi xuống chỗ cắm trại, thay quần áo ngủ và chui vào trong chăn đặt trên cái túi ngủ bằng rơm. Roger trong túi ngủ ở giường rơm của nó đã yên giấc từ lúc nào. John nghe thấy tiếng Susan, “Chờ nửa phút hẵng tắt đèn nhé. Em cần làm ấm đồng đất đắp trên lửa.” Cậu nghe tiếng nước xèo xèo trên tro nóng. Rồi cậu lại nghe tiếng Susan quay vào trong lều. “Xong xuôi,” con bé nói. “Rồi. Ngủ ngon nhé. Tắt đèn đây,” cậu đáp, rồi thổi tắt đèn. Mãi cậu chẳng ngủ được, rồi cuối cùng khi chợp mắt được thì những lo ngại về thuyền trưởng Flint lại len lỏi cả vào giấc mơ của cậu.



15

Thuyền trưởng John đi gặp thuyền trưởng Flint

VIỆC đầu tiên John làm khi vừa thức dậy là lắng nghe. Cậu nghe thấy tiếng thở đầu đầu của Roger đang cuộn tròn đầu đó trong tấm chăn bên túi cỏ bên kia. Cậu nghe thấy cả tiếng chim hờn tước như đang tranh cãi với một loài chim khác trên đảo. Nhưng cậu không hề nghe thấy tiếng lá cây lay động. Không một tiếng nước vỗ vào bờ. Lại một ngày tĩnh lặng như tờ nữa. Cậu trở người qua nhìn cái phong vũ biểu. Nó chẳng nhích đi đâu. Thôi rồi, lại một ngày không có gió, đám nhỏ Chim Én và Amazon lại bị tách biệt nhau hàng bao hải lý những nước là nước không gió máy vô tích sự. Cậu phải làm gì với thuyền trưởng Flint đây? Chợt ngay lúc đó cậu nghe thấy một tiếng động làm cậu ngơ ngác, âm thanh nhỏ thôi, nhưng bất ngờ, bất định. Là tiếng lửa nổ lách tách. Cậu hít hít vào. Cậu cũng ngửi thấy mùi lửa nữa, cái mùi hăng hắc nhưng dễ chịu cứ ám khắp khu trại của những người thợ đốt than. Cậu trườn ra khỏi chăn, rồi bước ra khỏi lều, tay dụi dụi mắt xoa đi cơn ngái ngủ. Đụn đất thuyền phó đắp đêm qua đang bốc khói nghi ngút. Một vài cục đất đã rơi vào trong. Vài cục đã cháy đen. Nhưng ở ngay giữa thì lửa vẫn cháy âm ỉ, nghe như tiếng chim mới thức dậy.

“Ơ này thuyền phó,” thuyền trưởng kêu to. “Lò lửa của em vẫn còn cháy kìa.”

“Gì ạ?” Susan bước ra khỏi lều, mặt vẫn còn ngái ngủ.

“Dậy đi, ra đây coi lò lửa của em này. Nó cháy nguyên đêm qua đấy.”

“Thật không? Hay nhỉ,” Susan reo. “Em cứ lo mình làm đất ẩm quá.”

“Ra đây mà xem này.”

“Tới ngay,” thuyền phó nói. “Anh lấy nước giùm được không? Đem qua em dùng hết nước trong ấm để làm ấm đất giữ lửa rỗi.”

John vớ tay lấy ấm nước, đi thẳng xuống bãi cập bến. Cậu nhúng cái vôi dưới nước, để nước chảy từ từ vào trong ấm qua lỗ vôi thay vì qua miệng ấm bên trên. Nếu cậu cứ nhúng cả ấm nước xuống thì nước cũng sẽ chảy vào thôi, cuốn theo đủ thứ cặn bẩn lênh bênh ở ngoài. Còn nhúng vôi như thế này, cậu chỉ lấy nước từ dưới bề mặt. Đến lúc cậu quay lại với một ấm đầy nước, Susan đang hì hụi nhen lại lửa, kéo những lớp đất cháy còn sót lại sang một bên, đút thêm củ mới vào lửa đỏ bên dưới.

Titty đang ở trong lều ló mặt nhìn ra.

“Mình ráng giữ lửa này cháy hoài cháy mãi đi,” con bé nói. “Mình để nó cháy, hết đời mình luôn, rỗi đến đời con mình, rỗi cháu mình nữa. Giống như ngọn lửa trong đền thiêng của thổ dân không bao giờụi tắt đi ấy.”

“Chắc trong mấy cái đền người ta dùng đèn dầu rỗi,” Susan nói. “Trong nhà thờ họ cũng dùng cái đó mà. Còn đây là lửa thiệt.”

“Ờ nhưng mà nó cũng có tắt đi đâu,” Titty nói, vẫn chưa tỉnh ngủ hẳn.

Lửa bùng lên nhanh chóng, Susan bắc ấm nước lên trên.

“Em nghĩ cứ để ấm nước đó trong khi đi bơi cũng được,” con bé nói.

“Đi nào Roger,” thuyền trưởng John vừa nói vừa chui vào trong lều lòi chần mền ra khỏi người nó, “để coi em bơi thế nào nào, hai chân chạm đáy ấy.”

“Có một chân thôi,” Roger nói, “mà không phải lúc nào cũng thế đâu.”

Hai phút sau, cả bọn Chim Én đã ngụp lặn dưới nước.

“Thử bơi ngửa coi nào,” John bảo.

“Không được mà,” Roger đáp.

“Dễ lắm. Đứng trong nước như thế này này, rỗi ngửa người ra. Rỗi để hai tai chìm dưới nước.”

Roger ngửa người ra.

“Tai ngay dưới mặt nước,” John nói.

“Dưới nước rỗi,” Roger đáp.

Ngay khi nó đáp lời, nước bắn lên tung tóe, rỗi Roger mất tiêu. Rỗi nó lại trỗi lên ngay, phun nước phì phì.

“Em không để chân dưới đáy được,” thằng bé càu nhàu. “Nó cứ tự nhiên nổi lên à.”

“Anh biết là nó sẽ nổi,” John nói. “Nếu em không gập người lại thì em đã nổi rồi.”

Titty đang bơi quanh hai đứa như con chó, quạt quạt hai tay hai chân, không phải theo từng cặp một, mà là tay này rồi chân kia. “Thử lại đi Roger,” con bé bảo.

“Giờ anh đặt tay anh dưới ót em nhé, để mồm em không bị chìm xuống dưới nước,” John nói.

Roger lại nằm ngửa ra, tựa đầu lên tay John. Nó ráng dìm hai tai xuống nước, vậy mà chân nó vẫn nổi lên.

“Đạp chân đi,” John bảo. “Đạp giống như ếch ấy. Đạp lần nữa. Em đang bơi kìa. Giỏi lắm.”

“Em bơi ngửa được rồi đó,” Titty nói, trong khi Roger vùng vẫy đứng lên.

“Biết mà,” Roger nói. “Xem em này.” Thằng bé lại ngửa người ra hướng vờ bờ, để hai tai chìm dưới nước, rồi đạp thật mạnh. Đạp được ba sải thì nó lại chạm đất. Nó bơi được những ba mét là ít.

Nhưng thuyền phó Susan thì không kịp trông thấy Roger bơi. Con bé chỉ mới bơi được vài ba phút đã chạy về lều để mặc đồ và hong khô tóc, với lại canh lửa canh nước nữa. Rồi còn phải luộc trứng, cắt bánh mì và bơ. Công việc của một thuyền phó quả thật không đơn giản chút nào, khi phải lo ăn cho cả một thủy thủ đoàn đói meo. Roger nhìn quanh tìm Susan, lội bì bõm lên bờ, vừa chạy vừa nhảy căng lên trại mà khoe với Susan là mình mới bơi ngửa được.

“Em bơi được thật à?” thuyền phó hỏi.

“Vâng thưa sếp,” thằng bé hớn hởi. “Đạp ba sải nhé, không chạm đầu hết. Chị xuống đó đi, em bơi lại cho chị xem.”

“Giờ thì không được,” thuyền phó bảo. “Em cũng lau khô người rồi giúp chị chuẩn bị bữa sáng đi. Đến trưa rồi mình lại đi bơi, lúc đó em bơi cho chị xem. Giờ thì đi đi, em lấy giúp chị cái phong vũ biểu trong lều thuyền trưởng ra đây.” Thằng bé nhanh nhẩu đem ra. “Này!” Susan gọi lớn khi Roger nhảy căng lên bỏ chạy. “Đem bình sữa xuống thuyền *Chim Én* nhé. Tối giờ phải có người qua nông trại rồi.”

John và Titty đi qua đất liền để lấy sữa ở nông trại nhà bác Dixon. Trong khi đó Roger và thuyền phó đã chuẩn bị sẵn sàng bữa sáng vừa lúc hai đứa kia quay về.

Sau bữa sáng John triệu tập cuộc họp lần hai.

“Vẫn là chuyện về thuyền trưởng Flint,” cậu nói.

“Đi đánh đắm thuyền hắc nào,” Titty reo lên.

“Bà con im đi cho,” thuyền phó ra lệnh.

“Không phải chỉ là về bức thư của hắc đầu,” thuyền trưởng John nói, “mà về chuyện những người thợ đốt than đã nói cơ. Mấy đứa thấy đó, hôm nay vẫn không có gió. Chúng ta không thể gặp được đám Amazon hôm nay rồi, bởi vậy mình cũng không chuyển lời cho chúng được. Đi đâu đó có nghĩa là cái gã nhà bè...”

“Tức là thuyền trưởng Flint...” Titty nói nhỏ.

“Này thuyền viên Titty, em có im không thì bảo?” thuyền phó quát lên.

“Có nghĩa là hắc sẽ không biết chuyện mà những người thợ đốt than muốn nhắc cho hắc biết. Mấy đứa có nghĩ là mình nên nói cho hắc mà không cần đợi bọn Amazon không? Mấy đứa hiểu không,” John nói tiếp, “thực ra thì chỉ là chuyện của mấy người dân vùng này thôi. Chẳng liên quan gì đến bọn mình cả, cho dầu hắc có là hung thần và nghĩ là bọn mình đã phá nhà bè của hắc đi nữa. Bọn mình không có phá với lại bọn mình cũng đã liên quân với bọn Amazon để chống lại hắc rồi, nhưng cũng thế cả thôi, cái chuyện với dân bản xứ này, nếu mà không nói cho hắc biết cũng không được. Lẽ ra chúng ta đã chuyển lời cho bọn Amazon rồi. Nhưng mà tội nó không có ở đây, nên anh nghĩ chúng ta nên tự nói với hắc vậy.”

“Liệu bọn Amazon có nói cho hắc biết không nhỉ?” Susan bắn khoăn.

“Chắc chắn sẽ nói thôi. Bọn nó sẽ không thích ai khác đột nhập vào nhà bè của hắc đâu, nhất là khi bọn nó muốn tự mình đột nhập vào đó. Mà trước đây tội nó đã vào rồi, để lấy cái lông chim màu xanh đấy. Anh đã nghĩ mãi, và anh biết chắc tội nó sẽ không muốn dân trong vùng đột nhập nhà bè đâu. Vì thế anh sẽ đi nói với hắc.”

“Nhân tiện anh có thể tuyên chiến với hắc luôn.”

Thuyền trưởng John tươi tỉnh lên. “Ừ nhỉ,” cậu nói, “anh sẽ tuyên chiến luôn. Bọn Amazon chắc chắn là hài lòng cho xem. Đúng đó. Anh sẽ nói cho hắc biết chuyện những người thợ đốt than đã nói. Chuyện đó

không dính dáng đến mình. Toàn là chuyện của mấy người vùng này thôi mà. Rồi anh sẽ nói với hắn là bọn mình chưa từng bén mảng đến gần thuyền của hắn. Rồi anh sẽ thông báo là bọn mình tuyên chiến với hắn và rằng chúng ta sẽ làm hết sức mình để đấu với hắn.”

“Phải để hắn tự xem lại mình,” Titty lên tiếng. “Nói thế mới chuẩn.”

“Dẫu sao đi nữa mình cũng phải chuyển lời nhắn cho hắn,” Susan kết luận. “Chúng ta đã hứa là sẽ làm, em cũng đã thắt gút lên khăn tay cho mấy người thợ đốt than thấy rồi. Thế tức là giữ lời hứa. Vậy tất cả chúng mình cùng đi à?”

“Anh sẽ đi một mình,” thuyền trưởng John đáp, “để hắn biết đây không phải là một cuộc tấn công. Hắn sẽ biết chỉ là một cuộc hòa đàm thôi.”

Và thế là vào ngày lặng gió thứ hai thuyền trưởng John lại cất cột cất buồm trên thuyền *Chim Én* đi. Chỉ có đi đầu lần này cậu chèo theo hướng Bắc thay vì hướng Nam, và đi có một mình. Cậu không muốn đi đâu, vì cậu vẫn lo không rõ bọn Amazon sẽ nghĩ gì, vì dẫu sao đi nữa thì lời nhắn này dành cho tụi nó kia mà. Với lại cậu không thích đi chuyển lời đến kẻ thù, kẻ đã từng khuấy động người trong vùng chống lại bọn cậu một cách sai trái như thế. Cậu vẫn còn nhớ những gì bác Dixon đã nói. Hơn nữa, cậu liệt kẻ thù này vào loại đốn mạt vì hắn đã lén vào khu trại khi đoàn Chim Én không có đấy. Mà thôi, lời nhắn vẫn ở đấy, lời của những người bản xứ với nhau. Nếu không chuyển lời thì sẽ khó chịu hơn nhiều. Dẫu sao thì chuyển lời chỉ một loáng là xong thôi mà. Thuyền trưởng John vẫy vẫy tay khi cậu chèo thuyền ngang qua nơi cắm trại, và cậu tập trung chèo, đầu đặn, những sợi chèo dứt khoát, linh hoạt giật nảy mỗi khi cậu nhấc bổng mái chèo lên khỏi mặt nước.

Cậu không tốn quá nhiều thời gian để đến được mũi phía Nam vịnh Nhà Bè. Cậu chèo thuyền cua vòng, ngoái nhìn lại sau lưng để chắc chắn mình hướng thẳng đến nhà bè, rồi nhìn qua đuôi thuyền *Chim Én* sang bờ hồ đối diện. Ngay bên kia đuôi thuyền ở bờ hồ đối diện là một căn chòi màu trắng. Trên sườn đồi bên trên căn chòi là một hàng thông cao vút. Cậu chọn lấy một cây chùng như là ngay phía trên ống khói của căn nhà. Căn chòi cùng cây thông này sẽ giống như hai điểm mốc dẫn vào bến thuyền trên đảo Mèo Hoang. Chùng nào mà cây thông thẳng hàng với căn chòi nhìn từ phía đuôi tàu, thì cậu biết chắc mình đang đi đúng hướng, nhắm

thăng vào nhà bè. Cậu cho rằng không phải nhìn quanh nhìn quất để nắm rõ phương hướng là một vấn đề danh dự.

Cậu lại ráng sức chèo, những nhát chèo dứt khoát, không vội vã mà giữ nhịp đều như đồng hồ. Mái chèo không được vung nước tung tóe khi tiếp nước là một vấn đề danh dự nữa. Phải, cậu đang chèo thuyền rất thuần thục. Nhưng trong lúc đó cậu lại mãi nghĩ đến việc mình phải nói gì với gã nhà bè. Lời nhắn là chuyện của dân bản xứ, không phải thật, nên gọi gã nhà bè là thuyền trưởng Flint sẽ không ổn cho lắm. Chỉ gọi thế sau này lúc tuyên chiến thôi. Cậu sẽ phải mở đầu bằng cách gọi hắn là bác Turner. Rồi còn cái lời nhắn thô lỗ của hắn nữa chứ. Chuyện này sẽ được đề cập trong phần nói chuyện với thuyền trưởng Flint vậy. Ừ vậy đi. Việc đầu tiên sẽ là chuyển lời nhắn của những người thợ đốt than. Rồi, khi những chuyện với dân bản địa được giải quyết xong, cậu sẽ đề cập đến mẫu tin nhắn, và tuyên chiến với hắn.

Đột nhiên cậu nghe thấy tiếng quang quác của con vệt, kèm theo tiếng quất, khá gần.

“Coi chừng kia! Mày đang đi đâu đấy?”

Thuyền trưởng John vội chèo giật ngược lại mà nhìn quanh. Cậu đang ở cách nhà bè chừng chục mét. Cậu kéo chèo bên phải, tay trái chèo ngược nước, để quay thuyền *Chim Én* lại. Rồi, nhẹ nhàng chèo ngược lại bằng cả hai mái chèo, cậu đưa toàn bộ con thuyền, đuôi thuyền hướng về trước, đến gần nhà bè hơn.

Gã nhà bè đứng trên boong thuyền, đang hạ một túi hành lý to kèn càng xuống chiếc ghe buộc bên hông. Trên mũi ghe là một lồng chim lớn có con vệt xanh. Gã nhà bè, trong bộ trang phục khá bảnh, đang hạ hành lý xuống đuôi ghe. Một chiếc xe đang đứng chờ trên đường, ngay bờ sát đầu vịnh nhỏ. Rõ ràng con vệt và gã nhà bè sắp đi đâu đó.

John đang định mở miệng chào “Chào bác,” hoặc là gì đấy, nhưng gã nhà bè đã lên tiếng trước.

“Này,” hắn nói, “có tìm thấy mẫu tin nhắn tao để lại trên bãi cắm trại của mày hôm qua không?”

“Có ạ,” John đáp.

“Có đọc được không?”

“Có ạ.”

“Đọc chưa?”

“Rồi ạ.”

“Thế, tao nói là làm đấy nhé. Tao đã bảo chúng mày để nhà bè tao yên cơ mà, thế mà ngay sáng hôm sau mày lại mon men đến gần. Tao nói một lần là đủ lắm rồi. Cần mái chèo rồi biến khuất mắt tao. Nhanh. Đừng bao giờ bén mảng đến đây nữa.”

“Nhưng mà...” John nói.

“Còn nữa, nếu chúng mày còn pháo hoa, tốt nhất là thả hết xuống hồ cho tao. Còn nếu nhất thiết phải đốt, thì ra đằng mà đốt.”

“Nhưng cháu không có,” John nói.

“Pháo hoa ấy là cái cuối rồi chứ gì? Hừ, thiệt hại vậy là đủ lắm rồi. Thế mày có muốn ai đó đến đốt pháo hoa trên thuyền của chúng mày rồi làm cháy hết buồm hay gì ấy không? Nhìn cái bãi chiến trường tụi mày gây ra trên mái của tao kìa.”

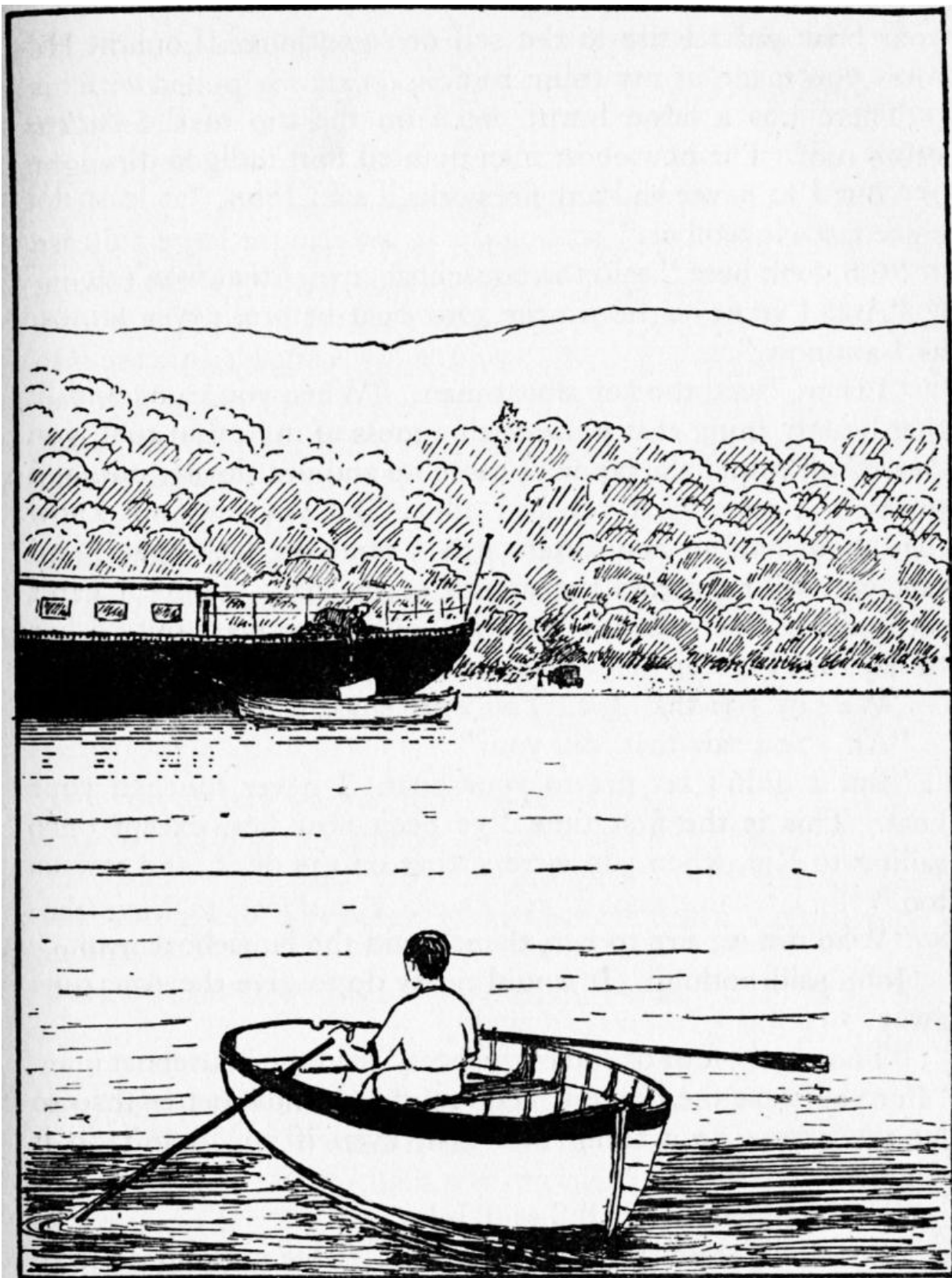
Trên nóc ca bin cong cong có một khoảng cháy sém to đùng. Vừa nói, gã nhà bè vừa chỉ lên đấy đầy phần nộ.

“Nhưng cháu chẳng có cái pháo hoa nào hết ạ,” John nói, “ít nhất là từ tháng Mười một năm ngoái kia.”

“Ồ hay,” gã nhà bè bảo, “không thể nào.”

“Mà trước giờ chúng cháu cũng chưa từng đến gần thuyền của ông, chưa bao giờ gần như bây giờ cả.”

“Nghe này,” gã nhà bè nói. “Khi chúng mày đến đốt cái thứ quỷ quái đó, làm mái ca bin thuyền tao tan hoang, thì chúng mày biến đi quanh cái mũi kia kìa. Tao phải leo lên dập lửa, tao đoán ra được ngay chúng mày đã làm gì. Nhưng chúng mày có lẽ không biết là chỉ chừng nửa giờ sau đó, tao lại lên boong, bắt gặp tụi mày đang chèo ngay qua cửa vịnh nhé. Mày tưởng nhìn thuyền mà tao không nhận ra sao? Hôm nay thì mày tháo cột buồm đi, nhưng tao đã trông thấy thuyền chúng mày nhiều lần rồi, mày trên thuyền nữa.”



THUYỀN TRƯỞNG JOHN LUI THUYỀN

“Chúng cháu có thấy ông hôm đó. Ông giờ nắm đấm về phía chúng cháu.”

“À. Cái đấy thì mày có thấy à?”

“Nhưng cháu không hề đốt pháo trên thuyền ông. Cháu chưa từng động đến thuyền của ông. Đây là lần đầu tiên cháu đến gần như thế này, trừ có một lần chúng cháu chèo đến vịnh Rio, khi ông đang ngủ trên boong, và lần đó ông cũng thấy chúng cháu đấy.”

“Nếu vậy đứa nào là đứa phóng hỏa thuyền tao?” gã nhà bè hỏi.

John không đáp. Khai ra đám Amazon thì không phải chút nào.

“Chúng mày có bốn đứa trên thuyền,” gã nhà bè nói. “Nhưng mày là đứa lớn nhất. Mày chắc phải biết không được để mấy đứa kia làm chuyện như thế, dù mày không tự ra tay đi nữa.”

“Chúng cháu chẳng đứa nào làm đâu ạ,” John trả lời.

“Cút,” gã nhà bè quát lên. “Tao không còn gì để nói nữa.”

“Nhưng cháu đến để nói với ông rằng...”

“Biến ngay,” gã nhà bè lại quát. “Tao không muốn nói với những kẻ dối trá.”

“Nhưng...”

“Cút ngay, nhớ đừng bao giờ bén mảng đến gần nhà bè của tao nữa.”

John nghẹn họng. Mặt cậu đỏ bừng bừng, cậu cứ đứng như trời trồng trên thuyền.

“Đi ngay,” người đàn ông lại hét lên. “Tao không rảnh nhé.”

John ngửi xuống và chèo thuyền ra khỏi vịnh. Lần này cậu chèo cật lực, khua chèo không được nhịp nhàng nữa. Cậu quên bém cung cách hàng hải. Khi đưa được thuyền *Chim Én* trở lại bãi cập trên đảo Mèo Hoang thì cậu đã hụt hết cả hơi và người nóng phừng phừng.

Mấy đứa kia đang đứng đợi cậu ở đó.

“Anh có thấy con vệt không?” Titty hỏi tới tấp.

“Hắn nói gì khi anh chuyển lời nhắn cho hắn?” Susan hỏi.

“Anh có lên trên nhà bè không?” tới phiên Roger.

“Anh chẳng chuyển được lời nhắn cho hắn,” John nói. “Hắn không để cho anh nói.”

“Vậy anh có tuyên chiến với hắn không?” Titty hỏi.

“Không,” John đáp. Cậu vừa nói vừa lôi thuyề *Chim Én* lên bờ.

“Hắn gọi anh là thằng nói láo,” cậu nói, rồi lui thủ đi lên đài quan sát. Máy đưa kia ngẩn ngơ nhìn nhau, nhưng không đi theo cậu.

“Em luôn bảo mình nên đánh đấm căn nhà bè đi mà,” Titty thở dài.

16

Tiệc sinh nhật

SAU độ nửa giờ đồng hồ ở trên đài quan sát, thuyền trưởng John đã bình tâm trở lại. Rốt cuộc, nếu không được bọn Amazon giúp sức thì chẳng việc gì liên quan đến thuyền trưởng Flint được xử lý ra hồn cả đâu. Hẳn là bác của bọn chúng, chứ có phải của đám Chim Én đâu nào. Mà nếu nhà Chim Én có bác thì ông bác này phải khác hẳn kia. John đã tính đến chuyện viết một lá thư cho gã nhà bè, nhưng cậu không giỏi vụ viết lách. Susan còn tệ hơn. Titty thì giỏi vụ này, nhưng Titty sẽ không chịu viết cái thư theo kiểu tui nó cần. Bực bội cái ngày trời lặng gió quá đi. Giá như có gió và cơ hội gặp đám Amazon trước thì John đâu phải tự mình đi chuyển lời đến thuyền trưởng Flint làm gì, rồi chuyện khó chịu sẽ không xảy ra. Nhưng những ngọn đuốc cao ở mạn trên của hồ khiến cho cậu thấy chuyện về gã nhà bè chẳng đáng là gì. Những ngọn đuốc này có mặt trước cả thuyền trưởng Flint. Và chúng sẽ vẫn ở mãi đấy. Chẳng biết do đâu, nhưng đi đâu này cũng an ủi được phần nào. John vui vẻ trở lại và quyết định rằng hôm nay mà bơi quanh đảo thì sẽ rất tuyệt.

Cậu đi xuống trại.

“Susan,” cậu kêu, “hôm nay đẹp trời bơi vòng quanh đảo được đó.”

“Anh có chắc mình bơi được không đấy?” Susan đáp.

“Anh sẽ thử,” John nói. “Nếu mệt quá thì bơi vào bờ thôi.”

Mấy đứa còn lại chạy xuống bến để xem cậu xuất phát. Đầu tiên cậu bơi sải, thật nhanh và mạnh khiến nước văng tung tóe. Bơi tới bãi đá ở mạn dưới đảo dễ như không. Titty và Roger chạy tới cảng, và leo lên một mỏm đá cao để xem cậu bơi ở vòng ngoài bãi đá chắn đường lên đảo. “Hoan hô,” bọn trẻ reo hò khi thấy cậu bơi ngang qua. Sau đó, chúng lại chạy tiếp đến mạn Tây, ở đây ghềnh đá giống như bức tường dốc thẳng xuống dưới nước. John bơi dọc theo bờ đá, lúc này chuyển sang bơi ếch,

nhẹ nhàng khoan thai. Cậu bắt đầu thấy quãng đường dọc mạn Tây này rất dài.

“Tiếp tục đi,” Titty la lên.

“Tiến lên,” Roger phụ họa.

Susan từ trại đi ngược lên chỗ cây thông cao vút ở mạn Bắc, và nhìn xuống từ vách đá cao. John đã bơi gần tới trạm quan sát. Cậu bơi rất chậm.

“Anh có thể tập vào ngay đây nếu mệt,” cô bé kêu lên, “nghỉ một chút rồi bơi tiếp.”

John cố vẫy vẫy tay, nhưng hớp phải cả búng nước. Cậu lật ngửa người và thả nổi, phun nước phì phì như cá voi.

“Gần hết vòng rồi đó,” Titty la to, con bé đã chạy lên đài quan sát đứng cùng Susan.

John bắt đầu lại, dùng sức chân đạp nhiều hơn. Cậu bơi vòng qua mạn trên đảo. Cậu tiếp tục bơi ngửa. Cậu lật người lại và ngẩng đầu lên. Cậu thoáng nhìn thấy bến thuyền, *Chim Én* nằm ghềch trên bãi cát. Đầu cậu chìm xuống, thêm nhiều nước xộc vào miệng cậu. Cậu thổi phều phun nước ra. Nhưng mà bến đỗ thực ra cũng không xa lắm. Cậu xoay ngang người bơi tiếp. Chẳng biết vì lẽ gì mà hai cánh tay cậu không nhấc được lên cho, hai chân không còn sức đạp mạnh như trước.

“Anh làm được rồi,” Titty hô to.

“Cố lên,” Roger hô theo.

Một lần nữa John thấp thoáng thấy bến. Cậu phải đến đích. Đột nhiên cậu thấy mạnh mẽ trở lại. Cậu bơi về phía bờ. Cậu đã xuất phát từ phía này của *Chim Én*. Vậy đi, cậu sẽ không chạm chân xuống đáy cho đến khi bơi tới bên kia thuyền. Thêm hai sải tay nữa cậu đã chụp được bên mép mạn trái thuyền *Chim Én*, chạm chân xuống đáy, rồi bò vào bờ, vừa bò vừa ho vừa khạc nhổ vừa phun phì phì vừa run lập cập, nhưng lâng lâng cảm giác chiến thắng. Titty và Roger chạy đến chúc mừng. John hết cả hơi chẳng nói được nên lời.

“Khăn đây,” Susan nói. “Em hơi lạnh cho ấm lên rồi đó.”

Cậu choàng khăn qua vai. Cậu lần lượt chà cánh tay này rồi tới cánh tay kia. Cậu đã cảm thấy đỡ hơn.

“Ừm, anh đã nghĩ là mình làm được mà,” rốt cuộc cậu cũng lên tiếng được. Dù gì hôm nay cũng là một ngày tuyệt vời, mặc kệ chuyện với thuyền trưởng Flint.

Susan vừa nghĩ đến việc sửa soạn bữa trưa thì nghe tiếng Titty kêu to, con bé đã mang kính viễn vọng lên trạm quan sát phòng khi có chim cốc, cướp biển hoặc bất cứ thứ gì đáng nhìn.

“Một chiếc thuyền của thổ dân,” nó la lên. “Là mẹ kia. Là nữ thổ dân đấy. Bà còn mang theo thổ dân con với cả vú em của nó nữa.”

Anh em nhà Chim Én chạy cả đến trạm gác. Người phụ nữ thổ dân tự tay chèo thuyền. Bà đã đi qua vịnh Nhà Bè. Vicky và vú em ngẫ ngay đuôi thuyền. Mấy anh em Chim Én nhìn một cái rồi chạy nhanh về dọn dẹp lều trại cho ngăn nắp. Chúng trải mền phủ lên các túi cỏ khô cho ngay ngắn, rồi gấp một đầu lại. Susan chất thêm thật nhiều củi vào lò. Cũng chẳng phải làm thêm gì nhiều. Sau đó bọn trẻ chạy trở lại chỗ trạm gác. Người phụ nữ thổ dân đã đến rất gần. Chúng vẫy tay. Vú em và Vicky vẫy tay đáp lại. Người phụ nữ thổ dân thì không vẫy tay được vì bà bận chèo thuyền. Bà đưa thuyền vượt qua mạn trên đảo, lát sau đã cập thuyền vào. Bọn trẻ Chim Én đã đến đấy trước.

“Ngồi yên nhé, chị vú, cho đến khi tôi cập bờ đã,” người phụ nữ thổ dân nói.

Đám Chim Én nắm lấy thuyền kéo vào bờ. Ngay trên tấm ván bắc ngang chỗ ngẫ chèo thuyền có một cái giỏ mây to. Người phụ nữ thổ dân trèo qua giỏ.

“Chào mừng mọi người đến với đảo Mèo Hoang,” Titty nói.

“Chào mừng, chào mừng ạ,” mấy đứa còn lại cùng hô to.

Rồi cả bọn tranh nhau. Mẹ có thể là thổ dân đấy nhưng dù sao hôn bà cũng chẳng có vấn đề gì.

Nữ thổ dân đếm anh em nhà Chim Én sau khi hôn bọn chúng. “Một, hai, ba, bốn,” bà nói. “Chưa ai chết đuối cả. Tốt, vì hôm nay có người mừng sinh nhật.”

“Ai vậy? Ai vậy?” cả bọn nhao nhao. “Không thể nào là John, sinh nhật anh vừa mới đây.”

“Không, không phải John.”

“Sinh nhật con chắc?” Roger nói.

“Không,” mẹ nói.

“Là của con hả?” Titty nói.

“Không.”

“Cũng không thể nào là sinh nhật con,” Susan nói, “bởi vì sinh nhật con trùng với Tết dương lịch, trong khi giờ đang mùa hè.”

“Vậy là sinh nhật của ai?” bọn nhỏ hỏi.

“Dĩ nhiên là của Vicky,” nữ thổ dân trả lời. “Con bé được hai tuổi rồi. Thực ra em nó còn bé quá chẳng biết sinh nhật là gì đâu nên mẹ mang cho mỗi đứa một món quà vậy.”

“Còn Vicky thì sao ạ?” Susan hỏi.

“Vicky có một con cừu và một con voi. Mẹ đưa em tới cửa hàng và em nó tự chọn lấy. Thôi nào giúp mẹ đem giỏ xuống để Vicky và vú em lên bờ nào.”

“Rương nặng ghê,” Titty nói.

“Quà thì không nặng đâu nhé,” nữ thổ dân nói. “Mấy món quà nhỏ lắm.”

“Thế trong giỏ có gì vậy ạ?” Roger hỏi.

“Mấy món cho tiệc sinh nhật chứ gì nữa,” nữ thổ dân đáp.

“Hoan hô, không cần phải nấu nướng rồi,” Susan reo lên.

“A ha,” nữ thổ dân cười to. “Mẹ biết con sẽ ngấy trò nấu nướng mà. Nhưng phải nói là có vẻ con đã xoay xử rất tốt. Trong trại không có ai bị bệnh đó chứ?”

“Không ai cả ạ,” Susan đáp, “và con không thấy chán nấu ăn, nhưng được nghỉ một lần cũng thích.”

“Dĩ nhiên bọn con cũng bị nào là dịch bệnh, sốt vàng da, viêm da rồi đủ các loại bệnh trên hoang đảo chứ,” Titty nói. “Nhưng bọn con chữa trị được ngay.”

“Đúng vậy,” nữ thổ dân nói, “đừng để một cơn bệnh nào dây dưa lâu.”

Mọi người mang giỏ vào trại. Vú em ẵm Vicky lên bờ, mọi người thay phiên nhau chúc sinh nhật con bé. Vicky cần theo một con voi. Con bé dễ quên con cừu trên thuyền, lát sau phải có người xuống đem lên. Vicky thích con voi hơn con cừu vì con voi nhỏ hơn. Con cừu thì to quá nên cứ bị đặt xuống rồi quên mất.

Nữ thổ dân mở giỏ mây. Trên cùng, được gói giấy kỹ lưỡng, là một ổ bánh sinh nhật, ổ bánh to dùng với chữ Victoria vắt bằng kem màu hồng trên nền kem trắng và hai trái anh đào to đặt ở giữa, vì Vicky được hai tuổi mà. Tiếp đó là một con gà lạnh. Dưới nữa là món rau trộn đựng trong thố to. Rồi tới một cái bánh nướng quả lý gai khổng lồ rồi tới một trái dưa. Rồi tới một nải chuối to, nữ thổ dân cột nó vào một cái cây như thể nó mọc ra từ đó. “Khi nào thích ăn thì các con cứ bẻ,” bà nói.

Rồi đến hàng hóa thông thường hơn, một hộp xi rô vàng, hai hũ mứt cam lớn cùng một hộp to bánh quy mứt quả. Bánh quy mứt quả là loại bánh quy dẹp giữa có nhân mứt quả lý chua, là món của dân thám hiểm thôi. Rồi thêm ba ổ mì tươi và sáu chai bia gừng.

“Hoan hô có cả rượu nữa,” Titty reo lên.

“Nhưng mấy món quà đâu ạ?” Roger hỏi.

“Mẹ đã nói là quà nhỏ xíu thôi mà,” nữ thổ dân trả lời. “Đây quà đây.”

Bà lục dưới đáy giỏ rồi lôi ra bốn cái gói bọc trong giấy nâu, mỗi gói nhỏ cỡ như chiếc phong bì và dày gần bằng hộp diêm.

“Đêm sẽ càng tối hơn,” bà nói, “do không có trăng, nên mẹ nghĩ có lẽ các con sẽ cần đến một vài cây đèn pin. Các con không được bật đèn lâu liên tục đâu nhé không sẽ mau hết pin đấy. Nhưng có thể dùng để phát tín hiệu, hoặc tìm kiếm gì đó trong đêm...”

“Mẹ ơi,” thuyền trưởng John la lên, “làm sao mẹ đoán được là tụi con đang cần đến chúng vậy ạ? Ngay đúng thời điểm luôn.”

Mấy đứa còn lại bật đèn pin của chúng ngay lập tức, nhưng giữa ban ngày thì không ích gì. Roger và Titty chạy vào lều của thuyền phó, chui xuống tấm trải sàn để cho tối hơn.

Khi hai đứa quay ra, tay còn bận phải bần dính trên đầu gối do nền đất bên dưới tấm trải sàn khá ẩm ướt và dính bết, thì nữ thổ dân bảo, “Mẹ nhận được thư của bố, bố nhắc mẹ một chuyện. Roger bơi được chưa?”

“Hôm nay lần đầu tiên nó bơi ngửa được ạ,” John đáp. “Quạt được ba sải hân hoi. Một khi làm được động tác này rồi thì nó sẽ có thể bơi sấp dễ ợt.”

“Con biểu diễn cho mẹ xem nhé?” Roger lăm le chạy ngay xuống bên thuyền.

“Đẽ đến trước khi mẹ về đi,” nữ thổ dân nói. “Chưa phải lúc này. À, bố bảo Roger phải có riêng một con dao ngay khi bơi được, nên mẹ có mang theo đây phòng khi Roger bơi được rồi.”

Bà cúi xuống lục trong rương lần cuối và lôi ra một con dao có lưỡi dao rõ to. Roger lập tức mang dao chạy ra ngoài thử chém lên cây. “Giờ con đã có thể khắc dấu như Titty được rồi,” nó reo lớn.

“Nếu con có thể bơi ngựa và bơi sắp ba sải thì con được giữ con dao,” nữ thổ dân bảo. “Nếu không, tối nay mẹ phải đem về rồi lần tới mới lại mang ra.”

“Chắc chắn con bơi được mà,” Roger vừa nói vừa chúi chúi lưỡi dao lên bên hông quần.

“Con sẽ phải bơi cho mẹ xem kìa,” nữ thổ dân nói. “Chân không được chạm đáy đấy.”

“Một ngón chân cũng không ạ,” Roger đáp.

Rồi tiệc sinh nhật bắt đầu. Cũng không cần phải nói gì thêm. Tiệc ngon hết sảy. Không ai có nhiều thời gian để nói năng gì cả. Tiệc kết thúc khi mọi người bảo Roger đi hái mấy quả trên cây chuối mới.

“Mẹ nghe bảo bọn con có khách đến thăm,” mẹ nói.

Đám nhóc Chim Én ngáy nhìn bà. Cái kiểu tin tức lan truyền trong cộng đồng thổ dân mới thật đáng kinh ngạc làm sao.

“Hôm qua cô Blackett ghé thăm mẹ và kể rằng các con gái của cô ấy gặp các con trên đảo. Cô có vẻ rất vui. Bọn con với mấy đứa nhà ấy có hợp không?”

“Tuyệt vời ạ,” Susan đáp. “Một đứa tên là Nancy còn đứa kia là Peggy.”

“Vậy sao,” mẹ đáp. “Mẹ tưởng đứa lớn tên Ruth chứ.”

“Chỉ khi nào nó ở với thổ dân thôi,” Titty đáp. “Nó là thuyền trưởng của băng cướp biển Amazon đấy mẹ, và khi làm cướp biển thì nó tên là Nancy. Tụi con gọi nó là Nancy luôn.”

“Hiểu rồi,” mẹ gật gù. “Cô Blackett nói rằng hai đứa đó y như con trai, và lo là tụi nó quá nghịch so với tụi con.”

“Nghịch cũng cỡ tụi con thôi mà,” Titty đáp.

“Mẹ mong là vậy,” mẹ cười to.

Sau đó mẹ nói. “Ông bác của chúng vào mùa hè thì sống trên căn nhà bè mà chúng ta đã thấy ấy. Bọn con không có phá phách gì chỗ đó chứ hử?”

“Không ạ,” John đáp mặt buồn xo. “Nhưng ông ấy thì lại cho rằng có.”

“Mẹ biết mà,” mẹ đáp, “bác Dixon có kể. Mẹ bảo là mẹ chắc chắn tội con không làm.”

“Nhưng ông ấy lại nghĩ là có. Ông ấy đã ở đây. Ông ấy đến khi bọn con đi vắng rồi để lại cái này này.” John lấy ra bức thư đưa cho mẹ.

Mẹ nhìn qua rồi hỏi. “Thuyền trưởng Flint là ai?”

“Là ông ấy đó,” Titty đáp.

“Ồ.”

Sau đó John kể lại những gì mà người đốt than đã nói, và về chuyện mình tự đi chuyển lời, vì trời không có gió và cậu không thể nhấn cho đám Amazon.

“Con làm đúng rồi,” mẹ bảo, “nhưng bác Dixon nói là ông ấy sẽ đi vắng một hai đêm gì đó.”

“Sáng nay lúc con đến gặp thì ông ấy chuẩn bị đi,” John kể.

“Ông ấy không vui khi nhận lời nhấc à?” mẹ hỏi.

“Ông ấy không chịu nghe con nói,” John đáp. “Ông gọi con là thằng nói láo.” Chuyện lùm xùm hôm sáng bỗng dừng lờn vờn trở lại.

“Nếu đã từng biết con thì ông ấy sẽ không gọi con như vậy đâu,” mẹ nói. “Người khác nghĩ hay nói gì về con đều không quan trọng nếu như họ chưa biết con. Họ có thể nghĩ đủ điều ấy mà. Lúc ấy con làm sao?”

“Con bỏ đi ạ,” John đáp.

“Cô Blackett nói rằng ông ấy bận viết lách gì đó và muốn được ở yên một mình. Cô bảo là sợ hai đứa con gái nghịch như con trai của mình khiến ông ấy sống dở chết dở.”

Cả bọn im lặng. Kể cho mẹ nghe chuyện của bọn chúng cũng không sao. Mẹ là thổ dân thân thiện mà. Nhưng chuyện của tội Amazon thì không được nói ra đâu nhé. Mẹ nhận ra sự yên lặng, thế là lập tức chuyển đề tài. Mẹ quả thật là thổ dân tốt nhất mà bọn chúng từng biết.

Tiệc sinh nhật lại rôm rả. Nữ thổ dân kể chuyện ngày xưa lúc bọn nhỏ chưa sinh ra. Bà kể về Malta và Gibraltar, về chuyện dong buồm vào cảng

Sydney khi bà còn nhỏ.

Buổi chiều đó bọn nhóc ra hồ tắm, mẹ đi xuống bến thuyền để xem Roger bơi. Nó bơi sắp được ba sải sau đó xoay xở thêm sáu cú đẩy chân khi bơi ngửa.

“Nếu con bơi tốt được đường ấy rồi,” nữ thổ dân nói, “thì mẹ nghĩ con có thể giữ lại con dao. Giờ thì con chỉ cần tập luyện thêm thôi.”

John muốn bơi thêm một vòng quanh đảo nữa để khoe cho mẹ biết là mình bơi được, nhưng mẹ bảo bơi một ngày một vòng vậy là đủ lắm rồi. Titty biểu diễn lặn mò ngọc trai. Susan bơi đua với John một quãng ngắn và suýt nữa thì vượt qua được cậu.

Sau đây là buổi trà chiều.

Cuối cùng đã đến lúc đưa Vicky về nhà.

Mọi người xách cái giỏ rỗng không xuống bến thuyền.

“Đến khi nào thì tụi con chán cái đảo này thế?” nữ thổ dân hỏi.

“Không bao giờ, không bao giờ đâu ạ,” bọn nhỏ Chim Én đồng thanh.

“Lâu nay bọn con may là có được thời tiết đẹp,” mẹ bảo. “Và có vẻ như tụi con cũng không làm gì có hại cho mình. Nhưng chỉ còn một tuần nữa thôi là chúng ta phải di chuyển xuống phía Nam rồi. Các con có thể ở lại đây đến gần lúc đó miễn là thời tiết còn tốt. Nếu thời tiết xấu đi, ý mẹ là nếu mùa mưa tới, thì các con sẽ phải về đây. Vào mùa mưa, các đảo hoang, thậm chí có là hòn đảo tốt nhất đi nữa, cũng không thể ở được đâu.”

Bọn nhỏ Chim Én nhìn nhau.

“Một tuần cũng lâu mà,” mẹ an ủi.

“Nhưng tụi con muốn ở đây mãi cơ,” Roger đáp.

“Mẹ cũng dám chắc là thế,” nữ thổ dân nói.

Mẹ hôn khắp lượt bọn nhóc. Tất cả cùng hôn bé ú Vicky. Vú em và Vicky lên ngồi ở đuôi thuyền.

Titty nói, “Mẹ này, mẹ không ngại làm thổ dân phải không ạ?”

“Không hề,” mẹ đáp.

“Vậy thì cho con làm thổ dân theo một phút thôi nhé. Mình cạ mũi đi mẹ? Giống như các thổ dân trong rừng ở Úc mà mẹ kể cho tụi con ấy.”

Titty và mẹ cạ mũi nhau, sau đó dĩ nhiên Roger cũng phải làm theo.

Rồi nữ thổ dân hôn tạm biệt bọn nhỏ nhà Chim Én và xuống thuyền. Chiếc giở rỗng được đưa xuống. John và Susan đẩy thuyền ra rồi mẹ chèo đi.

“Tập hợp thành đoàn hộ tống nào,” thuyền trưởng John bảo.

Loáng cái thuyền *Chim Én* đã nhổ neo, thủy thủ đoàn lên boong, và thuyền trưởng John chèo cật lực. Nữ thổ dân dừng lại chờ, nghỉ tay trên mái chèo. Sau đó hai thuyền chèo song song nhau, chèo *Chim Én* khó hơn chèo chiếc thuyền ở nông trại Holly Howe, vì thân tàu *Chim Én* chìm sâu hơn và được chế tạo để chạy bằng buồm chứ không phải để chèo. Nhưng nữ thổ dân cũng không vội vã. Cuối cùng, ngay trước khi đến vịnh Nhà Bè, thuyền trưởng John dừng lại. Hôm ấy cậu không muốn nhìn thấy lại căn nhà bè đó nữa. Cậu quay mũi thuyền *Chim Én*.

“Tạm biệt nhé, các thổ dân,” Titty kêu lên.

“Tạm biệt, dân da trắng,” nữ thổ dân đáp lại. “Từ chào là tun phải không nhỉ? Tun. Tun.”

“Để em chèo cho,” Roger nói.

“Để em,” Titty nói.

Thuyền trưởng John đưa cho mỗi đứa một mái chèo. Cậu và Susan ngồi ở đuôi tàu. Roger chèo trước. Titty chèo sau. Susan lái thuyền.

Susan rút khăn tay vấy chào tạm biệt chiếc thuyền chở thổ dân đang khuất dần ở đằng xa. Chiếc khăn vẫn mang gút thắt trên ấy. Cô bé tháo nút thắt ra, nhưng không nói gì.

Khi trở lại đảo Mèo Hoang, John bảo, “Titty và Roger nên huýt sáo gọi gió lên đi thì hơn. Chúng ta cần phải đẩy nhanh cuộc chiến.”

17

Xuôi gió

CẢ đêm đó mấy đứa nhỏ ngồi quanh đóm lửa trại, bàn tính kế hoạch. Sáng mai chắc chắn sẽ có gió. Nhưng ai mà biết được gió sẽ thổi hướng nào. Gió Nam thì cần kế hoạch này còn gió Bắc thì cần kế hoạch khác, và giả như là có một cơn gió hiếm hoi có thể đưa thuyền hoặc đi lên hoặc đi xuống hai đầu của hồ đi nữa, thì hai kế hoạch kia chẳng cái nào có ích là mấy. Nhưng một cơn gió như vậy thì đối với hai phe đầu như nhau, nên việc lên kế hoạch cho loại gió ấy cũng chẳng ích gì. Ngoài ra, gió thổi kiểu đó cũng hiếm, cho dù mây bay hướng nào bên trên thì những ngọn đồi cao ở hai bên hồ cũng thường làm cho gió chỉ thổi xuôi hoặc ngược hồ. Do vậy chúng chỉ lên hai kế hoạch, một cho gió Bắc và một cho gió Nam. Gió Bắc sẽ giúp nhà Amazon dong thuyền ra đảo Mèo Hoang dễ dàng. Gió Nam sẽ giúp nhà Chim Én dong thuyền ra sông Amazon dễ dàng. Trở về thì không thành vấn đề lắm. Mất bao nhiêu lâu cũng được.

Vậy là có hai kế hoạch được lập ra.

“Trong các trận thủy chiến,” John nói, nhớ đến một quyển sách nổi tiếng, “có hai điều quan trọng; phải biết chính xác ta muốn làm gì và phải thực hiện nó theo cách mà kẻ thù ít ngờ tới nhất.”

“Thế à,” Titty nói, “vậy chúng ta muốn làm gì đây?”

“Chúng ta muốn chiếm lấy thuyền *Amazon* khi tụi nhà Amazon không có mặt trên thuyền, và chúng ta cần phải nhớ rằng tụi nó cũng muốn chiếm thuyền *Chim Én* theo cách đó. Ai chiếm được thuyền của đối phương sẽ thắng. Bọn mình đã thỏa thuận thế khi chúng ở đây mà. Vấn đề then chốt ở đây là không còn nhiều thời gian để lãng phí đâu. Tụi nó cũng sẽ vội như mình, cho nên nếu ngày mai gió thổi hướng Bắc thì tụi nó sẽ tấn công mình còn nếu gió thổi hướng Nam tụi nó cũng biết là mình sẽ tấn công.”

“Em không rõ làm sao mình có thể chiếm được tàu *Amazon* nếu tụi nó đến đây bằng thuyền ấy,” Susan nói.

“Đây là kế hoạch cho việc ấy đấy thôi,” thuyền trưởng John bảo. “Nếu có gió Bắc, một đũa trong bọn mình sẽ đưa thuyền *Chim Én* ra giấu ở bãi sậy chỗ mình đi câu ấy. Ba đũa còn lại sẽ mai phục trên đảo chỗ gần bến cảng. Bọn *Amazon* sẽ cập thuyền vô bến để lên bờ đến trại. Trong lúc tụi nó ở trong trại, chúng ta sẽ chiếm thuyền *Amazon*, và bọn nó sẽ hết đường thoát, còn chúng ta sẽ chiến thắng. Đơn giản thôi mà.

“Còn nếu là gió Nam?” Titty hỏi.

“Thì sẽ khó khăn hơn một chút, vì lúc đó bọn nó sẽ chờ mình đến, và chắc bọn nó cũng đã chuẩn bị sẵn kế hoạch.”

“Em không biết làm sao mà bọn mình đánh úp chúng được đây,” Susan nói.

“Khó hơn đấy,” thuyền trưởng John nói, “nhưng chúng ta sẽ làm được. Chỉ có một việc mình có thể thực hiện mà bọn chúng lại không nghĩ là mình làm được. Chúng ta có thể tìm thấy đảo Mèo Hoang trong đêm và đưa thuyền vào cảng. Tụi nó biết các dấu hiệu, nhưng lại không biết chúng ta đã biến những dấu hiệu đó thành đèn hiệu. Do đó tụi nó đoán chắc mình sẽ phải tấn công sớm để tranh thủ quay về khi trời còn sáng. Há, mình sẽ không làm vậy. Đánh úp lúc ban ngày ban mặt thì chỉ có thất bại mà thôi. Bến cất thuyền của bọn cướp biển có lẽ chỉ trong tầm quan sát từ nhà bọn chúng.”

“Sào huyệt chứ,” Titty nói.

“Vớ lại có thể có nhan nhản thổ dân ở đấy báo động cho bọn chúng. Ta phải cướp thuyền của bọn chúng trong lúc chúng đang chè chén say sưa trên bờ, hoặc đang ngủ say sau trận lu bù.”

“Tụi nó có cả một thùng rượu trên thuyền. Chắc chắn trên bờ chúng còn có hàng chum rượu rum ấy chứ.”

Thế, đây là kế hoạch cho gió Nam. *Chim Én* sẽ dong buồm đến các đảo gần Rio càng sớm càng tốt, để bọn nhóc có thể phóng tầm mắt ra xa quan sát, và có thể nhìn thấy bọn *Amazon* nếu chúng cho thuyền ra khỏi sông *Amazon*. Thuyền *Amazon* không thể ẩn nấp giữa mấy hòn đảo ấy được, cho nên nhà *Chim Én* sẽ phát hiện ra thuyền *Amazon* một khi nó đi ra sông. Nếu không thấy thuyền *Amazon*, đám *Chim Én* sẽ đi tiếp lúc chạng vạng,

chèo ra sông, tìm nhà thuyền, cắt dây neo thuyền *Amazon*, rồi cử toán thủy thủ hộ tống chiến lợi phẩm (là Susan) để đưa thuyền về đảo Mèo Hoang trong đêm. Trên đảo Mèo Hoang phải có một ngọn hải đăng, rồi mấy ngọn đèn hiệu phải được thắp sáng để dẫn đường đưa các thuyền vào bến an toàn trong đêm. Nến thì không thể cháy suốt ngày, nên phải có ai đó ở lại đảo để thắp đèn lên vào phút chót, cũng như để trông chừng ngọn hải đăng. Người đó sẽ là Titty. Vì một lẽ là Roger không thể ở lại một mình, trong khi John và Susan đều cần đi để lái hai chiếc thuyền. Vì lẽ nữa là Titty cứ thêm được một mình trên đảo Mèo Hoang, làm người giữ ngọn hải đăng đơn độc, làm Robison Crusoe, được cảm nhận một hoang đảo thực sự là như thế nào. Tắm chân sẽ được dùng thay cho tắm da dê.

Quyết định là như thế. Việc dựng hải đăng phải để đến sáng mai. Vấn đề duy nhất là, mai có gió không đây, mà gió thổi hướng nào mới được? Tối đó mấy đứa có huyết sáo đôi chút, nhưng chẳng ăn thua gì. John chạy lên trạm quan sát quẹt cây diêm giờ lên cao. Nhưng ngọn lửa không thêm lay lấy một cái để cho thấy gió có thể thổi từ hướng nào nữa.

*

Buổi sáng trên hồ có sương mù. Từ hòn đảo bọn nhóc không tài nào nhìn thấy đất liền. Khi John chèo thuyền sang lấy thêm sữa, trứng và bơ, Roger đi theo cậu, hú hú lên như cái còi báo hiệu để đi trong sương mù, hú to từng hơi dài, lặp đi lặp lại, y như những chiếc thuyền lớn hay kéo còi tàu mỗi khi lái vô biển Manche. Titty, lúc này đang rất mong được độc chiếm hòn đảo cho riêng mình, bèn đi lên trạm gác và vừa huyết sáo hoài bài “Mấy cô nàng Tây Ban Nha”, vừa nhìn qua mấy đám mây trắng mềm mại đang che phủ khắp nơi chỉ chừa ra mấy mét mặt nước. John và Roger suýt chút lối đường về đảo. “Nếu cứ tiếp tục thế này,” John nói, “thì không có kế hoạch nào của mình được tích sự gì cả.”

Nhưng sau bữa sáng mặt nước gợn chút sóng lăn tăn dưới làn sương mù. Sương mù di chuyển tản qua cây cối rồi bắt đầu bốc lên khỏi mặt hồ. Thoảng chỗ này thoảng chỗ kia, những dãy đồi và mảng rừng sẫm màu trên bờ hiện ra sau làn sương mờ, rồi biến mất, rồi lại hiện ra. Gió thổi hướng

Nam. Ngọn gió mang theo chút mưa bụi, nhưng mưa cũng tạnh đi và sương mù tan hết, gió mạnh dần, và nắng lên.

“Gió xuôi,” thuyền trưởng John tuyên bố.

“Hay quá,” Titty reo.

“Chúng ta phải nhanh lên,” John nói. “Chúng ta phải làm sao ra khu vực quần đảo ngoài Rio trước khi bọn Amazon tới đó. Khẩu phần cho ba người nhé thuyền phó. Bữa tối và bữa khuya. Nào nào, thuyền viên Titty, và em nữa, bả tàu, giúp một tay dựng hải đăng nào.”

Thuyền phó Susan bắt tay vào chuẩn bị phần ăn trong ngày. Cô bé dốc hết một hộp bánh quy to ra, vì dần hết thức ăn vô đó là hợp lý nhất, để khỏi phải chiếm chỗ trên thuyền. Một hộp bánh quy sẽ nằm gọn bên dưới tấm ván bắc ngang giữa thuyền.

Thuyền trưởng John đi vào lều lấy ra cuộn dây thừng bọn chúng mua ở Rio. Sau đó, cùng với thuyền viên và cậu bả tàu, cậu đi lên trạm quan sát.

Cái cây ở trạm quan sát là một cây thông rất cao. Mấy nhánh bên dưới thấp đã gãy trụi, nên phần gốc là nguyên một thân cây dài nhẵn nhụi, những nhánh cây lớn đầu tiên cách mặt đất khá xa.

John thử vòng tay ôm thân cây. Dưới gần gốc không to lắm. Cao hơn chút nữa thì cậu có thể dễ dàng bám leo lên trên.

“Vấn đề là, anh không thể leo lên nếu tay vướng víu.”

Cậu cột một đầu dây thừng quanh eo, rồi đưa cuộn dây cho Titty.

“Này nhé,” cậu bảo, “em nói dây ra, coi chừng đừng để nó vướng vào bất cứ thứ gì.”

“Vâng thưa thuyền trưởng,” Titty đáp.

Thuyền trưởng John nhổ nước bọt vào hai bàn tay rồi chà chà xát xát. Thực ra việc này không giúp ích gì nhiều khi trèo lên những thân cây thô ráp như cây thông, nhưng trông có vẻ hữu hiệu nên làm vậy cũng đáng.

Rồi cậu bắt đầu leo. Thật ra cũng không quá khó như mới tưởng. Càng lên cao càng dễ dàng, vì thân cây không quá to nên cậu dễ dàng bám chân chặt vào mỗi khi muốn đưa tay lên.

“Đừng có đứng ngay bên dưới đấy,” cậu la to, và Titty xê ra khoảng một vài mét.

“Đừng có giẫm lên sợi dây, Roger,” Titty bảo. Con bé đã để cuộn dây trên mặt đất, đang nói dãn dây ra khi John leo lên cao.

Khó khăn là khi cậu phải leo qua những chỗ từng có nhánh cây. Luôn có một mấu nhọn chìa ra chỗ trước kia là cành. Đưa tay qua khỏi mấy chỗ này cũng dễ nhưng không dễ gì kéo chân lên. Mấy mấu này khá cứng làm vướng víu tay chân, nhưng lại không được chắc cho lắm để làm chỗ đặt chân lên.

Cuối cùng cậu cũng leo lên được cành cây to. Cậu tựa đầu nghỉ một chút. Sau đó nắm chặt lấy cành này, cậu thả hai chân ra rồi đu mình lên.

“Cẩn thận đấy anh,” Titty hét lên.

Nhưng Titty vừa nói thì John đã làm xong đi đầu cậu muốn. Cậu dùng hai cánh tay và vùng chân mạnh để đu người lên, một chân móc vào cành cây. Đu thêm một phát nữa, vậy là cậu đã ngẩng vắt va vắt vèo trên cành.

“Chỗ này dùng làm trạm gác thì tốt quá,” thuyền trưởng John nói. “Lẽ ra anh phải lên trên này từ trước. Nhưng treo đèn tít trên cao này thì không ích lợi gì. Sẽ bị mấy nhánh cây ở trên buông xuống che gần khuất hết thôi. Tốt hơn là treo đèn bên dưới. Còn cành cây này để máng dây thừng lên là tốt rồi. Titty nói thêm dây cho anh.”

Cậu kéo thêm dây lên, tháo đầu dây cột quanh eo ra, và thả xuống đất qua phía bên kia cành cây.

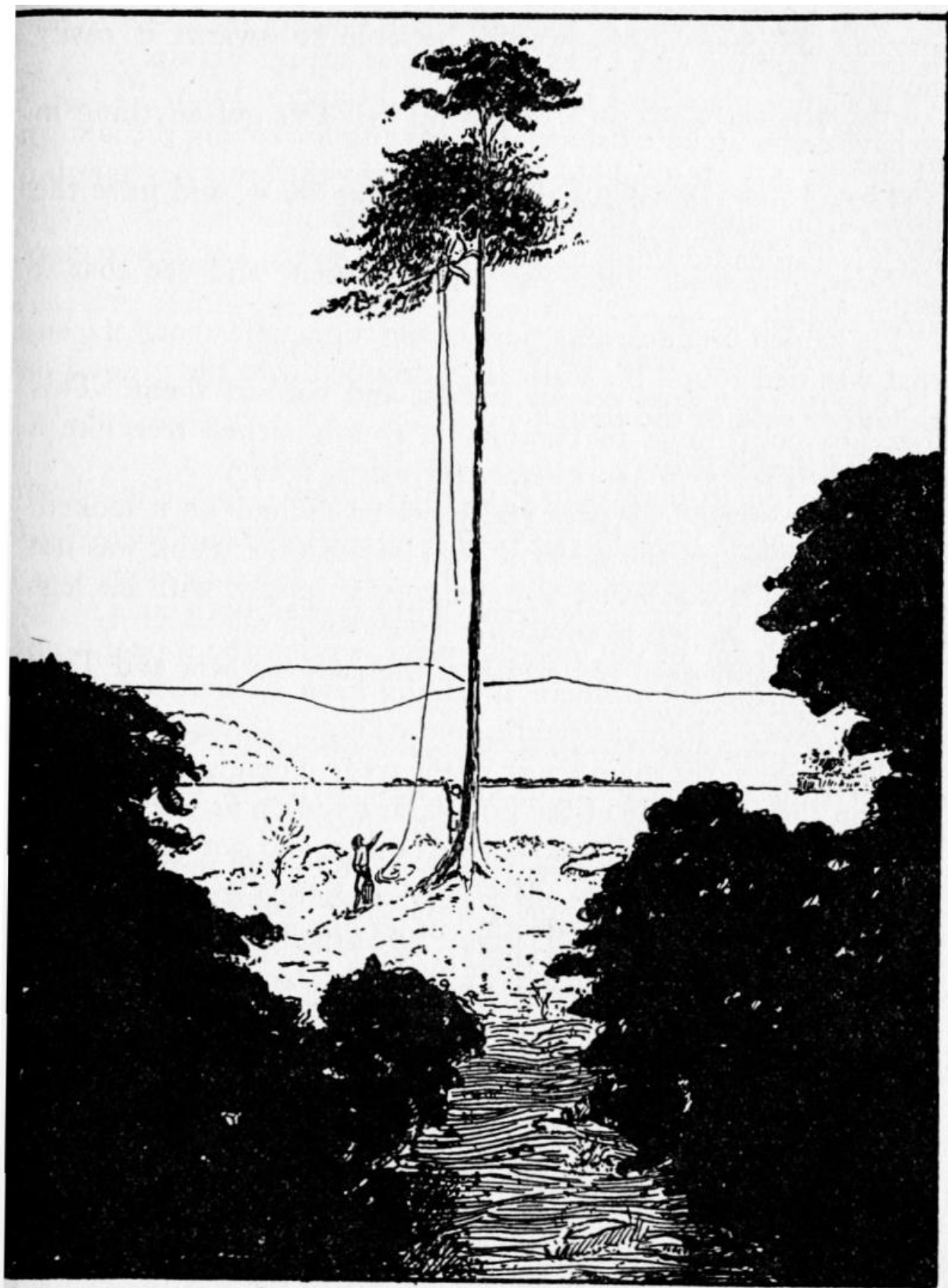
Titty chụp lấy.

“Giữ chặt lấy hai đầu nhé,” thuyền trưởng John bảo, “giữ hai đầu dây thật xa thân cây trong khi anh leo xuống. Bảo Roger đi lấy cái đèn lớn đi.”

Roger chạy đi lấy đèn. Titty cầm hai đầu dây nhích ra ngoài rìa trạm quan sát để sợi dây không treo gần cây, làm vướng víu John khi cậu leo xuống. John, ngẩng xoay chân trên cành cây, di chuyển lần lần sát vào thân cây chính. Sau đó cậu mắc hai chân trên cùng một phía của cành cây rồi bám chặt vào thân cây. Sau đó tụt xuống khỏi cành cây, dùng hai chân quắp chặt thân cây. Sau đó thì dễ dàng hơn. Cậu biết không nên tụt xuống, mà chỉ nhích xuống từng tí một, đầu tiên là hai tay rồi tới hai chân.

Trước khi cậu chạm đất, Roger đã trở ra đem theo đèn. Thuyền trưởng John buộc một đầu dây lên tay cầm bên trên đèn. Cậu buộc đầu dây kia quanh hộp đựng đầu dưới đế đèn. Đoạn cậu kéo đèn lên đến chừng ba phần tư khoảng cách từ dưới đất lên cành cây. Rồi cậu nhìn quanh. “Nào

nào,” cậu nói, “nếu chúng ta tạo dây trượt cột chặt vào bụi cây này, nó sẽ không bị kéo sát vào đèn, như vậy thì không có nguy cơ hỏa hoạn. Rồi nhé, thuyền viên, em là người gác ngọn hải đăng. Thử kéo đèn xuống xem, thả đèn rồi kéo nó lên lại, nhanh nhanh tay vào. Diêm đây. Em có thể dùng phần dây kia để giữ đèn không đóng đũa.”



CÂY HẢI ĐĂNG

Titty cần hai bên dây thừng, thả một bên và kéo một bên, đem được đèn xuống. Sợi dây thừng trượt ro ro quanh cành cây. Titty mở đèn ra mà thấp sáng, rồi bắt đầu kéo lên.

“Chỗ này được chưa?” nó hỏi.

“Cao hơn ba tấc nữa.”

“Đúng chưa?”

“Quá đẹp. Giờ em buộc chặt thử xem nào.”

Titty buộc thật chặt sợi dây thừng thông từ cành cây xuống vào bụi cây nhỏ ở bên hông trạm quan sát, để sợi thừng cách xa thật xa. Phần còn lại, từ dưới đế đèn, nó cột chặt quanh thân cây, để đèn được giữ thẳng. Phần dây thừng còn dư nằm trên mặt đất giữa cây thông và bụi cây nhỏ.

“Tốt,” thuyền trưởng John nói. “Hạ đèn xuống tắt đi.”

“Vâng thưa thuyền trưởng.”

“Vậy đây nhé,” thuyền trưởng John nói. “Thắp đèn trên ngọn hải đăng, và treo nó lên ngay khi trời vừa sập tối. Nhưng không cần phải thắp mấy đèn đánh dấu ngoài cảng đâu khi bọn anh chưa vào gần bến. Với lại em cũng cần có nến ở trong trại. Tốt nhất là đợi nghe tiếng cú kêu của bọn anh rồi em hãy thắp đèn hiệu lên. Khi ấy em sẽ biết đó là bọn anh chứ không phải quân địch. Hồi tí nào, Titty, em có nghĩ là mình tự xoay xở được không thế?”

“Được mà. Nhưng phải nhanh lên không thôi bọn chúng lên qua mặt mấy anh mà vào vùng đảo đấy, còn mình em không thể nào chống được một lúc hai đứa Amazon đâu.”

“Tụi nó làm gì kịp với gió ngược thế này,” John nói, “nhưng chúng ta cũng cần đi ngay.”

“Đi thôi,” bầy tàu nói.

Bọn nhóc trở lại trại.

“Các khẩu phần ăn đã sẵn sàng thưa thuyền trưởng,” thuyền phó Susan báo cáo. “Em có đem theo một bình sữa to cho bọn mình. Bỏ nó dưới đáy tàu để giữ mát. Em cũng để lại một bình nhỏ cho thuyền viên nữa. Nó sẽ tự lo trà chiều. Cần thận đừng để lửa tắt đấy Titty,” cô bé nói thêm. “Nếu em muốn đi ngủ, lấy đất đắp lên lửa, như mấy người đốt than ấy. Đêm xuống trời sẽ lạnh cho xem.”

“Em chẳng ngủ đâu,” Titty đáp. “Em sẽ ủ mình trong tấm áo choàng, ng ồi canh lửa trại.”

“Roger,” thuyền phó Susan bảo, “đi vào trong l ều mà mặc mỗi thứ hai cái vào.”

“Mọi thứ á?” Roger hỏi.

“Mọi thứ,” thuyền phó trả lời. “Hai áo khoác, hai quần đùi, hai áo sơ mi, hai quần chèn gối, và hai đôi vớ dài.”

“Em không thể mang một lúc hai đôi giày được,” Roger đáp.

“Không cần. Đi đi. Mặc gấp đôi mọi thứ khác. Tưởng tượng như em sắp đi lên Bắc Cực ấy.”

“Hai cà vạt nữa nhé?” Roger hỏi vừa đi vào trong l ều.

“Và gấp rút lên nào,” thuyền trưởng lên tiếng. “Không còn thời gian để lãng phí đâu.” Cậu đi ra cùng Titty để dựng cột bu ồm, chuẩn bị sẵn bu ồm. Susan mang theo đồ dự trữ xuống bến.

“Bọn mình không có tấm xiêm như thuyền Amazon mà lại hay nhỉ,” cô bé vừa nói vừa nhét hộp bánh quy xuống dưới tấm ván bắc ngang thuyền.

“Tấm xiêm rất có ích khi ta cho thuyền chạy ngược hướng gió trong chỗ hẹp,” thuyền trưởng nói, “nhưng *Chim Én* vẫn chạy rất tốt mặc dù không có nó, và quả là xiêm chiếm nhiều chỗ thật.”

Susan quay lại lấy thêm sữa. Cô bé mang cả bình lớn lẫn bình nhỏ.

“Nhìn đây này Titty,” Susan nói, “chị ngâm bình sữa của em dưới nước chỗ này, để giữ lạnh. Đừng có bỏ đi r ồi quên mất chỗ nào đấy.”

Vừa hay thằng bé b ởi tàu Roger khệnh khạng đi xuống tới bến thuyền. Nó tròn vo như trái banh, hai cánh tay dang ra ngay đơ.

Cả thuyền trưởng lẫn thuyền viên đều cười phá lên. Nhưng thuyền phó nhìn cậu có vẻ trách cứ.

“Nó cần giữ ấm như thế,” Susan nói, “nhưng chúng ta cũng sẽ đem theo nhiều chăn để phòng khi cần nữa.”

Cô bé chạy ngược lên trại lần cuối, và trở ra với mấy cái chăn.

“Chúng ta đã có đủ đồ chưa?” thuyền trưởng John hỏi. “Anh có đem theo la bàn. Đèn pin của tụi em đâu? Anh cần theo cái của anh r ồi.”

“Đèn của em ở trong túi,” Susan trả lời.

“Em có đem theo,” b ải tàu nói, “nhưng không lấy ra được. Nó nằm trong túi áo lót của em.”

“Không sao,” thuyền trưởng John bảo. “Khi nào cần bọn anh sẽ lấy ra cho. Còn cái kính viễn vọng nữa.”

“Chẳng phải là em phải giữ kính sao, để canh chừng ấy?”

John suy nghĩ một chốc.

“Ừ,” cậu đáp, “thôi em nên giữ lấy vậy.” Cậu đưa kính viễn vọng cho Titty. Cậu nhìn quanh con tàu thêm lần nữa. “Tất cả lên tàu,” cậu hạ lệnh, thuyền phó và b ải tàu cùng leo lên đi xuống đuôi thuyền. Thuyền trưởng đây, và khi *Chim Én* vừa mớm nước thì cậu đã quỳ trên mũi thuyền rồi ngay sau đó bận rộn chuẩn bị buồm. “Đừng có quên thả đèn đây, Titty,” cậu gọi lớn. “Nếu trời mà tối quá thì thành bại gì cũng nhờ vào đây. Thả hải đăng ngay khi hoàng hôn xuống, rồi khi nghe bọn anh giả tiếng cú kêu thì thả đèn nên ở chỗ đánh dấu ngay bên.”

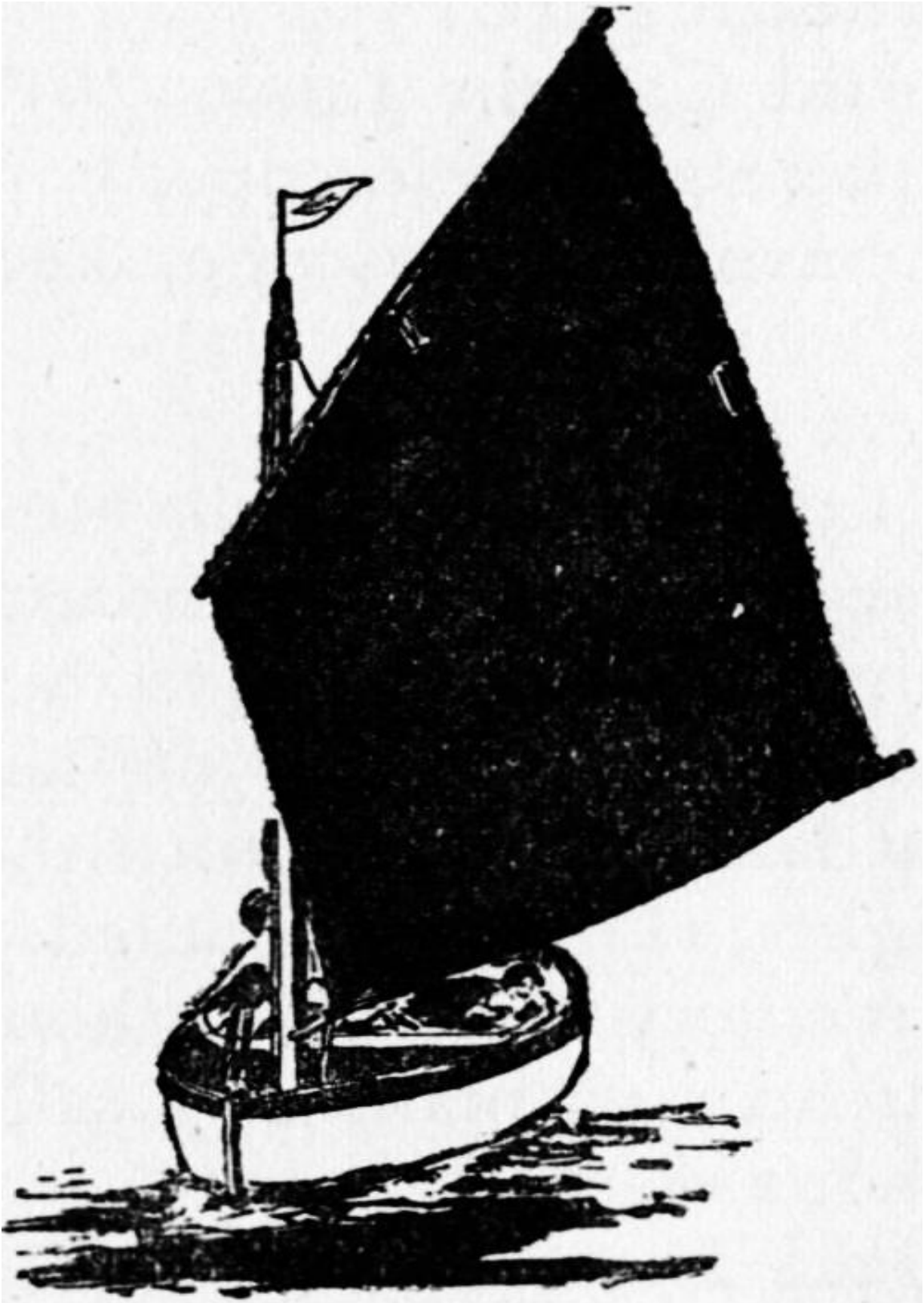
“Vâng thưa thuyền trưởng,” Titty nói. “Đoàn Chim Én muôn năm.”

Phút sau John đã kéo buồm lên và cột chặt. Cậu kéo mạnh cây sào căng buồm xuống cho đến khi các đường gấp nếp trên cánh buồm chạy dọc lên thay vì chạy ngang. Cậu thao tác rất nhanh. Cả bọn lướt ra khỏi chỗ khuất gió nơi đảo. Rồi thuyền đón được gió. Thuận chiều gió nên toàn bộ thủy thủ đoàn cùng ng ẩ ở đuôi tàu. Thuyền phó lái tàu. Cây sào căng buồm vươn ra mạn phải thuyền, và chiếc thuyền nhỏ với cánh buồm nâu lướt nhanh trong nắng.

“Hoan hô,” Titty la lớn, chạy lên trạm quan sát, đứng bên dưới cây thông giờ đã là một ngọn hải đăng.

“Hoan hô, hoan hô,” tiếng hô từ *Chim Én* vọng vào.

Thuyền viên Titty dùng kính quan sát cho đến khi cánh buồm nâu khuất dạng sau mỏm Darien. Giờ đây nó đã là Robison Crusoe, đang đi xuống trại để làm chủ hòn đảo của mình.



Robinson Crusoe và Thứ Sáu

CON bé nhìn quanh trại và thấy ngay có gì đó sai sai. Có tới hai cái lều, trong khi lẽ ra thủy thủ bị đắm tàu ở trên đảo hoang chỉ nên có một cái. Nó thoáng nghĩ đến việc hạ cái lều của thuyền trưởng xuống, nhưng rồi nhớ lại cũng có lúc nó sẽ không làm thủy thủ bị đắm tàu mà còn phải trông nom trại của những nhà thám hiểm trong khi nhóm chính dong buồm trên hành trình liêu lĩnh. Trong thời gian đó thì có càng nhiều lều càng tốt. Do vậy nó quyết định không hạ lều của thuyền trưởng xuống. “Đó là chiếc lều của Thứ Sáu,” nó tự nhủ. “Dĩ nhiên là mình chưa tìm ra cậu ấy. Nhưng cứ để sẵn đến lúc cần.”

Sau đó con bé chui vào lều của mình và thuyền phó. Căn lều quả tình vẫn còn mang hơi hướm của Susan. Mặc dù Susan đã mang hết mấy cái mền đi nhưng vẫn để lại túi ngủ của chị. Rõ ràng đây là lều của hai người chứ không phải căn lều của một thủy thủ đắm tàu đơn độc. Thế là thuyền viên vác túi ngủ của Susan chõng lên trên túi cỏ của nó, rồi lấy chăn của mình trải lên cả hai. Ngay lập tức lều thành của riêng một mình nó, rồi khi nó phải trở lại nhiệm vụ canh gác toàn khu trại thì việc trả túi ngủ của thuyền phó về chỗ cũ cũng sẽ không khó khăn gì.

Nó nằm lên trên hai cái túi cỏ. Ánh nắng chiều sáng qua lớp vải bố trắng, nhìn ra cửa lều nó trông thấy khói trắng bốc lên từ bếp than âm ỉ. Nó bắt đầu cảm thấy như mình thực sự đơn độc. Thậm chí tiếng ong vo ve ngoài bụi thạch nam sau lều cũng nhắc cho nó cảm thấy không còn ai khác trên đảo. Nó nghe ngóng những tiếng động khác. Chim chóc không lú lo gì nhiều, chỉ mỗi một con chim dẽ riu rít đầu gần đây. Có tiếng sóng vỗ ì oạp vào bờ Tây, rồi thì thoảng tiếng gió lao xao qua tán lá. Nhưng tuyệt nhiên không có tiếng người. Không ai làm mấy ống lon kêu loảng xoảng. Không ai rửa chén. Roger cũng chẳng ở đây để nó trông chừng. Susan cũng chẳng ở đây để trông chừng cả hai. John không có ở gác canh, hay đang bận đây

thường trên tàu *Chim Én* ở đầu kia đảo. Chẳng có hoạt động nào của bất cứ ai. Chẳng có gì diễn ra nếu chính nó không động tay vào. Giống như chỉ còn mình nó trên thế giới này vậy.

Đột nhiên nó nghe tiếng xình xịch xình xịch của một chiếc tàu hơi nước đang đi xuôi hồ. Thường ngày chẳng ai để tâm đến mấy chiếc tàu hơi nước ngoại trừ Roger, nhưng hôm nay, vừa nghe thấy tiếng, thuyền viên Titty liền nhảy dựng lên chạy ra khỏi lều. Xuyên qua cây cối trên bờ Tây nó có thể nhìn thấy con tàu chạy ngang qua đảo cách một khoảng thật xa. Nó lấy kính viễn vọng để quan sát con tàu. Boong tàu lố nhố những người, nó còn thấy một thủy thủ đang cặm lái. Có lẽ những người trên tàu đang nhìn sang đảo. Họ không biết trên đảo chẳng có người nào ngoài một thuyền viên bị đắm tàu dạt vào đây hai mươi lăm năm trước. Dĩ nhiên là vì nó đã không vẫy cờ để cho người ta biết nó đang ở đây chờ được cứu. Nhưng ai lại muốn vẫy cờ kêu cứu trong khi có trong tay một hòn đảo hoang của riêng mình cơ chứ? Đó chính là chi tiết làm hỏng hết cả cuốn sách *Robinson Crusoe*. Cuối cùng ông ta đã về nhà. Lẽ ra không bao giờ được có kết thúc mới đúng.

Con tàu hơi nước chạy nhanh xuống phía Nam hồ, và Titty dõi theo nó qua hàng cây trên bờ biển cao hơn phía Tây đảo. Lối đi dẫn xuống bên cảng đang dần trở thành con đường mòn. “Giống như là mình đã ở đây hàng bao năm trời,” Titty nhủ, “nhưng tiếc là mình chẳng có con dê nào. Lũ dê hản sẽ gặm sạch mấy nhánh cây nhỏ giăng ngang lối đi, làm vướng tóc mỗi khi phải chạy vội trên đường này.” Nó lôi dao của mình ra bắt đầu tỉa bớt nhánh cây cho lối mòn được thông thoáng hơn. Cành nào giăng ngang sà thấp xuống cản đường cản lối là nó bẻ hoặc chặt bỏ ngay cho đến khi nhờ lao động cật lực mà nó đã phát quang hết con đường từ đây xuống cảng. Rồi nó chạy đi chạy lại trên đường, từ trại xuống cảng rồi ngược lại. Con đường giờ mới là lối mòn thực thụ. Buồn cười là trước nay chẳng ai nghĩ đến việc phát quang lối đi này. Dường như khi ở một mình thì luôn có nhiều thời gian làm này làm kia.

Đến cảng con bé vớ tay đến cây đình trên cành cây chĩa ba để cho chắc ăn là mình có thể treo đèn lồng lên. Nó không hản vớ tới được, nhưng cũng chẳng sao vì nó có thể cặm phía dưới đáy đèn, còn cái vòng cần được mắc lên lại nằm ngay trên. Cái đình trên móm cây cụt có đánh dấu chéo trắng thì khá thấp. Chẳng khó khăn gì mấy.

Nó bắt đầu nghĩ rằng còn rất lâu trời mới tối, còn *Chim Én* cùng thủy thủ đoàn thì lâu hơn mới về. Nhưng nếu mọi người có thể mang chiến lợi phẩm *Amazon* về thì vậy cũng đáng. Như thế bọn cướp biển mới mở mắt ra. Và sáng hôm sau nhà Chim Én sẽ đi thuyền ngược lên sông Amazon để bảo cho bọn cướp biển rằng chúng đã thua trận, rồi giải Nancy cùng Peggy trở lại đảo Mèo Hoang như những tù nhân khiêm hạ và đầy kính cẩn. Trong thoáng chốc Titty ước gì mình được đi cùng với mọi người trên chiếc *Chim Én*. Giờ này chắc cả bọn đang sục sạo các hòn đảo ở Rio, canh phòng cẩn mật, chờ đến hoàng hôn để ra cửa sông. Con bé không biết dòng sông trông như thế nào. Thế nhưng ta không thể có mọi thứ một lúc được, và nếu nó không chọn ở nhà để thấp ngọn hải đăng và đèn dẫn đường, nó sẽ không bao giờ có cơ hội được một mình làm chủ cả hòn đảo.

Nó cởi giày, lội nước qua tảng đá lớn ở một bên cảng. Nó leo lên trên đỉnh, nằm đó ngó về cuối hồ và quan sát chiếc tàu hơi nước cập vào cầu tàu ở títt đằng xa. Lúc đó nó trông thấy con chim hét nước. Một con chim tròn ồm bé xiu, đuôi ngắn giống đuôi chim hồng tước, lưng màu nâu và một mảng rộng màu trắng giống như đang mặc áo gi lê, đậu trên một hòn đá nhô lên trên mặt nước cách đó hơn chục bước chân. Con chim gật gật, như thể đang cúi đầu, hay một cử chỉ chào thoảng qua thờ ơ nào đó.

“Thật là lịch thiệp,” Titty tự nhủ. Nó nằm im phắc, trong khi con chim nhỏ hai màu trắng nâu gục gặc đầu chào trên hòn đá.

Thình lình chim hét nước nhảy thọc hai chân xuống nước. Nó không sà xuống như chim cốc, mà nhảy tồm xuống, giống như kẻ không biết cách phóng xuống nước ở đầu sâu của hồ bơi. Vài khắc sau nó bay lên khỏi mặt nước, đậu trên tảng đá, rồi lại nhún chào giống như đang cảm ơn khán giả đã vỗ tay tán thưởng.

Nó lại quăng mình khỏi tảng đá, rồi nhảy tồm xuống nước. Lần này nó nhảy xuống vùng nước khá tĩnh được tảng đá to mà Titty đang nằm che chắn. Titty nhìn xuống và trông thấy con chim dưới mặt nước, đang bơi bằng cánh như thể vẫn đang trên trời, thật nhanh dọc theo đáy hồ gần dưới tảng đá. Khi ngoi lên, nó ngoi không giống như loài vịt ngỗng một chập sau khi lặn, mà cứ vậy tiếp tục bay lên làm như không có gì khác giữa nước và không khí, có chăng là trên không thì nó vỗ cánh nhanh hơn.

“Ồ, mình chưa từng thấy con chim nào làm như thế bao giờ,” Titty nghĩ khi con chim hét nước đậu lên hòn đá rồi nhún chào hai ba lần. “Quả

là con chim khéo léo nhất mà mình từng thấy, và là con chim lịch sự nhất nữa. Ước gì nó làm lại nhĩ.” Con bé chống cùi chỏ dậy, gật đầu chào chim hết nước khi chú chim cúi chào nó. Không thể nào mà không chào chim hết nước khi nó nhún chào ta được. Nhưng hình như con chim hết nước không thích thế, nó vút bay đi mất dạng sau những tảng đá, bay thật nhanh và thấp trên mặt nước.

Titty chờ một hồi lâu cho con chim quay lại. Nhưng nó không xuất hiện. Có thể nó đã quay về tổ rồi. Titty chợt nhớ ra là mình đang canh gác đảo để phòng mọi cuộc tấn công. Nó nên quay trở lại gác canh với kính viễn vọng chứ không phải ở đây. Vì thế con bé leo xuống khỏi tảng đá, lội về bờ và mang giày vào. Thay vì đi theo lối mòn mới phát quang, nó cho rằng mình nên đi theo lối khác, lối đi này chưa thành lối mòn, bọn chúng thỉnh thoảng sử dụng để đi lại giữa cảng và bến đỗ. Ở đây các loài cỏ rạp mọc dày, bụi cây đan xen với cây kim ngân. Giống như là len qua rừng rậm vậy. Một lần nữa Titty hóa thân thành Robinson Crusoe trên đảo hoang.

Nó ra đến gần bến thì đứng sững lại. Có chuyện gì đó đã xảy ra đương lúc nó mãi ngắm chiếc tàu hơi nước và con chim hết nước lẽ độ. Nó không còn một mình trên đảo nữa. Có một chiếc thuyền nhỏ đã ghéch mũi lên bãi biển. Một chốc sau nó nhận ra chiếc thuyền. Là thuyền chèo của nông trại Holly Howe. Nó chạy lên trại thì thấy mẹ đang nhìn vào mấy cái lều trống.

“Xin chào, Thứ Sáu,” Titty vui vẻ lên tiếng.

“Xin chào, Robinson Crusoe,” mẹ đáp. Mẹ tài nhất là ở điểm này. Mẹ không giống với các thổ dân khác. Luôn có thể tin tưởng là mẹ biết hết những trò này.

Sau đấy Robinson Crusoe và Thứ Sáu ôm hôn nhau như thể họ đang giả vờ đóng vai Titty và mẹ.

“Con không biết sẽ gặp lại mẹ sớm thế sau ngày hôm qua nhĩ,” mẹ nói, “nhưng mẹ đến để báo cho John một việc. Chắc là anh con đang ở cùng thủy thủ đoàn trong bến cảng bí mật mà những thổ dân tội nghiệp không được phép thấy chứ gì.”

“Không ạ. Anh ấy hiện không có ở trên đảo,” Titty đáp. “Không ai hết ngoài con... và giờ là thêm mẹ.”

“Vậy ra con thật sự là Robinson Crusoe ư,” mẹ nói, “còn mẹ đích thị là Thứ Sáu. Giá mà biết trước thì mẹ đã để lại dấu chân to trên bãi biển.

Nhưng mấy đứa kia đâu?”

“Mọi người đều ổn cả ạ,” Titty đáp. “Sẽ về sớm thôi ạ. Tất cả đang ở trên thuyền *Chim Én* đi đánh úp tàu.” Ngoài ra con bé không thể nói thêm gì, bởi lẽ, chẳng lẽ, Thứ Sáu có thể là mẹ đấy, nhưng cũng là thổ dân, cho dù là thổ dân dễ thương nhất thế giới.

“Chắc cả đám đã đến chỗ bọn trẻ nhà Blackett chứ gì,” mẹ nói.

“Thứ Sáu không được biết gì về bọn đó hết,” Titty nói.

“Được rồi, mẹ sẽ không hỏi nữa,” mẹ bảo. “Nhưng một mình con làm gì ở đây?”

“Đúng ra con phải đang canh gác khu trại,” Titty đáp. “Nhưng khi không có ai ở đây thì thay vì canh gác con làm Robinson Crusoe cũng chẳng sao.”

“Chắc chắn là không sao rồi,” mẹ nói. “Mọi người có để lại gì cho con ăn không?”

“Con có phần của mình trong lều rồi ạ,” Titty đáp.

“À, vậy tới giờ ăn rồi đó con,” mẹ bảo. “Thế con có muốn để Thứ Sáu đun thêm củi vào đồng lửa rồi pha ít trà không nào? Mẹ không thể ở lại lâu, nhưng có lẽ mọi người sẽ về trước khi mẹ đi.”

“Con nghĩ anh chị không về kịp đâu,” Titty đáp. “Mọi người đang vượt Thái Bình Dương mà. Timbuctoo chẳng xa xôi gì so với nơi họ tới cả.”

“Ừm, mẹ cũng sẽ pha ít trà,” mẹ đáp. “Để xem mọi người để phần cho con những gì nào.”

Titty mang phần ăn của mình ra, một mớ bò khô, bánh mì nâu, một ít bánh quy và một lát bánh to. Thứ Sáu cho thế là không đủ. “Thôi,” bà nói, “mẹ nghĩ là chúng ta nên nấu chút gì đó. Thế bơ thì sao? Và khoai tây nữa? Chúng ta sẽ làm bánh bò khô nhé?”

Thứ Sáu lục trong hộp thực phẩm và tìm thấy một ít bơ hơi mềm. Bà ngửi và nói rằng nên ăn ngay, và ngày mai phải qua nông trại Dixon để lấy thêm. Bà cũng tìm thấy một ít khoai tây và muối. Robinson Crusoe cũng có trà trong khẩu phần của mình, được gói cuộn trong giấy. Nó cũng có một hộp thuốc lá đựng đầy đường.

Thứ Sáu cời lửa, chắt củi vào, lát sau ngọn lửa đã nhảy múa quanh ấm to. Bà gọt vỏ khoai tây, luộc trong nồi nhỏ đặt ở rìa bếp lửa. Bà xắt nhuyễn

mớ bò khô. Khi khoai mềm, bà vớt ra, nghiền nát rồi trộn với thịt đã xắt nhỏ, làm thành sáu bảy tấm bánh tròn tròn dẹt dẹt từ bò khô và khoai tây. Đoạn bà cho ít bơ vào chảo cho chảy ra, rồi chiên bánh bò khô cho tới khi chúng lèo xèo và phồng lên. Robinson Crusoe pha trà.

Sau khi ăn xong một bữa thật ngon, Robinson Crusoe nói, “Này Thứ Sáu, cậu kể cho tôi nghe về cuộc đời của cậu trước khi lên đảo này nhé?”

Thứ Sáu ngay lập tức kể câu chuyện suýt bị thổ dân ăn thịt, phải nhảy ra khỏi nãi hân vào phút chót mới thoát thân được.

“Cậu không bị bỏng tuột da sao?” Robinson Crusoe hỏi.

“Bỏng khắp ấy chứ,” Thứ Sáu đáp, “nhưng tôi lấy bơ đắp lên những chỗ rát nhất.”

Rồi Thứ Sáu quên mất mình là Thứ Sáu mà lại trở về vai mẹ, kể về tuổi thơ của bà trong một nông trại cừu ở Úc, và về con đà điểu sa mạc đẻ ra trứng to bằng đầu em bé, cùng những con chuột sóc chạy quanh, các con của chúng trong túi trước bụng, và về việc kangaroo có thể đá chết người, về những con rắn trốn trong bụi đất. Đến đây thì Robinson Crusoe cũng quên bém vai Robinson Crusoe, lại thành Titty, kể về con rắn con bé tận mắt thấy trong hộp xì gà cất trong lều của những người thợ đốt than. Rồi nó kể cho mẹ nghe về con chim hét nước, về cái kiêu nó cúi chào và bay là là mặt nước. Sau đó mẹ kể về trận hạn hán ở trại cừu, khi mưa không có lấy một hạt còn giếng thì khô khốc, phải lừa đàn gia súc đi hàng dặm để tìm nước uống, hàng ngàn hàng ngàn con bỏ mạng. Rồi bà kể về con ngựa con của mình khi còn bé, về những con gấu nâu nhỏ xíu bố bà bắt được trong rừng, chúng hay liếm sạch mấy ngón tay giùm bà khi bà nhúng tay vào lọ mật.

Thời gian trôi rất nhanh, nhanh hơn nhiều so với khi Robinson Crusoe ở một mình. Nhưng thỉnh thoảng Thứ Sáu bật dậy và nói rằng bà phải về nhà.

“Mẹ không thể chờ thêm được nữa,” mẹ nói. “Mẹ phải về với Vicky. Tiếc là mẹ không kịp gặp John. Mẹ thấy hôm qua nó lo nghĩ về những gì ông Turner đã nói với nó, nên định hỏi liệu John có muốn mẹ viết cho cô Blackett bảo cô ấy nói cho anh trai mình biết là John chưa từng động vào chiếc thuyền của ông ấy hay không.”

Titty không chắc. Còn phải lo đến bọn cướp biển Amazon nữa. Để thổ dân nhúng tay vào thì không được. Vì thế nó bảo là sẽ chuyển lời của mẹ

cho John ngay khi anh ấy về.

“Mà sao mấy đứa ấy đi lâu thế nhỉ,” mẹ băn khoăn. “Con có chắc là mình con ở đây sẽ ổn không? Con có muốn về Holly Howe cùng mẹ không? Con có thể trông chừng và gọi mọi người khi họ đi ngang qua nhà, hoặc con sang thăm ngủ lại với mẹ r ồi sáng hôm sau sang nông trại Dixon để về cùng mọi người khi họ đến lấy sữa ấy. Chúng ta có thể để lại mẫu giấy báo cho John biết con đã đi đâu.”

Thoạt đầu Titty nghĩ là nó muốn đi lắm. Không hiểu sao nhưng khi mẹ đi r ồi, hòn đảo có vẻ cô quạnh hơn so với lúc mẹ chưa đến. Nhưng nó nhớ đến ngọn đèn báo và ngọn hải đăng, và nó đang nhận nhiệm vụ trông chừng trại.

“Dạ không, cảm ơn mẹ,” nó đáp. “Con muốn ở lại đây.”

Mẹ đem chảo chiên, nồi nấu, tách và đĩa xuống bên thuyền rửa trong khi Titty lau khô chúng. Sau đó bà mang lên trại, xếp lại gọn gàng. Mẹ hứng đầy ấm nước và đặt lại lên bếp, nửa trong và nửa ngoài ngọn lửa. “Để đó nước sẽ nóng,” mẹ nói, “và sẽ chóng sôi khi mọi người trở về khát khô đòi trà.”

“Con không nghĩ là mọi người sẽ về sớm thế đâu,” Titty nói.

Mẹ nhìn con bé.

“Tốt hơn hết là con đi với mẹ,” mẹ nói. “Trại tự trông chừng nó được mà.”

“Dạ không, cảm ơn mẹ,” Titty đáp chắc nịch.

“Thôi được r ồi,” mẹ nói, “nếu con chắc chắn là vậy thì sẽ ổn thôi. Nhưng đừng đợi mọi người về uống trà lâu quá. Nhà Blackett có thể bảo tội nó ở lại dùng trà r ồi.”

Titty không nói gì.

Mẹ lên thuyền, dùng chèo chống thuyền ra.

“Tạm biệt, Robinson Crusoe,” mẹ nói.

“Tạm biệt, Thứ Sáu,” Titty đáp. “Rất vui khi cậu đến đây. Hy vọng cậu thích hòn đảo của tôi.”

“Thích lắm thích lắm,” mẹ đáp.

Mẹ từ từ chèo thuyền đi. Titty chạy lên trạm quan sát để vẫy tay chào. Mẹ chèo thuyền đi ngang dưới đó. Đột nhiên hòn đảo trở nên thật sự cô

quạnh. Titty đổi ý.

“Mẹ ời,” con bé kêu lên.

Mẹ dừng tay chèo.

“Muốn đi à?” mẹ gọi.

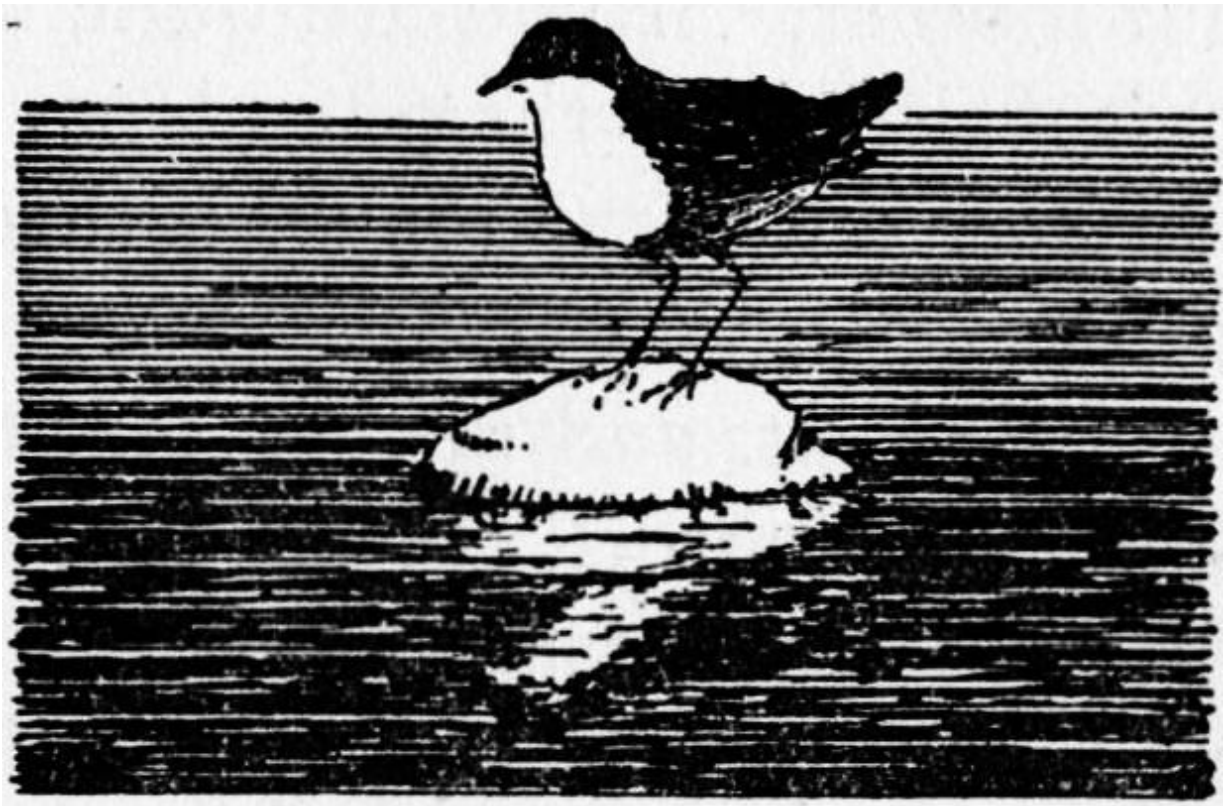
Nhưng ngay lúc ấy Titty lại nhớ rằng nó không chỉ là Robinson Crusoe, có quyền được một chiếc thuyền đi ngang qua cứu, mà nó còn là thuyền viên Titty, phải treo đèn lên cành cây lớn ngay sau lưng, để cho mọi người có thể tìm thấy hòn đảo trong đêm tối, và còn phải thắp đèn báo để mọi người có thể mang chiến lợi phẩm cập bến.

“Không ạ,” con bé đáp. “Con chỉ muốn tạm biệt thôi.”

“Tạm biệt con,” mẹ đáp.

“Tạm biệt mẹ,” Titty gọi. Nó nằm xuống trạm quan sát, dõi theo mẹ qua kính. Đột nhiên nó nhận ra không thể thấy mẹ đâu hết. Nó chớp chớp mắt, lấy ra khăn tay, lau mặt kính trước rồi lau mắt.

“Ngốc quá,” nó nhủ thầm. “Là do nhìn căng mắt thôi mà. Thử bên mắt kia vậy.”



19

Sông Amazon

Mặt trời lặn phía sau rừng đũa trên bờ hồ phía Tây. Dải nắng vắt ngang đỉnh đũa ở mạn Đông dần dần thu hẹp, cuối cùng biến mất hẳn. Gió lặng thinh. Những hòn đảo bên ngoài Rio soi bóng xuống mặt nước tĩnh lặng.

“Như vậy không được rồi,” thuyền trưởng John lên tiếng. “Có lẽ trời sẽ sập tối trước khi gió nổi lên trở lại. Chúng ta nên len lỏi qua bờ Tây và chèo thuyền dọc theo đó. Cho dù bọn nó có quan sát cũng sẽ không nhìn thấy tụi mình nếu mình áp sát bờ.”

“Tụi nó sẽ nhăm mình với ngư dân,” Susan góp lời.

“Vẫn còn cái cột buồm,” John nói. “Nhưng ta có thể hạ xuống. Dù sao, ta cũng sẽ được che chắn trong hầu hết quãng đường dọc theo bờ hồ. Anh cá là tụi nó sẽ không thấy được mình đâu. Và nếu như gió không thổi nữa, chúng ta sẽ không kịp thấy được gì hết khi ra tới sông.”

“Đi thôi,” Susan kêu.

“Cho em chèo nhé?” bả tàu Roger xin.

*

Do đã phải chờ khá lâu giữa các hòn đảo nên cả bọn đều háo hức khi được đi tiếp. Buổi sáng gió xuôi đưa cả bọn từ đảo Mèo Hoang đến vịnh Rio rất nhanh. Chúng phải dong thuyền vào ra giữa các hòn đảo để biết chắc bọn Amazon không ẩn nấp trong đấy, chờ thời cơ chiếm đảo lần nữa. Chúng phải làm sao để chắc chắn rằng thuyền *Amazon* vẫn còn ở trên sông Amazon, cho kế hoạch diễn ra suôn sẻ như hy vọng, rồi tối đến chúng có thể đi thuyền vào mà cướp con tàu. Chúng đã neo thuyền sát dưới một hòn đảo ở mạn Bắc Rio chờ trời tối. Từ đây bọn chúng có thể phóng tầm mắt

quan sát toàn bộ khu phía Bắc hồ mà không bị phát hiện, và cả ngày hôm đó chúng không rời mắt khỏi doi đất mà chúng biết sau đây là dòng Amazon cùng sào huyết của bọn cướp biển Amazon. Nhưng buổi chiều thật tình quá dài, và có lúc gần như đã xảy ra cuộc nổi loạn.

“Hay đi luôn đi,” Roger nói, và Susan cũng nói, “Sao lại không?”

Thuyền trưởng John phải nói lý lẽ với hai đứa. Mọi thứ đã được hoạch định cho một cuộc tấn công lúc hoàng hôn. Sẽ chẳng cách nào cướp được tàu *Amazon* nếu bọn chúng dong thuyền đến lúc sáng bạch. Ngoài ra, chúng đã bỏ lại thuyền viên Titty một mình trên đảo Mèo Hoang trông coi các ngọn đèn để cả bọn có thể trở về trong đêm. Chúng không thể bỏ Titty đi để rồi biến cả ngày hôm nay thành một chuyến dã ngoại thông thường được. Susan đồng tình. Roger đề nghị đi bơi thay vì ngồi chờ. Cuộc nổi loạn vì thế đã được trấn áp mà không phải đổ máu, như trong sách nói.

Thủy thủ đoàn được thuyền trưởng cho phép lên bờ như để thưởng. Cả bọn lên hòn đảo gần nơi neo thuyền. Chúng tắm tại đây, nhóm lửa trên bờ, không phải để nấu nướng gì vì chúng không mang theo ấm nước, nhưng là vì lên bờ mà không nhóm lửa thì quá phí phạm cho một hòn đảo. Chúng đã xử hết phân nửa số sữa và thức ăn đem theo. Và trong khi John ở lại bờ, cậu phái thuyền phó và bốn tàu chèo thuyền đến Rio để mua lương thực dự trữ. Hai chị em mua hết một xu sô cô la có hạnh nhân và nho khô cùng sô cô la trơn, như vậy chúng có thể có được ba loại thực phẩm cùng lúc. Hai đứa quay về. Chúng còn ghé qua nhiều đảo khác, rồi cũng có một cuộc chạm trán khó chịu với vài thổ dân, mấy người này chỉ vào bảng thông báo nói rằng hòn đảo là của tư nhân, không được cập thuyền vào.

Duy có một lần thuyền trưởng John cho rằng cậu đã trông thấy một trong hai đứa Amazon di chuyển giữa bụi thạch nam ở ngoài doi đất. Nhưng vì không có kính nên cậu cũng không dám chắc. Cũng có thể là một con cừu. Sự chờ đợi kéo dài suốt buổi chiều đến tối quả là lê thê mệt mỏi, và mặc dù chúng có cả tỷ thứ để ngắm trong mấy cái tàu hơi nước và xuồng máy rồi xuồng ba lá của thổ dân, chúng vẫn chẳng thấy cánh buồm nào khác ngoài buồm của mấy chiếc du thuyền lớn xa tít ở bờ hồ bên kia. Lần đầu tiên trong đời cả ba đứa đều ước muốn hối cho cái văng dương kia xuống càng nhanh càng tốt.

*

Rốt cuộc mặt trời cũng lặn. Trời chạng vạng tối. Không một tí gió vì thông thường gió lặn theo mặt trời, cả bọn bắt đầu lo lắng sợ trời sập tối quá sớm. Thuyền *Chim Én* bỗng chộn rà chộn rộn.

Cột buồm đã được hạ xuống, đặt nằm trên tấm ván giữa, thò ra khỏi mũi tàu. Thật ra vẫn còn chỗ cho cột buồm trong thuyền vì nó ngắn hơn chiều dài của *Chim Én*. Nhưng để xếp vào hết bên trong thì phải đặt nó nằm dọc chính giữa tàu, mà làm vậy sẽ gây vướng víu cho ai ngồi chèo.

“Mà sao cái thuyền này không có rằm néo buồm ha?” John nói. “Vả lại, chỉ có một thời gian ngắn thôi mà.”

Roger chèo. John đang chăm chú nhìn bản đồ trong quyển sách hướng dẫn. Susan cần lái.

“Dùng lưng mà chèo,” cô bé nói, “hết nhịp chèo rồi mới co cánh tay.”

“Em đang ra sức chèo đó chứ,” Roger đáp, “nhưng tại em đang mặc nhiều quần áo quá.”

“Thằng này gây tiếng ồn và bắn nước văng tung tóe quá,” thuyền trưởng nhận xét.

“Nó sẽ mệt trước khi chúng ta đến đủ gần để mà lo tới chuyện tiếng động với nước bắn,” thuyền phó nói.

“Không đâu nhé,” Roger đáp.

Bọn nhóc từ từ băng sang bờ Tây. Không ai có thể chèo *Chim Én* nhanh được. Trời tối dần. Rặng đồi đã đen thui, không nhìn ra được rừng cây trên đó. Dường như sau khi chờ quá lâu vì trời quá sáng, cả bọn rồi sẽ thất bại vì trời không đủ sáng mất.

“Thôi này Susan,” John nói, “chắc anh nên chèo thì hơn.”

Nhưng ngay khi đó mặt nước yên ắng phản chiếu màu xanh lục và ánh kim chợt gọn sóng.

“Tạ ơn trời đất,” thuyền trưởng John thốt lên. “Gió nổi lên lại rồi, cũng hướng cũ. Đôi khi gió đổi hướng sau khi mặt trời lặn, nhưng đợt này vẫn là thổi từ hướng Nam.”

Gọn sóng lẫn tăn nhiều hơn khi gió Nam thổi mạnh lên.

“Khi chúng ta quay về thì gió ngược mất thôi,” thuyền phó nói.

“Khi ấy mình đâu cần vội nữa,” John đáp.

“Sao mình không kéo buồm lên?” Roger gợi ý. “Nhưng em vẫn chưa một đầu nhé.”

“Có phải *Chim Én* có buồm màu trắng đâu nào,” thuyền trưởng John nói. “Bọn chúng sẽ không thể nhìn thấy cánh buồm nâu trong ánh sáng này, nhất là khi chúng ta cập sát bờ. Và nhờ hướng gió này ta có thể làm được. Được rồi, thuyền phó. Hãy bảo thủy thủ thu chèo vào.”

“Dễ thôi,” thuyền phó đáp. “Cất chèo!”

Roger ngưng chèo và đầu tiên nâng một cây chèo lên sau đó nâng tiếp cây còn lại khỏi khe lắp chèo rồi nhẹ nhàng đặt xuống.

“Giữ hướng mũi tàu,” thuyền trưởng John ra lệnh.

“Rõ, thưa thuyền trưởng,” thuyền phó trả lời. Khi gió lặng, người trên thuyền cứ vật và vật vờ, nhưng chỉ có tí gió thôi là ai nấy lệ làng thoăn thoắt ngay.

John cố dựng cột buồm lên thật khế. Cậu móc trục căng buồm vào trục lặn và căng buồm. Có chút gió từ hướng Tây nên cây sào căng buồm quật qua mạn phải tàu.

“Giờ thuyền cứ là lao vun vút,” bầy tàu nói.

“Anh không muốn đến đó sớm quá,” John bảo, “nhưng anh muốn ra đến sông khi trời vẫn còn đủ sáng để quan sát nhưng cũng đủ trễ để bọn cướp biển mất cảnh giác mà chén chú chén anh trong sào huyệt.”

“Peggy nói là tụi nó ăn bữa tối lúc bảy giờ rưỡi,” Susan nói.

“Thế thì bữa đã qua lâu rồi,” John nói. “Anh nghĩ bọn mình sẽ ổn thôi.”

Rải rác dọc hai bên bờ hồ lấp ló ánh đèn trong nhà của thổ dân. Phía sau thuyền, trên các hòn đảo, là một cụm lớn ánh đèn từ vịnh Rio. Nhưng trời cũng chưa tối hẳn, dù sao Hôm đã bắt đầu xuất hiện.

Chim Én đang di chuyển khá nhanh nên thấm thoát mấy anh em đã tiến vào đến doi đất, và có thể trông thấy một khối đen lù lù trước mắt.

“Chúng ta phải hạ thấp cánh buồm xuống thôi,” thuyền trưởng nói.

Cậu tự mình hạ buồm. Cậu không thể tin tưởng thậm chí là cả Susan có thể hạ buồm mà không gây tiếng động. Sau đó cậu vốc nước làm ướt khe cắm chèo để chúng đừng kêu kêu kệt.

Thuyền *Chim Én* rẽ qua khỏi mũi doi đất. Qua bên kia doi đất là một vịnh nước rộng với mấy thảm cỏ rậm mọc hai bên. Đâu đó ở đâu vịnh là căn nhà có ánh đèn hắt ra từ mấy cửa sổ. Ánh đèn ấy, do phản chiếu xuống nước, nên cho thấy được chính xác đâu là cửa sông giữa đám lau sậy. Một chốc sau chúng không nhìn thấy bóng phản chiếu nữa và biết là mình đã trôi hơi xa.

“Nào nào thuyền phó,” John thì thầm. “Em sẽ chèo nhé, yên lặng hết mức có thể được không? Roger ra đằng trước quan sát đi. Có thấy gì cũng đừng hét ần lên đấy. Chỉ cần thì thảo cho thuyền phó biết là được.”

“Thế cột buồm thì sao?” thuyền phó hỏi.

“Nếu chúng đang quan sát, chúng sẽ nhìn thấy thuyền và nhận ra ngay,” thuyền trưởng John nói. “Nếu không, có cột buồm cũng chẳng nhằm nhò gì. Nếu chúng đang ở trong một trong mấy căn phòng sáng đèn kia, chúng sẽ không thể thấy gì ngoài đây cả. Anh dám chắc mình đã qua mặt tụi nó, nếu có thể tìm thấy nhà thuyền. Chúng đã lao ra nghênh chiến từ lâu rồi nếu thấy được chúng ta.”

Thuyền phó chèo từng sải thật chậm, thật đều tay. Hai tay chèo không gây ra một tiếng động nào. Chúng di chuyển lên xuống trên mặt nước mà không làm nước văng tung tóe. *Chim Én* đã vào tới vùng nước êm, được phần cao của doi đất che chắn. John lái thuyền cho tới khi nhìn thấy ánh đèn của ngôi nhà phản chiếu xuống nước. Đây là cửa sông giữa đám lau sậy. Cậu lái thuyền hướng tới đó. Giờ đây lau sậy cao cao ở hai bên cả bọn. Chúng đã vào đến sông Amazon.

“Nhà thuyền ở đâu đó trên bờ phải,” John thì thầm. “Tức là bên trái của chúng ta. Bảo Roger dõi tìm bên kia đi.”

Đột nhiên có tiếng đập nước mạnh, rồi tiếng quang quác trong đám lau sậy.

“Gì vậy?” Susan giật mình.

“Vịt ấy mà,” thuyền trưởng đáp.

Susan tiếp tục chèo.

Có tiếng thì thầm từ chỗ quan sát. “Nó kia. Em thấy rồi.”

“Đâu?” thuyền phó vừa thì thầm thì vừa nhìn qua vai.

“Đó,” bầy tàu đáp.

Bên trên đám lau sậy, không xa phía trước lắm, từ bờ sông bên phải hiện lên hình thù vuông vức đen thui của một tòa nhà lớn.

“Đúng rồi,” thuyền trưởng thì thào.

“Nhà thuyền,” đến lượt thuyền phó.

“Yên nào.”

“Suýt.”

Nhà thuyền ở sâu trong một con lạch nhỏ giữa đám lau sậy. Thuyền trưởng John hướng thuyền về phía ấy.

“Mọi người cẩn thận!” cậu thì thào. Dòng sông im phắc như tờ khi *Chim Én* trôi đi. Trong căn nhà thấp sáng đèn có tiếng nhạc vọng ra.

“Thuyền trưởng Nancy nói là nhà thuyền có hình đầu lâu xương chéo trên đó,” thuyền trưởng John thì thầm.

“Em thấy rồi. Em thấy rồi,” Roger kêu lên.

“Im nào. Yên lặng chứ,” thuyền phó rít.

“Đúng rồi, nó đó,” thuyền trưởng John nói khẽ.

Đằng trước căn nhà thuyền to không có cửa, phía trên đầu lối vào, một hình đầu lâu xương chéo to như voi được đeo bằng gỗ và sơn trắng.

“Em thấy bên trong đó không,” thuyền trưởng John hỏi.

“Có một chiếc thuyền to bên trong,” Roger đáp.

“Bọn chúng bảo sẽ có một chiếc thuyền to. Là xuồng máy của thổ dân. Cột buồm của chúng ta có lách dưới dầm đó được không? Từ từ, từ từ nào.”

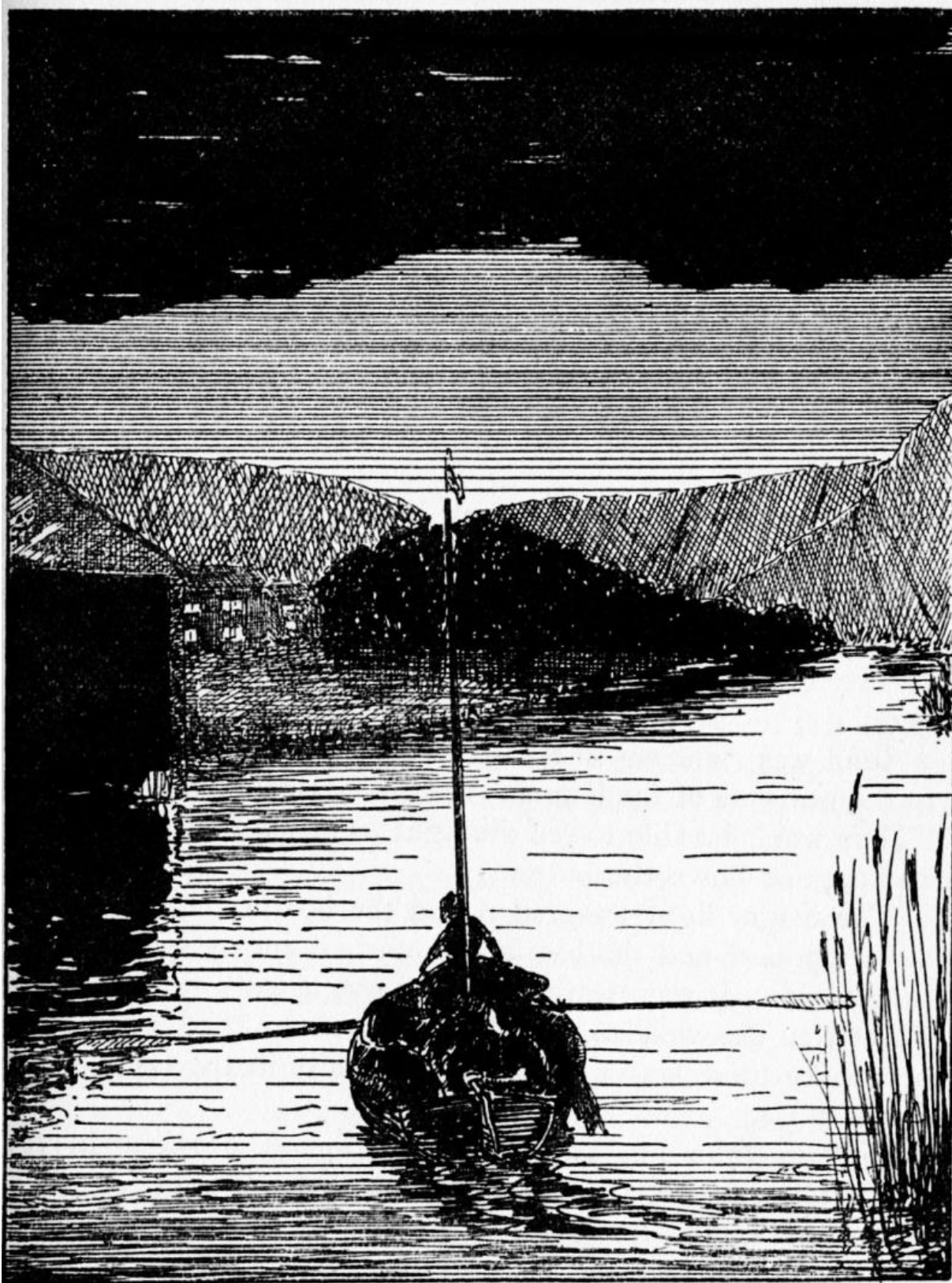
Chim Én lách vào trong căn nhà thuyền to tối om khi Susan cất hai cây chèo lên.

“Có một chiếc thuyền chèo,” Roger thì thầm rõ to.

“Coi chừng. Đừng đâm vào chiếc xuồng lớn chứ,” Susan thì thào.

“Không có gì khác hết,” Roger nói. “Thuyền *Amazon* không có ở đây.”

John đứng ở đuôi thuyền *Chim Én*, bám vào mép chiếc xuồng máy. Cậu lấy đèn pin ra. “Tụi nó từ trong nhà sẽ không thấy ánh đèn này đâu,” cậu nói, và bấm nút.



NHÀ THUYỀN CỦA DỊCH

Ánh đèn chập chờn quét một lượt khắp nhà thuyền. Đèn soi rõ một chiếc thuyền chèo và chiếc xuồng to và một khoảng trống ở đầu kia. Rõ ràng có một chiếc thuyền thường được neo ở đấy. Trên cái bệ gỗ ốp dọc vách nhà thuyền có một phong bì lớn ghim lên, dưới ánh đèn pin phong bì nổi trắng toát.

Thuyền trưởng John đẩy tay nới xuồng máy và thuyền *Chim Én* di chuyển sang bức tường kia. Roger chụp lấy phong bì.

“Đưa cho chị,” thuyền phó nói, và bầy tàu ngoan ngoãn đưa lại.

Thuyền trưởng và thuyền phó sẫm soi phong bì dưới ánh đèn pin. Có hình đầu lâu xương chéo vẽ bằng bút chì đỏ trên đó. Bên dưới có dòng chữ xanh, “Gửi nhà Chim Én.” John mở phong bì. Bên trong có một tờ giấy cũng có vẽ hình đầu lâu xương chéo bằng bút chì xanh. Bên dưới là chữ “Ha! Ha” màu đỏ viết rõ to, sau đó là chữ “Cướp biển Amazon,” và hai cái tên, “Nancy Blackett, thuyền trưởng” và “Peggy Blackett, thuyền phó” cũng màu đỏ.

Thuyền trưởng John suy nghĩ một chốc.

“Khá là đơn giản,” cậu nói. “Tụi nó giấu thuyền ở đâu sông. Là chiêu của bọn cướp biển hồi xưa ấy mà. Chúng ta biết tụi nó không đem ra biển, vì ta đã theo dõi cả ngày. Đi nào.” Cậu tắt đèn pin.

Cả bọn chống thuyền ra lại.

Bên ngoài có vẻ sáng sủa hơn tí so với bóng tối bên trong nhà thuyền lớn.

“Nào cậu thuyền phó, bắt tay chèo đi,” thuyền trưởng John ra lệnh. “Vẫn còn đủ sáng để tìm thấy thuyền nếu chúng ta nhanh chân vào.”

Thuyền phó Susan gò người trên tay chèo và tàu *Chim Én* chạy nhanh ra sông. John căng mắt nhìn trong hoàng hôn nhập nhoạng, giữ cho tàu tránh đám lau sậy. Một chốc sau chúng đã ở khúc quanh ra sông.

*

Một lần nữa lại có tiếng tóe nước trong đám lau sậy mọc dày ở cửa sông. Một lần nữa một con vịt kêu quang quác. Nó kêu thêm hai ba lần nữa

cho đến khi có giọng nói nghiêm khắc vang lên, “Thôi đi, đờng. Đừng có mà làm quá chứ.”

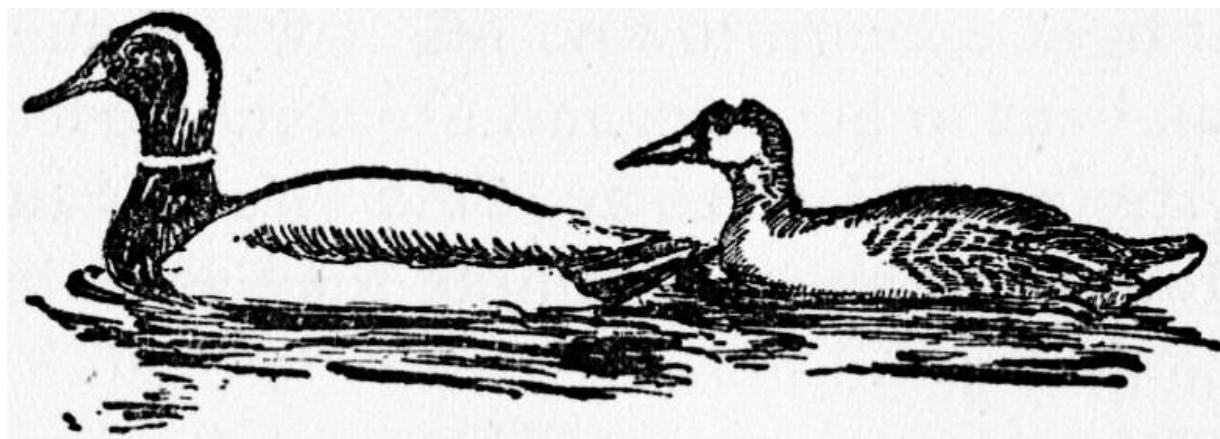
Mũi thuyền lách ra khỏi bãi sậy. Phía trên mũi thuyền là đầu thuyền trưởng Nancy Blackett. Con nhỏ quan sát một chốc rồi nghe ngóng.

“Yên rồi,” nó nói. “Tụi nó lên đầu sông rồi. Như vậy mình khởi hành sớm hơn được một chút. Đi nào.”

Có thêm tiếng nước văng tung tóe bên trong đám sậy khi Peggy Blackett chống sào xuống đẩy đuôi thuyền. Con thuyền ra khỏi bãi sậy đến cửa sông và nhắm hướng ra hồ. Thuyền trưởng Nancy cầm chèo. Nó ra sức chèo mạnh trong vài phút.

“Giờ an toàn rồi,” nó nói. “Tao sẽ dựng cột buồm lên. May là mình đã nghĩ đến chuyện hạ nó xuống, không thì tụi nó đã nhìn thấy mình trong bãi sậy rồi. Giữ chặt dây kéo cột buồm chính vào, cái đồ đầu đất ạ,” con nhỏ nói bằng giọng hết sức khoái trá. Nó giương buồm lên.

“Nào nào, em yêu,” Nancy nói khi leo xuống đuôi thuyền. “Đảo Mèo Hoang và quân Amazon muôn năm! Ta bịp được bọn này cũng hay thật.”



20

Titty đơn độc

Khi mẹ đi rỗi, thủy viên Titty nghĩ rằng nên đi vòng quanh đảo của mình. Mọi thứ đều đúng nơi đúng chỗ.

Con chim hét nước đã quay lại tảng đá bên ngoài cảng và cứ mãi gục gặc đầu với con bé, thủy viên Titty cũng gật gáp đáp lại, nhưng lần này nó đứng khá xa nên con chim không bay đi mà vẫn đứng im trên tảng đá, gục gặc đầu hai ba lần mỗi phút. Titty theo dõi chú chim nhảy tồm xuống nước rồi lại bay lên, rồi con bé tiếp tục đi tuần. Cuối cùng nó quay về trại đun thêm củi vào đồng lửa.

Bỗng nó nhớ ra Robinson Crusoe có viết nhật ký hàng hải, còn nó thì có mang theo cuốn tập cho cùng mục đích. Nó ngửi xuống dưới ánh nắng ngay cửa lều của mình rồi viết “NHẬT KÝ HÀNG HẢI” bằng chữ hoa ngay đầu trang. Tiếc thay lâu nay nó không đếm ngày bằng cách khắc vạch trên cây gậy, nhưng vì chỉ còn có một ngày để biên vào nhật ký nên chuyện ấy cũng không quan trọng gì. Thế là nó viết:

“Vào ngày này hai mươi lăm năm về trước mình bị đắm tàu rồi dạt vào nơi hoang vắng này. Gió thổi hướng Tây Nam. Biển êm. Sương mù vào sáng sớm. Gặp một con chim lịch sự. Nhìn thấy nó bay dưới nước. Phát hiện một chiếc xuồng của thổ dân ngoài bờ biển. Thổ dân này rất thân thiện. Tên bà ấy là Thứ Sáu. Ở quê bà ấy có kangaroo. Có cả gấu. Trong cảnh cô độc này mình thấy vui làm sao khi được nghe giọng nói con người, dù con người đó là thổ dân. Thứ Sáu chuẩn bị bữa tối cho mình. Bánh nhân bò khô với trà. Bà ấy chống xuồng đi về vùng đất liền nơi thổ dân sinh sống. Bà ấy...”

Thủy viên Titty không nghĩ ra thêm gì để viết tiếp nữa. Nó đã ghi lại đầy đủ. Không còn gì để kể cho tới khi có gì khác xảy ra. Nó giở lại cuốn *Robinson Crusoe*, không hẳn để đọc vì nó đã đọc đi đọc lại quyển này

không biết bao nhiêu lần rồi, mà chỉ lướt hết trang này qua trang khác. Nó lật ngay đoạn kể chuyện ngủ trên cây vì sợ bọn dã thú đang đói mồi.

“Tôi đi tới cái cây, trèo lên đấy, ráng dọn chỗ để có thể ngủ mà không bị té xuống; và đã đeo cho mình một cây gậy ngắn giống như cái dùi cui để tự vệ, tôi dọn đồ đạc lên, và do đã hoàn toàn kiệt sức, tôi thiếp đi ngay, và ngủ thật thoải mái, tôi tin là ít có ai rơi vào hoàn cảnh giống như vậy lại ngủ ngon được thế, và tôi cảm thấy hoàn toàn lại sức như là chưa từng lâm vào hoàn cảnh này.”

Con bé thắc mắc liệu Robinson Crusoe có thường ngủ trên cây không, và liệu trên đảo này có cái cây nào an toàn để ngủ trên đó được hay không. Nhưng mà cũng đâu có con dã thú đói mồi nào ở đây đâu nhỉ.

Sau đó nó đọc tới đoạn viết về những dấu chân trên cát và nhớ lại một số việc lẽ ra nó đã có thể nói với Thứ Sáu.

Đoạn, lật đi lật lại một lúc nó gặp đoạn khiến nó nhớ đến thuyền trưởng Flint.

“Suốt thời gian làm việc,” Robinson Crusoe viết, “tôi tiêu khiển bằng cách nói chuyện với con vẹt của mình, và dạy nó nói; tôi đã nhanh chóng dạy nó nói được tên nó, và cuối cùng đã có thể kêu rõ to... *Poll...* đây là từ đầu tiên tôi nghe được trên đảo mà không phải thốt ra từ miệng mình...”

Dĩ nhiên, giả như nó có được một con vẹt, hòn đảo sẽ thật hoàn hảo. Titty nghĩ đến con vẹt xanh đậu ở trên lan can nhà bè. Rồi nó nhớ đến mấy con chim dễ cùi bay lòng vòng hót riu rít trên các tán cây trong ngày nhóm Chim Én đến thăm những người đốt than. Bọn dễ cùi, giống như vẹt xanh, đem dòng suy nghĩ của nó về tới thuyền trưởng Flint, vì nó nhớ đến thông điệp mà hai người kia gửi cho bọn Amazon. Nó nhớ đến lời nhắn, rằng hai ông kia cho là sẽ có kẻ đột nhập nhà bè nên thuyền trưởng Flint cần phải khóa cửa. Đoạn nó nhớ John đã cố gắng chuyển lời còn thuyền trưởng Flint thì đang cúi chẳng thèm nghe, mà còn gọi John là thằng nói láo. Giờ lại thêm chuyện mẹ muốn chuyển lời cho thuyền trưởng Flint bằng cách viết cho mẹ của bọn Amazon. Rồi chuyện John đi ra sông Amazon, không phải để gặp bọn Amazon, mà là để chiếm thuyền của chúng. Cho nên lời nhắn đến ngày mai mới được chuyển cho bọn Amazon lận.

“Thây kệ thuyền trưởng Flint,” nó thốt lên thành tiếng, rồi bỏ cuốn sách qua một bên và mang kính đi lên trạm gác để quan sát. Có vô số

thuyền trên hồ, và qua kính viễn vọng, nó có thể nhìn thấy đám chim cốc trên cành cây trụi lá trên đảo Chim Cốc. Dù vậy thời gian trôi qua rất chậm. Thậm chí là pha trà, luộc hai quả trứng, chén sạch, chén thêm cả mớ bánh mì và mút đường như cũng không mất quá nhiều thời gian so với khi ta đang vội để làm chuyện tiếp theo. Đường như nó chỉ mất một đến hai phút ở trại nấu nướng ăn uống rồi rửa chén bát và quay lại trạm gác ngay, bụng thắc mắc không biết chuyện gì đang xảy ra với nhóm Chim Én. Nó biết còn lâu mọi người mới về vì phải đợi đến khi mặt trời lặn mới vào sông Amazon. Mặt trời còn lâu mới lặn, và đối với thuyền viên Titty trên đảo của nó thì thời gian để mặt trời lặn còn lâu hơn so với thuyền trưởng, bãi tàu và thuyền phó đang ở đâu đó xa xôi tận Rio.

Cuối cùng mặt trời cũng lặn. Chiếc tàu hơi nước cuối cùng, chiếc đánh dấu giờ đi ngủ của Roger, chạy xuôi hồ. Ngư phủ thổ dân cuối cùng chèo thuyền đi vào vùng tranh tối tranh sáng rồi biến mất. Titty trở thành người giữ ngọn hải đăng trên mỏm đá đơn độc.

Con bé thấp ngọn đèn lớn rồi kéo treo lên cây và buộc chắc lại. Ngọn đèn tỏa ánh sáng chói lòa ở trên kia, cao xa trên đầu, làm con bé nghĩ đến chuyện bơi ra xa để xem đèn trông như thế nào trên mặt nước. Nhưng rồi nó quyết định, đây không hẳn là trò mà người gác hải đăng nên làm. Người đó có thể bị dòng hải lưu cuốn đi, rồi khi đèn cháy hết sẽ không có ai châm thêm dầu, rồi sẽ có con tàu lớn nào đẩy đâm đầu vào đá trong đêm tối mất.

Trước khi trời tối mù làm nó không thể nhìn thấy việc mình đang làm mà không có đèn pin, Titty lấy một trong hai ngọn đèn thấp bằng nến để treo lên cái đỉnh trên cây chĩa ba. Mở đèn này ra để thấp ở trên đó sẽ dễ hơn là thấp trước rồi mò quanh tìm cây đỉnh mà treo vào. Rồi nó quay xuống trại. “Mọi người có thể chiếm thuyền *Amazon* bất cứ lúc nào,” nó nghĩ, nên cứ bồn chồn không yên. Một hai lần gì đấy nó chạy lên trạm quan sát để kiểm tra xem đèn trên ngọn hải đăng có đang cháy đều không, dù nó có thể nhìn thấy quầng sáng ngọn đèn qua tán lá mà không cần phải rời khỏi trại.

Cuối cùng nó quyết định rằng thật ra chẳng có gì cần làm ngoài việc phải chờ và lắng nghe tiếng cú rúc, ám hiệu cho biết là anh em nhà Chim Én đã về và đang chờ đèn của nó làm đèn hiệu dẫn đường để mọi người có thể đưa *Chim Én* và *Amazon* vào cảng. “Ấy là trong trường hợp mọi người chiếm được thuyền,” nó nghĩ.

Titty vui lửa rõ kỹ, mọi que củi đều chĩa vào chính giữa, rồi được phủ bằng mây nắm đất mà Susan đã để sẵn. Vui thế khiến mọi vật tối om om, nên con bé khơi lửa ra lại. Dù sao thì vẫn còn cả đồng củi từ chuyến hàng anh em nó mang về đảo này hai ngày trước đây cơ mà. Nó thấp ngọn đèn nền thứ hai tính đọc sách, nhưng dù có đèn nền thì đọc sách vẫn không dễ dàng gì, vì ngọn lửa cứ nhảy lờn vờn tỏa bóng tối xuống trang sách. Rồi nó chợt nhớ ra chỉ còn có một mẫu nến ngắn ngắn trong đèn mà thôi, mà đèn lại cần cho ngoài cảng. Nó thổi tắt nến đi. Nó không dám nằm xuống giường của mình vì sợ ngủ quên mất không nghe được tín hiệu khi thuyền *Chim Én* quay về. Thế là nó đem cả hai tấm chăn của mình ra khỏi lều. Nó cuộn mình trong một tấm còn tấm kia khoác thành áo choàng với mũ trùm rồi ngồi đó canh đồng lửa, đèn pin cùng lờng đèn ngay bên cạnh. Hộp diêm quẹt trong túi áo. Nó cẩn thận vụ này lắm. Nó có thể cảm nhận được hộp diêm qua lều chăn...

Đó là điếu cuối cùng nó nhớ được.

Titty bị đánh thức vì gió thốc vào mặt và một hồi cú rúc thật dài. “Tu huuuuu. Tu huuuuu.”

Nó ngồi bật dậy. Nó đang ở đâu thế nhỉ? Lửa đã lụi đi thành đồng than lờng. Xung quanh tối thui, nhưng vẫn còn le lói ánh sáng cao cao trên rừng cây sau lưng nó. À ngọn hải đăng, chứ gì nữa. Nó nghe tiếng hụ ấy cách đây bao lâu rồi nhỉ? Có phải trước lúc nó ngủ gật, hay mới vừa thức thì, hay chỉ là con cú trong mơ?

Nó cố nhồm dậy, nhưng quên mất mình đang cuộn người trong chăn như xác ướp. Chắc hẳn tiếng cú rúc đó đã đánh thức nó dậy rồi. John, Susan và Roger chắc là đang dong thuyền trong đêm tối với hai chiếc thuyền, đang thắc mắc không biết vì sao mà đèn chưa được thắp lên. Nó lờm cờm đứng lên dỏng tai nghe. Nó chẳng nghe thấy gì trong một hồi, và rồi đâu đó trên mặt hồ vang lên tiếng kéo kệt của sào căng buồm quay vút đi khi thuyền đổi hướng.

Nó mò mẫm trên mặt đất tìm đèn pin. Tìm thấy rồi, lờng đèn thì sát ngay cạnh. Nó bật đèn pin lên chạy ủa ra khỏi trại nhanh thật nhanh, vừa chạy vừa vấp, dọc theo lối mòn dẫn ra cảng. Mẹ tặng bọn chúng đèn pin

vào sinh nhật của Vicky thật tốt quá. Dù có đèn pin nhưng chạy vẫn khó khăn vô cùng. May là nó đã dọn sạch mấy nhánh cây dọc đường.

Nó tìm đến được cây có chạc ba rồi lấy hộp diêm ra, bỏ đèn pin vào túi áo để hai tay được rảnh. Cây diêm đầu tiên tắt phụt, cây thứ hai khi vừa đưa lên để châm đèn thì cũng tắt nốt. Nhưng đến cây thứ ba thì thắp được. Nó dễ dàng thắp luôn ngọn đèn kia rồi treo vào cây đình trên mòm cây cụt có dấu chéo màu trắng.

Ha, giờ John với Susan có thể nhìn thấy đèn rồi đây. Nhưng nhớ mấy anh chị đã phải chờ quá lâu rồi thì sao nhỉ? Nó, con Titty, con bé thủyên viên, đã ngủ thiếp đi vào ngay lúc đáng ra phải tỉnh như sáo. Nhớ anh chị cố mà bơi vào cảng giữa đêm đen rồi bị va thủyên vào rặng đá bên ngoài vỡ toác thì làm sao đây?

Đột nhiên một con cú to bự bay xẹt sát ngang đầu nó, giữa hai cái đèn hiệu, do bị ánh sáng từ đèn làm cho quá mắt.

“Tu huuuuuu. Tu huuuuuu,” Titty nghe thấy khi con cú bay vút vào màn đêm.

Chắc cái nó vừa nghe thấy chẳng phải tín hiệu cú rúc đâu. Có lẽ này giờ nó sợ vô lý thôi, và *Chim Én* vẫn còn ở xa lắm. Ấy nhưng, cái tiếng kéo kẹt nghe lại vô cùng giống tiếng thanh sào căng buồm của *Chim Én* khi đổi hướng.

Nhưng đúng lúc ấy, đâu đó trong màn đêm trước mặt, bên ngoài hải cảng, nó nghe thấy âm thanh buồm hạ xuống thủyên, rồi tiếng cọt két thoáng cái, cái thứ âm thanh mái chèo tạo ra khi được dùng để khua thủyên đằng đuôi.

Nó vừa định reo lên vui mừng để chào đón thủyên *Chim Én* thì bỗng nghe ra giọng nói, không phải giọng John hay Susan hay Roger gì cả.

Giọng nói bảo, “Bọn này có sáng kiến quá hay, biết thắp đèn để đánh dấu kia.”

Titty thoáng nghĩ đến chuyện thôi tắt đèn đi. Nhưng muộn quá rồi. Thủyên đã vào gần sát. Vài giây nữa nó sẽ ghéch lên cạn cách đây vài mét thôi.

Titty ng ỏi thụp xuống đằng sau tảng đá lớn. Sao nó lại ngủ quên mất chứ? Tiếng nó vừa nghe được là một con cú thật chứ chẳng phải tín hiệu từ *Chim Én* gì. Giá mà tỉnh táo được thì nó đã biết rồi. Thế nên giờ đây, khi

được giao ở lại canh gác, nó đã thả đèn đưa đường cho bọn Amazon vào trong cảng, rồi nhà Chim Én khi quay về sẽ thấy hòn đảo đã lọt vào tay kẻ thù. Mọi người có bao giờ tha thứ cho nó không đây?

Nancy Blackett đã đứng ngoài bãi.

“Đi đâu tao không hiểu là,” con bé nói, “làm thế nào bọn chúng lại về đến đây trước mình chứ. Tao chắc tao nghe thấy chúng đi ngược lên sông mà. Hẳn bọn nó phải chèo nhanh như gió ấy. Chứ dòng buồm không được đâu. Mà tao không nghĩ chúng chèo mà về được nhanh vậy, dù bọn mình chạy ngược gió suốt thôi. Là bọn mình có trông thấy hay nghe thấy chúng gì đâu trong mỗi lần trở chiề. Thôi nào Peggy, hoạt bát lên, soi đèn coi.”

“Diêm ảm hết rồi,” Peggy đáp, nhưng ngay lúc đó từ thuyền lóe lên ánh sáng, rồi sau đấy Peggy leo lên bờ tay cầm đèn bão.

“Sao không thấy bọn chúng đây?” con bé hỏi.

“Chúng chỉ thả đèn lên cho bọn mình rồi lui về trại thôi,” thuyền trưởng Nancy bảo, “vờ như là chúng đã về tới trước hàng giờ rồi ấy. Đi nào. Đưa đèn đây nào.”

Đám hải tặc Amazon đi ngang qua thật gần thuyền viên Titty đến nỗi suýt chút chạm vào nó. Hai đứa vội vàng đi vào lối mòn.

Titty vừa rạp mình xuống vừa run.

Nó nghe thấy Peggy nói, “Chờ em với. Không có đèn em chẳng nhìn thấy gì cả.”

Tiếng bước chân bọn chúng nghe mỗi lúc một xa dần. Rồi im lặng chỉ còn tiếng gió lùa qua lá. Bọn Amazon đã đi đến khu trại.

Titty không biết phải làm gì đây. Thua trận rồi, thua đau thua đớn. Thay vì là thuyền *Chim Én* quay trở về cùng chiến thuyền *Amazon* chiếm được, do Susan cầm lái như thủy thủ đoàn chiến thắng, thì bây giờ mọi chuyện hỏng bét hết. Nhà Chim Én không những không chiếm được *Amazon*, mà bọn Amazon lại đặt chân lên đảo Mèo Hoang, cái thuyền cướp biển thì đang nằm yên ả trong cảng. Giá mà nó không thả đèn lên thì bọn kia đến sáng mai mới vào được, mà đến lúc đó *Chim Én* chắc cũng đã về tới rồi.

Ngay lúc ấy nó nghe thấy tiếng bọn Amazon quát to ở đâu kia hòn đảo. “Bớ nhà Chim Én! Bớ thuyền trưởng John!”

Giọng nói ấy tiến đến gần hơn. Bọn Amazon đang quay trở lại.

Khi ấy Titty nảy ra một ý.

Ngã nào thì chuyện ai trong đám Chim Én là người chiếm được thuyền *Amazon* đâu có quan trọng đâu. Và *Amazon* thì đang nằm đây, không người canh gác. Sao lại không nhỉ?

Ngay lập tức Titty nhồm dậy chạy ra bãi và thoát sau là đã phập phồng dưới nước, tay bấu vào đuôi thuyền *Amazon* lôi thuyền ra khỏi cảng trước dọc theo mép mấy tảng đá lớn. Đoạn nó lôi đèn pin ra, bật loáng một cái vừa đủ để tìm ra cặp mái chèo. Mái chèo này không hẳn là giống với mái chèo của *Chim Én*, nhưng nó vẫn xoay xở được. Nó đứng đằng đuôi thuyền *Amazon* mà chèo, mắt dõi theo hai ánh đèn do nó thắp lên. Nó nhớ là dù có xảy ra chuyện gì thì nó cũng phải canh sao hai ánh đèn thẳng hàng, đèn này trùng lên đèn kia. Có lúc chúng chệch nhau dù nó đã cố hết sức, nhưng nó xoay xở rất tốt, mặc cho cái học xiêm cùng buồm được hạ với cả sào căng và trục căng thiết là ngáng đường hết chỗ. Nó không va mạnh vào đâu hết, và chỉ vừa khua nước đưa đuôi thuyền hải tặc tránh được đá thì ngọn nến trong một đèn lồng chấp chới r ối tắt đi. “Là cái đèn mình dùng trên trại,” nó nghĩ. “May là mình không đọc thêm nữa.” Nó tiếp tục chèo ngược thêm chấp nữa để cho chắc mình đã an toàn. Nó biết gió sẽ thổi đẩy nó ngược về phía đảo, nên nó quay đầu thuyền *Amazon* lại, ng ồi xuống thanh ván giữa, xoạc hai chân hai bên học xiêm mà bắt đầu chèo đúng điệu, giữ cho gió thổi mơn bên má phải.

Nó mất dấu ngọn đèn hiệu còn lại. R ồi lại nhìn thấy, r ồi ánh đèn bão lập lòe qua rừng cây, bọn Amazon đã quay trở ra cảng.

Nó nghỉ tay chèo để thuyền dạt tự do, lắng tai nghe nhưng chẳng nghe được gì. Ngay sau đó nó nhìn thấy ánh đèn khác, cao hơn hẳn. Là ngọn hải đăng, đèn vẫn đang cháy sáng cao cao trên cây gần trạm quan sát. Nó biết gió đang đẩy nó ngược lên đầu trên hồ, quá đảo. Nó đẩy mạnh chèo trái đưa đầu *Amazon* về gần hướng gió hơn. Đoạn nó chèo khoan thai.

Mà cũng khó nhọc lắm. Nó không thể cứ chèo mãi thế này suốt đêm được. Đi đầu tốt nhất nó có thể làm là neo thuyền vào chỗ nào đó an toàn nhất. Nó nghỉ chèo, thu chèo lại, bật đèn pin lên, r ồi bò l ồm c ồm ra trước. Đúng r ồi, ngay mũi tàu có mỏ neo với rất nhiều dây thừng. Nó nhớ có nghe John bảo Susan là không bao giờ được thả neo ra mà chưa chắc là đầu dây buộc vào neo được cột thật chặt. Nó c ần đèn pin bới bới vào cuộn dây

thường. Có vẻ chắc đây. Dây thừng được cột cứng vào khoen ốc. Nó đặt neo vào chỗ dễ vớ lấy nhất, đoạn vênh ưỡn lại cạnh chèo, chèo cật lực cắt ngang qua và hơi xuôi theo chiều gió về phía bờ hồ phía Tây. Lúc này nó chẳng nhìn thấy gì ngoài ánh đèn trên cây hải đăng. Nó chẳng muốn neo thuyền lại bất cứ chỗ nào gần đảo khi bình minh lên cả. Ai mà biết được bọn hải tặc kia bơi giỏi đến mức nào? Bờ hồ bên kia mới là an toàn.

Đột nhiên nó nghe thấy tiếng nước khò lên đá, gần thật gần. Đưa thuyền *Amazon* vào bờ giữa đêm đen thế này là hoàn toàn không thể. Nó ngừng chèo, lại bò ra trước, hạ neo xuống gần mũi, tay chuyền tay thả dây thừng ra. Neo tiến xuống, từng thước một. Ít ra đây cũng là vùng nước sâu. Rồi neo không còn trì tay nữa. Neo đã chạm đáy. Titty thả cho phần thừng còn lại rơi ra nốt. Thuyền *Amazon* trôi dạt ra sau rồi khê giạt ngược lại.

“Dù có chuyện gì thì cũng phải đến sáng mai thôi,” con nhỏ thuyền viên tự nhủ. “John sẽ không cập bờ trong đêm tối đâu khi một trong hai đèn hiệu đã tắt. Mình chiếm được *Amazon*, cuối cùng thì *Chim Én* sẽ là tàu chỉ huy. Giờ thì không thể còn chuyện gì nữa cả.”

Nó đã lằm. Không thể nào nói là sẽ không có gì xảy ra thêm nữa.

Giờ đây khi thuyền chiếm được đã neo đậu an toàn, nó cố hết sức làm mọi chuyện giống như trên thuyền, nhưng trong đêm đen thì chẳng làm gì nhiều được cả, dù có cây đèn pin nhỏ giúp sức. Nhưng nó cuộn buồm lại gọn hết sức mình. Nó tìm thấy một tấm thảm nên cuộn mình trong đấy, vì giờ này ngoài hồ nước trời lạnh ghê gớm khi nó không chèo. Nó cũng lục ra được một tảng sô cô la to. Thế là nó ăn luôn. “Người ta luôn ăn hết những gì tìm thấy trên tàu chiếm được cơ mà,” nó tự nhủ khi đang cắn khoản không biết có nên ăn hay không. Nó ngả xuống lòng thuyền, hơi lùi sau học xiêm, để giữ ấm và tránh được gió. Nó ăn sạch sô cô la, bắt đầu thắc mắc còn mấy tiếng nữa thì trời sáng, thì bỗng nhiên nó cứng người, như con thỏ vừa nhìn thấy người trên cánh đồng.

Nó nghe ra một tiếng động mới.

Là tiếng chèo khua, thật nhanh thật mạnh, âm thanh của hai cặp chèo trên một con thuyền thổ dân, loại mái chèo đóng chết vào chốt, và tiếng ì oạp của mũi thuyền xẻ vào từng đợt sóng ngắn. Nó rành âm thanh này lắm.

Âm thanh đấy tiến đến mỗi lúc một gần. Đi ngang sát qua nó. Oạp Oạp. Nó có thể nghe ra tiếng mái chèo vỗ nước thật gần đến nỗi nó tưởng

nhìn ra được cả con thuyền trong bóng tối.

Thuyền viên Titty chẳng dám thở. Đây không phải đám Chim Én cũng chẳng phải Amazon, mà là thổ dân. Mà họ đang làm cái gì mới được giữa đêm khuya khi mà người ta, tất nhiên là trừ đám cướp biển với mấy nhà thám hiểm ra, đúng ra phải đi ngủ hết rồi chứ?

“Chắc là gần đến chỗ đó rồi đây.” Giọng một người đàn ông, vang vang trong gió, từ bóng tối vọng đến chỗ Titty.

“Chưa đâu. Nhìn đèn bọ nhỏ thấp trên đảo kia kìa. Cũng còn phải đến cả trăm mét là ít.”

“Tao nghe thấy gì này. Dám chắc là nó không xa đâu. Chậm lại chút đi.”

Có tiếng va đập gần đầu đó phía trước.

“Đã bảo rồi, thằng ngu. Mày làm nát cả cái thuyền thối này rồi.”

“Vậy thì leo ra kéo thuyền lên đi.”

“Cắt cái mũ mày che đèn coi, cho chút ánh sáng coi.”

Có tiếng nước bắn lên, rồi tiếng thuyền bị kéo lên đá. Rồi quầng sáng lóa lên của loại đèn xe đạp.

“Thuyền không sao. Chắc trầy chút sơn thôi. Bọn mình may là nó không bị thủng.”

“Vậy giúp bọn tao một tay khuân cái thùng lên nào. Sẽ không có ai tìm ra nó ở đây đâu.”

“Nếu mày cứ huơ huơ cái đèn kia thì sẽ có người tìm ra đấy. Tốt hơn mình nên đem nó theo đi.”

“Bọn mình đâu có chở nó trên xe máy được. Phải lấy ô tô mới chở được.”

“Cút thật. Sao mày không đem cái đục theo mà đục nó ra chứ?”

“Thông minh quá nhỉ. Có ai biết là thằng cha đó lại cất đồ trong cái thứ như thế này đâu. Để mở được nó không chỉ cần đến đục không đâu.”

“Chỉ toàn là công cốc.”

“Hừ, thì cũng đã làm rồi. Mà theo như sức nặng của nó thì mày cũng đoán được phải là thứ gì đáng giá đấy chứ. Nếu không thì thằng cha ấy đã không cất trong cái thứ như này đâu. Thôi, giúp một tay nào.”

Có tiếng chân lạo xạo trên đá, tiếng chửi thề, rồi âm thanh của mấy tảng đá nặng bị ném xuống thứ gì đấy làm bằng gỗ và kim loại.

Rồi lại tiếng nói.

“Lần tới bọn mình đem cần câu ra đây, vớ thứ gì đó bỏ vào. Giờ thì chả ai tìm ra nó đâu dù có đến đây. Mà cứ càu nhàu cẩu nhẩu suốt thôi. Tao ước gì tao đi một mình cho xong.”

“Cứ ước đi.”

“Đây thuyền ra đi. Có chắc không bị rò không đấy?”

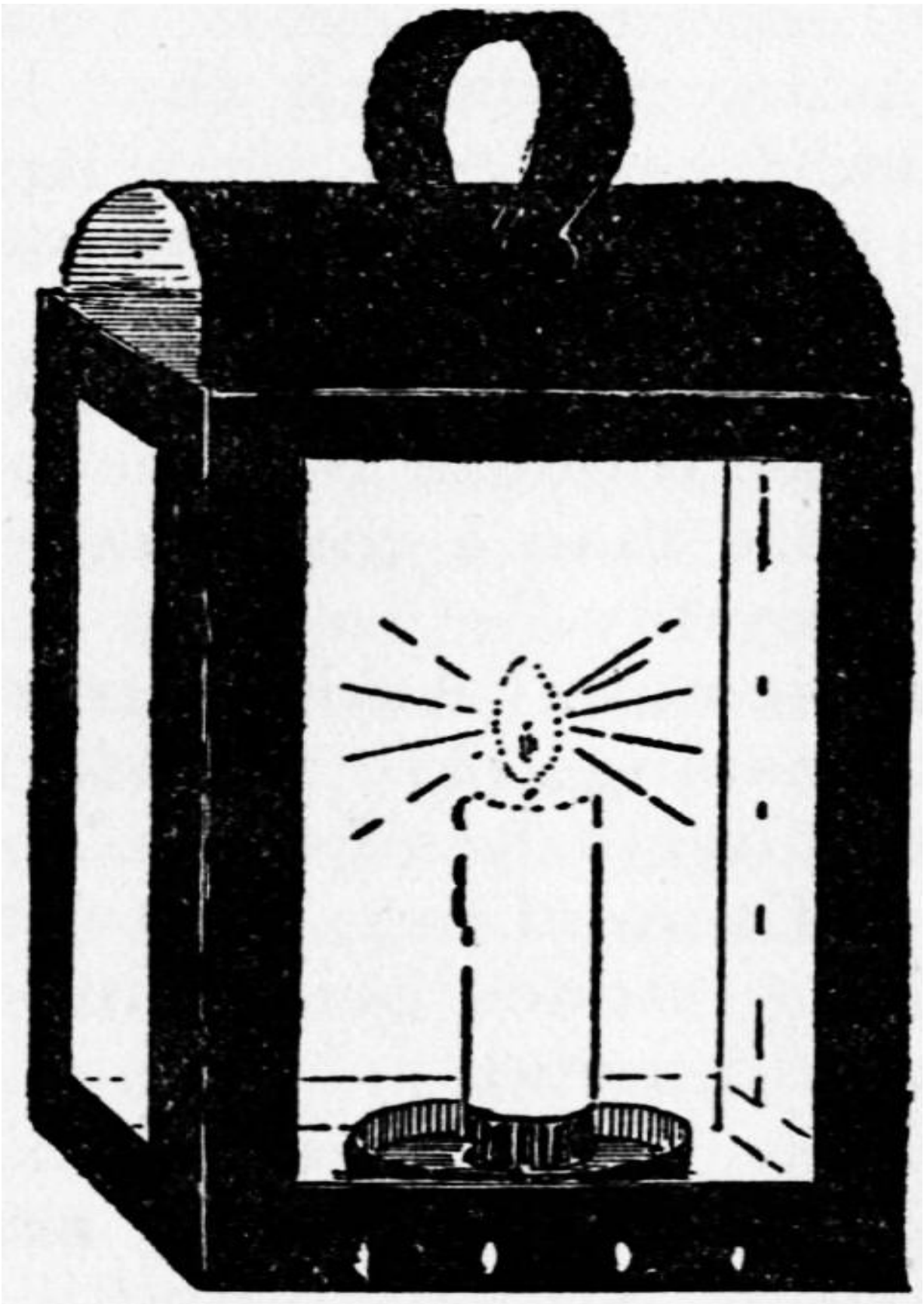
“Không mà, không rò đâu. Nhưng nếu có rò thì cũng lỗi tại mày thôi.”

“Thế thì đẩy nó ra đi, ráng hết sức vào. Bọn mình phải đi xa hẳn khỏi chỗ này trước khi có kẻ nào đánh động.”

Âm thanh chèo đi lại vang lên. Lần này thì tiếng động ấy nhanh chóng lịm dần.

“Bọn này nghe chẳng giống mấy thổ dân dễ thương chút nào,” Titty tự nhủ. Nó lắng nghe, mồm há hốc, cho đến khi chẳng nghe thấy gì nữa, mắt nhìn căng vào màn đêm. Mắt nó nhắm một hai lần gì đó. Nó cố lấy ngón tay chống mắt lên. “Mình sẽ lại ngủ mất thôi,” nó bảo, “biết là sẽ ngủ mà.”

Nó quá đúng.



21

Nhà Chim Én trong bóng đêm

SUSAN chèo, Roger canh gác đằng mũi tàu, còn thuyền trưởng John cầm bánh lái, con thuyền *Chim Én* lướt đi trên dòng sông Amazon trong bóng tối nhanh chóng xuống dề. Hai bên là những đám sậy cao vút, tiếp đó là một bãi chầy gia súc, ở đó bọn trẻ có thể nhìn thấy bóng cây in trên nền trời thăm dề, tiếp đó lại là những đám sậy, vây quanh chúng như thể cả bọn đang đi trong hẻm nhỏ giữa những bức tường cao ngất. Bất thành linh dòng sông rộng mở thành mặt hồ lớn với những đám sậy cao bao quanh, ngoại trừ nơi dòng chảy đi vào và chảy ra.

“Đây chắc hẳn được gọi là phá r ấ,” thuyền trưởng John bảo. “Là một nơi tuyệt vời cho bọn chúng giấu thuyền. Anh ước gì trời không quá tối thế này.”

Cậu đánh bánh lái sang mạn phải tàu mạnh đến nỗi thuyền *Chim Én* bị ngoặt bất ngờ sang mạn trái.

“Anh bẻ lái bất thành linh như vậy khó chèo quá đi,” Susan bảo.

“Xin lỗi,” John bảo. “Anh muốn chạy gần bờ trong khu vực này. Anh không muốn nhìn sót.”

“Có cái gì đó đang lôi mái chèo của em đây này,” Susan bảo, “em không nhắc nó lên được.”

Con thuyền dừng lại.

John ngoái nhìn qua mạn tàu.

“Hoa súng,” cậu bảo. “Trời đang càng lúc càng tối r ấ đấy.”

“Chúng bám lấy mái chèo như đám bạch tuộc ấy,” Susan bảo.

“Có lẽ chúng là lũ bạch tuộc thật,” Roger nói. “Titty đã đọc cho em nghe bọn bạch tuộc vươn những cánh tay ra dài như thế nào, và chộp lấy người kéo ra khỏi thuyền.”

Giọng Roger lộ vẻ đầy hoảng sợ ở phần boong mũi tàu. Thuyền trưởng John lập tức nắm quyền chỉ huy.

“Vớ vẩn quá, Roger,” cậu bảo, “Không phải lũ bạch tuộc đâu. Chúng chỉ là hoa thôi.” Cậu rướn người ra phía trước và nhặt lên một cái, cũng không dễ dàng gì. “Nhìn đây này,” cậu bảo. “Đưa cho nó xem đi Susan. Để nó tự nhìn đi. Chỉ là những bông hoa thôi. Chỉ có cuống là dai kinh khủng. Cố chèo ra giữa đó, thuyền phó ạ.”

“Được rồi. Chỉ là những bông hoa thôi mà,” Roger bảo, mân mê hoa súng và miết những ngón tay xuống phần thân trơn chắc. “Nhưng dù cho chúng là lũ bạch tuộc em cũng chẳng nề hà gì.”

Susan đã cố gắng hết sức. Nhưng mái chèo bị mắc kẹt dưới những lá hoa súng dẹt và rộng cuộn chặt lại với nhau. Những thân hoa súng trơn nhẵn, dẹt dẹt dài dài quấn vào nhau và giữ chặt mái chèo lại như đám dây thừng bện chặt. Con bé làm rơi mái chèo xuống nước. Nó lập tức nhặt lên, lần mò tìm, vì rất khó nhận ra đâu là mái chèo màu nâu của thuyền *Chim Én* trong làn nước đen ngòm. *Chim Én* di chuyển như thể đang bị đẩy vào một vật gì đó có độ đàn hồi, nó oằn xuống một chút rồi lấy lại được sức lực đẩy bật thuyền ngược trở lại.

“Mấy cái hoa này phiền quá đi,” Roger bảo.

“Để anh chèo cho một đoạn,” John nói.

Thuyền trưởng và thuyền phó đổi chỗ cho nhau. John cố gắng chèo tà tà trên mặt nước, giữ cho mái chèo xuôi xuống và chếch ra phía trước để khi cậu khua chèo thì mái chèo không thọc quá sâu trong làn nước và không vướng dưới những đám lá mỏng. Cách này có vẻ hữu hiệu hơn. Chẳng mấy chốc thuyền *Chim Én* không còn vướng hoa súng nữa.

“Em không dịch bánh lái được,” Susan bảo. “Chỉ được chút ít à.”

“Chắc hẳn một thân cây súng bị vướng vào đuôi lái và thuyền rồi,” thuyền trưởng John bảo. “Để anh gỡ nó ra.” Cậu cởi áo khoác, xắn tay áo, và thọc tay xuống nước ở phần đuôi thuyền. Không chỉ một mà cả nửa tá thân cây súng dính chùm vào nhau, lèn chặt đuôi lái. Cậu bẻ gãy một ít rồi giật những mẩu kẹt giữa đuôi lái và sống thuyền.

“Hết rồi đấy,” cậu nói, và lại khua mái chèo. Cậu tiếp tục chèo, bảo Susan không lái quá gần đám sậy, nơi có hoa súng, nhưng cũng không

được đi quá xa bờ. Vặt lộn với đám hoa súng mất quá nhiều thời gian mà trời thì càng lúc càng tối hơn.

“Thôi,” Susan bảo, “trời tối quá không thể tìm thấy *Amazon* bây giờ đâu. Tốt hơn chúng ta nên bỏ cuộc và quay về nhé?”

“Nếu chúng ta chờ cho đến khi trời sáng, chúng ta sẽ tìm ra được thôi,” thuyền trưởng John đáp.

“Nhưng còn Titty thì sao?” Susan hỏi. “Thêm nữa, có lẽ *Amazon* không có ở đây đâu.”

“Chắc hẳn nó đang ở đâu đó trên sông,” John đáp. “Nhưng anh đã quên bếng Titty rồi. Chúng ta quay lại vậy.”

Cậu quay đầu thuyền *Chim Én* lại rồi tiếp tục chèo.

“Không lái được gì cả,” Susan bảo, “em không thấy đường.”

John thình lình giật mạnh mái chèo.

“Một đồng hoa súng nữa này,” cậu bảo.

Cậu kéo *Chim Én* ra khỏi đám hoa súng và thế là mũi thuyền đâm vào đám sậy.

“Tiếp tục quan sát đi, Roger,” thuyền phó ra lệnh.

“Có gì mà nhìn đâu,” Roger đáp, “đến khi em nhìn thấy thì đã trễ rồi.”

Một hồi lâu cả bọn mới tìm được nơi dòng sông thoát khỏi vũng nước. Bọn chúng đã chèo thẳng qua khoảng trống, vì sợ đến quá gần đám sậy. Và cuối cùng cả bọn cho rằng nếu có ai nhìn thấy ánh sáng ở đây thì họ cũng không nghi ngờ đó là cái gì, nên bọn trẻ sử dụng đèn pin. Roger không thể lấy đèn pin của mình ra, nó sử dụng đèn của John vì John đang chèo. Susan có đèn pin riêng rồi. Thật khó nhìn rõ ngay cả khi soi đèn. Ánh sáng yếu ớt bật lên, lóe bên đây, lóe bên kia soi các đám sậy dập dờn. Nhưng hai bên vạt ánh đèn vẫn là bóng tối. Khi chúng đi tiếp, bóng tối biến thành lau sậy khi quầng sáng chiếu vào. Cuối cùng chúng cũng tìm ra một vị trí mà ánh sáng đèn pin cho thấy đám sậy hai bên, nhưng không có gì ngoài bóng tối ở giữa.

“Đây chắc là cửa sông nhỉ,” John bảo.

Cậu chèo về hướng bóng tối. Con thuyền *Chim Én* vẫn còn trong vùng nước thoáng, nhưng đèn pin soi thấy đám sậy ở cả mạn phải và trái thuyền.

Đám sậy rạp về cả một hướng, và mặc dù John ngừng chèo, *Chim Én* vẫn lướt theo hướng xuôi chiều đám sậy. Cuối cùng thì thuyền đã ra sông.

John để mặc cho dòng chảy đưa *Chim Én* đi, cậu chỉ sử dụng mái chèo khi con thuyền đụng phải đám sậy.

“Đừng quơ đèn pin lên không trung như thế, Susan,” cậu bảo, “nếu không có người thấy bọn ta đấy. Chúng ta chắc hẳn đang tiến đến gần căn nhà rồi. Tắt đèn của em đi, Roger. Chúng ta không muốn làm kinh động thô dân đâu.”

Một đôi lần bọn chúng bị mắc vào đám sậy tại các khúc quanh của dòng sông, nhưng chúng thoát được mà không gặp khó khăn nào.

Chẳng mấy chốc chúng nhìn thấy ánh đèn của một ngôi nhà lớn, đứng cách xa mặt hồ.

“Chắc hẳn chúng ta đã đến gần nhà thuyền rồi,” John bảo.

“Là nó đó,” Susan la lên.

John lui thuyền. “Chúng ta phải xem xét kỹ lại một lần nữa,” cậu bảo, “cho chắc.”

Susan rọi đèn pin vào nhà thuyền. Một con dơi vụt bay ngang mặt. Một cái xuồng máy lớn nằm đấy như trước và thuyền mái chèo. Chỗ bến neo tàu Amazon vẫn trống trơn.

“Chắc hẳn chúng đã giấu nó tại nơi nào đó phía trên dòng sông kia,” John nói.

Đúng lúc đó ánh đèn trong nhà lớn lần lượt bật lên.

“Tắt đèn đi, thuyền phó,” thuyền trưởng John ra lệnh. “Nếu có người đứng ở cửa sổ nhìn ra thì họ có thể thấy ánh đèn đấy.”

Cậu lại chèo thuyền *Chim Én* ra sông. Con thuyền tiếp tục trôi đi trong bóng tối.

Không ai nói lời nào một lúc lâu. Kế hoạch đã thất bại, và chuyến đánh úp đã vạch ra trước giờ thành công cốc.

Đột nhiên chúng bắt đầu cảm nhận được chút gió nổi lên.

“Hẳn chúng ta đã đến biển khơi rồi,” thuyền trưởng John nói. “Cậu bật đèn pin được rồi đấy thuyền phó, xem cậu thấy gì nào.”

Susan lia đèn một vòng xung quanh. Không còn đám sậy nào nữa. Bốn bề không còn thấy gì ngoài làn nước lặn tẩn.

“Ô ô,” Roger thét lên, “em thấy ánh sáng đằng xa kìa.”

“Ánh đèn vịnh Rio đấy,” John nói. “Chúng ta đã ra đến ngoài. Anh sẽ kéo buồm nhé. Cần đèn pin cho chắc trong khi anh cuốn mép buồm nào. Đến bố cũng hay nói, ‘Đừng bao giờ ngại cuốn mép buồm một con thuyền nhỏ trong bóng tối.’”

Cuộn buồm trong bóng đêm, dù có sự trợ giúp từ ánh đèn pin do thuyền phó hăm hở rọi, cũng thật không dễ dàng chút nào, nhưng cuối cùng cũng xong, rồi John hướng đầu *Chim Én* vào hướng gió và kéo buồm, trong khi Susan cầm bánh lái và dây kéo buồm chính.

“Cho thuyền chạy vát bên mạn phải,” John bảo, ngay khi thuyền căng buồm, “giữ cho căng gió vào. Chúng ta phải bảo đảm tránh xa rặng đá ngoài mũi vịnh nhé.”

Ngay cả khi mép buồm đã cuộn thì vẫn có đủ gió để đẩy *Chim Én* lướt nhanh theo dòng nước với âm thanh róc rách đầu đầu dưới mũi thuyền.

“Chúng ta đang dong thuyền đúng hướng Đông đấy,” John thông báo.

“Làm sao anh biết được?” Susan hỏi.

“Thì nhìn kìa,” John đáp.

Một mảng trời rộng lớn trong vát xuất hiện trên đầu, và trên bầu trời là những vì sao to lớn.

“Nhìn kìa,” John nói. “Đó là Cái Chảo. Đó là cán chảo. Đó là thân chảo. Và hai ngôi sao nằm ở mặt trước của thân chảo chỉ ra ngôi sao hướng Bắc. Là chòm Bắc Đẩu đấy. Nó trải rộng bên mạn trái tàu, vì vậy chúng ta chắc hẳn đang dong thuyền về hướng Đông. Và ánh đèn từ Rio trải rộng bên mạn phải tàu theo hướng Nam.”

“Tại sao dân địa phương cứ gọi Cái Chảo là Gấu Lớn^[2] nhỉ?” Susan hỏi.

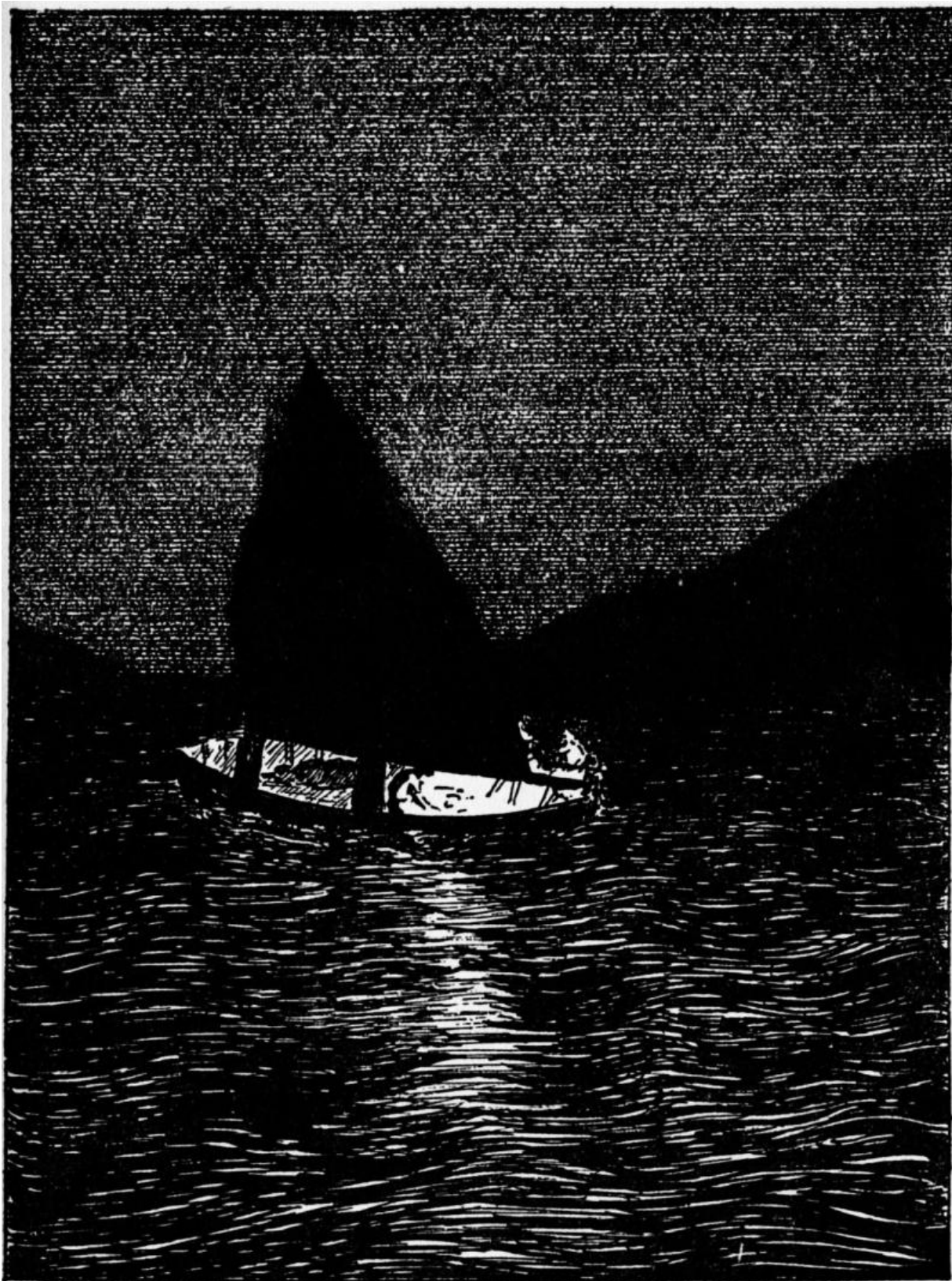
“Anh chả biết,” John đáp. “Trông nó chẳng giống con gấu chút nào cả. Giống con hươu cao cổ hơn. Nhưng chẳng có cái chảo nào tốt hơn chảo này đâu.”

“Thuyền áp sát hướng gió hơn rấ,” thuyền phó Susan thông báo.

“Để cho căng gió đi,” thuyền trưởng ra lệnh, “tiếp tục dong buồm. Nhưng giờ chắc bọn mình đã ra xa khỏi mỏm đá rồi đấy. Anh sẽ sử dụng la bàn và hải đồ đây.”

Tinh thần của thủy thủ đoàn *Chim Én* lúc này đã rất phấn chấn khi cả bọn lại ra giữa biển khơi mà không còn lẩn mò trong bóng đêm với đám sậy và hoa súng. Không gì có thể cổ vũ dũng khí của các thủy thủ bằng việc có được khoảng không gian cho thuyền xoay trở.

“Em lạnh không, Roger?” thuyền phó hỏi.



ĐI THUYỀN GIỮA ĐÊM

“Hơi lạnh,” thằng bé quan sát trả lời.

“Đi xuống dưới mép tàu mà quần cái chần này vào,” thuyền phó bảo, chuyền tấm chần ra trước qua thuyền trưởng.

John cũng lom khom trong khoang thuyền. Cậu lấy ra quyển sách hướng dẫn, và đã tìm ra hải đồ trong quyển sách nhờ vào ánh sáng của đèn pin. Sau đó cậu đặt la bàn ngay giữa ván ngang của thuyền, để cho vạch đen đánh dấu trên vành bên trong la bàn gần mũi tàu nhất. Cách đó không được, bởi vì *Chim Én* đang chao nghiêng khiến la bàn xiên xiên đi nên mặt la bàn không hoạt động. Cậu phải giữ la bàn trên tay. Mặc dù thế, mặt la bàn vẫn lắc lư. Cậu cố cầm yên la bàn trong một tay, trong khi tay kia cậu lia ánh đèn pin vào để xem hướng nào trên la bàn đối diện với vạch đen. Kim vẫn không chỉ yên một chỗ mà đu đưa qua lại.

“Gần chính Đông,” cuối cùng cậu nói. “Nào ta đưa thuyền áp gió hơn nào.”

Thuyền phó bẻ bánh lái từng tí một và *Chim Én* mỗi lúc một gần hướng gió.

“Hướng Đông, Đông Nam, Đông - Đông Nam, Đông Nam của Đông, Đông Nam,” cậu nói nhanh.

“Thuyền sẽ không đi gần hơn được nữa đâu,” thuyền phó đáp.

“Cứ lái theo hướng đó đi,” thuyền trưởng John ra lệnh. “Hướng Đông Nam ấy, hay là gần gần sát vào.” Cậu nhìn vào hải đồ trong sách. “Làm vậy thì thuyền sẽ trở buồm rồi đột bẻ lái tiếp thuyền có lẽ đi hơi quá hướng Tây Nam một chút. Nhưng vấn đề là, chúng ta không biết được một đột bẻ lái ta đi được bao xa. Chúng ta sẽ phải đi vát từng đột ngắn rồi cố gắng đi đều từng đột. Khi đó ta sẽ không đi quá sát vào bờ nào cả. Khi đến gần dãy đảo thì ta sẽ nhìn ra nhờ ánh đèn từ vịnh Rio. Anh sẽ đếm đến một trăm, và sau đó chúng ta sẽ trở buồm. Rồi anh sẽ đếm đến một trăm nữa trong đột bẻ lái tiếp và chúng ta trở buồm lần nữa.”

“Đèn ở vịnh Rio đang tắt đi kìa,” thuyền phó Susan bảo.

Quả vậy thật. Lần lượt từng ánh đèn trên đống bên trên vịnh Rio vụt tắt.

“Chắc là khuya lắm rồi nhỉ,” Susan bảo.

Mây lại che ngang qua các vì sao. Xung quanh không còn chút ánh sáng nào nữa. Con thuyền *Chim Én* bé nhỏ lao đi trong bóng tối, Susan giữ cho

con thuyền theo hướng gió, hướng thẳng tới trước và hơi chệch bánh lái lên khi con bé cảm nhận chút gió lạnh buốt bên má trái.

“Chín mươi hai, chín mươi ba, chín mươi tư, chín mươi lăm, chín mươi sáu, chín mươi bảy, chín mươi tám, chín mươi chín, một trăm... Chuẩn bị trở buồm,” John hô. Susan chuyển hướng *Chim Én*. Nước dưới sống thuyền lặn đi một chập, và rồi, khi thuyền tăng tốc, âm thanh rộn rã và dễ chịu của sóng nước lại bắt đầu.

“Anh cần bánh lái đi, John,” thuyền phó bảo, “em muốn lấy ít xô cô la cho b ể tàu.”

John cần bánh lái, tiếp tục đếm đều đều chậm rãi. Cậu đang giữ la bàn, thỉnh thoảng bật đèn pin lên và kẹp chặt đèn pin giữa hai gối, đưa la bàn ra vùng ánh sáng đó. Nhưng cách đó thật không ổn, dù cho cậu muốn nghĩ nó khả thi. Cách tốt nhất cậu có thể làm là tiếp tục dong thuyền và canh sao để thuyền đi vát từng đợt đều nhau. Rồi sau đó thì sao - chuyện gì xảy ra nếu hướng gió thay đổi chút ít?

Thuyền phó lấy bánh và xô cô la ra. Cô bé và thuyền trưởng thấy rằng cả hai cũng có thể ăn chút ít như thằng bé b ể tàu. Thằng nhỏ, được ủ ấm trong hai lớp quần áo cùng cái chăn, đang hưởng thụ hết sức mình.

“Titty chắc sẽ thích lắm?” nó hỏi.

“Thích cái gì cơ?” Susan hỏi lại.

“Dong thuyền như thế này trong bóng tối ấy,” nó trả lời.

Susan không nói gì. Cô bé không muốn nghĩ đến việc Titty ở một mình trên đảo quá lâu như vậy.

John không nói gì. Vì một nhẽ, cậu đang tự tiếp tục đếm và đã đếm gần tới số một trăm. Với lại, ánh đèn pin của Susan ở khoang thuyền, nơi con bé đang cắt các khoanh bánh và đang bẻ xô cô la, cùng ánh sáng của đèn pin trên tay cậu khi cậu sử dụng để xem la bàn, làm cho bóng tối của đêm thậm chí còn mịn màng hơn nữa. Như thế này còn hơn là mắc kẹt trên sông, tốt hơn nhiều, nhưng thuyền trưởng John biết rất rõ cậu không thật sự xác định được cả bọn đang gần bờ đến mức nào. Cậu là thuyền trưởng của *Chim Én* và không thể để thuyền đắm được. Bố cậu đã tin tưởng cậu không phải là một tên xuẩn ngốc, nhưng dong buồm trong bóng tối thế này, so với ban ngày thì cậu không rõ mình có phải thẳng ngốc hay không nữa. Và không có tí ánh sáng nào ở vịnh Rio giúp cho cậu. Xung quanh tối thui. Cậu chỉ

có thể tiếp tục cho thuyền đi vát dựa vào gió, rồi cậu lo không biết phải làm gì tiếp theo đây khi *Chim Én* đến gần cụm đảo bên ngoài vịnh. Mà làm sao cậu biết khi nào thuyền sẽ đến gần cụm đảo chứ? Để cho thủy thủ đoàn biết đến đi đâu cậu đang lo nghĩ cũng không ổn chút nào. Vì vậy cậu không nói gì, chỉ còn biết tiếp tục đếm. Có lẽ cậu đếm hơi lớn tiếng hơn lúc nãy. Cậu đã đếm đến một trăm, quay *Chim Én* về hướng ngược lại, rồi đếm lại từ đầu: “Một, hai, ba” khi con thuyền đi theo hướng bề lái tiếp theo.

Chim Én cứ hồi hải xuôi ngược băng qua mặt hồ trong bóng tối. Cụm đảo chắc cũng không còn cách xa quá.

Đột nhiên John ngừng đếm.

“Nghe kìa,” cậu thốt lên. “Là cây đấy. Anh nghe được tiếng gió lùa qua cây. Cái gì đằng kia thế?” Cậu chiếu đèn pin qua mạn thuyền. Có nước trắng xóa bắn tung tóe vào đá. Tiếng gió lùa qua cây rất gần phía trước.

“Thả dây lèo nào,” John gọi. “Hạ cánh buồm xuống. Tôm lấy trục căng buồm khi nó rơi xuống nhé.”

Susan lấy hết sức thoăn thoắt thao tác. Qua giọng John cô bé biết không còn thời gian để lãng phí đâu. Buồm được hồi hải kéo xuống. Cô bé cuộn lại nhanh hết mức có thể. Đoạn cô bé rọi đèn pin vào màn đêm trước mặt.

“Có cái gì gần đây thì phải,” Susan bảo.

Chim Én lướt đi trên vùng nước phẳng lặng. John bỏ mái chèo ra.

“Đây rồi,” Susan nói. “Gần đây lắm. Tấp vào đi, tấp vào bên trái ấy. Có cầu tàu ở đây này.”

Chim Én đụng nhẹ vào một vật gì bằng gỗ.

“Hãy bám chặt vào, bất kể nó là cái quái gì,” John gọi. Cậu gác chèo. Rồi bò lồm cồm ra trước. Ánh đèn pin làm hiện rõ thanh xà bằng gỗ đen ẩm ướt của một trong các cầu tàu do thổ dân sử dụng cho các thuyền mái chèo.

“Giơ đèn pin của em lên cao đi Susan,” cậu bảo. “Anh sẽ lên bờ xem.”

Susan giơ cao đèn pin. Thoắt cái John leo lên cầu tàu.

“Ồn rồi,” cậu bảo. “Anh tìm thấy dây neo rồi.” Cậu bật đèn pin, và Susan nhìn thấy cậu đứng trên bến tàu thắt dây neo vào cột còn *Chim Én* dạt lùi lại.

“Dù sao chẳng nữa, ở đây bọn mình cũng không sao,” cậu nói. “May cho chúng ta là đã không va phải tảng đá khi đi ngang qua. Không biết đây là hòn đảo gì nhỉ.”

Cậu đi lên bãi cát, nhờ ánh sáng của ngọn đèn pin. Sau đó cậu quay lại.

“Có bảng thông báo viết, ‘Khu vực tư nhân. Cấm đỗ thuyền’.”

“Vậy giờ chúng ta làm gì?” Susan hỏi.

“Lên bờ,” thuyền trưởng John bảo. “Ta cứ lên bờ nếu muốn. Dù sao thì thổ dân giờ cũng đang ngủ cả rồi. Bọn ta sẽ ở lại đây cho đến khi trời sáng chút. Trời cũng sắp sửa hửng sáng rồi. Chỉ có bọn xuân ngốc mới cố đi qua cụm đảo trong khi trời tối như thế này.”

“Còn Titty thì sao?” Susan hỏi.

“Titty đang ở trong trại. Nó có lều mà. Nó sẽ ổn thôi. Bọn mình cũng vậy.”

Thuyền trưởng John vui khôn tả. Bây giờ nguy hiểm đã qua, cậu biết rất rõ rằng cả bọn rốt cuộc cũng có thể là những tên xuân ngốc lắm rồi, khi phóng thuyền đi trong bóng đêm ấy. Thế mà thay vì va đập vào đá thì thuyền *Chim Én* lại được ẩm cúng ở đây, cột vào bến tàu. Bọn chúng đang ở đâu không thành vấn đề. Bình minh sẽ cho biết thôi.

*

Susan nói, “Roger, em đi ngủ đi.”

Không có tiếng trả lời. Roger đã ngủ mất rồi.

John trở lại thuyền.

“Coi chừng anh làm nó thức giấc đấy,” Susan nói. John bước rón rén qua thằng bé đang ngủ.

“Còn hai cái chăn nữa nè,” Susan nói.

“Anh sẽ không ngủ đâu,” John đáp, an tọa thoải mái dưới lòng thuyền. “Em ngủ đi.”

“Em bảo này, John,” một vài phút sau Susan thì thầm.

Lại không có tiếng trả lời.

Vài phút sau đó con bé cũng ngủ thiếp đi.

*

Gió thổi bạt mây đi và các vì sao tỏa sáng cao tí trên đầu *Chim Én* và thủy thủ đoàn đang say ngủ. Bầu trời xanh sẫm bắt đầu nhạt đi bên trên các rặng đá phía Đông. Cụm đảo tùm quanh vịnh Rio trở thành khối đen trên cái nền không còn tối bằng nó. Màu sắc của nước cũng thay đổi. Nước từng đen ngòm như các ngọn đá và bầu trời, và giờ đây khi bầu trời cùng dãy đá nhạt màu đi thì mặt nước cũng vậy. Cụm đảo tối om giờ mang một màu xanh đục và xám, còn làn nước lẫn lẫn có màu của ấm trà bằng thiếc.

*

Khi John tỉnh giấc thì vẫn còn lâu trời mới hừng Đông, nhưng đã đủ sáng để dong buồm. Cậu giật mình tỉnh giấc, và hơi xấu hổ vì đã ngủ thiếp đi. Cậu mừng vì cậu là người đầu tiên thức giấc. Ngay lập tức cậu biết cả bọn đang ở đâu, đang neo vào bên tàu ở một trong các hòn đảo nhỏ ở đầu phía Bắc vịnh Rio. Cậu cố gắng tháo neo và kéo buồm lên mà không làm mấy đứa kia tỉnh giấc, nhưng, khi cậu di chuyển, mấy đứa kia cũng cựa cựa.

Roger ngáp dài, rướn người qua mép thuyền để nhìn sang bên kia. Thằng bé chỉ nhìn được một cái rờ, không nói thêm tiếng nào, nằm xuống ngủ tiếp.

Susan bừng tỉnh như là người thức dậy để chuẩn bị bữa sáng cho cả gia đình.

“Này,” con bé nói, “lẽ ra chúng ta dong buồm từ lâu rồi. Trời đã sáng bạch thế kia.”

“Thôi nào,” John nói. “Em cần lấy dây kéo lá buồm chính, trong khi đó anh căng buồm. Anh chẳng muốn làm em thức giấc đâu... nhưng mà thực ra anh cũng chỉ mới dậy thôi. Hôm nay là một ngày đẹp trời nữa đây, và gió không đổi hướng.”

Cậu tháo dây neo rồi chỉ quấn một vòng quanh cột trụ ở cuối bến tàu. Đoạn cậu giương buồm lên. Cậu quên rằng buồm đã được cuốn mép. Tháo mép buồm ra mất không tới một phút. Dễ hơn cột buồm lại trong bóng tối

nhì ầu. Sau đó cậu kéo buồm lên một lần nữa và nhổ neo. *Chim Én* lướt nhẹ về phía sau một đoạn, sau đó bắt được làn gió và bắt đầu lướt đi. Cậu đi về phía đuôi tàu cầ bánh lái.

Susan chớp chớp mắt nhìn qua bảng thông báo cấm neo thuy ền.

“Thật ra bọn mình cũng có lên bờ đâu,” con bé nói.

Cả bọn trở hướng đi xuyên qua giữa Rio và các hòn đảo. Chúng chưa từng thấy vịnh Rio nằm hiu quạnh đến thế bao giờ. Chưa có ai thức giấc. Cửa sổ các ngôi nhà đều phủ rèm che. Những chiếc du thuyền neo trong bến. Thuyền chèo của thổ dân nằm dàn hàng trên bãi biển. Không thấy bóng dáng một thổ dân nào.

“Phải chút nữa mặt trời mới lên,” John nói, nhìn lên quầng sáng mờ mờ phía bầu trời trên các ngọn đ ầu.

Chúng dong buồm ra giữa vùng hồ bao la phía xa các hòn đảo, và chạy vát dài qua phía xa. Sau đó, “Trở buồm,” và lùi lại lần nữa. Lần trở hướng thứ hai cách xa những hòn đảo giúp bọn chúng quan sát rõ con vịnh hẹp dưới nông trại Holly Howe. Rồi đến nông trại Holly Howe, căn nhà nông trang, màu trắng trắng nằm giữa mấy hàng thủy tùng và nhựa ru ối, trên sườn đ ầu trên đỉnh cánh đ ồng thoai thoải lên. Mẹ và Vicky và vú em đang ngủ ở đó. John nhìn Susan, và Susan nhìn lại John. Hai đứa có cùng suy nghĩ, nhưng không đứa nào nói gì cả. Nói chung cũng không phải ý nghĩ dễ chịu gì. Nhưng bọn nó cũng sẽ sớm về lại trại trên đảo Mèo Hoang thôi mà.

Cuối cùng Susan lên tiếng, “Em cầ sao Titty biết suy nghĩ chút mà chịu đi ngủ đi.”

“Cá là nó không ngủ đâu,” John đáp. “Dù sao thì con bé cũng không muốn mà.”

Bọn chúng đã bỏ lại mồm Darien ở phía sau. John nhìn căn nhà bè neo vào cái phao lớn trên vịnh Nhà Bè, nhưng nó lại gọi cho cậu nhớ đến lần chạm mặt với thuyền trưởng Flint, nên cậu nhìn qua hướng khác.

Giờ thì bọn chúng có thể thấy đảo Mèo Hoang, thỉnh linh Susan kêu lên, “Titty thức rồi kìa. Nó nhóm một đống lửa rồi là to.”

Một cột khói lớn đang bốc lên từ hòn đảo.

“Ồi,” John gọi. “Có con thuyền nữa. Hả, là thuyền *Amazon*.”

“Đâu anh?” Susan hỏi.

“Đằng kia kìa. Bên mạn phải mũi tàu đấy. Kế bên đảo Chim Cốc ấy. Đợt bẻ lái này bọn mình sẽ chiếm lấy nó nhé.”

“Đúng là thuyền *Amazon* rồi,” Susan nói. “Nhưng không có ai trên đấy cả. Chắc là nó bị bung neo ở đâu đó rồi dạt ra đây thôi.”

John cẩn thận quan sát.

“Không phải nó bị dạt đâu,” cậu bảo. “Nó đang neo mà. Có lẽ bọn *Amazon* đang ngủ trên thuyền. Hoan hô! Chiếm lấy nó đi. Bọn mình sẽ lấy mỏ neo mà không làm bọn nó thức giấc rồi kéo nó về cảng. Rồi khi chúng thức dậy thì chúng đã là tù binh rồi.”

“Em không nghĩ là có ai trên thuyền đâu,” Susan nói.

“Nhảm nhí,” John đáp. “Thuyền không thể tự nhiên tới đó rồi tự neo lại được.”

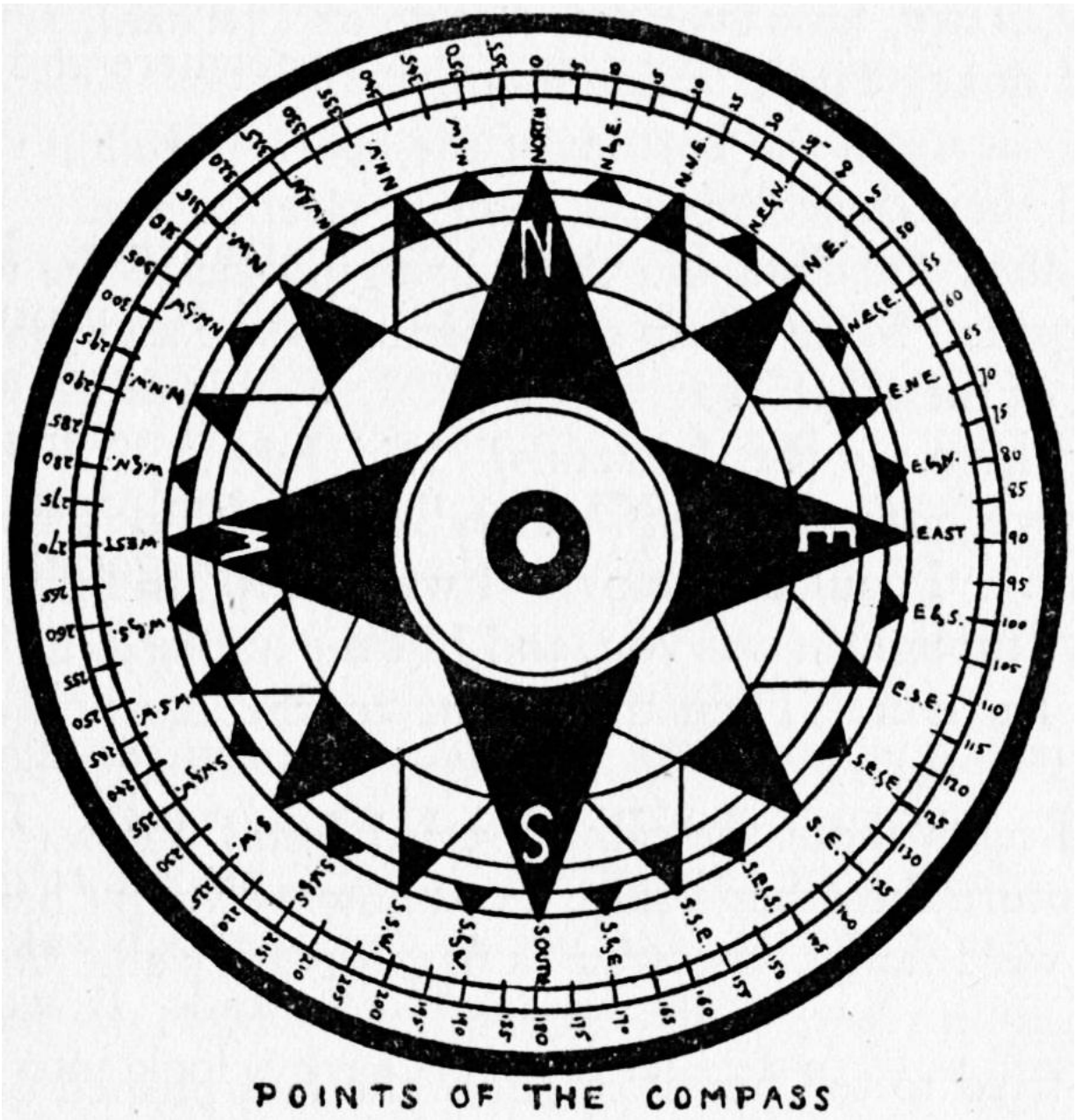
“À, mình sẽ rõ ngay ấy mà,” Susan nói.

John không đổi ngay hướng đi của *Chim Én*. Đi vát như vậy sẽ làm cho thuyền chạy về phía có gió của *Amazon*. Sau đó cậu có thể cẩn thận chèo lùi lại để nắm lấy dây mỏ neo và kéo con thuyền mà không làm thức giấc bọn cướp biển đang ngủ kia. Nhưng rồi cậu đổi ý. Tốt hơn hết là chạy đến gần dưới đuôi thuyền để nhìn vào trong thuyền. Cứ cố rút neo lên khi bọn *Amazon* chỉ giả vờ đang say ngủ thôi thì quē mặt lắm.

“Em chắc là chả có ai trên thuyền đâu,” Susan nói khi cả bọn lao thuyền đến con thuyền bé xíu đang neo kia.

Nhưng đúng lúc đó một bàn tay thò ra qua mép thuyền, rồi chớp sau, khi cả bọn vừa đi ngang qua đuôi tàu *Amazon*, thì khuôn mặt trắng bệch tóc tai đầy bùn đất của thuyền viên Titty thò ra trên thanh cửa sổ.

Từ tối qua tới giờ thuyền viên Titty đã nghĩ xem nói sao cho thích hợp. Đại loại như là “Báo cáo”, “Bắt gọn”, “Địch” và “Chiến lợi phẩm”. Nhưng vào phút chót bao từ ngữ trôi tuột hết khỏi đầu nó, và những gì nó thực sự nói ra là, “Em lấy được thuyền rồi.”



22

Lá cờ trắng

Thuyền trưởng John gào lên một tiếng hoan hô khiến đến chính nó cũng còn giật mình và làm cho cả Roger phải tỉnh giấc.

“Titty, Titty ơi, sao em làm được vậy?” cậu hỏi.

“Giỏi lắm Titty,” Susan nói.

Roger ng ẫ bật lên dưới lòng thuyền. “Titty chào nha,” nó nói r ẫ lại cuộn mình ngủ tiếp.

John chao nghiêng *Chim Én* r ẫ đưa ra hướng gió, cập vào bên cạnh. Thuyền phó Susan l ồm c ồm ra trước chộp lấy mạn thuyền *Amazon*.

“Nhưng tụi Amazon đâu?” John hỏi.

“Tụi nó chiếm trại mình r ẫ. Chiếm lấy đảo Mèo Hoang r ẫ,” Titty đáp. “Em chịu không nổi. Em buồn ngủ quá, r ẫ có con cú kia, làm em tưởng là anh chị, thế là em thấp đèn lên, tụi nó đi vào cảng. R ẫ bọn nó đi lên trại nên em chiếm lấy thuyền *Amazon*.”

“Ai thèm quan tâm đến trại chứ?” John kêu lên. “Là kẻ nào chiếm được thuyền của phe kia cơ mà. Mà giờ bọn mình chiếm được r ẫ. Vậy mà anh tưởng mình thua r ẫ kia. Dù gì thì *Chim Én* cũng là thuyền chỉ huy r ẫ nhé. Làm giỏi lắm, Titty.”

Titty ráng kể cho hết chuyện, mình bị đẩy ra ngoài trời tối như thế nào, đã tìm cách neo lại bờ bên kia ra làm sao nhưng sáng ra thì lại thấy neo tụt ngoài đảo Chim Cốc. Nào là cú... tiếng khua chèo... có mấy người cãi nhau... đèn hiệu phụt tắt... mọi chuyện cứ như hỏa mù.

“Vấn đề cốt lõi là,” thuyền trưởng John bảo, “thuyền *Amazon* là chiến lợi phẩm về tay mình. Giờ bọn mình lái cả đoàn sang kia đi. Bọn mình sẽ cập bến trước mặt kẻ thù và giành lại đảo. Hoặc là mình kêu gọi bọn nó đầu hàng, nếu không chịu thì mình sẽ bao vây vùng biển hết ngày này qua

ngày khác cho đến khi bọn chúng chết đói. Nhưng mà bọn chúng phải đầu hàng thôi. Ê ê, bọn chúng đang làm gì thế kia?”

Susan, Titty và John trở mắt nhìn sang đảo Mèo Hoang. Roger cũng lại thức dậy và nhìn theo.

Một tấm chắn to, đang đập phần phật trong gió, được từ từ kéo lên cây hải đăng. Cả bọn có thể trông thấy hai đứa nhà Amazon đang kéo dây từ bên dưới. Tấm chắn kia vừa to vừa dày, dù gió mới nổi lên nhưng cũng không thổi được cho tấm chắn căng hết mức, mà chỉ có thể vẫy vẫy được vài nhát chần chệm, rã rời.

“Là chắn của mình mà,” Susan bảo.

“Là cờ trắng đấy,” Titty nói. “Bọn chúng đang đầu hàng đấy.”

“Cũng có trắng lắm đâu,” Roger nói ngái ngủ.

“Vậy là trắng rồi,” Titty đáp. “Chị biết đấy là cờ trắng mà.”

“Bọn mình sẽ biết ngay thôi,” thuyền trưởng John bảo. “Nào thuyền phó, em hay anh lái thuyền chiến lợi phẩm đây?”

“Anh lái đi,” Susan đáp, “tại có tấm xiêm ấy.”

“Được thôi,” thuyền trưởng đáp. “Roger ở với em trên *Chim Én* nhé. Titty sẽ đi trên *Amazon*. Coi chừng nào, Titty, anh leo qua đây.”

Cậu từ thuyền này leo sang thuyền kia.

“Núu lấy dây neo của *Chim Én* khi anh dựng buồm *Amazon* nhé,” cậu bảo.

“Vâng thưa thuyền trưởng,” Titty đáp.

Thuyền phó Susan thả mạn thuyền *Amazon* ra, thế là thuyền *Chim Én* trôi ra phía sau đến cuối đoạn dây neo.

“Lá cờ hải tặc đâu ấy nhỉ?” thuyền trưởng John vừa hỏi vừa trông lên cột buồm chính xem mọi thứ có sẵn sàng hết chưa để căng buồm.

“Chúng để lại nơi đầu cột buồm đấy. Em hạ xuống ngay khi trời sáng nên có nhìn thấy. Trước đấy em không có nghĩ gì đến nó cả.”

“Em làm vậy là phải lắm,” thuyền trưởng John nói. “Đây là thuyền chiến lợi phẩm nên không được treo cờ của nó. Mà phải treo cờ của bọn mình kia, nhưng mình không có dư cờ.”

Buồm thuyền *Amazon* hình thang giống buồm của *Chim Én*, nên John căng buồm không khó khăn gì. Cậu bắt tay vào kéo dây neo lên.

“Nào nào thuyền viên, em giữ bánh lái đưa thuyền sang ngang được chứ? Thuyền này là thuyền chiến lợi phẩm của em mà. Thuyền phó ời, sẵn sàng chưa? Quăng neo cho *Chim Én* nhé?”

“Sẵn sàng rồi,” Susan đáp. “Roger, chạy ra trước cuộn dây neo lại đi.”

Roger, lúc này đã tỉnh ngủ hẳn, vội chạy lên mũi thuyền. Titty thả dây neo của *Chim Én* ra. Roger kéo lên, hai tay bắt thoăn thoắt rồi cuộn dây lại. Buồm thuyền *Chim Én* no gió và thuyền bắt đầu dịch chuyển. John kéo dây neo của *Amazon* cho đến khi dây thẳng băng.

“Được chưa Titty?”

“Rồi.”

“Thuyền dong buồm rồi đấy. Giữ cho nó no gió nhé.” John kéo dây neo lên nhanh hết sức. *Amazon* bắt đầu dịch đi, nhưng trôi về hướng khuất gió.

“Tắm xiêm chưa hạ xuống kìa,” John bảo. “Hạ xuống là thuyền đi ngon lành à. Thuyền này không có sống thuyền như *Chim Én* đâu.”

Cậu hạ xiêm xuống, thế là *Amazon* thôi không trượt ngang nữa mà đường rẽ nước của thuyền đã trải dài ra dọc theo sau đuôi thuyền.

“Ồn cả chứ Titty?” cậu hỏi.

“Ồn ạ,” con bé đáp. “À, là vâng thưa thuyền trưởng chứ.” Miệng hơi há còn hai mắt hăm hở nhìn cánh buồm, con bé đang cần lái thuyền *Amazon* lần đầu tiên trong đời. Chả trách mà nó lại nói sai cách.

Trong làn gió sớm mai đội thuyền tiến về phía đảo Mèo Hoang, thuyền *Chim Én* chạy trước một chút.

Thuyền phó Susan réo sang, “Em chạy thẳng vào cảng nhé? Đợt gió này em trở thuyền dễ như không thôi.”

“Đừng,” thuyền trưởng John can. “Tốt nhất ta nên chạy đến đài quan sát, hỏi bọn chúng xem dùng cái chằng ấy là ý gì đã.”

“Em cam đoan đấy là cò trắng mà,” Titty nói, mắt vẫn không rời khỏi buồm.

“Ta phải đoan chắc cái đã,” thuyền trưởng John bảo. “Biết đâu chúng chỉ là đang định xông ra khi chúng ta mang *Amazon* vào thì sao.”

Đến trạm quan sát, bên dưới tấm chằng đang phần phật trên ngọn cây hải đăng nơi tối qua có treo đèn lồng là hai tên hải tặc *Amazon*. Hai đứa

này chẳng đứng yên. Trông như chúng đang nhảy nhót.

“Chúng đang làm gì thế nhỉ?” thuyền trưởng John thắc mắc.

“Cái đũa đang nhảy lên nhảy xuống kia là thuyền trưởng Nancy,” Titty bảo. “Chắc là chị ta đang lờng lên phần nộ ấy mà.” Titty chỉ dám thoáng nhìn qua khoe mắt một tí thôi. Nó đang lái thuyền của chúng, và nó muốn chúng thấy là nó làm được. Nó muốn để lại đường rẽ nước thẳng tắp tắp như đường rẽ nước của chúng.

Susan bên thuyền *Chim Én* trở buồm trước khi cập đến đảo. Thuyền *Amazon* trôi qua bên dưới đuôi thuyền *Chim Én*.

“Ngay dưới trạm quan sát là vùng nước sâu,” John bảo. “Em có thể lái thuyền vào gần đấy. Sẽ mất gió đấy, nhưng sang đến bên kia là thuyền bắt gió lại ngay thôi. Thuyền đủ sức chạy sang kia mà.”

“Vâng thưa thuyền trưởng,” Titty đáp.

Bọn *Amazon* trên trạm quan sát dường như đang vẫy gọi mấy anh em. “Lẹ lẹ lên,” chúng la lớn.

Titty cho thuyền vào gần trạm quan sát, để John la lớn đáp lại nhà *Amazon*, “Đầu hàng chưa?”

Nancy Blackett la lên đáp trả, “Đầu hàng. Đầu hàng mà. Nhưng nhanh nhanh lên.”

“Nhanh lên nhé,” Peggy gào.

“Không lừa bịp gì đấy,” John gọi.

“Thề danh dự của hải tặc,” Nancy đáp.

“Thề danh dự người da đỏ luôn chứ?” John nghi hoặc hỏi lại.

“Thề danh dự người da đỏ,” Nancy đáp. “Thề danh dự của bất cứ ai cậu muốn cũng được hết. Nhưng đừng có phí thời gian nữa. Đưa thuyền vào bãi cập đi.”

“Bọn này sẽ mang thuyền vào cảng,” thuyền trưởng John đáp.

“Bãi cập bên gần hơn mà.”

“Thuyền này là chiến lợi phẩm của bọn này,” John đáp, “nên bọn này sẽ mang vào cảng.”

Thuyền *Amazon* đã phất buồm băng qua vùng nước vịnh dưới trạm quan sát. Giờ nó đã bắt lại gió, đang lẹ làng trôi đi qua eo nước giữa đảo và mạn Đông của hồ.

“Titty, cho buồm sát hướng gió đi,” thuyền trưởng John bảo.

“Sát hướng gió đây ạ,” thuyền viên Titty đáp, đưa thuyền *Amazon* áp sát hơn vào hướng gió. “Nhưng bọn kia cứ nhằng lên vì sao ấy nhỉ?”

“Có biết đâu,” thuyền trưởng John đáp. “Đừng có kìm thuyền lại. Bọn mình đua với Susan đến cảng đi. Susan sẽ chạy vát vào ở bên kia.”

Nhưng thuyền *Chim Én* có khởi đầu quá thuận tiện nên đã chạy băng băng ra vùng hồ Khi Titty đưa được thuyền chiến lợi phẩm của mình vòng mấy tảng đá mút phía Nam của đảo thì *Chim Én* đã có mặt tại đấy. Susan đã hạ buồm xòe chèo ra chờ đợi, ngay bên ngoài lối vào trong cảng.

“Không sao đâu, em cứ đi vào đi,” John gọi lớn. “Bọn chúng đầu hàng rồi. Đang vội vội vàng vàng cái gì đấy. Bọn mình sẽ cùng đi vào.”

Susan một tay chèo xuôi một tay chèo ngược, quành *Chim Én* lại, khua chèo đưa thuyền vào trong cảng.

“Đỡ em cho *Amazon* vào nhé,” Titty bảo. “Hôm qua em còn đưa nó ra ngoài giữa đêm tối được mà.”

“Nhìn nhé Titty, em thấy mấy dấu hiệu không? Gió đang đúng hướng. Em có thể đưa thuyền vào trong được đấy. Anh sẽ hạ buồm xuống khi đến lúc. Em không cần phải lo đến gì khác mà chỉ nhắm sao cho mấy dấu hiệu kia thẳng hàng đầu đuôi với nhau thôi.”

“Em sẽ cố ạ,” Titty đáp rồi bẻ lái tiến thẳng vào.

“Đừng để ý gì đến anh hết,” John bảo. “Nhắm cho mấy dấu hiệu trùng vào nhau.” Ngay khi thuyền băng thẳng vào giữa mấy vách đá thì John hạ buồm xuống rồi kéo tấm xiêm lên. “Đỡ mắt đến mấy dấu hiệu kia. Đúng rồi. Coi chừng *Chim Én* kìa. Giỏi lắm!”

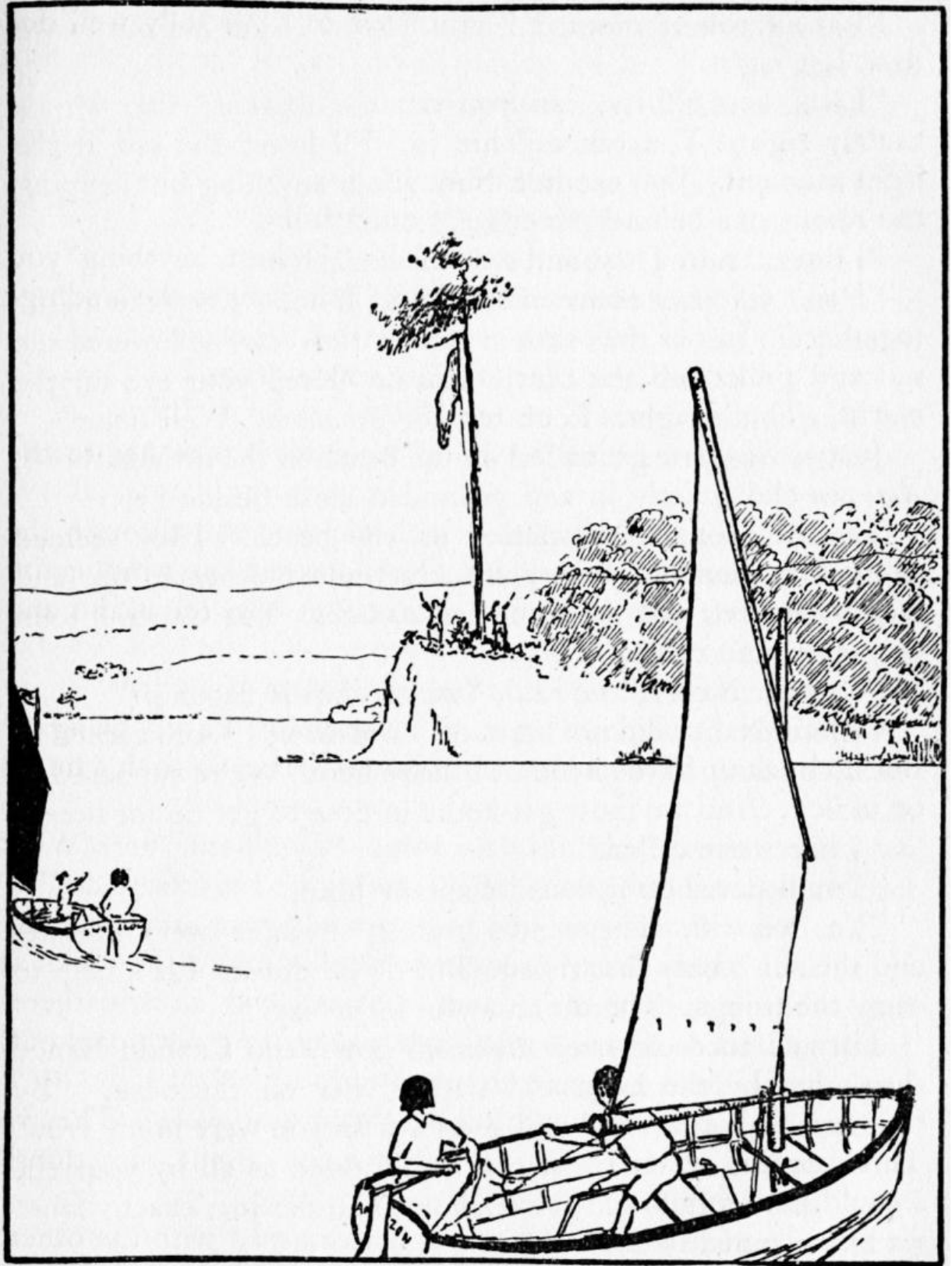
Vừa khi *Chim Én* nghiêng lên bãi sỏi trên cảng nhỏ thì *Amazon* đã lướt êm vào chạm bờ ngay cạnh *Chim Én*.

Nhà *Amazon* đang đứng chờ trên bãi. Cả hai đều trông rất thân thiện. Peggy Blackett kéo *Chim Én* lên, còn Nancy thì phụ cho *Amazon*. Nhưng thuyền trưởng John không chút lơ là.

“Thuyền trưởng Nancy,” cậu hỏi, “thuyền nào dẫn đầu hở?”

Thuyền trưởng Nancy không chút ngập ngừng. “*Chim Én* chớ thuyền nào nữa. Đã thắng cuộc về vang rồi. Nhưng mà nhanh nhanh lên nào. Không ai biết bọn tớ đang ở đây. Đáng ra bọn này phải đang ngủ kia. Với

lại bọn tớ phải trở về nhà kịp giờ thức dậy dùng điểm tâm khi mọi người gọi nữa.”



“ĐẦU HÀNG CHƯA?”

“Các cậu sẽ chẳng kịp đâu,” thuyền trưởng John nói.

“Kịp chứ. Gió đang càng lúc càng mạnh lên, còn mặt trời mới chớm mọc à. Nhưng nhanh lên nào. Giúp bọn này vác đồ lên coi. Có nhiều chuyện phải nói lắm đấy.”

Titty leo xuống qua mũi thuyền *Amazon*, thuyền trưởng Nancy bắt tay rỗi vỗ lưng con bé. “Trời đất quỷ thần ơi, cô thuyền viên kia,” Nancy bảo, “chị ước gì em là thủy thủ bên chị đấy. Sáng nay khi nhận ra em đã một mình hạ bọn chị, chị tưởng uất đến phải nuốt hết mỏ neo ấy chứ. Em đã ra tay chính xác như những gì bọn chị định làm kia.”

Susan đang dỡ chần mền đồ đạc trên thuyền *Chim Én* xuống. Roger thì đã chạy về trại. Cả bọn mỗi đứa mang vác một hai thứ. Roger chạy quay trở lại.

“Hai chị kia nhóm đông lửa thiệt to,” thằng bé kể, “ấm nước thì đang sôi nữa.”

“Có ai muốn dùng trà không?” thuyền phó Susan hỏi.

“Ơ chẳng còn thời gian đâu,” Peggy đáp.

“Đi thôi nào, nhanh nào,” Nancy bảo. “Có lắm chuyện cần nói đấy, bọn mình có thể vừa nói vừa nhấp trà cũng được.”

Nhà Chim Én và *Amazon* đi dọc men theo lối mòn dẫn đến trại. Chủ yếu là nhà *Amazon* nói huyền thuyên.

“Chuyện thật ra là,” thuyền trưởng Nancy mở lời, “bọn này được phép đến cắm trại trên đảo này vài ngày, bắt đầu từ ngày mốt...”

“Giờ nghĩa là ngày mai,” Peggy xen vào.

“Tối qua mẹ mở tiệc tại nhà, mà các cậu biết đấy, hôm nay sẽ có người đến nhà, những người mà bọn này phải ăn mặc chỉnh tề chào đón ấy. Nên cách duy nhất là bọn mình phải gây chiến vào tối qua. Bọn mình chẳng thể nào đánh đấm gì nhau khi đang sống trong cùng khu trại được. Còn trước đó thì gió máy đâu có cho phép bọn này gây chiến đâu. Cho nên phải là tối qua không thôi thì chẳng bao giờ cả. Và rỗi nhỏ thuyền viên hạ bọn này. Thua tâm phục khẩu phục.”

“Bọn tớ nổ ra tranh cãi khi thấy thuyền *Amazon* biến mất,” Peggy xen vào, “thuyền trưởng Nancy thì tưởng thuyền trôi đi đâu mất chứ, rỗi tớ bảo thuyền đâu thể nào dạt ngược gió được...”

“Peggy coi chừng nha,” thuyền trưởng Nancy hăm he.

“Ồi dào,” Peggy đáp. “Chị biết chị đã nói gì mà. Nhưng thôi, phải đến khi trời hửng sáng bọn tớ mới biết thuyền xảy ra chuyện gì. Ít ra thì thoát đầu bọn tớ không biết đâu, ngay cả khi nhìn thấy thuyền cũng không biết. Cho đến khi thuyền viên Titty đứng lên hạ cờ của bọn tớ xuống.”

“Ừm,” thuyền trưởng Nancy tiếp, “kế hoạch của các cậu hay thật đấy. Bất cứ ai cũng có thể bị cái kế hoạch ấy hạ gục. Khi bọn tớ nhìn thấy các cậu nơi nhà thuyền...”

“Các cậu đã ở đâu?” thuyền trưởng John hỏi.

“Giữa đám sậy nơi cửa sông chứ đâu.”

“Tớ chẳng hề nghĩ đến chỗ đó,” thuyền trưởng John nói.

“Khi thấy các cậu đi ngược lên đầu sông rồi thì tớ chắc hẳn tất cả bọn cậu đều đang trên thuyền. Tớ biết các cậu sẽ chẳng tìm được gì trên đấy đâu, nên tớ nghĩ bọn tớ sẽ có đủ thời gian đi qua đảo Mèo Hoang trước khi trời quá tối. Tớ tưởng các cậu sẽ quay về đấy ngay chứ. Nhưng tớ chẳng thể nào ngờ chuyện các cậu để lại quân trên bờ và các cậu đi ngược lên đầu sông chỉ là để lừa bọn tớ tự chui vào bẫy thôi. Quả là một kế hoạch tài tình.”

“Nhưng thật ra đấy cũng không hẳn là kế hoạch gì đâu,” thuyền trưởng John nói. “Ít nhất là tớ chưa từng tính đến mức đấy. Nhưng các cậu tính làm gì vậy?”

“Ê nhưng dù sao cũng có tác dụng mà,” thuyền trưởng Nancy bảo. “Kế hoạch của bọn tớ rất là đơn giản. Bọn tớ sẽ chạy đến đảo Mèo Hoang. Thuyền phó của tớ sẽ để tớ lại bờ đấy rồi cho thuyền đi tiếp đến chờ ở vịnh kế bên. Rồi tớ sẽ ẩn thân, rồi khi các cậu quay lại đi về trại, tớ sẽ chiếm lấy *Chim Én* mà đi ra tìm Peggy cùng thuyền còn lại trong hải đoàn.”

“Thế đã xảy ra chuyện gì?” Susan hỏi.

“Phải tốn nhiều thời gian đi ra đây hơn là tớ tưởng. Trời tối quá nhanh, bọn tớ chật vật lắm mới cho thuyền đi qua các đảo. Và rồi khi trông thấy đèn bão của các cậu...”

“Ngọn hải đăng chứ,” Titty chỉnh.

“Thì bọn tớ tưởng các cậu đã quay về trước. Rồi bọn tớ trông thấy ngọn đèn di chuyển trên đảo.”

“Là ánh đèn pin của em thôi,” Titty nói.

“Thế là bọn tớ quyết định cho thuyền đi tiếp rồi nằm chờ đâu đó đến khi trời rạng. Rồi bọn tớ trông thấy hai ánh đèn, ngay lập tức tớ đoán ra đấy là đèn hiệu. Vậy nên tớ chèo vào để nói cho các cậu biết chuyện ngày mai. Rồi bọn tớ đi lên trại mà không thấy ai. Bọn tớ kêu gào chốc lát, rồi quay trở xuống bên, thì chẳng thấy *Amazon* đâu. Titty đã hoàn thành nhiệm vụ thật tài tình.”

“Sau đấy các cậu làm gì?” Susan hỏi.

“Cãi nhau một chốc,” Nancy đáp.

“Một chốc á,” Peggy nhại. “Cãi long trời lở đất thì có.”

“Rồi bọn tớ tìm thấy bánh ga tô trộn hạt nên đã ăn hết. Hy vọng cậu không phìền lòng.”

“Không hề đâu,” Susan đáp. “Hôm nay sẽ có thêm ỗ khác mà.”

“Em ăn sạch sô cô la của mấy chị trên thuyền *Amazon* rồi,” Titty bảo.

“Em xứng đáng mà,” thuyền trưởng Nancy hào phóng nói.

Cả bọn đi đến trại. Lửa đang bốc cao ngọn và hơi nước phà ra từ ấm nước.

“Tớ pha trà nhé?” Peggy Blackett hỏi.

“Dừng lại ngay, Peggy,” thuyền trưởng Nancy ra lệnh. “Chúng ta đã bại trận. Thuyền trưởng John là đô đốc. Thừa thuyền trưởng John, cậu nghĩ thuyền phó của cậu sẽ cho bọn tớ uống trà chứ?”

“Này thuyền phó,” thuyền trưởng John lên tiếng, “một tuần trà sẽ giúp chúng ta khỏe ra đấy.”

“Nhưng không có sữa ạ,” Susan bảo, “mà giờ còn sớm quá chưa qua nông trại được.”

“Vớ lại cũng không có thời gian mà đi đâu,” thuyền trưởng Nancy nói thêm. “Thôi mình uống trà không sữa đi.”

“Ta gọi đấy là rượu nóng vậy,” Titty bảo.

Thế là rượu nóng được dọn ra trong mấy chiếc cốc tượng. Không một loại trà sữa nào ngon sánh bằng thứ trà không sữa trên đảo Mèo Hoang khi ánh bình minh đầu tiên ló ra từ đỉnh mấy ngọn đồi đối diện cả. Nhưng trà nóng quá chừng còn nhà *Amazon* thì đang cập rập phải ra về nên Peggy

được phái đi xuống bãi thuyền để mang lên một chai nước lạnh dùng làm nguội rượu nóng.

“Thế chiến tranh kết thúc rồi chứ?” Nancy hỏi. “Nên vậy đi thôi, nếu ngày mai bọn tớ đến đây.”

“Đúng vậy. Hòa bình thôi,” thuyền trưởng John bảo.

“Vậy thì chạy đi hạ cờ trắng xuống đi cho rồi,” Nancy ra lệnh, thế là Peggy đặt cốc rượu nóng xuống đất, đi lên trạm quan sát để hạ tấm chắn trên cây hải đăng xuống.

“Mặt trời đã lên cao rồi đấy,” Peggy bảo khi quay lại. “Bọn mình phải đi ngay không sẽ chẳng bao giờ về kịp giờ đâu.”

“Vậy đi nào,” Nancy nói. “Và ngày mai bọn tớ sẽ dong thuyền sớm hết mức, sẽ mang theo lều bạt, rồi chúng ta sẽ tấn công thuyền trưởng Flint.”

“Úi cha,” Susan thốt lên, “bọn này suýt chút quên không chuyển lời nhắn cho các cậu rồi.”

“Lời nhắn gì thế?”

“Từ bọn mọi ấy mà,” Titty bảo. “Bọn em đi vào rừng, gặp họ, rồi họ cho bọn em xem con rắn.”

“Các cậu đã gặp cha con ông Billy, mấy người thợ đốt than chứ gì,” Nancy nói.

“Ừ, họ sống trong túp lều chóp ấy,” Titty đáp.

“Bọn họ nhờ chúng tớ chuyển lời nhắn cho các cậu,” Susan bảo. “Bọn tớ phải nhắn các cậu đi bảo với ông ấy...”

“Ai cơ?” thuyền trưởng Nancy hỏi.

“Thuyền trưởng Flint ấy,” Titty đáp.

“Cái ông Billy già, hay Billy trẻ gì đấy, tớ quên mất là ông nào, bảo rằng ông ấy phải khóa kỹ lưỡng cửa nhà bè mỗi khi đi khỏi.”

“Nhưng tại sao cơ?” Nancy hỏi.

“Vì bọn này á?” Peggy tiếp.

“Không,” Susan đáp. “Vì có mấy chuyện ông ấy nghe được giữa những người thổ dân với nhau.”

Nãy giờ John không nói gì. Giờ thì cậu lên tiếng. “Bọn tớ không thể chuyển lời cho các cậu được, vì mấy hôm nay trời không có gió, nên tớ chẳng biết phải xử trí với cái lời nhắn ấy như thế nào. Tớ đã thử chuyển

lời đến ông ta, nhưng ông không chịu nghe. Nếu là các cậu thì các cậu có nói lại với ông ta không?”

“Nhưng nếu ông ta khóa hết nhà bè thì bọn tớ sẽ không thể nào ập lên lấy mấy cọng lông chim xanh làm mũi tên cho bọn tớ được,” Peggy bảo.

“Nếu ông ta không khóa thì biết đâu nhà bè bị kẻ khác tấn công mất,” Nancy nói. “Bọn mình không được để đám thổ dân quấy phá nhà bè.”

Cả bọn giờ đang ba chân bốn cẳng đi xuống cảng. Vấn đề được tranh luận từ mọi khía cạnh. Cuối cùng được Nancy phân xử.

“Bọn tớ sẽ nói lại với ông ta,” con bé bảo. “Để ông ta cài ổ khóa vào. Cài cả mười ổ cũng được. Bọn mình sẽ lấy xà beng nạy bay hết. Bọn tớ sẽ nói ngay cho ông ta hay đây, trên đường đi về nhà ấy.”

“Nhưng không được đâu,” John bảo. “Ông ta đi đâu mất rồi.”

“Đi đâu rồi á?” Nancy vừa hỏi vừa đẩy thuyền *Amazon* ra xa bờ.

“Tớ nhìn thấy ông ta đi. Mang theo con vẹt.”

“À, vậy thì ông quay về rồi,” Nancy nói. “Tối qua trên đường ra đây bọn tớ nhìn thấy ánh đèn trên nhà bè mà. Mấy cửa sổ trên khoang đầu bật đèn sáng choang.”

“Giờ mình đâu thể báo cho ông biết được đâu,” Peggy bảo.

“Sao không hử?” Nancy vặn lại.

“Vì lúc này mình đang ở nhà, đang ngủ mà,” Peggy đáp.

“Thôi chết rồi, đúng vậy thật,” thuyền trưởng Nancy thốt lên. “Tớ quên bég đi mất. Đi thôi. Chào nhé, đô đốc.”

Nhanh thật nhanh, hai hải tặc *Amazon* chèo đưa thuyền ra khỏi cảng rồi dong buồm lên. Không còn thời gian mà phí phạm nữa. Ánh nắng đã gần chạm mép nước bên bờ kia của hồ rồi. Anh em Chim Én quay lại trại. Về đến nơi cả bọn nghe thấy tiếng hô ngoài hồ, thế là John và Titty chạy bay lên trạm quan sát. Thuyền *Amazon* đang chạy qua, chạy rất nhanh trong làn gió sớm ban mai, buồm căng phồng qua mạn phải. Trên đỉnh cột buồm chính lá cờ hải tặc lại đang phấp phới. Peggy đang giữ dây căng cờ. Thốt nhiên lá cờ rũ xuống, rồi được kéo xuống lưng chừng cột buồm. Rồi lại căng lên, lại phấp phới trên cột buồm chính như lúc nãy.

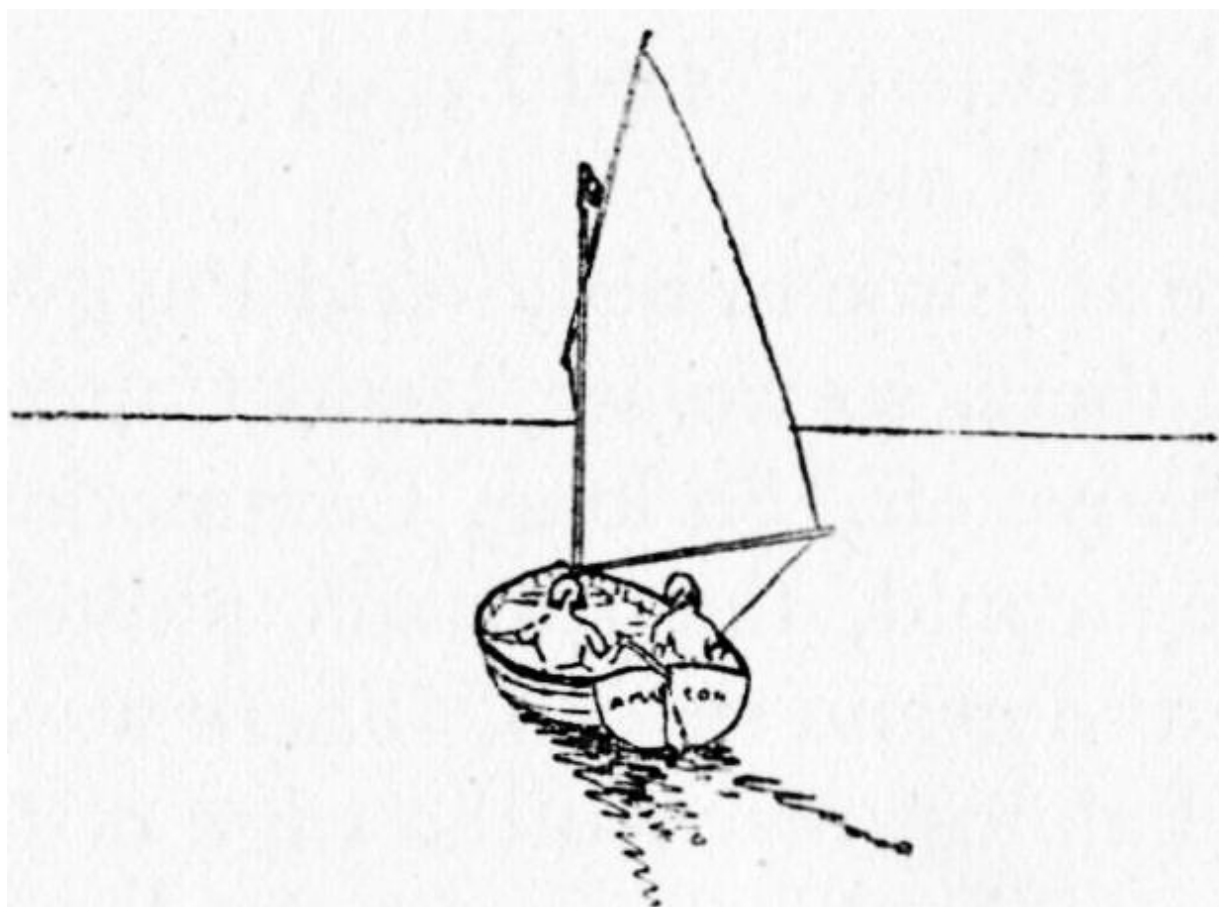
“Hoan hô chúc mừng phe Chim Én,” Nancy và Peggy la to từ ngoài hồ.

“Hoan hô chào mừng phe Amazon,” Titty và John gào lên đáp trả. Roger chạy lên vừa kịp lúc để gào, “Hoan hô.” Susan đang bận chia mền ra hai lều. Ngay sau đấy cô bé chạy lên cùng mấy đứa còn lại khi chúng vẫn còn dõng theo lá cờ trắng be bé mỗi lúc một nhỏ dần xa dần.

“Roger,” Susan bảo, “em hết phiên gác rồi. Đi ngủ ngay.”

“Nhưng giờ đã là ngày mai rồi mà,” Roger cãi.

“Không cần biết, có là ngày kia ngày kia gì cũng vậy,” Susan bảo. “Bước!”



23

Xả hơi

Hôm đây cũng phải một giờ chiều thì John với Roger mới chèo thuyền qua nông trại nhà Dixon lấy sữa và thêm trứng với bơ. Trước đó đến bảy giờ, khi trời đã sáng bảnh mắt, Susan mới lừa cả bọn đi ngủ. Không một loại đồng hồ báo thức nào có thể lay được bọn chúng dậy, mà trên đảo Mèo Hoang chúng cũng chẳng có đồng hồ báo thức. Cuối cùng cả khu trại bị dựng dậy là do Roger, thằng bé thức giấc, sau giờ ngủ một tí, vì ruột gan cần cào đòi ăn sáng.

“Phải đến khi mình lấy sữa về em mới được ăn sáng,” Susan bảo, cô bé thức giấc vì thằng nhỏ đang lay lay mình rồi nói, “Em muốn ăn.” Cô bé đã cho nó cái bánh quy, nhưng bánh quy thì chẳng cần cự được lâu.

Titty choàng tỉnh khi Roger đã quay ra ngoài. Con bé đột nhiên ngẩng bật dậy, nghĩ rằng mình nghe thấy tiếng cú rúc, cứ tưởng mình vẫn đang ngủ cạnh gác cạnh đồng lửa trại. Nhưng khi thấy ra mình đang ở trong lều cùng Susan, mặt trời nóng cháy đang chiếu qua lớp tường vải bạt màu trắng, thì con bé lại nằm xuống suy nghĩ về việc về chuỗi những sự kiện của chuyến phiêu lưu tối qua.

Roger quay trở vào lều thuyền trưởng. Hai chân thuyền trưởng đang thò ra dưới lớp chăn một cách mời gọi. Hai tay Roger nắm lấy một chân, nắm luôn cả chăn, mà kéo thật mạnh. Cái chân bỗng giăng lại, rồi John thức giấc.

“Chị Susan bảo là, ‘Đi lấy sữa đi’,” Roger nói.

“Chị có bảo thế đâu. Chị bảo bọn mình không có sữa thì không thể ăn điểm tâm cơ mà,” Susan từ lều bên cạnh nói với sang.

John ngáp dài. “Vậy đi thôi. Khăn của mình đâu ấy nhỉ?”

“Để sau hẵng bơi anh ời,” Roger nói. “Em rỗng hết ruột rồi này.”

John lăn sang bên nhìn phong vũ biểu, đặt nằm bên hộp đo khí áp trên hộp thiếc ở cuối lều. Vừa nhìn ra được mấy giờ thì cậu tung chăn sang bên mà bật dậy.

“Đi nào,” cậu bảo. “Bọn mình đi lấy sữa ngay.”

“Mang giỏ theo đừng trứng nhé,” Susan gọi.

Thuyền trưởng và thằng bé bẫ tàu đi xuống cảng, đẩy *Chim Én* khỏi bờ, rồi chèo đưa thuyền đi. Gió vẫn thổi xuôi chiều, thế là hai anh em quyết định rằng dong buồm lên sẽ nhanh hơn là chèo.

“Bọn mình sẽ làm gì với thuyền để ra vẻ là thuyền treo cờ hả anh?” thằng bé bẫ tàu hỏi.

“Làm gì chứ, chẳng cần làm gì cả,” thuyền trưởng đáp.

“Thế thuyền treo cờ là gì ạ?”

“Là thuyền chính trong hải hạm.”

“Nhưng sao lại là cờ?”

“Bởi vì vị tổng tư lệnh hải quân, hay còn gọi là đô đốc (là anh nè), sẽ treo cờ của mình trên con tàu ấy.”

“Nhưng anh đâu có cờ đâu, chỉ có cờ Titty làm thôi.”

“Ừm, cờ đó quá tốt rồi,” thuyền trưởng đáp. “Khác với cờ của mấy đứa kia. Quan trọng là ở chỗ đó.”

Hai anh em cập bờ, vội vàng chạy qua đường cằn theo bình sữa.

“Sáng nay cậu lấy sữa hơi quá muộn nhỉ,” bác Dixon vừa nói vừa kỳ cọ sàn nhà lát đá phiến của khu vực vắt sữa. “Chào buổi sáng, ơ không, trưa rồi cơ mà. Bác vừa bảo ông nhà rằng bác nghĩ ông ấy nên chạy xuống xem mấy cô mấy cậu có sao không, hay nếu được thì đi dọc đường đến trại Holly Howe xem mấy cô cậu có phải về nhà rồi không.”

Ôi mấy người thổ dân! Thân thiện thật đấy, nhưng cũng chẳng thể nào ngờ được bọn họ có thể gây ra phiền toái gì nữa. Cũng vì cái ý nghĩ ấy mà John vội vàng bật dậy ngay khi nhìn ra giờ giấc đấy thôi. Nếu bác Dixon đi sang Holly Howe để hỏi xem đã xảy ra chuyện gì, có cần đến sữa nữa hay không, thì chắc hẳn mẹ sẽ nghĩ là có chuyện gì đó không ổn. Mà có chuyện gì không ổn đâu. Mọi chuyện đều ổn tất. John thừa biết mẹ vẫn ghé qua nông trại Dixon thường xuyên để giữ liên lạc với anh em Chim Én. Mẹ biết hai bác Dixon sẽ thông báo cho mẹ biết ngay nếu không có đứa nào từ đảo

mang can sữa sang. Thổ dân là vậy đấy, có ích thì cũng có ích thật, nhưng đôi khi cũng phiền lắm cơ. Họ khi nào cũng sát cánh bên nhau, một mạng lưới buôn chuyện và do thám khổng lồ, các nhà thám hiểm lẫn hải tặc khó lòng mà lọt qua những mắt lưới ấy được.

“Lẽ ra bác tự đi tìm hiểu rồi đấy, nếu không phải bận tối mắt tối mũi thế này,” bác Dixon bảo.

“Vâng,” John thànhsĩ, “may là thổ dân có nhiều việc phải làm quá.”

“Thế cô cậu có chuyện gì?” bác Dixon vừa lắg xắg rót sữa từ một cái bát lớn ra vừa hỏi. “Ngủ say tí không còn muốn dùng điếm tâm hay sao?”

“Cháu muốn chứ ạ,” Roger đáp.

“Bọn cháu ngủ nướng ạ,” John đáp. “Bọn cháu đi ngủ muộn quá.”

“Quả thế thật,” bác Dixon bảo. “Lúc đi ngủ hai bác nhìn thấy ngọn đèn cô cậu thắp trên đảo, mà lúc đó cũng là mười giờ tối rồi, vì hai bác cũng không đi ngủ sớm sửa gì cho lắm.”

“Bọn cháu ngủ còn muộn hơn thế nữa cơ,” Roger nói, và chắc là sắp sửa kể chuyện bọn chúng chiếm được thuyền *Amazon* thế nào rồi mãi đến hừng Đông mới đi ngủ ra sao, nhưng chợt thẳng bé nhớ ra, vừa kịp lúc, rằng bác Dixon là thổ dân.

“Thà muộn còn hơn không cậu ạ,” bác Dixon bảo. “Sữa đây này. Với lại bác có chục trứng bỏ vào cái giỏ kia, với cả một ổ bánh mì và bánh mì ngọt, và ổ bánh ga tô trộn hạt từ Holly Howe gửi sang tối qua nữa. Hy vọng cô Susan với cô Titty đều khỏe cả.”

“Cô Susan với cô Titty!” cơ đấy. Bác Dixon này quả là biết cách chính xác nhất để diễn tả hồ ngắ cách sâu đến thế nào hiện hữu giữa cuộc sống của thổ dân và đời thực bằng cách gọi thuyền phó với thuyền viên như thế.

“Khỏe như vậ ấy ạ, cháu cảm ơn bác,” thuyền trưởng đáp.

“Ổ bánh hạt sẽ bỏ vào trong giỏ bên trên số trứng kia,” bác Dixon bảo. “Bánh nhẹ thôi, nên không làm vỡ trứng đâu. Nhưng các cậu đặt bánh mì với bánh ngọt vào đâu đây thì bác cũng không chắc nữa.”

“Cháu sẽ xách tay cho ạ,” Roger nói.

Hai anh em đi qua đống mang theo trái tim của kẻ vừa mới vượt qua được tình thế hiểm nghèo. Thuyền trưởng một tay xách bình sữa, tay kia xách giỏ. Roger cặp hai tay hai ổ bánh mì. Chúng có thể nhìn thấy khói bốc

lên từ lửa trại trên đảo, và khi hai đứa chèo qua r ồi kéo thuyền *Chim Én* lên bãi thì Susan đã đun sôi ấm nước, pha trà, chỉ còn chờ sữa với trứng nữa thôi.

Bữa điểm tâm là bữa ăn im lặng, đối ngẫu, cho đến khi nó biến luôn thành bữa ăn trưa.

“Thôi bọn mình ăn tiếp luôn cho r ồi,” Susan bảo, mấy đứa còn lại đồng ý, dù chúng đã ăn hết trứng r ồi ăn tiếp sang bánh mì với mứt. John mở hộp bò khô ra.

“Sao thổ dân không bao giờ ăn bò khô sau khi ăn bánh mì với mứt nhỉ?” Roger thắc mắc. “Ngon lắm cơ mà. Cho em phết mứt *lên* bò khô nhé?”

“Không được,” Susan đáp.

“Sao thế ạ?” Roger hỏi.

“Em sẽ phát ốm cho xem, như h ồi sinh nhật em vừa r ồi ấy.”

Roger ngẫm nghĩ một lát. “Em không nghĩ là thế đâu,” thằng bé bảo.

“À, nhưng em vẫn không được thử,” Susan nói.

Ngày hôm đấy Susan mang tâm trạng rất chi là thổ dân, theo như thuyền viên Titty quan sát. Có lẽ mấy chuyến phiêu lưu tối qua đã đè nặng lên lương tâm của Susan hơn là của mấy đứa kia. Có lẽ chị ấy cần được ngủ. Tâm trạng của Susan biểu lộ qua việc không cho Titty và Roger đi tắm sau khi chúng dùng hết điểm tâm kiêm bữa ăn trưa gồm nho khô, trứng, bánh mì với mứt, bánh mì với bò khô, bánh mì ngọt với mứt, chuối mới bẻ (bọn Amazon mỗi đứa ăn hết có hai trái, nên nguyên nải vẫn còn rất nhiều), bánh ga tô trộn hạt và trà. Với lại chén bát phải được rửa ngay sau đấy theo một cung cách rất là thổ dân. R ồi rửa xong lại phải đơm nút áo.

“Em làm sao mà dứt hết được từng ấy nút, thật chị nghĩ chẳng ra,” Susan bảo Roger.

“A, tại vì chị bắt em mặc mỗi món hai cái mà,” Roger đáp, “mà có một món mặc hai cái bị chật quá.”

Lúc ban sáng quả là không có nhiều thời gian trò chuyện khi mà thuyền trưởng, thuyền phó và thằng bé b ởi tàu đi về đảo r ồi thấy thuyền viên cùng chiến lợi phẩm neo bên đảo Chim Cốc còn bọn Amazon bị kẹt trên đảo Mèo Hoang đang gấp rút muốn về nhà. Và bây giờ, tất nhiên là Titty muốn nghe kể tất tần tật về dòng sông Amazon, còn Roger thì có lắm

chuyện muốn nói về hồ nước đầy ắp bạch tuộc nở thành hoa khi bị chạm vào ấy. Rồi con bé phải nghe hết đầu đuôi câu chuyện về chuyến dong buồm nguy hiểm đi xuôi hồ trong đêm tối như bùng, rồi cả bọn suýt chút thì đắm thuyền ở ngoài vùng vịnh Rio như thế nào, và nằm đấy chờ đến rạng Đông ra sao. Và rồi John cũng muốn nghe toàn bộ câu chuyện về phiên gác trên đảo cùng cách mà thuyền viên đã chiếm được thuyền của kẻ thù. Và Titty kể về con chim hét nước, về vụ bọn Amazon tiến vào, rồi nó ngủ gật rồi bị một con cú thật đánh thức dậy mà lại nhầm đấy là tín hiệu của nhóm Chim Én. Rồi nó kể về việc nó làm Robinson Crusoe thế nào, tìm ra một con thuyền lạ trên bến neo thuyền và được Thứ Sáu ghé thăm. Kể đến Thứ Sáu thì nó mới nhớ ra mình có tin nhắn cần chuyển cho John.

“Ồ đúng rồi,” nó kêu lên. “Em có hứa nói lại với anh. Mẹ đến đây là để gặp anh, chứ không phải em đâu. Về chuyện thuyền trưởng Flint dữ dằn quá ấy. Mẹ muốn biết là anh có muốn mẹ viết thư cho cô Blackett yêu cầu cô ấy nói cho thuyền trưởng Flint biết rằng anh không phải kẻ nói láo, không hề, và rằng anh chưa khi nào động đến thuyền của hắn không.”

“Vậy em nói gì?” John vội hỏi lại.

“Em bảo em không biết đâu. Em bảo sẽ hỏi lại anh.” John bật dậy đi vào lầu xem phong vũ biểu.

“Anh sẽ về Holly Howe nói chuyện với mẹ đây,” cậu bảo khi quay trở ra.

“Nói chuyện kiểu thổ dân á?” Titty hỏi.

“Ừ,” John đáp. “Anh phải nói với mẹ là không nên viết thư gì cả.”

“Cho em đi nữa nhé?” Roger hỏi.

“Em ở lại đây,” Titty bảo. “Anh ấy đi nói chuyện kiểu thổ dân mà. Em chỉ tổ làm vương tay vương chân thôi. Với lại chị có kế hoạch cho tụi mình này.”

“Kế hoạch gì cơ?”

“Kế hoạch tuyệt con cú mèo nhé.”

“Về gì mới được?”

“Kho báu,” Titty đáp. “Đi nào, đi tiễn thuyền trưởng thôi. Rồi bọn mình sẽ đi đến một chỗ bí mật trong khi thuyền phó tiếp tục đơm nút cho em.”

*

Thuyền trưởng John cho thuyền trưởng ngược h ồ về nông trại Holly Howe. Chuyện này thật không hay ho gì, bị gã thuyền trưởng Flint nghi ngờ không phải lỗi ấy, nhưng đồng thời cậu không thể để cho mẹ viết thư cho cô Blackett về chuyện ấy được. Như thế có thể mang rắc rối đến cho hai đứa Amazon. Cậu thấy mẹ đang viết thư trong vườn nông trại Holly Howe.

“Mẹ ơi, mẹ, mẹ không viết thư cho cô Blackett đấy chứ ạ?”

“Không con,” mẹ đáp. “Mẹ sẽ không viết đâu trừ phi con muốn mẹ viết. Đây là lý do hôm qua mẹ chèo sang đảo đấy. Tối qua các con quay về lúc mấy giờ thế? Sau khi mẹ chia tay Titty, mẹ với vú em cứ mãi đứng ngoài nhà thuyền chờ các con, nghĩ là sẽ chặn bọn con lại trên đường bọn con quay về để hỏi về chuyện viết thư.”

John hơi bất ngờ. Đầu óc mãi nghĩ về thuyền trưởng Flint, cậu đã quên bém một số chuyện.

“Mãi đến sáng bọn con mới về mẹ ạ,” cậu đáp.

“Vậy là hai đứa nhà Blackett buộc con ở lại qua đêm à,” mẹ bảo. “Tội Titty quá!”

“Titty không tội gì đâu ạ,” John bảo. “Titty hơn hẳn bọn con ấy chứ. Con bé một tay chiếm được thuyền *Amazon* đấy.”

“Nhưng nếu thế thì hai đứa nhà Blackett ở đâu?”

“Chúng ở trên đảo Mèo Hoang ạ.”

“Nhưng các con thì ở đâu?”

“Bọn con ngược sông Amazon, là chỗ hai đứa kia ở, mẹ biết đấy, rồi trời tối quá nên bọn con phải dừng chân trên vùng đảo cho đến khi có đủ ánh sáng để thấy đường.”

“Con không nghĩ làm thế cũng gần như lũ ngốc rồi sao?”

“Có chứ ạ,” John đáp, “đúng là thế thật. Nhưng mẹ thấy đấy, đang là chiến tranh và đây là cơ hội duy nhất của bọn con mà. Và con hứa là bọn con sẽ không bao giờ làm vậy nữa. Ý con là qua đêm bên ngoài ấy. Không cần thế nữa đâu ạ. Ngày mai hai đứa hải tặc Amazon sẽ sang cắm trại với bọn con. Cuộc chiến giữa bọn con chấm dứt rồi mẹ à. Bọn con đã thắng. Ít

ra là Titty đã thắng. Với lại tối qua Roger mặc mỗi thứ hai cái và ngủ trên thuyền *Chim Én*. Chẳng ai bị cảm lạnh hay sao hết. Nhưng mẹ này.”

“Gì con?”

“Toàn bộ chuyện này là bí mật chết mang theo giữa con với mẹ đấy nhé. Ý con là mẹ đừng nói chuyện này cho bất cứ ai biết cả.” Cậu sực nhớ ra hai đứa Amazon đã trốn khỏi giường để tấn công vào ban đêm.

“Được rồi,” mẹ đáp. “Cô Blackett có vẻ hiểu rất rõ hai cô nàng nhà mình là như thế nào rồi. Mẹ sẽ không nói cho cô ấy đâu. Nhưng dù sao mẹ cũng mừng là chuyện này đã chấm dứt. Không bao giờ được mang thuyền đi đâu vào ban đêm nữa đấy. Hứa chứ?”

“Con hứa ạ.”

“Con biết là bọn con còn có ba ngày nữa thôi. Cuối tuần này cả nhà mình quay về. Nếu hai ba đứa trong bọn con mà chết đuối thì đáng tiếc lắm đấy.”

“Chỉ ba ngày nữa thôi ư,” John lặp lại.

“Thời tiết sẽ chẳng được mãi như thế này nữa đâu, ngả nào khi trời xấu đi thì bọn con cũng phải rời đảo thôi. Khu trại toàn chuột chết trôi thì chẳng vui vẻ gì cho ai cả. Mẹ từng thử rồi. Bọn con tận hưởng cho hết ba ngày đi nhé. Năm tới mình sẽ đến nữa. Có chắc là con không muốn mẹ viết thư nói về việc con chưa hề động đến nhà bè đấy chứ?”

“Chắc chắn ạ.”

“Tốt rồi. Vào nhà thăm bé Vicky với uống chút trà nào.”

*

Vừa nhìn theo cánh buồm nâu của *Chim Én* khuất dạng sau trạm quan sát tại mũi cực Bắc của đảo, thuyền viên Titty cùng thằng bé b ố ỉ tàu đã rời khỏi bãi cập bến mà đi sang cảng.

“Đây có là chỗ bí mật gì đâu,” b ố ỉ tàu bảo.

“Chỗ nào cũng là bí mật hết nếu không có kẻ nào khác ở đấy,” Titty đáp. “Với lại, bọn mình sẽ leo lên tảng đá của chị, nơi chị trông thấy con chim gục gặc đầu rồi bay lặn xuống nước ấy.”

“Con chim còn đó không?”

“Không biết nữa. Có thể.”

“Vậy thì còn gì là bí mật.”

“Còn chứ. Chim không tính nhé. Trên cả đảo này không có ai ngoài bọn mình và thuyền phó, mà chị ấy lại đang ng ỡi đơm nút. Chị ấy phải đơm bao nhiêu nút nữa vậy?”

“Vài tá,” b ỡi tàu đáp. “Mỗi ống tay áo một nút này, r ỡi là toàn bộ nút áo trước ngực bị đứt khi em cố lột hai áo ra cùng lúc.”

“Thế thì chắc là lâu lắm,” thuyền viên bảo. “Nơi này cũng bí mật lắm chứ. Đi thôi. Cởi giày cởi vớ ra đi.”

Hai đứa lột giày cởi vớ bỏ lại bên bờ. R ỡi chúng lội qua vùng nước nông sang tảng đá lớn bên cạnh cảng, leo lên đấy r ỡi yên vị trên đỉnh, thông chân đung đưa dưới ánh mặt trời và đưa mắt nhìn ra mặt h ồ lặn tăn sóng.

“Ai ai cũng có thể nhìn thấy bọn mình ở đây,” b ỡi tàu nói.

“Nhưng không ai nghe thấy mình hết,” thuyền viên bảo.

“Kế hoạch là gì nào?”

“Kho báu,” thuyền viên đáp. “Nhưng mà chị không thể nói em biết cho đến chừng nào em hứa đi theo, mỗi em với chị...”

“Không ai khác hết á?”

“Không ai khác.”

“Cả Susan cũng không á?”

“Không ai cả. Bọn mình sẽ đi sang một hòn đảo hoang, hoang thật hoang, không phải đảo này, r ỡi ở đó bọn mình sẽ đào tìm châu báu do bọn hải tặc chôn. Mãi thật lâu bọn mình sẽ không tìm được gì. Chẳng ai tìm được bao giờ. Nhưng r ỡi, cuối cùng thì, một tiếng động vang lên dưới lưới mai của chúng ta r ỡi hàng nghìn nghìn đồng tiền vàng sẽ lăn xò ra trên cát.”

“Nhưng đảo đó là ở đâu cơ?”

“Em chưa hứa sẽ đi theo mà. Chỉ mấy người săn lùng kho báu nói cho nhau nghe thôi. Nếu chị nói cho em biết, em lại đi mà tiết lộ cho một tên hải tặc hay ai đó thì sao.”

“Em không nói đâu.”

“Há, vậy em đi theo chứ?”

“Được rồi,” bố tàu đáp.

“Em thôi đi. Đúng ra mình phải có miếng giấy, em phải lấy máu của mình để đóng dấu cơ. Em chích ngón tay mình được không?”

“Không,” Roger đáp.

“Thôi vậy em hứa sẽ đi cùng chứ?”

“Hứa.”

“Vậy thì nghiêng qua phía này coi. Cúi xuống cho đến khi nhìn thấy cành cây kia kìa, hòn đảo ấy đấy.”

“Nhưng đó là đảo Chim Cốc mà.”

“Cũng là đảo Châu Báu nữa.”

“Sao chị biết?”

“Tối qua chị nghe thấy bọn hải tặc chôn châu báu tại đây khi chị đang ở trên thuyền *Amazon*.”

“Hải tặc thật ăy hả?”

“Tất nhiên rồi, thứ thiệt mà. Chúng vắng tục luôn mồm ăy.”

“Châu báu thật chứ?”

“Đương nhiên, châu báu thật. Chị nghe thấy bọn chúng than nó nặng lắm.”

“Nếu nó nặng đến thế thì bọn mình mang về làm sao?”

“Từng tí từng tí thôi. Trong đấy có vàng thôi. Rồi còn cả đồng đồng vàng đủ thứ nữa. Rồi đá quý này. Kim cương này. Bọn mình sẽ mang đi mỗi lần một ít.”

Thằng bé bố tàu lắng nghe khi thuyền viên kể cho nó nghe mọi đi ều con nhỏ biết về những hòn đảo châu báu. Con bé biết lắm chuyện. Nó kể cho bố tàu nghe chuyện hải tặc đánh cướp hết tàu này đến tàu kia rồi lấy hết châu báu đi như thế nào, rồi bắt thủy thủ đoàn nhảy khỏi tàu rơi xuống biển làm mồi cho cá mập, rồi là hải tặc đánh đắm tàu chiến lợi phẩm ra sao để rồi lại đi cướp tiếp tàu khác, rồi lại cướp sạch rồi đánh đắm theo cùng kiểu. Con bé kể cho bố tàu nghe, khi tàu hải tặc chạt cứng châu báu đến nổi chẳng còn chỗ mà nhảy nhót trên boong nữa còn đám hải tặc cũng không cách nào chui được xuống khoang khi chúng muốn đi ngủ, thì chúng cho tàu đến hòn đảo nào đó mà chôn đồng châu báu vào nơi an toàn. Con bé kể chuyện bọn chúng làm bản đồ ra sao để có thể đến tìm lại châu báu

khi chúng đã chán nghề cướp biển và muốn giải nghệ về sống trong căn nhà bên bờ biển, nơi chúng có thể ngày ngày cần ống nhòm nhìn ra biển cả nghĩ về những chuyện xấu xa mà chúng đã làm. (“Hay là sống trên nhà bè, như thuyền trưởng Flint vậy,” Roger bảo.) Nó kể về chuyện đám hải tặc luôn luôn, hoặc gần như là luôn luôn, làm mất bản đồ như thế nào, mấy tay săn châu báu (“Là chị với em ấy”) thì thoảng tìm được châu báu thay vì đám hải tặc ra sao. Nó kể làm sao mà có lúc hải tặc lại đánh đấm lẫn nhau cho đến khi chẳng tên nào sống sót, thế là không ai biết châu báu nằm ở đâu. (“Nhưng bọn mình thì biết, vì chị nghe thấy chúng cất ở đấy mà.”) Con bé còn đang mài miết kể thì hai đứa nghe thấy Susan từ trại gọi ra, nên chúng lội lại vào đảo, mang giày mang vớ vào mà chạy về trại uống trà.

*

Sau bữa trà đầy tính thổ dân, chắc là do Susan vẫn đang không mấy hài lòng về việc để cho cả bọn thức khuya đến tận sáng, hai đứa vừa dọn dẹp xong thì thuyền trưởng John về.

Câu đầu tiên của cậu là, “Anh đã kể cho mẹ nghe về việc bọn mình ra ngoài cả đêm hôm qua đến hôm nay mới quay về trại.”

“Mẹ có giận lắm không anh?” Susan hỏi.

“Anh nghĩ là trong bụng mẹ cũng khá giận. Nhưng mẹ giấu, giờ thì mọi chuyện ổn rồi. Có đi đâu anh đã hứa sẽ không tái phạm nữa.”

Sau đấy, Susan vui vẻ hẳn lên và trở lại giống như một vị thuyền phó hơn là một người thổ dân.

“Đi đâu tệ nhất là,” John nói, “mẹ bảo chúng ta chỉ còn ba ngày nữa thôi, dù thời tiết vẫn còn đẹp đi nữa.”

“Ba ngày bọn mình cũng có thể làm được nhiều chuyện mà,” Susan bảo.

“Có một việc cần phải làm ngay bây giờ,” John nói. “Đấy là vẽ ra bản đồ của chúng ta. Ngày mai bọn Amazon sẽ tới đây, chúng đặt tên cho mọi chỗ rồi. Chúng ta phải làm cho được bản đồ của chúng ta trong hôm nay. Ai giúp anh nào?”

Đứa nào cũng muốn giúp. Vài phút sau thuyền trưởng John đã nằm mọp trên đất cùng quyển sách hướng dẫn có bản đồ trải ra trước mặt. Mấy đứa kia ngồi bệt quanh, theo dõi cậu vẽ lại đường viền ngoài của hồ vào hai trang giấy tập thật to vốn được mang theo làm sổ ghi chép hải trình.

“Thật ra trong này không đủ chỗ để vẽ cho chính xác lắm đâu,” cậu bảo, “nhưng đây chỉ là bản đồ phác thảo thôi, khi nào về đến nhà bọn mình sẽ vẽ thật chính xác vào.”

“Vẽ một tấm thật to ấy,” Roger nói, “như là bản đồ Biển Đông của bố ấy.”

“Rồi bọn mình sẽ treo lên tường trong lớp để cho mọi người biết mình đã từng đến đâu,” Susan hòa vào.

“Vớ lại để lên kế hoạch cho nhiều cuộc thám hiểm khác nữa,” đến phiên Titty.

“Thế bản đồ có màu không?” Roger hỏi.

“Màu để thể hiện chỗ ánh đèn. Bọn mình sẽ tô một đốm màu vàng đánh dấu ngọn hải đăng rồi thêm hai đốm nhỏ là chỗ của đèn hiệu.”

“Đất liền sẽ là màu gì ạ?”

“Trên bản đồ người ta để trắng phần đất liền. Đất liền không được tính đến, trừ những chỗ mà em nhìn thấy được từ thuyền. Mà có thể thì cũng chỉ tính vài chỗ trên đó thôi. Người ta vẽ Darien vào, vì đấy là điểm cao, nhưng người ta sẽ không quan tâm đến chuyện đánh dấu nông trại Holly Howe đâu.”

“Nhưng mà bọn mình sẽ đánh dấu chứ, phải không anh?”

“Bọn mình sẽ coi nơi đó là khu định cư của thổ dân. Đôi khi người ta làm thế.”

“Kèm hình vẽ be bé nữa chứ?”

John vẽ một căn nhà bé xíu xiu có cây cối và ba hình người nhỏ nhỏ, chừng năm sáu li, đại diện cho thổ dân, mẹ, bé Vicky và vú em. Rồi, trong vịnh Nhà Bè, cậu đề tên lên rồi vẽ hình căn nhà bè. Rồi đến nông trại Dixon, với hình người nhỏ nhỏ cùng con bò, biểu hiện sản vật của vùng quê này.

“Vẽ thêm hai tên mọi với lều chóp và con rắn nữa đi anh,” Titty bảo, “thế là một con rắn, một dấu đen ba góc dành cho túp lều, rồi đồng lửa, thế

hiện vùng đất của những người thợ đốt than.

Rio được đánh dấu bằng những căn nhà nho nhỏ và mấy bến cập thuyền. Quần đảo trong vịnh Rio được vẽ vào, nhưng chỉ một đảo là có tên. John viết “Đảo Bến Đổ” bên cạnh hòn đảo cấm cập thuyền mà *Chim Én* đã từng nghỉ chân, bập bênh neo vào cầu cảng bằng gỗ giữa đêm đen.

“Anh phải vẽ đảo của em vào nữa chứ,” Titty bảo.

“Đảo nào cơ?”

“Nơi em nghĩ theo dõi bọn Amazon hôm đầu tiên bọn mình phát hiện ra chúng ấy.”

Đảo được vẽ vào và đánh dấu bằng tên “Đảo Của Titty.”

Đảo Mèo Hoang được đánh dấu, với cây hải đăng, bãi cập bến cùng cảng và khu trại. Rồi một con cá được vẽ trên vịnh Cá Mập, chỗ cả bọn đã đi câu cá rô. Rồi thuyền trưởng bắt đầu vẽ vào một đường chấm chấm để chỉ ra hải trình của *Chim Én* từ đảo Mèo Hoang sang dòng Amazon rồi quay lại.

“Anh đi ngược lên sông xa đến đâu lận?” Titty hỏi.

“Đến tận phá,” John đáp. “Anh đánh dấu rồi.”

“Vẽ vào mấy con bạch tuộc đi anh,” Roger nài.

“Anh vẽ bạch tuộc không đẹp đâu,” John nói khi đã cố hết sức vẽ.

Tấm bản đồ bắt đầu trông giống hệt một tấm bản đồ thực thụ. Phía Nam và phía Bắc vùng hồ cả bọn biết thì được viền bằng đường ngắt khúc cùng dòng chữ “Vùng nước chưa được vẽ” hay là “Chưa thám hiểm”. “Chẳng ích gì khi vẽ những chỗ mình không biết,” John bảo. “Nhưng dĩ nhiên mình phải vẽ vào núi non, những nơi mình có thể nhìn thấy từ những vùng mình đã khám phá.” John bắt đầu vẽ mấy mỏ neo be bé tại mọi cảng *Chim Én* từng cập vào. Một cái tại đảo bên ngoài Rio, một cái ngay Rio, một trong vịnh Holly Howe, và một trong vịnh Cá Mập nơi Roger từng mắc được câu nhưng rồi để mất con cá to của mình, rồi một mỏ neo tại chỗ cả bọn đã cập vào để đến thăm mấy người thợ đốt than, và một tại bãi đáp thuyền của nông trại Dixon.

“Thế còn chỗ em neo *Amazon* thì sao anh?” Titty hỏi.

“Đúng rồi, chỗ này phải được vẽ vào chứ,” John nói, và một mỏ neo nho nhỏ được vẽ vào gần đầu mút phía Bắc của đảo Chim Cốc.

“Phải có một đảo là đảo Châu Báu kia,” Titty bảo, “nhưng đảo có châu báu trên đấy thì đã có tên rồi.”

“Đảo nào cơ?” John hỏi.

“Đảo Chim Cốc ấy.”

“Nhưng trên đó ngoài chim cốc ra còn có gì khác đâu.”

“Là bí mật anh ạ,” Titty nói, “nhưng trên đấy có châu báu đấy. Roger với em sẽ đi tìm ra cho coi. Bọn hải tặc đã giấu trên đấy tối qua khi em neo *Amazon* chờ ấy.”

“Hải tặc nào?”

“Bọn chúng chèo thuyền đến vào ban đêm. Em nghe thấy chúng.”

“Chắc là ngư dân thôi,” John bảo.

“Không, không phải đâu,” Titty cãi. “Chúng suýt chút đã va nát thuyền với lại chúng nói bậy nữa.”

“Em mơ mộng cho lắm vào,” Susan nói.

“Lúc đó em đang buồn ngủ nên mơ đấy thôi,” John bảo. “Nhưng thôi này, bọn mình sẽ vẽ một trong mấy hòn đảo kia thành đảo Châu Báu nếu em muốn vậy. Đảo to nhất trong quần đảo Rio chưa có tên kia.”

“Nhưng đảo Chim Cốc có châu báu thật mà. Hàng tấn đồng vàng nhé. Em với Roger sẽ đi tìm. Mình đi ngay đi cho chắc nào.”

“Từ từ nào Titty,” Susan nói.

“Dù sao tối nay cũng đã quá muộn không đi được đâu,” John bảo, “với lại thật tình chỗ đó không thể nào có châu báu được.”

“Bọn chúng đã giấu ở đấy ngay giữa đêm khuya mà,” Titty nói. “Biết bao nhiêu là tấn ấy.”

“Ồi thôi nào, Titty,” Susan gần như lại trở thành thổ dân. “Đến giờ ăn tối rồi. Mọi người đi ngủ sớm hết đi. Nhớ là sáng mai bọn *Amazon* sẽ đến đấy.”

24

Tin không vui từ nhà bè

SAU một đêm ngon giấc anh em nhà Chim Én thấy tươi tỉnh hẳn lên. Cả bọn dậy sớm đi bơi. Rồi lại đi câu thức ăn cho bữa sáng và bắt được cả tá cá rô, vì chúng muốn có nhiều đồ ăn sáng cho cả nhà Amazon nữa phòng khi hai đứa kia tới sớm. “Mình chẳng biết hai đứa kia khởi hành khi nào đâu,” Susan bảo. “Chị không nghĩ chúng sẽ đến đúng lúc, nhưng nếu có thì chúng ta vẫn đủ đồ ăn cho sáu miệng. Mình sẽ nấu thật nhiều để phòng hờ, còn giờ ai đấy phải chạy qua nông trại lấy sữa đi thôi.”

Cả bọn này giờ neo trong vịnh Cá Mập để câu cá, không xa bên của nông trại Dixon là mấy. Chúng chèo vào bờ, Roger và Titty chạy lên đống mang theo bình sữa, trong khi thuyền trưởng cùng thuyền phó rửa cá bên hồ.

“Titty sẽ muốn đi cùng Roger tìm kho báu cho coi,” thuyền trưởng lên tiếng. “Tất nhiên thật sự sẽ chẳng có kho báu nào đâu, nhưng con bé sẽ muốn đi.”

“Đôi khi nó chẳng biết chuyện gì có thật và chuyện gì không,” thuyền phó đáp. “Hai đứa nó có thể đi vào chiều nay. Nhưng em cho là nó sẽ quên bống hết chuyện này khi hai đứa hải tặc Amazon đến rồi Nancy với Peggy dựng lều và lên kế hoạch làm gì sau đấy.”

“Sáng nay bọn mình có nhiều việc phải làm lắm,” thuyền trưởng bảo. “Anh muốn bận hết mấy điểm cuốn mép buồm trước khi bọn chúng đến. Lẽ ra phải làm việc này từ hôm qua cơ. Rồi *Chim Én* cũng cần được kỳ cọ ra trò nữa.”

“Còn em thì muốn khu trại phải tinh tươm,” thuyền phó nói. “Đồng xoong nỡ làm em mất mặt quá.”

Khi cá rô đã được rửa sạch xếp một hàng ngay ngắn dưới đáy thuyền thì Roger và Titty quay lại cùng bình sữa.

“Chán quá đi,” Titty mở miệng, ngay khi đến gần đủ để nói cho nghe được. “Gã thuyền trưởng Flint lại giỏi trò, chơi xấu chưa từng thấy. Bọn em chỉ kịp chào bác Dixon buổi sáng thôi thì bác ấy đã bảo bọn mình không bao giờ được động đến nhà bè. Em thưa với bác là bọn mình đâu có đâu. Bác ấy lại bảo, ‘Thế à, vậy phải có đũa nào phá chứ.’ Rồi bác ấy im luôn không nói gì hết ngay cả khi em bảo thuyền trưởng Flint là đồ ác độc và em ước gì nhà bè của hắn bị đánh chìm cho rồi.”

“Em không được nói năng như thế chứ,” Susan bảo.

“Em quên mất bác ấy là thổ dân,” Titty đáp.

“Bác ấy chẳng cho chúng ta cái bánh hay tí mật mía nào cả. Đến một quả táo cũng không,” Roger nói vào.

“Sao hắn không để bọn mình yên nhỉ?” John thắc mắc.

“Con nào là con cá rô em câu được thế?” Roger vừa hỏi vừa nhìn vào dây cá đã được rửa sạch nằm dưới lòng thuyền. “Phải con này không? Cũng không bé lắm. Susan câu được con kia đấy. Em thấy mà.”

Cả bọn chèo về đảo Mèo Hoang. Susan chắt thêm củi, cho bơ vào chảo rán đun chảy ra để chiên cá rô. Roger quan sát chị. John đi lên trạm quan sát. Titty theo chân anh.

“Cho em với Roger đi tìm kho báu sau bữa điểm tâm nha anh?” con bé xin.

“Hôm nay bọn Amazon đến đây đấy,” John bảo. “Trước hết mình phải cọ rửa boong thuyền sắp xếp mọi thứ đâu vào đấy trước khi chúng đến. Nhưng mà sau đấy thì chắc là được. Ê này,” cậu nói. “Titty, chạy xuống lầu của anh mang kính lên đây. Kia là con thuyền thứ ba anh trông thấy đi vào vịnh Nhà Bè rồi đấy.”

“Vâng thưa thuyền trưởng,” thuyền viên đáp rồi chạy xuống trại. Đến nơi thì thuyền phó giữ chân con bé, bắt nó phết bơ lên bánh mì trong khi cô bé phải trông chừng cá.

“Thuyền trưởng cần kính viễn vọng ạ,” thuyền viên bảo.

“Bảo với thuyền trưởng là điểm tâm gần như sẵn sàng rồi,” thuyền phó nói. “Kính thì có thể chờ được. Cá rô thì không. Cá phải được dùng nóng.”

Titty trốn đi cùng với ống nhòm và chuyển lời cho thuyền trưởng.

“Xuống ngay đây,” John đáp lớn. Cậu giở kính lên mắt. “Có chuyện tại vịnh Nhà Bè r’ãi. Đang có chiếc xuồng máy chạy vào đấy, mà có nhiều người trên xuồng lắm.”

Tiếng còi của thuyền phó lạnh lạnh từ khu trại.

“Tới liền, tới liền,” thuyền trưởng la lớn.

“Nếu như đám thổ dân đang tấn công thuyền trưởng Flint, em ước gì mình cũng có mặt ở đó,” Titty nói.

Thuyền phó lại tuyết còi, thuyền trưởng và thuyền viên chạy về nhập bọn với mấy đứa kia quanh đồng lửa.

“Có chuyện gì đó đang xảy ra tại vịnh Nhà Bè,” John nói. “Thuyền bè hết chiếc này đến chiếc khác đi vào đấy. Anh cho là hẳn đang kể cho mọi người biết rằng bọn mình bữa giờ quấy phá gì nhà bè quái quỷ của hẳn r’ãi.”

“Đừng có nghĩ gì đến thuyền trưởng Flint hết,” Susan bảo. “Mình có ngăn được hẳn nghĩ mình phá thuyền hẳn đâu. Chẳng có gì ngăn được hẳn nghĩ như thế cả. Nhớ lời mẹ bảo đấy. Bọn mình biết là bọn mình không làm. Đừng để tâm gì đến hẳn. Em đã cho đường vào trà của anh r’ãi, cá của anh đây. Sau con này còn con nữa, r’ãi thêm con nữa nếu hai đứa Amazon kia không nhanh chân lên.”

Khi mỗi đứa nhà Chim Én đã ăn hết hai con cá, còn lại bốn con trong chảo, Susan bảo thằng bé b’ãi tàu chạy lên trạm quan sát xem thử có thấy thuyền *Amazon* đâu không. Thằng bé quay lại ngay.

“Không thấy buồm nào hết,” nó thông báo, “nhưng có cái thuyền to kia đang ra khỏi vịnh Nhà Bè.”

“Hai đứa kia sau bữa sáng mới đến r’ãi,” Susan nói. “Vậy là mỗi người một con cá rô nữa nhé.”

“Không biết đang xảy ra chuyện gì đây ta,” John thắc mắc.

“Đừng nghĩ đến hẳn nữa,” Susan bảo.

“Được r’ãi. Không nghĩ nữa,” John đáp.

Bữa sáng vừa xong, mọi người bắt tay vào dọn dẹp. “Em sẽ coi chừng trại,” thuyền phó bảo, “nếu anh muốn rửa *Chim Én*. Dem b’ãi tàu với thuyền viên theo, bảo chúng cọ boong thuyền r’ãi chà bóng những chỗ bằng đồng.”

“Có nhiều đò đò ở đâu,” Roger nói.

“Có mấy cái cọc cắm thuyền ấy,” Titty bảo.

“Vậy hả, vậy đi đánh bóng chúng đi,” thuyền phó bảo. “Hai đứa có thể đánh sáng bóng lên nếu dùng giẻ ẩm với cát. Hai miếng giẻ đây này. Đi đi nào. Lau sạch đất bẩn trước, rồi dùng giẻ ẩm chùi một lượt, làm cho thuyền sạch bong như mới đi nào.”

“Anh sẽ mang buồm lên trại,” John nói. “Cần phải bện buồm lại vào trục căng, mà anh chỉ có thể bện mấy điểm mép buồm chặt nhất khi buồm không bị chùng thoi.”

“Em không quan tâm, miễn là anh đừng làm vướng víu em thôi,” Susan bảo. “Em phải chùi rửa mấy cái nôi.”

“Bọn anh sẽ đưa *Chim Én* qua cảng rồi neo lại cho gọn trong chỗ của nó trước khi bọn Amazon sang,” John nói.

Cậu đi xuống bến cùng thuyền viên. Thằng bé bầy tàu đã chạy xuống trước và leo sẵn lên thuyền. Mấy anh em chống thuyền ra rồi chèo quanh qua cảng, chúng đã bỏ cột buồm chính lẫn buồm lại đó khi đi câu cá trước bữa sáng. John dựng cột buồm rồi giương còi của Titty lên đỉnh cột buồm chính. Thuyền viên cùng bầy tàu ở lại trên thuyền để chùi dọn và đánh bóng. John neo *Chim Én* lại bằng sợi chảo vòng qua đuôi thuyền và dây neo từ mũi thuyền, để thuyền nằm nổi một bên cảng, chừa chỗ cho thuyền *Amazon* vào.

“Mấy đứa có thể nói dây chảo đằng đuôi ra rồi kéo dây neo khi muốn vào bờ nhé,” cậu dặn.

“Vâng thưa thuyền trưởng,” thuyền viên và bầy tàu đồng thanh, hai đứa này giờ đang lu bu kỳ cọ thanh ván ngang và chùi đất bẩn trên mấy tấm ván đáy thuyền.

Thuyền trưởng vác tấm buồm vừa cuộn tròn lại cùng sào và trục, đặt ngay ngắn lên vai mang về trại. Đến nơi thì cậu quảng chúng xuống đất. Susan mới chùi rửa xong.

“Anh lên trạm quan sát xem mấy thuyền kia đã rời đi chưa đây,” cậu nói.

Susan ngược lên.

“Nghĩ về hấn không hay ho gì đâu,” cô bé bảo. “Đừng nghĩ gì đến hấn nữa.”

“Làm được vậy thì đã tốt,” John đáp, “nhưng anh không chịu được.”

“Thôi giúp em treo mấy tấm chắn lên nào,” Susan bảo.

“Nhớ đâu bọn Amazon xuất hiện,” John nói.

“Kệ tụi nó,” Susan đáp.

Hai anh em mang chắn từ lều ra treo lên mấy sợi thừng căng lều giăng giữa hai cây. Rồi chúng đâm thùm thụp cho đầu mấy túi rơm, mấy túi này đã dãn cục lại cả. Chúng vừa lắc vừa đẩy rồi kéo túi rơm cho đến khi mấy cái túi nhìn giống nệm hơn là mấy bịch phô mai tròn Hà Lan đã vơi quá nửa.

Rồi Susan bắt đầu cọ rửa nồi niêu xoong chảo và lấy cát mịn chà sát đáy chảo. Đây không phải loại cát mịn nhất, nhưng ít nhất cũng là loại mịn nhất mà cô bé kiếm được.

“Em sẽ mặc cho cái ấm đen thui như vậy thôi,” cô bé bảo. “Trông cũng chả sao.”

John trải rộng tấm buồm ra trên mặt đất, tháo mấy mối bện ra khỏi trục và sào buồm. Cậu ngả xuống cùng vài thứ mảnh, một sợi dây mỏng, để móc lại phần điểm mép buồm bị rách bằng mấy mũi bện chặt tay, dùng dao cắt đi phần đuôi thừa.

Việc này tốn nhiều thời gian, rồi cậu lại thấy một trong mấy đường nối trên cánh buồm đang lỏng đi. Một hai phân mũi chỉ bị bung ra. John đi vào lều lục lọi trong hộp của mình.

“May là bọn mình có mang theo kim may buồm này,” cậu nói khi quay trở ra.

“Còn may hơn nếu anh biết cách dùng nó,” chập sau thuyền phó lên tiếng, khi cô bé nhìn lên và thấy thuyền trưởng đang mút mút ngón cái.

“Hơ, đâu phải lỗi tại anh chứ,” thuyền trưởng đáp. “Mấy thợ may buồm thực thụ đẩy cây kim qua bằng một miếng da lộn trong lòng bàn tay cơ mà.”

“Để xem nào,” thuyền phó bảo.

Hai anh em cùng nhau may lại đường nối cũng tương đối. Thật ra mấy điểm mép buồm của John lại rất chắc chắn. “Giá như cuộc đời giống mấy mối bện,” năm trước bố bọn nhỏ có nói, “thì ta sẽ chẳng còn gì phải học hỏi nữa.”

Nhờ Susan phụ cho, cậu trai tắm buồm dọc theo trục căng buồm rồi bắt đầu buộc lại. Cả hai đều cặm cụi làm đến mức chẳng nhìn thấy một con thuyền đang trôi vào bến cho đến khi chúng nghe thấy tiếng thuyền nghiêng sải lạo xạo ngoài bờ cát.

Chúng nhìn lên thì thấy một viên cảnh sát cao lớn, mặc áo xắn tay, đang khua chèo vào. Anh ta đứng dậy, loạng choạng, rồi bước lên bờ. Đoạn anh ta nhặt áo khoác lên, áo đang mắc trên mũi thuyền chèo, rồi đi thẳng lên trại. Anh này đang nóng hết cả người, vừa đi vừa vẫy vò áo khoác cho đến khi cuối cùng cũng tìm ra tấm khăn tay to màu đỏ, rồi dùng nó mà lau mặt. Anh ta nhìn xuống thuyền trưởng và thuyền phó.

“Chào buổi sáng ạ,” John lễ phép.

“Chào,” viên cảnh sát to lớn đáp lại. “Bạn hả?”

“Vâng, hơi bạn ạ,” John đáp.

“Còn đỡ hơn là phải chèo giữa thời tiết thế này.”

“Chú đến đây từ xa lắm ạ?” Susan hỏi, đang phân vân không biết nên mời chú này uống gì đây.

“Ừ,” viên cảnh sát đáp, “cũng xa. Mà hai đứa đang làm gì ở đây vậy, chú muốn biết đấy.”

“Đây là trại của bọn cháu,” John đáp. “Chú ngồi xuống nghỉ một lát nhé? Tiếc rằng bọn cháu không có bia, nhưng còn lại một hai trái chuối gì đấy trên cây đó ạ.”

Viên cảnh sát lâu bầu chẳng buồn nói “Cảm ơn.” Lại lục lọi giăng giẻ một hồi rồi được tập ghi chú và cây bút chì trong áo khoác ra.

“Tên và địa chỉ,” viên cảnh sát hỏi.

“Tên cháu là John Walker,” John đáp. “Nơi này là địa chỉ của bọn cháu.”

“Họ Walker, tên John,” viên cảnh sát vừa viết vừa lặp lại. Anh ta lại lau mặt. “Còn địa chỉ?”

“Ở đây ạ.”

“Ở đâu?”

“Đây ạ.”

“Vậy đâu có được,” viên cảnh sát nói. “Cậu sống ở đâu?”

“Trong mấy lều kia ạ.”

Viên cảnh sát đi vòng tới mấy túp lều rồi nhìn vào đấy.

Susan phản đối.

“Bọn cháu chưa dọn giường cơ mà,” cô bé bảo.

Đúng lúc ấy có tiếng huýt sáo hăm dọa từ đâu kia hòng dọa vọng lại.

“Còn thêm mấy đứa nữa hử?” viên cảnh sát hỏi.

“Nhiều lắm ạ,” John đáp.

“Nào, chú ý đây,” viên cảnh sát bảo, “trả lời thẳng thắn cho chú biết. Mấy đứa lên nhà bè của ông Turner khi nào?”

“Bọn cháu chưa khi nào đến gần chỗ đó hết,” John đáp, “trừ một lần cháu đến nói chuyện với ông Turner thôi.”

“Chết chửa, chết chửa,” viên cảnh sát nói. “Thế đâu có được. Đây nhé, tình trạng hỗn loạn của căn nhà...”

“Sammy!”

Một giọng nói rành rọt lạnh lạnh khiến viên cảnh sát quay phắt lại.

“Sammy, tôi lấy làm xấu hổ vì anh quá đấy. Nếu anh không đi ngay cho thì tôi sẽ mách mẹ anh cho xem.”

“Xin thứ lỗi cho, cô Ruth,” viên cảnh sát đáp, mặt mũi đỏ lựng hết cỡ. “Tôi nghĩ mấy cô cậu này chắc có biết gì đấy về vụ trộm, vì trước đây bọn họ từng đến chỗ nhà bè. Tôi thật tình không biết mấy cô cậu đây là bạn của cô.”

“Tất nhiên họ là bạn tôi rồi,” thuyền trưởng Nancy bảo, nó đi lên khu trại rồi quảng đồng cọc lều xuống đất. “Bạn tôi chẳng khi nào liên can gì đến nhà bè của bác Jim hết. Anh quay về bảo với bác Jim thế đi. Hay để bọn tớ chiếm lấy thuyền của anh ta rồi bắt anh ta làm tù binh nhỉ?” cô quay sang John nói.

“Đừng, đừng làm thế, cô Ruth ạ,” viên cảnh sát đáp. “Không phải là hôm nay. Tôi còn phải chèo xuống tận cuối hồ nữa.”

Peggy Blackett từ cảng đi men lối mòn lên, cùng một đồng màu trắng to tướng trên vai, theo sau là Titty và Roger cùng chăn màn và một mớ dây câu.

“Ê chào anh Sammy,” con bé lên tiếng. “Anh đang làm gì ở đây thế?”

“Chỉ là hiểu lầm nho nhỏ thôi thưa cô,” viên cảnh sát đáp.

“Chạy biến đi ngay, Sammy, đừng có phạm lại sai lầm ấy nữa,” Nancy bảo.

Viên cảnh sát cao to lại quay về thuyền của mình mà chống thuyền đi.

“Này cô Ruth với cô Peggy ời,” anh ta van nài, “xin đừng nói gì với mẹ nhé.”

“Được thôi Sammy, nếu anh tử tế thì bọn này sẽ không nói gì.”

Anh ta nhanh nhẩu chèo đi.

“Chú ấy muốn gì thế?” Titty hỏi.

“Sao chú ta lại hốt hoảng vậy?” Roger hỏi.

“Hai cậu quen chú ấy à?” Susan hỏi.

“Quen chứ sao,” thuyền trưởng Nancy đáp. “Mẹ anh ta từng là vú em của mẹ tớ, cũng là vú em của bọn tớ luôn khi bọn tớ còn bé ấy. Anh ta là cảnh sát của vùng này. Anh ta chẳng sợ ai chỉ sợ mẹ mình... với lại bọn tớ, dĩ nhiên rồi. Mà này, các cậu có biết đã xảy ra chuyện gì không?”

“Chuyện gì?”

“Các cậu biết cái lời nhảm mà hai ông Billy nhờ các cậu chuyển cho tớ, về việc báo cho bác Jim nên khóa nhà bè lại ấy? Thế, hai ông kia nói phải rồi.”

“Nhà bè của bác Jim vừa bị khoắng,” Peggy nói vào.

“Ban sáng nhìn thấy mấy cái thuyền kia tớ biết ngay là có chuyện mà,” John bảo.

“Mấy tên cướp biển đã tấn công thuyền của thuyền trưởng Flint khi ông ta đi vắng,” thuyền trưởng Nancy bảo. “Ông ta đã đi vắng thật, khi cậu bảo là ông ta đi đâu đấy. Bọn tớ đã lầm. Đèn đóm mà bọn tớ nhìn thấy trên nhà bè khi đang cho thuyền đi xuống đây giữa ban đêm ấy không phải là đèn của thuyền trưởng Flint. Mà là của bọn trộm, là đám hải tặc kia. Lúc ấy bọn chúng đang ra tay lục lọi.”

“Cũng có người khác trông thấy ánh đèn nữa,” Peggy bảo. “Là cái ông lái xuồng máy ấy, ông cũng biết bác Jim đang đi vắng. Thế là sáng hôm sau ông ta ghé qua xem và phát hiện ra cửa ca bin đang mở toang và mọi thứ trên ấy loạn xạ hết cả. Ông ta sang báo với mẹ tớ và mẹ đánh điện báo cho bác Jim. Tối qua bác về đến nhà, đi sang nhà bè, nhưng vì mọi thứ đảo lộn cả nên bác ấy phải mang con vẹt sang nhà bọn tớ ngủ qua đêm.”

“Bác nổi trận lôi đình,” Nancy kể. “Còn con vẹt thì rất cáu chằng nói nổi gì cả.”

“Bác ấy khi thì tức tối khi lại chỉ rầu rầu rĩ rĩ,” Peggy nói. “Bác bảo lẽ ra bác chẳng buồn quan tâm đến mọi thứ mà chúng lấy đi ngoại trừ cái thứ mà chúng đã lấy đi rồi ấy. Chúng đã lấy đi cái hòm cũ trong khoang, trong đó có chiếc máy đánh chữ cùng quyển sách mà bác đã viết cả mùa hè này, cái cuốn sách mà bác ấy mãi viết nên không thể làm đồng bọn với bọn này như trước kia. Bác bảo chắc bọn chúng lấy cái hòm đi vì nó nặng. Bác chẳng biết chúng còn lấy đi gì khác nữa. Nhưng bọn chúng đã đồ hết đồ trong mấy tủ khóa ra sàn rồi lục tung cả thuyền. Còn tệ hơn là một cuộc tổng vệ sinh hằng năm nữa, theo như lời bác bảo. Có lúc bác ấy trông thiếu não không nói lấy nửa lời, rồi khi thì lại bắt đầu hăm hăm lên về việc hòm này toàn bọn nhóc con, và về các cậu...”

“Ông ta luôn nghĩ là do bọn tớ mà,” John nói.

“Tí nữa thì tớ đã bảo cho bác ấy biết rằng tối hôm đó chẳng thể nào là bọn cậu được,” Nancy cắt lời, “vì khi bọn tớ trông thấy ánh đèn trên thuyền của bác ấy thì bọn cậu đang ngược sông Amazon mà, nhưng Peggy huých tớ vừa kịp lúc làm tớ sức nhớ là đêm đó bọn tớ đang ngủ, nên tớ im luôn. Tớ mới nghĩ rằng thật may bọn tớ được phép sang cắm trại cùng các cậu. Chứ không chắc lại có người bảo bọn tớ không nên làm vậy ngay, mọi người cứ đang sôi sục lên mà. Thế là tối qua bọn tớ lên đi chắt đồ lên *Amazon* rồi giấu con thuyền ngoài sông. Rồi sáng nay bọn tớ im lặng ngoan ngoãn cho đến khi bác Jim chèo thuyền về lại nhà bè. Khi bọn tớ khởi hành được thì trời vẫn chưa nổi gió lắm, bằng không bọn tớ đã đến từ nãy rồi. Bọn tớ phải chèo thuyền len qua các đảo, rồi phải chờ đợi một lúc để quan sát bao nhiêu là tàu bè đưa người vào vịnh Nhà Bè để chứng kiến vụ trộm.”

“Sáng hôm qua các cậu về kịp giờ chứ?” Susan hỏi.

“Suýt chút là bể mảnh, nhưng bọn tớ về kịp,” Nancy đáp.

“Bọn tớ chỉ vừa kịp chui vào giường, còn mặc nguyên quần áo thì đã có người đến gõ cửa rồi,” Peggy nói thêm.

“Ừm,” John bảo. “Bọn chúng vào trộm đúng cái đêm có chiến tranh giữa chúng ta à?”

“Dĩ nhiên,” Nancy đáp. “Tớ đã kể r ồi mà. Bọn tớ nhìn thấy ánh đèn trên nhà bè. Giá mà biết được thì bọn tớ đã tóm hết cả bọn để biến bác Jim thành kẻ tội đồ mang ơn bọn tớ suốt đời r ồi.”

“Như thế chắc đúng là Titty có nghe thấy gì tối hôm đó,” John bảo.

“Chắc bọn cướp biển mà em nghe thấy cũng chính là bọn đã cướp bóc thuyền của thuyền trưởng Flint,” Titty nói.

“Em có nghe thấy gì sao?” Nancy hỏi.

“Bọn chúng đang chèo thuyền khi em neo *Amazon*,” Titty đáp.

“Chắc chúng là bọn trộm r ồi,” Nancy bảo. “Bọn chị thấy đèn của chúng, r ồi đến em nghe thấy chúng. Đi đâu tớ không hiểu nổi là sao bác Jim lại có ý nghĩ rằng các cậu có liên quan đến chuyện này.”

“Tất nhiên bọn tớ chả liên quan gì cả,” thuyền trưởng John nói.

“Chứ sao nữa,” thuyền trưởng Nancy bảo, “cậu không cần phải nói với tớ đi đâu này. Tớ chỉ thấy khó hiểu là sao bác ấy lại cho là các cậu gây ra.”

Thuyền trưởng John thấy khó xử quá.

“Ông ta không tin khi tớ bảo rằng tớ không động đến nhà bè của ông, cái lần tớ đến chuyển lời những người thợ đốt than cho ông ta đấy.”

“Nhưng sao bác ấy lại không tin cậu mới được?”

“Ừ thì,” thuyền trưởng John ậm ừ. “Thôi đi thuyền trưởng Nancy ạ, cũng chẳng quan trọng gì đâu.”

“Quan trọng chứ sao không,” thuyền trưởng Nancy thốt lên. “Nếu không nghe gì đấy từ bác Jim thì cái anh chàng Sammy kia đã không đến chỗ mũi vào đây đâu.”

“Là vào cái ngày bọn tớ phát hiện ra các cậu lần đầu tiên ấy,” thuyền trưởng John kể. “Khi bọn này nghĩ là ông ta nã súng vào các cậu ấy. Ông ta trông thấy bọn này khi bọn này chạy ngược h ồ lên xem các cậu đi đâu, thế là ông ta nghĩ chính bọn này đã đốt pháo bông trên nóc thuyền nhà ông.”

Mặt mũi thuyền trưởng Nancy đỏ như, da rám nắng là thế mà vẫn trông thấy rõ.

“Tớ sẽ cải chính chuyện này ngay lập tức,” cô bé bảo. “Thế bác ấy có giận dữ quá đáng không?”

“Ông ta gọi tớ là thằng nói láo,” John đáp. “Nhưng giờ thì chẳng sao đâu, thật mà.”

“Có chứ sao không,” thuyền trưởng Nancy đồng dạc. “Peggy đâu!”

“Vâng thưa thuyền trưởng.”

“Dỡ hết đồ trên *Amazon* xuống, tháo cột buồm lẫn buồm ra khỏi thuyền rồi đưa thuyền vòng qua bến. Này thuyền phó, thưa thuyền trưởng John, các cậu có cây bút chì với mảnh giấy nào trong trại không? Với lại tớ cần một mẫu than từ lò lửa của cậu nữa.”

Thuyền trưởng đi vào lều đem ra một cuốn tập và cây bút chì. Thuyền trưởng Nancy nằm bẹp xuống đất hí hoáy gì đấy một lúc, vừa viết vừa mút mút đầu bút chì sau mỗi chữ rồi ấn tay thật mạnh. Con bé làm gãy bút chì đến hai lần và phải gọt lại.

“Tớ mút đầu bút chì để nó được đậm đen,” con bé giải thích, khi thấy Susan trở mắt ngạc nhiên nhìn mình.

Titty và Roger thì há hốc mồm lom lom nhìn con bé.

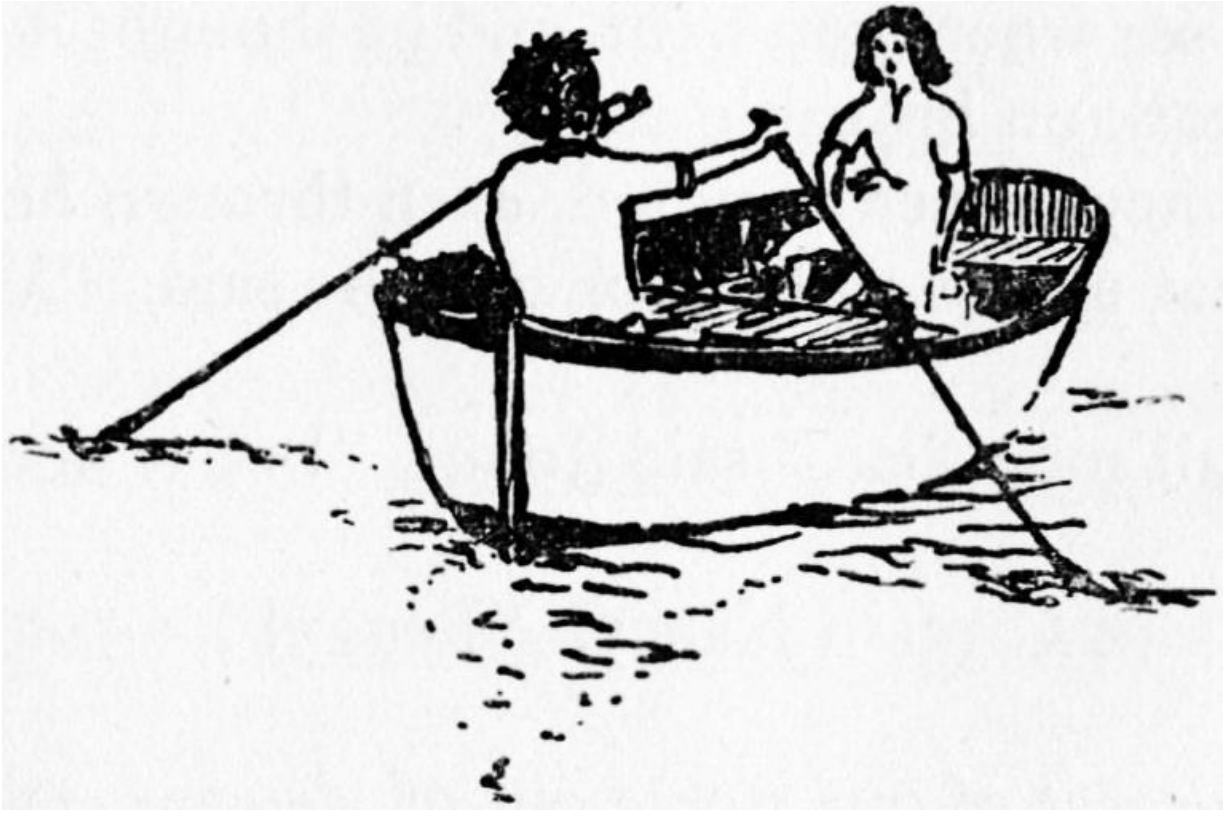
Xong xuôi Nancy đứng dậy khơi ra mẫu củi cháy sém từ đồng lửa. Con bé xé mảnh giấy mình viết này giờ ra rồi dùng mẫu củi cháy bôi đen hết mặt sau tờ giấy. Đoạn con bé gấp nó lại cho vào túi áo.

“Thuyền đã sẵn sàng, thưa thuyền trưởng!” Peggy từ dưới bến gọi vọng lên.

“Tớ sẽ quay lại ngay,” thuyền trưởng Nancy bảo.

“Nhưng mà cậu định làm gì thế?” John hỏi khi Nancy chống thuyền ra xa bờ.

“Trao cho ông ta Chấm Đen,” Nancy đáp rồi chèo đi, hay đúng hơn là khua khoắng tung tóe.



Thuyền trưởng Flint nhận được Chấm Đen

Người đàn ông trên nhà bè, thuyền trưởng Flint, đôi khi được gọi là bác Jim, đang ở một mình cùng con két xanh trong ca bin, và đang âu sầu ra sức sắp xếp lại các thứ sau khi khách khứa đi khỏi. Đầu tiên là bọn trộm, rồi sáng nay bao nhiêu là người muốn tận mắt xem thiệt hại như thế nào, ngoài Sammy cùng viên cảnh sát kia và một hạ sĩ từ Rio, cái tay đã phất Sammy xuống cuối hồ còn mình ngược lên đầu kia hồ để đi đầu tra. Bọn trộm đã lật tung hết mọi thứ. Từng tủ khóa tủ chén gọn gàng đầu bị cạy bung cửa, đồ đạc bên trong đổ hết ra ngoài. Bao mũi tên, lưới rìu, dây chuyền, răng cá mập, boomerang, rồi mấy bầu rượu sơn xanh sơn tím, vốn là những kỷ vật từ các chuyến đi của thuyền trưởng Flint, được treo trên những chỗ danh dự trên vách ca bin, đầu bị giật xuống hết. Giống như là phải dọn dẹp lại sau một trận lốc cuốn vậy. Thuyền trưởng Flint giẫm phải con voi nhỏ bằng gỗ mun từ Colombo. Ông ta nhặt lên, định lấy keo dán lại, nhưng con voi đã gãy mất ngà, vùi lẫn hai chân, nên đành quẳng nó ra khỏi cửa sổ ca bin trong vô vọng.

Con vẹt xanh, nãy giờ đậu trên mép bàn trong ca bin, đang ra sức mổ cho gầy cái đầu bức tượng Phật bằng ngọc mà thuyền trưởng Flint thỉnh từ Hong Kong về.

“Cứ mổ đi Polly,” thuyền trưởng Flint bảo, “mổ cho nát hết đi.”

“Polly xinh đẹp,” con vẹt đáp trả, một chân ghì bức tượng nhỏ rồi dùng cái mỏ khoằm rắn khỏe ngắt lấy ngắt để bức tượng.

“Sao bọn chúng không lấy đi một trong mấy thứ này nếu chúng muốn chứ nhỉ, bó tay,” thuyền trưởng Flint than, ông này vốn quen sống một mình quá rồi nên quen luôn việc trò chuyện với chính mình và con vẹt. “Vậy mà chúng lại đi lấy một thứ chẳng được việc gì cho chúng nhưng lại hết sức quan trọng với mình. Đừng có khóa gì hết nhé Polly, rồi mày sẽ

không bao giờ mất nó đâu. Dù kẻ trộm là ai, hấn lấy cái hộp đơn giản là vì cái hộp thì nặng mà hấn không mở ra được. Nếu là thằng nhóc kia thì hấn nó phải mạnh lắm đây. Nhưng có lẽ nó có mấy đũa khác tiếp tay nữa. Thôi vậy, khi nào nó mở được cái hộp ra thì nó sẽ đau lòng vì đã không chịu lấy đi thứ khác. *Rong rêu*, do “Hòn Đá Lăn” viết, sẽ chẳng nghĩa lý gì với nó đâu, Polly nhỉ, cho dù với tao thì lại là bao công lao khó nhọc.”

“Polly xinh đẹp,” con vẹt la lên, khi đầu của bức tượng rơi xuống sàn nhà.

Thuyền trưởng Flint cúi xuống nhặt đầu tượng bị rơi, thế là một quả trứng đà điều vỡ kêu rắc rắc dưới chân ông ta.

“Bao nhiêu ngựa bao nhiêu lính của nhà vua cũng không gắn thẳng Humpty Dumpty lại được, và cũng sẽ không khiến tao nghĩ viết lại *Rong rêu* lần nữa đâu,” ông ta nói.

Con vẹt xanh rít tướng lên giận dữ khi thuyền trưởng Flint nhặt đầu tượng ngọc lên.

“Thì thôi, mày lấy đi,” thuyền trưởng Flint nói. Con vẹt đi lạch bạch trên bàn về phía ông ta, rồi, một chân quặp cạnh bàn, chân kia nó nhặt lấy đầu tượng từ tay ông ta.

“Một mùa hè công cốc,” thuyền trưởng Flint than. “Cả bao cuốn nhật ký của tao cũng mất hết.”

“Polly xinh đẹp,” con vẹt đáp.

“Chỉ duy một chuyện hay thôi,” thuyền trưởng Flint vừa nói vừa nhặt lên cả ôm quần áo rồi nhét vào một ngăn tủ, “mấy cô cháu gái của tao không liên quan gì đến chuyện này. Chúng có giờ trò đấy, nhưng chưa bao giờ quậy tan hoang ca bin của tao cả. Mà là cái thằng nhãi kia cơ. Tao không thích chuyện nó nói xạo tao vụ nó bắn pháo hoa trên mái ca bin nhà tao. Bọn con trai có khả năng làm đủ trò đấy Polly, có ngoan mấy cũng thế. Bản thân tao là đứa có ngoan gì đâu, người ta hay nói vậy, nhưng ít nhất tao cũng không nói láo.”

Đúng lúc ấy một mẫu giấy gấp nhỏ bay vèo qua cửa sổ ca bin rơi xuống bàn. Con vẹt đi cà quẹt đến mổ lên. Có vẻ mẫu giấy thích hợp với trò ngắt mổ hơn là cái đầu tượng ngọc nhỏ kia. Thuyền trưởng Flint nhìn ra.

“Chào Nancy,” ông ta nói. “Đến đây để hả hê hả?”

“Tôi không nói với ông đâu,” Nancy đáp. “Mới gửi cho ông Chấm Đen kia. Đọc đi.”^[3]

“Chuyện gì thế?”

“Tôi sẽ không nói gì với ông cho đến khi ông nói xin lỗi cơ. Đọc Chấm Đen đi rồi sẽ hiểu vì sao.”

Thuyền trưởng Flint chỉ kịp giật được mảnh giấy nơi con vệt. Mảnh giấy đã bị xé ra làm hai. Ông ta gỡ chúng ra rồi ráp lại. Một mặt là vết tròn đen lem nhem vẽ bằng củi cháy. Mặt kia là bức thư.

“Gửi thuyền trưởng Flint (*biệt danh* bác Jim),

John chưa hề động vào nhà bè. Khi ông bảo cậu ấy là kẻ nói dối, thật ra là không phải. Ông mới nói dối. Cậu ấy liều cả tính mạng đến báo trước cho ông biết về mấy tên thổ dân mọi rợ đang định tấn công vào nhà bè của ông. Cha con nhà Billy đã nhờ cậu ấy chuyển lời nhắn cho ông. Ông có chịu nghe đâu. Thay vào đấy lại gọi cậu ấy là thằng nói láo. Vô ơn quá đi. Giờ thì ông bị trộm viếng nhé. Tôi mừng ghê. Mừng ghê gớm. Nếu ông muốn biết ai là kẻ đã đốt râu ông (đọc về Philip xứ Tây Ban Nha đi nhé) bằng cách cho nổ mìn trên nóc ca bin thì đây là kẻ ký tên dưới đây. Đáng đời ông lắm. Đây là Chấm Đen. Ông bị cách chức bác hay bất cứ kiểu người tử tế nào.

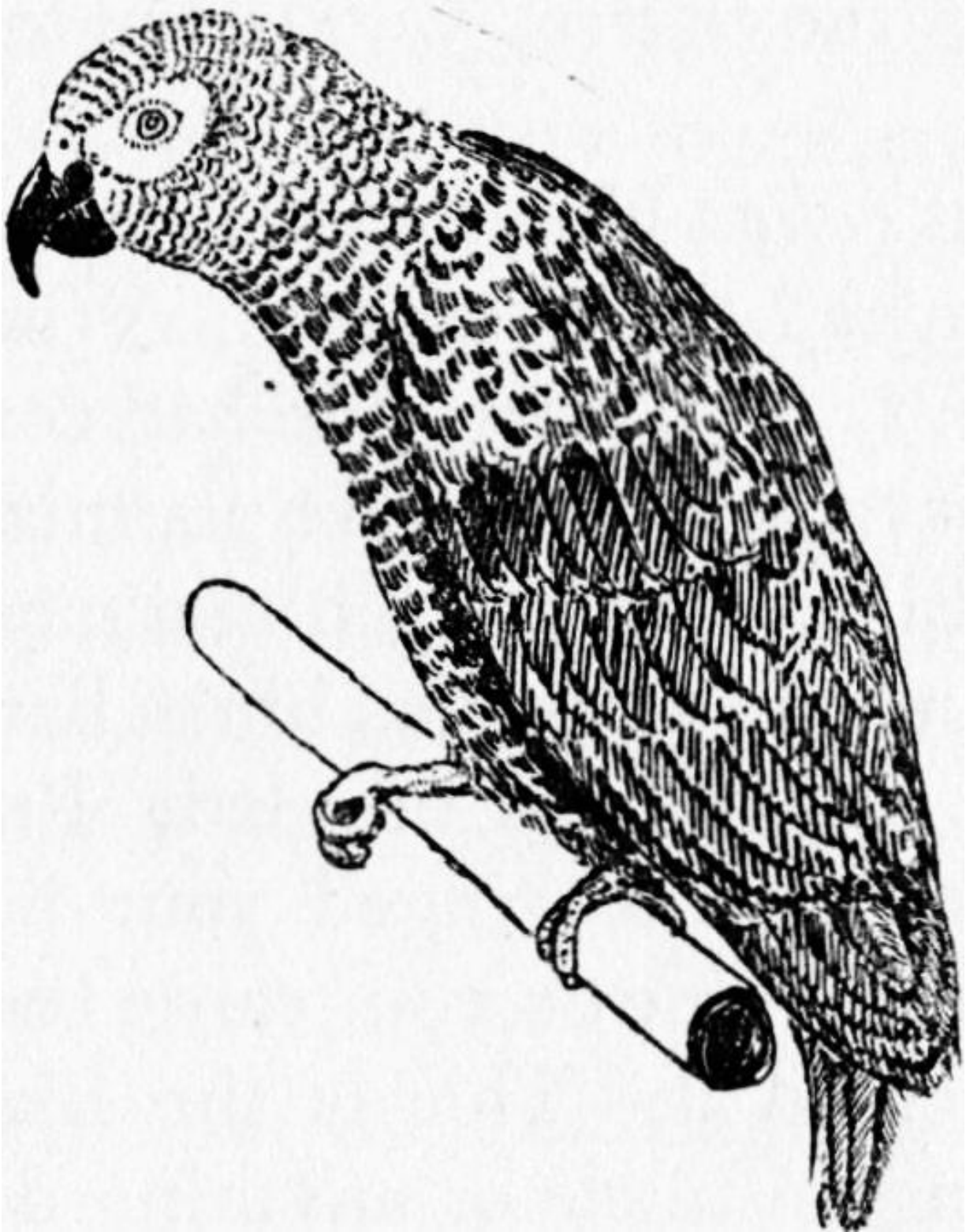
NANCY BLACKETT (cướp biển vùng Amazon).”

“Ê Nancy!” thuyền trưởng Flint réo vọng ra cửa sổ.

Nhưng thuyền trưởng Nancy, đang nóng lòng muốn cho nhà Chim Én thấy là mình không có hòa đàm gì với kẻ thù, đã khua chèo đưa thuyền ra khỏi vịnh.

“Trời ạ!” thuyền trưởng Flint ca thán, “vậy hóa ra lâu nay toàn là do cái đám quỷ sứ kia. Thằng bé kia chắc đã nghĩ mình là thứ thô thiển đến nhường nào. Mà mình thô thật. Giờ còn đi báo với cảnh sát là mình nghĩ rằng thằng bé đó chắc phải có liên quan gì đến vụ rắc rối này nữa chứ. Polly, vào trong phòng riêng của mày ngay. Trong đây đủ thứ đồ không bỏ mày lại đây cai quản được.”

Ông ta nhét con vệt, đang lạch bạch tứ tung, vào lại lờng, chạy lên boong, nhảy xuống thuyền chèo của mình, quăng thả dây neo rồi đuổi theo thuyền trưởng Nancy, chèo cật lực. Dù đã xảy ra chuyện gì, ông ta cũng phải đi gặp thằng bé kia ngay mà sửa sai mọi chuyện.



Ông ta dàn hòa rồi lại tuyên chiến

KHÌ thuyền trưởng Nancy chèo đi thì Peggy và nhà Chim Én vẫn còn im lặng nhìn chăm chăm theo cô bé một lúc. Không ai biết chính xác Nancy sẽ làm gì.

“Có lẽ anh không nên kể với nó làm gì,” cuối cùng John lên tiếng.

“Vớ vẩn,” Susan bảo. “Trước sau gì thì nó cũng phải được nghe kể về chuyện này thôi. Ta dựng lều của nhà Amazon lên trước khi nó quay lại nào.”

“Ừ cùng dựng đi,” Peggy đồng tình. “Bọn tớ có đủ đồ đây. Nancy đã mang mấy cái cọc lên rồi.”

“Không phải chúng ta nên đưa *Chim Én* đi theo giúp chị ấy sao?” Titty hỏi.

“Tốt hơn là đừng,” Peggy đáp. “Nếu muốn được giúp thì chị ấy đã không đi một mình rồi.”

Con bé tháo mớ bùng nhùng màu trắng ra. Đó là bạt lều, nhưng lại không được làm giống mấy túp lều của anh em nhà Chim Én.

“Mấy cây cọc đâu ấy nhỉ?” Peggy hỏi. “Toàn bộ là cọc hai khúc một. Ta ráp chúng lại với nhau làm nên bốn cái cọc dài bằng nhau. Rồi ta nhét cọc vào bốn mép gấp ở góc lều. Chúng vừa khít à. Hai cọc đầu thì cũng dễ thôi, nhưng sau đấy thì cực lắm, vì giữ cho mép lều được thẳng để cắm cọc vào khó vô cùng. Theo tớ thì, nếu thuyền viên với bầy tàu của các cậu giữ lấy đầu kia mép lều mà kéo căng ra thì chắc sẽ dễ hơn nhiều.”

Mọi người cùng chung tay. Chúng ráp các cọc lều lại, như cần câu cá thôi, rồi đút vào góc mép lều. Mỗi đầu mép gấp có một túi be bé để cắm chân cọc vào, như là mấy ngón tay trên chiếc găng tay, rồi mỗi chân cọc, trong cái túi be bé ấy, nhô lên khỏi lều chừng tấc rưỡi.

“Trông như mấy cái tai nhĩ,” Roger quan sát, “tai lừa ấy.”

Rồi, khi các cây cọc đã được nhét vào hết, Peggy ôm hết cuộn lều lại thành một ôm dài, hay ít ra là con bé cố sức làm thế. John bê một đầu và con bé giữ đầu còn lại.

“Chỗ này này,” con bé bảo. “May là các cậu không chiếm chỗ dựng trại của bọn này, bằng không bọn này chắc phải giành giật với các cậu thôi. Bọn này không thể dựng lều cho ngay ngắn mà không có hai cái gốc cây cụt này.”

Đối diện với lều của nhà Chim Én trong khu trại là hai gốc cây đã bị đốn hạ. Lúc này nhìn thì mấy anh em mới thấy, giữa hai gốc cây cụt là dấu tích một khoảnh vuông mòn trụi. Peggy dùng mấy ngón tay moi moi trong cỏ rồi tìm thấy cái lỗ ở bốn góc khoảnh đất vuông.

“Cọc lều cắm vừa vào mấy lỗ này,” con bé giải thích. “Rồi dây thừng vắt từ chóp lều qua hai gốc cây cụt, quấn lại, rồi bọn này dùng mấy khúc gỗ thắt chặt lại.”

Mỗi khúc gỗ có hai lỗ ở hai đầu. Sợi thừng xỏ qua một lỗ, rồi vòng qua gốc cây cụt, rồi xỏ qua lỗ thứ hai, thắt lại thành gút sao cho nó không bị bung ra. Để căng sợi thừng, ta chỉ cần kéo khúc gỗ ngược lên sợi thừng, rồi ở đầu kia, kéo xéo khúc gỗ qua một bên, để nó khỏi trượt đi khi ta thả tay ra.

“Có năm người cùng làm thì dễ dàng hơn nhiều,” Peggy bảo, khi túp lều dựng lên ngay ngắn, mấy sợi thừng từ các tai lừa ở mỗi góc lều đều được kéo căng. “Bọn này mà tự dựng thì mất nguyên cả buổi. Cậu làm gì với đồng móc sắt trong mớ chăn rồi?”

“Đây này,” Titty đáp.

“Cũng có mấy lỗ cho đồng kẹp này nữa,” Peggy nói, “nhưng phải đóng chúng vào kia. Ôi khỉ thật, quên cái vòm mất rồi.”

“Chạy đi lấy búa của em đi Roger,” thuyền phó Susan ra lệnh.

Dọc dưới chân hai cạnh bên và mặt sau của lều là những cái khoen, mỗi khoen là để cho một kẹp sắt một đầu có móc náu vào. Peggy tìm ra mấy lỗ sót lại từ lần cắm trại trước, John dùng búa đóng kẹp sắt xuống.

“Không còn gì khác nữa hết,” Peggy nói, “trừ tấm trải nệm, đang ở chỗ túi ngủ của bọn này dưới cang kia, tớ chuyển hết đồ từ trên *Amazon* xuống ấy.”

“Trông giống khu cắm trại lắm rồi đây,” Titty lên tiếng, hãnh diện nhìn quanh ba túp lều và đồng lửa trại, nhìn ấm nước và nĩa niêu mới được chà rửa của Susan. “Ai ai cũng có thể biết đây là khu trại trên hoang đảo, ngay lúc họ nhìn thấy cánh buồm.”

“Mình đan buồm cho xong nốt đi nào,” Susan rủ, nhưng John đã vội vàng chạy lên trạm quan sát xem có thấy tăm hơi gì của thuyền trưởng Nancy hay thuyền *Amazon* không.

Chấp sau cậu chạy về khu trại lấy kính viễn vọng.

“Này này Susan,” cậu la lớn, “thuyền trưởng Flint đang đuổi theo con bé kia.”

“Anh cũng điên như là Titty với cái kho báu của nó ấy,” Susan nói. “Thổ dân đâu có làm ba cái chuyện đó.”

“Nhưng ông kia thì có đấy,” John cãi.

“Bác Jim không phải lúc nào cũng giống thổ dân đâu,” Peggy nói.

“Hắn còn xấu xa hơn mọi thổ dân ấy chứ,” Titty nói với qua vai, rồi chạy lên trạm quan sát. Mấy đứa còn lại cũng theo sát nút.

Nancy đã quay về được nửa đường thì thuyền trưởng Flint trên chiếc thuyền chèo phóng ra khỏi vịnh Nhà Bè mà đuổi theo. Nancy giờ đã gần về tới đảo, còn thuyền trưởng Flint, dù đã rút được khá khá khoảng cách, vẫn còn cách sau con bé một chút. Thuyền của ông ta là loại thuyền nặng.

“Thấy chưa,” John bảo, “hắn đang đuổi theo Nancy, đúng không?”

“Chắc là nó mời ổng theo thôi,” Susan bảo.

“Nhưng chị ấy đang chèo lấy chèo để kìa,” Peggy quan sát. “Không phải đâu. Bác Jim đang đuổi theo đấy.”

“Mà nhìn xem hắn chèo như thế nào kìa,” John nói.

“Như một đầu máy hơi nước vậy,” Roger đáp.

“Thuyền bác ấy đang phóng vèo vèo theo,” Peggy bảo. “Nhưng Nancy sẽ thắng bác ấy cho xem. Chị ấy xuất phát trước cả khúc mà. Cố lên Nancy! Chèo cừ lắm! Cố lên Nancy!”

Bọn nhỏ trên trạm quan sát hò reo như thể chúng đang theo dõi một cuộc đua. Nancy nghe thấy nên liếc nhìn ra sau vai.

“Cố lên nào,” Peggy gào. “Kéo nhau ra biển yếm trợ chị ấy cũng chẳng ích gì đâu. Nhưng Nancy sẽ tới đây trước, rồi khi đó bọn mình cùng nhau

ngăn không cho bác Jim cập bờ. Cỗ lên nào. Anh em Chim Én với Amazon muôn năm!”

“Còn thuyền trưởng Flint thì tiêu tùng,” Titty cũng gào.

Cả bọn chạy xuống bãi cập thuyền. Nancy chèo đưa thuyền vào, gần như đã hút hết cả hơi, nhưng vẫn dẫn trước thuyền trưởng Flint chừng sáu bảy thân thuyền.

“Bọn mình lâm trận rồi, anh em ơi,” con bé hồn hển nói khi nhảy lên bờ.

Chấp sau thuyền của thuyền trưởng Flint cập bờ cạnh thuyền *Amazon*. Ngay lập tức thuyền bị Nancy và Peggy túm lấy đẩy ngược trở ra.

Thuyền trưởng Flint đã thu chèo. Nhưng thấy mình lại nổi bồng bênh, ông ta lại thả chèo xuống và quay nhìn kẻ thù. Thái độ ông này chẳng có gì là hung hãn. Mặt ông ta đỏ đấy, nhưng là do nóng bức khi chèo thôi. Giọng ông ta ôn tồn. Gần như là ông ta đang thẹn.

“Cho phép tôi lên bờ nhé?” ông ta hỏi.

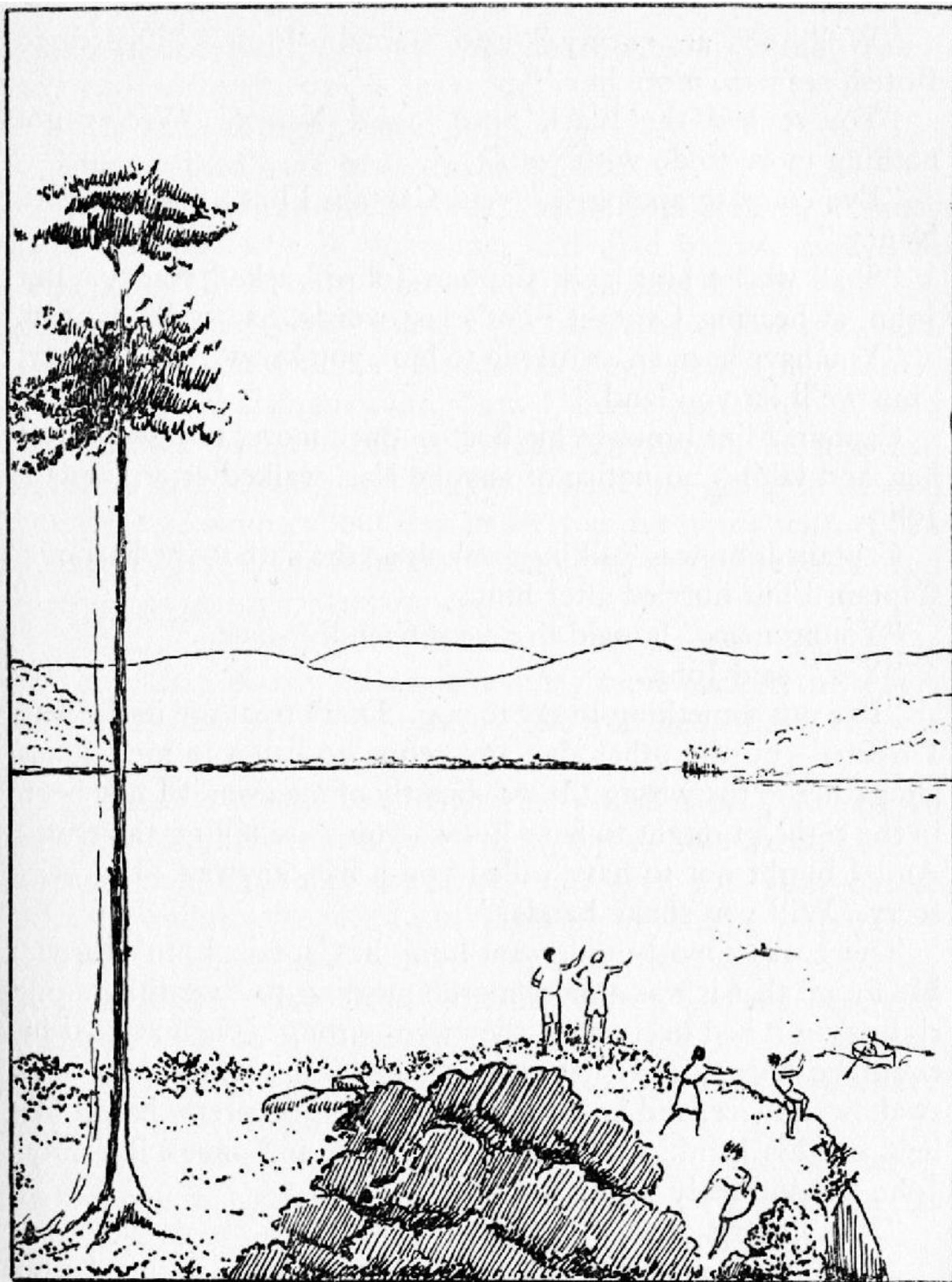
“Bạn hay thù đây?” Nancy hút hơi hỏi lại.

“Ừm, không phải thù đâu,” thuyền trưởng Flint đáp. “Là một thủy thủ người Anh đang đau khổ thì đúng hơn.”

“Ông nhận được Chấm Đen rồi,” Nancy bảo. “Bọn tôi không còn gì để nói với ông nữa.”

“Tôi đến để xin lỗi,” thuyền trưởng Flint nói. “Nhưng mà không phải xin lỗi cô đâu Nancy ạ.”

“Cho phép ông ta cập bến chứ, thưa thuyền trưởng John?” Nancy hỏi. Nhưng John, vừa nghe được mấy câu cuối của thuyền trưởng Flint, đã quay lưng bỏ đi.



CỖ LÊN, NANCY!

“Ông đã cư xử lỗ mãng như heo với cậu ấy đấy, ông biết chứ,” Nancy nói, “nhưng bọn tôi sẽ để ông cập bến.”

Thuyền trưởng Flint lại đưa thuyền vào, trèo ra, chẳng chú ý đến ai mà đi thẳng theo thuyền trưởng John.

Thuyền trưởng John đang đi dọc lối mòn dẫn sang cảng. Thuyền trưởng Flint vội vã đuổi theo.

“Này anh bạn trẻ,” ông ta nói giọng hòa nhã.

“Vâng,” John đáp.

“Tôi có chuyện cần nói với cậu đây. Đừng đối xử với tôi theo cách mà hôm trước tôi đã đối xử với cậu rồi không chịu nghe tôi nói chứ. Tôi đã sai hoàn toàn. Tôi thật xấu xa cho dù có đủ lý do để như thế. Đáng ra tôi phải nhận thấy là cậu nói sự thật. Đáng ra tôi không được gọi cậu là kẻ nói dối. Tôi rất lấy làm xin lỗi. Cậu bắt tay chứ?”

Một cục nghẹn đắng chất dâng lên trong họng thuyền trưởng John. Cậu nhận ra là khi mọi chuyện được giải quyết đúng đắn thì có vẻ như lại còn đáng ghét hơn là khi chúng đang không đúng. Khi đó thì ít ra cậu còn được tức tối, như vậy cũng thỏa lòng lắm. Còn như bây giờ thì tệ hơn nhiều. Cậu nuốt lên nuốt xuống, cắn chặt môi. Cậu chìa tay ra. Thuyền trưởng Flint đón lấy mà bắt thật chặt. Đột nhiên John thấy nhẹ lòng hơn.

“Mọi chuyện giờ ổn rồi ạ,” cậu nói.

“Tôi thật lòng rất xin lỗi,” thuyền trưởng Flint bảo. “Cậu biết đấy, tôi cứ đinh ninh là do cậu vì tôi đã nhìn thấy cậu chèo thuyền, mà chẳng hề nhìn thấy hai cô cháu gái tinh quái của tôi. Nhưng đấy cũng không phải lời bào chữa gì cho cách tôi hành xử đâu.”

“Thật không có gì đâu ạ,” John nói.

Họ cùng nhau đi ngược về chỗ mấy đứa kia.

“Thì tôi cũng đã phải trả giá cho chuyện này theo cách nào đấy rồi,” thuyền trưởng Flint tiếp. “Nancy bảo tôi là cậu đến để cảnh báo cho tôi, chuyển tôi lời nhắn gì đấy. Giá mà tôi nghe lời cậu thay vì cứ như một thằng ngốc thô lỗ cộc cằn thì hẳn tôi đã không bị mất cuốn sách của mình. Hẳn tôi đã mang sách theo. Nancy kể cho cậu biết đã xảy ra chuyện gì rồi chứ?”

“Có ạ,” thuyền trưởng John đáp, “nhưng cháu đến không chỉ để cảnh báo với bác không đâu. Lúc đó cháu định nói cho bác biết những gì mà

mấy người thợ đốt than đã nhờ chúng cháu chuyển lời cho Nancy và Peggy. R ồi sau đấy cháu sẽ nói cho bác biết là bác sai lầm hoàn toàn về mảnh giấy mà bác để lại trong l ầu của cháu ấy. R ồi cháu sẽ nói với bác rằng cháu chưa khi nào đến gần nhà bè của bác cả. Và r ồi cháu sẽ tuyên chiến.”

“Ha, tôi gọi đấy là thân hữu,” thuyền trưởng Flint đáp. “Đã nghe thấy chưa hả Nancy?” ông ta hỏi khi hai người đi lại chỗ mấy đứa kia, giờ chúng đã về khu trại. “Đã nghe thấy chưa hả? Cậu ấy đến là để tuyên chiến với bác đấy.”

“Dĩ nhiên,” Nancy đáp. “Tất cả bọn này sẽ tuyên chiến. Bọn này đã thiết lập một liên minh tấn công phòng thủ để chống lại ông đấy. Bọn này sẽ tự tay chiếm lấy nhà bè, đưa ra cho ông lựa chọn hoặc là nhảy xuống biển hoặc là sống chết có nhau với bọn này như năm ngoái. John đã chán ngấy ông vì ông cứ đi nói với đám thổ dân rằng cậu ấy bén mảng đến nhà bè trong khi cậu ấy đâu có làm vậy, còn bọn này mệt mỏi với ông vì cái vụ viết lách nhảm nhí ấy. Nhưng tất nhiên giờ thì chẳng ích gì nữa. Ông đã nhận được Chấm Đen, và bọn này không còn muốn dính dáng đến ông nữa.”

“Bác không biết là đã quá muộn r ồi đấy,” thuyền trưởng Flint bảo. “Mà d ầu sao thì giờ cũng chẳng còn trò viết lách gì nữa đâu. Sách mất r ồi, cùng cả máy đánh chữ nữa, bác thì già cả quá chẳng còn sức đâu mà đi viết lại từ đầu. Bác sẵn sàng cho cuộc tuyên chiến bất cứ lúc nào các cháu thích.”

“Tôi không muốn đánh chiếm nhà bè đâu,” Titty thốt lên. “Tôi muốn đánh chìm nó cơ. Tôi ước gì bọn tôi nhấn chìm nó ngay từ đầu cho r ồi.”

“Nhưng mà tại sao chứ?”

“Titty!” Susan đe.

“Bởi vì không kẻ thù nào lại độc ác như ông cả,” Titty đáp. “Bọn tôi có làm gì ông đâu, thế mà ông lại khiến cho thổ dân nghĩ là do bọn tôi, còn nữa, khi thuyền trưởng John ra sức giúp cho ông...”

“R ồi, bác biết r ồi,” thuyền trưởng Flint bảo. “Bác xấu xa lắm, nhưng bác còn làm được gì hơn nữa đâu ngoài nói lời xin lỗi đây. Mà bác thật lòng hối lỗi lắm đấy.”

“Chuyện đó không sao rồi Titty à,” John nói. “Chuyện đã được giải quyết. Xong xuôi rồi.”

“Thôi này,” thuyền trưởng Flint bảo. “Bác sẽ làm mọi cách để đền bù nhé. Bác đã bỏ phí nguyên mùa hè của mình, để viết sách, rồi bác cũng làm phí hoài một phần mùa hè của các cháu nữa, ý bác là của Nancy và Peggy ấy, nhưng giờ bác thấy lỗi của hai đứa đang ở đây, nên bác nghĩ mấy đứa đang chơi cùng nhau chứ gì. Rút lại Chấm Đen của cháu đi, rồi dàn hòa với bác, rồi chúng ta sẽ gây chiến thật ác liệt ngay sau đó. Nếu mấy đứa muốn chiếm lấy nhà bè thì cứ đến mà thả sức tung hoành. Bác sẽ sẵn sàng nghênh chiến. Giờ bác chẳng có việc gì khác mà làm nên bác sẽ chơi bù lại khoảng thời gian đã mất vậy.”

“Bọn mình tha thứ cho ông ta chứ?” Peggy hỏi. “Nếu ông ta muốn thì ông ta nhập bọn với tội mình ngon lành.”

“Bọn mình sẽ tha thứ cho ông ta,” Nancy đáp, “nếu sau đây là chiến tranh, mà phải là một trận chiến khốc liệt trên nhà bè kia. Bọn mình sẽ tha thứ cho ông ta vì ông ta thấy xấu hổ, và vì ông ta đang gặp rắc rối. Ông ta quả thực bị trộm viếng nhà bè mà.”

“Hơ, hấn đáng bị thế lắm,” Titty chen vào.

“Ừ,” Nancy bảo, “nhưng ngoài tội mình ra không kẻ nào được phép cướp phá nhà bè.”

“Đánh nhau thật đấy nhé,” thuyền trưởng Flint nói. “Ba giờ ngày mai. Bác phải dọn dẹp lại bên dưới kia sau khi bọn vô lại đến. Nhưng đến ba giờ ngày mai thì bác sẽ rảnh tay hành động rồi.”

“Thật tình và chắc chắn đấy chứ?” Peggy hỏi.

“Thề trên danh dự của một tên cướp biển!” thuyền trưởng Flint đáp.

“Được thôi,” Nancy chấp thuận.

“Vây rút lại Chấm Đen của cháu đi nhé,” thuyền trưởng Flint bảo.

“Ông cứ giữ lấy,” Nancy đáp, “để nhắc nhở cho ông nhớ rằng đừng bao giờ trở lại làm thổ dân nữa.”

“Bác sẽ nhớ,” ông ta đáp. “Nhưng mà này, bác muốn biết tên mấy kẻ thù của bác. Với lại, sao trong Chấm Đen cháu lại gọi bác là thuyền trưởng Flint thế?”

“Bởi vì Titty, thuyền viên của mấy bạn kia, bảo rằng ông là cướp biển giải nghệ.”

“Ha, đúng là vậy. Mà Titty là đứa nào đây? Cháu là Titty à?” ông ta hỏi Susan.

“Tất nhiên là không,” Nancy đáp. “Bạn ấy là thuyền phó của *Chim Én*, tên là Susan.”

“Chào làm quen nhé, cô thuyền phó?” thuyền trưởng Flint cất lời.

“Còn đây là thuyền trưởng John của thuyền *Chim Én*.”

“Thuyền trưởng với bác đã gặp nhau rồi. Cậu ấy đã tha lỗi cho bác, dù bác không xứng đáng.”

“Đây là thuyền viên Titty. Thuyền viên Titty, đây là thuyền trưởng Flint.”

“Vậy ra cháu là kẻ biết được bí mật đen tối về quá khứ cướp biển của bác.”

“Cháu nhìn thấy con vệt ạ,” Titty đáp.

“Còn đây là Roger, bả tàu.”

“Bác từng làm bả tàu đấy nhé,” thuyền trưởng Flint bảo. “Vất vả vô cùng.”

“Còn bọn này là hải tặc vùng Amazon.”

“Hai đứa nghịch như quỷ này thì bác rõ lắm rồi,” thuyền trưởng Flint nói.

“Có thật ông muốn có trận đánh trên nhà bè ngày mai không?” Titty hỏi.

“Nhất định là ngày mai,” thuyền trưởng Flint đáp.

“Bọn tôi sẽ chiếm được nó,” thuyền viên bảo. “Ông có tấm ván cầu nào không?”

“Để làm gì kia?”

“Để đi trên ấy đấy,” thuyền viên đáp.

“Mọi thứ sẽ đâu vào đấy,” tên cướp biển giải nghệ đáp, đương nhiên ông này biết rõ mọi chuyện sẽ ngã ngũ thế nào.

“Thế còn bữa ăn thì sao đây?” Roger hỏi.

“Nếu ngày mai có chiến tranh,” thuyền phó Susan bảo với thuyền trưởng Flint, “liệu hôm nay ông có muốn ở lại đây dùng bữa với bọn tôi không ạ? Tôi sẽ bắc ấm nước ngay.”

“Bác chỉ mong có chừng đấy,” ông đáp. “Hình như bác đang ở giữa khu trại của quân thù thì phải...”

“Ngay giữa lòng địch đấy,” Nancy bảo.

“Nhưng khu trại đẹp quá làm bác như muốn về phe với tụi cháu ngay thôi.”

“Muộn mất rồi,” Nancy nói. “Hai ngày nữa mấy bạn ấy sẽ đi. Bọn này cũng thế. Giờ ông chẳng có ích lợi gì nữa ngoài việc làm kẻ thù thôi. Nhưng nếu ông quả thật lại muốn làm người của bọn này thì bọn này cũng không nề hà gì đâu.”

“Ba giờ ngày mai, mấy lỗ thông nước sẽ nhuộm đỏ máu,” thuyền trưởng Flint đáp. “Nhưng bác nghĩ chắc cháu cũng không phiền gì hôm nay cho bác ở lại dùng bữa nhỉ.”

“Không hề,” Nancy đáp. “Thuyền phó mời ông cơ mà. Mà nhiều đồ ăn lắm. Bọn này có mang sang một ổ bánh mận xắt thành từng miếng rồi chiên lên. Ngon chảy dãi. Chị bếp cho bọn này đấy. Sau đấy bọn này còn tìm được một miếng lưỡi bò nguội nữa. Hầu như chưa ai động đến nên bọn này lấy đi luôn. Nhưng bọn này ra đi khá kín đáo vì tưởng sẽ bị ngăn lại, thế là bọn này bỏ đi mà quên rượu rum.”

“Tôi sẽ đun nước sôi ngay đây,” Susan bảo. “Titty, mang đĩa ra. Chọn lấy mấy củ khoai tây ngon nhất nào Roger, bọn mình sẽ nướng lên. Ngoài rìa đồng lửa còn nhiều tro nóng lắm kìa.”

“Coi nào Peggy, ta mang lương thực lên trại nào,” thuyền trưởng Nancy nói.

“Để bác phụ cháu một tay đan buồm nhé?” thuyền trưởng Flint hỏi, thoát cái ông ta đã ngẫ bệt xuống đất trải buồm ra trong khi John thì xỏ sợi đan qua những mắt dọc theo mép buồm, còn Susan thì tắt bật với lửa và ấm nước, Titty và bầy tàu bày đĩa, cốc và dao.

“Thế này còn hay hơn trò viết sách nhiều,” thuyền trưởng Flint bỗng nói. “Nào, thuyền trưởng, vòng hai vòng quanh đấy rồi giữ cho chặt nhé, bác sẽ chỉ cho cháu cách rất hay để thắt gút chót đây.”

Quả là thuyền trưởng Flint dùng bữa với kẻ thù của mình đấy, nhưng đấy lại là một bữa ăn rất thân tình. Cả đến Titty cũng hòa nhã hơn với ông ta khi đến gần cuối bữa. Ông ta chẳng bao giờ lầ lẩn mà chỉ gọi con bé là cô thuyền viên. Món lưỡi bò nguội đám hải tặc Amazon tìm thấy và mang theo rất ngon. Cả ổ bánh hạt của nhà Chim Én cũng ngon. Chẳng cần phải mở mấy hộp bò khô ra làm gì khi có nguyên cả một cái lưỡi bò phải ăn cho hết. Lẽ ra món bánh mặn cắt lát chiên được dọn ra sau cùng, nhưng vì phải mất cả buổi mới lụi được mấy củ khoai tây, nên rốt cuộc khoai tây nướng được dùng làm món tráng miệng.

Mọi người ng ồi quanh đồng lửa, moi ruột khoai tây ra, nóng đến bỏng tay, rồi bắt đầu trò chuyện về vụ trộm.

“Bác thắ c mắc đi ầu gì khiến cha con nhà Billy lại chuyển chấ u lời nhắ n cho bác vậy?” thuyền trưởng Flint hỏi.

“Họ bảo có nghe thấy gì đấy ở Bigland ạ,” John đáp.

“Chỗ đó ở mãi tận cuối h ồ kia mà,” thuyền trưởng Flint nói. “Nếu ta biết được tên trộm từ đâu tới thì chắc có cơ may lấy lại cái hộp của bác. Nhưng chẳng có gì cho thấy hắ n là ai hay làm gì cả. Thuyền của bác trông cứ như là có năm chục con mèo hoang đánh nhau loạn xạ trong ca bin, chỉ vậy thôi, trừ việc chúng đã lấy đi chiếc rương cũ. Nhưng thứ duy nhất đáng giá thì lại nằm trong ấy.”

“Rương nặng lắm không ạ?” Titty hỏi.

“Cũng khá nặng.”

“Trong đó có đ ồng vàng không ạ?”

Thuyền trưởng Flint phá ra cười. “Bác e là không. Trong đó chỉ có chiếc máy đánh chữ, một mớ nhật ký, mấy cuốn biên hải trình cũ, và cuốn sách mà bác đã viết cả mùa hè vừa r ồi. Nếu chúng lấy đi thứ gì khác thì bác đã chẳng màng r ồi.”

Bao ý nghĩ ngổn ngang trong đ ầu Titty, nhưng con bé lại nhìn thuyền trưởng Flint trầ u mẩn hơn bao giờ hết.

“Là cuốn sách bác tự viết lấy à?” nó hỏi.

“Ừ,” thuyền trưởng Flint đáp.

“Về quá khứ cướp biển của bác sao?”

“Ừ thì cũng đ ề cập đến.”

“Sách hấp dẫn lắm phải không ạ?”

“Nếu nghĩ cho kỹ ra thì chắc không đâu,” thuyền trưởng Flint đáp. “Mà dù sao bác cũng muốn lấy lại. Cháu không biết viết sách là như thế nào đâu. Ghi chép hải trình đã cực nhọc lắm rồi.”

“Cháu hiểu chứ,” Titty nói.

“Còn giờ thì bác ước gì mình chưa bao giờ viết nó ra thì hơn.”

“Và ước gì nguyên mùa hè này bác dễ thương hơn,” Nancy nói.

“Đừng có nhắc tới nhắc lui chuyện đó chứ,” thuyền trưởng Flint buồn bã.

Một cuộc nói chuyện riêng nhanh chóng diễn ra giữa chị em nhà Amazon, kết thúc bằng việc Nancy tuyên bố, “Ừ, cứ nói cho bác ấy biết đi, nếu em muốn.”

“Bác Jim này,” Peggy mở miệng.

“Xin lỗi gì cơ, bác cứ tưởng tên bác là thuyền trưởng Flint cơ đấy.”

“Thì là thuyền trưởng Flint. Nếu bác sẽ lại là người của bọn cháu đây thì bọn cháu có chuyện phải nói với bác. Bọn cháu biết chính xác lúc bọn trộm vào thuyền của bác đấy. Bọn cháu nhìn thấy mà.”

“Trời ơi thật không? Các cháu có nhìn thấy hấn đi lối nào không?”

“Ít ra thì bọn cháu nhìn thấy ánh đèn trên nhà bè. Bọn cháu tưởng là đèn của bác. Hôm qua bọn cháu không thể nói cho bác biết được, bác hiểu đấy, vì bác có phải là đồng bọn của bọn cháu đâu, và khi bọn cháu nhìn thấy đèn là lúc đúng ra bọn cháu đang ngủ kia.”

“Vậy hả? Vậy không đúng ra thì bọn cháu đang ở đâu?”

“Ở ngoài hồ ạ.”

“Vậy là lẽ ra bọn cháu đang ngủ, nhưng thực chất là đang phá phách ngoài sông đại dương sao?”

“Dĩ nhiên đấy là bí mật,” Peggy đáp.

“Bọn cháu đang đưa thuyền sang đảo Mèo Hoang trong một cuộc chiến riêng,” Nancy nói.

“Nếu tên trộm qua lối này, cháu có nghĩ là mình nghe thấy hấn không?” thuyền trưởng Flint hỏi.

“Bọn cháu thì không. Chỉ nhìn thấy ánh đèn từ ca bin, và tưởng là bác thôi.”

Bỗng John lên tiếng.

“Thuyền viên Titty nghĩ con bé có nghe thấy gì đấy tối qua đấy ạ.”

“Lúc đó con bé đang ở đâu?”

“Trên thuyền *Amazon*.”

“Hả, với hai đứa à?”

“Không ạ. Là mãi sau cơ. Khi đấy bọn cháu đang ở trên đảo Mèo Hoang. Bị bỏ rơi.”

“Ai bỏ rơi mấy đứa?”

“Là Titty. Nó chèo *Amazon* đi, mặc bọn cháu ở lại với số phận nghiệt ngã,” Peggy đáp. “Nhà Chim Én thắng trận nhờ cách ấy.”

“Nhưng mấy đứa còn lại đang ở đâu?”

“Bọn cháu đang ngược sông Amazon, hoặc là đang cho thuyền đi về,” John đáp.

“Đêm đó có vẻ như hồ sôi động nhỉ,” thuyền trưởng Flint nói. “Thế cháu nghe được gì vậy hả thuyền viên?”

“Cháu nghe thấy tiếng người chèo thuyền. Họ lướt gần qua cháu.”

“Và cháu đang ở đâu?”

“Đang neo ạ.”

“Thôi này,” thuyền trưởng John bảo, “tốt hơn bác nên nhìn qua bản đồ của bọn cháu. Bản đồ sẽ cho thấy thuyền viên khi đó đang ở đâu.”

Cậu chạy ù vào lều, đi ra mang theo bản đồ mới vẽ rồi chỉ vào mỏ neo bé bé đánh dấu chỗ Titty nằm trong lòng thuyền *Amazon* chệch ngoài mũi cực Bắc của đảo Chim Cốc.

Thuyền trưởng Flint nhìn vào.

“Chúng đi rất gần qua cháu à?” ông hỏi.

“Gần lắm ạ,” Titty đáp.

“Nếu chúng muốn đi xuống cuối hồ thì đánh vòng hướng ấy ra khỏi nhà bè của bác quả là buồn cười thật. Chắc là chúng suýt chút đã đâm đầu vào đảo rồi.”

“Chúng va vào đảo mà,” Titty nói.

“Rồi chúng đi tiếp hả?”

“Chúng cập vào đảo, để kho báu lại đây, hay là thứ gì đó chúng đang mang theo. Chúng than là nó nặng quá. Cháu nghe thấy hết.”

“Trời đất quỷ thần ơi!” Nancy thốt lên.

“Không hẳn đâu Titty à,” Susan nói.

Thuyền trưởng Flint nhảy nhồm lên. “Cô thuyền viên này, nếu cái rương có ở đó thì bác sẽ cho cháu bất cứ thứ gì cháu muốn. Nào nào, mấy đứa, ta chèo sang thử xem sao.”

Ông ta chộp lấy tay Titty, rồi bắt lấy bắt đẽ. Titty, tự mình cũng bất ngờ lắm khi thấy mình mỉm cười lại với ông ta. Bàn tay ông ta to bè, cảm giác thân thiện từ nó là không nhàn vào đâu được. Dù gì thì gì, cho dù kho báu của nó không phải đồng vàng đi nữa, nhưng đó lại là cuốn sách, một cuốn sách của cướp biển. Nó chỉ tiếc là chuyến săn lùng kho báu này lại đông người quá. Nhưng không muốn cũng không được.

“Này này,” Nancy lên tiếng, “nếu cái hộp ở đó, và bác lấy lại được sách, thì bác cũng không được trở thành thổ dân nữa đấy nhé.”

“Không bao giờ,” thuyền trưởng Flint đáp. “Nào. Lên thuyền của bác nào, cả bọn.”

Họ chạy xuống bến, chen nhau lên thuyền, hai đứa nhà Amazon, bốn đứa nhà Chim Én, cùng thuyền trưởng Flint. Thoắt cái, thuyền trưởng Flint đã chèo quanh qua đảo, băng qua hòn đảo đầy chim cốc.

Thuyền trưởng Flint chèo như thể vẫn đang đua đuổi theo Nancy. Mỗi sải chèo làm thuyền nảy giật tới trước khiến đám nhỏ trên thuyền bật ngửa ra sau. Chỉ trong vài phút ông ta đã sang đến đảo Chim Cốc tìm ra nơi để ghềch mũi thuyền lên giữa hai phiến đá. Mọi người lục tục leo lên bờ.

Nhưng trên đảo chẳng thấy gì, ngoài cái cây trơ trụi cùng vài phiến đá trắng phếu, rong rêu dạt từ trận lụt trước, cùng mấy tảng đá to rải rác. Mọi người tìm kiếm khắp nơi. Thuyền trưởng Flint trèo vòng vòng quanh đảo hai đến ba lần. Ông ta chẳng tìm thấy gì.

“Cháu biết chúng để lại đây mà,” thuyền viên Titty nói. “Cháu nghe thấy chúng bảo rằng chúng không thể chắt lên xe máy được. Rồi chúng nói sẽ đến câu để bắt được thứ đáng bắt.”

“Lúc đó là giữa đêm khuya đấy Titty,” Susan bảo, “nên có thể em lẩn chẳng.”

“Có thể chúng đã đổi ý, hoặc đã đến lấy đi rồi,” thuyền trưởng Flint nói. “Mà thôi, biết được chúng từ đâu h ồ nào tới cũng tốt. Bác nghĩ chẳng bao giờ lấy lại được đâu,” ông ta nói thêm.

Mọi người bu ồm bã chèo trở lại đảo Mèo Hoang.

Thuyền viên chưa thút thít, nhưng cũng rưng rưng rồi.

“Cháu biết chúng đã bỏ lại đây mà,” con bé nói.

“Không sao đâu cháu,” thuyền trưởng Flint bảo. “Chúng ta đã tìm kỹ rồi.”

“Vớ lại biết đâu, nếu bác tìm ra được, bác lại biến thành thổ dân mất thôi, rồi tiếp tục bận tâm đến mấy nhà xuất bản,” Nancy thêm.

“Thôi, bác đã không tìm ra được,” thuyền trưởng Flint nói, “nên chúng ta sẽ nghĩ ra trò gì khác vậy. Ví dụ như là, ba giờ ngày mai ấy.”

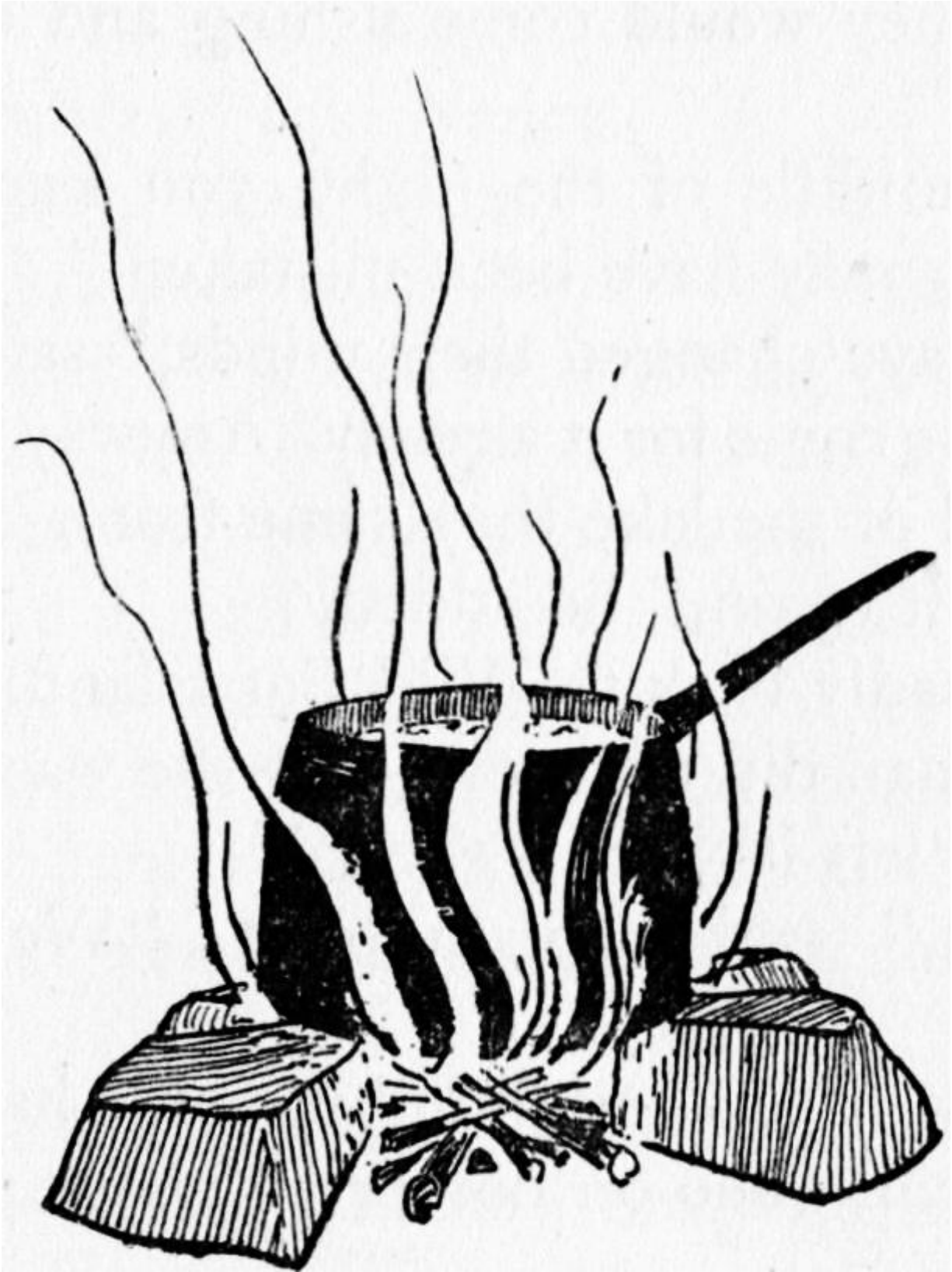
“Chiến tranh thực sự á?” Nancy hỏi.

“Cả máu và nước mắt,” thuyền trưởng Flint đáp. “Ba giờ ngày mai, bác sẽ sẵn sàng ứng phó. Sẽ sẵn sàng để đẩy lùi lũ lên thuyền, hay là đánh chìm cả hai thuyền của bọn cháu, hay là treo hết cả đám lên xà bu ồm, hoặc bị bắt giữ như một thủy thủ Tây Ban Nha, hay bị nhận chìm như một tên nô lệ Bồ Đào Nha.... bất cứ kiểu gì bọn cháu muốn.”

Ông ta đưa cả bọn lên bờ đảo Mèo Hoang, rồi chèo ngược về sắp xếp lại ca bin tan hoang của mình.

“Tạm biệt bác,” cả bọn đồng thanh la lên chào ông ta theo cách thân thiện nhất.

“Chào nhé,” ông ta gọi lớn đáp lại. “Đúng ba giờ đấy. Rồi sẽ là Cái Chết hoặc Vinh Quang!”



27

Trận chiến trên vịnh Nhà Bè

“Thế rồi, rửa xong máu me be bét, chúng ta không còn phải làm gì
Ngoài nhảy múa theo điệu vui thắm lặng như những thủy thủ lão luyện
truyền đi.”

MASEFIELD

SÁNG ra nhà Amazon thức dậy trước tiên, bởi vì lâu nay hai đứa ngủ trong nhà, chưa quen với ánh ban mai rọi qua vách lầu trắng, như nhà Chim Én. “Dậy, dậy đi,” chúng kêu mấy đứa kia nên chẳng mấy chốc cả khu trại đã nhộn nhạo. “Nhớ nhé,” chúng kêu, “trận chiến vào đúng ba giờ. Không có thời gian mà lẩn khần đâu.” Tình thực thì, dù là đã tắm táp rồi đi lấy sữa rồi ăn sáng rồi ăn trưa, hình như lâu thật lâu kim ngân của đồng hồ mới bò qua được số II rồi lết gần gần sang số III trên mặt đồng hồ. Cái gì mong quá sẽ không tới, nên cái đồng hồ bị canh giờ hoài thì có vẻ như lại cố ý rề rà. Nhưng cuối cùng thuyền trưởng John cũng nhìn đồng hồ lần chót, và hạ lệnh. Đại Hải Đoàn dong buồm.

*

“Bọn mình nên dong buồm tiến vào hay chèo đây?” thuyền trưởng John hội ý với thuyền trưởng Nancy, khi cả hai thuyền *Chim Én* và *Amazon* đang lướt êm bên nhau theo chiều gió thuận, tiến gần đến mũi phía Nam vịnh Nhà Bè.

“Dong buồm tiến vào thì giống thủy thủ hơn,” thuyền trưởng Nancy đáp.

“Ta sẽ không ở dưới gió khi tiến tới hần được,” thuyền trưởng John bảo. “Nhà bè sẽ nằm nghênh gió. Kế hoạch của chúng ta là đi vào vịnh, rồi

ngheh gió mỗi thuyền cập một bên thuyền hấn. Nếu cậu cập mạn phải thuyền hấn thì tớ sẽ đưa *Chim Én* cập mạn trái.”

“Được lắm, thưa thuyền trưởng,” thuyền trưởng Nancy đáp.

“Hạ buồm xuống khi chúng ta cập vào. Quăng móc sang, rồi chúng ta lên thuyền hấn. Hấn sẽ tấn công một nhóm trong bọn. Không thể tấn công cả hai cùng lúc được. Cánh còn lại sẽ lên thuyền tấn công hấn từ đằng sau.”

“Giáp lá cà ngay từ đầu,” Nancy nói.

“Thế còn việc treo cờ quyết chiến thì sao?” thuyền viên hỏi.

“Buộc một nút thắt trên dây căng cờ ấy,” thuyền trưởng Nancy bảo. “Vây là được rồi.”

“Nhìn cờ *của hấn* kìa,” Roger reo lên, thằng bé đang ngó tại vị trí mũi thuyền như thường lệ.

Cả bọn đã đi qua mũi, nhìn rõ được vịnh Nhà Bè. Nhà bè nằm kia, neo vào thùng phao to tướng, và trên cột cờ be bé ở cột buồm, vốn quen treo cờ hiệu đỏ, nay là một lá cờ thật to thật kỳ lạ, đang tung bay trong gió. Đó là một lá cờ màu xanh lục, ngay chính giữa và gần như choán hết cả cờ, là hình con voi trắng thật to. Người đàn ông trên Nhà Bè, thuyền trưởng Flint, đã lục lọi tìm đem nó ra căng nhân dịp này.

“Anh biết đấy là gì rồi,” John nói. “Cờ người Xiêm.”^[4]

“Lúc trước tớ từng thấy cờ này,” thuyền phó Peggy bảo. “Hấn mang nó từ phương Đông về hồi năm ngoái.”

“Ha, rồi nó sẽ bị hạ xuống trong nháy mắt thôi ấy mà,” thuyền trưởng Nancy nói. “Ngay khi chúng ta tràn lên thuyền. Đả đảo Voi! Phe Chim Én và Amazon muôn năm!”

“Rúc còi lên nào thuyền phó!” thuyền trưởng John ra lệnh. “Hải đoàn tấn công nào.”

Susan tụt còi.

“Thối to và lạnh lạnh như cái ông trong bài thơ ấy,” Titty nói.

“Đề em thổi còi cho,” Roger bảo, thế là Susan, lúc này đã hết hơi, đưa còi cho bầy tàu, thằng bé thổi liên tục cho đến khi nó muốn nổ tung ra.

Hai con thuyền, một buồm nâu một buồm trắng, chao đi khi thủy thủ lái đưa thuyền đón gió ngang mạn thuyền để đi vào vịnh. Trong một hai

phút gì đẩy nước sỏi bột dưới mũi thuyền. Rồi, khi thuyền đi vào nơi trú ở mũi vịnh, nước hồ lặng đi. Roger cứ tiếp tục tuyệt còi, từng hồi, mỗi khi nó lấy đủ hơi để thổi. Đột nhiên một cái đầu đội chiếc nón cối kiểu thuộc địa to tướng thò ra khỏi cửa sập trước của nhà bè. Một tiếng còi khác, lớn hơn tiếng còi của thuyền phó Susan, vang vang trên vùng nước.

“Tuyệt đi, tuyệt còi nữa đi Roger!” Titty kêu.

Hai thuyền *Chim Én* và *Amazon* lướt về phía nhà bè, thuyền *Amazon* hơi nhích lên trước.

“Nói dây buồm ra chút đi, *Amazon*,” thuyền trưởng John ra lệnh. “Nhớ nhé, tó sẽ lên nhà bè bên mạn trái. Chúng ta phải áp dọc hấn cùng lúc đấy.”

Thuyền trưởng Nancy nói dây buồm chính ra, thả lỏng buồm, thế là *Chim Én* vọt lên trước.

“Giờ ổn rồi,” thuyền trưởng John gọi lớn.

Chiếc nón cối thuộc địa to tướng kia lại nhô lên cao hơn từ cửa sập trước, rồi thuyền trưởng Flint, mặc áo sơ mi cùng quần nỉ ca rô, khăn mùi soa to màu đỏ thắt ngang eo như đeo nịt, lồm cồm leo lên boong. Hấn gặp chút khó khăn khi chui qua cửa sập.

“Tên cướp biển này hơi bị mập,” Titty chê.

Thuyền trưởng Flint đang cúi húi bên thứ gì đó lấp lánh trên boong trước. Là khẩu thần công nhỏ bằng đồng.

“Là khẩu thần công kìa,” Roger thông báo. “Hấn sắp khai hỏa đấy.”

Thuyền trưởng Flint bật đứng thẳng lên. Một cụm khói xanh vĩ đại che khuất hấn trong giây lát, rồi một tiếng đoàn vang lên dội qua dội lại giữa mấy ngọn đuốc hai bên hồ.

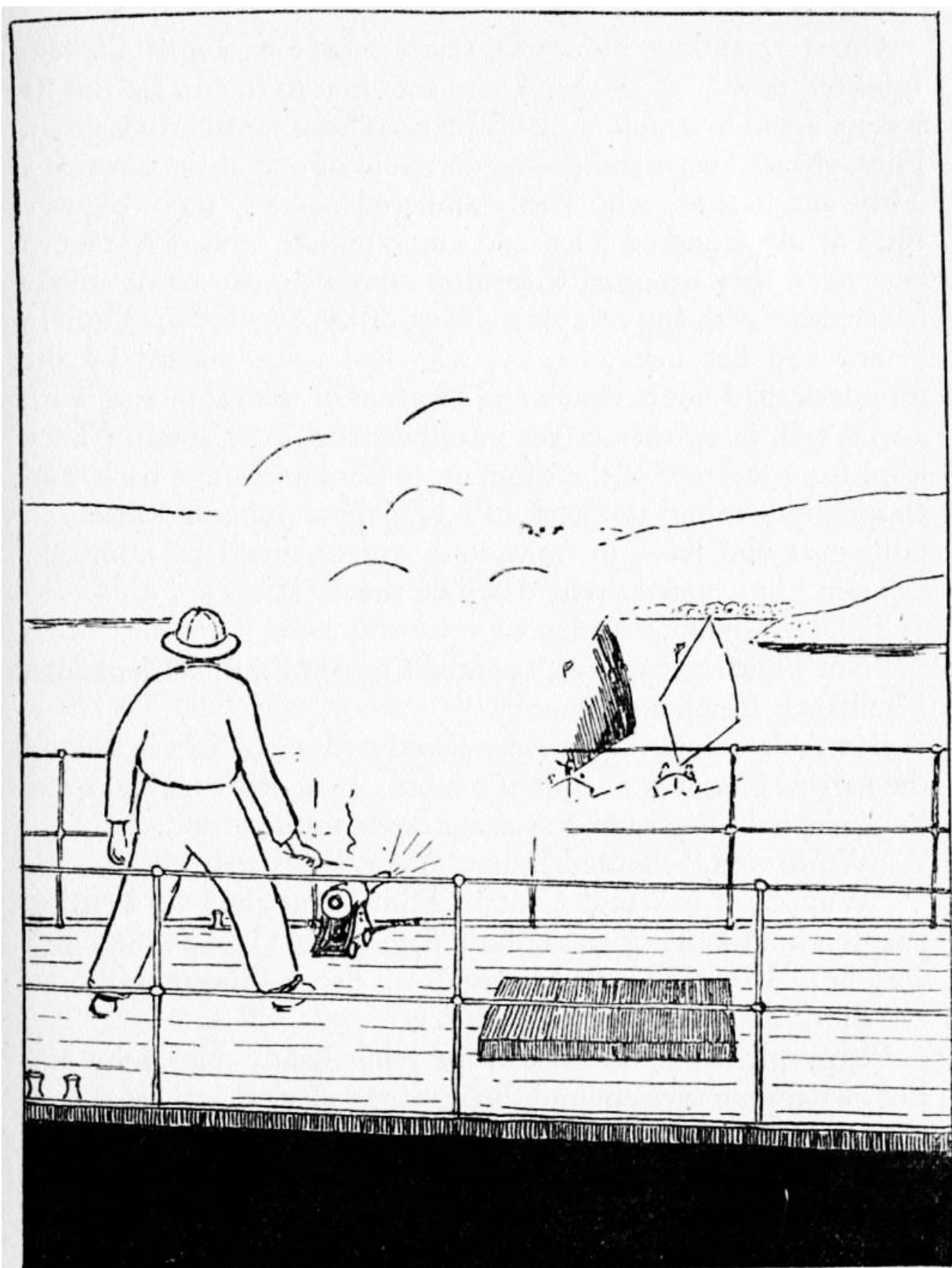
“Xung phong!” thuyền trưởng Nancy hét to.

“Xung phong!” Peggy hét.

“Xung phong!” toàn bộ thủy thủ đoàn *Chim Én* hô vang.

Thuyền trưởng Flint lại bận bịu với khẩu tiểu thần công. Hấn trút thứ gì đó trong cái hộp nhôm vào khẩu thần công. Đoạn nhét thứ gì đó vào. Đoạn đặt cho nó ngay ngắn, nhón lấy chút gì đó trong hộp, bỏ vào lỗ mồi đạn trên khẩu thần công. Hấn quẹt diêm, lại cúi xuống khẩu súng rồi lại bật đứng lên, lần này thì lấy hai tay bịt tai. Lại một đám khói, rồi tiếng đùng

đình tai. Có thứ gì đó rơi tõm xuống nước, giữa nhà bè và hải đoàn đang tiến đến.



CÓ MỘT TIẾNG NỔ ĐOÀNG

“Chỉ là nùi xộp thôi,” Nancy la lên.

“Nhắm vào hấn trước khi hấn nổ súng lần nữa,” John quát.

Nhưng thuyền trưởng Flint không phải là tay súng tầm thường, ngay khi thuyền *Chim Én* len qua dưới đuôi nhà bè, thì thêm một đợt nổ rập từ khẩu thần công, và khói lẫn mùi thuốc súng tràn lan khắp thuyền.

“Thả dây lèo ra nào,” John và Nancy dường như hô lên cùng lúc, và *Chim Én* lẫn *Amazon* phóng tới rẽ sang hai bên mạn nhà bè.

“Tóm lấy trục buồm đi Susan,” John gọi lớn. “Kéo nó xuống. Roger, bám chắc vào bất cứ gì cũng được, rồi thắt chặt dây neo. Tấn công!”

Có thanh lan can chạy quanh phía boong sau nhà bè. Thuyền trưởng John dùng nó để đu mình lên boong, leo qua lan can, chìa tay cho Susan. Đúng lúc đó thuyền trưởng Flint, vừa gằm lên, “Vinh quang hay là chết!” vừa lao lên cầu thang dẫn xuống hầm tàu. Hấn lại đi xuống qua cửa sập trước rồi chạy xuyên qua ca bin. Hấn tiến tới tay vung vù vù hai chiếc gối đệm màu đỏ tía trên đầu. Nhưng trong những trận giáp lá cà thế này thì quan trọng không phải là vũ khí, mà là hai tay kia. Thuyền trưởng Flint to lớn đấy, nhưng hấn cũng chỉ có hai tay. Đám *Chim Én* bé con thật, nhưng chúng có đến tám tay.

Một cái gối màu đỏ tía thần tốc chọi tới sượt qua một bên đầu thuyền trưởng John, làm cậu ngã soài trên boong. Nhưng cậu bật dậy ngay, chúi đầu lao đến tấn công thuyền trưởng Flint. Thuyền phó Susan chụp được một trong hai cái gối. Titty và Roger, leo được lên boong, mỗi đứa ôm rịt một bên chân thuyền trưởng Flint rồi bám cứng như chó sục khiến hấn muốn nhấc chân đi là phải kéo theo cả hai. Dù vậy, trận chiến đã có nguy cơ kết thúc với phần bại thuộc về phe *Chim Én* nếu như thuyền trưởng Nancy cùng Peggy thuyền phó, hai đứa này lên thuyền trên boong trước, không chạy dọc trên nóc cabin, rồi hét lớn một tiếng, phóng mình vào cuộc hỗn chiến. Thuyền trưởng Nancy từ nóc ca bin nhảy chồm xuống lưng thuyền trưởng Flint, kẹp cổ hấn. Peggy nhập vào cùng John và Susan lôi hấn từ phía trước, thế là, bị áp đảo về quân số, thuyền trưởng Flint ngã xuống boong.

“Đầu hàng đi,” Nancy quát.

“Không đâu hàng chùng nào cò của ta còn vậy,” thuyền trưởng Flint hớn hên. “Các vị voi, các vị voi, các vị voi muôn năm!”

Nhưng thuyền viên Titty đã phóng dọc theo hành lang hẹp bên ngoài ca bin. Thoắt cái, con voi trắng khổng lồ chồm chới rơi xuống boong trước.

“Chúng ta thắng rồi,” John hét lên. “Cờ nhà người đã bị hạ.”

“Thế ư, đành vậy,” thuyền trưởng Flint chật vật ngẩng dậy, nhìn lên cột cờ lơ lửng. “Nhanh tay đấy. Nhưng nóng quá. Ta đâu hàng.” Hắn nằm sõng soài, thở phì phò nặng nhọc.

“Trời hắt lại,” thuyền trưởng Nancy ra lệnh.

Peggy nhặt cuộn dây thừng đang nằm sẵn đấy lên, rồi John và Peggy cùng nhau trời hai chân tên tù nhân lại. Đoạn, nhờ mấy đứa kia giúp sức, cả bọn lặn hắt qua và trời hai cánh tay. Đoạn chúng lôi xích hắt dọc boong thuyền, nhắc phần thân trên tên tù binh lên, để hắt ngẩng trên boong, lưng dựa vào ca bin. Hắn đỡ vật qua một bên. John kéo hắt ngẩng dậy thì hắt lại đổ nghiêng qua bên kia. “Ta sẽ dựng mi dậy lần nữa,” Peggy nói, “nhưng nếu mi mà ngã ra nữa thì cứ nằm đó luôn đi nhé.”

Đúng lúc đó Titty quay lại.

“Nếu chúng ta bắt hắt phải bước qua ván thì đã có sẵn ván trên boong trước rồi kia,” con bé thông báo.

“Bắt hắt bước chứ,” Nancy la lên. “Tí nữa thì tớ quên khuấy mất. Nhưng bọn mình làm sao đưa hắt ra được đó đây?”

Thuyền trưởng Flint ngo ngoáy hai bàn chân, quay đầu bên này bên kia.

“Ta không phải rấn,” hắt bảo, “ta không thể đi mà không có chân.”

“Bọn mình phải bằng cách nào đó đưa được hắt ra boong trước thôi,” thuyền trưởng Nancy bảo.

“Thả chân hắt ra mà bắt hắt bước qua ca bin,” Peggy đề nghị.

“Nóc ca bin không chịu được sức nặng của ta,” tên tù binh nói.

“Để tù binh đi dưới kia thì không an toàn đâu,” Titty bảo. “Chúng có thể đốt pháo thiêu rụi cả thuyền đấy.”

“Bọn mình sẽ dẫn hắt đi qua hành lang,” thuyền trưởng Nancy bảo. “Hắt sẽ không dám vùng đâu khi hai tay bị trời.”

Thế là cả bọn tháo dây thừng quanh chân tù binh. Vặt vã một hồi chúng mới dựng tù binh đứng lên được. Tên tù binh cứ chực ngã bệt xuống ngay lập tức.

“Thôi trò ấy đi nhé,” thuyền trưởng Nancy bảo, “bằng không mi sẽ đau đớn hơn đây. Đau hơn nhiều đấy.”

Một đầu sợi thừng vẫn còn quấn quanh hai tay và người tên tù binh. Cả bọn trói thật chặt, để cho đầu kia sợi thừng có chức năng như là dây neo hay dây tập đi vậy. Nancy và Peggy giữ lấy dây, đi trước dọc theo hành lang chật hẹp. Tên tù binh, lấy hết sức giữ cho thẳng bằng, đi theo ngay sau. John và Susan đi theo sau sát. Roger và Titty chạy ra trước qua nóc cabin.

Trên boong trước có cái máy tời, từ đó là một sợi xích dẫn xuống thùng phao to mà nhà bè neo vào. Có cả khẩu tiểu thần công bằng đồng. Chiếc nón cối thuộc địa màu trắng nằm trên cửa sập trước. Một học khóa gần cột buồm nhỏ, dưới chân cột trên boong là lá cờ xanh lục mang hình voi trắng. Phía mạn phải boong là tấm ván nhảy, ở chỗ này, vào những ngày hạnh phúc, chủ nhân nhà bè quen dùng nó để nhảy ùm xuống mỗi buổi sáng. Có khả năng nó được thiết kế cho tù nhân đi làm mồi cho cá mập. Nhìn thấy tấm ván nhảy, thuyền trưởng Flint run lẩy bà lẩy bấy khiến cho đám hải tặc đây quyết tâm kia suýt thì nao lòng dù chúng đã bắt hấn, chiếm thuyền hấn và giờ đang giữ dây trói hấn đề phòng mọi nỗ lực thoát thân.

“Đứng lại đấy,” thuyền trưởng Nancy gằn gừ. Thuyền trưởng John mới thật là đồ độc, nhưng trong vài việc thì thuyền trưởng Nancy không thể không cần đầu được.

“Trói tù binh vào cột buồm,” cô bé ra lệnh, lệnh được thi hành.

“Đừng có cười,” cô bé rống vào mặt tên tù nhân.

“Đi giúp tên cướp biển kia chui ra khỏi cái nón cối của ta đi,” thuyền trưởng Flint bảo.

Roger, thằng bé bầy tấu, đã nhặt cái nón cối to tướng lên mà đội vào, thế là cả đầu nó lọt thỏm trong nón. Một đổi ngửng lạng khi thuyền phó Susan giúp thằng bé chui ra khỏi nón.

“Vui lòng giúp đội nón lên cho ta nhé,” tên tù binh bảo. “Ước nguyện cuối cùng ấy mà. Cái đầu hói của ta không chịu nổi ánh nắng mặt trời.”

Thuyền phó Susan đội nón lên cho hấn, rồi tên tù binh, ngúc ngắc cái đầu, lắc cho nón vào đúng vị trí.

“Nào, thuyền trưởng John,” Nancy lên tiếng. “Chúng ta phải xem xét những tội hấn phạm phải. Tội lớn nhất là mưu phản. Cả mùa hè này hấn thông đồng với bọn thổ dân.”

“Tội đào ngũ,” Peggy nói. “Hấn bỏ chúng tớ.”

“Hấn đến đảo Mèo Hoang, vào khu trại của chúng tớ khi chúng tớ không có mặt ở đó,” đến lượt Titty.

“Hấn gọi thuyền trưởng John là đờnói láo,” Nancy thêm.

“Đấy là nhần lẫn thôi,” thuyền trưởng Flint vội chữa. “Bọn ta đã giảng hòa về vụ này rồi mà.”

“Thế thì chúng ta tha cho hấn tội đó vậy,” thuyền trưởng Nancy bảo. “Nhưng chẳng sao. Mấy tội kia của hấn cũng đã quá đủ rồi. Biểu quyết xem ai muốn hấn đi qua ván nào!”

Tay Nancy và Peggy giơ lên cái rụp. Cả tay của Titty nữa. Cả tay Roger. John và Susan thì lại ngần ngừ.

“Ôi trời coi kìa,” Nancy kêu, “không được mùi lòng chứ. Tắm ván kia coi ngon quá bỏ phí sao được.”

“Tớ nghĩ ta nên cho hấn một cơ hội,” John bảo. “Cởi trói tay hấn, để hấn bơi đi giữ mạng.”

“Được thôi,” Nancy nói. “Bọn mình sẽ đồng ý chuyện này. Giơ tay hết chứ?”

Mọi cánh tay cùng giơ lên.

Roger đang nhìn qua một bên thuyền.

“Có nhiều cá mập không nhỉ?” thằng bé hỏi.

“Cả triệu con,” tên tù binh rên rỉ.

“Bịt mắt hấn lại,” thuyền trưởng Nancy nói. “Khăn tay đây.”

“Sạch không đấy?” tên tù binh hỏi.

“Thôi, để hấn dùng khăn của Peggy vậy. Khăn của Peggy hôm qua còn sạch,” Nancy đáp.

Khăn tay của Peggy thậm chí còn chưa được mở ra. Khăn nhanh chóng được gấp thành dải băng, bịt quanh mắt thuyền trưởng Flint.

“Tháo hần ra khỏi cột buồm, đưa hần lên ván,” Nancy ra lệnh.

Thuyền phó Susan và John tháo hần khỏi cột buồm. Rỗi cởi trói cho hai tay. Tên tù binh nặng nhọc xoay qua xoay lại. Cuối cùng, Titty và Roger từ sau đẩy tới, Peggy, John và Susan cùng dìu hần bước lên ván. Thuyền trưởng Nancy khoanh tay đứng nhìn.

“Giờ thì bước đi!” cô bé quát.

Thuyền trưởng Flint, mắt bịt kín, nhích dần hai chân dọc theo ván nhún. Hần dừng lại, run rẩy toàn thân, khi tấm ván nhún oằn xuống run run dưới sức nặng của hần.

Thuyền trưởng Nancy giậm chân. “Bước đi, đồ vô dụng kia,” cô bé quát.

Thuyền trưởng Flint nhích thêm một hai bước, cho đến khi đến được đầu ván, xa tít bên trên mặt nước.

“Rủ lòng thương,” hần van nài. “Xin hãy rủ lòng thương!”

“Bước ngay,” Nancy nạt, “không thì...!”

Thuyền trưởng Flint tuyệt vọng bước tới, sai một bước dài vào giữa không trung. Hần rơi lộn vòng xuống. Nước bắn lên tung tóe làm ướt cả bọn Chim Én lẩn Amazon đang đứng trên boong nhà bè. Thuyền trưởng Flint đã mất hút, còn lại mỗi chiếc nón cối nổi lênh bênh, khê bập bênh trong làn nước.

“Biết đâu hần không biết bơi nhỉ,” Titty nói. “Mình không nghĩ đến khả năng này.”

Nhưng ngay lúc đó cái đầu hói to cộ của thuyền trưởng Flint nhô lên khỏi mặt nước. Hần phun khạc phì phì, giật chiếc khăn tay ra khỏi mắt, rồi lại chìm xuống.

Rỗi hần lại trỗi lên, lần này gần chỗ chiếc nón. Hần chộp lấy nón, ném cái nón xoay vòng vòng lên boong nhà bè.

“Hần bơi được ngon lành mà,” Titty nói.

Thốt nhiên hần ré lên. “Cá mập, cá mập!” hần rú rít, rồi vùng vẫy đập nước hết cỡ, hần bơi vào thùng phao to của nhà bè. Hần trèo lên đấy, dù trầy trật một vài lần. Cuối cùng hần cũng ngẫ xoạc được chân trên thùng phao.

“Nơi này đầy nghẹt cá mập,” hấn gọi lớn. “Một con đang gặm chân ta đây này.”

Hấn tuột qua một bên thùng phao, bơi vào bên hông nhà bè, vừa bơi vừa quẫy nước um sùm.

“Dây, thả dây!” hấn la lên, trồi lên thụp xuống trong nước, hai cánh tay vẫy đập, trong khi hai nhà Chim Én và Amazon nhìn xuống quan sát trò vùng vẫy của hấn.

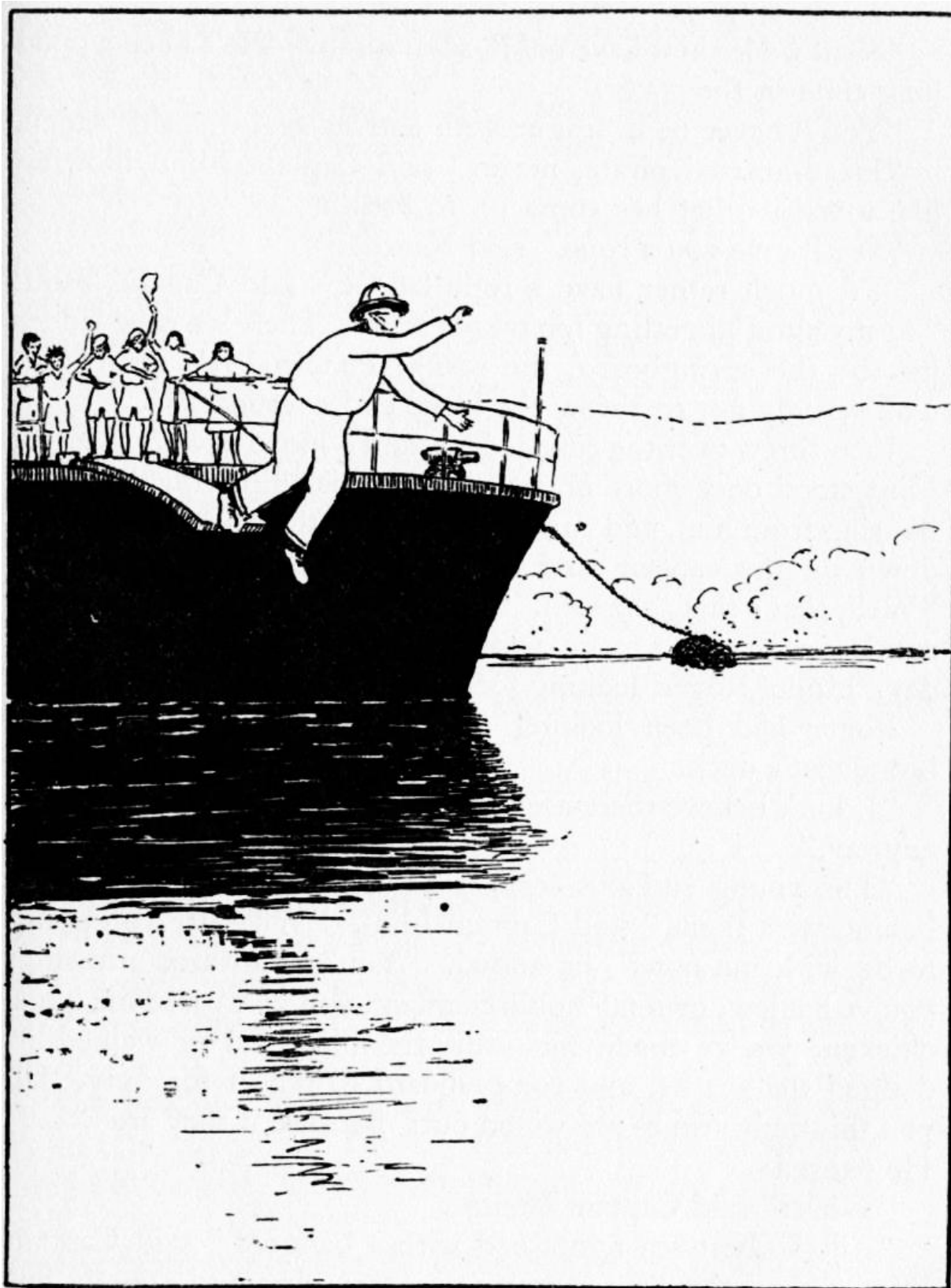
“Bọn mình quăng dây cho hấn nhé?” Susan hỏi. “Hấn ở dưới nước cũng lâu rồi đấy.”

“Mi sẽ không bao giờ liên minh với thổ dân nữa chứ?” Nancy hỏi.

“Thề có gan đờng của cướp biển, không bao giờ,” thuyền trưởng Flint đáp, thổi phù phù như con hải mã trồi lên để thở.

“Bọn ta sẽ quăng dây cho mi,” Nancy nói.

“Có thang dây thì hay hơn,” thuyền trưởng Flint nói. “Đến tuổi này rồi ta béo quá không đu dây nổi nữa. Có cái thang dây ngay cạnh ván nhún ấy, ý là tấm ván ấy. Thang đã được buộc kỹ. Các người chỉ việc quăng đầu thang dây chưa buộc xuống thôi.”



THUYỀN TRƯỞNG FLINT BƯỚC QUA VÁN

John quẳng thang dây xuống, chốc sau thuyền trưởng Flint lại đứng trên boong thuyền của mình, nước nổi nhỏ long tong từ người, rồi thoát qua mấy lỗ thoát nước. Hắn ngẩng xuống mấy tời khoanh tay trước ngực. “Ha vậy là xong rồi đấy,” hắn nói. “Ngay cả cướp biển Amazon cũng không nhẫn tâm đến nỗi bắt người ta đi qua ván hai lần trong một ngày. Kìa Roger, đang tìm cá mập phỏng?”

Roger nãy giờ cứ nhìn xuống vùng nước bên dưới boong nhà bè.

“Tôi tin là chẳng có con nào đâu,” thằng bé đáp. “Ít nhất thì cũng không bự cho lắm.”

“Thằng nhóc lưu manh kia thấy buồn vì ta đã không bỏ lại tay chân gì đó cho cá mập chứ gì,” thuyền trưởng Flint nói. “Giờ các người sẽ làm gì với ta đây?” hắn nói thêm. “Các người đã chiếm được thuyền của ta, hạ con voi khải kính của ta xuống, trói ta như trói gà, buộc ta đi qua ván. Ta đi qua rồi, né được đám cá mập, leo lại lên boong trình diện đây này. Các người có thấy bao tội ác của ta đã được tẩy hết rồi không? Vì nếu rồi thì...” Hắn ngừng.

“Thì sao?” thuyền trưởng Nancy hỏi.

“Thì mọi cuộc chiến oanh liệt trên biển đều kết thúc bằng một buổi yến tiệc,” thuyền trưởng Flint đáp. “Có ngay một bữa đang chờ trong ca bin kia kìa, mà chỉ có con vẹt đứng gác đó thôi. Để cho ta xuống dưới kia bật lò lên trong khi thay quần áo khô, rồi sẽ không có gì ngăn cản chúng ta dùng tiệc được.”

Chẳng ai có ý kiến phản đối gì.

Thuyền trưởng Flint cúi người chui qua cửa sập trước. Chập sau ông thò đầu lên.

“Mà này,” ông nói, “bác nghĩ mấy đứa muốn kéo cờ hải tặc trên tàu chiến lợi phẩm. Mấy đứa sẽ tìm ra cờ trong ngăn khóa kia nhé.” Ông lại thụp đầu xuống, cả bọn nghe thấy ông va ầm ầm ở khoang dưới. Peggy mở hộc khóa cạnh cột buồm, và ngay kia, ngay trên mặt, là lá cờ màu đen mang hình đầu lâu và hai khúc xương chéo to cỡ bằng con voi. Con bé cùng Titty tháo cờ voi khỏi dây kéo cờ rồi mắc lá cờ hải tặc vào. Rồi, sau tiếng reo hò của cả hai thủy thủ đoàn, Peggy kéo cờ lên đỉnh cột buồm.

Đầu thuyền trưởng Flint lại thò ra khỏi cửa sập.

“Thế xuống đây thì sao nhỉ?” ông nói. “Tốt nhất mấy đứa nên xuống qua lối cầu thang dẫn. Với lại coi chừng đầu nhé, dù bác cho là đầu mấy đứa chẳng có cái nào gặp nguy hiểm như đầu của bác đây.”

“Đầu của bác có thật đang gặp nguy ả?” Titty thích thú nhìn vào đầu ông.

“Không phải vì tội đại nghịch,” thuyền trưởng Flint đáp. “Mà chỉ là bị va trên đường đi vào ca bin thôi.”

Nancy đang nhìn mảng lớn cháy đen trên mái ca bin.

“Ừ thì,” cô bé nói với thuyền trưởng Flint, “giữa cướp biển với nhau, ta rất lấy làm tiếc là vụ kia gây tổn thất đến như thế. Ta chẳng hề nghĩ là loại ấy lại cháy qua cả hai mặt. Không phải nó chỉ nổ cái thùng thôi sao?”

“Đúng là chỉ nổ thôi,” thuyền trưởng Flint nói, rồi lại biến đi.

Anh em nhà Chim Én và Amazon đi đến cuối thuyền tới cầu thang để xuống ca bin. Hai thuyền trưởng cùng hai thuyền phó đi theo hành lang bên ngoài, thuyền viên với bầy tàu thì băng qua nóc ca bin.

Ca bin này trông đúng là của tên cướp biển giải nghệ. Thuyền trưởng Flint đã lao động cật lực, dọn dẹp sắp xếp lại sau vụ trộm, nên mấy bức tường giờ lại treo đầy các loại vũ khí lạ đời cùng những món lạ mắt từ năm châu bốn bể. Tất cả những thứ không bị bể hay bị quăng xuống biển đều được trả lại đúng vị trí. Ngay giữa ca bin là một chiếc bàn dài và hẹp, ghế sắp hai bên. Con vệt xanh đang đậu trên lưng một trong mấy chiếc ghế.

“Đừng ăn tám, đừng ăn tám, nói đừng ăn tám đi!” Nancy Blackett nói với con vệt.

“Polly xinh đẹp,” con vệt nói.

“Mày không xứng làm vệt của cướp biển gì cả,” Nancy bảo.

“Mấy ghế này được vít cứng xuống sàn nhà chứ ả?” Roger hỏi.

“Không đâu,” Peggy đáp.

“Trên tàu của bố thì chúng được vít hết đấy,” Roger nói.

“Trong vịnh này biển không động lắm,” một giọng nói vọng ra từ lối cửa vào boong trên.

Tiếng rì rì của lò Primus đột nhiên ngừng lại. Thuyền trưởng Flint, giờ đã thay quần áo khô, bước vào mang theo ấm nước lớn.

“Tìm chỗ ng ồi xuống đi,” ông bảo, bọn trẻ lục tục ng ồi, và bữa tiệc bắt đầu. Quả là bữa tiệc ngon nhất từ trước tới nay mà thuyền trưởng Flint có thể đặt mua ở Rio. Ví dụ nhé, có kem, loại hương dâu h ả hoi. Có bánh yến mạch mật đen r ồi bánh mì tròn rắc đường r ồi bánh trộn trái cây khô r ồi bánh quy gừng r ồi bánh quy sô cô la. Đầu tiên là cả một núi sandwich. R ồi một ổ bánh được bọc trong giấy. Khi giấy gói được gỡ ra, trên ổ bánh là một bức tranh hai chiếc thuyền con được nặn bằng kem h ồng trên nền kem trắng.

“Thuyền *Chim Én* và *Amazon* kìa,” Roger reo lên.

“Thì chủ đích là vậy mà,” thuyền trưởng Flint nói.

Tình bạn giữa nhà Chim Én với nhà Amazon và tên cướp biển giải nghệ nhanh chóng gia tăng khi bữa yến tiệc tiếp diễn. Đến nỗi, khi thuyền trưởng Flint tính nhón lấy ít kem dâu thì thuyền phó Susan ngăn ông lại.

“Bác không được ăn kem sau khi vừa nhảy khỏi ván đâu ạ,” cô bé bảo. “Mẹ nói nếu vừa tắm xong mà ăn kem thì sẽ bị lạnh bụng.”

“Ừ nhỉ, đúng là không nên thật,” thuyền trưởng Flint nói, r ồi thay vào đấy chọn lấy một miếng bánh.

“Đúng là bác nhảy ván tài tình vô cùng,” Titty bảo.

“Tập mãi thành quen thôi,” thuyền trưởng Flint đáp.

Con vẹt thò mỏ vào gần như là mọi thứ, nhưng có vẻ thích mấy miếng đường nhất. Titty chìa tay ra cho con vẹt, con vẹt leo lên cổ tay con bé, đi dọc lên tận vai nó.

“Năm tới chúng ta sẽ làm một chuyến đi đến nơi nào cây cối toàn là vẹt thôi,” con bé bảo.

“Ta phải nghĩ ra trò gì đó thật thú vị cho năm tới đi,” thuyền trưởng Flint bảo. “Tại đây, ngay lúc này, bác hứa với mấy đứa là bác sẽ không viết sách viết vở gì nữa. Bác sẽ giải hết nghệ, chỉ còn làm cướp biển thôi. Nhưng mà, nói về vẹt thì, mùa đông này bác sẽ đi xuống miền Nam, r ồi sẽ mang vài con về nếu cháu muốn.”

“Thật không ạ?” Titty hỏi.

“Thật,” thuyền trưởng Flint đáp.

“Một con vẹt biết chửi thề đúng kiểu nhé?” Nancy nói.

“Một con lưu manh hết cỡ luôn,” thuyền trưởng Flint bảo.

“Thế còn khi thì sao ạ?” Roger hỏi.

Thuyền trưởng Flint lôi ra cây bút và tập ghi chép.

“Món hàng. Một con khi,” ông vừa nói vừa ghi chép. “Có đuôi hay không nào?”

“Có đuôi ạ,” Roger đáp. “Kiểu kia chỉ là vượn thôi.”

“Đừng đem vẹt xanh về cho bọn cháu làm gì ạ,” Nancy bảo. “Mang về mấy con màu xám có đuôi đỏ ấy. Để bọn cháu cắm lông đỏ cho mấy mũi tên thay vì lông xanh.”

Thuyền trưởng Flint mở miệng tính nói gì nhưng rồi ngậm lại ngay. Ông quắc mắt nhìn Nancy Blackett, rồi nhìn vào hũ đựng mứt trên kệ, trong hũ chỉ còn vòn vẹn một cọng lông xanh cùng vài cái ống thông điều. Nancy Blackett nhìn lại ông.

“Lỗi do bác là kẻ thù thôi,” cô bé bảo. “Vớ lại bọn cháu có lấy gì đâu ngoài mấy cọng lông. Lẽ ra bọn cháu đã đánh chìm cả con thuyền ấy chứ. Nhưng thôi, giờ bác lại về phe bọn cháu rồi.”

“Đúng thật,” thuyền trưởng Flint nói. “Nhưng bác đang thắc mắc không biết thật sự đã có bao nhiêu vụ đột nhập cướp phá rồi.”

“Có mỗi một thôi,” Nancy nói. “Cái lần bọn cháu vào thì không phải trộm cướp gì cả. Chỉ là một cuộc báo thù chính đáng.”

“Ngày mai mấy đứa tính làm gì đây?” chập sau thuyền trưởng Flint hỏi. “Là ngày cuối cùng của cả bọn phải không nào?”

“Đi câu cá nhé?” Peggy đề nghị. “Lâu lắm rồi bọn cháu chưa đi câu lại. Bác có thể đi cùng nếu muốn.”

“Đúng đấy,” Nancy nói. “Thuyền của bác hợp để đi câu hơn thuyền bọn cháu nhiều. Vớ lại bác biết cả những chỗ tốt nữa.”

“Bác đi cùng nhé,” John mời.

“Nhé né,” Susan nói.

“À, nếu mai trời không gió lắm thì chúng ta có thể có nguyên ngày đấy. Bác sẽ đi, nhưng không khởi hành sớm lắm được đâu. Và rồi chúng ta sẽ lên kế hoạch cho trò hay rùng rờ cho năm tới.”

“Ngày mai cháu không đi câu đâu,” thuyền viên Titty bảo.

“Sao lại không?” Susan hỏi.

“Em sẽ đi săn lòng kho báu.”

“Ở đâu chứ?”

“Đảo Chim Cốc. Em chắc kho báu vẫn còn đó. Ý em là chiếc rương ấy.”

“Tốn thời gian vô ích thôi, thuyền viên ạ,” thuyền trưởng Flint bảo.

“Cháu biết nó đang ở đó mà,” Titty nói. “Với lại Roger cũng có thể đi cùng nếu nó muốn.”

“Thế thì ngày mai sẽ có hai cuộc thám hiểm vậy,” thuyền trưởng Flint lên tiếng. “Một là đi tìm kho báu, một là đi săn cá voi. Cháu thấy sao hả Roger?”

“Cháu sẽ đi với Titty,” Roger đáp. Vậy là quyết định như thế, dù Susan có nói là, “Hai đứa không được đi một mình trừ khi trời yên biển lặng.”

Sau khi bữa yến tiệc kết thúc, mà bữa tiệc kéo dài thật dài, Peggy lên tiếng, “Ơ bác Jim này.”

“Ông ấy có phải bác Jim đâu, con thộn,” Nancy nói.

“Tất nhiên là không,” Peggy đáp. “Ơ thuyền trưởng Flint này, ông vẫn còn cái phong cách chứ?”

“Tặng bọn cháu một bài nào,” thuyền trưởng Nancy bảo.

“Nếu mấy đứa nhảy điệu thủy thủ thì bác tặng ngay.”

“Trong ca bin này không đủ chỗ.”

“Vậy thì ra sau đuôi thuyền đi.”

Thuyền trưởng Flint lôi ra một chiếc phong cách to tướng từ ca bin trước.

“May sao tên trộm không tìm thấy cái này,” ông bảo, “bằng không hẳn chắc chắn đã lấy đi rồi. Nhưng có lẽ hẳn lại không có tai nghe nhạc.”

Mọi người kéo ra boong sau. Thuyền trưởng Flint ngồi trên lan can chơi một bản nhạc thủy thủ, trong khi thuyền trưởng Nancy thì nhảy múa.

“Bọn em đâu có nhảy kiểu đó,” Titty bảo.

“Xem kiểu của cháu là thế nào nào,” thuyền trưởng Flint nói.

Ông dạo hoài dạo mãi, Nancy và Peggy nhảy theo kiểu của mình còn thuyền trưởng John, thuyền phó Susan, thuyền viên Titty và bố tàu Roger nhảy theo kiểu của mấy anh em. Cách đây cả dặm còn nghe thấy tiếng chân giậm trên sàn boong giữa trời xanh thảnh lơi. Thuyền trưởng Flint kéo đàn mỗi lúc một nhanh hơn. Nhà Chim Én và Amazon nhảy mỗi lúc

một d ãn dập hơn, cho đến khi điệu nhạc quá nhanh đến nỗi không còn là điệu nhạc nữa, và cả bọn quẳng mình xuống sàn boong, mệt đừ đừ.

“Ôi giờ mới biết mình đã phí cả một mùa hè,” thuyền trưởng Flint than.

R ồi ông lại đàn, và ngay lập tức, khi bọn nhỏ lấy lại được hơi, chúng cất tiếng hát. Ông chơi bài “Những cô nàng Tây Ban Nha”, bài “Cá voi”, bài “Amsterdam”, bài “Hạ đo ván hắc thoi”, bài “Ra đi đến Rio”, r ồi nhiều bài khác nữa.

Cuối cùng trời sập tối.

“Đèn ngoài cảng của bọn mình không thấp,” thuyền trưởng John sức nhớ ra.

“Mình phải quay v ề trước khi trời tối thôi,” thuyền phó Susan nói.

“Mà h ải như chẳng còn chút gió nào,” đến lượt thuyền trưởng Nancy. “Ta đi ngay khi vẫn còn sức chèo nào.”

“Mai săn cá voi nhé,” thuyền trưởng Flint nói khi ông chào tạm biệt.

“Săn kho báu ạ,” thuyền viên Titty bảo.

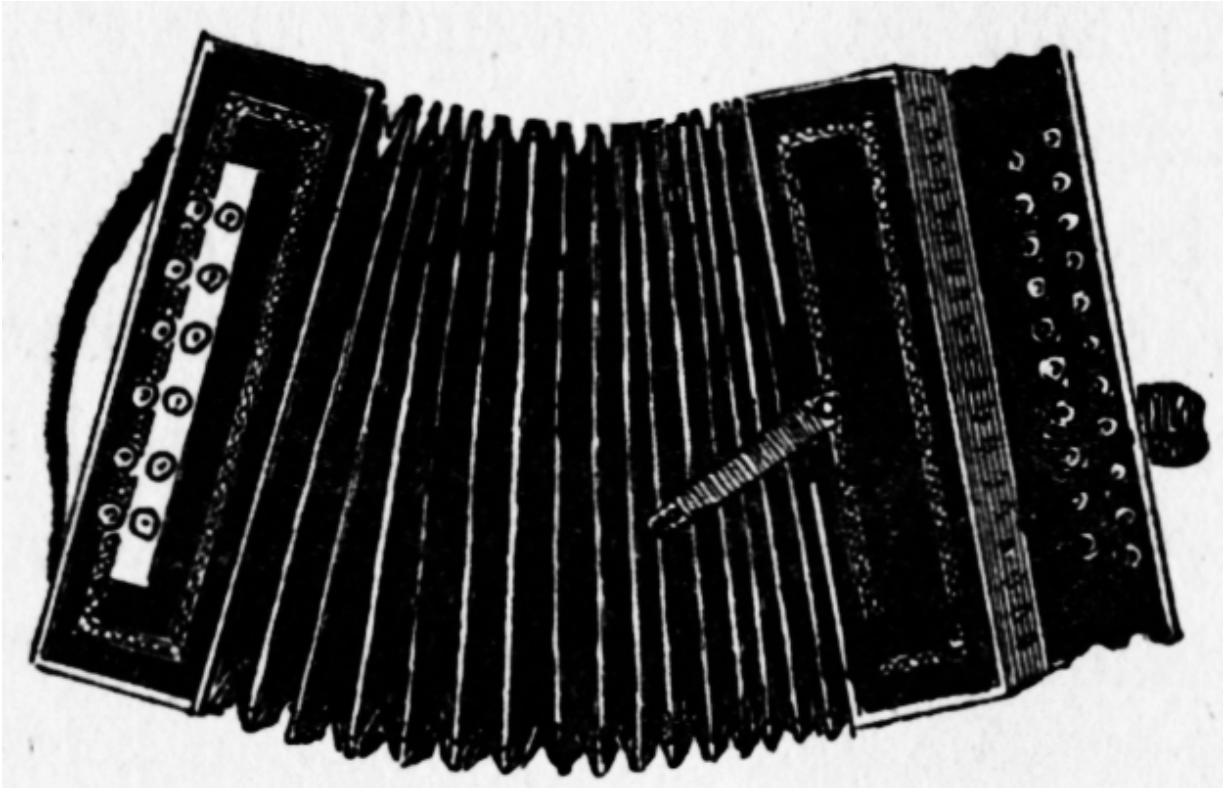
Vài phút sau thuyền *Chim Én* và *Amazon* đã hướng ra khỏi vịnh.

Thuyền trưởng Flint tì người vào lan can dõi theo bọn nhỏ. Tiếng nhạc của ông vang qua mặt nước đến tận chỗ bọn nhóc cho đến khi chúng đi qua khỏi mũi ngoài vịnh và đón được gió.

“Ông ấy thật là một cướp biển tốt bụng,” thuyền trưởng John nói.

“Tiếc là ông già quá,” Roger bảo.

“Đâu có già lắm đâu,” Titty nói.



Kho báu trên đảo Chim Cốc

TITTY đi ngủ với một ý nghĩ kiên quyết trong đầu, và sáng hôm sau thức dậy ý nghĩ ấy vẫn còn nguyên. Nó bò ra xem thử hôm ấy thời tiết thế nào. Là một ngày đẹp trời không gió lắm, đúng y như nó muốn, vì nó biết rằng nếu có gió lớn thì nó và Roger sẽ không được tự đem *Chim Én* đi mà không có thuyền trưởng hay thuyền phó theo cùng.

“Roger, dậy mau,” nó gọi.

“Có chuyện gì thế?” thuyền trưởng John hỏi.

“Biết đâu có kẻ khác lại phỗng tay trên.”

“Phỗng cái gì?”

“Kho báu trên đảo Chim Cốc chứ gì. Em với Roger đi tìm nó đây.”

“Nhưng bọn mình đã tìm qua rồi, ở đó có gì đâu.”

“Hôm nay là ngày cuối của bọn mình,” Titty ưỡn ngực đáp, “với lại anh với Susan đã cho phép bọn em mà. Em đoán chắc kho báu ở đấy.”

“Nhưng thuyền trưởng Flint sắp sang, và cả đám sẽ đi câu.”

“Em với Roger sẽ đi tìm kho báu. Tối qua đã quyết thế còn gì. Với lại trời có gió đâu.”

“Em sẽ thất vọng nào nê cho xem Titty à,” Susan ngái ngủ bảo.

“Em tìm ra thì sẽ chẳng thất vọng đâu,” Titty cãi.

“Nào, Roger, ra ngoài đi,” thuyền trưởng John bảo, “mà tắm xong bọn em đi qua bờ bên kia lấy sữa vènhé.”

“Hôm nay phải lấy gấp đôi vì có nhà Amazon với lại thuyền trưởng Flint nữa,” thuyền phó gọi với theo. “Bọn mình phải mang theo sữa khi đi săn cá voi.”

Sáng hôm ấy thằng bé b ải tàu và thuyền viên tắm thật nhanh. Thuyền viên chẳng buồn quan tâm đến ngọc trai, nó lừa thằng bé lên lau người

ngay sau khi thằng bé chứng tỏ là nó có thể bơi được cả hai kiểu, bơi sấp với bơi ngửa. Rồi hai đứa vội vàng qua bờ bên kia lấy sữa. Chúng quay về thì thấy mọi người, trừ thuyền phó thuyền *Chim Én*, đều đang bận rộn soạn cần câu.

“Không phải cậu sẽ đi sang đảo Chim Cốc thật đấy chứ, thuyền viên?” Peggy hỏi. “Cậu biết bên đó chẳng có gì mà. Tốt hơn là đi săn cá voi với bọn tớ nào.”

Nhưng thuyền viên Titty không chịu nghe, còn bố tàu Roger dù thích vụ săn cá voi lắm nhưng đã quyết đi theo thuyền viên mất rồi.

Sau điểm tâm, trong khi mấy đứa kia chọn rộn đi bắt cá lòng tong sửa soạn sẵn cho thuyền trưởng Flint thì thuyền phó Susan làm cho mỗi đứa một gói sandwich lớn cùng bánh mì ngọt, rồi đưa cho mỗi đứa một chai sữa.

“Nhớ này Roger, Titty sẽ chỉ huy, em phải làm theo bất cứ điều gì chị em bảo đấy.”

“Vâng thưa thuyền phó,” thằng bé đáp.

“Bọn em dùng gì làm cuốc được đây nhỉ?” thuyền viên hỏi.

“Em đâu có cần cuốc,” thuyền phó đáp.

“Cần chứ ạ. Kho báu có thể sâu vô cùng.”

“Đem búa theo í,” John bảo.

“Bọn em cũng cần la bàn nữa, một hải đồ có các bộ xương, cả ảnh cây cối nữa.”

“Em có thể mang theo la bàn, nếu biết giữ kỹ.”

“Thôi, đừng đi lâu quá đấy,” thuyền phó nói. “Hai đứa phải trông theo bọn chị đi đâu với thuyền trưởng Flint, rồi khi chán cái đảo ấy rồi, hai đứa có thể đi ra theo. Bọn chị sẽ mang theo cần câu của hai đứa.”

Mấy anh em mang lương thực dự trữ đi ra cảng. John cất cột buồm cùng buồm trên thuyền đi. Mọi người chúc hai chị em may mắn, thuyền viên cùng thằng bé bố tàu lên đường, Titty chống sào đẩy *Chim Én* ra khỏi cảng.

“Đừng ở lại đấy lâu quá nhé,” thuyền phó Susan gọi với theo.

“Đi câu cá voi cùng hay hơn nhiều em ạ,” thuyền trưởng Nancy gọi.

Đầu óc Titty đang mòng mòng bao việc nên nó không nghĩ ra được câu trả lời.

*

Ngay khi ra khỏi đảo, thuyền viên Titty đưa cho Roger một mái chèo. Hai đứa ngồi cạnh nhau trên thanh ván ngang.

“Em giữ đầu nhíp với chị nhé, b ấi tàu,” thuyền viên bảo.

“Vâng.”

Titty nhắc chèo khỏi mặt nước. Roger kéo một nhíp.

“B ấi tàu,” thuyền viên bảo, “em không được nói ‘Vâng’.”

“Vâng thưa thuyền trưởng,” b ấi tàu đáp.

“Chúng ta sẽ cập vào một hòn đảo hoang, để đi tìm kho báu của hải tặc - là kho báu mà chúng đã cướp từ tay thuyền trưởng Flint. Có thể có của đất, hay cá sấu, hay đủ thứ quân thù. Kho báu có thể được chôn sâu cùng xương người chết. Chúng ta có thể mất cả đời đi tìm nó...”

“Susan bảo bọn mình không được đi quá lâu mà.”

“Ý của thuyền phó là, đừng phí thời gian. Chúng ta sẽ không phí thời gian, nhưng ta không bao giờ biết việc tìm kho báu sẽ mất một hay hai năm đâu. Chúng ta phải đối mặt với hiểm nguy. Phải sát cánh bên nhau. Và em phải làm theo những gì được bảo.”

“Vâng thưa thuyền trưởng.”

“Nào, giờ, cùng lúc với chị nhé... chèo nào.”

Cả hai cùng chèo, thuyền *Chim Én*, vốn khá nặng nếu chèo, vì hình dáng lẩn đờ dãn, di chuyển theo đường dích dắc băng ngang qua hồ.

Thuyền viên Titty biết cứ mãi nhìn ra sau vai là không phải cách, nhưng nó lại không rõ nếu không làm thế thì xử lý thế nào. Đi được nửa đường thì nó lấy luôn hai chèo, bắt Roger ngồi sau đuôi mà bẻ lái.

Đảo Chim Cốc chỉ là một gò đá lớn đá bé nhô lên khỏi mặt nước. Trên đấy có ít bụi thạch nam và cỏ dại, nhưng ít lắm, với lại hai cái cây đầu đã chết. Một trong hai cây nằm dài trên bãi đá. Cây này bị trốc gốc từ lâu, quanh đấy chỉ có mấy tảng đá lớn. Cây còn lại, trụi trơ còi cọc, thân lồm đồm vệt phân chim trắng, là nơi đậu của đám chim cốc.

“Bọn mình đến gần lắm rồi,” Roger nói. “Em có thể nhìn ra mấy con chim kia.”

Titty nhìn quanh. Hai con chim cốc, lông đen, cổ dài, mỏ loang vết trắng, bay vút đi sà thấp trên mặt nước. Hai con khác đang chờ trên cành cao nhất của cái cây chết.

“Chúng đang canh gác kho báu đấy,” Titty bảo.

“Một trong hai con vừa nuốt hết con cá,” Roger thông báo. “Giờ cả hai bay đi rồi.”

Hai con chim cốc cuối cùng bay vút khỏi cây đuổi theo hai con kia, thoát đầu chao đi thâm thấp, rồi bay cao lên, băng qua mặt hồ, đến tận mỏm Darien, rồi sà xuống nước nơi cả Roger lẫn Titty đều không nhìn thấy được.

“Thuyền trưởng Flint kia,” Roger kêu lên. Hai đứa có thể thấy con thuyền to của ông giữa vịnh Nhà Bè và đảo Mèo Hoang. Ông đang trên đường đến nhập bọn với đoàn thám hiểm săn cá voi.

Hai chị em vẫy vẫy tay, nhưng thuyền trưởng Flint đang chèo quay lưng về phía chúng, ở mãi tận bên kia hồ.

“Đây là chỗ chị đã neo con *Amazon* này,” thuyền viên nói, “rồi chị nghe thấy bọn cướp biển chèo ngang qua, rồi va vào đá.”

“Cướp biển thật ăy hả?” bà tàu hỏi.

“Chị không nhìn được chúng,” Titty đáp, “nhưng chị nghe thấy tiếng chèo xuồng, rồi nghe được bọn chúng trò chuyện. Chúng nói tục thôi rồi. Rồi chị nghe thấy chúng va vào đá.”

“Bên phía này toàn đá không hà,” bà tàu bảo.

Titty chầm chậm chèo vòng quanh đảo. Chẳng có chỗ nào cập *Chim Én* vào được.

“Chỗ bọn mình cập vào cùng thuyền trưởng Flint kia kia,” Roger nói.

“Thuyền của ông ăy có phần mũi hẹp,” Titty đáp. “Bọn mình không thể đưa *Chim Én* vào đó được.”

Con bé chèo ra đến gần cực Bắc hòn đảo.

“Trông có vẻ như mình có thể men dọc tảng đá kia được kia,” nó bảo, “nhưng bọn mình sẽ không cập vào. Thuyền trưởng John nói mình phải cẩn thận khi cập thuyền. Nên coi chừng nhé.”

Thuyền *Chim Én* chỉ va hơi mạnh khi chạm vào tảng đá, nhưng cũng không sao. Thuyền viên lồm cồm leo ra cùng dây neo, tay giữ mép thuyền, trong khi bệ tàu cũng ra theo.

“Em mang la bàn nhé?” nó hỏi.

“Đừng,” thuyền viên đáp, “mình để lại trên thuyền đi, đến khi nào cần mới lấy. Nhưng mà mang theo cuốc với lại chuyền đồ ăn ra đây. Bỏ cái chai lại thì hơn.”

Bệ tàu đưa gói sandwich cho thuyền viên. Đoạn nó đưa búa cho con bé ríi trèo ra.

“Giờ chúng ta buộc chặt dây neo quanh tảng đá kia, ngay tận đầu mút dây. Gió có thổi thì cũng từ hướng Nam lên, nên thuyền sẽ nổi mà không va vào gì cả. Mình sẽ để đồ ăn lại trên tảng đá.”

Xong xuôi, thuyền viên đứng ngắm nghía thuyền mình vài phút, con thuyền đang lặng yên đong đưa ở cuối dây neo dài, hoàn toàn không gặp nguy hiểm gì.

“Thế là thuyền ổn ríi,” cuối cùng Titty lên tiếng. “Giờ đến lượt kho báu thôi.”

Thật khó nhọc làm sao khi đi trên đá sỏi, ai cũng thấy vậy, kể cả thuyền trưởng Flint, khi cả bọn đến đây tìm cái rương bị đánh cắp, hôm trước ngày diễn ra trận chiến trong vịnh Nhà Bè. Đối với thằng bé bệ tàu và thuyền viên thì quả là khó khăn vô cùng. Đá cứng chĩa ra từ mọi phía. Giữa chúng là mấy khe kẹt sâu hoắm, rộng đủ cho bàn chân mắc kẹt vào nhưng lại không đủ để rút chân ra. Ríi lại còn thêm sỏi nằm lẫn lóc khắp nơi, sẽ lăn trượt đi khi ta giẫm lên. Hai kẻ săn lùng kho báu phải mất cả buổi mới đi được từ đầu này sang đầu kia đảo.

“Em mừng vì tụi mình sống trên đảo Mèo Hoang chứ không phải ở đây,” Roger nói.

“Đây là đảo hoang thực thụ mà,” Titty bảo. “Để mắt tìm bộ xương người nhé.”

“Chỗ này nhiều xương lắm nè,” một hai phút sau Roger gọi.

“Xương thật chứ?” Titty hỏi với lại.

“Xương nhỏ nhỏ,” Roger đáp.

Titty leo vòng qua một phiến đá đến chỗ Roger đang đứng nhìn xuống một đồng xương cá trắng. Con bé ngược nhìn lên ngay, quả vậy, trong mấy tảng đá bên trên hai chị em là một cái hốc be bé, chỉ đủ cỡ cho một trái banh quần vọt lọt qua. Lỗ này lăm lem thứ gì đấy trắng trắng xanh xanh, cả tảng đá bên dưới đấy cũng thế. Titty thử với tay lên lỗ ấy, nhưng ngay lúc đó có thứ gì bay vụt ra nhanh như cắt với cánh chúc xuống, lóe ra ánh sáng xanh ngời dưới nắng.

“Là tổ chim bói cá,” Titty bảo. “Kia là xương mấy con cá lòng tong bị nó ăn thôi. Chẳng phải xương cướp biển gì đâu.”

Hai đứa tiếp tục đi tìm. Đảo Chim Cốc có lắm xương, nhưng toàn là xương cá. Khi thuyền bé bẫi tàu và thuyền viên trèo đến cái cây lữ chim cốc thường đậu, chúng tìm thấy rất nhiều xương cá chắt dưới gốc. Nhưng mấy tảng đá ở đấy dơ hầy, mùi ôi không chịu được, hai chị em lấy làm mừng khi bỏ đi. Và chúng chẳng tìm thấy thêm được dấu hiệu nào cho thấy có kho báu ở đấy.

Roger bắt đầu nản chí, và còn đói nữa. Hai chị em ngẫ xuống phiến đá bằng phẳng ở cực Bắc hòn đảo, chỗ chúng đã để đồ ăn lại. Chúng lấy chai sữa dưới *Chim Én* lên, ăn sandwich rồi thay phiên nhau tu từng ngụm sữa từ trong chai.

“Thuyền trưởng Flint với mấy anh chị kìa,” Titty kêu lên. “Mọi người đều ở trên thuyền của ông ấy. Kia kìa. Không phải trong vịnh Cá Mập đâu. Trong cái vịnh nhỏ mà tụi mình đi ngang qua khi mình đi thăm mấy người thổ dân có con rắn ấy.”

“Không biết mọi người đã bắt được mấy con cá voi rồi nhỉ,” Roger nói. “Chắc có cả cá mập nữa. Ngả nào thì cũng có một đồng cá rô.”

“Đi tìm kho báu vui hơn ngẫ ì đó bắt cá nhiều,” Titty bảo.

“Nhưng bọn mình có tìm được châu báu gì đâu,” Roger cãi.

“Bọn mình gần như chưa tìm hết mà lị. Nó phải ở đây thôi. Đi nào. Em lòng một bên, còn chị sẽ lòng bên kia. La to lên nếu tìm thấy nhé.”

Thoắt sau đó Roger đã la làng, nhưng không phải vì nó tìm ra kho báu. Nó trượt chân trên đá làm trầy đầu gối.

“Đầu gối bên nào?” Titty hỏi.

“Bên trước nay chưa bị trầy ấy,” Roger đáp. “Ít ra không phải là bên vừa bị trầy lần rồi, mà là bên kia.”

Thuyền viên Titty, là bác sĩ của đoàn thám hiểm, rửa sạch đầu gối, dùng khăn tay của Roger cột băng lại. Roger định xì mũi vào góc khăn thò ra sau khi được dùng làm băng.

“Em dùng khăn của chị đi,” Titty bảo. “Khăn hồng của chị ấy.”

Roger xì mũi um sùm vào khăn tay màu hồng, rồi vui vẻ trở lại.

Thời gian trôi đi. Buổi sáng đã qua, buổi chiều đang sắp hết, ấy vậy mà vẫn chẳng có dấu hiệu nào cho thấy có kho báu. Titty đã đi vòng quanh đảo ít nhất hai lần. Roger thì thôi không tìm nữa, đi ra ngẩng trên tảng đá có buộc dây neo thuyền *Chim Én*. Nó giật giật dây neo, thuyền *Chim Én* ngoan ngoãn trờ đến bên chân nó. Nó đưa bàn chân trần chặn vào đuôi thuyền, thế là thuyền trôi ra trở lại.

“Bọn mình chèo nữa đi,” nó đề nghị. “Từ thuyền mình cũng có thể nhìn rõ như khi ở trên mấy tảng đá thôi mà. Rồi nếu không nhìn thấy gì thì mình đi săn cá voi cũng được.”

Không có tiếng trả lời. Roger đi tìm Titty. Con bé đang bò soài qua mấy tảng đá ngay ngoài rìa đảo, không xa cho lắm. Đột nhiên nó thấy Titty nhảy dựng lên cầm gì đó trong tay.

“Ê này Roger!”

Roger đứng lên, leo qua mấy tảng đá đến chỗ chị.

“Chị tìm thấy tàu thuốc này,” Titty la lớn. “Chắc phải là của một trong mấy tên cướp biển thôi. Đây hẳn là nơi chúng đã cập vào.”

Đó chỉ là một tàu thuốc gỗ bình thường. Titty tìm được ở giữa hai tảng đá gần sát mép nước. Việc tìm được thứ này khiến đảo trở nên khác hẳn. Ngay cả Titty cũng đã bắt đầu nghĩ chắc là nó mơ thấy mấy tên cướp biển cập vào đó dưới trời đêm tối hôm ấy thôi, nhưng lúc này nó đang có trong tay một bằng chứng chắc chắn rằng có người từng ở đó ngoài mấy con chim cốc và chim bói cá.

“Nếu chúng đã cập vào đây thì hẳn kho báu phải ở gần thôi,” Titty bảo. “Chúng không đi xa quá, vì chị nghe thấy chúng va đập luôn mà.”

Hai đứa tìm quanh thật kỹ. Chúng đang ở gần nơi từng là cái cây già mà giờ đang nằm nghiêng một bên còn phần rễ khô mục nát chổng chơ lên trời. Mặt đất phủ đầy những phiến đá lớn rời rạc. Titty thận trọng bước lên trên đá, rồi đi vòng qua cây. Chẳng tìm thấy gì. Nó lại đi vòng qua cây theo một vòng rộng hơn. Vẫn không có gì. Nó trở lại tìm quanh sát rìa đảo.

Roger đứng yên tại chỗ, rồi bắt đầu tìm cách giải khuây bằng cách lượm củi rồi với lại sậy khô kẹt giữa mấy phiến đá đã nằm phơi khô tại đây từ lần nước hồ dâng cao sau mấy trận mưa trước đó.

Cuối cùng Titty lại bắt đầu mất hy vọng. Nó quay trở lại cái cây đổ có Roger cùng đồng nhiên liệu đang chất đống lên.

“Nhóm lửa đi Titty,” Roger bảo.

Thuyền viên nhìn đồng củi.

“Đấy không phải cách,” nó nói. “Chúng ta sẽ đắp lò nhóm lửa như Susan đã làm trên bờ vào ngày chúng ta gặp mấy thổ dân và con rắn. Rồi mình sẽ châm lửa trong ấy, và thuyền trưởng Flint cùng mấy người kia sẽ nhìn thấy khói từ đống lửa của chúng ta trên hòn đảo hoang xa tít tắp này. Rồi họ sẽ đến, và ta sẽ được giải cứu.”

Con bé bắt đầu dùng mấy viên đá nhỏ chất lên thành chỗ đốt lửa.

“Bọn mình cần một tảng đá thật to chèn phía sau,” nó nói.

Nó lôi một tảng đá bằng phẳng khá to gần đám rễ của cái cây già. Tảng đá dễ dàng dịch đi, và ngay lúc ấy bao ý định đắp lò nhóm lửa trong đầu Titty vụt biến mất.



“BỌN MÌNH TÌM RA RỒI!”

“Roger ơi, giúp coi,” nó la lớn. “Cuộc chim đâu hả?”

Nó đã bỏ cuộc xuống khi bắt tay vào đắp chỗ nhóm lửa. Roger nhặt cuộc lên đưa cho chị. Titty gõ gõ cuộc vào một góc sắt màu đen lộ ra bên dưới tảng đá mà nó mới dịch đi. Có tiếng kim loại với gỗ vang lên. Nó kéo tảng đá ra xa hơn, rõ ràng là nó vừa phát hiện ra một góc bịt sắt của chiếc rương.

“Bọn mình tìm ra rồi, tìm ra rồi, tìm ra rồi,” Titty la lớn. Con bé lập tức kéo tảng đá sang một bên, và kia là phần nhãn rách bướm trên một góc chiếc rương, tám nhãn có hình con lạc đà và kim tự tháp, rồi chữ Cairo, to tướng rành rành.

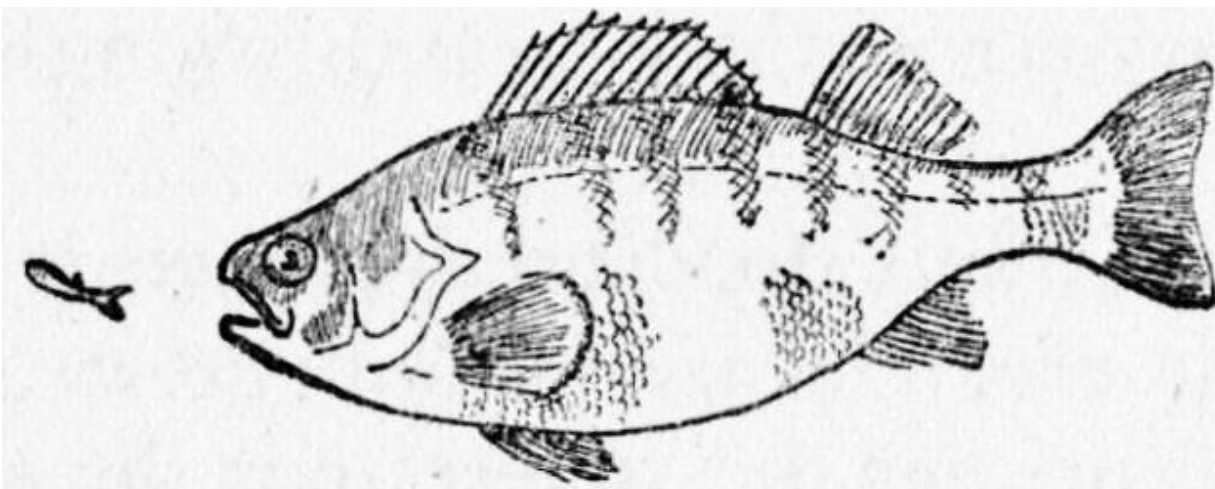
“Roger, giúp nào,” thuyền viên gọi, “lần lượt chuyển đá đi nào.”

Hai chị em lần lượt chuyển hết đá đi, cứ mỗi viên dịch đi là đi đầu kỳ diệu của chiếc rương lại lớn dần. Rương này dán đầy nhãn mác. Có mấy cái có chữ “P. và O. Khoang hạng nhất”. Có nhãn của hãng vận chuyển Bibby, hãng Dollar, hãng Nippon Yusen Kaisha. Có một nhãn mang hình mấy cây cọ và lạc đà và một dòng sông từ khách sạn nào đó ở thượng Ai Cập. Có những nhãn mang hình vịnh nước xanh và những ngôi nhà sơn trắng vùng cảng Địa Trung Hải. Có nhãn mang dòng chữ, “Bị truy nã trong hành trình”. Có những nhãn mang chữ kỳ quặc, không thấy chữ nào đọc được ngoài từ Bắc Kinh. Có nhãn của đường sắt Đông Trung Hoa. Nhãn của bao khách sạn ở San Francisco, Buenos Aires, London, Rangoon, Colombo, Melbourne, Hong Kong, New York, Moscow và Khartoum. Một số nhãn được dán chồng lên nhãn khác. Số khác thì bị cạo bị xé đi. Nhưng mỗi một nhãn lại khiến cho thuyền viên và thằng bé bầy tàu thêm phần thích. Ngay giữa nắp rương là hai chữ cái “J.T.” Từng tảng đá lần lượt được chuyển đi. Chiếc rương được chôn dưới cây, trong hốc nơi từng là rễ cây, rồi được phủ lên bằng những tảng đá rời, mà thứ này thì có đầy ra quanh đấy. Vài tảng đá to đến nỗi Titty và Roger phải cùng nhau kéo đi mà cũng chẳng kéo được. Còn nói đến chuyện nhấc cái rương lên ấy hả, giống như là cố bê nguyên căn nhà vậy. Hai chị em chẳng nhích đi được đến nửa phân.

“Mình mở nó ra đi,” Roger đề nghị.

Chiếc rương được nghiêng vì ền sắt dày. Thuyền viên dùng cuộc chim táng vào đấy. Có hai móc gài kẹp lắ lắ kẹp lấy nhau, rồi khóa, cũng cứng

chắc như phần sắt ràng vậy. Titty rồi Roger nên lấy nên để, nhưng chúng cứ như hai con ruồi đang cố sức đột nhập vào két sắt mà thôi.



29

Hai loại cá

“CẢ HẰNG ăn thua gì đâu,” thuyền viên bảo. “Bọn mình phải đi gọi mấy người kia với thuyền trưởng Flint thôi. Nó là rương của ông ấy đấy. Chỉ chắc mà, trong đó có cả nhật ký cướp biển của ông nữa.”

“Xuống *Chim Én* chèo đi thôi,” Roger đề nghị.

Nhưng không cần phải vậy. Nãy giờ rồi cá có cắn câu đâu, có lẽ một phần vì trên thuyền nhiều ngư phủ quá, và phần nữa là vì, như thuyền trưởng Flint đã bảo, đám cá biết được thời tiết sắp thay đổi. Trời ời, không khí nặng nề, và dù gió đã lặng hẳn nhưng những rặng dãi phía Nam lại có mấy đám mây đen to tướng, dày cộm đang chần chạp cuộn lên. Phái đoàn đi săn cá voi quyết định là sẵn vậy đủ rồi và đang trên đường về Susan đã bảo, “Hai đứa kia ở trên đảo Chim Cốc đủ rồi đó.” Còn thuyền trưởng Flint, biết là hai đứa này đang tìm rương của mình, và cũng biết chắc là chúng công cốc mà thôi, nên bảo là, “Ta chèo qua kia kéo chúng về thôi.” Thế là khi Titty và Roger nhìn qua bên kia hồ những mong nhìn thấy mấy người kia ở chỗ lúc nãy chúng trông thấy, đang câu cá ở phía Nam gần với bờ bên kia, thì phái đoàn đi săn cá voi đã chèo qua hơn nửa hồ từ từ tiến về phía chúng rồi.

Titty trèo lên, đứng trên gốc cây đổ, vừa vẫy tay vừa gọi lớn. Có tiếng gọi lớn vọng lại qua mặt nước, nhưng thoát tiên cả phái đoàn săn cá voi lẫn những kẻ đi tìm kho báu đâu chẳng nghe được nhau.

Câu đầu tiên mà hai kẻ đi tìm kho báu nghe ra được làm chúng hiểu ra những gì chúng la hét nãy giờ chẳng hiểu được gì nhiều cho lắm.

“Hai đứa ngán chưa?” chúng nghe ra qua giọng nói vui vẻ của thuyền trưởng Flint. “Tới giờ về nhà rồi đó.”

“Bọn cháu tìm ra rồi,” Titty la lớn đáp lời.

“Tới giờ về rồi,” thuyền trưởng Flint lại la lớn. “Trà.”

“Bọn cháu tìm ra rồi,” Roger ré lên.

Đột nhiên thuyền trưởng Flint nghe ra. Ông gò người trên chèo và ít phút sau phái đoàn săn cá voi đã cập vào đảo Chim Cốc. Thuyền trưởng Flint lập tức leo lên bờ, nhảy qua mấy tảng đá. Mấy đứa kia theo sau. “Thật ra hai đứa không tìm thấy gì hết đúng không?” ông hỏi, nhưng chúng chưa kịp trả lời thì ông đã nhìn thấy cái rương. “Giỏi lắm thuyền viên ạ!” ông reo lên. “Xuất sắc!” Nancy cũng reo. “Tài lắm Titty,” thuyền trưởng John nói. “Vậy ra lâu nay em cũng đâu phải nằm mơ gì đâu nhỉ,” Susan bảo. “Ai mà ngờ cơ chứ?” Peggy lên tiếng. “Trời ạ, thuyền trưởng Nancy đã đích thân đi tìm, mà có bao giờ tìm ra đâu.”

Thuyền trưởng Flint quỳ sụp xuống cạnh chiếc rương, lôi từ túi áo ra một đồng chìa khóa. “Nhìn như bọn chúng chưa mở ra,” ông bảo, “nhưng quả là chúng đã cố công lắm.”

“Là bọn cháu đấy ạ,” thuyền viên nói.

Thuyền trưởng Flint mở khóa rương, bật then cài ra, rồi nhấc nắp rương lên. Bên trong là một chiếc máy đánh chữ đựng trong bao màu đen, nhiều cuốn nhật ký bìa vải bố, rồi một mớ giấy đánh máy chữ.

“Ồn hết cả,” thuyền trưởng Flint vừa nói vừa mân mê mớ giấy như thể ông yêu chúng lắm vậy.

“Chán phèo à,” Roger bảo. “Titty nói đấy là kho báu mà.”

“Đấy là ngọc ngà châu báu ấy chứ,” thuyền trưởng Flint đáp. “Mỗi người một khác mà. Thuyền viên này, bác thật không biết cảm ơn cháu sao cho hết đây. Nếu bác mất đi thứ này, mà bác đã nghĩ là mất thật rồi ấy chứ, thì bác sẽ mất hết bao nhật ký về quá khứ cướp biển của mình, mà bác đã viết hết bao phần tốt đẹp nhất của cuộc đời mình vào quyển sách này rồi ấy chứ. Nếu không nhờ cháu thì mọi thứ đã mất tiêu luôn rồi.”

“Cháu nghe bọn họ bảo sẽ quay lại lấy cái rương này. Nên cháu biết nó phải nằm ở đây thôi,” Titty nói. “Cướp biển lúc nào chẳng làm thế. Chúng luôn quay lại khi chúng chôn đi thứ gì đó.”

“Giống như chó chôn xương ấy nhỉ,” thuyền trưởng Flint nói. “Thôi nhé, chúng đánh mất cục xương của chúng rồi, mặc dù cục xương này chẳng có ích gì cho chúng cả. Bác chẳng thể mừng tượng ra cảnh chúng an tọa nghỉ ngơi ngắm cuốn *Rong rêu* đâu.”

“Bác sẽ làm gì với bọn chúng đây?” thuyền trưởng Nancy hỏi. “Hay ta nằm phục kích bắt bọn chúng vậy.”

Thuyền trưởng Flint nghĩ ngợi giây lát. Đoạn ông bảo, “Bác sẽ chẳng làm gì đâu. Bác có nhờ cảnh sát đi điều tra giùm ở mấy chỗ cập bến, vì bác muốn tranh thủ bất cứ cơ hội nào lấy lại được thứ này thôi. Nhưng bác chẳng muốn đưa ai vào tù cả.”

“Tù!” Nancy thốt lên. “Chúng phải bị treo cổ trên xích sắt tại Bến Hành Quyết mới phải, để xương cốt va lách cách trong gió kia.”

“Ngày nay người ta chỉ làm trò này với mấy cướp biển vùng Amazon thôi cô ạ,” thuyền trưởng Flint bảo. “Thuyền viên này, cháu nghe bọn chúng nói gì ấy nhỉ, về việc mang đồ trộm được đi ấy?”

“Chúng bảo là, ‘Bọn mình sẽ đi câu cá và vớ được vài món bở.’”

“Ấy thế thì chúng sẽ vớ được ngay thôi,” thuyền trưởng Flint nói. “Xem xem chúng ta có tìm được miếng gỗ nào không, dẹt dẹt ấy.”

“Bọn cháu tìm thấy tàu thuốc của chúng ạ,” Roger bảo.

“Hay quá,” thuyền trưởng Flint đáp. “Chúng ta dọa cho chúng sợ suốt đời không dám đi ăn trộm nữa nào.”

Ông tìm được một miếng gỗ dẹt giữa đồng củi rêu mà Roger nhặt nhanh để nhóm lửa. Ông ngẩng xuống tảng đá rồi lấy ra con dao lớn. Miếng gỗ bào bay tứ tung.

“Bác đang làm gì thế ạ?” Roger hỏi.

“Làm cho chúng thứ mà chúng sẽ vớ được ấy mà,” thuyền trưởng Flint đáp.

Ông dùng dao gọt gọt đẽo đẽo và chẳng mấy chốc mảnh gỗ dẹt đã có một đầu hẹp còn sau đấy là cái đuôi chĩa làm hai. Phần còn lại có hình thù như quả dưa, chỉ có đi đầu dẹp lép, trên mép là một mảnh vuông vuông nhô ra, như vây cá.

“Là một con cá,” Roger reo.

“Chẳng phải chúng bảo sẽ đi bắt thứ gì đấy ư?” thuyền trưởng Flint nói.

Ông đẽo phần đầu của con cá, có mang thật to cùng mõm há rộng và con mắt tròn to thô lỗ.

“Con cá đẹp quá,” Roger khen.

“Khi chúng bắt được, chúng sẽ không nghĩ thế đâu,” thuyền trưởng Flint bảo. “Nào,” ông vừa nói vừa lấy từ trong túi ra một đoạn dây, “chúng ta sẽ buộc tàu thuốc của bọn chúng vào đuôi con cá này, rồi chôn cả hai xuống dưới tảng đá nơi chúng giấu cái rương của bác. Rồi khi chúng đi ra hồ vờ như là đi câu, rồi cập vào đây mà đào của ăn trộm lên, thì chúng sẽ đào thấy con cá và tìm thấy cái tàu thuốc đánh rơi; và nếu chúng biết suy nghĩ, bác cho là chúng biết, thì chúng sẽ nghĩ là có ai đó đang ở gần đây suốt từ hồi nào tới giờ và đã nghe thấy chúng trò chuyện và biết được tất tần tật về bọn chúng, và bác nghĩ chúng sẽ ba chân bốn cẳng bỏ đi ngay thôi, vừa đi vừa ước sao mình đang ở nhà còn hơn.”

Ông nhắc rương của mình đi chỗ khác rồi bỏ con cá cùng tàu thuốc vào cái hố lúc trước đặt rương.

“Hượm đã,” ông bảo. “Bọn này cũng nên nghe một bài thuyết giảng chứ nhỉ.” Ông lấy ra mẫu bút chì rồi viết lên thân con cá gỗ những chữ thật to, “THẬT THÀ LÀ TRÊN HẾT.” Đoạn ông bỏ con cá lại chỗ cũ rồi lấp đá tảng lên. “Chất đá lên nào,” ông nói, “để bọn chúng phải mất thời gian đào xuống.” Thế là cả nhà Amazon lẫn Chim Én thay nhau chất đá lên cho đến khi lấp đầy lỗ.

“Giờ trông chỗ này giống hệt lúc nãy trước khi cháu bắt đầu đắp chỗ nhóm lửa ấy ạ,” Titty nói.

“Ha, vậy là được rồi,” thuyền trưởng Flint bảo. “Chúc bọn chúng may mắn nhé. Nào nào,” ông nói tiếp, “nếu tất cả bọn cháu đêm hôm ấy không làm chính xác những gì đã làm (dù lẽ ra lúc ấy bọn cháu phải ở trên giường mới phải), thì bác chẳng bao giờ lấy lại được cái rương này. Bác sẽ rất tiếc khi đánh mất cái rương cũ kỹ này, vì nó đã theo bác khắp chân trời góc bể. Và bác cũng sẽ mất luôn quyển sách mà nguyên mùa hè này bác viết, bất chấp mọi nỗ lực của Nancy và Peggy để khiến cho mọi trò viết lách thành ra không thể. Mấy đứa đừng đưa nào bắt tay vào chuyện viết sách nhé. Thật chẳng bõ công đâu. Mùa hè này quả là nhọc nhằn nhất đối với bác, trong suốt ba mươi năm lên voi xuống chó trước đây. Và nếu mấy tên khốn kia trốn đi được cùng chiếc rương thì bác sẽ không bao giờ viết lại được nữa. Bác nợ các cháu rất nhiều, và nhất là nợ cô thuyền viên này. Nào thuyền viên, cứ bảo với bác bất cứ thứ gì trên thế gian này mà cháu muốn, rồi cháu sẽ có được ngay.”

“Bác có nói là sẽ mang về cho cháu một con vẹt ạ,” thuyền viên đáp, “trên thế gian này cháu chỉ muốn có thứ ấy thôi. Nếu bác quả thực có ý đấy,” con bé nói thêm.

“Phải cháu bảo cháu muốn con vẹt xám không?”

“Cháu thích nhất là vẹt xanh két cơ.”

“Chờ đến hè sang năm thì lâu lắm đấy,” thuyền trưởng Flint bảo.

“Không sao đâu ạ,” thuyền viên đáp.

Đúng lúc ấy thuyền trưởng Flint như chợt nghĩ ra một chuyện.

“Thôi,” ông bảo, “bác phải đi ngay đến báo với cảnh sát dừng cuộc điêu tra lại. Bác sẽ đưa mấy cháu qua bên kia hồ, thả mấy cháu lại trên đảo nhé.”

“Bác sẽ quay lại dùng bữa tối cá mập chứ ạ?” Susan hỏi.

“Cá mập hả?” Roger ngạc nhiên. “Chị bắt được cá mập à?”

“Một con béo múp,” Peggy đáp.

“Bác sẽ cố,” thuyền trưởng Flint đáp, “nhưng đừng chờ bác làm gì nhé. Bác phải chèo đi xa lắm. Đi thôi nào.” Ông vác cái rương lớn lên vai rồi mang xuống thuyền lớn của mình. Roger xuống đến thuyền trước, đang ngắm nghía con cá chó nửa trắng nửa xanh lục to tướng nằm dưới ván đáy thuyền.

“Bác tự bắt lấy ạ?”

“Mọi người cùng chung tay bắt.”

“Con này to gần bằng cái con mà cháu không câu lên ấy. Trong vịnh Nhà Bè không có con nào giống vậy đâu.”

“Đưa nào đi cùng bác còn đưa nào đi bằng thuyền *Chim Én* đây?” thuyền trưởng Flint hỏi.

“Cháu sẽ đi cùng con cá mập,” Roger đáp.

“Trên này đủ chỗ cho cả đám, nhưng phải có người bẻ lái thuyền *Chim Én* bằng không nó sẽ chạy lung tung mất,” thuyền trưởng Flint bảo.

“Cháu cần lái *Chim Én* cho,” Titty lên tiếng, thật ra con bé muốn được ở một mình. Từ lâu nó đã có cái ý nghĩ này trong đầu và vẫn cương quyết giữ nguyên khi mọi người cho là nó sai; nên giờ đây, khi ai ai cũng biết là nó đúng, thì nó lại muốn được một hai phút gì đấy không phải nói năng gì cả.

Mấy đứa khác d ãn hết lên chiếc thuyền chèo lớn. Thuyền trưởng Flint ng ắi chèo ngay mũi, vừa chèo vừa ng ắ cái rương thủy thủ cũ kỹ dán đ ầy nhãn mác cổ lỗ sĩ của mình. Roger ng ắ trên rương, ng ắ chăm chăm hàm răng to tướng của con cá chó. John, Susan, Nancy và Peggy ng ắ cuối đuôi thuyền. John giữ dây ch ỏ thuyền *Chim Én*, trong khi thuyền *Chim Én*, cùng con bé thuyền viên đang h ăm h ỏ c ần bánh lái, nhẹ nhàng lướt theo đường rẽ nước từ chiếc thuyền chèo.

*

Khi thuyền trưởng Flint chèo đi r ắ, bỏ đám Chim Én và Amazon lại đảo Mèo Hoang, thì cả bọn phát hiện ra có cả đ ồng việc c ần làm. Lửa đã tắt ngúm nên c ần phải nhóm lại, r ắ ấm nước c ần đ ược đun lên pha trà. Hai cô thuyền phó, Susan và Peggy, đảm nhận trách nhiệm này. John với Nancy bận bịu mang hết c ần câu dây câu xuống. Roger vẫn đang ng ắ nghía con cá. Titty thì chèo đưa *Chim Én* quanh qua bãi cập bến đ ể vào cảng. R ắ hai vị thuyền trưởng đi ra cảng gặp thuyền viên đang chờ. Cả ba cùng dựng cột buồm cho *Chim Én* r ắ neo thuyền song song với *Amazon*, nhưng không sát quá đ ể hai thuyền khởi va vào nhau. Sau khi mọi việc xong xuôi và cả *Chim Én* lẫn *Amazon* đ ều yên ỏn nghỉ ngơi, cả bọn nhìn ra biển từ bến cảng, xa đến tận mút phía Nam cuối h ồ.

“Từ sáng phong vũ biểu đã xuống hai ph ần mười,” thuyền trưởng John thông báo.

“Khi nào trời v ề đ êm cứ nóng như thế này thì luôn có chuyện,” thuyền trưởng Nancy bảo. “Chắc là sẽ có sấm sét đ ấy.”

“Trông có vẻ không hay chút nào,” thuyền trưởng John nói. “Có chút gió nào đ ầu, nhưng mà nhìn mây kia.”

Cả Titty cũng đang nhìn lên đám mây đen to đùng từ phía Nam ùn lên. Con bé nghĩ, nếu sắp mưa thật thì quả là may khi hôm nay trời chịu nín cho đến khi nó tìm ra kho báu.

Tiếng còi của thuyền phó từ khu trại tuyết lên, cả ba đứa vội vàng quay v ề dùng trà mu ỏn cùng bánh mì tươi phết mút.

Trà chi ều vừa xong và ly cốc đ ược tráng sạch thì Roger lên tiếng, “Có thật bọn mình sẽ ăn tối bằng món bít tết cá mập không?”

“Sao lại không chứ?” thuyền phó Susan vặn hỏi.

“Thuyền phó này,” Peggy hỏi, “cậu đã cạo vảy cá mập bao giờ chưa?”

“Chưa hề,” Susan đáp.

“Khó nhằn lắm đấy,” Peggy đáp.

“Thế thì tốt nhất là ta bắt tay vào ngay thôi,” Susan bảo. “Mà cũng muộn lắm rồi còn gì.”

Hai cô bé đi xuống bên nơi có con cá chó to tướng lốm đốm hai màu trắng xanh lục cùng cái đầu to cộc và cặp mắt nham hiểm đang nằm chờ trên phiến đá. Cả hai quỳ xuống cạnh con cá, mỗi đứa một tay dao, bắt đầu đánh vảy.

“Cậu đánh vảy từ giữa thân xuống đuôi, tớ làm từ đầu xuống giữa thân nhé,” Peggy đề nghị.

Mấy đứa còn lại lom lom nhìn. Roger nhích đến thật gần hai cô thuyền phó trong mức cho phép. Nó không rời mắt khỏi con cá được.

“Làm gì thì làm, đừng cho tay vào trong miệng cá đấy,” Peggy lên tiếng khi Roger tính dùng tay ướm thử đầu con cá. “Chị từng làm thế, với con còn nhỏ hơn con này cơ, thế là cả tháng trời sau không cần nổi cọng dây.”

“Tại sao ạ?” Roger hỏi.

“Nhìn hàm răng nó này,” Peggy bảo, rồi dùng tay cạo vảy mà cần cục đá cạy mở cái hàm cá to tướng ra.

Roger nhìn vào hàng hàng lớp lớp những răng là răng sắc nhọn chìa ngược vào trong cùng mấy cái răng dài như răng chó ở hàm dưới.

“Trong vịnh Nhà Bè không có cá mập có khi lại hay,” thằng nhỏ bảo.

“Tại sao?” Peggy hỏi.

“À vì ông ấy sẽ mang cho em con khỉ,” Roger đáp.

Vảy cá được cạo ra dễ dàng, nhưng lại bay tứ phía. Cánh tay của hai thuyền phó phủ đầy vảy. Mắc vào cả tóc. Khi một bên cá đã sạch vảy thì hai cô lật con cá trơn nhẩy qua bên kia đặt trên đá mà cạo tiếp. Rồi con cá mập cần được mổ ra moi ruột, trò này còn kinh hơn. Xong xuôi, hai thuyền phó rửa cá rửa tay dưới hồ. Đoạn hai cô mang con cá béo lên trại và thuyền phó Susan cắt ra thành từng khoanh dày, đi một đường ngọt xớt từ mặt này sang mặt kia con cá, đến phần xương sống thì cửa cửa. Con bé cắt ra bảy khoanh, mỗi khoanh dày chừng năm phân. Toàn bộ phần còn lại của con cá

được quăng vào đông lửa. Rồi, cho thật nhiều bơ vào chảo, cả bọn rán mấy khoanh cá, lật qua lật lại, dùng thìa vớt bơ lên lại khi bơ chảy xuống thành chảo rồi rưới vào mấy khoanh cá đang xì xèo, cho đến khi bơ chuyển sang màu sậm và mấy khoanh cá nâu ruộm.

Vẫn không thấy bóng dáng thuyền trưởng Flint đâu khi món bít tết cá mập đã sẵn sàng. Trời thì đã sẩm tối. Mặt trời đã mất hút vào mây trước khi kịp lặn đi.

“Thuyền trưởng Flint có bảo là chúng ta không phải chờ ông ấy,” Susan nói, “với lại mùi thơm quá chờ không nổi rồi.”

“Vậy mình chén thôi,” thuyền trưởng Nancy đề nghị.

“Em đói,” Roger bảo.

“Thôi mình ăn vậy,” John nói.

“Bọn mình có thể giữ nóng phần của ông ấy,” Titty chốt.

“Vậy đưa đĩa đây nào,” Susan bảo, và bữa tối với món bít tết cá mập bắt đầu.

Thử rồi mới thấy là dùng tay nhanh gọn hơn dùng nĩa nhiều. Cá nước ngọt có lắm xương, và mặc dù con cá này rất to nên cũng không khó tìm ra xương, nhưng dùng tay rút xương ra dễ hơn dùng nĩa. Thế là nhà Chim Én cùng Amazon ngẩng bật bên đông lửa, chấm khoanh cá vào nhúm muối để trên nắp một hộp đồ ăn, trông giống người rừng hơn là mấy nhà thám hiểm.

“Ước gì ngày mai bọn mình không phải ra về,” Titty nói. “Bọn mình chưa có thời gian thám hiểm đến mũi cực Bắc hay cực Nam gì cả. Trên bản đồ của bọn mình còn khối vùng chưa được khám phá ở cả hai mút này. Theo em í,” đột nhiên con bé quay ngoắt sang thuyền trưởng John như chợt nhớ ra chuyện gì quan trọng, “mình đổi tên đảo Chim Cốc thành đảo Châu Báu được không anh?”

“Ờ, quả là em đã tìm được kho báu ở đó,” John đáp.

“Ê này này,” Peggy phản đối. “Bọn này cũng gọi đó là đảo Chim Cốc đấy nhé. Mà kho báu có mặt trên đấy có tí à, còn chim cốc thì lúc nào cũng có.”

“Đảo Chim Cốc là tên hay rồi,” thuyền trưởng John bảo. “Thế mình cứ để tên là đảo Chim Cốc nhưng mình đánh dấu chéo lên đấy để cho thấy

chỗ có kho báu rồi ghi chú là ‘Kho báu được tìm thấy ở đây’ có được không?”

Titty đồng tình.

“Mình làm ngay đi anh,” con bé bảo, thế là thuyền trưởng John liếm sạch mấy ngón tay rồi đi vào lều mang bản đồ ra. Sau đó dùng chữ “Kho báu được tìm thấy ở đây” nhỏ li ti cùng một dấu thập được đánh dấu vào.

“Phải đấy,” Titty bảo, “giờ khi ta đã tìm thấy kho báu rồi thì đây không hẳn là đảo châu báu nữa. Nó chỉ là hòn đảo từng cất giữ kho báu mà thôi.”

“Bây giờ thứ kho báu duy nhất ở đó là con cá gỗ,” Roger nói. “Khi bọn trộm đào lên thì có dùng làm món bít tết cũng không được. Cứng quá mà.”

“Bản đồ này hữu dụng thật,” thuyền trưởng Nancy vừa cùng Peggy ngắm nghía vừa giơ ra gần đồng lửa để nhìn cho rõ hơn. “Nhưng còn có lắm tên mà các cậu chưa nắm được đây này.”

“Chỗ bọn mọi thì đúng rồi,” Peggy bảo, “cả cá mập cũng đúng, nhưng các cậu vẽ gì trong hồ của bọn tớ thế này?”

“Nó để chỉ bạch tuộc ấy mà,” John đáp.

“Năm tới các cậu sẽ đi đến thêm nhiều tên nữa,” thuyền trưởng Nancy nói. “Bọn mình sẽ làm những chuyện huy hoàng nhé. Chúng ta có thể lên kế hoạch trong suốt mùa đông. Thế là có việc để nghĩ ngợi trong giờ học. Đi đến cực Bắc hay cực Nam đâu hay cả. Nếu đi xuống hướng Nam, bọn mình phải đi bằng xuồng máy để lao qua thác ghềnh, rồi thì sẽ ra tới biển. Chuyện gì cũng có thể xảy ra. Bọn mình có thể tóm được một con tàu ấy chứ.”

“Bên kia rặng núi lớn phía Bắc hẳn phải có gì đấy nhỉ,” Titty bảo.

“Cậu có thể đi sâu vào dãy đồi, ngược theo sông ấy,” Peggy đáp. “Rồi thì, khi đến rặng núi kia, bọn mình sẽ cuộc bộ. Nhưng còn phải mang theo lều đấy.”

“Mình có thể dùng ngựa lùn sống trên núi để thò lều mà,” Nancy bảo. “Vây đi nhé. Bọn mình sẽ đi tìm vàng.”

“Bên kia dãy núi,” Titty nói thêm.

“Cậu có thể leo hàng dặm dài lên đấy mà không phải gặp móng vuốt dân nào,” Peggy bảo.

“Thuyền trưởng Flint bảo sang năm ông ấy đi cùng mình,” Nancy thông báo. “Khi đó ông ấy sẽ lo đủ thứ. Biết đâu ông ấy lại thuê một con tàu to, to gấp ba gấp bốn thuyền *Amazon* ấy chứ, rồi đưa hết bọn mình đi làm thủy thủ đoàn. Ông ấy luôn bảo một ngày nào đó sẽ làm thế mà. Bây giờ còn có cả nhà Chim Én nên bọn mình có thể đi trên con tàu lớn vô cùng đấy.”

“Phần bít tết của ông ấy sao đây?” Titty hỏi.

“Chị đang giữ cho nóng,” Susan đáp, “nhưng nó đang khô queo đi này.”

“Trét thêm miếng bơ vào đi,” Peggy bảo.

Mãi đến khi trời gần tối thì cả bọn mới nghe thấy tiếng mái chèo rồi tiếng thuyền nghiêng lạo xạo trên bãi sỏi dưới bến. Chập sau thuyền trưởng Flint đi đến chỗ có ánh sáng lửa trại. Ông mang theo một cái lồng to phủ vải xanh. Nhìn dưới đáy thì ta biết đó là cái lồng. Ánh lửa phản chiếu lấp lánh trên nắm tay cầm bằng đồng to tướng nhô ra khỏi tấm phủ. Trên nắm tay cầm ấy là một cái vòng để xách đi hoặc để móc lên xà. Thuyền trưởng Flint đặt lồng xuống đất cạnh Titty. Trên vòng móc có dán tấm nhãn trắng thật to. Titty đọc cái nhãn nhờ vào ánh sáng đồng lửa:

“Thuyền trưởng Flint gửi đến cô thuyền viên đã cứu Cuộc Đời mình.”

“Nhưng cháu có cứu mạng bác đâu,” Titty bảo.

“Bác đâu có viết là mạng sống. Bác viết Cuộc Đời cơ mà,” thuyền trưởng Flint đáp. “Chính là cuốn *Rong rêu* ấy. Cả hai thứ chính là một.”

“Cháu cảm ơn bác lắm ạ,” Titty nói. “Cháu sẽ treo cái lồng này trong phòng học, để sẵn đó chờ con vẹt.”

Đúng khi ấy dưới lớp vải xanh vọng ra tiếng cạo cạo sồn sột.

“Nhìn vào xem,” thuyền trưởng Flint bảo. “Bác nghĩ chờ cho đến mùa xuân tới bác từ miền Nam trở về thì lâu lắm đấy.”

Titty nhấc tấm phủ màu xanh lên thì có tiếng reo vui vẻ chói tai, nghe giống như tiếng của Nancy Blackett hơn, từ bên dưới tấm phủ vọng ra.

“Đồng ăn tám, đồng ăn tám!” con vẹt xanh két la lối.

“Trước nay nó chẳng nói thế bao giờ,” Nancy bảo. “Còn giờ thì chắc nó sẽ luôn mồm.”

“Có thật là cháu được giữ nó không ạ?” Titty hỏi.

“Tất nhiên rồi,” thuyền trưởng Flint đáp. “Cháu xứng đáng có được nó cả chục nghìn lần luôn ấy chứ.”

“Mẹ bọn cháu rồi sẽ tin chứ đừng là bọn cháu từ Thái Bình Dương trở về mất thôi,” Titty nói. “Cảm ơn bác lắm lắm lắm ạ.” Con bé nhảy phắt lên chìa tay ra. Thuyền trưởng Flint bắt lấy.

“Bác phải nói lời cảm ơn mới đúng,” ông bảo.

“Con khỉ của cháu sang năm mới về ạ,” Roger nói.

“Nếu cháu xin được mẹ cho phép kia,” thuyền trưởng Flint đáp. “Bác sẽ lập tức lo liệu cho. Có lắm khỉ ở nơi gần hơn châu Phi nhiều và bác sắp sửa mang sách lên London đây vì giờ bác đã tìm lại được nó rồi. Bác sẽ đi tìm khỉ giữa lúc qua lại các nhà xuất bản. Cháu sẽ có khỉ vào tuần tới thôi.”

“Có đuôi chứ ạ?” Roger hỏi.

“Đuôi dài thật dài nhé,” thuyền trưởng Flint đáp.

“Bít tết của bác khô cong đi rồi kìa,” thuyền phó Susan lên tiếng, “nhưng vẫn còn nóng lắm ạ.”

Thuyền trưởng Flint ăn bốc rồi bảo đấy là món bít tết cá mập ngon nhất mình từng được thưởng thức.

Sau đấy mọi người lại bàn đến các kế hoạch cho năm tới, nào là leo qua rặng núi, hay là đi thuyền đến vùng Azore, hoặc hay hơn nữa là đến vùng biển Baltic, hoặc đi xuồng máy ra biển.

“Nếu bọn cháu đi lên núi, bác nghĩ bọn cháu có tìm được ngựa thồ không ạ?” Nancy hỏi.

“Chúng ta có thể dễ dàng tìm một hai con gì đấy thôi,” thuyền trưởng Flint đáp.

Ai ai cũng thích cái ý tưởng mấy con ngựa thồ bồm xồm thồ đồ đạc của các nhà thám hiểm. Nhưng này, ai ai cũng thích luôn ý tưởng đi thuyền đến vùng Baltic. Nên rốt cuộc chẳng quyết được gì cả.

“Gì thì gì,” thuyền trưởng Flint bảo, “mùa hè tới bác sẽ rảnh rang, nên nếu bọn cháu cho bác đăng ký thì bác sẽ đi cùng ngay. Nếu chúng ta đi thuyền đến vùng Baltic thì bọn cháu cần có người nhổ neo cho, còn nếu đi tìm vàng thì một mình con ngựa thồ phải chở cả vàng lẫn lều bạt sẽ vất vả cho nó lắm.”

“Con khỉ cũng có thể đi theo nữa ạ,” Roger nói. “Nó có thể đứng ngay trên đỉnh cột buồm để quan sát, hoặc không thì cưỡi ngựa thồ.”

Cuối cùng thuyền trưởng Flint bảo, “Bác phải quay về đây. Lửa trại của bọn cháu đông vui thật đấy, nhưng chẳng phải đến giờ người ta phải đi ngủ rồi sao?”

“Bác không thấy lẻ loi khi không có con vẹt chứ ạ?” Titty hỏi.

“Bác cũng phải nghĩ cho nó nữa chứ. Nó còn nhỏ lắm nên bác chỉ là ông bạn chán phèo cho nó thôi. Giờ thì nó gặp được người hợp cạ rồi.”

Ông đứng lên đi xuống thuyền.

“À mà này,” ông bảo, “lầu của mấy đứa có chắc không đấy? Bác thấy có vẻ như chúng ta sẽ gặp thời tiết xấu trước sáng mai đấy.”

“Mẹ bọn cháu bảo lầu của bọn cháu sẽ không sao trừ lúc gió quá lớn thôi ạ,” thuyền trưởng John đáp.

“Hừm! Trông như sắp có gió lớn lắm rồi này. Mà thôi, bác nghĩ bọn cháu cũng sẽ không hề gì lắm đâu, dù cho có gió đi nữa.”

Ông chèo đi.

Chẳng bao lâu sau, hai nhà Chim Én và Amazon lục tục đi ngủ. Trời nóng kinh, không chút sao le lói.

“Phù,” Nancy buột miệng, “chị thờ chẳng nổi đây.”

“Phong vũ biểu tụt xuống thêm một mực nữa rồi,” thuyền trưởng John thông báo. “Từ sáng đến giờ tụt hết ba nấc rồi đấy.”

“Thế có phải là nhiều không?” Peggy hỏi.

“Cũng khá nhiều,” John đáp. “Em xong xuôi chưa Roger? Anh thôi tắt nến đây.”

Titty đặt lồng vẹt cạnh mình trong lầu của thuyền phó.

Nó lật tấm phủ xanh ra. “Con vẹt không cần tấm phủ đâu,” con bé bảo. “Nó sẽ chìm trong bóng tối như chúng ta thôi. Ngủ ngon nhé, Polly!”

“Đừng ăn tám,” con vẹt quàng quạc, đang phẫn khích vì ánh nến trong túp lầu màu trắng. “Đừng ăn tám, đừng ăn tám, đừng ăn tám.” Nó cứ lải nhải “đừng ăn tám” liên thoảng mãi như là đang đếm châu báu không bằng.

Tiếng cười của Nancy Blackett từ lầu bên kia khu trại vọng ra.

Rồi thuyền phó Susan thôi tắt nến. Lầu vẹt tối om, và giữa bốn bề im ắng đột ngột đi kèm theo bóng tối ấy, con vẹt cũng im bật, cứ như thể cô bé

đã thổi tắt luôn con vệt vậy.

“Ngủ ngon nhé,” “Ngủ ngon,” hai nhà chim Én và Amzazon chào nhau.
Đêm cuối cùng trên đảo của cả bọn đã bắt đầu.

30

Bão

BẤY lâu nay trời đất mãi hiên hòa với bọn Chim Én và Amazon. Cũng từng có vài giờ mưa lất phất, vài tiếng sương mù với lại cái đêm tăm tối có vụ trộm đê tiện cùng cuộc thám hiểm đứng tim đấy. Nhưng ngày nào cũng đều trong xanh khô ráo, và đến cả khi có mây, thì cũng vẫn có nắng có gió xua đuổi bóng mây đi, bóng này đuổi theo bóng kia, qua những vạt thạch nam dương xỉ xanh ngất trên mấy dãy đũa. Còn giờ tới khi nhà Chim Én phải ra về, thì thời tiết bỗng dưng thay đổi để nhắc cho cả bọn nhớ rằng cả mùa hè cũng đang đến hồi kết thúc. Nguyên cả ngày cuối cùng hôm ấy trời sấm rền vang. Hoàng hôn xuống mang dấu hiệu bão nổi, và dù gió chỉ thổi nhẹ, nhưng từ mé Nam những đám mây đen vần vũ nổi lên, cho đến khi đêm xuống thì chúng đã lấp hết sao trời.

*

Cơn dông nổi lên bắt đầu bằng tiếng sấm nện làm cả trại giật mình thức giấc. Kèm theo tiếng sấm, tia chớp lóe lên chói lòa như ban ngày. Có tiếng vệt quang quác như thể một con vệt trong bầy đang kêu qua mấy ngọn cỏ giữa cơn bão nhiệt đới. Rồi bỗng im bất tối om. Rồi mưa nặng hạt lộp độp xuống hai mái lều.

Titty choàng tỉnh, dần dần thấy nôn nao trong dạ. Nó không động dậy, chỉ thò tay ra chạm vào lờng vệt. “Susan ơi,” nó thì thào.

“Không sao đâu Titty,” Susan đáp.

Roger trong lều thuyềן trưởng ngẩng phất dậy hét lớn. “Hắn bắn kìa! Hắn sẽ bắn nữa cho coi!” Thằng bé đang trở về trận chiến trên vịnh Nhà Bè, rồi giọng nó lại lí nhí hụt hơi “Anh John!” khi nó tỉnh lại thấy mình nằm trong bóng tối.

“Không sao đâu mà, Roger,” John bảo, “chỉ là sấm thôi.”

“Nancy, chị đi đâu vậy?” Peggy hỏi. Vừa nghe ra mấy giọt mưa đầu tiên, Nancy đã ng ẩ dậy thấp đèn lên.

“Đem ít củi vào cất chứ còn đi đâu nữa,” Nancy đáp. “Em không nhớ đợt mưa trước củi ướt nhẹp hết nên tụi mình không nhóm được lửa lên sao?”

Cô bé thoát cái đã quay lại cùng một ôm cành khô lấy từ đống củi.

“Mưa chưa lớn lắm đâu, nhưng sẽ rất lớn đấy,” cô bé bảo.

Nancy chui lại vào trong túi ngủ.

Lại thêm một đợt chớp lòa nữa làm sáng lóa cả khu trại, tỏa những bóng hình nhảy nhót của mấy cành cây bên trên lên vách l ầu trắng,

“Đừng lo Polly,” Titty bảo, “chút nữa là hết thôi mà.”

“Polly xinh đẹp,” con vẹt kêu lên, giờ thì đã tỉnh queo r ồi. Chớp lòa sáng, r ồi lại chớp, r ồi ba tiếng sấm đùng đoàng nổ ra kèm theo nhi ều đợt sấm bé hơn như thể bầu trời sắp sửa vỡ ra thành từng mảnh cứng r ồi đổ loảng xoảng xuống mái nhà dốc bằng sắt.

“Đ ồng loạt nã pháo vào bên các cậu đấy,” Nancy Blackett từ trong l ầu nói vọng ra.

“Đ ồng ăn tám,” con vẹt quang quác, r ồi như lại đang tơ tưởng về mấy ngọn cỏ, nó ré lên một tiếng thật dài, thật đỉnh tai.

“Mày muốn tao phủ tấm vải lại không?” Titty hỏi.

“Mấy giờ r ồi John ời?” Susan gọi.

“Bốn chuông ở đ ồng hồ giữa,” thuyền trưởng John đáp, nãy giờ cậu đang quan sát phong vũ biểu bằng đèn pin và mới chuyển giờ sang giờ hàng hải cho mình.

“Giờ đấy trong giờ thực là mấy giờ thế?” Peggy hỏi.

“Hai giờ sáng,” thuyền trưởng John đáp. Cuối cùng cũng có những chuyện mà bọn Amazon không biết.

Gió thổi thốc tới, mưa rơi nặng hạt hơn lên mấy mái l ầu, r ồi sau đó như thể mưa là những cục nước chắc nụi bắn vào lớp vải bố mỏng mảnh.

“Nước thấm qua kìa,” Roger nói. “Em sờ được này.”

“Đừng có động vào vách l ầu,” John bảo.

“Em có động đâu, cơ mà nước vẫn thấm qua này.”

“Nước cũng thấm vào lều bọn em nữa,” Susan nói. “Titty, em che con vệt lại đi.”

“Em che rồi, nhưng em nghĩ nó không thích vậy.”

Lại thêm chớp lòa sấm giạt. Mưa tạnh một chập rồi lại trút xuống tiếp.

“John ơi,” Susan gọi.

“Ồi.”

“Mình nên mặc quần áo vào để giữ cho chúng khô dưới chân mình đi. Anh lấy tấm chống thấm ra chưa thể?”

“Rồi. Em sao?”

“Em đi lấy ngay đây. Em đang thấp đèn bên em. Trải tấm chống thấm lên trên chân của anh đi. Roger cũng thế.”

Susan hối hả mặc quần áo vào cho Titty, rồi đến lượt mình. Roger và John xô quần chèn vào. Bên lều Amazon vọng ra tiếng cãi cọ.

“Đừng có ì ra thế chứ Peggy. Mặc quần mặc áo vào như mấy đứa kia coi.”

Có tia chớp lòa lên cùng lúc với đợt sấm rền, rồi sau đấy nguyên một lúc lâu sấm với chớp thi nhau giạt liên hồi đến nỗi chẳng biết được chớp nào là từ đợt sấm nào nữa. Khu trại rực sáng đèn, trong khi những đợt sấm liên hồi trên không càng khiến cho mọi chuyện thêm hối hả, như thể đang có việc cần làm nhưng chẳng còn thời gian đâu mà làm. Đèn được thắp lên hết, nhưng dù có tỏa sáng trong những khoảnh khắc tối trời ngắn ngủi, thì dường như chúng lại chẳng phát ra chút ánh sáng nào được dưới ánh chớp sáng lòa.

Trời lại tối sụp và bỗng chốc im lặng. Như thể cơn dông đang nín thở. Rồi, từ xa xa, một âm thanh rền rền, xào xạc vọng lại, mỗi lúc một lớn dần.

“Cái gì thế?” Titty hỏi.

“Gió đấy,” Susan đáp.

“Theo em á,” Titty nói, “đây là một cơn bão rồi.”

Con bé còn đang nói thì gió đã tạt đến chỗ bọn chúng.

Có tiếng đổ sầm sập khi một cành cây to rớt xuống đâu đó phía cuối đảo. Rồi tiếng xào xạc khi cây cối quăng quật trong gió. Mà tiếng động

không phải là tất cả đâu. Lều của nhà Chim Én vốn được treo trên các sợi thừng căng giữa mấy cây, rồi được các túi chứa đá dọc theo mép dưới vách lều giữ từ xuống. Cây cối đang bị thổi quăng quật tứ tung khiến cho dây thừng khi thì chùng xuống, khi thì căng thật căng, nên trong lều của thuyền trưởng mấy hòn đá trong các túi đá bị xô dịch lộn cọc va nhau.

“Ôi Susan ơi,” John gọi lớn. “Em có đủ đá để níu lều em xuống không vậy? Lều bên anh đang thu hẹp lại này.”

“Bên em không sao,” Susan đáp lớn lại, “đá chưa dịch đi.”

“Hả?” John gào lên. “Anh không nghe được.”

“Đá của bên em còn nguyên,” Susan gào lớn. Nhưng nói trước bước không qua. Có tiếng nứt toác. Đá nặng thì cũng nặng đấy, nhưng một đợt cây giật mạnh đã làm đứt đôi sợi thừng căng lều của Susan, vốn đã sưng nước và quá căng. Cả cái lều rơi phịch xuống, một đồng vải bạt ướt mem, vùi Susan cùng Titty và con vẹt xuống dưới mấy lều vải gấp lại, hất đồ ngon đèn làm đèn tắt phụt.

Từ hai lều còn lại, bọn nhỏ nghe thấy tiếng gẫy rắc, tiếng quát tức tối của con vẹt khi lều nó đổ lặn, rồi tiếng kêu ú ớ “Cứu với! Cứu với!”

John và Nancy lập tức lao ra khỏi lều. John mang theo đèn pin, nhưng chẳng cần làm gì, vì một tia chớp thật lâu thật sáng đã soi cho hai đứa thấy đồng lều xám ngoét ướt nhẹp của thuyền phó nằm trên đất, bên dưới là đồng vùng vẫy. Hai đứa nhấc đầu lều nơi vốn là cửa vào lên. Thuyền phó Susan cùng thuyền viên Titty lồm cồm bò ra, thuyền viên còn lúi theo lều vẹt, đã rơi mất miếng vải xanh.

“Vào lều tở đi, nhanh nào,” Nancy gào lớn át tiếng gió rít.

“Thế còn đồ đạc bọn tở thì sao?” Susan hỏi.

“Vớ tấm choàng xanh của Polly nữa chứ?” Titty nói.

“Ngã nào cũng ướt hết rồi. Cứ bỏ đó đi,” Nancy gào lớn đáp lại, mà quả thật, đúng là chỉ còn làm được thế thôi.

Vừa che chắn hết sức cho con vẹt khỏi mưa gió, Titty vừa chạy vào lều của nhà Amazon, trong này nó gấp lại Peggy, Peggy mừng rơn khi thấy nó. Susan chạy theo sau.

“Bọn tở phải lấy đèn ra thôi,” con bé bảo. “Các cậu chỉ còn lại có một mẫu xiu nên à.”

“Cậu có sợ cây sắp đổ xuống không?” Peggy hỏi.

“Nếu đổ thì đã đổ lâu rồi,” Susan đáp.

“Polly tội nghiệp,” Titty nói, nhưng con vẹt đã chỉnh lại. Nó đang vuốt xuôi mấy cọng lông bị xù lên ngoài gió.

“Polly xinh đẹp,” con chim chỉnh lại.

“Em nghĩ nó chẳng quan tâm chuyện bị mất tấm choàng đâu,” Titty nói.

“Lầu của cậu liệu có phải sắp sập không?” Nancy hỏi lớn trong cơn gió.

“Hy vọng là không,” thuyền trưởng John đáp.

“Hả?”

“Tớ hy vọng là không,” John gào lên vào tai Nancy.

Gió đang thổi giạt từng cơn khắp hòn đảo, làm cây nhỏ rung lắc như cỏ rạp. Trên kia cây thông cao từng là ngọn hải đăng đang rặng rắc rền rĩ. Trong chốc lát trời tối om như hũ nút, rồi chớp lòa lại soi sáng cả vùng trời khiến cho vạn vật rõ ràng rạch như ban ngày. Cứ mỗi đợt gió giạt, lầu của thuyền trưởng John lại phên phật phấp phới như là lá buồm lỏng dây trên con thuyền đang oằn mình giữa cơn dông, rồi lại thêm tiếng đá va nhau lộc cộc lạch cạch.

Roger bò ra ngoài trời mưa.

“Lầu đang thu nhỏ dần anh ơi. Đá bị bắn ra khỏi túi.”

Nancy với John không nghe được thằng bé nói gì, nhưng có thể thấy túp lầu đang bị quăng quật.

Nancy tóm lấy gáy Roger khi nó bò ra, thúc thằng bé chạy về phía lầu nhà Amazon rồi đẩy nó vào. “Ít ra vào đây em còn được khô,” cô bé bảo. Đoạn cô chạy lại chỗ thuyền trưởng John, đang lúi húi chui trở vào túp lầu phên phật của mình mà mang ra hai thứ quan trọng nhất, là đồng hồ và phong vũ biểu. Dưới một trong những đợt chớp cậu giơ cao chiếc phong vũ biểu.

“Tụt xuống bốn phần mười rồi,” cậu la lớn.

“Vào trong lầu bọn tớ đi,” Nancy quát. “Mang cây đèn lớn vào nếu lấy được nha.”

Thuyền trưởng John đưa phong vũ biểu cho Nancy rồi bỏ đồng hồ vào túi. Cậu lại chui vào đóng vài bập xoay vòng tung tóe từng là lầu của mình

kia. Cậu tìm thấy đèn bèn chui ra ngoài tiếp.

“Chẳng còn làm gì được nữa,” Nancy bảo. “Đi thôi.”

Hai đứa đi vào lều của nhà Amazon, đúng lúc đèn thấp bằng nền trong đó đang chấp chới chực tắt. John thấp đèn lớn của mình lên đặt giữa nền. Nancy lại vội vã lao ra ngoài để nói lỏng dây lều mình. Rồi cô bé quay vào khép chặt miếng bạt cửa lều lại.

“Lều của bọn tớ quay lưng lại hướng gió,” cô bé giải thích. “Gió lớn toàn thổi từ phía Nam lên. Đây là lý do vì sao bọn tớ chọn chỗ này để dựng lều. Mấy cọc mỗi đầu cũng giúp ích nữa. Lều của bọn tớ chịu được mọi thứ.”

“Hai người có bị ướt không?” thuyền phó Susan hỏi.

“Cũng khá khá,” thuyền trưởng John đáp.

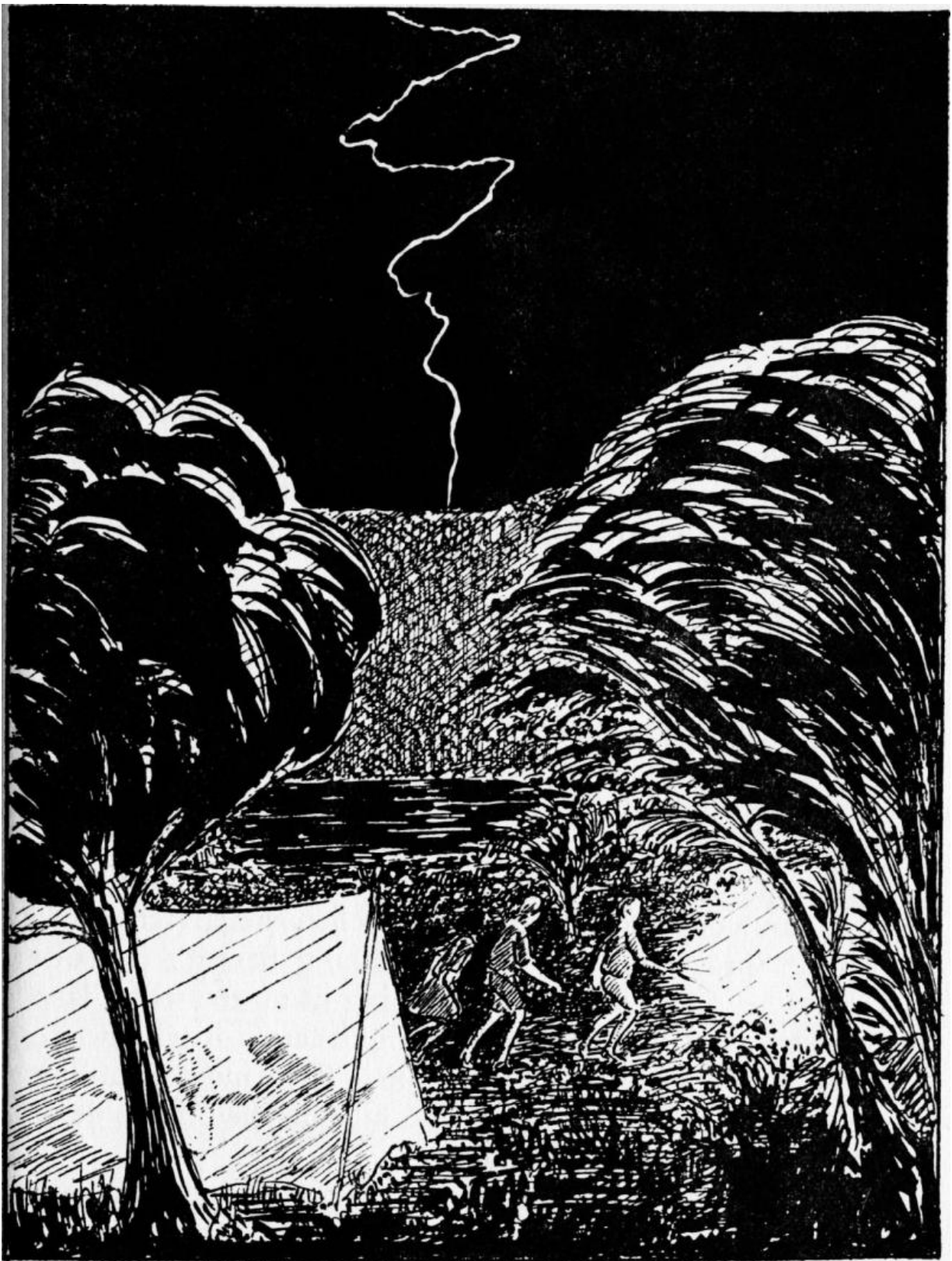
“Tớ ướt mềm đây này,” Nancy bảo. “Tuyệt.”

Lều nhà Amazon không đủ rộng cho sáu đứa bọn nhỏ cùng cái lồng vẹt. Cứ ba đứa ngồi trên một túi ngủ. Ngay cuối lều giữa bọn chúng là đồng củi khô mà Nancy đã lấy vào dành cho sáng mai. Rồi thêm lồng vẹt, rồi ngọn đèn nông trại ngay giữa sàn lều. Hai nhóm ngồi san sát vào nhau, vì bọn nhỏ phải cẩn thận để không chạm vào vách lều. Thời tiết bên ngoài giờ như chẳng có gì đáng lo nữa khi cả bọn được ở bên nhau. Đến cả như Peggy, cái đứa chẳng thích gì sấm sét, cũng vui vẻ trở lại, một phần là vì nếu tỏ cho Roger thấy nó đang sợ thì chẳng hay ho gì. Với Nancy thì khác. Nancy biết tổng rồi, nên với chị thì nó chẳng cần vờ vịt làm gì cả. Susan đang hơi lo về đồ đạc bị ướt, nhưng vẫn mừng vì không xảy ra chuyện gì tệ hơn. John thì đang nghĩ cả bọn may mắn làm sao vì cơn bão chờ đến đêm cuối cùng mới đổ bộ đến. Nancy thì tự hào về túp lều kiên cường của mình nên rất hãnh diện mỗi khi gió đập vào. Titty, mắt lấp la lấp lánh, đang nghĩ đến những trận cuồng phong. Con vẹt thì đang vuốt lại lông cho thẳng thớm rồi thì thoảng lại hồ hởi huyết sáo với ngọn đèn sáng rực gần sát bên dưới sàn lều.

Cả bọn ngồi đấy một lúc, lắng nghe cơn bão giào xéo hòn đảo. Rồi, bỗng thấy hồ thẹn vì mình không nhớ ra sớm hơn, John nghĩ về hai con thuyền. “Tớ đi xem qua *Chim Én* cái,” cậu bảo.

“Nghĩ đến mà khiếp,” thuyền trưởng Nancy lên tiếng. “Cả thuyền *Amazon* nữa chứ. May là tối qua bọn mình đã neo đậu kỹ càng.”

Hai vị thủy ền trưởng đứng lên. Nancy tháo tấm bạt cửa lều ra.



GIÓ MƯA SẤM CHỚP

“Khi bọn này ra ngoài rồi thì phải cột bạt lại nhé,” cô bé dặn.

“Em cũng đi nữa,” Titty kêu. “Bây giờ con vệt không sao rồi.”

“Em đi chỉ thêm ướt thôi,” Susan can.

“Em ướt rồi mà,” Titty cãi. “Có ướt được hơn nữa đâu. Em muốn xem. Có thể chúng ta sẽ chẳng khi nào gặp được cơn bão to như thế này đâu.”

“Em cũng đi,” Roger lên tiếng.

“Không, em không đi đâu hết,” thuyền phó ra lệnh. “Em còn khô.”

“Để anh bảo xem em làm được gì nhé, Roger,” John nói. “Em có thể cho thuyền trưởng Nancy mượn đèn pin của em. Đèn bão của chị ấy không tốt cho lắm còn trong lều thì nên giữ lại đèn lớn.”

“Vâng thưa thuyền trưởng,” Roger đáp. Nếu nó không được đi, ít ra đèn của nó đi được, vậy còn tốt hơn không có gì.

Titty, John và Nancy tuôn ra khỏi lều xông vào cơn bão. Vừa dùng đèn pin vừa cúi người thật thấp ngược gió ngược mưa, cả bọn dấn bước dọc theo lối mòn dẫn ra bến thuyền. Hai chiếc thuyền đầy những nước, hồ cũng đã dâng lên đôi chút, nhưng cả thuyền *Amazon* lẫn *Chim Én*, được neo đậu kỹ càng như thế, nên hầu như chẳng bị gì.

“Tớ sẽ đi nói bớt dây kéo mũi thuyền đây,” thuyền trưởng John bảo. “Dây này khi ướt thì căng lắm.”

“Tớ cũng làm vậy với dây bên tớ.”

Hai cô cậu nói dây neo lỏng ra một chút.

“Cậu này, cảnh này kín vô cùng nhé,” Nancy nói lớn. “Cứ lắng nghe bên ngoài kia mà xem.”

Trong bến cảng được che chắn bốn bề ấy vẫn có sóng dậy, nhưng không có gì đáng lo. Mấy tảng đá lớn hai bên sườn bến đã phá tan sóng đi trước khi chúng kịp xô vào trong. Nhưng cả bọn có thể nghe thấy tiếng sóng dội ầm ầm vào bãi ngấm bên ngoài và dọc theo bờ nước sâu phía Tây. Titty bỏ hai đứa kia đấy mà bò ra rìa vách đá thấp dọc theo bờ phía bên ấy, khom mình trên mép đá mà đối mặt với gió. Bụi nước từ những con sóng vỡ ra bên dưới thổi tạt lên mặt nó. Chớp lóe sáng soi rõ cả vùng hồ, rọi sáng những đợt sóng cao ngất với ngọn sóng trắng xóa cuộn đầu trải rộng khắp hồ. Rồi trời đất tối sầm trở lại. Rồi lại thêm chớp lóa giúp con bé

thấy được bao cánh đồng rừng cây đồi núi phía bên kia hồ, bên kia mặt nước hung hãn.

Hai cô cậu kia quên khuấy Titty và suýt nữa đã quay trở về lâu mà không có con bé nếu Nancy không nhìn thấy tia đèn pin xa xa phía trái lối mòn.

John tìm đến chỗ Titty và giật giạt ống tay áo nó.

“Đi nào,” cậu quát. “Bọn anh tưởng em đi tiếp rồi chứ.”

“Vâng thưa thuyền trưởng,” Titty đáp, dù John chẳng nghe thấy gì, hai đứa đến chỗ Nancy đang đứng trên lối mòn, rồi cả bọn cùng quay về lâu.

“Thôi rồi,” Susan bảo, “nếu hồi này em có ướt thì giờ em còn ướt hơn nhiều đấy. Mà chẳng có quần áo gì thay.”

“Cũng đáng lắm mà chị,” Titty đáp.

“Hai con thuyền ổn cả chứ?” Roger hỏi.

“Không thể nào ổn hơn,” thuyền trưởng Nancy đáp. “Nhưng sáng mai hai thủy thủ đoàn phải tát nước một nghỉ đây.”

“Giờ mấy giờ rồi ạ?” Peggy hỏi. “Susan nói mới chỉ chừng ba giờ thôi.”

“Gần năm giờ rồi,” John đáp.

*

Không đứa nào chớp mắt được. Chúng đã trở thành thủy thủ đắm tàu rồi.

“Cả hai cột buồm chính đều gục xuống boong,” thuyền trưởng Nancy bảo.

“Còn trước đó thì cột buồm mũi lại bị sét đánh trúng,” thuyền trưởng John tiếp.

“Cậu có thấy mấy tia sáng xanh lè chớp lóa ở trên đầu hai cột trụ không?” Nancy hỏi. “Đấy là trước khi cột buồm mũi bị sét đánh trúng đấy.”

“Rồi một ván thuyền nứt ra,” John tiếp, “và nước tràn vào.”

“Thuyền phó chạy nháo nhào trên boong, vừa chạy vừa hét, ‘Mọi thủy thủ cật lực bơm nước ra, khoang dưới ngập cả thước rưỡi nước rồi.’ Là cậu đấy Susan,” Nancy bảo.

“Sao không phải là em chứ?” Peggy thắc mắc.

“Em là thuyền phó hai. Em đang cưa mấy mảnh thuyền vỡ trôi dạt để làm bè. À không không phải. Bọn mình không làm bè. Quên mất. Em đang cưa mảnh thuyền vỡ để làm thông thoáng boong thuyền, và đang cho hạ hai thuyền chèo xuống.”

“Một thuyền tên là *Chim Én* còn thuyền kia là *Amazon*,” Roger nói.

“Còn sóng vẫn đang liên tiếp đập vào thuyền lớn,” Titty tiếp lời, “thuyền đang chìm dần từ mũi xuống cùng mọi thủy thủ trên thuyền. Kể nào đó đã giết chết một con chim hải âu.”

“Đừng ăn tám, đừng ăn tám,” con vẹt quang quác.

“Đúng vậy. Thuyền chắt đầy những đừng ăn tám mà,” Titty nói. “Vì thế nên chìm rất nhanh.”

“Bọn mình thả thuyền chèo xuống,” Nancy bảo, “và rồi thuyền lớn chìm nghiêm và bọn mình trôi trôi giữa biển nước.”

“Thỉnh thoảng bọn mình không nhìn thấy nhau qua mấy con sóng,” John nói, “nhưng cũng có lúc nhìn ra được.”

“Trên thuyền nhỏ bọn mình mỗi đứa chỉ có một cái bánh quy cùng ít nước ngọt,” Susan nói.

“Ngày qua ngày bọn mình chèo chống trước cơn bão,” Nancy nói. “Theo hướng Bắc sang Tây Bắc. Bọn mình đã thỏa thuận là vậy trước khi rời khỏi tàu.”

“Bọn mình ăn bánh quy uống nước lã,” Peggy kể.

“Gió cứ liên tục thổi táp, sấm nện rồi chớp đánh rồi mưa quật không ngừng nghỉ,” đến lượt Titty, “em với Roger tát nước khỏi *Chim Én* còn Peggy thì tát nước *Amazon*.”

“Rồi mưa cũng tạnh, và rỗng rã bao nhiêu ngày sau đó bọn mình chẳng có gì để ăn uống,” Nancy nói.

“Trên thuyền *Chim Én* bọn mình sắp phải rút thăm xem đứa nào bị ăn thịt trước tiên,” Titty nói.

“Bên bọn này cũng sắp phải làm vậy thì bỗng nhác thấy đất liền,” Nancy bảo.

“Bọn em cũng thấy được đất liền nữa, vừa đúng lúc ấy,” Roger nói.

“Trên bãi biển sóng lớn dập dềnh,” Nancy nói.

“Bọn mình chỉ mới thấy được đất liền thôi thì chớp sáng lóe lên,” Titty bảo. “Cọ quăng quật tứ tung.”

“Chớp cứ đánh liên tục,” Nancy nói. “Bọn mình lao vào giữa những con sóng dữ. Thuyền ngã nghiêng nhưng mình vẫn bám chắc. Thuyền bị sóng đánh dạt hẳn lên bờ. Bọn mình tả tơi nhưng toàn mạng.”

“Cả con vệt cũng vậy,” Titty nói. “Và giờ đây mình sẽ phải ở lại nơi này suốt hai mươi năm. Ngày ngày bọn mình sẽ phải trông ngóng tàu đi ngang qua.”

“Nhưng bọn mình có lều bằng cách nào chứ?” Roger hỏi.

“May là trên mỗi thuyền đều có một lều,” Nancy đáp. “Coi nào Peggy, làm một chầu sô cô la nhé? Vẫn còn nhiều lắm đấy.”

*

Cuối cùng trời bên ngoài cũng bắt đầu hửng dần. Sấm rền dần thưa đi sau mỗi đợt sét. Sau một lần chớp lòa thì mãi sau mới có tiếng sấm đi đùng từ xa xa. Gió lặng đi. Tiếng mưa dội ngoài lều cũng nhỏ dần nhỏ dần rồi ngừng hẳn. Hừng Đông tỏa sáng từ sau những dãy đồi phía Đông. Ánh đèn bão không còn soi sáng khắp lều nữa. Ánh sáng chiếu vào từ bên ngoài, xuyên qua lớp bạt lều. Thủy thủ đoàn Chim Én và Amazon bước ra ngoài trời vừa rạng để nhìn đồng lều trại tả tơi của mình. Trên cao kia vài mảng trời xanh hé ra cùng những vạt nắng chiếu sáng trên đồi. Những cụm mây đen rời rạc đang dạt đi. Có mùi đất ướt tươi mới tỏa khắp. Cơn bão đã qua.

John đi lại vào lều vỗ vỗ chiếc phong vũ biểu. Cây kim đang nhích lên.

Susan bắt đầu cào tro sùng nước trong lò. Nancy mang ôm củi khô đến. Chỗ củi còn lại đều đã ướt nhẹp, cả bọn phải loay hoay một hồi mới nhen được lửa. Nếu không có mấy cây củi khô kia thì chúng chả thể nào nhóm

được lửa. Titty chui vào chỗ từng là lều của mình và thuyền phó, rồi mang mảnh vải xanh của con vệt ra máng lên hai cành củi hong cho khô.

31

Đoàn thủy thủ trở về

RỒI đến phiên đám thổ dân xuất hiện.

Người đầu tiên đến là bác Dixon. Lửa vừa mới nhóm lên thì đám thủy thủ đắm tàu đã trông thấy bác từ cánh đồng nông trại bên trên vịnh Cá Mập đi xuống, một tay xách bình sữa còn tay kia là cái xô thật to. Rồi bác trai Dixon cũng đi xuống theo, vai vắt đôi mái chèo. Bác ta tát nước trên thuyền của hai vợ chồng rồi đẩy ra, chèo thuyền đưa bác gái đến đảo, nước khu tung tóe khi bác chèo. Mặc dù gió đã lặng nhưng hồ vẫn dậy sóng, cả ở khoảng giữa đảo với đất liền.

“Bọn họ muốn quái gì đây nữa?” Nancy thắc mắc.

Peggy và Titty đã đi lên trạm quan sát nhìn ra hồ. Hai đứa chạy trở về trại.

“Thuyền trưởng Flint đang đến kìa,” Peggy ré lên. “Ông gần tới nơi rồi, còn có một thuyền chèo khác nữa, xa hơn là một chiếc xuồng máy. Em nghĩ là xuồng máy nhà mình.”

“Mẹ đang ở trên chiếc thuyền chèo kia, với một thổ dân,” Titty thông báo thêm.

“Nếu đấy là xuồng máy thì mẹ bọn tớ đang ở trên ấy đấy, chắc luôn,” Nancy bảo.

“Vẫn còn sóng lớn lắm xô qua hồ,” Titty kê, “nhưng mà mẹ vượt qua được hết.”

Cả đám chạy bỏ ra bến, đến nơi vừa lúc bác Dixon leo ra kéo thuyền lên. Bác gái lồm cồm leo ra với nào là cái xô to cùng bình sữa. Bác chặn chiếc khay trên miệng xô làm nắp đậy, hơi nóng trong xô bốc lên nghi ngút.

“Không. Không phải nước cám lợn đâu,” bác bảo, “dù chắc là mấy cô cậu nghĩ thế chứ gì. Là cháo cho lũ chuột đuổi nước thôi, là mấy cô mấy cậu ấy. Mấy cô cậu giữ được lửa cháy là tài lắm rồi. Bác chẳng yên tâm được chút nào khi nghĩ tới các cô các cậu trong cơn bão vừa rồi. Trời đất ơi, bão đổ xuống mới ghê gớm làm sao chứ. Mà vậy là các cô cậu tìm được cái rương bị đánh cắp của ông Turner rồi nhỉ. Vậy mà bác cứ tưởng các cô cậu lấy kia đấy. Ông nhà kế cho bác nghe tối qua khi ông ấy từ làng về”

Hai đám nhóc nhà Chim Én và Amazon nhìn nhau. Mọi người biết hết rồi cả ư?

“Cháo ạ,” Roger lên tiếng.

“Phải, cháo đấy,” bác Dixon đáp. “Chẳng ai còn chỗ cho cảm lạnh cả nếu họ được ăn đầy bụng cháo nóng hổi, bác luôn nói thế mà. Mấy cô mấy cậu có thừa không thể?”

“Nhiều lắm ạ.”

“Để bác đổ sữa vào xô mà khuấy lên đã nhé. Lúc ở đẳng nông trại bác đã cho đường vào rồi.”

Phút sau bốn đứa nhà Chim Én và hai đứa Amazon đã hùng hục xúc cháo nóng trộn sữa từ trong xô ra mà nuốt ừng ực từng ngụm nóng hổi xuống cổ họng.

“Đây mới đúng là ăn chung máng đây,” Titty nhận xét.

Rồi thuyền trưởng Flint xuất hiện.

“Bác tốt quá, bác Dixon ạ,” đầu tiên ông thốt lên thế. “Lẽ ra tôi phải nghĩ đến thứ này chứ nhỉ. Cháo là nhất rồi. Một, hai, ba, bốn, năm, sáu. Ổn cả rồi. Không có đứa nào bị cuốn đi trong đêm cả.”

“Bây chứ ạ,” Titty chỉnh. “Bác quên mất con vẹt của cháu rồi. Thấy chớp lóe là nó kêu ‘Polly xinh đẹp’, rồi khi sấm rền thì là ‘Đồ ăn tám’ nhé.”

“Ừ thì bây,” thuyền trưởng Flint đáp. “Hai túp lều mất tiêu rồi nhỉ. Bác đã sợ là vậy mà. Bão hôm qua ghê thật. Đến giờ chèo thuyền đi còn khó, dù gió đã lặng và hồ nước chẳng thấm gì so với hôm qua. Nước đầm lại cũng nhanh.”

Rồi mẹ từ nông trại Holly Howe sang, được bác thổ dân Jackson khỏe mạnh chèo thuyền đưa đến. Mẹ mang theo ba phích nước chứa đầy ca cao

nóng sốt.

“Chào bác Dixon ạ,” mẹ nói. “Bác tử tế quá, nghĩ cả đến chuyện đi tận sang đây. Tôi cứ sợ bọn nhỏ không nhóm được lửa ấy chứ.”

“Kỳ diệu sao tụi nhỏ lại nhen được,” bác Dixon đáp.

“Bọn con chưa đun được nước mẹ ạ,” Susan bảo. “Suýt chút là chẳng nhóm được lửa lên rồi nếu Nancy không nghĩ đến chuyện giữ khô vài cành củi ấy.”

“VẬY hai đứa ở thuyền Amazon phỏng?” mẹ vừa nhìn Nancy và Peggy vừa hỏi.

“Vâng ạ,” Nancy đáp, “còn đây là thuyền trưởng Flint. Tên khác của ông ấy là Turner.”

“Hân hạnh làm quen,” mẹ nói, rồi thuyền trưởng Flint bảo mình lấy làm tiếc vì đã không kết bạn với nhà Chim Én từ trước. “Chị không biết tôi mắc nợ đám nhỏ này đến thế nào đâu,” ông bảo.

“Đám nhỏ mới ghê chứ!” Nancy Blackett khịt mũi.

“Mấy nhà thám hiểm và cướp biển này,” thuyền trưởng Flint tự chữa lại. “Không nhờ các cô cậu ấy thì tôi đã mất tiêu tác phẩm tôi đã bỏ công ra viết cả mùa hè rồi.”

“Tôi có nghe đôi đi đâu về việc này từ bác Jackson tối hôm qua,” mẹ đáp. “Tôi quả lấy làm mừng bọn nhỏ này cũng có ích được đôi chút. Bố bọn trẻ dường như nghĩ là chúng không ngoan cho lắm, nhưng có đôi khi tôi cũng không chắc nữa.”

“Kìa mẹ!” John kêu lên, mẹ bật cười.

“Bác ấy cho con con vẹt này,” thuyền viên Titty khoe, thế là mẹ phải đi đến xem.

“Bác ấy sẽ cho con con khỉ nữa đấy,” Roger khoe tiếp.

“Hả?” mẹ giật mình.

Thuyền trưởng Flint giải thích, rồi mẹ bảo phải là con khỉ thật bé mới được.

“Sẽ rất bé, chị à,” thuyền trưởng Flint đáp.

Mẹ nhìn sang hai túp lều rách tươm.

“Lều này gặp gió thì không xong,” mẹ nói. “Tôi nhớ có lần ở rừng sâu kia... tôi từng ở trong loại lều giống vậy và nó bị gió giật thành từng dải mà

thời bay sạch sành sanh... Thôi kệ,” mẹ nói tiếp, “cũng may tối nay mấy đứa không phải ngủ trong lều này, tiếc quá hôm qua mấy đứa không chịu về nhà.”

“Tôi không cho là đáng tiếc gì đâu, thưa chị,” thuyền trưởng Flint nói.

“Nếu bọn con mà về thì đã không tìm thấy kho báu rồi,” Titty nói.

“Việc đầu tiên là phải mặc quần áo khô vào đi,” mẹ bảo. “Mẹ có mang quần áo khô cho bốn đứa thay đây.”

“Roger không hề bị ướt ạ,” Susan nói.

“Vây là tốt,” mẹ đáp, “nhưng con thì ướt kìa, John cũng thế, còn Titty trông cứ như cái giẻ lau bát. Chạy ngay xuống thuyền hỏi bác Jackson lấy mớ quần áo lên.”

Rồi xuống máy ghé vào, xinh xịch cập bến, nghếch mũi xuống nhẹ nhàng lên bãi cát cạnh ba chiếc thuyền chèo đã nằm sẵn đấy. Bãi cập bến giờ đông đúc trông đến là chật chội, gần như cảng Rio vậy. Thuyền trưởng Flint chạy xuống bến đón xuống, cô Blackett nhảy lên bờ ôm ông anh. Cô ấy nhỏ xíu, không lớn hơn Nancy là mấy, mà lại rất giống cô bé. Rồi sau đó đám thổ dân trò chuyện, cô ấy liền thoắt nhất. Thuyền trưởng Flint với lại bà Walker thỉnh thoảng mới xen được một lời.

“Em mừng vì anh có mặt ở đây,” cô Blackett bảo với thuyền trưởng Flint. “Nào, Ruth...”

“Nancy chứ, con bé là cướp biển mà em,” thuyền trưởng Flint bảo. “Phải gọi nó bằng tên đúng mới được.”

“Thì thôi Nancy, với cả Peggy nữa, nhảy xuống xuống coi, hai cái đứa lì lều mạng này, thay quần áo khô vào. Mấy con sẽ thấy quần áo trong cabin ấy. Chị khỏe chứ, chị Walker? Chị gặp anh trai của tôi rồi nhỉ. Với hai đứa con trời sợ của tôi nữa. À đây là anh em Chim Én mà hóa ra ngoan ngoãn hơn là ai đó từng nghĩ ấy nhỉ.”

Cả cô Blackett cũng đã nghe thấy tin tức, dù cô sống ở tận bên kia hồ mé cảng Rio.

“Thôi,” bác Dixon lên tiếng, “chắc bác phải đi đây, nếu các cô các cậu ăn xong chỗ trong xô kia. Bác phải cho gà ăn, còn ông nhà chắc đang muốn đi trông đàn cừu đây mà.”

Cả hai bà mẹ cùng thuyền trưởng Flint và anh chị em nhà Chim Én lẫn Amazon cùng lên tiếng cảm ơn bác Dixon đã mang điếm tâm bổ dưỡng

đến cho mọi người.

“Ôi dào, chả có gì sánh bằng cháo cả,” bác Dixon đáp. “Thôi bác nghĩ chắc sẽ không gặp các cô cậu mỗi sáng nữa đâu nhỉ. Rồi bác sẽ nhớ lắm cho xem. Bác đã quen với việc trông ngóng các cô cậu đến rồi. Nhưng chắc sang năm các cô các cậu sẽ lại đến thôi.”

“Mọi năm ạ. Từ đây đến suốt đời ạ,” Titty đáp.

“Phải phải, bọn ta ai cũng nghĩ thế khi còn trẻ con,” bác Dixon bảo.

Bác trai Dixon, đang chờ dưới thuyền, khi nãy có nói “Chào buổi sáng” lúc đi lên, bây giờ lại nói “Tạm biệt mọi người,” khi chèo đưa bác gái đi. Bác này lúc nào cũng là một tay thổ dân kiệm lời.

Còn mấy người kia thì không hề kiệm lời. Họ nói hoài nói mãi, toàn mấy chuyện thổ dân, về cơn bão và vụ trộm. Thỉnh thoảng họ hỏi mấy câu làm đám Amazon thấy khó trả lời quá, dù thuyền trưởng Flint có đỡ lời cho. Đến cả bác Jackson, người thổ dân khỏe mạnh từ nông trại Holly Howe, cũng muốn biết chính xác làm sao đám Chim Én lại tìm thấy cái hộp.

Cuối cùng rồi câu chuyện giữa thổ dân cũng vơi dần.

“Thôi ta thu dọn đồ đạc đi nhỉ?” cô Blackett bảo hai đứa Amazon. “Hai đứa chất hết đồ xuống xuồng cũng được, rồi về cùng mẹ, mình kéo thuyền *Amazon* theo sau.”

“Kéo *Amazon* đi á!” Nancy kinh hãi thốt lên. “Bọn con sẽ dong buồm tự về Bọn con không muốn được cứu vớt gì cả.”

“Chỗ này ẩm ướt quá rồi,” mẹ của đám Chim Én lên tiếng. “Mấy con phải theo mẹ về Holly Howe thôi.”

“Chưa đâu mẹ,” Titty nài nỉ. “Bọn con khô ráo cả mà, còn lại nguyên cả hộp bò khô nữa, cả đồng bánh mì ngọt, với lại hôm nay là ngày cuối của bọn con mà.”

Bị một cơn lũ thổ dân lừa về nhà thì thật ẽ chề quá đi, dù đó có là những thổ dân đáng yêu nhất cũng vậy. Một nửa niềm vui trong việc thám hiểm vùng đất hẻo lánh chính là cuối cùng được dong buồm trở về cơ mà. Với lại con bé phải nói lời chào tạm biệt hòn đảo nữa chứ. John, Susan và Roger cũng năn nỉ được ở lại. Còn Nancy với Peggy chỉ đơn giản là khẳng không muốn về.

“Thế nhớ trời lại trở gió thì sao?” mẹ đám Chim Én hỏi.

Đến đây thì thuyền trưởng Flint lên tiếng.

“Không trở gió nữa đâu chị ạ. Đây chỉ là đợt mưa đông đầu tiên trong mùa thu ở vùng chúng tôi thôi. Lúc này gió đang tản đi rồi, đến trước tối nay mà có trời yên biển lặng thì tôi cũng sẽ không ngạc nhiên gì cả. Ngày mai có thể có mưa, nhưng hôm nay thì tôi gần như cam đoan là thời tiết sẽ tốt.”

Và thế là mọi chuyện được dàn xếp. Những thứ không cần cho hôm ấy đầu được chất xuống thuyền của bác Jackson để mang về Holly Howe, hoặc chất lên xuồng máy nếu là đồ của Amazon. Xuồng sẽ kéo thuyền của bác Jackson đến tận vịnh vào Holly Howe, để hai bà mẹ có thể ngẩng chung ca bin. “Chúng ta có nhiều chuyện để nói lắm,” cô Blackett giảng giải.

“Về chuyện năm tới lại đến ấy ạ?” Peggy và Titty đồng thanh.

“Chắc vậy quá,” hai bà mẹ cùng đáp.

Đầu tiên là chất đồ lên thuyền bác Jackson. Thuyền trưởng Flint phụ một tay, nên cũng chẳng mất bao lâu. Hai túi lều sưng nước được cuộn lại. “Bác trải ra phơi khô sau vậy,” bác Jackson bảo. Mền thì được nhét cả vào một túi. Nancy muốn trút hết rơm trong túi ngủ ra để nhóm đọt lửa trại cuối cùng. “Không được,” bác Jackson bảo, “chỗ rơm này còn tốt lắm.” Vậy là rơm được để dành cho bò ăn. Tất cả đồ đạc của nhà Chim Én được chất lên thuyền bác Jackson. Chất bằng hết chỉ còn chừa lại ấm nước để pha trà, đồ ăn thức uống cho ngày hôm ấy, lều vệt và hộp thiếc của John.

“Con không cần giữ nó mà,” mẹ bảo.

“Hộp này chứa giấy tờ tàu con trong ấy,” thuyền trưởng John đáp.

“Bọn con sẽ giữ lều lại,” thuyền trưởng Nancy bảo, “nhưng không cần túi ngủ với mấy thứ khác đâu ạ.”

Rốt cuộc đám thổ dân cũng sẵn sàng ra về

Thuyền trưởng Flint nói, “Tạm biệt nhé.”

“Bác cũng đi sao?” Titty hỏi.

“Bác đi chung xuồng với mấy người kia,” ông đáp. “Bác có chút chuyện muốn nói với mẹ cháu về sang năm ấy mà. Với lại bác có nhiều việc phải làm lắm, vì mai đã phải đi London rồi. Lại còn phải lo chuyện con khỉ nữa, cháu biết mà. Nhưng về chiều bác sẽ chờ các cháu.”

Cuối cùng rã xuồng cũng nổ máy xinh xịch, xinh xịch, rời xa khỏi đảo, hai bên kéo theo hai thuyền chèo, thuyền trưởng Flint cầm dây neo ngắn, bác Jackson cầm dây neo dài, từ hai góc phải và trái mạn xuồng. Đám thổ dân vẫy tay khi xuồng dời đi.

“Tạm biệt nhé mấy đứa Chim Én,” cô Blackett gọi lớn. “Cô mong được gặp lại các cháu.”

“Đừng về muộn đấy,” mẹ gọi. “Nếu mấy đứa về đến nhà trước bảy giờ, mẹ sẽ bế Vicky xuống nhà thuyền. Con bé muốn gặp mặt các thủy thủ ngoài khơi trở về nhà mang theo con vẹt ấy mà. Tạm biệt nhé các bé Amazon.”

“Tạm biệt, tạm biệt ạ,” Nancy và Peggy đồng thanh. “Cô hứa sang năm quay lại chứ ạ?”

“Ừ sẽ quay lại,” mẹ đáp.

*

Sau khi mọi người đi khỏi, bọn nhỏ hai nhà Chim Én và Amazon nhìn nhau. Đứa nào cũng ủ rũ.

“Mấy người thổ dân này,” Nancy than. “Đông quá chùng đi. Họ biến mọi chuyện thành một chuyến picnic mất tiêu.”

“Mẹ đâu có làm thế,” Titty phản đối.

“Mẹ bọn chị cũng vậy khi mẹ có một mình thôi,” Nancy bảo.

“Với lại thuyền trưởng Flint khi riêng một mình thì chẳng hề giống thổ dân chút nào,” Titty nói thêm.

“Chỉ là khi họ tụm lại với nhau,” Nancy nói. “Bọn họ chẳng cần lòng được, thật tội nghiệp quá.”

“Mà thôi, họ đi cả rã,” Peggy nói. “Ta tiếp tục vụ đắm tàu nào. Hôm nay là ngày sau khi chúng ta dạt vào bờ. Giờ thì chúng ta phải ổn định cuộc sống trong hai mươi năm nữa để mà ngóng tìm tàu đi ngang qua.”

“Nhưng chi đâu nay chúng ta về nhà rã mà,” Roger nói.

“Em đâu cần phải nói thế,” Titty nhắc.

Nhưng chẳng ích gì. Đứa nào cũng hiểu, nên chẳng đứa nào trở lại với tâm trạng như trước được.

“Bọn mình tát nước trên thuyền thôi,” John lên tiếng.

Vậy đỡ hơn. Đây là chuyện cần phải làm. Cả hai thuyền ngập nước. Mấy thanh ván ngang đang bốc hơi khô dần đi dưới ánh nắng, mà nắng thì nóng như thiêu, nhưng mấy cánh buồm vẫn còn ướt. Cả bọn giương buồm lên hong, rồi quay trở lại trại.

Khu trại trông bé hơn. Có hai khoảnh đất tai tái u ám nơi lều của nhà Chim Én từng được dựng lên và làm bạc màu đám cỏ bên dưới tấm lót lều vì đã che chúng khỏi ánh mặt trời. Lều của đám Amazon đứng chỏng chơ tro trọi không có bạn đứng cùng.

“Thôi nào,” Nancy bảo. “Ngả nào mình cũng phải hạ lều thôi - ý là giặt sập nó ấy - nên bắt tay vào cho rồi.”

Nhỡ mấy cọc lều ra khỏi viền mép vải bố ướt thật khó nhằn làm sao, nhưng tất cả cùng phụ vào. Lều được cuộn lại. Mấy cọc lều được gỡ ra thành nhiều khúc, bó lại với nhau, gói trong tấm trải.

Hai nhà Chim Én và Amazon buồm rồi nhìn quanh khu cắm trại, chỉ còn lại chỗ đốt lửa trại đang âm ỉ cháy, hai khoảnh đất vuông u ám nơi từng dựng lều, lều vệt dưới vạt nắng, ấm nước của Susan, vài cái cốc, hộp bơ khô cùng ổ bánh mì ngọt và hộp thiếc của John, để cho thấy đây từng là nhà của những nhà thám hiểm cùng bọn cướp biển bằng hữu.

“Khi bọn mình đi rồi,” Titty nói, “kẻ khác sẽ phát hiện ra nơi này. Họ sẽ biết đây là khu trại nhờ vào chỗ đốt lửa, nhưng họ sẽ nghĩ là do thổ dân dựng lên.”

“Nếu có kẻ nào chiếm chỗ này thì bọn mình sẽ thui hấn ngay,” Nancy Blackett bảo. “Đây là đảo của chúng ta, của bọn tớ và của các cậu, chúng ta sẽ bảo vệ nó chống lại bất cứ ai.”

“Cuối hè này bọn mình sẽ phải đi học,” Peggy thông báo.

“Bọn này cũng vậy,” Susan bảo.

“Hừ, bọn mình có đi học mãi đâu,” Nancy bảo. “Bọn mình sẽ lớn lên, rồi sẽ sống ở đây quanh năm suốt tháng.”

“Bọn này cũng thế,” Titty phụ họa, “và vào mùa đông mình sẽ tìm thức ăn trên băng ngoài rìa đá.”

“Ngày nào đó anh sẽ đi biển,” John bảo, “cả Roger nữa. Nhưng bọn anh sẽ luôn trở lại đây trong mấy ngày phép.”

“Em sẽ mang theo con khỉ,” Roger nói.

“Còn con vẹt thì sẽ luôn đến đây,” Titty thêm.

“Thôi, quanh quần đây chẳng vui gì cả,” Nancy rút gọn. “Ta ra khơi nào.”

Những thứ để lại được mang xuống cảng chắt lên thuyền. Susan trút nước trong ấm vào đồng lửa. Titty mang con vẹt đi quanh khắp đảo, để khi về nhà nó sẽ nhớ được những nơi mà con bé ưa thích. Đến phút cuối John vọt nhớ ra sợi dây thừng dùng để kéo đèn trên cây hải đăng. Cậu chạy ngược lên đấy tháo một đầu thừng ra, để sợi dây tuột khỏi cành cây cao trên kia rơi thịch xuống nền đất ẩm. Cậu cuộn thừng lại mang xuống bến.

Rồi cả bọn dong buồm ra khơi. Sóng đã dịu bớt, cả gió cũng thế, nhưng mặt hồ còn động lắm.

“Gió thổi hướng Nam,” thuyền trưởng Nancy thông báo. “Bọn mình đi vát tới. Bọn tớ biết một chỗ cập vào tốt lắm xuôi dưới hồ kia. Rồi khi đó sẽ đón được gió xuôi hướng đưa chúng ta về”

“Bọn tớ sẽ đi theo sau,” thuyền trưởng John bảo. Cậu muốn thuyền cuối cùng rời khỏi đảo phải là *Chim Én*.

Trên thuyền *Chim Én*, Roger ngẩng đầu mũi, thuyền viên Titty cùng lồng vẹt to tướng ngẩng dưới lòng thuyền ngay sau cột buồm chính, còn Susan và John ngẩng cuối đuôi thuyền. John cầm lái.

Vừa đưa được thuyền *Chim Én* ra khỏi bến và thuyền đang chạy vát gió mạn trái, thì Titty, này giờ đang trò chuyện với con vẹt, bỗng lên tiếng, “Thưa thuyền trưởng John, ta làm sao đưa Polly vào danh sách thủy thủ đoàn được nhỉ?”

“Bọn mình có thuyền trưởng thuyền phó, thuyền viên và bãi tàu rồi. Anh sẽ ký lệnh cho nó làm vẹt của thuyền,” thuyền trưởng John đáp.

“Anh có giấy tờ của thuyền đây không?” Titty hỏi. “Nếu mà đăng ký cho nó vào danh sách trên thuyền sau khi chuyển hành trình chấm dứt thì chẳng còn ý nghĩa gì nữa.”

John chuyển tay lái cho thuyền phó, mở hộp thiếc của mình, lôi ra nhật ký hải trình đã được mọi người ký tên, từ hồi nào hồi nào, trên mồm Darien ấy. Có cả khối chỗ để chêm thêm một nhân sự vào. Cậu viết vào, “Polly, vẹt của thuyền.” Đoạn cậu trao tờ giấy cho thuyền viên.

“Em phải ký vào thay cho nó,” cậu bảo.

Nhưng thuyền viên đã mở lồng vẹt, con vẹt hiện ngang bước ra, như thể nó biết mình đang được vời đến có việc.

“Mày không hẳn là ký được,” Titty nói. “Nhưng cũng có nhiều thủy thủ không biết ký lắm. Mày phải làm ướt vuốt chân bản của mày rồi in dấu lên thôi.”

“Đừng ăn tám,” con vẹt quang quác.

“Nó đang đòi lương đấy,” John bảo.

Thuyền viên Titty làm ướt cái vuốt dư dấy của con vẹt rồi đặt tờ giấy xuống dưới. Con vẹt bước chắc nịch lên đúng chỗ để lại dấu vuốt chân, dù là nó đã để cho một đầu vuốt đâm thủng giấy.

Titty viết lên bên cạnh, “Polly: điếm chỉ.”

“Chuẩn bị trở buồm này,” Susan la lớn, John và Titty thụp đầu xuống khi sào buồm sạt ngang qua, thuyền *Chim Én* lướt vòng trượt khỏi một đợt gió, thoáng trù trù rồi hăm hờ băng băng qua con sóng.

“*Amazon* trông có đẹp không chứ?” Susan vừa hỏi vừa nhìn ra con thuyền buồm trắng nhỏ bé phía trước, với ngọn cờ trắng đen phấp phới cùng hai thủy thủ đầu đội mũ đỏ.

“*Chim Én* nhìn cũng chẳng kém cạnh gì,” thuyền trưởng John bảo.

“Còn xinh hơn ấy chứ,” Titty thêm. “Bọn mình có buồm màu nâu mà.”

Cả bọn dong buồm, chạy vát từ bờ này sang bờ kia rồi trở lại, cho đến khi cách cầu tàu thủy phía cuối hồ chừng một dặm.

Đến đây thì một trong những chiếc tàu hơi nước thật to của hồ đi ngang qua bọn chúng, tàu đầy khách là khách, bọn họ đều dấn sang một bên tàu mà chỉ trở. Viên thuyền trưởng, đang cầm lái tàu, lôi ống nhòm ra, nhìn qua đấy mà quan sát thuyền *Chim Én* bé bỏng. Lúc này thì tin tức đã lan khắp Rio, đầu hồ cuối hồ về việc đám *Chim Én* đã tìm thấy cái rương bị đánh cắp ở nhà bè của ông Turner.

Thốt nhiên một loạt hò reo vang vọng khắp mặt nước, tung hô tung hô mãi. Những người khách trên tàu vẫy vẫy nón, rồi hét toáng.

“Mấy thổ dân trên cái tàu hơi nước kia bị gì ấy nhỉ?” Roger thắc mắc.

Rồi một thủy thủ chạy ra sau cột cờ phía đuôi tàu, hạ lá cờ hiệu to tướng màu đỏ xuống lưng chừng cột, rồi lại giương lên.

“Bọn họ đang tung hô chúng ta đấy,” thuyền trưởng John vừa nói vừa đảo lưng mặt mày. “Kính quá đi thôi.”

“Họ đang chào ấy mà,” Susan bảo. “Mình không phải đáp lại sao? Đám Amazon đang đáp lại đấy.”

Cả bọn có thể thấy Peggy ở dây leo buồm, đang bận rộn kéo lên hạ xuống lá cờ hải tặc.

Titty nhốt con vệt vào lồng, hạ cờ của *Chim Én* xuống, rồi lại kéo lên.

“May là bọn mình sắp đi rồi,” thuyền trưởng John bảo. “Đến sang năm thì họ sẽ quên thôi.”

Con tàu hơi nước to tướng hồi hải đi tiếp. *Amazon* hướng vào một vịnh nhỏ bên bờ Tây của hồ Thuyền *Chim Én* đi theo. Cây cối rậm rạp mọc ven vịnh nhỏ này, một dòng suối nhỏ đổ vào đấy. *Chim Én* và *Amazon* cập vào gần miệng suối.

“Vùng này đẹp quá,” thuyền trưởng John thán phục.

“Là một trong những chốn riêng mà bọn tớ ưa thích nhất đấy,” thuyền trưởng Nancy đáp. “Hoàn toàn không một bóng thổ dân. Đường lộ cách đây cả dặm phía bên kia cánh rừng. Chưa ai từng đến đây trừ bọn tớ ra, và không ai có thể trông thấy bọn tớ ở đây, kể cả từ ngoài sông nhìn vào, trừ phi họ tình cờ nhìn thẳng vào thôi.”

Bọn nhỏ đốt lửa đun nước ngay cạnh con lạch nhỏ, sau trận mưa đêm qua con lạch ồ ạt tháo nước. Củi rêu ven bờ còn ướt nhẹp, nhưng chúng tìm thấy trong rừng vài cành củi khô. Chúng nhóm lửa bằng một nhúm rong khô. Cũng không dễ dàng gì, nhưng một khi đã bắt lửa, thì lửa cũng cháy được lâu đủ để đun sôi nước. Nơi đây, cách xa hòn đảo, chúng cùng trải qua ngày cuối, cho đến khi thuyền trưởng Nancy để ý thấy mặt nước hồ ồ ồ như đã lặng hoàn toàn.

“Sẽ mất nhiều thời gian để quay thuyền về nhà lắm đây,” cô bé nói. “Mệnh lệnh là gì đây, thưa đô đốc?”

John giật mình. Nãy giờ cậu mãi nghĩ đến chuyện khác.

“Hải đoàn dong buồm quay về hướng Bắc nào,” cậu bảo.

Hai chiếc thuyền bé con chầm chậm rời khỏi vịnh nước nhỏ mà hòa ra hồ lớn. Gió rất nhẹ, dù thi thoảng một cơn gió hây hây từ hướng Nam giúp chúng và làm sẫm màu mấy con sóng be bé lặng thinh.

“Tôi qua chẳng ai ngờ được là gió có thể thổi như thế này đâu nhỉ,” Roger nói.

Cả bọn cho thuyền chạy ngược lên hồ với sào buồm lộng gió. Khói đang bốc lên phía các cánh rừng trên sườn đồi cao cao. Bọn nhỏ còn nghe được tiếng rìu của mấy người thợ đốt than trong không trung giờ đang yên lặng.

“Bọn họ vẫn còn ở đây khi bọn mình đã đi rồi,” Titty nói.

“Ai cơ?” Susan hỏi.

“Mấy kẻ man di ấy,” Titty đáp.

Gió lặng dần. Sào căng buồm quạt ra sau, thi thoảng dây kéo buồm sà rê trong nước.

“Thuyền viên, em ngẩng phía mạn khuất gió đi nào,” John bảo. “Ngẩng thế để sào căng buồm vung ra ngoài.”

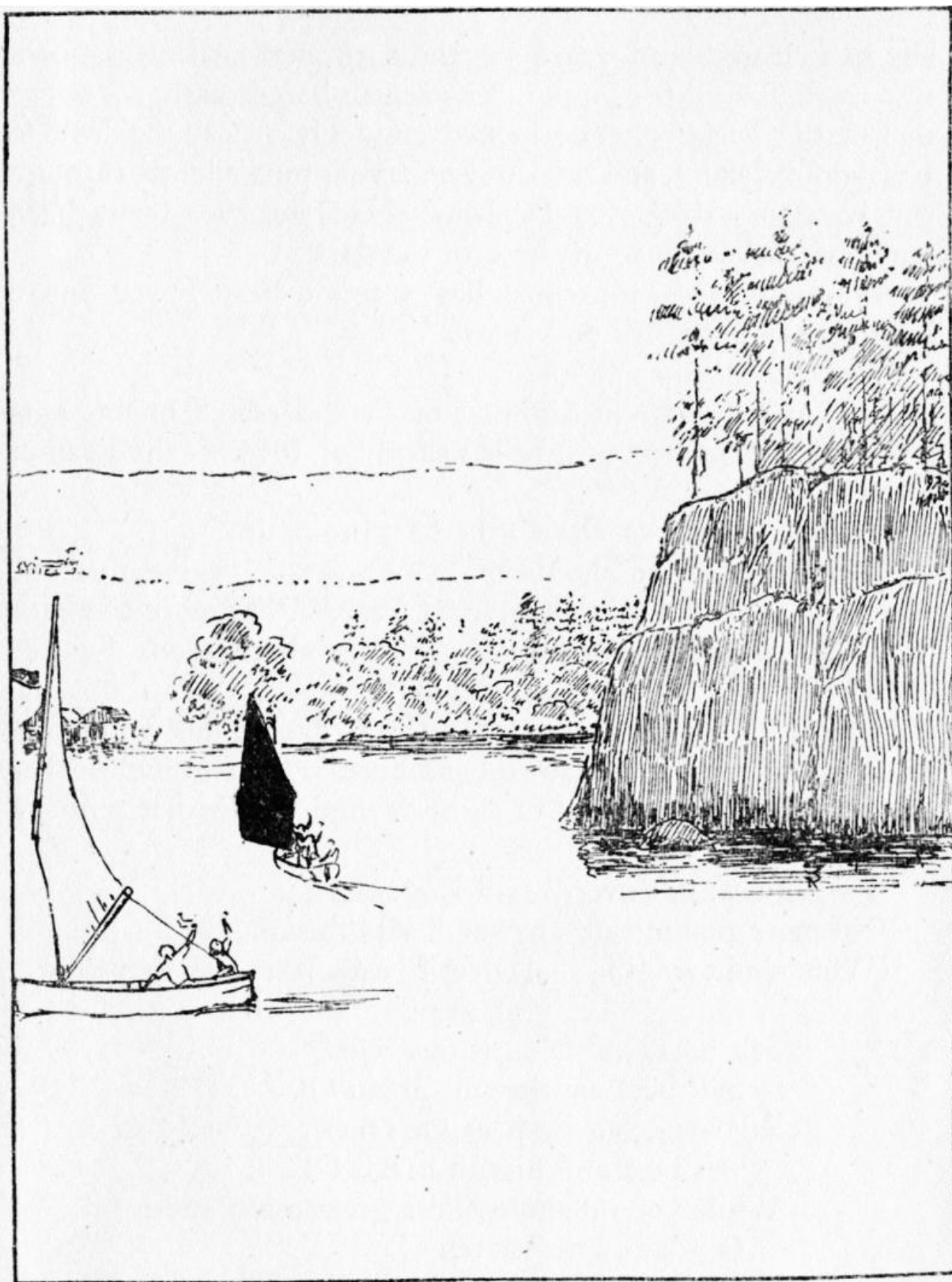
Nancy trên thuyền *Amazon* đang ngẩng dưới mạn khuất gió cũng vì lý do đó.

“Mình chèo thì hay hơn chẳng?” Roger đề nghị.

“Em muốn xuồng máy chứ gì,” thuyền trưởng John đáp.

“Đâu có đâu,” Roger bảo. “Thuyền buồm mới chất.”

Hải đoàn từ từ lướt qua đảo Mèo Hoang. Hòn đảo lại trở thành hoang đảo không người sinh sống như Titty đã quan sát trong bao nhiêu ngày từ mỏm Darien. Ấy thế nhưng, giờ nó không còn là hòn đảo ấy nữa. John vừa nhìn lại đảo, vừa nhớ đến bến cảng và mấy ngọn đèn hiệu cùng lần cậu bơi vòng quanh đảo, với cả lần trèo lên cái cây to kia nữa. Đối với Roger thì đây sẽ luôn là nơi lần đầu tiên thằng bé bơi được. Còn với Susan đó lại là khu cắm trại và chăm sóc nhà cửa cùng nấu nướng cho một đại gia đình. Titty nghĩ về hòn đảo như đảo của Robinson Crusoe. Đây là đảo của nó hơn là của ai khác vì nó từng sống trên đó một mình mà. Nó nhớ lại lỗi mòn mình đã phát quang, nhớ lại vụ lần bước trong đêm tối, nghe thấy tiếng cú rúc. Nó nhớ về con chim hét nước. Nhớ lại lúc đưa *Amazon* ra khỏi cảng. Đột nhiên nó nhìn ngang hồ sang đảo Chim Cốc và rồi nhìn đến thuyền *Amazon* đang lặng lẽ lướt trên mặt nước cách đây một đoạn. Có thật là nó đã từng neo thuyền *Amazon* ngoài kia giữa đêm tối hay không?



GIÃ BIỆT!

Khi bọn nhỏ chạy ngang qua vịnh Nhà Bè, thuyền trưởng Flint chèo ra chào từ biệt lần nữa.

“Tạm biệt ạ,” cả bọn đồng thanh.

“Hẹn sang năm nhé,” ông ta gọi lớn đáp lại, rồi dừng tay chèo mà nhìn theo hải đoàn chần chập trôi về phía mỏm Darien.

Đến dưới mỏm Darien thì hải đoàn tách ra.

Lại thêm nhiều tiếng gọi to “Tạm biệt,” “Nhớ Liên minh nhé,” rồi thêm “Sang năm lại đến nhé.” “Hô to ba tiếng chào đảo Mèo Hoang nào,” John gọi lớn. Cả bọn cùng hô. “Ba tiếng cho đoàn Chim Én,” Nancy la lên. “Cho cả Amazon nữa,” bọn trẻ đáp lại. John xoay chỉều đổi theo hướng gió và đứng lên hướng vào nhà thuyền của Holly Howe. *Amazon* vẫn chạy tiếp. Chẳng mấy chốc thuyền đã khuất dạng phía sau mũi xa nhất của vịnh.

“Em ước sao mọi chuyện vẫn chưa kết thúc,” Roger nói.

“Mà thôi, không phải ăn bò khô nữa,” Susan bảo.

“Hay bọn mình hát bài ‘Thịt bò muối’ đi?” Titty đề nghị. Thế là cả bọn cùng hát:

“Bò muối, bò muối ời mừng quá,

Bò muối với bích quy ôi ôi!

Bò muối bò muối ời mừng quá,

Bò muối với bích quy ôi ôi!

Khi lên bờ chén thêm nhiều món

Món ngon lành ôi là nhiều món!

Đừng có quên gã bạn thuyền xưa,

Là la lá la, là lá la!”

“Susan là gã bạn thuyền ngày xưa,” Roger nói.

“Đứa nào cũng vậy hết,” John bảo.

“Thế các bài người ta hát vào cuối cuộc hành trình là gì ấy nhỉ?” Susan thắc mắc.

Titty cất lời, cả đám còn lại lập tức hòa theo, vì đứa nào cũng biết:

“Ô ta sớm nghe sếp già ra lệnh,

Này Johnny, rời đi, rời khỏi thuyền đi.

Cậu lên bờ mà lĩnh tí tiền lương,

Đã đến lúc ta rời thuyền đây cậu.
Rời khỏi thuyền như một người dũng mãnh,
Johnny hỡi, hãy rời thuyền đi, rời thuyền.
Rời đi Johnny, rời đi khi còn được,
Đã đến lúc ta rời khỏi thuyền rồi.”

“Ai là Johnny mới được?” Roger hỏi. “A kìa, mẹ với Vicky đang đi xuống đồng kìa.”



CHIM ÉN VÀ AMAZON MUÔN NĂM!

[1] Ruthless: tàn nhẫn. Ruth: lòng trắc ẩn.

[2] Chòm Đại Hùng Tinh.

[3] Án tử mà hải tặc gửi cho nhau.

[4] Tên gọi Thái Lan thời xưa.

Table of Contents

Start

1 Mỏm Darien

2 Chuẩn bị hành trang

3 Hành trình ra đảo

4 Căng khuất

5 Đêm đầu tiên trên đảo

6 Cuộc sống trên đảo

7 Tiếp tục cuộc sống trên đảo

8 Đầu lâu xương chéo

9 Mũi tên cắm lông xanh

10 Hòa đàm

11 Liên minh

12 Đèn hiệu

13 Những người thợ đốt than

14 Bức thư của thuyền trưởng Flint

15 Thuyền trưởng John đi gặp thuyền trưởng Flint

16 Tiệc sinh nhật

17 Xuôi gió

18 Robinson Crusoe và Thứ Sáu

19 Sông Amazon

20 Titty đơn độc

21 Nhà Chim Én trong bóng đêm

22 Lá cờ trắng

23 Xả hơi

24 Tin không vui từ nhà bè

25 Thuyền trưởng Flint nhận được Chấm Đen

26 Ông ta dàn hòa rồi lại tuyên chiến

27 Trận chiến trên vịnh Nhà Bè

28 Kho báu trên đảo Chim Cốc

29 Hai loại cá

30 Bão

31 Đoàn thủy thủ trở về